**Tịnh Độ Đại Kinh Giải Diễn Nghĩa**

**Giảng Kinh Vô Lượng Lần Thứ XI**

**Quyển 11/60**

Chủ giảng: Lão pháp sư Tịnh Không

Mục Lục

[Tập 111 2](#_Toc420907549)

[Tập 112 22](#_Toc420907550)

[Tập 113 40](#_Toc420907551)

[Tập 114 62](#_Toc420907552)

[Tập 115 82](#_Toc420907553)

[Tập 116 102](#_Toc420907554)

[Tập 117 118](#_Toc420907555)

[Tập 118 137](#_Toc420907556)

[Tập 119 157](#_Toc420907557)

[Tập 120 177](#_Toc420907558)

# Tập 111

Chuyển ngữ: Bửu Quang Tự đệ tử Như Hòa
Giảo duyệt: Huệ Trang và Đức Phong

 Chư vị pháp sư, chư vị đồng học, xin mời ngồi xuống. Xin xem Đại Thừa Vô Lượng Thọ Kinh Giải, trang một trăm ba mươi mốt, dòng thứ ba từ dưới đếm lên:

 *“Vị giáo Bồ Tát, tác A Xà Lê. Thường tập tương ứng vô biên chư hạnh”* (vì dạy Bồ Tát, làm A Xà Lê, thường tập vô biên các hạnh tương ứng). Trước kia, tôi chia hai câu kinh văn này thành hai đoạn:

 - Kể từ *“thăng Quán Đảnh giai”* là thọ ký sự hộ trì của Phật. *“Thăng Quán Đảnh giai, thọ Bồ Đề ký”*, hai câu này là thọ ký. *“Vị giáo Bồ Tát, tác A Xà Lê”*, hai câu này là *“thị giáo”*, tức là thực hiện sự giáo học cho mọi người thấy, nêu tấm gương tốt đẹp.

 - Câu kế đó là *“thường tập tương ứng vô biên chư hạnh”* nói đến sự tương ứng. Giáo học nhất định phải tương ứng, tương ứng với Tánh Đức.

 Chúng ta xem lời chú giải của Hoàng lão cư sĩ: *“A Xà Lê dịch vi Giáo Thọ”* (A Xà Lê dịch là Giáo Thọ), A Xà Lê (Ācārya)là tiếng Phạn, dịch sang nghĩa tiếng Hán là Giáo Thọ, tức là tiếng xưng hô dành cho một vị thầy trong nhà trường. *“Hựu dịch Quỹ Phạm Sư”* (còn dịch là Quỹ Phạm Sư), dịch cách khác, ta cũng thường đọc thấy cách dịch này trong kinh điển. Quỹ (軌) là quỹ đạo (đường lối), Phạm (範) là mô phạm, [chữ Quỹ Phạm Sư hàm ý] tư tưởng, kiến giải, và ngôn hạnh của vị thầy ấy có thể làm gương cho chúng ta, làm mẫu cho học trò, cũng như làm nề nếp cho học trò học tập. Chẳng thể lệch khỏi quỹ đạo, nhất định phải đi theo quỹ đạo, giống như xe lửa quyết định chẳng thể rời khỏi đường rầy, bao hàm ý nghĩa này! Tiếp theo đó là lời giải thích: *“Nãi quỹ phạm chánh hạnh, vị Tăng sư phạm giả chi tôn xưng”* (tức là nêu chánh hạnh khuôn phép, là tiếng tôn xưng vị thầy làm khuôn mẫu cho Tăng chúng), là thầy của người xuất gia. Nói theo thực tại thì cũng là như chúng ta thường nói *“học vi nhân sư, hành vi thế phạm”* (học làm thầy người, hạnh làm khuôn mẫu cho cõi đời), *“quỹ phạm chánh hạnh”* chính là *“hành vi thế phạm”*, *“vi tăng sư phạm”* là *“học vi nhân sư”.* Do đó, A Xà Lê là tôn xưng.

 *“Thông chỉ giáo thọ thiện pháp chi sư”* ([là từ ngữ] chỉ chung các vị thầy truyền dạy pháp lành), định nghĩa ở đây rất rõ ràng và cũng rất đơn giản: Ngài là vị thầy truyền dạy thiện pháp thì mới có thể gọi là A Xà Lê. Cũng có khi tỉnh lược, gọi là Xà Lê, cũng được, chúng ta thường thấy gọi là Xà Lê. *“Kim kinh thừa ‘thăng Quán Đảnh giai’ nhi ngôn, nãi chuyên chỉ Chân Ngôn A Xà Lê, hựu xưng Kim Cang A Xà Lê”* (trong kinh này, do nói tiếp ngay theo câu “lên địa vị Quán Đảnh”, nên [chữ A Xà Lê ở đây] chuyên chỉ Chân Ngôn A Xà Lê, còn gọi là Kim Cang A Xà Lê). Trong phần trước kinh này, đã nói *“thăng Quán Đảnh giai”*, Mật Tông thường nói như vậy. Do vậy, kinh Đại Thừa Vô Lượng Thọ là Viên Giáo, giáo nghĩa của tám giáo Đại Thừa đều được bao hàm trong ấy. Bởi lẽ, trong kinh này có giáo nghĩa Mật Tông, có giáo nghĩa Thiền Tông, như Hoa Nghiêm, Pháp Hoa, Pháp Tướng Duy Thức, cho đến Luật Tông, thảy đều có. Vì thế, từ các câu kinh văn, chúng ta thường có thể thấy và hiểu kinh này mới là kinh điển chí cao vô thượng đại viên mãn. Do tiếp ngay theo câu *“thăng Quán Đảnh giai, thọ Bồ Đề ký”* trước đó, nên cũng có thể nói [chữ A Xà Lê] ở đây [dùng theo ngữ cảnh] Mật Tông, chuyên chỉ Chân Ngôn A Xà Lê, còn gọi là Kim Cang A Xà Lê.

 *“Nãi thiệu thừa Kim Cang Tát Đỏa tổ vị, tác truyền pháp quán đảnh giả chi xưng hiệu”* (chính là cách gọi người kế thừa ngôi vị Tổ của ngài Kim Cang Tát Đỏa làm người truyền pháp quán đảnh), đây là một cách xưng hô trong Mật Tông, [tiếp nối] Kim Cang Tát Đỏa tổ vị. Kim Cang Tát Đỏa (Vajrasattva) còn được gọi là Kim Cang Thủ Bồ Tát (Vajrapāni). Chân Ngôn Tông là Mật Tông. Trong tám vị tổ sư của Mật Tông [[1]](#footnote-2)[1], đây là vị tổ đời thứ hai. Đại Nhật Như Lai là đệ nhất tổ, là sơ tổ, Kim Cang Thủ Bồ Tát là nhị tổ. Vị tổ sư này có quan hệ rất mật thiết với Hoa Nghiêm, vì Ngài chính là Phổ Hiền Bồ Tát trong kinh Hoa Nghiêm. Phổ Hiền Bồ Tát là nhị tổ trong Mật Tông. Trong Mật Tông, không gọi Ngài là Phổ Hiền, mà gọi là Kim Cang Tát Đỏa, hoặc là Kim Cang Thủ Bồ Tát [[2]](#footnote-3)[2]. Hiển và Mật là một Thể, Mật là Mật của Hiển, Hiển là Hiển của Mật. Nói cách khác, Hiển giáo là hiển thuyết của Mật Tông. Mật Tông là mật thuyết của Hiển Giáo, là một, không hai! Vì sao có nhiều phương thức giáo học như thế? Vì căn tánh của chúng sanh khác nhau. Pháp Thân đại sĩ, chư Phật Như Lai luôn tùy thuận tâm của chúng sanh để ứng với khả năng nhận biết của họ. Nói cách khác, Pháp Thân Bồ Tát, chư Phật Như Lai quyết định chẳng khởi tâm động niệm, chúng ta nhất định phải nhận biết rõ ràng điều này.

 Thuở Thích Ca Mâu Ni Phật thị hiện trên địa cầu này, chúng ta nhìn vào giai đoạn lịch sử ấy, trong tám tướng thành đạo, tướng thứ bảy là Chuyển Pháp Luân. Từ cung trời Đâu Suất giáng hạ, có khởi tâm động niệm hay không? Chẳng có. Nếu khởi tâm động niệm, Ngài là phàm phu, không chỉ chẳng thể xưng là Phật, mà ngay cả danh hiệu Pháp Thân Bồ Tát cũng chẳng kham nổi! Chứng đắc Pháp Thân, Pháp Thân là gì? Tất cả hết thảy hiện tượng trọn khắp pháp giới hư không giới đều gọi là Pháp Thân. Pháp là vạn pháp, vạn pháp nhất Thể thì gọi là Pháp Thân. Đến khi nào quý vị có thể chứng đắc, [sẽ nhận biết] nó (Pháp Thân) ở ngay trước mặt, chưa hề rời khỏi. Vì sao chúng ta mê? Do đã mê nên mới có phân biệt, mới có chấp trước, mới có khởi tâm động niệm. Phân biệt, chấp trước là trật rồi, chẳng biết vạn pháp và chính mình là một Thể! Khi nào quý vị đã giác ngộ, nói theo Phật pháp là “thật sự buông khởi tâm động niệm, phân biệt, chấp trước xuống”, khi ấy, quý vị liền biết khắp pháp giới hư không giới và chính mình là một Thể. Như trong Hoàn Nguyên Quán đã nói, vũ trụ rốt cuộc là chuyện như thế nào? Vốn là một Thể, từ một Thể khởi ra hai tác dụng. Hai tác dụng ấy, một là chánh báo, hai là y báo. Chánh báo là chính mình, y báo là hoàn cảnh mà chúng ta nương tựa vào để sinh tồn và hoạt động. Tiểu hoàn cảnh là một gia đình, đại hoàn cảnh là toàn thể vũ trụ. Những thứ ấy do đâu mà có? Từ một Thể hiển lộ.

 Hiển lộ như thế nào? Đã mê bèn hiện, đã giác ngộ sẽ chẳng hiện, chẳng còn nữa. Vì thế, trong Chứng Đạo Ca, Vĩnh Gia đại sư đã nói rất hay: *“Mộng lý minh minh hữu lục thú”* (trong mộng rành rành phô sáu nẻo), mộng là mê! Khi mê, rõ ràng có lục đạo luân hồi, có mười pháp giới. *“Giác hậu không không vô đại thiên”* (giác rồi ba cõi rỗng toang hoang), sau khi giác ngộ, sẽ chẳng còn nữa. Sau khi đã giác, sẽ là cảnh giới gì? Cảnh giới Thường Tịch Quang, là cảnh giới cao nhất trong Tịnh Độ Tông chúng ta, Thường Tịch Quang! Thường Tịch Quang là tự tánh, đã giác ngộ bèn trở về tự tánh. Khi đã mê, từ tự tánh biến hiện một hiện tượng hư huyễn, chẳng thực tại, hiện tượng ấy được gọi là “mười pháp giới”. Bất luận là chánh báo hay y báo, đức Thế Tôn dạy, chúng có các đặc tánh, được gọi là *“tam biến”* (ba thứ trọn khắp), tức *“tam chủng châu biến”:*

1) Thứ nhất là trọn khắp pháp giới. Trọn khắp pháp giới là gì? Nói theo danh từ khoa học hiện thời là “năng lượng” hoặc “dao động”. Bất luận hiện tượng vật chất hay hiện tượng tinh thần, toàn bộ đều do dao động biến hiện. Chẳng có dao động, sẽ chẳng có cảnh giới ấy, chẳng có A Lại Da. Vì thế, một niệm bất giác thì sự bất giác ấy là dao động, nên mới sanh ra hiện tượng, phát sanh hiện tượng tinh thần và hiện tượng vật chất. Quý vị thấy sự dao động ấy có tốc độ lớn chừng nào? Rất nhanh! Ý niệm vừa mới dấy lên bèn trọn khắp pháp giới, vì sao? Pháp Tánh là một Thể, là tự tánh thanh tịnh viên minh thể, là một Thể. Người Trung Quốc có nói: *“Khiên nhất phát nhi động toàn thân”* (lôi một sợi tóc mà động toàn thân), chúng ta kéo một sợi tóc, toàn thân đều cảm thấy đau đớn. Vì sao? Nó là một Thể. Cho nên một niệm vừa khởi bèn trọn khắp pháp giới. Pháp giới và chính mình là một Thể; do vậy, gọi là Pháp Thân. Quý vị đã thừa nhận Pháp Thân, khẳng định nó, chẳng hoài nghi chút nào. Vạn sự vạn vật trong khắp pháp giới hư không giới và chính mình là một Thể, đó gọi là *“chứng đắc Pháp Thân”.*

 Người chứng đắc Pháp Thân bèn thành Phật. Nay chúng ta nghe đức Phật dạy trong kinh như thế, vẫn chẳng thừa nhận. Ai thừa nhận vạn sự vạn vật và chúng ta là một Thể? Chẳng có ai thừa nhận, đó là gì? Phàm phu. Nếu quý vị hỏi Pháp Thân Bồ Tát, hỏi chư Phật Như Lai: “Núi, sông, đại địa, cây cối hoa cỏ có cùng một Thể với quý vị hay không?” [Các Ngài sẽ đáp]: “Đúng vậy. Chẳng sai tí nào! Đúng là một Thể”. Vì sao? Bất luận tinh thần hay vật chất của chúng ta, nhục thân là một hiện tượng. Một niệm vừa động [trong tâm ta], toàn bộ các hiện tượng đều nhận biết [ý niệm ấy], núi, sông, đại địa đều biết. Nếu không biết thì tốt quá, vì sao? Chúng sanh tạo tác ác nghiệp, [do các hiện tượng đều không biết nên] núi, sông, đại địa sẽ chẳng có nhiều phiền phức như thế! Lại nữa, động đất, phong tai, thủy tai gì gì đi nữa, do chúng chẳng có tri giác, sẽ không có những hiện tượng [tai nạn] ấy. Chính vì chúng ta vừa động một niệm, chúng nó biết ngay, nên có phản ứng. Chúng ta dấy động một thiện niệm, chúng có thiện phản ứng. Chúng ta dấy động một niệm bất thiện, chúng liền phản ứng bất thiện. Ý niệm tham lam, nước hiện tiền, nên thủy tai hiện tiền. Ý niệm sân hận, núi lửa bùng nổ, nhiệt độ tăng lên. Ý niệm ngu si, phong tai hiện tiền. Ngạo mạn là động đất. Các tai nạn thiên nhiên là do ý niệm bất thiện của chúng ta dẫn khởi! Nếu ý niệm của chúng ta tốt lành, sẽ đúng như đức Phật đã dạy: *“Tức diệt tham, sân, si, cần tu Giới, Định, Huệ”* (dứt diệt tham, sân, si, siêng tu Giới, Định, Huệ), núi, sông, đại địa và thế giới Cực Lạc bèn như nhau.

 Đại địa kiên cố nói trong kinh Địa Tạng sẽ không bị loạn, sẽ chẳng có động đất, cũng không có thủy tai, hạn hán, chẳng có những tình hình như thế, mà là mưa hòa, gió thuận. Là vì tất cả hết thảy hiện tượng vật chất và hiện tượng tinh thần giống như được nối vào mạng lưới Internet của chúng ta trong hiện thời, hễ ta vừa động, toàn bộ chúng nó đều biết. Vì thế, toàn thể vũ trụ và chính mình là một Thể. Toàn thể vũ trụ là sống động, chẳng chết cứng, nó có thể thấy, nghe, hiểu ý nghĩ của con người. Mấy năm trước, tiến sĩ Giang Bổn Thắng của Nhật Bản đã làm thí nghiệm với nước, phát hiện nước là vật chất, nhưng có thể thấy, nghe, hiểu ý nghĩ con người, biến hóa theo ý niệm của chúng ta. Nước có thể [phản ứng như vậy]. Lại xét tới những hiện tượng vật chất khác, chúng đều có thể, cây cối, hoa, cỏ cũng có thể. Có người đã thí nghiệm trên hai cây bồn tài (bonsai). Đối với hai cây bonsai, dùng thời gian và phương thức vun bón giống hệt như nhau. Vun bón thành công, quý vị thấy hai cây giống như nhau, đem chúng làm thí nghiệm. Hai chậu đặt ở hai góc phòng. Bên này đặt một chậu, quý vị mỗi ngày cười với nó, nói: “Ta rất thích ngươi, rất yêu mến ngươi”. Còn với chậu kia thì: “Tao ghét mày quá, chẳng ưa mày!” Sau hai tuần, chậu mỗi ngày cười với nó sẽ hết sức tươi tốt. Chậu mỗi ngày bị quở đáng ghét sẽ dần dần khô héo, chết khô. Quý vị thấy đó: Cây hiểu ý niệm của con người! Đó là nói về cây cối, hoa cỏ. Chúng tôi hiểu đạo lý này; vì thế, tại Úc, chúng tôi trồng một vườn rau lớn, và cũng trồng rất nhiều cây ăn trái. Vườn rất lớn, trồng hơn ba mươi loại cây ăn trái. Chúng tôi hiểu rõ đạo lý này, để cho hoa, cỏ, cây cối mỗi ngày đều nghe Phật hiệu, hoặc mỗi ngày nghe nhạc Phật giáo. Chúng tôi đi qua, đều gọi hoa, cỏ, cây cối là Bồ Tát, cung cung kính kính, cây cối bèn sanh trưởng thật tốt. Chúng tôi chẳng dùng phân bón hóa học, cũng chẳng dùng thuốc sát trùng, hoa nở rất đẹp, quả phát triển rất tươi ngon. Những nông dân trồng cây ăn quả ở gần đó đến thăm chúng tôi, đều kinh ngạc: “Các vị dùng phương pháp gì mà trồng ngon lành như vậy?” Sau đấy, chúng tôi bảo họ, dùng thiện tâm thiện ý để vun bồi. Vì thế, thiện tâm thiện ý đối với núi, sông, đại địa, chúng sẽ không bị loạn động, chẳng có những tai nạn. Chúng ta phải hiểu đạo lý này.

 *“Tương ứng”* có nghĩa là “khế hợp”. Trong Phật pháp, nói theo Đại Thừa Phật pháp, chẳng có gì không tương ứng. *“Như tam mật tương ứng dữ cảnh trí tương ứng”* (như tam mật tương ứng và cảnh trí tương ứng): *“Cảnh”* là hoàn cảnh bên ngoài, nay chúng ta gọi là hoàn cảnh vật chất. Nay chúng ta gọi *“trí”* là hoàn cảnh tinh thần. Tam Mật là công phu tu hành. *“Tam”* là gì? Chỉ thân, khẩu, ý, thân phải lễ kính, đối với hết thảy chúng sanh phải biết lễ kính; khẩu nghiệp tán thán; ý là trong tâm cung kính, có lòng thành kính, chân thành cung kính, biểu hiện ra ngoài là lễ, lễ độ. Đối với người như thế, mà đối với sự cũng là như thế, đối với thiên địa vạn vật cũng là như thế, đó là gì? Đó là Tánh Đức trong tự tánh của chúng ta. Phật, Bồ Tát làm được, chúng ta chẳng thể tưởng tượng cảnh giới của các Ngài, trong giáo pháp Đại Thừa thường nói là *“tự tánh chẳng thể nghĩ bàn”.* Kiến tánh, cũng là tự tánh chẳng có lớn hay nhỏ, tự tánh chẳng có trước hay sau, tự tánh chẳng có xa hay gần, chúng ta không có cách nào tưởng tượng điều này. Trong tự tánh thanh tịnh tịch diệt, Phật pháp thường nói là *“cảnh giới Đại Bát Niết Bàn”*, sống động, hoạt bát, chẳng chết cứng! Tuy trong tự tánh thứ gì cũng chẳng có, nhưng thứ gì nó cũng đều có thể hiện. Do nó có thể hiện, nên chẳng thể nói nó là Không. Do những hình tượng được hiện ấy là huyễn tướng, nên quý vị chẳng thể nói nó là Có, vì sao? Nó là tướng sanh diệt, tốc độ sanh diệt nhanh chóng, nhục nhãn của chúng ta nhìn chẳng ra!

 Hiện thời, các nhà Lượng Tử Lực Học bảo chúng ta, những điều họ nói giống như trong kinh Phật đã nói. Tốc độ [sanh diệt] nhanh chóng, chúng ta chẳng có cách nào tưởng tượng được, quá nhanh! Trong kinh Phật nói là một cái khảy ngón tay, trong cuộc đối thoại giữa Di Lặc Bồ Tát và đức Thế Tôn, [Di Lặc Bồ Tát đã nói] trong một cái khảy ngón tay có bao nhiêu niệm? Niệm ấy là một niệm sanh diệt, *“ba mươi hai ức trăm ngàn niệm”*. Lấy trăm ngàn làm đơn vị, một trăm ngàn là mười vạn, ba mươi hai ức nhân với mười vạn là ba trăm hai mươi triệu, quý vị thấy một cái khảy ngón tay là ba trăm hai mươi triệu niệm. Nếu chúng ta khảy nhanh, tôi tin tưởng có người khảy nhanh hơn tôi, một giây có thể khảy năm lần. Nếu khảy năm lần, ba trăm hai mươi triệu nhân với năm, một giây có bao nhiêu lần? Một ngàn sáu trăm triệu, làm sao chúng ta tưởng tượng được? Vì thế, tướng ấy có thật hay chăng? Chẳng thật. Chúng ta xem những hiện tượng ấy, các nhà Lượng Tử Lực Học đã cho chúng ta biết đó là gì? Vốn là những ý niệm tích lũy liên tục sanh ra huyễn tướng. Huyễn tướng ấy rất nhiều, mỗi tướng khác nhau, rất nhiều là vì tần suất [dao động] của chúng khác nhau. Tần suất chậm sẽ biến thành chất rắn, chúng ta gọi các vật ấy là hiện tượng vật chất. Hiện tượng vật chất hết sức cứng chắc, giống như kim cương, đá quý, [chúng do các ý niệm dao động với] tần suất chậm [biến ra]. [Tần suất] nhanh hơn một chút, vật chất sẽ khá lỏng lẻo. Hơi nhanh hơn một chút thì vẫn là hiện tượng vật chất, nhưng chẳng cứng chắc như thế. Nếu nhanh hơn chút nữa, sẽ biến thành thực vật, biến thành nhục thể của chúng ta. Nhanh nhất, tức là như sóng điện từ trong khoa học hiện đại, đó là tốc độ nhanh chóng. Do tần suất [dao động] khác nhau [mà có các huyễn tướng khác nhau], các nhà khoa học hiện thời đã nói như thế.

 Chúng ta biết tam mật tương ứng và cảnh trí tương ứng, vậy thì chúng ta khởi tâm động niệm, ngôn ngữ, tạo tác, tự nhiên phải cẩn thận, thận trọng. Chớ nên dấy lên vọng niệm, chớ nên nói bừa, chuyện tà ác quyết định chớ nên làm. Khởi tâm động niệm nhất định tương ứng với Tánh Đức, vì sao? Tánh Đức là tận thiện tận mỹ, tổ tiên Trung Quốc đã nói *“bổn tánh bổn thiện”*, đó là tự tánh, là Tánh Đức. Hễ tương phản thì chẳng phải là tự tánh, đó là sai lầm. Hiện thời, địa cầu trở thành nông nỗi này là do nhân gì? Người sống trên địa cầu này, đại đa số đã trái nghịch Tánh Đức, tam nghiệp chẳng tương ứng với cảnh trí, cho nên mới biến thành tam đồ lục đạo, biến thành nông nỗi ấy! Khi chẳng sanh biến hóa thì như thế nào? Chẳng sanh biến hóa thì cũng là tam mật và cảnh trí hoàn toàn tương ứng. Người Hoa nói *“minh đức, thân dân, chỉ ư chí thiện”*, hoàn toàn tương ứng với Tánh Đức, đó là thế giới gì? Cõi Thật Báo Trang Nghiêm của chư Phật Như Lai, là thế giới Cực Lạc được giới thiệu trong kinh Vô Lượng Thọ, là thế giới Hoa Tạng của Tỳ Lô Giá Na Phật được giới thiệu trong kinh Hoa Nghiêm, hoàn toàn tương ứng [với những thế giới ấy].

 Do vậy, có thể biết: Nay chúng ta sống trong hoàn cảnh này là hoàn cảnh bất hảo, chớ nên oán trời, trách người, vì sao? Tâm hạnh của chính chúng ta bất thiện đã biến hiện cảnh giới ấy. Có lẽ có người nói “tâm hạnh của tôi rất tốt lành, cớ sao phải ở chung với những người ấy?” Đó là do chúng ta có chung cộng nghiệp với họ; cũng có nghĩa là người trên quả địa cầu này, vạn sự vạn vật đều có duyên với ta. Họ tạo tác bất thiện, ta tạo tác thiện pháp, thiện và bất thiện dung hợp, thiện biến thành bất thiện, mức độ bất thiện bị giảm nhẹ, hòa hoãn hơn! Có nghĩa là gì? Người hành thiện giúp kẻ bất thiện tiêu tan tội nghiệp, chẳng phải là như vậy hay sao? Có phải là chuyện tốt đẹp hay không? Là chuyện tốt đẹp. Chúng ta có bị mắc hại hay không? Chẳng có! Quyết định chẳng bị hại mảy may nào! Nếu do tai nạn ngoài ý muốn, chúng ta cũng chết thì có bị hại hay không? Chẳng có! Đã chết bèn sanh về thế giới Cực Lạc, chết rồi bèn sanh về Tịnh Độ của chư Phật, hoặc là chết rồi bèn sanh vào thiên đạo, đó là chuyện tốt, chẳng phải là chuyện xấu. Kẻ tạo tội nghiệp bất thiện, cũng chết trong tai nạn ấy, nhưng chết rồi sẽ sanh vào tam đồ, vì sao? Hòng tiêu trừ tội nghiệp, đó là chuyện tốt, không phải chuyện xấu. Người hành thiện cũng là chuyện tốt, đến hưởng phước trên cõi trời, đến Tịnh Độ của chư Phật, chẳng có gì không phải là chuyện tốt! Nếu quý vị thật sự giác ngộ, nhìn thấu suốt, mỗi người trên thế gian này đều là người tốt, mọi chuyện đều là chuyện tốt, trong thế gian này, quý vị sẽ tâm bình khí hòa. Quý vị hiểu rõ rệt, minh bạch, biết chính mình phải làm cách nào hòng thành tựu chính mình, giúp đỡ chúng sanh. Đó là thật sự giác ngộ.

 *“Mật Tông dĩ tam mật tương ứng chi chỉ vi chủ”* (Mật Tông coi tông chỉ “tam mật tương ứng” là chủ yếu), đó là phương pháp tu hành trong Mật Tông. Trên thực tế, phương pháp niệm Phật của chúng ta và phương pháp của họ hết sức tương ứng, rất gần gũi. Tam Mật là “miệng niệm chú, ý quán tưởng, tay kết ấn”. Tay kết ấn thuộc về thân nghiệp, quý vị thấy thân - khẩu - ý tương ứng. Chúng ta là đệ tử Phật môn, thông thường hễ trông thấy người khác bèn chắp tay “A Di Đà Phật”, xá người khác, đó là tam mật tương ứng. Chắp tay chính là thủ ấn, là kết ấn. Chắp tay có nghĩa là gì? Mười đầu ngón tay tượng trưng cái tâm rất tán loạn của chúng ta, vọng niệm rất nhiều. Chắp tay có ý nghĩa thâu hồi ý niệm của chúng ta, thâu hồi vọng niệm lại, biểu thị sự cung kính. Ta nhất tâm, nhất tâm là cung kính; do vậy, chắp tay biểu thị cung kính, đó là kết ấn. Trong tâm biểu lộ thành kính, miệng tán thán, lễ kính và tán thán cũng là tam mật tương ứng. Khi chúng ta niệm Phật, miệng niệm *“Nam-mô A Di Đà Phật”*, chắp tay là kết ấn, hoặc cầm xâu chuỗi cũng là kết ấn. Trên tay cầm xâu chuỗi có nghĩa là gì? Bình thường, xâu chuỗi biểu thị hai tác dụng:

 1) Một tác dụng là nhắc nhở chính mình niệm Phật, sợ quên mất. Rất nhiều người niệm Phật, niệm đến cuối cùng chẳng biết đã quên bẵng lúc nào, tâm chẳng biết đã chạy đến đâu rồi, cho nên xâu chuỗi nhắc nhở quý vị.

 2) Thứ hai là xâu chuỗi để đếm số, ta mỗi ngày niệm Phật bao nhiêu câu, đếm số [để có công khóa nhất định]!

 Có hai tác dụng ấy! Thông thường, đếm số lúc mới sơ học, nhiếp tâm [bằng cách] đếm số, còn nhắc nhở là đối với những người tu hành đã lâu, niệm Phật đã có công phu kha khá, sợ “thất niệm”. Thất niệm là quên mất, tâm chạy theo vọng tưởng, quên khuấy Phật hiệu. Vì thế, [xâu chuỗi] nhằm nhắc nhở quý vị, có hai loại ý nghĩa ấy.

 Trong tâm nghĩ tưởng A Di Đà Phật, Đại Thế Chí Bồ Tát dạy chúng ta: *“Ức Phật, niệm Phật, hiện tiền đương lai, tất định kiến Phật”* (nhớ Phật, niệm Phật, hiện tại, tương lai, nhất định thấy Phật). Ức Phật là nghĩ tới Phật, trong tâm thường nghĩ tới A Di Đà Phật. Vì thế, khi đã niệm thuộc kinh Vô Lượng Thọ sẽ tốt lắm. Nghĩ tới công đức, đại nguyện, sự tu hành, đại từ đại bi phổ độ chúng sanh của A Di Đà Phật, chẳng nghĩ gì khác, đó gọi là Ức Phật. Niệm Phật, trì danh hiệu Phật, vì sao? A Di Đà Phật dạy chúng ta như vậy. Nếu quý vị muốn vãng sanh Tây Phương Cực Lạc thế giới, hãy thường thường chấp trì danh hiệu. *“Chấp”* (執) là chấp trước, *“trì”* (持) là bảo trì (gìn giữ), chớ nên vứt bỏ. Phật pháp luôn dạy chúng ta buông xuống, chỉ riêng Phật hiệu là chẳng thể buông xuống. Buông Phật hiệu xuống, quý vị chẳng có gì để nương cậy! Thứ gì cũng buông xuống, nhưng chuyên môn chấp trước Phật hiệu. Thứ này giống như phi thuyền bay trong vũ trụ, câu Phật hiệu này là tuyến đường bay. Chỉ cần noi theo Phật hiệu, quý vị chẳng bị lạc khỏi tuyến đường hành trình, nó sẽ dẫn quý vị đến thế giới Cực Lạc. Do một câu Phật hiệu niệm niệm đều tương ứng với Tây Phương Cực Lạc thế giới, tâm chúng ta khởi niệm ở nơi đây, A Di Đà Phật ở bên kia liền nhận được. Niệm niệm tương ứng, chẳng lạc lối mảy may, phương pháp này mầu nhiệm tột bậc! Quý vị đừng hỏi thế giới Cực Lạc ở nơi đâu, chỉ cần giữ vững danh hiệu ấy, chắc chắn sẽ đạt đến. Đánh mất danh hiệu này, có thể sẽ đi sai chỗ, chẳng đến được! A Di Đà Phật dạy chúng ta phương pháp này là có lý, tuyệt đối chớ nên lầm lỡ, phải biết phương pháp này là trọng yếu, phương pháp này cũng là một loại Mật pháp.

 *“Vị linh chúng sanh thân khẩu ý tam nghiệp đốn khế Như Lai tam mật, cố tức thân thành Phật. Cố Mật Tông diệc xưng Tương Ứng Tông”* (Vì khiến cho ba nghiệp thân, khẩu, ý của chúng sanh nhanh chóng khế hợp tam mật của Như Lai, cho nên thành Phật ngay trong thân này. Do đó, Mật Tông còn gọi là Tương Ứng Tông). Quý vị xét xem, Tịnh Độ của chúng ta có phải là Tương Ứng Tông hay không? Có cùng một ý nghĩa! Vì thế, tu hành phải thâm nhập một môn, huân tu lâu dài. Khi tổ sư tiếp dẫn đại chúng đã có *“thù thắng dị phương tiện”* (phương pháp lạ lùng thù thắng), *“dị”* (異) là pháp phương tiện khác biệt, nêu ra như thế nào? Thiền Tịnh song tu, hoặc Mật Tịnh song tu, nêu ra các phương pháp ấy. Phải biết: Đó là phương tiện thiện xảo của tổ sư vì quý vị quá chấp trước Thiền. Bảo quý vị buông Thiền xuống để chuyên tu Tịnh Độ, quý vị chẳng đành lòng, chẳng muốn, sẽ nẩy sanh phiền não. Tổ sư thấy rất rõ ràng, biết quý vị tu Thiền chẳng thành công, khuyên quý vị học Tịnh Độ thì quý vị lại chẳng chịu, bèn dùng pháp phương tiện, [bảo] Thiền Tịnh song tu tốt lắm: *“Có Thiền, có Tịnh Độ, giống như cọp đội sừng”*! Quý vị vừa nghe nói như thế bèn thích thú, cũng niệm Phật kèm thêm. Trên thực tế, nhằm vào ý nghĩa gì? Quý vị tu Thiền chẳng thành công, tu Tịnh bèn thành công, dùng phương pháp như vậy đó. Chúng ta đã tu Tịnh Độ, lại muốn tu Thiền thì trật mất rồi! Tổ sư chẳng nói lời ấy với chúng ta, quý vị đi theo con đường này là chánh xác, đã đi đúng rồi, đừng đi vào ngõ rẽ! Nhìn từ chỗ này, quý vị nhìn vào kinh văn, thấy Tịnh và Mật chẳng hai! Mật là Tịnh, Tịnh là Mật. Hơn nữa, Tịnh và Mật có quan hệ càng mật thiết hơn, vì sao? Đều là tu tâm thanh tịnh. Tịnh Độ tu tâm thanh tịnh, Mật cũng là tu tâm thanh tịnh, cho nên càng gần gũi; nhưng Tịnh thuận tiện hơn Mật, Mật đòi hỏi phải có căn cơ kha khá!

 Lão cư sĩ Hoàng Niệm Tổ bảo tôi: *“Hiện thời học Mật chẳng có ai thành tựu!”* Tôi đến thăm lão nhân gia ở Bắc Kinh, có mấy lần nhắc tới vấn đề này. Trong thời đại này, từ nay về sau, Thiền và Mật đều chẳng thể nào thành tựu, thật sự có thể thành tựu thì chỉ có trì danh niệm Phật! Trong kinh, đức Phật đã dạy điều này, chắc chắn chẳng giả, pháp môn này có thể độ chúng sanh trong một trăm năm cuối cùng của thời Mạt Pháp. Trong một trăm năm cuối cùng ấy, kinh giáo nhà Phật hoàn toàn biến mất trên thế gian này, chẳng còn nữa. Chúng sanh chẳng có phước, kinh giáo hoàn toàn mất đi, nhưng hãy còn có một câu hồng danh sáu chữ *“nam-mô A Di Đà Phật”* trên thế gian. Trong một trăm năm cuối cùng, có người niệm câu Phật hiệu này thì cũng có thể vãng sanh. Vì vậy, trong thời kỳ Mạt Pháp, Tịnh Độ thành tựu, đức Phật đã tuyên thuyết điều này.

 *“Thử tứ cú dữ tiền ‘thăng Quán Đảnh giai’ nhị cú, thâm biểu Mật Tịnh bất nhị chi chỉ”* (bốn câu này và hai câu “lên địa vị Quán Đảnh” trong phần trước biểu thị sâu xa ý chỉ “Mật - Tịnh bất nhị”), xác thực là chúng ta có thể hiểu được. *“Biểu hội trung chư đại sĩ, vị hoằng Mật Thừa, nãi giáo đạo chư Bồ Tát, thành vi Kim Cang A Xà* *Lê, cố bổn thân hằng thường tu tập vô lượng vô biên tương ứng chi hạnh”* (biểu thị các vị đại sĩ trong hội vì hoằng dương Mật Thừa, để dạy các vị Bồ Tát trở thành Kim Cang A Xà Lê. Do vậy, bản thân thường luôn tu tập vô lượng vô biên hạnh tương ứng). Nay chúng ta hiểu *“thường luôn tu tập vô lượng vô biên hạnh tương ứng”* chính là một câu danh hiệu này, trong tâm thật sự có A Di Đà Phật. Phải biến A Di Đà Phật thành bậc ngưỡng mộ nhất, ưa thích nhất, tôn kính nhất, niệm niệm chẳng quên trong tâm chúng ta. Trong tâm quý vị thật sự có Phật, miệng chẳng lìa danh hiệu, thân chẳng lìa lễ Phật. Bình thường, đối với người, đối với sự, đối với vật, hết thảy cung kính, thân nghiệp tương ứng. Trong khóa lễ sáng tối, có thể lễ bái một trăm lạy, đó là người bình thường, khóa sáng lạy Phật một trăm lạy, khóa tối lạy Phật một trăm lạy, rất hữu ích khiến cho thân thể mạnh khỏe. Lạy Phật là vận động hết sức tốt. Lạy Phật đừng nên dùng đệm lạy, hãy lễ trực tiếp trên sàn thì quý vị mới có thể thâu được hiệu quả từ sự vận động. Nếu có đệm lạy rất cao, sẽ chẳng thâu được hiệu quả này. Thân tâm khỏe mạnh, tam mật tương ứng.

 Trong câu tiếp theo, trong quá khứ, tôi đọc câu này liền với câu trên: *“Thường tập tương ứng vô biên chư hạnh, thành thục Bồ Tát vô biên thiện căn”* (thường tu tập vô biên các hạnh tương ứng, thành thục vô biên căn lành của Bồ Tát). Trong Khoa Phán, tôi phân chia theo cách như vậy, có hơi khác đôi chút so với cụ Niệm Tổ. Câu kết thúc là *“vô biên chư Phật hàm cộng hộ niệm”* (vô biên chư Phật đều cùng hộ niệm). Đây là một đoạn nhỏ cuối cùng trong phân đoạn này, [nói về] sự hộ niệm của Phật, [thường gọi tắt là] *“Phật hộ”.* Đối với thiện căn, thành thục vô biên thiện căn của Bồ Tát. *“Thiện căn giả, thân, khẩu, ý tam nghiệp chi thiện, cố bất khả bạt, vị chi Căn”* (Thiện căn là điều lành nơi ba nghiệp thân, khẩu, ý, vững chắc, chẳng thể nhổ trừ, nên gọi là Căn), đây là ý nghĩa thứ nhất của chữ Căn. Trong tam nghiệp thiện, nói theo mặt Sự, đối với những điều thiện nơi thân trong Thập Thiện Nghiệp Đạo, quý vị gìn giữ hết sức kiên định, làm được một trăm phần trăm: Thân chẳng sát sanh, chẳng trộm cắp, chẳng tà dâm, đó là ba điều thiện nơi thân. Miệng có bốn điều thiện, chẳng vọng ngữ, không nói đôi chiều, không nói thêu dệt, không ác khẩu. Ý cũng có ba điều thiện, tức là chẳng tham, chẳng sân, chẳng si. Thực hiện Thập Thiện một trăm phần trăm là ai? Thưa cùng chư vị, Pháp Thân Bồ Tát thật sự làm được. Quan sát cẩn thận, từ khởi tâm động niệm, ngôn ngữ, tạo tác, từ sự đãi người tiếp vật trong cuộc sống hằng ngày của người ấy, quý vị hãy quan sát kỹ lưỡng, từ Thập Thiện mở rộng thành tám vạn bốn ngàn tế hạnh, thiện hạnh đấy! Đó chính là *“thành thục Bồ Tát vô biên thiện căn”* như trong phần trước đã nói. Con số *“tám vạn bốn ngàn”* được nói trong kinh chẳng phải là giả, quý vị hãy phân tích từng chuyện, đúng là tám vạn bốn ngàn. Trên thực tế, tám vạn bốn ngàn lại mở rộng ra sẽ là vô lượng vô biên.

 Tiếp đó, còn có một ý nghĩa nữa: *“Hựu thiện năng sanh diệu quả, xuất sanh dư thiện, cố vị chi Căn”* (Lại nữa, thiện có thể sanh ra thiện quả, sanh ra các điều lành khác, nên gọi là Căn). Dùng điều này để tỷ dụ, giống như cây cối, hoa, cỏ có rễ. Từ thiện căn, từ Căn ấy có thể sanh ra vô lượng vô biên thiện pháp. Hết thảy các thiện pháp thế gian và xuất thế gian đều chẳng lìa mười thiện nghiệp ấy; do vậy, Thập Thiện Nghiệp là cội rễ của tất cả hết thảy thiện pháp. Tương phản của Thập Thiện là Thập Ác, đó là mười thứ bất thiện, cũng là nói tất cả hết thảy bất thiện, vô lượng vô biên bất thiện nghiệp của chúng sanh trong tam giới lục đạo đều sanh từ Thập Ác. Chúng ta biết thiện hạnh và ác nghiệp rốt cuộc là chuyện như thế nào, quý vị thấy rõ ràng, thấy minh bạch. Chúng ta mong mỏi làm thiện nhân, hay là mong làm ác nhân, bất thiện? Tư tưởng và ngôn hạnh tương ứng với Thập Ác, toàn bộ đều xấu xa. Là kẻ tương ứng với Thập Ác, chắc chắn thân thể chẳng khỏe mạnh. Thân thể có bệnh, chắc chắn hoàn cảnh cư trụ có rất nhiều tai nạn. Tai nạn có hữu hình và vô hình, vô hình chỉ điều gì? Nhục nhãn chẳng trông thấy oán thân trái chủ, nhưng họ luôn quanh quẩn bên quý vị, nhiễu loạn quý vị. Vì sao? Do nghiệp lực bất thiện cảm vời. Nếu quý vị thật sự tu Thập Thiện, thân, ngữ, ý nghiệp tương ứng với Thập Thiện Nghiệp, giữ vững chẳng bỏ, quý vị chẳng nhìn thấy những thiện thần ở quanh quý vị ủng hộ, cung kính quý vị. Quý vị là người tốt, họ đến giúp quý vị thành tựu thiện hạnh. [Những chuyện này] đều chẳng tách rời nghiệp cảm. Vì thế, thiện nhân có thiện quả, ác nhân có ác báo.

 Đệ Tử Quy hướng dẫn trẻ nhỏ, thực hiện Thập Thiện từ đâu? Thực hiện từ Đệ Tử Quy, thực hiện từ Cảm Ứng Thiên, sau đấy, Thập Thiện mới có Căn. Chẳng có Cảm Ứng Thiên, chẳng có Đệ Tử Quy thì Thập Thiện chẳng có Căn. Thời cổ, bất luận xuất gia hay tại gia học Phật, vì sao có thành tựu tốt đẹp như thế? Chẳng có gì khác! Từ bé đã được vun bồi căn cội tốt đẹp. Cha mẹ thật sự yêu thương con cái, vun bồi căn cội tốt đẹp từ bé, đó gọi là *“chân ái hộ”* (thật sự yêu thương). Gốc sâu rễ vững, tăng trưởng, bất luận trong cảnh duyên nào, đếu chẳng bị biến đổi. Do vậy, có thể nào chẳng thể cảm ân cha mẹ? Cha mẹ sanh ra chúng ta, nuôi nấng, giáo dục chúng ta, ân đức ấy quá lớn. Cha mẹ dưỡng thành cội rễ ấy, Phật, Bồ Tát tiếp tục dạy bảo quý vị, trong một đời này, quý vị có thể thành Phật, thành Bồ Tát. Phật, Bồ Tát là thầy của chúng ta, tức là A Xà Lê của chúng ta. A Xà Lê là Giáo Thọ, hoặc Quỹ Phạm Sư, là vị thầy giúp chúng ta thành tựu. Người sống trong thế gian phải cảm ân, cội rễ của cảm ân là cha mẹ và sư trưởng, đấy là cội nguồn! Nếu chẳng có hai loại cội rễ ấy, bất hiếu cha mẹ, bất kính sư trưởng thì trong thế gian này, bố thí, thi ân đối với bất luận người nào hay vật nào toàn là giả dối. Vì sao? Ân huệ ấy chẳng có Căn; do vậy, ân huệ ấy chẳng phải là sống, mà là chết, chẳng có Căn mà! Chớ nên chẳng biết đạo lý này!

 Chúng ta xem tiếp sự hộ niệm trong phần sau, *“vô lượng chư Phật hàm cộng hộ niệm”* (vô lượng chư Phật đều cùng hộ niệm), vì sao? Vì quý vị tương ứng, nên khởi tâm động niệm, ngôn ngữ, tạo tác [của quý vị] chư Phật, Bồ Tát hoàn toàn hay biết. Quý vị là thiện nhân, thiện nam tử, thiện nữ nhân, nay quý vị nhất tâm cầu Vô Thượng Bồ Đề, hiếm có, khó được, chư Phật, Bồ Tát biết khởi tâm động niệm, biết sự phát tâm của quý vị, tự nhiên tương ứng đến hộ trì quý vị, hết thảy thiện thần hộ niệm quý vị. Vì sao? Thiện cảm ứng thiện, ác cảm ứng ác. Nếu quý vị làm chuyện ác thì có cảm ứng là yêu ma quỷ quái đều đến hộ trì, La Sát, ác thần đến hộ trì quý vị, giúp quý vị làm ác, đó là cảm ứng. *“Hộ niệm giả, bảo hộ ức niệm dã. Hội Sớ viết: Hộ vị phú hộ, niệm vị ký niệm”* (Hộ niệm là che chở, nghĩ nhớ. Hội Sớ giảng: “Hộ là che chở, bảo vệ. Niệm là ghi nhớ”). *“Phú hộ”* (覆護) là bảo vệ, hộ trì, là điều quý vị đạt được. Phật, Bồ Tát bảo vệ, hộ trì quý vị. Phật, Bồ Tát thường thường nghĩ nhớ quý vị. Bất luận trong hoàn cảnh nào, Phật, Bồ Tát chẳng hề không chiếu cố. Nếu ý niệm của chúng ta sai trái, niệm niệm đều là tham, sân, si, niệm niệm đều là ngũ dục, lục trần, tôi vừa mới nói rồi đó, cũng có kẻ hộ niệm quý vị: Ma Vương Ba Tuần, La Sát, yêu ma quỷ quái, oán thân trái chủ đều hộ niệm quý vị, trợ giúp quý vị tạo ác. Nói cách khác, họ giúp đỡ, dụ dỗ quý vị đi vào đâu? Vào tam đồ, đến các nơi khác nhau, như địa ngục, ngạ quỷ, súc sanh, đến những nơi đó. Người niệm Phật, Phật hộ niệm quý vị, quý vị sanh về thế giới Cực Lạc. Thiện nhân chẳng niệm Phật, trong tâm muốn sanh lên trời, hoặc muốn đời sau được hưởng phước báo nhân thiên, Phật, Bồ Tát, thiện thần đều gia hộ, hộ niệm quý vị, tâm nguyện nhất định xứng ý đúng lý, nhất định như nguyện. Ở chỗ này, chúng ta thấy kinh giáo nói: Đối hết thảy chúng sanh, chư Phật, Bồ Tát *“tùy tâm ứng lượng”*, [tức là] thuận theo nguyện vọng của quý vị, mà Phật, Bồ Tát thỏa mãn nguyện vọng. Đó là nói rõ sau khi tương ứng, nhất định được hộ niệm!

 *“Tịnh Ảnh Sớ viết: Hộ sử ly ác, niệm linh tăng thiện”* (Tịnh Ảnh Sớ giảng: “Hộ khiến lìa ác, Niệm khiến tăng thiện”). Ngài đã tách hộ niệm ra để giảng, Hộ (護) là gì? Bảo vệ quý vị, giúp quý vị lìa hết thảy ác; Niệm (念) là niệm niệm giúp cho quý vị tăng thiện. Cách giảng này cũng hay lắm! *“Cố tri thử lưỡng cú tổng tán hội trung chư đại sĩ”* (nên biết hai câu này khen ngợi chung các vị đại sĩ trong hội), tán thán chung những vị Bồ Tát tham dự pháp hội, Đại Sĩ là danh xưng để gọi Bồ Tát, *“tuân tu Phổ Hiền chi đức, sử dư Bồ Tát vô biên thiện căn giai đắc thành thục, cố vô lượng chư Phật tất giai hộ niệm”* (tuân tu đức của Phổ Hiền, khiến cho vô biên thiện căn của các vị Bồ Tát khác được chín muồi. Do vậy, vô lượng chư Phật thảy đều hộ niệm). Thuở ấy, đức Thế Tôn mở pháp hội này tại Linh Sơn, vì chúng ta tuyên giảng kinh Vô Lượng Thọ, Bồ Tát tham dự pháp hội lần ấy rất đông. Trong phần trước, kinh văn đã giới thiệu mười sáu vị Chánh Sĩ, trong số ấy, có nhiều vị Bồ Tát từ các phương khác đến, chẳng phải là người trong thế giới Sa Bà. Do vậy, ta có thể biết sự thù thắng của pháp hội. Nhục nhãn của lũ phàm phu chúng ta chẳng trông thấy, nhưng từ A La Hán trở lên đều có thể thấy. Thậm chí Tu Đà Hoàn đã khai thiên nhãn đều có thể trông thấy. Những vị Bồ Tát ấy bất luận là trong cõi này hay nơi phương khác, “cõi này” là nói đến thế giới Sa Bà, khu vực giáo hóa của Thích Ca Mâu Ni Phật là mười ức hệ Ngân Hà, chúng sanh ở trong ấy có bao nhiêu? *“Dư Bồ Tát”* là nói tới các vị Bồ Tát trong mười phương thế giới có duyên với Tịnh Tông, có duyên với A Di Đà Phật, những vị như vậy rất đông! Trong hội này, những vị đại Bồ Tát tu đức của Phổ Hiền đại sĩ có thể ảnh hưởng những vị Bồ Tát có duyên với Tịnh Tông trong mười phương thế giới, giúp họ thành thục thiện căn, nên mới có cách nói này: *“Vô lượng chư Phật thảy đều hộ niệm”*, tức là như kinh văn đã chép: *“Vô lượng chư Phật hàm cộng hộ niệm”*. Sau khi chúng ta đọc xong, sẽ có thể cảm nhận được. Nếu chúng ta thật sự tu Tịnh Độ, tâm chân thành tu Tịnh Độ, nhất tâm nhất ý muốn thấy A Di Đà Phật, ý niệm ấy sẽ cảm vô lượng chư Phật đều cùng hộ niệm. Đức Phật nói kinh này chẳng hề nói dối, câu nào cũng chân thật. Đức của Phổ Hiền được giới thiệu đến đây.

 Phần kinh văn tiếp theo nói đến trí đức của Văn Thù Bồ Tát, những phần trước đều là *“tuân tu Phổ Hiền chi đức”*, Phổ Hiền là hạnh đức, Văn Thù là trí đức. Hạnh cũng phải có trí huệ. Chẳng có trí huệ, tu hành sẽ nẩy sanh vấn đề. Trong Phật pháp, các vị tổ sư đại đức trong quá khứ thường dạy: *“Từ bi vi bổn, phương tiện vi môn”* (từ bi làm gốc, phương tiện làm cửa), đó là Phật pháp, nhưng các Ngài còn nói: *“Từ bi đa họa hại, phương tiện xuất hạ lưu”* (từ bi lắm họa hại, phương tiện thành hạ lưu), đó là gì? Trong từ bi và phương tiện nẩy sanh tác dụng phụ, vì sao nẩy sanh tác dụng phụ? Xử sự bằng cảm tình, vấn đề bèn nẩy sanh. Do vậy, cần phải dùng trí huệ, trí huệ của Văn Thù sẽ không xuất hiện vấn đề. Đều nhằm dạy chúng ta, trong cuộc sống hằng ngày phải dùng lý trí, chớ nên dùng cảm tình. Dùng cảm tình sẽ thường là thiên kiến, dùng trí huệ sẽ chẳng có thiên kiến. Do vậy, đã có hạnh Phổ Hiền, vẫn phải có trí đức của Văn Thù, [hay gọi tắt là] Văn Thù trí. Chúng ta đọc kinh văn:

 ***(Kinh) Chư Phật sát trung, giai năng thị hiện.***

 **(經) 諸 佛 剎 中。皆 能 示 現。**

 *(****Chánh kinh****: Trong các cõi Phật, đều có thể thị hiện).*

 Đây là tướng biểu thị của Văn Thù trí đức. Trí huệ là gì? Trí huệ là thật sự có thể buông xuống, có thể thị hiện trong các cõi Phật.

 ***(Kinh) Thí thiện huyễn sư, hiện chúng dị tướng.***

**(經) 譬 善 幻 師。現 眾 異 相。**

 *(****Chánh kinh****: Ví như người giỏi huyễn thuật, có thể hiện các tướng lạ).*

 Đây là nêu tỷ dụ, *“thiện huyễn sư”* là nhà ảo thuật, tuy chẳng phải là thật, nhưng kẻ ấy có thể hiện ra rất nhiều hình tượng khác nhau!

 ***(Kinh) Ư bỉ tướng trung, thật vô khả đắc.***

**(經) 於 彼 相中。實 無 可 得。**

 *(****Chánh kinh****: Trong các tướng ấy, thật sự chẳng thể được).*

 Các tướng trong tỷ dụ ấy là giả, chẳng thật. Đó là trí huệ, hiển lộ trí huệ.

 ***(Kinh) Thử chư Bồ Tát, diệc phục như thị.***

 **(經) 此 諸 菩 薩。亦 復 如 是。**

 *(****Chánh kinh:*** *Các vị Bồ Tát ấy cũng giống như thế).*

 Do vậy, các Bồ Tát thị hiện trong thế gian này, giáo hóa hết thảy chúng sanh, quyết định chẳng có chấp trước, phân biệt, chẳng khởi tâm động niệm, nên hằng thuận chúng sanh, tùy hỷ công đức. Kinh Lăng Nghiêm đã nói: *“Tùy chúng sanh tâm, ứng sở tri lượng”* (thuận theo tâm chúng sanh, mà ứng hiện phù hợp với khả năng nhận biết của họ). Đây cũng là nói rõ: Hết thảy các pháp sanh từ tâm tưởng, chẳng liên can bất cứ ai. Vì thế, toàn là “tự làm, tự chịu”, phải thừa nhận điều này, chẳng liên can bất cứ ai! Có thể tham cứu thấu suốt đạo lý này, trong bất luận hoàn cảnh nào, quý vị cũng có thể tâm bình khí hòa, chẳng oán trời, trách người. Kẻ tâm bình khí hòa có thể thấy rất rõ ràng. Đó là trí huệ của Văn Thù.

 ***(Kinh) Thông chư pháp tánh, đạt chúng sanh tướng, cúng dường chư Phật, khai đạo quần sanh, hóa hiện kỳ thân, do như điển quang. Liệt ma kiến võng, giải chư triền phược. Viễn siêu Thanh Văn, Bích Chi Phật địa, nhập Không, Vô Tướng, Vô Nguyện pháp môn, thiện lập phương tiện, hiển thị tam thừa.***

 **(經) 通 諸 法 性。達 眾 生 相。供 養 諸 佛。開 導 群 生。化 現 其 身。猶 如 電 光。裂 魔 見 網。解 諸 纏 縛。遠 超 聲 聞 辟 支 佛 地。入 空 無 相 無 願 法 門。善 立 方 便。顯 示 三 乘。**

 *(****Chánh kinh****: Thông hiểu các pháp tánh, thấu hiểu tướng chúng sanh, cúng dường chư Phật, chỉ dạy quần sanh, hóa hiện thân mình giống như tia chớp, xé lưới ma kiến, tháo các triền phược. Vượt xa địa vị Thanh Văn, Bích Chi Phật, nhập pháp môn Không, Vô Tướng, Vô Nguyện, khéo lập phương tiện hiển thị tam thừa).*

 Đoạn này toàn là nói về trí đức của Văn Thù Bồ Tát, chúng ta hãy đọc lời chú giải: *“Thượng nhất đoạn văn”*, [nghĩa là] đoạn văn vừa đọc trên đây, *“tục diễn”* (tiếp tục diễn nói), Tục (續) là tiếp theo, *“Chuyển Pháp Luân* *chi đệ thất tướng”* (tướng thứ bảy là Chuyển Pháp Luân), đã nói về hạnh Phổ Hiền, lại còn có Văn Thù Bồ Tát cần phải nói tiếp, nên tiếp tục diễn nói về tướng Chuyển Pháp Luân thứ bảy. *“Bổn phẩm danh vi Đức Tuân Phổ Hiền, chánh biểu kinh trung Phổ Hiền vị liệt Thượng Thủ chi nghĩa”* (phẩm này có tên là Đức Tuân Phổ Hiền, chính là để biểu thị ý nghĩa: Trong kinh này, ngài Phổ Hiền được xếp vào địa vị Thượng Thủ). Vị Thượng Thủ thứ nhất là Phổ Hiền Bồ Tát, giống như kinh Hoa Nghiêm*. “Cái bổn kinh vi Viên Giáo, tùng quả khởi nhân, cố tiên Phổ Hiền, nhi thứ Văn Thù. Phổ Hiền biểu Hạnh, Văn Thù biểu Trí. Vô Trí tắc bất năng khởi Hạnh, cố phục đương tiêu hiển Văn Thù”* (đó là vì kinh này là Viên Giáo, từ nhân dấy lên quả, cho nên trước là Phổ Hiền, kế đến là Văn Thù. Phổ Hiền biểu thị Hạnh, Văn Thù biểu thị Trí. Không có Trí sẽ chẳng thể khởi Hạnh, do vậy, phải nêu rõ Văn Thù). Đây là nói rõ duyên do của đoạn kinh này, vì sao ở đây phải nói đoạn kinh văn này, nêu ra nguyên nhân. Trong phần trước, đã nói về hạnh Phổ Hiền. Kinh này là Viên Giáo, y chiếu giáo nghĩa của kinh này, viên cực, đốn cực, vì kinh này dạy chúng ta thành tựu trong một đời, nên được gọi là Đốn Giáo, chẳng phải là bảo chúng ta phải tu vài đời, chẳng phải vậy, mà là thành tựu ngay trong một đời! Trong một đời này, ngay khi còn đang sống sờ sờ, có nghĩa là gì? Người niệm Phật chúng ta vãng sanh Tây Phương Cực Lạc thế giới, chư vị nhất định phải biết điều này, là ra đi trong khi còn sống, không phải là chết rồi mới đi. Lúc lâm chung, tôi không nói “sắp chết” mà nói “lúc sắp ra đi”, quý vị thấy A Di Đà Phật đến tiếp dẫn, đầu óc quý vị rất sáng suốt, tỉnh táo, chẳng thấy sai lầm. A Di Đà Phật, Quán Âm, Thế Chí đến tiếp dẫn ta, quý vị nói rõ với người chung quanh: “Phật đến đón tiếp tôi, tôi theo Phật ra đi”, chẳng phải là ra đi trong khi còn sống ư? Sau khi ra đi, chẳng cần đến xác thân nữa. Chư vị phải biết điều này: “Ra đi trong khi còn sống”, cho nên là [thành tựu] trong một đời này.

 Bản thân quý vị quyết định chẳng có cảm giác quý vị đã chết rồi sanh về bên kia, chẳng có chuyện ấy! Linh tánh của quý vị rời khỏi cơ thể này, theo Phật cùng đến thế giới Cực Lạc. Không phải là chết rồi mới đi, đã chết thì làm sao có thể đi được? Chết rồi mới đi sẽ chẳng dễ dàng, như vậy thì cũng phải rất có thiện căn, đó là gì? Thân Trung Ấm đắc độ, có những trường hợp như vậy, nhưng rất ít! Trong hiện thời, những năm qua, chúng ta đề xướng nghi thức Tam Thời Hệ Niệm Pháp Sự do Trung Phong thiền sư biên soạn, rất có hiệu quả, nhằm độ Trung Ấm, âm dương đều lợi lạc. Những chúng sanh trong cõi U Minh có vãng sanh [Cực Lạc] hay không? Có, nhưng chẳng nhiều lắm, đại đa số vãng sanh thiên đạo, do nguyên nhân nào? Kẻ hiểu rõ thế giới Cực Lạc quá ít. Do vậy, những đồng tu thường nghe kinh, biết nhiều về thế giới Cực Lạc, chúng ta nghe kinh trong pháp hội này, tại đạo tràng này, không chỉ loài người chúng ta đang nghe, chúng ta chẳng thấy chư linh trong cõi u minh, số lượng đông hơn chúng ta chẳng biết bao nhiêu lần. Chư linh nghe kinh tốt lắm, trong Tam Thời Hệ Niệm Pháp Sự, do họ thường đến nghe kinh, sẽ thật sự vãng sanh. Kẻ chẳng thường nghe kinh có ít cơ hội hơn, chúng ta có thể lý giải, suy nghĩ điều này.

 Kinh giáo Tịnh Độ chẳng thể không giảng, bản thân chúng ta đọc kinh liễu giải, chính mình đắc độ. Chính mình liễu giải mà nếu không giúp đỡ người khác, chẳng giới thiệu kinh này cho người khác, tức là có lỗi với chính mình, có lỗi với Phật, Bồ Tát, có lỗi với A Di Đà Phật. A Di Đà Phật muốn phổ độ chúng sanh, cớ sao quý vị chỉ độ chính mình, chẳng đoái hoài kẻ khác? Chẳng tương ứng với bổn nguyện của A Di Đà Phật. Chúng ta muốn sanh về thế giới Cực Lạc, hy vọng mang theo một số chúng sanh cùng đi, A Di Đà Phật sẽ hoan hỷ. Vì thế, toàn tâm toàn lực khuyên dạy hết thảy chúng sanh nhận thức Tịnh Độ, phát nguyện cầu sanh Tịnh Độ. Nói theo Tịnh nghiệp tam phước, chính mình đã thành tựu, chớ nên quên giúp đỡ người khác, đấy chính là câu cuối cùng, *“khuyến tấn hành giả”.* Đối với người tu hành, chúng ta phải khuyên họ phát nguyện cầu sanh thế giới Cực Lạc, thành tựu viên mãn trong một đời, đấy mới thật sự là đồng tâm, đồng đức, đồng nguyện, đồng hạnh với A Di Đà Phật. Vì thế, chẳng thể không biết Văn Thù trí. Ở đây có hai câu nói rất hay, *“vô trí tắc bất năng khởi hạnh, cố đương tiêu hiển Văn Thù”* (chẳng có Trí sẽ chẳng thể khởi Hạnh, cho nên phải nêu bày, nói rõ Văn Thù). Bởi lẽ, hạnh là trọng yếu, nhưng trí cũng chẳng thể thiếu.

 *“Như Vô Lượng Thọ Kinh Khởi Tín Luận viết: Bất độ Văn Thù trí hải, nan nhập Phổ Hiền hạnh môn. Dĩ bất năng liễu tri tự tâm, nhất niệm đốn viên, bình đẳng chánh tánh, phàm thánh cộng hữu, nhất tế vô sai. Dĩ bất liễu cố, sở hữu nguyện hạnh tất bất cụ túc”* (như sách Vô Lượng Thọ Kinh Khởi Tín Luận đã nói: “Chẳng vượt biển trí Văn Thù, khó nhập Phổ Hiền hạnh môn. Do chẳng thể hiểu rõ tự tâm, nhất niệm đốn viên, chánh tánh bình đẳng, phàm và thánh đều cùng có, chẳng sai biệt mảy may nào. Do chẳng hiểu rõ nên tất cả hạnh nguyện thảy đều chẳng trọn đủ”). Đó là gì? Trí huệ trọng yếu. Thích Ca Mâu Ni Phật suốt đời giảng kinh thuyết pháp bốn mươi chín năm, giảng Bát Nhã hai mươi hai năm. Chư vị nghĩ xem, [đức Phật] suốt đời giảng kinh bốn mươi chín năm, giảng Bát Nhã hai mươi hai năm, gần như là một nửa thời gian, đó là gì? Coi trọng trí huệ. Bát Nhã là trí huệ Văn Thù. Luận định thông thường, trong sự giáo học suốt một đời, môn học ấy tốn thời gian dài như thế, nên pháp môn chủ tu trong cả đời Thích Ca Mâu Ni Phật là Bát Nhã. A Hàm là Tiểu Thừa, là cơ sở. Trong A Hàm giảng “đoạn ác, tu thiện” đều là nói theo Sự, quá nửa quả báo là phước báo nhân thiên, nên rất nhiều người thích học, họ chẳng tách rời phước báo nhân thiên, họ mong muốn thứ ấy. Phương Đẳng là dự bị, Bát Nhã là chánh tu, Pháp Hoa nhằm giúp quý vị tăng tấn. Từ chỗ này chúng ta liễu giải, chủ tu trong Phật pháp là trí huệ, làm sao có thể là mê tín cho được? Phật pháp và mê tín hoàn toàn tương phản! Hai mươi hai năm dạy trí huệ, lẽ nào dạy kẻ khác hồ đồ? Đâu có lẽ nào như thế! Nói Phật giáo là mê tín là do nguyên nhân nào? Do chẳng nhận thức Phật giáo, hiểu lầm mất rồi, chê Phật giáo là mê tín, ngỡ Phật giáo là tôn giáo. Phật giáo không phải là tôn giáo, mà là sự giáo dục của Thích Ca Mâu Ni Phật.

 Mấy câu này có ý nghĩa rất sâu, *“bất độ Văn Thù trí hải*, *“độ”* (度) là vượt qua, cũng có nghĩa là nói: Quý vị chẳng thâm nhập trí huệ của Văn Thù Bồ Tát, khó thể nhập hạnh môn của Phổ Hiền. Phổ Hiền hạnh nương vào Văn Thù trí. Chẳng có Văn Thù trí, quý vị sẽ không thể hành Phổ Hiền hạnh được! Trong phần trước, đã nói cương lãnh của Phổ Hiền hạnh là mười đại nguyện vương, [chẳng có Văn Thù trí] sẽ chẳng thể thực hiện mười đại nguyện vương. Mười nguyện ấy, mỗi nguyện sau đều sâu hơn nguyện trước, càng về sau càng khó. Bắt đầu từ đâu? Từ *“lễ kính chư Phật”*, chúng ta có tâm lễ kính hay không? Nếu có Văn Thù trí, tâm ấy sẽ phát khởi. Vì sao có thể phát khởi? Quý vị liễu tri tự tâm. Văn Thù trí chẳng có gì khác, chính là quý vị nhận biết chính mình. Người Hoa thường nói: *“Nhân yếu hữu tự tri chi minh”* (con người phải tự biết mình), quý vị phải nhận biết chính mình. Chính mình là gì? Trong giáo pháp Đại Thừa, đức Phật thường nói: *“Bổn lai thị Phật”* (vốn sẵn là Phật). Mỗi chúng sanh vốn là Phật, đó là Văn Thù trí, chân thật trí huệ, tâm cung kính mới có thể sanh khởi. Chúng ta học Phật, rất cung kính Phật, hết thảy chúng sanh đều là Phật, phải có tâm cung kính đối với họ giống như cung kính Phật, đối với người, đối với sự, đối với vật, đối với thiên địa vạn vật, thật sự sanh khởi tâm cung kính. Đối với người phải lễ kính, lễ tiết hiện thời là cúi đầu lễ, gật đầu không được, thiếu cung kính! Đúng quy củ đứng đó, gập mình chín mươi độ cúi đầu lễ, ắt phải như vậy. Vào thời cổ, hành lễ là đảnh lễ tam bái, đó là cổ lễ, nay chúng ta đối trước tượng Phật vẫn đảnh lễ tam bái, chẳng quên cổ lễ. Phật là cổ nhân, chúng ta vẫn dùng phương cách của cổ nhân để hành lễ đối với Ngài.

 Đối với con người hiện đại, phải hiện đại hóa; nếu chẳng hiện đại hóa, rất nhiều người hiện thời chẳng thể tiếp nhận. Quý vị nói xem có nhiều kẻ học Phật, bảo kẻ ấy hãy học Phật, gặp mặt pháp sư phải lạy, [kẻ ấy giãy nảy]: “Thôi đi, chẳng học!” Phải thông quyền đạt biến, chẳng thể cố chấp giữ quy củ đã thành nề nếp, con người hiện thời có lễ tiết hiện thời, vậy thì sao? Thấy tượng Phật bèn khom mình cúi đầu ba lượt, đó là lễ kính nhất. Như thế thì họ sẽ đến [với Phật] rất dễ dàng, sẽ có thể tiếp dẫn rất nhiều người. Tới khi nào chính kẻ ấy bái lạy, đó là chuyện của kẻ ấy, chẳng phải là chuyện của chúng ta. Đó là đúng! Quý vị đã học thông suốt Phật pháp, học sống động, vận dụng sống động. Đặc biệt là đối với kẻ sơ học. Nếu quý vị dẫn mấy người sơ học đến nơi đây, họ thấy phải bò toài ra đất khấu đầu, họ sẽ cảm thấy khó chịu, lần sau chẳng đến nữa, quý vị đã dọa họ chạy mất rồi! Họ sẽ nói Phật giáo là mê tín, phong kiến, buộc con người quay lại thời đại cổ lỗ, làm sao họ có thể chịu được? Do vậy, chúng ta nhất định phải biết, Phật giáo hiện thời phải dùng lễ tiết hiện thời, Phật giáo tại ngoại quốc bèn dùng lễ tiết ngoại quốc, họ đều vui vẻ. Thông quyền đạt biến, chớ nên không biết điều này.

 Do vậy, liễu tri tự tâm, tự tánh thanh tịnh viên minh thể. Nhất niệm đốn viên, nhất niệm là vô niệm, hữu niệm là nhị niệm. Nhất niệm là bình đẳng, nhị niệm bèn dấy động sóng gió. *“Nhất niệm đốn viên”*, *“viên”* là viên mãn, *“đốn”* là nhanh chóng, đúng vậy đấy, viên mãn! *“Bình đẳng chánh tánh”*: Mảy may sai biệt cũng chẳng có, y báo và chánh báo trang nghiêm trong mười pháp giới đều có cùng một pháp tánh, cũng là nói chúng có cùng một tự tánh. *“Phàm thánh cộng hữu*, *nhất tế vô sai”* (phàm thánh đều cùng có, cùng là một tánh chẳng sai khác), *“nhất tế”* là nhất tánh, nhất tâm, [*“nhất tế vô sai”*] là chẳng sai biệt mảy may nào. Không chỉ là phàm lẫn thánh đều cùng có, mà y báo và chánh báo đều cùng có. Kinh Hoa Nghiêm diễn tả “tình và vô tình cùng chung có” bằng câu: *“Tình dữ vô tình đồng viên chủng trí”*, *“đồng”* là bình đẳng, *“viên”* là viên mãn, *“chủng trí”* là Nhất Thiết Chủng Trí, đó là sự chứng đắc nơi quả địa Như Lai. Quý vị thấy vô tình cũng đều cùng viên mãn Chủng Trí.

 Thuở chúng tôi còn trẻ, khi ấy tôi mới ngoài bốn mươi tuổi, dạy học tại Phật Quang Sơn. Lúc đó, tại Phật Quang Sơn có ba vị thầy xuất gia là pháp sư Tinh Vân, pháp sư Hội Tánh và tôi, ba người xuất gia, còn có hai vị tại gia là cư sĩ Phương Luân và cư sĩ Đường Nhất Huyền, họ là đại cư sĩ. Bản lãnh Phật học của họ đều cao hơn chúng tôi, lớn tuổi hơn, thời gian học Phật đều lâu hơn chúng tôi. Chúng tôi đã nhiều lần cùng nhau thảo luận vấn đề này, nhưng chẳng có kết luận, câu *“tình dữ vô tình đồng viên chủng trí”* phải giảng như thế nào? Nếu quý vị nói hữu tình chúng sanh, sau khi [chính mình] đã thành Phật thì [sẽ thấy hết thảy] hữu tình chúng sanh đều thành Phật, vẫn còn tạm được. Chứ sau khi đã thành Phật, cớ sao hoa, cỏ, cây cối, núi, sông, đại địa cũng thành Phật? Nói không thông! Do vậy, lúc đó, có rất nhiều vấn đề tôi đánh dấu hỏi, tồn nghi! Đức Phật nói chắc chắn chẳng sai, nhưng nay chúng ta chẳng có trí huệ ấy, chẳng nghĩ thông suốt đạo lý ấy! Nay tôi đã minh bạch, hiểu rõ, hiểu rõ như thế nào? Kinh Hoa Nghiêm đã nói thấu triệt, thuở ấy, chúng tôi chẳng đọc thông suốt kinh Hoa Nghiêm, đọc thì đọc vậy, tựa hồ hiểu, nhưng chẳng hiểu, trong ấy có rất nhiều vấn đề. Trong quá khứ, chúng ta đã học tập Vọng Tận Hoàn Nguyên Quán của Hiền Thủ quốc sư hai lượt, vấn đề ấy đã được giải quyết. Tình và vô tình đúng là có cùng một Thể. Khi ta đã thành Phật, hết thảy chúng sanh đều thành Phật, cây cối, hoa, cỏ, núi, sông, đại địa toàn bộ đều thành Phật, thật vậy, chẳng giả! Kẻ giác ngộ thấy hết thảy các pháp chẳng chấp tướng. Chẳng chấp tướng sẽ thấy gì? Thấy pháp tánh, Tông Môn nói là “minh tâm kiến tánh, kiến tánh thành Phật”. Quý vị thấy hết thảy chúng sanh đều có cùng một điều bình đẳng, ở đây, điều bình đẳng ấy được gọi là *“chánh tánh”*, tức là tự tánh, lẽ nào chẳng phải là Phật? Thấy hết thảy cây cối, hoa cỏ, núi, sông, đại địa là pháp tánh. Chánh tánh và pháp tánh là một tánh, cùng là một tánh với tự tánh, chẳng phải là hai tánh.

 Hết sức khó có, cận đại, trong mấy năm gần đây nhất, khoa học tiên tiến, các nhà khoa học Lượng Tử đã cho chúng ta biết, đúng là cùng một Thể. Khó có! Lượng Tử Lực Học cho chúng ta biết vật chất là thứ gì? Là chuyện như thế nào? Họ nói ra sao? [Vật chất] là hiện tượng do ý niệm dao động, điều này đã giúp ích Phật pháp rất lớn. Vì Phật pháp bảo “vạn sự vạn tướng trong vũ trụ là hiện tượng dao động”. Các nhà Lượng Tử Lực Học đã chứng tỏ, đức Phật nói điều này là thật, chẳng giả! Nhất niệm bất giác bèn có vô minh, là hiện tượng dao động. *“Vô minh bất giác sanh tam tế, cảnh giới vi duyên trưởng lục thô”* (vô minh bất giác sanh ra ba tế tướng, cảnh giới làm duyên tăng trưởng sáu thô tướng), đó là nói về sự phát triển của vũ trụ, trong ấy sanh ra biến hóa vô lượng vô biên vô tận, chẳng thể nghĩ bàn! Dẫu nói nhiều đến mấy, nó là một huyễn tướng, chẳng thật! Nói tóm lại, vạn pháp đều là Không: *“Hết thảy pháp hữu vi, như mộng, huyễn, bọt, bóng, như sương, cũng như chớp”.* Hai câu này nói rất hay, các nhà khoa học Lượng Tử đã thật sự chứng minh.

 Đức Phật muốn chúng ta phải dùng trí huệ ấy, dùng thanh tịnh bình đẳng giác để nhìn thế gian, quý vị mới có thể thấy chân tướng, mới có thể thấy hết thảy vạn pháp chẳng sai khác mảy may. Không chỉ là phàm - thánh chẳng có sai biệt, mà đều là tự tánh hiện. Phàm - thánh sai biệt ở chỗ nào? Hiểu rõ tự tánh là thánh nhân, mê hoặc tự tánh là phàm phu. Phàm - thánh sai biệt ở chỗ mê hay ngộ, chẳng liên quan gì đến tự tánh. Tự tánh chẳng có mê hay ngộ. Con người có mê hay ngộ, chứ tự tánh chẳng có mê hay ngộ, phải hiểu đạo lý này! Vọng tâm có mê hay ngộ, chân tâm chẳng có mê hay ngộ. Đó là vũ trụ và nhân sinh quan trong nhà Phật. Do vậy, tiên sinh Phương Đông Mỹ đã nói: *“Triết học trong kinh Phật là đỉnh cao nhất trong triết học trên toàn thể thế giới”*, câu nói ấy rất hay. Mấy câu nói sau đây có thể chứng minh [lời của cụ Phương], *“liễu tri tự tâm, nhất niệm đốn viên, bình đẳng chánh tánh, phàm thánh cộng hữu, nhất tế vô sai”.*

 *“Dĩ bất liễu cố, sở hữu nguyện hạnh giai bất cụ túc”* (do chẳng hiểu rõ nên tất cả hạnh nguyện đều chẳng trọn đủ). Nếu chẳng biết chuyện này, sẽ phiền phức lớn. Phiền phức lớn cỡ nào? Mê hoặc, điên đảo, tạo nghiệp thọ báo, luân hồi trong lục đạo. Giác ngộ bèn như thế nào? Chẳng còn luân hồi trong lục đạo, vĩnh viễn vượt thoát. Do vậy, quý vị thường sanh tâm hoan hỷ, pháp hỷ sung mãn. Trong tâm mục của người thế gian, đấy mới là thật sự đạt đến cuộc sống hạnh phúc mỹ mãn rốt ráo. Chúng tôi đã nói rất nhiều lần, chuyện này chẳng mảy may liên quan đến giàu, nghèo, sang, hèn! Giàu, nghèo, sang, hèn là gì? Là nghiệp báo của phàm phu. Khi quý vị giác ngộ, sẽ hoàn toàn vượt thoát, vượt thoát lục đạo phàm phu, vượt trỗi những bậc tiểu thánh, thọ dụng tự nhiên thay đổi. Hôm nay đã hết thời gian rồi, ngày mai chúng ta lại tiếp tục học tập.

# Tập 112

Chuyển ngữ: Bửu Quang Tự đệ tử Như Hòa

Giảo duyệt: Huệ Trang và Đức Phong

 Chư vị pháp sư, chư vị đồng học, xin mời ngồi xuống. Xin xem Đại Thừa Vô Lượng Thọ Kinh Giải, trang một trăm ba mươi ba, hàng thứ ba, xem từ giữa hàng thứ ba.

 *“Như Vô Lượng Thọ Kinh Khởi Tín Luận viết”* (như Vô Lượng Thọ Kinh Khởi Tín Luận nói), chúng ta xem từ chỗ này. *“Bất độ Văn Thù trí hải, nan nhập Phổ Hiền hạnh môn”* (chẳng vượt biển trí Văn Thù, khó nhập hạnh môn Phổ Hiền), hai câu này vô cùng quan trọng, đặc biệt nhắc nhở các đồng học học Phật chúng ta nhất định phải coi trọng trí huệ. Trong xã hội hiện thời, nhìn trên hình thức, giáo dục dường như rất phát triển, trường học rất nhiều. Quan sát cẩn thận, tất cả sự giáo dục hiện thời, chúng ta thường nói là giáo dục gia đình, giáo dục trong học đường, giáo dục trong xã hội, cho đến giáo dục tôn giáo, đều chẳng nhấn mạnh trí huệ, chỉ nhấn mạnh kiến thức. Chư vị phải biết: Trí huệ và kiến thức khác nhau, chẳng tương đồng! Trí huệ có thể giải quyết hết thảy vấn đề, giải quyết rất viên mãn, chẳng để lại hậu quả. Kiến thức có hạn chế, nó chẳng thể giải quyết hết thảy vấn đề, có những vấn đề có thể giải quyết được, nhưng cũng có những vấn đề chẳng thể giải quyết, lại còn để lại rất nhiều hậu quả, chúng ta chớ nên chẳng biết điều này! Học rộng nghe nhiều, mà nếu chẳng có trí huệ, sẽ là tri thức (kiến thức). Trí huệ học từ đâu? Trí huệ chẳng lìa Giới, Định, Huệ, nhất định là từ Giới - Định mà khai trí huệ, trí huệ mới thấu lộ. Nói cách khác, người tâm thường ở trong Định, sẽ dễ khai trí huệ. Nếu một kẻ tâm bộp chộp, hời hợt, làm sao có trí huệ cho được? Do vậy, vào thời cổ, tại Trung Quốc, đối với người đọc sách, điều trọng yếu nhất là trong cuộc sống hằng ngày phải thể hiện sự ổn trọng, ít nói, động tác rất thong thả. Như trong kinh, đức Phật đã nêu tỷ dụ: *“Na Già thường tại Định, vô hữu bất định thời”* (Na Già thường trong Định, chẳng lúc nào bất định). Na Già (Nāgá) là tiếng Phạn, dịch sang nghĩa tiếng Hán là Long, hoặc Tượng. Chúng ta chưa thấy rồng, nhưng đã thấy voi. Quý vị thấy dáng vẻ của con voi, chúng ta gọi [dáng vẻ ấy] là oai nghi, rất ổn trọng, nó đứng ở đó, bước đi cũng rất chậm. Phải học ổn trọng như vậy, hiển thị đang ở trong Định. Trong đời này, tôi đã gặp một người là Chương Gia đại sư, lão nhân gia giống như kinh nói *“vô hữu bất định thời”* (chẳng lúc nào không định). Ngài nói với tốc độ rất chậm, nói từng chữ một. Tôi nói khá chậm, nhưng so với Chương Gia đại sư, tốc độ của tôi quá nhanh! Tốc độ nói của Ngài hết sức chậm, mỗi câu nói từng chữ một, lại còn giữa mỗi câu nghỉ một chút, chẳng nói tiếp ngay. Đi, đứng, nằm, ngồi vô cùng thong thả. Lúc tôi quen biết Ngài, lão nhân gia sáu mươi lăm tuổi, tôi tin tưởng Ngài đã huấn luyện thành tâm thái như vậy từ nhỏ.

 Bởi lẽ đó, gia giáo tại Trung Quốc xưa kia dạy dỗ trẻ nhỏ, từ bé đã dạy con hành động thong thả, dưỡng thành thói quen rất ổn trọng, tâm rất thanh tịnh, rất định, dễ dàng khai trí huệ. Trí huệ có tiểu ngộ, có đại ngộ, có đại triệt đại ngộ. Tiểu ngộ thì gần như mỗi ngày đều có. Đại ngộ một năm cũng có vài lần thì người ấy có trí huệ. Con người hiện tại đòi hỏi tốc độ, chuyện gì cũng đều phải nhanh, nhanh đến mức tâm tánh bộp chộp, hời hợt, chẳng còn ổn trọng, đương nhiên trí huệ cũng chẳng còn nữa, toàn là tri thức, cho nên nẩy sanh vấn đề. Vấn đề nẩy sanh đầu tiên là thân thể chẳng khỏe mạnh, rất nhiều bệnh tật, đến tuổi trung niên sẽ rất rõ rệt. Vào thời cổ, người có bệnh tật quá nửa là lứa tuổi lão niên, chứ trung niên và tráng niên sẽ chẳng có tình trạng ấy, đều là tuổi lão niên. Hiện thời đã sớm hơn, ngay tuổi thanh niên cũng xuất hiện vấn đề, bệnh tật đã lộ ra. Do đó, cầu trí huệ là trọng yếu, học ổn trọng là trọng yếu. Nói cách khác, Giới, Định, Huệ là trọng yếu. Giới học từ chỗ nào? Từ Đệ Tử Quy, Cảm Ứng Thiên, hãy nghiêm túc học tập. Chẳng có hai thứ ấy, nói cách khác, người đó chẳng tĩnh tâm được, chẳng định được, biểu hiện bên ngoài chắc chắn là tâm bộp chộp, vội vàng. Chẳng cần xét ai khác, từ chính mình cũng có thể nhận biết, tật xấu ấy chớ nên không sửa. Do vậy, hai câu ở đây nhắc nhở chúng ta phải khai trí huệ, sau khi đã khai trí huệ rồi thì mới có thể bắt tay học tập hạnh Phổ Hiền. Chẳng phải là kẻ bình phàm không học hạnh Phổ Hiền, kẻ bình phàm cũng học, nhưng chẳng phải là hạnh Phổ Hiền. Thí dụ như *“lễ kính chư Phật”*, ta thấy người khác đều rất lễ phép, đó có phải là hạnh Phổ Hiền hay không? Chẳng phải! Hạnh của quý vị giống như hạnh Phổ Hiền, là bề ngoài, trong tâm chẳng phải là Phổ Hiền, vì sao? Trong tâm còn có tự tư tự lợi, còn có tiếng tăm, lợi dưỡng, như vậy thì chẳng phải là hạnh Phổ Hiền. Hạnh Phổ Hiền là tâm thanh tịnh, tâm bình đẳng, tâm giác chứ không mê, tu lễ kính chư Phật như vậy chính là hạnh Phổ Hiền. Do đó, hai câu này rất chánh xác, nếu trí huệ đã khai thì ngôn hạnh sẽ tương ứng với hạnh Phổ Hiền. Nay chúng ta học cách nào cũng chẳng giống, chủ yếu là vì tâm chẳng giống!

 Quý vị thấy tâm các Ngài [được diễn tả] bằng năm câu tiếp theo, ngày hôm qua, chúng ta cũng đã đọc rồi, đó là tâm Phổ Hiền. *“Dĩ bất năng liễu tri tự tâm”* (do chẳng thể biết rõ tự tâm), tâm Phổ Hiền là liễu tri tự tâm. Trước đó, chúng ta thêm vào *“bất năng”* (chẳng thể), chẳng thể liễu tri tự tâm bèn là phàm phu. Chẳng thể liễu tri tự tâm là chưa khai ngộ. Không chỉ quý vị chưa chứng ngộ, mà giải ngộ cũng chưa khai. Giải ngộ là hiểu rõ, quý vị vẫn chưa làm được. Hiện thời, căn bản là chúng ta chưa hiểu rõ, vì sao biết là về căn bản chưa hiểu rõ? Có tự tư tự lợi, có đúng, sai, ta, người, có lợi, hại, được, mất, đó là hoàn toàn chưa thể liễu tri. Thật sự liễu tri, những ý niệm ấy sẽ chẳng còn nữa, chẳng có tự tư tự lợi, đúng như cổ đức đã nói *“ái nhân như kỷ”* (thương người như thương chính mình). Không chỉ đối với con người, mà đối đãi tất cả hết thảy sanh vật, hết thảy vạn pháp, đều thân thiết như đối với chính mình. Đó là Phổ Hiền Bồ Tát, là tất cả các vị Bồ Tát trong thế giới Cực Lạc, vì sao? Các Ngài đều tu hạnh Phổ Hiền. Hạnh Phổ Hiền biết vạn sự vạn vật trong vũ trụ đều do chính mình tâm hiện thức biến, [tức là] do chân tâm của chính mình hiện, do tánh thức của chính mình biến, là một, không hai! Vì thế, *“nhất niệm đốn viên”*, ý niệm vừa dấy lên bèn là công đức viên mãn, chẳng có gì không viên mãn. Như trong kinh Hoa Nghiêm, đức Phật đã nói *“trí huệ, đức tướng”*, Ngài quy nạp vạn sự vạn vật thành bốn chữ *“trí huệ, đức tướng”*, chẳng có gì không viên mãn. Đức là năng lượng, chúng ta cũng có thể gọi nó là “năng lực”, Tướng là tướng hảo, hiện tướng, thảy đều viên mãn. *“Bình đẳng chánh tánh, phàm thánh cộng hữu, nhất tế vô sai”* (bình đẳng chánh tánh, phàm và thánh cùng có, chẳng sai khác mảy may), bổn tánh của hết thảy các pháp là một, không hai. Đó là khai ngộ, hiểu rõ. *“Dĩ bất liễu cố, sở hữu nguyện hạnh tất bất cụ túc”* (do chẳng hiểu rõ, nên tất cả nguyện hạnh thảy đều chẳng trọn đủ), vì quý vị không hiểu rõ, chẳng biết, [tức là] chẳng biết chân tướng sự thật này, quý vị tu hết thảy nguyện hạnh, *“bất cụ túc”* là chẳng viên mãn, chẳng có gì là viên mãn. Chúng ta phải tu công đức ấy viên mãn, tu công đức viên mãn, chẳng thể không biết chân tướng sự thật này. Hiện thời, chân tướng sự thật này được giảng rất nhiều trong kinh giáo Đại Thừa, giảng rất nhiều, giảng rất rõ ràng, luôn luôn nhắc nhở chúng ta, vì chúng ta chưa chuyển đổi ý niệm. Trong khi học tập kinh giáo, nghe cảm thấy hay lắm, gật gù, lúc tan học, quên tuốt luốt, trong hết thảy thời, hết thảy chỗ, vẫn y như cũ, tập khí phiền não nắm quyền làm chủ! Tập khí phiền não tạo nghiệp, nghiệp có thiện nghiệp và ác nghiệp. Ác nghiệp chướng đạo, thiện nghiệp cũng chướng đạo, vì sao? Quý vị tu hành chẳng thể viên mãn, đó là chướng đạo. Phải như thế nào mới chẳng chướng? Đoạn ác, tu thiện, nhưng chẳng chấp trước thiện - ác, trong Phật pháp nói *“tam luân thể không”*, đoạn ác tu thiện phải tu tâm thanh tịnh, trọn chẳng chấp trước.

 Tiếp đó nói*: “Hà dĩ cố?”*, [nghĩa là] vì sao phải nói như vậy? Vì quý vị là *“tâm ngoại khởi tu, tức thành hữu lậu”* (khởi tu ngoài tâm bèn thành hữu lậu). *“Tâm ngoại khởi tu”* là gì? Quý vị tu nhưng chẳng tương ứng với tâm nên gọi là *“tâm ngoại khởi tu”*. Lục đạo phàm phu tâm ngoại khởi tu, bốn thánh pháp giới vẫn là tâm ngoại khởi tu. Đến địa vị nào mới chẳng phải là tâm ngoại khởi tu? Nói theo kinh Hoa Nghiêm, thì từ địa vị Sơ Trụ Bồ Tát như trong kinh Hoa Nghiêm đã nói, bắt đầu từ địa vị ấy, sẽ tương ứng. Sơ Trụ Bồ Tát là giai vị gì? Là địa vị gì? Thuộc cấp bậc nào? “Đại triệt đại ngộ, minh tâm kiến tánh” như Thiền Tông Trung Quốc đã nói chính là địa vị ấy. Địa vị ấy không chỉ vượt thoát lục đạo, mà còn vượt thoát mười pháp giới. Ngài ở nơi đâu? Trụ trong cõi Thật Báo Trang Nghiêm của chư Phật Như Lai. Tịnh Độ chúng ta nói tới “bốn cõi, ba bậc, chín phẩm”, vị ấy vãng sanh trong cõi Thật Báo. Điều này chẳng dễ dàng, có mấy ai trong hiện thời làm được? Thuở trước, lão cư sĩ Hoàng Niệm Tổ bảo tôi, cụ nói trong hiện thời chẳng ai có thể làm được! Lời ấy là thật, chẳng giả. Buông tự tư tự lợi xuống, buông tiếng tăm lợi dưỡng xuống. Buông Ngã Chấp chẳng khó, Tiểu Thừa đã làm được, nhưng tương ứng với Pháp Tánh thì người Tiểu Thừa chẳng làm được. Quyền Giáo Bồ Tát cũng chẳng làm được, trong mười pháp giới không ai có thể làm được. Do vậy, lời của cụ Hoàng Niệm Tổ là thật, chẳng giả! Tâm ngoại khởi tu là hữu lậu, “tâm ngoại” chẳng tương ứng với tâm, tâm là gì? Tâm là pháp vô vi. Huệ Năng đại sư đã nói rất hay, tâm là thanh tịnh, tâm là bất sanh, bất diệt. Tâm của chúng ta là gì? Tâm của chúng ta là nhiễm ô, chẳng phải là thanh tịnh, chẳng phải là chân tâm. Tâm của chúng ta là sanh diệt, tiền niệm vừa diệt, hậu niệm bèn sanh, nối tiếp nhau, đó là vọng tâm, chẳng phải là chân tâm. Dùng vọng tâm để tu, tức là chúng ta dùng tâm sanh diệt để tu, dùng tâm nhiễm ô để tu, bèn thành tựu pháp hữu lậu. Hữu lậu là gì? Hữu lậu là phước đức. Tu phước đức có lợi ích gì chăng? Có lợi ích, thật sự là đoạn ác tu thiện; dùng cái tâm nhiễm ô, dùng cái tâm sanh diệt, quả báo là gì? Nhân thiên phước báo. Tiểu phước báo là hưởng phước trong nhân gian, đại phước báo là hưởng phước trên cõi trời. Vì phước báo ấy là hữu lậu nên kèm theo tập khí phiền não, chưa đoạn tập khí phiền não. Đoạn hết tập khí phiền não sẽ trở thành pháp vô lậu, như vậy thì sẽ tương ứng với tự tánh.

 Vì lẽ đó, chính mình hãy suy nghĩ, tâm của chúng ta có tương ứng với thanh tịnh bình đẳng giác hay không? Nếu tâm chúng ta thanh tịnh, sẽ tương ứng với A La Hán. Tâm chúng ta bình đẳng, bình đẳng là quyết định chẳng có phân biệt, bèn tương ứng với Bồ Tát. Tâm chúng ta giác chứ không mê, sẽ tương ứng với Phật. Tựa đề kinh này hay quá! Tựa đề kinh đã dạy chúng ta tiêu chuẩn tu hành: Tâm thanh tịnh, tâm bình đẳng, tâm giác ngộ. Nếu đặt vững mục tiêu tu hành nơi đó, người ấy được gọi là “chân tu”, tức là người tu hành thật sự. Người ấy chẳng cầu tiếng tăm, lợi dưỡng, chẳng cầu phú quý, mà cầu “thanh tịnh, bình đẳng, giác”, đó là gì? Đó là cầu thành Phật. Quý vị thấy nhé, thanh tịnh thành A La Hán, bình đẳng thành Bồ Tát, giác thành Phật, người ấy tu hành nhằm cầu gì? Cầu làm A La Hán, Bồ Tát, Phật Đà, người ấy thật sự học Phật, được hết thảy chư Phật hộ niệm, được long thiên thiện thần ủng hộ. Chư vị hãy nghĩ xem, nếu tâm thật sự theo đuổi “thanh tịnh, bình đẳng, giác”, trên thế giới này có tai nạn hay không? Tai nạn gì cũng chẳng liên can đến người ấy, người đó đã giải thoát, vượt thoát, dẫu thế giới này tốt đẹp cách mấy đi nữa, người ấy đã vượt thoát. Vì vậy, người ấy sanh trong cõi Thật Báo. Cõi Thật Báo trang nghiêm thù thắng khôn sánh, người ấy có khởi tâm động niệm ở nơi đó hay không? Chẳng khởi tâm, không động niệm. Người ấy cũng chẳng cảm thấy nơi đó rất tốt đẹp. Nếu cảm thấy nơi ấy tốt đẹp, chẳng phải là tâm phân biệt đã dấy lên rồi sao? Có phân biệt bèn có chấp trước, bèn đọa lạc, người ấy là Phật ở chỗ nào? Do đó, người ta cư trụ trong ấy, nhưng chẳng khởi tâm, không động niệm. Khởi tâm động niệm còn chẳng có, chúng ta bèn có thể nghĩ là người ấy chẳng có phân biệt, chấp trước.

 Nếu chúng ta dùng tiêu chuẩn này làm mục tiêu tu học của chính mình, chúng ta thật sự chẳng phải là hành Bồ Tát đạo, mà là Phật đạo, tức là đạo để thành Phật. Khi ấy, Phật pháp là pháp Nhất Thừa, là con đường thành Phật thẳng tắt. Niệm Phật hay lắm! Dùng pháp môn Niệm Phật để tu “đạo thành Phật”, chẳng hề có mảy may tham cầu pháp thế gian hay xuất thế gian, tâm mong cầu đoạn sạch sành sanh, ta chỉ cầu tâm “thanh tịnh, bình đẳng, giác”. Trong tương lai, sẽ vãng sanh về đâu? Sanh về cõi Thật Báo trong Tây Phương Cực Lạc. Người ấy chẳng sanh trong cõi Phương Tiện Hữu Dư, cũng chẳng phải là cõi Phàm Thánh Đồng Cư, mà sanh trong cõi Thật Báo Trang Nghiêm. Chúng ta có thể làm giống như vậy hay không? Có rất nhiều người hoài nghi “ta tội nghiệp quá nặng, chẳng thể đến cõi Thật Báo. Ta chỉ là hạ hạ phẩm trong cõi Phàm Thánh Đồng Cư là được rồi, thỏa mãn rồi”. Cũng là khá lắm, chẳng thể nói là quý vị sai lầm, nhưng Thiện Đạo đại sư đã dạy chúng ta một câu. Thiện Đạo đại sư là người đời Đường, là tổ sư đời thứ hai của Tịnh Độ Tông, lịch đại truyền tụng lão nhân gia là A Di Đà Phật ứng hóa đến thế gian. Người Nhật Bản rất tin tưởng, sùng bái pháp sư Thiện Đạo vượt rất xa người Hoa. Người Hoa tôn trọng Thiện Đạo đại sư chẳng nhiều lắm, chứ người Nhật Bản vô cùng tôn trọng. Quý vị đến Nhật Bản, thấy trong mỗi chùa miếu có đắp hình tượng Thiện Đạo đại sư, lại còn có rất nhiều tự miếu đề tên là Thiện Đạo Tự. Do vậy, hễ chư vị thấy Thiện Đạo Tự thì đó là đạo tràng Tịnh Độ Tông, dùng ngay đức hiệu của Thiện Đạo đại sư làm tên chùa.

 Lão nhân gia đã dạy chúng ta một câu như sau: *“Tây Phương thế giới, tứ độ, tam bối, cửu phẩm, tổng tại ngộ duyên bất đồng”* (Bốn cõi, ba bậc, chín phẩm trong thế giới Tây Phương, nói chung là do gặp duyên khác nhau), câu này nói thật hay! Chúng ta phải tin tưởng, hiểu ý nghĩa câu nói ấy của Thiện Đạo đại sư. Ngài đã dạy rõ: Quý vị vãng sanh cõi nào trong bốn cõi, vãng sanh trong phẩm vị nào, điều ấy được quyết định do gặp duyên khác nhau. Nay chúng ta gặp duyên vô cùng thù thắng, duyên ấy là gì? Duyên ấy là duyên trong cõi Thường Tịch Quang, duyên trong cõi Thật Báo Trang Nghiêm, chẳng phải là duyên trong những cõi thấp hơn. Xác thực là chẳng ít, từ xưa đến nay, người như thế rất nhiều. Những ông già bà cả ở nông thôn, chẳng biết chữ, nhưng là người rất thiện lương, nói theo Phật pháp là “có thiện căn”. Nếu họ gặp duyên, hễ gặp duyên, bảo họ niệm kinh, họ chẳng niệm được, cũng chẳng thể ghi nhớ nhiều ngần ấy. Bảo họ nghe kinh thì cũng chẳng có ai giảng kinh cho họ, mà giảng kinh thì cũng chưa chắc có thể nghe hiểu được! Gặp một người khuyên họ niệm A Di Đà Phật, họ bèn thật thà niệm, lúc lâm chung vãng sanh, những người như thế sanh trong cõi Phàm Thánh Đồng Cư. Đó là gặp duyên, nhưng duyên chẳng thù thắng. Nay chúng ta gặp duyên vô cùng thù thắng, gặp kinh Vô Lượng Thọ, gặp kinh Hoa Nghiêm, gặp khá nhiều giáo huấn trong kinh luận Đại Thừa, duyên ấy quá thù thắng, hiểu rõ ràng minh bạch bốn cõi, ba bậc, chín phẩm. Chúng ta cũng hiểu thành Phật, thành Bồ Tát, thành A La Hán như thế nào, đều hiểu rất rõ ràng. Đó là gặp duyên bất đồng! Chúng ta có thể buông hết vọng tưởng, phân biệt, chấp trước xuống, dùng tâm “thanh tịnh, bình đẳng, giác” để niệm một câu A Di Đà Phật, chúng ta sanh về Tây Phương Cực Lạc thế giới sẽ sanh về nơi đâu? Công phu tốt đẹp bèn sanh trong Thường Tịch Quang Tịnh Độ, kém hơn là sanh vào cõi Thật Báo Trang Nghiêm. Câu nói ấy đã chỉ rõ vì sao nghe kinh rất quan trọng, nghe kinh có lợi ích ở chỗ nào? Giúp chúng ta tăng cao phẩm vị, lại còn tăng với một mức độ rộng lớn!

 Trong hiện tiền, chúng ta sống trên quả địa cầu này, hiện thời tai nạn rất nhiều, pháp môn này giúp đỡ quý vị, bất luận tai nạn nghiêm trọng nào, tâm địa quý vị bình an, chẳng mảy may bị ảnh hưởng bởi tai nạn, tâm quý vị bình thản, tĩnh lặng, chẳng kinh sợ, chẳng hoảng hốt. Quý vị thấy đó, kinh giáo này có sức mạnh to lớn dường ấy. Tâm địa an định, chẳng bị ảnh hưởng, dẫu tai nạn bên ngoài to lớn đến mấy vẫn chẳng thể ảnh hưởng quý vị. Dẫu là tử vong trong khi tai nạn, quý vị sanh ngay về thế giới Cực Lạc, A Di Đà Phật đến tiếp dẫn. Chẳng tìm được lợi ích thù thắng như thế trong các pháp môn khác. Chẳng phải là các pháp môn khác không có [những lợi ích ấy], nhưng công phu đó rất khó thành tựu. Tịnh Tông dễ dàng, chỉ cần quý vị chịu hành, chỉ cần quý vị chịu buông xuống, ai nấy đều có thể làm được. Buông xuống chẳng phải là buông đằng miệng, mà phải thật sự làm, làm từ đâu? Từ trì giới, chịu khổ. Trước lúc ra đi, Thích Ca Mâu Ni Phật đã dạy chúng ta hai câu, Ngài bảo tất cả các đệ tử: *“Lấy giới làm thầy, lấy khổ làm thầy”.* Hiện thời, cuộc sống vật chất rất phong phú, chúng ta có cần truy cầu hay chăng? Chẳng cần, cuộc sống khổ sở một chút sẽ tốt hơn! Nếu có dư dả, hãy giúp đỡ kẻ nghèo khổ nhiều hơn một chút. Chúng ta sống tiết kiệm một chút sẽ có thể giúp rất nhiều người nghèo khổ, đó là lòng dạ Bồ Tát. Như trong Liễu Phàm Tứ Huấn có kể, vợ tiên sinh Viên Liễu Phàm vào mùa Đông may áo bông cho con, dùng loại bông vải thông thường. Tiên sinh Liễu Phàm thấy vậy, hỏi: “Trong nhà ty miên [[3]](#footnote-4)[3] rất nhiều, sao nàng lại dùng bông vải?” Bà ta nói: “Ty miên đắt tiền, bông vải rẻ hơn, thiếp đem ty miên bán đi, mua nhiều bông vải, may nhiều bộ quần áo, con cái có áo mặc, mà những người nghèo cũng được mặc”. Tiên sinh Liễu Phàm nghe nói rất hoan hỷ, con cái thật có phước. Phước do đâu mà có? Người bị thua thiệt bèn có phước, kẻ chịu khổ bèn có phước. Ý nghĩa ấy rất sâu, đó là chân lý!

 Vì thế, tuy khoa học kỹ thuật hiện thời phát triển, thứ gì cũng đều thuận tiện, nhất định phải biết tiết kiệm tài nguyên. Phải biết tiết kiệm, chớ nên lãng phí, lãng phí sẽ có tội lỗi! Thứ gì cũng phải ăn hết, chẳng thể ăn chớ nên vứt bỏ, hễ vứt bỏ sẽ mắc tội. Vì sao? Phải nghĩ, thứ này ăn không ngon, nhưng trong thế gian hiện thời vẫn còn rất nhiều người đang lâm vào tình cảnh đói khát, chẳng có gì để ăn. Nếu họ gặp được thứ ấy, sẽ [coi như] của báu, mà chúng ta còn chê ỏng chê eo, chê ỏng chê eo là tạo nghiệp! Chớ nên có phân biệt, đừng nên có chấp trước, nhất định phải biết tiết kiệm, thường có chủ tâm giúp đỡ người khác, đó là điều tốt đẹp. Người thật sự tu hành, có đức hạnh, ở nơi nào, nơi ấy có thiên long thiện thần gia hộ, ít tai nạn. Người thật sự có đức hạnh có thể làm được, chúng ta có thể phát tâm ấy hay không? Làm một người thật sự có đức hạnh hay không? Phải biết thánh hiền là do con người tu thành, Phật, Bồ Tát cũng do con người tu thành. Người ta có thể thành thánh, thành hiền, thành Phật, thành Bồ Tát, vì sao ta chẳng làm được? Vì sao người khác làm được? Họ buông xuống vạn duyên nên làm được, vì sao ta chẳng buông xuống được? Hễ buông xuống liền làm được. Buông xuống không được, còn có tham, sân, si, mạn, tức là phàm phu. Buông tham, sân, si, mạn xuống, trước hết phải buông xuống từ đối tượng, tức là buông tài, sắc, danh vọng, ăn uống, ngủ nghỉ xuống. Nhục thân của chúng ta ở trong thế gian này chẳng thể không có những thứ ấy, nhưng vừa phải là được rồi, chớ nên có tâm tham. Vì thế, *“tri chỉ”* (biết ngừng đúng mức) sẽ gần với đạo! Quý vị thấy Phật, Bồ Tát, từ trong kinh này chúng ta đã đọc thấy, trước khi thành Phật, Bồ Tát dưỡng đạo tại Đâu Suất nội viện, dưỡng gì? Dưỡng *“tri chỉ”.* Đâu Suất có nghĩa là Tri Túc, Đâu Suất Thiên là Tri Túc Thiên. Chúng ta đối với hết thảy đều biết đủ, trong tương lai sẽ sanh về Đâu Suất Thiên. Kẻ chẳng biết đủ, sẽ chẳng thể sanh lên cõi trời ấy! Điều này cho chúng ta biết: Thật sự tri chỉ, một trăm phần trăm tri chỉ, người ấy bèn thành Phật. Cổ đại đức Trung Quốc thường nói: *“Tri túc thường lạc”* (biết đủ thường vui), đó là thật. Người ấy chẳng có ưu lự, rất vui sướng, được một chút đã rất thỏa ý, chẳng còn mong mỏi nữa!

 Câu kế tiếp vô cùng hay: *“Dĩ vô biên công đức, bất ngoại tự tâm”* (do vô biên công đức chẳng ngoài tự tâm), câu này nói rất hay. Vô lượng vô biên công đức đều do tự tâm của quý vị thành tựu. Chư Phật Như Lai chẳng hề cầu cạnh kẻ khác, ngạn ngữ của Trung Quốc cũng nói rất hay: *“Nhân đáo vô cầu, phẩm tự cao”* (con người đạt đến mức vô cầu, phẩm hạnh tự cao). Phàm phu, đặc biệt là trong xã hội hiện tiền này, nói chung, đối với các tin tức, bất luận là thiện hay bất thiện, thường mong biết nhiều hơn một chút. Thật ra, người tu đạo có cần [biết những tin tức ấy] hay không? Chẳng cần thiết! Khéo tu tự tâm, công đức bèn viên mãn, đó là đạo lý nhất định. Thường giữ gìn tự tâm thanh tịnh, bình đẳng. Thanh tịnh và bình đẳng đều thuộc về Định, thanh tịnh là chẳng nhiễm ô, bình đẳng là chẳng dao động, đó là công phu Thiền Định. *“Tùy thuận Chân Như, tu nhất thiết pháp, tắc năng cụ túc vô biên công đức”* (tùy thuận Chân Như, tu hết thảy các pháp, có thể trọn đủ vô biên công đức). Chân Như là chân tánh, nếu quý vị chẳng biết Chân Như là gì, thì Chân Như chính là *“thanh tịnh, bình đẳng, giác”* ngay trong tựa đề kinh, vì nó chẳng giả! Trong cuộc sống hằng ngày, khởi tâm động niệm, ngôn ngữ, tạo tác đều tương ứng Chân Như, luôn tương ứng với Chân Như thì gọi là Như. Nói cách khác, tương ứng với thanh tịnh, bình đẳng, giác, khởi tâm động niệm, tâm địa thanh tịnh, chẳng có nhiễm ô, tâm địa bình đẳng, chẳng bị dao động, đó là tương ứng. Ngôn ngữ, tạo tác đều tương ứng với thanh tịnh, bình đẳng thì tâm ấy trụ trong Giới, Định, Huệ.

 Giới là tự nhiên chẳng vượt ngoài quy củ giống như Khổng lão phu tử. Khổng lão phu tử rất khó có, Ngài nói đến lúc bảy mươi tuổi mới đạt được công phu ấy: *“Tùy tâm sở dục, bất du củ”* (thuận theo lòng muốn, chẳng vượt ngoài quy củ). *“Củ”* (矩) là quy củ, đó là giới luật, thuận theo lòng mong muốn, tự nhiên tương ứng với giới luật, chẳng có mảy may miễn cưỡng nào, tự nhiên tương ứng. Thích Ca Mâu Ni Phật biểu diễn cảnh giới này cho chúng ta thấy, lão nhân gia thuyết pháp bốn mươi chín năm, đã thực hiện được. Khổng Tử bảy mươi tuổi mới đạt đến cảnh giới ấy. Đó đều là Phật, Bồ Tát thị hiện, biểu diễn cho chúng ta thấy. [Sự biểu diễn của Khổng Tử] là người bình phàm, còn sự biểu diễn của Thích Ca Mâu Ni Phật là bậc thượng thượng căn, Ngài chẳng phải là kẻ bình phàm, lúc khai ngộ bèn thực hiện được, ba mươi tuổi bắt đầu giáo học thì đã *“tùy tâm sở dục, bất du củ”* rồi! Khổng Tử đã cho chúng ta biết tấn độ (mức độ tiến triển) trong sự tu học của Ngài: *“Tam thập nhi lập”*, giống như chúng ta học hành hiện thời, ba mươi tuổi tốt nghiệp chương trình Tiến Sĩ, giành được mảnh bằng Tiến Sĩ, đó là *“nhi lập”. “Tứ thập nhi bất hoặc”*, có thể tương ứng với trí huệ, chẳng còn bị mê hoặc. *“Ngũ thập tri thiên mạng, lục thập nhĩ thuận”*, *“nhĩ thuận”* là gì? Bất cứ thứ gì cũng đều đã quen thấy, quen nghe, tâm bình đẳng hiện tiền. *“Thất thập tùy tâm sở dục”*, đạt được tự tại, chẳng cần phải miễn cưỡng, mà tự nhiên tương ứng với Chân Như, tự nhiên tương ứng. Bảy mươi tuổi [Khổng Tử] mới đạt đến cảnh giới ấy. Thích Ca Mâu Ni Phật biểu diễn “đại triệt đại ngộ, minh tâm kiến tánh”, đạt tới ngay cảnh giới ấy, biểu diễn cho chúng ta thấy trong suốt bốn mươi chín năm, mãi cho đến khi lão nhân gia viên tịch. *“Tùy thuận Chân Như, tu hết thảy các pháp”*. Nay chúng ta học tập những điều được nói trong kinh này là Chân Như, chỉ dạy chúng ta tùy thuận Chân Như, tu hết thảy các pháp như thế nào! *“Hết thảy các pháp”* là trong cuộc sống thường ngày, khởi tâm động niệm, đãi người, tiếp vật, chẳng lìa “thanh tịnh, bình đẳng, giác”, như vậy thì sẽ có thể trọn đủ vô biên công đức.

 *“Thị cố, tùng chư Phật sát trung giai năng thị hiện dĩ hạ, tiêu hiển Văn Thù trí đức”* (do vậy, từ câu “trong các cõi Phật đều có thể thị hiện” trở đi là nêu rõ trí đức của ngài Văn Thù). Trong phần trước, chúng ta đã đọc đoạn kinh văn này, từ *“chư Phật sát trung, giai năng thị hiện”* cho đến *“thiện lập phương tiện, hiển thị tam thừa”*, đoạn kinh văn này toàn là nói về trí đức của Văn Thù Bồ Tát. *“Lệ như”* (chẳng hạn như), cụ Hoàng nêu ví dụ, ví dụ này sẽ được giải thích trong phần dưới: *“Thí thiện huyễn sư, hiện chúng dị tướng”* (ví như người giỏi huyễn thuật, hiện các hình tướng lạ), đó là tùy duyên. Hai câu kế đó: *“Ư bỉ tướng trung, thật vô khả đắc”* (trong các tướng ấy, thật sự là chẳng thể được). Đó là trí huệ của ngài Văn Thù. Trong hết thảy các tướng được hiện, chẳng khởi tâm, không động niệm, chẳng phân biệt, không chấp trước. Vì sao? Biết những tướng được hiện ấy là “Tướng có, Thể không”. Bồ Tát biết tướng chính là Không. Đối với các tướng được hiện ở ngay trước mặt ta, biết chúng là trống không, trọn chẳng thể được, cho nên vị ấy chẳng khởi tâm động niệm. Phàm phu không biết, ngỡ tướng là thật có, nên phân biệt, chấp trước, tạo tác tội nghiệp, chẳng biết tướng chính là Không. Đó là trí huệ chân thật, được gọi là trí huệ Văn Thù. Đối với bốn câu ấy, có thể nói hai câu đầu là Phổ Hiền hạnh. *“Thí thiện huyễn sư, hiện chúng dị tướng”* là Phổ Hiền hạnh; hai câu sau, tức *“ư bỉ tướng trung, thật vô khả đắc”* là Văn Thù trí. Chẳng có Văn Thù trí, sẽ tạo tội nghiệp, tạo nghiệp. Có Văn Thù trí bèn chẳng tạo nghiệp. Chữ *“đẳng”* có nghĩa là đoạn kinh văn từ những câu này cho đến *“thiện lập phương tiện, hiển thị tam thừa”* trong phần sau. *“Câu biểu tùng Văn Thù diệu trí, viên mãn Phổ Hiền thắng hạnh”* (đều biểu thị diệu trí Văn thù viên mãn hạnh thù thắng Phổ Hiền), có nghĩa là viên tu vạn hạnh chẳng lìa Định - Huệ, ý nghĩa này vô cùng quan trọng.

 Chúng ta xem tiếp, mỗi câu tiếp theo đây sẽ giải thích, đoạn trước là nói về đại ý. *“Chư Phật sát trung, dĩ hạ cộng bát cú, hiển hội trung Bồ Tát trí đức”* (toàn bộ tám câu kể từ câu “trong các cõi Phật” trở đi, chỉ rõ trí đức của các vị Bồ Tát trong hội), [nghĩa là] tất cả các vị Bồ Tát trong đại hội này đều có Văn Thù trí đức. Trong phần kinh văn ấy, *“chư Phật sát trung, giai năng thị hiện (kiến Đường dịch), biểu chư đại sĩ Phổ Môn thị hiện chi đức”* (“trong các cõi Phật đều có thể thị hiện” (câu này trích từ bản Đường dịch), biểu thị đức “Phổ Môn thị hiện” của các vị đại sĩ). Thông thường, chúng ta thấy hai chữ Phổ Môn bèn nghĩ đến Quán Thế Âm Bồ Tát, Quán Thế Âm Bồ Tát Phổ Môn thị hiện. Trên thực tế, chỉ cần là minh tâm kiến tánh Bồ Tát sẽ đều có năng lực ấy, chẳng có vị nào không phải là Phổ Môn thị hiện. Phổ (普) là phổ biến, Môn (門) là pháp môn, vô lượng, vô biên, vô số, vô tận, chúng sanh có cảm, Ngài bèn có hiện. Đức ấy là năng lực, Ngài có năng lực thị hiện. *“Bất đản ư thử quốc độ thị hiện bát tướng, diệc ư thập phương thế giới phổ hiện bát tướng”* (không chỉ thị hiện tám tướng trong cõi nước này mà còn hiện trọn khắp tám tướng trong mười phương thế giới), thị hiện tám tướng là biểu trưng, thị hiện thành Phật. Trong Quán Thế Âm Bồ Tát Phổ Môn Phẩm có nói: *“Ưng dĩ Phật thân nhi độ thoát giả, tức hiện Phật thân nhi vị thuyết pháp”* (nên dùng thân Phật để độ thoát liền hiện thân Phật để thuyết pháp), câu kinh văn này mang ý nghĩa nêu ra một trường hợp [hiện thân], [tức là] Bồ Tát có thể hiện thân Phật. Thân Phật còn có thể hiện, huống hồ các thân khác? Bồ Tát, Thanh Văn. Duyên Giác, cho đến đồng nam, đồng nữ, đế vương, tướng quân, tể tướng, cho đến súc sanh, ngạ quỷ, địa ngục, há lẽ nào chẳng thể hiện? Thân Phật còn có thể hiện mà! Tức là nói phạm vi hiện thân của Ngài rộng lớn ngần ấy.

 Hiện thân gì đều chẳng do ý nghĩ của chính Ngài. Nếu chính Ngài có ý nghĩ, Ngài sẽ chẳng phải là Bồ Tát, mà là phàm phu. Vì sao? Ý nghĩ là phiền não, Ngài chưa chuyển được. Chuyển thức thứ sáu, tức ý thức, thành Diệu Quán Sát Trí, chuyển thức thứ bảy thành Bình Đẳng Tánh Trí, chẳng còn ý nghĩ nữa. Phàm phu có ý nghĩ, lục đạo chúng sanh có ý nghĩ. Lại thưa cùng quý vị, bốn thánh pháp giới cũng có ý nghĩ, bất quá họ nhạt mỏng một chút, chẳng nghiêm trọng như chúng ta. Họ có ý nghĩ, nên gọi là “phàm phu”. Lục đạo được gọi là *“giới nội phàm phu”*, *“giới”* (界) là tam giới, [*“giới nội”* là trong tam giới], tức là lục đạo luân hồi, tức là luân hồi trong lục đạo. A La Hán, Bích Chi Phật, Bồ Tát, Phật, gọi là *“giới ngoại phàm phu”*, vượt ngoài tam giới, nhưng vẫn là phàm phu, vì sao? Họ chưa chuyển phàm thành thánh. Cũng có nghĩa là người đã chuyển tám thức thành bốn trí thì là thánh nhân, chẳng gọi là phàm phu, mà thật sự là bậc thánh nhân. Chớ nên không biết định nghĩa của phàm phu trong Phật pháp [như đang được nói] ở đây, khác hẳn “thánh nhân” như người Hoa thường nói. “Thánh nhân” của Trung Quốc là thánh nhân trong nhân gian, sanh về thiên đạo cũng là thánh nhân, bậc đại thánh đã sanh thiên. Trong Phật pháp, chẳng phải là như vậy. Phật pháp nói đến “thánh nhân” thì bậc vượt thoát mười pháp giới mới là thánh nhân. Chưa vượt thoát mười pháp giới thì vẫn gọi là phàm phu! Bất quá bốn thánh pháp giới gọi là “ngoại phàm”, ngoại phàm còn được gọi bằng danh xưng khác là “tiểu thánh”, nhà Phật gọi họ là “tiểu thánh”. Thánh nhân Tiểu Thừa chưa thoát khỏi mười pháp giới. Thoát khỏi mười pháp giới sẽ gọi là “đại thánh”, chẳng phải là tiểu thánh, mà là đại thánh. Đều có thể thị hiện, đó là *“Phổ Môn thị hiện chi đức”.*

 Chúng ta biết những vị đại sĩ, đại Bồ Tát ấy ở trong cõi Thật Báo Trang Nghiêm, dùng tiêu chuẩn trong kinh Hoa Nghiêm để nói, kinh Hoa Nghiêm nói từ Sơ Trụ Bồ Tát trở lên, Thập Trụ, Thập Hạnh, Thập Hồi Hướng, Thập Địa, Đẳng Giác, bốn mươi mốt địa vị ấy. Cư sĩ Giang Vị Nông chú giải kinh Kim Cang, tác phẩm Kim Cang Kinh Giảng Nghĩa là chú giải của ông ta. Đối với bộ kinh Kim Cang, cổ nhân đối với một bộ kinh, thâm nhập một môn, huân tu lâu dài suốt bốn mươi năm. Đổ công sức bốn mươi năm nơi một bộ kinh, nên có thành tựu, là người có thẩm quyền nhất về kinh Kim Cang. Do vậy, phàm những ai nghiên cứu hoặc học kinh Kim Cang, chẳng thể nào không đọc bộ Giải Nghĩa của ông ta. Thật sự chịu học, đọc bộ Giải Nghĩa là đủ rồi, chẳng cần tìm đọc các bản chú giải khác. Bản Giảng Nghĩa của ông ta có thể nói là đã tổng hợp hoàn thiện tất cả những lời chú giải kinh Kim Cang xưa nay, rất thuận tiện cho người học kinh Kim Cang. Còn có một vị cư sĩ nữa là cư sĩ Châu Chỉ Am, sống vào thời Dân Quốc, suốt đời chuyên dốc công sức nơi Tâm Kinh, tức Bát Nhã Tâm Kinh. Chư vị đều biết Tâm Kinh chỉ có hai trăm sáu mươi chữ, ông ta dùng thời gian bao lâu? Cũng là tốn bốn mươi năm, viết thành bộ chú giải Tâm Kinh Thuyên Chú, tổng hợp hoàn thiện các lời chú giải Tâm Kinh của các vị đại đức xưa nay, rất tuyệt diệu! Trong thời kỳ Mạt Pháp, hai vị ấy đã nêu gương rất hay cho những người phát tâm nghiên cứu kinh giáo. Gương mẫu ấy chính là *“thâm nhập một môn, huân tu lâu dài”*. Thành tựu của họ khiến cho người khác tán thán, bốn mươi năm dùi mài chẳng bỏ một bộ kinh, trở thành người chú giải có thẩm quyền về một bộ kinh. Nay quý vị nói tới kinh Kim Cang hay nói tới Tâm Kinh, chẳng thể không biết đến hai bản chú giải ấy!

 Hai vị ấy cuối cùng đều niệm Phật cầu sanh Tịnh Độ, vãng sanh Tịnh Độ, chúng ta có thể suy ra các vị ấy chẳng ở trong cõi Đồng Cư, mà cũng chẳng ở trong cõi Phương Tiện, hai vị ấy sanh vào cõi Thật Báo Trang Nghiêm. Điều này chẳng giả chút nào! Vì sao? Họ có trí huệ! Kim Cang Bát Nhã và Bát Nhã Ba La Mật Đa Tâm Kinh đều là trí huệ, lại còn là trí huệ của Văn Thù! Đã có trí huệ Văn Thù, đương nhiên viên mãn hạnh Phổ Hiền thù thắng, chắc chắn là như vậy! Do đó, chúng ta biết: Các vị ấy vãng sanh trong cõi Thật Báo. Chúng ta phải thật sự học theo, gương tốt đã bày ra trước mặt, suốt đời chẳng thay đổi phương hướng, suốt đời chẳng lan man sang pháp khác, chuyên dốc công sức nơi một bộ. Do đó, họ có năng lực ở trong hết thảy các cõi Phật trong mười phương, ứng với lòng cảm của chúng sanh, chúng sanh mong hãy dùng thân Phật để độ, các Ngài sẽ giống như Thích Ca Mâu Ni Phật, thị hiện tám tướng thành đạo, phổ độ chúng sanh trong thế giới của họ. Sơ Trụ Bồ Tát có năng lực ấy, nên cư sĩ Giang Vị Nông đã dùng bốn mươi mốt địa vị Pháp Thân đại sĩ trong kinh Hoa Nghiêm để giải thích từ ngữ *“chư Phật Như Lai”* trong kinh Kim Cang. Bốn mươi mốt địa vị chính là *“chư”*, *“chư”* là nhiều! Bốn mươi mốt địa vị ấy đều là chư Phật Như Lai. Do vậy, tại Trung Quốc, trong giáo pháp Đại Thừa thường nói: “*Minh tâm kiến tánh, kiến tánh thành Phật”.*

 Trong Tịnh Độ Tông, phương tiện thù thắng khôn sánh, một người hạ quyết tâm “trong một đời này, ta quyết định phải vãng sanh thế giới Cực Lạc, mảy may hoài nghi đều chẳng có”, người ấy sẽ thành Phật trong một đời, viên mãn trong một đời. Ai biết? Chư Phật Như Lai biết, chư Phật Như Lai chứng minh cho người ấy. Trong sách Yếu Giải, Ngẫu Ích đại sư đã dạy chúng ta đạo lý ấy. Người niệm Phật có thể vãng sanh hay không, được quyết định bởi có tín nguyện hay không? Quý vị có lòng chân tín, có chân nguyện, tôi thật sự tin tưởng, thật sự mong về thế giới Cực Lạc, tức là quý vị hội đủ điều kiện vãng sanh thế giới Cực Lạc, nhất định sẽ sanh về. Tới Tây Phương Cực Lạc thế giới, phẩm vị cao hay thấp, Ngẫu Ích đại sư nói, đó là do công phu niệm Phật của quý vị sâu hay cạn. Công phu tốt đẹp, phẩm vị vãng sanh cao. Công phu kém hơn một chút, phẩm vị thấp hơn. Hai câu ấy nói rất hay. Ấn Quang đại sư bội phục hai câu ấy năm vóc sát đất. Lịch đại tổ sư đại đức giảng kinh Di Đà, chú giải kinh Di Đà, trọn chẳng hé lộ tin tức ấy. Ngẫu Ích đại sư hé lộ cho chúng ta biết, khiến cho người tu Tịnh Độ cầu vãng sanh kiên định tín tâm. Nếu thường xuyên hoài nghi “ta có thể sanh về thế giới Cực Lạc hay không?” thì do thường hoài nghi, sự vãng sanh Tây Phương Cực Lạc thế giới cũng phải đánh dấu hỏi. Thật vậy! Chẳng biết quý vị có nắm chắc hay không? Người có tín tâm kiên định quyết định được vãng sanh, Ngẫu Ích đại sư đã chứng minh cho quý vị. Người thật sự cầu vãng sanh, chỉ nói miệng suông không được, phải có hành động, hành động là gì? Đối với thế gian này, thật sự chẳng có một mảy may lưu luyến nào, thật sự buông xuống, đấy mới là chân tín, chân nguyện. Nếu còn tham luyến thế gian này, còn có một mảy may chẳng buông xuống được, sẽ chẳng phải là chân tâm, chẳng phải là chân nguyện. Chân tâm, chân nguyện là triệt để buông xuống, chẳng có lưu luyến mảy may nào, người ấy quyết định vãng sanh.

 Trong kinh này, *“thí thiện huyễn sư”* là tỷ dụ, *“hiện chúng dị tướng”* (hiện các tướng lạ)*.* Nay chúng ta gọi *“huyễn sư”* là ảo thuật gia, làm trò ảo thuật. Khi chúng ta xem họ biểu diễn, trong các chương trình đại nhạc hội có biểu diễn ảo thuật. Tại Ấn Độ vào thời cổ, họ được gọi là *“huyễn sư”*, người Hoa gọi những người *“biến ma thuật”* (làm trò ảo thuật) là *“ma thuật sư”* (magician)*.* *“Trí Độ Luận viết:* *Tây Phương hữu huyễn thuật nhân”* (Trí Độ Luận ghi: “Phương Tây có kẻ làm huyễn thuật”), những người làm ảo thuật có thể làm những trò biến hóa. *“Nhất thiết giai năng hóa hiện, cung điện, thành, quách, lang vũ, kết cân vi thố, thụ đới vi xà, chủng chủng biến hiện đẳng”* (hết thảy đều có thể hóa hiện, cung, điện, thành, quách, hành lang, tòa nhà, thắt khăn làm thỏ, dựng dây lưng làm rắn, đủ các thứ biến hiện v.v...), đây là nói tới những kỹ xảo biến hiện của nhà ảo thuật, nêu lên vài thí dụ để nói. Chẳng có cung điện, ông ta có thể biến huyễn cung điện cho quý vị thấy, biến huyễn thành trì, lầu gác, những kiến trúc như cung điện, hành lang dài, có thể biến hiện những hiện tượng, có thể biến một chiếc khăn tay thành con thỏ, biến một chiếc thắt lưng thành con rắn, biến hiện những trò vui ấy cho quý vị xem. Thật ra, quý vị biết tất cả đều là giả, chẳng có thứ gì là thật. Ở đây, đức Phật mượn tỷ dụ này để nói, tỷ dụ cho dễ hiểu. *“Cố kim tá thuật giả chi huyễn hóa”* (nên nay mượn sự huyễn hóa của người làm ảo thuật), sự biến hóa của người làm ảo thuật, *“dĩ dụ đại sĩ chi Phổ Môn thị hiện”* (hòng tỷ dụ sự Phổ Môn thị hiện của bậc đại sĩ). Những vị Pháp Thân đại sĩ, tức là bốn mươi mốt địa vị Pháp Thân đại sĩ trong các thế giới chư Phật khắp mười phương, hễ chúng sanh có cảm, các Ngài bèn có ứng, khi ứng bèn hiện thân. Ngài hiện thân thuận theo ý niệm của chúng sanh. Chúng sanh muốn Ngài hiện thân gì, Ngài bèn hiện thân ấy, chẳng phải do chính mình, các Ngài chẳng khởi tâm, chẳng động niệm. Không khởi tâm, không động niệm, đó là Trí. Chính mình thị hiện độ chúng sanh, có chấp tướng độ chúng sanh hay không? Chẳng chấp trước, vì sao? Tướng của chúng sanh là trống không, tướng do chính mình thị hiện cũng là giả, có gì tốt lành để chấp trước? Thảy đều chẳng chấp trước, điều này gọi là *“tam luân thể không”*, tức là chẳng chấp trước tự tướng, chẳng chấp trước tha tướng, và cũng chẳng chấp trước các thứ phương pháp phương tiện thiện xảo được sử dụng để giúp đỡ chúng sanh trong ấy. Thảy đều không chấp trước, biết phàm những gì có tướng đều là hư vọng. Tự tướng, tha tướng, các thứ hiện tướng, không gì chẳng phải là hư vọng.

 Trong mắt các Ngài, hoàn toàn thấy những cảnh giới ấy là hư vọng, hoàn toàn hiển lộ viên mãn trước mắt chúng ta, vì sao chúng ta chẳng thấy? Chúng ta bị những tướng ấy mê hoặc, ngỡ chúng là thật. Điều này có nghĩa là tâm chúng ta bị nhiễm bẩn. Tâm giống như nước, bị nhiễm bẩn, dao động. Dao động bèn nổi sóng gió, nước ấy bèn mất đi tác dụng chiếu soi. Tâm Bồ Tát thanh tịnh, bất động, bình đẳng, chẳng dao động, giống như nước trong vắt, chẳng nổi sóng, giống như một tấm gương, chiếu cảnh giới bên ngoài rõ ràng, rành rẽ. Vì vậy, trong cảnh giới, các Ngài chẳng khởi tâm, không động niệm, chẳng phân biệt, không chấp trước. Chúng ta đánh mất [tác dụng] Chiếu, Chiếu là trí huệ. Do đâu mà có trí huệ? Trí huệ do thanh tịnh bình đẳng mà có, thanh tịnh bình đẳng là Thiền Định. Chư vị phải hiểu: Tâm thanh tịnh bình đẳng là chân tâm của chính mình, nay đang bị nhiễm ô, bị dao động, tâm ấy gọi là vọng tâm. Vọng tâm chẳng rời khỏi chân tâm, là sóng chẳng rời khỏi nước. Nước là chân tâm, sóng là vọng tâm. Thanh tịnh là chân tâm, nhiễm ô là vọng tâm. Chúng ta có chấp trước là nhiễm ô, có phân biệt bèn có dao động. Chúng ta phải học tập trong cảnh giới, học gì vậy? Đầu tiên là học chẳng nhiễm ô, mắt thấy sắc, tai nghe tiếng, sáu căn tiếp xúc cảnh giới sáu trần, chẳng bị nó ảnh hưởng. Tiếp xúc, chẳng dấy lên tự tư, tự lợi, chẳng khởi tham, sân, si, mạn, chẳng bị chúng quấy nhiễu. Trông thấy bèn rất hoan hỷ, tức là bị nhiễm bẩn. Trông thấy rồi cảm thấy đáng ghét, cũng là bị nhiễm bẩn. Ta trông thấy bèn mong chiếm hữu, muốn khống chế, đều là bị nhiễm bẩn. Phải thời thời khắc khắc cảnh giác điều này.

 Tới công ty bách hóa một chuyến chẳng sao cả, người thật sự tu hành thường đến đó, vì sao? Thấy những thứ ấy mà chẳng động tâm, đó là chân tu hành, Định - Huệ giữ quân bằng. Xem là gì? Hiện thời, khoa học kỹ thuật phát triển, sản phẩm khoa học lại đổi khác mỗi ngày mỗi tháng, mỗi ngày đến xem, đó là trí huệ, quý vị hiểu rõ, như như bất động, đó là *“định công”* (công phu định lực). Thật sự tu Định chẳng phải là ngồi xếp bằng ngó vào vách, mà là dạo trong công ty bách hóa mỗi ngày, chân tu Thiền Định, chân định, chẳng phải giả! Xếp bằng ngó vào vách mấy năm, nhưng đến công ty bách hóa một chuyến vẫn khởi tâm động niệm, thôi rồi! Quý vị xem năm mươi ba lần tham học trong kinh Hoa Nghiêm, các vị trưởng lão tu Thiền Định ở chỗ nào? Tu trong công ty bách hóa, là nơi náo nhiệt nhất. Họ đi dạo phố, Thiện Tài đồng tử đến tham phỏng họ, biết họ đang tu Thiền Định trong ấy. Người ta thấy họ dạo phố, cũng xem cái này, cũng ngó cái kia, nhìn Đông, ngó Tây, nhưng Thiện Tài đồng tử biết đó là Thiền Định thật sự. Phải hiểu điều này, phải thật tu, phải thật luyện, phải thật sự luyện công phu, đoạn trừ tham, sân, si, mạn, nghi. Chẳng tiếp xúc cảnh giới bên ngoài, sẽ chẳng đoạn được, giả trất, chẳng phải là thật. Nếu tiếp xúc mà thật sự đoạn được, đó là thật, chẳng giả. Do vậy, tiên sinh Phương Đông Mỹ thuở trước giới thiệu triết học kinh Phật cho tôi, bảo Phật pháp vốn đạt đến cái thật, chẳng phải là đạt đến cái giả, trải qua thí nghiệm bằng năm mươi ba lần tham học. Chẳng trải qua thí nghiệm thì nói theo khoa học, chẳng thể coi là thật. Thông qua thí nghiệm thì mới là thật, chẳng giả chút nào. Do vậy, kinh Hoa Nghiêm là bộ kinh được giảng đầu tiên sau khi đức Thế Tôn thành đạo, là pháp luân viên mãn, là bộ kinh bậc nhất trong Phật môn.

 *“Ư bỉ tướng trung, thật vô khả đắc”* (trong các tướng ấy, thật chẳng có gì để có thể được). Chữ *“tướng”* chỉ y báo và chánh báo trang nghiêm trong mười pháp giới, cũng là như kinh Kim Cang đã nói: *“Phàm những gì có hình tướng đều là hư vọng”*. Phàm những gì có tướng, không chỉ bao gồm mười pháp giới, mà còn kể cả cõi Thật Báo Trang Nghiêm của chư Phật Như Lai. Vì sao? Cõi Thật Báo Trang Nghiêm có tướng. Trong hết thảy các kinh, đức Phật chưa hề nói: “Phàm những gì có tướng đều là hư vọng, ngoại trừ cõi Thật Báo Trang Nghiêm”, chẳng nói câu ấy! Chẳng nói câu ấy thì chúng ta biết cõi Thật Báo cũng là hư vọng. Gì là chân thật? Chân thật chỉ có một, chẳng có thứ hai, đó là cõi Thường Tịch Quang. Thường Tịch Quang là chân thật, chẳng giả! Vì sao? Vĩnh hằng bất biến. Cõi Thật Báo do đâu mà có? Qua học tập kinh Hoa Nghiêm, chúng tôi mới biết, chứ trong quá khứ, đây là một nghi vấn, cũng là bao nhiêu năm đều chẳng thể giải quyết, chẳng nghĩ ra. Cõi ấy do đâu mà có? Bồ Tát tu hành đạt đến đại triệt đại ngộ, minh tâm kiến tánh, sanh trong cõi Thật Báo. Chúng ta có thể suy tưởng, những người đại ngộ ấy, khởi tâm động niệm đã đoạn trừ. Chẳng khởi tâm, không động niệm, đương nhiên phân biệt và chấp trước đã sớm chẳng còn! Thế giới ấy là thế giới bình đẳng, vì sao có hiện tướng? Phải biết, đúng là Nhất Chân pháp giới thuần chân vô vọng. [Còn các Bồ Tát trong cõi Thật Báo] tuy đã thuần chân, vẫn còn mang theo vọng, nên vẫn chưa bỏ được tướng. Từ kinh Hoa Nghiêm, chúng ta có thể thấy tin tức ấy, tin tức gì vậy? Kinh Hoa Nghiêm [nói hàng Pháp Thân đại sĩ] còn có bốn mươi mốt địa vị. Bốn mươi mốt địa ấy do đâu mà có? Người đã đạt đến “không khởi tâm, không động niệm”, còn có địa vị gì nữa? Có địa vị là có phân biệt, có phân biệt thì có chấp trước; do vậy, họ là phàm phu. Vì vậy, chúng ta phải thảo luận vấn đề này. Chúng ta thấy trong kinh có nói một câu, *“vô thỉ vô minh phiền não đã đoạn”*, cũng [có nghĩa] là thật sự chẳng khởi tâm, không động niệm, đã đoạn vô minh phiền não, nhưng tập khí chưa đoạn! Tin tức ấy khiến cho chúng ta cuối cùng tỉnh ngộ. Vô thỉ vô minh đã đoạn, nhưng tập khí chưa đoạn, bốn mươi mốt địa vị là do tập khí dầy hay mỏng mà chia ra. Càng lên cao, tập khí càng mỏng, cho đến khi tập khí hoàn toàn chẳng còn nữa, vị Bồ Tát như vậy được gọi là Phật Đà, đã đạt đến Phật quả viên mãn rốt ráo, tập khí chẳng còn nữa! Do vậy, ta có thể biết, cõi Thật Báo do tập khí biến hiện. Chẳng có tập khí, cõi Thật Báo cũng chẳng có. Cõi Thật Báo chẳng có thì chỉ còn lại một cõi là Thường Tịch Quang Tịnh Độ, đó là thật, là tự tánh, trở về tự tánh là Thường Tịch Quang. Do vậy, cõi Thường Tịch Quang gọi là Diệu Giác, Diệu Giác là Thường Tịch Quang, Thường Tịch Quang là Diệu Giác. Cõi Thật Báo, chẳng có khởi tâm động niệm, nhưng có tập khí. Vô thỉ vô minh đoạn trừ, nhưng tập khí vô thỉ vô minh vẫn còn. Chỉ cần tập khí hãy còn thì có tướng cõi Thật Báo. Tập khí chẳng còn, tướng của cõi Thật Báo cũng chẳng còn. Chúng ta mới hiểu rõ ràng, rành rẽ, đúng là *“phàm những gì có tướng đều là hư vọng”.*

 Những vị Bồ Tát ấy *“nhân thật tri thị huyễn, cố ư huyễn bất mê” (*do thật sự biết là huyễn, nên chẳng mê nơi huyễn), các Ngài biết ngay cả cõi Thật Báo Trang Nghiêm của chư Phật Như Lai đều là biến huyễn, chẳng phải là thật, huống hồ mười pháp giới, huống gì lục đạo. Hiểu rõ ràng, minh bạch, đối với các cảnh giới ấy chẳng có mảy may mê hoặc nào. Thật sự khế nhập cảnh giới ấy, nếu quý vị thấy trên địa cầu tai nạn hiện tiền thì sẽ giống như gì? Giống như chúng ta xem phim 2012 trong rạp chiếu bóng, đó là huyễn, chẳng phải là thật sự! Biến ra hình trạng ấy, biểu diễn trước mặt quý vị, quý vị bèn thấy chân tướng, giống như đang xem phim. Có khởi tâm động niệm hay không? Chẳng khởi tâm, không động niệm. Vì sao? Quý vị hiểu nhân như thế, duyên như thế, quả như thế, báo như thế, nó đang biểu diễn ở nơi đó. Diễn gì vậy? Diễn nhân duyên quả báo chẳng sai mảy may! Có liên can với chính mình hay không? Chẳng dính dáng mảy may, vì sao? Thân này của chính mình cũng là huyễn, cũng chẳng thật. Đối với cảnh giới, chẳng khởi tâm động niệm, đối với tự thân, cũng chẳng khởi tâm động niệm, đó là giải thoát, là đắc đại tự tại. Vì thế, chẳng có trí huệ sẽ không được. Chẳng có trí huệ sẽ ngỡ là thật, [đã coi là] thật sự bèn có khổ thọ. Quý vị biết là giả sẽ chẳng có khổ. Cổ đại đức cũng nói một câu danh ngôn, dạy chúng ta hãy thật sự thấy thấu suốt, dẫu bị giết chặt đầu, vẫn chẳng cảm thấy kinh hãi: *“Tương đầu lâm bạch nhận”* [nghĩa là] đem kề dao sát cổ, *“do như trảm xuân phong”* (giống như chém gió xuân). Quý vị thấy họ tự tại lắm, tiêu sái dường ấy! Người chưa nhập cảnh giới ấy, sẽ chẳng thốt nên lời ấy được! Do tri huyễn nên người ấy chẳng mê.

 *“Như Bảo Tích kinh trung, Học Huyễn thiên tử thuyết kệ tán Phật viết: Như huyễn sư tác huyễn, tự ư huyễn bất mê, dĩ tri huyễn hư cố, Phật quán thế diệc nhiên”* (Như trong kinh Bảo Tích, Học Huyễn thiên tử [[4]](#footnote-5)[4] đã nói kệ tán Phật: “Như huyễn sư biến huyễn, tự chẳng mê nơi huyễn, vì biết huyễn hư vọng. Phật quán sát thế gian, cũng giống như vậy đó”). Mấy câu này nói hay quá. Nay chúng ta sống trong thế giới này, nếu học thông suốt mấy câu này, quý vị chẳng có chút ưu lự nào, mà cũng chẳng có mảy may kinh hãi nào! Huyễn sư là ai? Câu này phải nói rõ ràng. *“Huyễn sư”* là ý niệm, trong giáo pháp Đại Thừa, đức Phật đã nói rất nhiều lần: *“Hết thảy các pháp sanh từ tâm tưởng”*, *“huyễn sư”* là tâm tưởng. Phải biết: Chư Phật và Pháp Thân Bồ Tát chẳng có tâm tưởng, các Ngài chẳng phải là huyễn sư, do chẳng có tâm tưởng. Huyễn sư là kẻ có tâm tưởng, đều là huyễn sư, tự làm, tự chịu, chính mình biến hóa trong ấy để chính mình tự thọ dụng. Chẳng phải là Phật, Bồ Tát biến hóa, mà do chúng sanh trong mười pháp giới biến hóa. Người trong cõi Thật Báo Trang Nghiêm tuy vẫn còn có tập khí vô thỉ vô minh, nhưng cũng chẳng biến hóa. Do vậy, quý vị phải thấy rõ ràng chỗ này, chẳng phải là Phật, Bồ Tát biến hóa, mà do chúng sanh trong mười pháp giới biến hóa, vì họ hữu tâm, hết thảy các pháp sanh từ tâm tưởng, tâm ấy là vọng tâm, họ có vọng tâm. Vọng tâm là gì? Khởi tâm động niệm, phân biệt, chấp trước, đó là huyễn sư; nhưng những kẻ ấy chẳng biết đó là huyễn, đã mê rồi. Những người trong cõi Thật Báo và cõi Thường Tịch Quang đều biết, biết quý vị là huyễn sư, mà cũng biết quý vị biến ra các huyễn pháp ấy, biết rõ ràng, rành rẽ. Các huyễn sư ấy tuy biến huyễn, nhưng chính mình chẳng mê, [giống như] kẻ làm ảo thuật biết rõ. Kẻ ấy làm ảo thuật cho người khác xem, chứ kẻ ấy chẳng mê. Người khác mê, chứ kẻ ấy chẳng mê! Tỷ dụ chỉ có thể sánh ví đến một hạn độ nhất định, chẳng có cách nào tỷ dụ khít khao, chẳng thể nào hoàn toàn phù hợp được!

 Nay chúng ta là huyễn sư mà chính mình cũng mê luôn, vấn đề ở chỗ này. Chính mình đã mê, [biến huyễn] cho người khác xem, người khác mê mà chính mình cũng bị mê luôn! Những vị Pháp Thân Bồ Tát trong cõi Thật Báo và chư Phật Như Lai trong cõi Thường Tịch Quang đều chẳng mê mảy may nào. Do quý vị đã mê, mê là có cảm, cảm có hữu tâm và vô tâm, có hữu ý và vô ý. Tuy nhiên, dẫu là vô ý cảm, Phật, Bồ Tát cũng có thể tiếp nhận, cũng có thể hiện thân thuyết pháp, từ bi vô tận mà! Các Ngài biết căn tánh của quý vị, nên Phật, Bồ Tát vì quý vị hiện thân thuyết pháp, quý vị tin tưởng, có thể lý giải, chịu học theo các Ngài, các Ngài bèn đến. Nếu quý vị chẳng tin tưởng, chẳng thể lý giải, các Ngài sẽ không đến. Các Ngài chẳng cần khởi tâm động niệm, người ta là trí huệ chiếu kiến, giống như trong Tâm Kinh đã nói: *“Quán Tự Tại Bồ Tát”*, các vị đại Bồ Tát trong pháp hội này có năng lực bình đẳng với Quán Âm Bồ Tát, chẳng có sai biệt, đều là Pháp Thân đại sĩ, họ biết như thế nào? *“Hành thâm Bát Nhã Ba La Mật Đa thời, chiếu kiến Ngũ Uẩn giai Không”*, người ta là Chiếu Kiến, giống như một tấm gương, giống như vô tuyến điện trong hiện thời, các Ngài có thể tiếp nhận, mà cũng có thể phát sóng. Bất luận chúng sanh hữu ý hay vô ý, hữu tâm hay vô tâm, hễ sóng phát ra, các Ngài đều nhận được. Vừa nhận được, các Ngài liền hoàn toàn hiểu rõ, tự nhiên hiện thân, vì chúng ta thuyết pháp, đến dạy bảo chúng ta, giúp chúng ta giác ngộ, giúp chúng ta quay đầu. Tuyệt đối chẳng có khởi tâm động niệm, nếu khởi tâm động niệm thì các Ngài bèn đọa lạc, biến thành phàm phu! Phàm phu tự cứu mình còn chưa được, làm sao có thể cứu người khác?

 *“Dĩ tri huyễn hư cố, Phật quán thế diệc nhiên”* (do biết huyễn là hư vọng, đức Phật quán thế gian cũng giống như thế). Như Lai nhìn thế gian này, thấy y báo và chánh báo trang nghiêm trong mười pháp giới giống như Pháp Thân Bồ Tát và chư Phật Như Lai quan sát thế gian này giống hệt như nhau, chẳng có thứ gì là thật, chẳng có thứ gì là thực tại! Đối với chân thật và hư vọng, nhà Phật định nghĩa: Chân là vĩnh hằng bất diệt, đấy là Chân. Hễ có biến hóa, hễ có sanh diệt, thì toàn là giả, đều chẳng thật. Đức Phật nói câu này chúng ta rất khó hiểu, vì sao? Đúng là chúng ta chẳng thể lý giải. Đức Phật nói đến sự sanh diệt, chẳng phải là hiện tượng [sanh diệt] như chúng ta đã nói. Con người được sanh ra là sanh vào thế giới này, người đã chết là diệt mất rồi, chết mất rồi, chẳng phải là ý nghĩa ấy. Chư Phật Như Lai, Pháp Thân Bồ Tát quán sanh diệt là quan sát hiện tượng dao động vô cùng vi tế. Do các nhà khoa học Lượng Tử cận đại đã hé lộ tin tức, chúng ta mới dần dần thấu hiểu ý nghĩa chân thật của mấy lời Phật dạy ấy. Tuy các nhà Lượng Tử Lực Học không hiểu thấu suốt cho mấy, nhưng chỉ cần đôi chút là chúng ta đã có ngộ xứ. Các nhà Lượng Tử Lực Học nói vật chất là giả, chẳng thật, về căn bản bèn chẳng có vật chất. Một sợi lông của chúng ta là vật chất, một hạt cát là vật chất, đem mài hạt cát thành bột, mỗi hạt bột ấy vẫn là vật chất, nhục nhãn của chúng ta còn có thể thấy được, cớ sao nói vật chất chẳng tồn tại? Bản chất của vật chất là gì? Là ý niệm, nhiều ý niệm tích lũy lại một chỗ, quý vị thấy dường như có thứ gì ở nơi đó, thấy có vật chất, bản chất của vật chất là thứ ấy.

 Thông qua tin tức ấy, chúng ta ngay lập tức hiểu rõ lời Phật dạy: *“Hết thảy các pháp sanh từ tâm tưởng”*, vật chất sanh từ tâm tưởng, lập tức khiến cho chúng ta quay lại [quán sát] A Lại Da Thức. Trong kinh Phật, đức Phật đã giảng A Lại Da Thức. Ba tế tướng của A Lại Da Thức, thứ nhất là Nghiệp Tướng, [chúng ta] đã biết: Nghiệp Tướng là dao động, tức ý niệm dao động. Thứ hai là Chuyển Tướng, Chuyển Tướng là ý niệm. Ý niệm do đâu mà có? Ý niệm từ dao động mà có, gọi là *“nhất niệm bất giác”*, đó là dao động thứ nhất. Do dao động, Chuyển Tướng mới biến thành Cảnh Giới Tướng, Cảnh Giới Tướng là vật chất. Đối với điều này, chúng tôi đột nhiên hiểu rõ đạo lý đức Phật đã giảng, trước kia tuy đọc, nhưng mơ hồ, đọc chú giải của cổ nhân cũng mơ hồ. Vì thế, đối với Đại Thừa Phật pháp, Lượng Tử Lực Học có cống hiến rất lớn, tuy họ chưa nói rất rõ ràng, nhưng nó có rất nhiều lý luận, khiến cho chúng ta vừa tiếp xúc, vừa suy tưởng những điều đã nói trong kinh bèn ngay lập tức hiểu rõ, mới biết tất cả hết thảy hiện tướng trước mắt, *“phàm những gì có tướng, đều là hư vọng”*, chúng ta có thể lý giải. Tuy chưa phải là chứng ngộ, [chỉ là] giải ngộ. Nhưng có thể giải ngộ, quý vị sẽ có thể xem nhẹ, chẳng còn chấp trước như thế nữa, biết chấp trước là sai lầm, chấp trước là khổ! Trong Phật pháp nói *“bát khổ giao tiên”* (tám nỗi khổ chen nhau nung đốt), do đâu mà có? Do chấp trước mà có. Buông chấp trước xuống, chẳng còn khổ nữa! Nói tóm lại, chẳng có một pháp nào chẳng phải là “tự làm, tự chịu”, phải hiểu rõ ràng, rành rẽ đạo lý này. Đã hiểu rõ thì trong bất cứ hoàn cảnh nào, sẽ chẳng oán trời trách người, sẽ không trách móc kẻ khác có lỗi với ta, sẽ chẳng có ý niệm ấy, đều là “tự làm, tự chịu”. Lại còn nghĩ nghiệp nhân quả báo, chẳng sai sót mảy may!

 Vì thế, Phật pháp dùng sáu chữ để bao quát toàn bộ hết thảy các pháp trong vũ trụ, có lý lắm! Sáu chữ ấy là *“tánh - tướng, lý - sự, nhân - quả”*, sáu chữ ấy đã nói trọn hết thảy các pháp thế gian và xuất thế gian, không có gì ra ngoài sáu chữ ấy. Trong sáu chữ ấy, chỉ có Tánh là thật. Trừ Tánh ra, Tánh có thể sanh, có thể hiện, những thứ khác toàn là giả, là cái được sanh, được hiện, chẳng có gì là thật. Danh từ Phật giáo gọi căn nguyên của tất cả hết thảy hư huyễn là A Lại Da. Nó là cội nguồn, hết thảy hiện tượng phát sanh từ nó. Bản thân nó là hư vọng nên biến hiện tất cả cảnh giới thảy đều hư vọng. Đúng là *“phàm những gì có tướng, đều là hư vọng”*, *“hết thảy pháp hữu vi, như mộng, huyễn, bọt, bóng”.* Kế đó, đức Phật nêu tỷ dụ: *“Như lộ, diệc như điển, ưng tác như thị quán”* (như sương, cũng như chớp; hãy nên quán như thế). Quý vị có cách nhìn như vậy, giống như cách nhìn của Phật, Phật tri, Phật kiến, kinh Pháp Hoa bảo là *“nhập Phật tri kiến”.* Chúng ta học Phật, đối với những kinh văn giống như thế này, hãy niệm nhiều, nghe nhiều, xem nhiều, từ từ sẽ bất tri bất giác khởi tác dụng, tác dụng gì vậy? Lạt lẽo đối với tất cả hết thảy các pháp thế gian. Thật sự lạt lẽo, sẽ chẳng còn chấp trước như vậy nữa, chẳng còn chấp trước nghiêm trọng như trước kia nữa. Ý niệm chấp trước, phân biệt đã nhạt dần, tâm càng ngày càng thanh tịnh, càng ngày càng bình đẳng, càng ngày càng tương ứng với Phật, Bồ Tát. Càng gần, tức là sẽ thành Phật chẳng xa. Nhất là chúng ta được gặp pháp môn Tịnh Tông, bản thân chúng ta rất có tín tâm, thật sự có thể coi đạm bạc hết thảy, phẩm vị khi vãng sanh Tây Phương Tịnh Độ sẽ tăng cao với một mức độ lớn, tăng lên tới cõi Thật Báo chẳng phải là chuyện không thể, mà là rất có thể. Nay đã hết thời gian rồi, chúng ta học tập tới đây.

**Tịnh Độ Đại Kinh Giải Diễn Nghĩa**

**Phần 56 hết**

# Tập 113

Chuyển ngữ: Bửu Quang Tự đệ tử Như Hòa

Giảo duyệt: Huệ Trang và Đức Phong

Chư vị pháp sư, chư vị đồng học, xin hãy ngồi xuống. Xin xem Đại Thừa Vô Lượng Thọ Kinh Giải, trang một trăm ba mươi bốn, hàng thứ hai, xem từ câu cuối.

 *“Diệc chánh như Viên Giác kinh viết: ‘Tri huyễn tức ly, ly huyễn tức giác. Cố ư huyễn tướng vô trước, vô đắc”* (cũng đúng như kinh Viên Giác đã nói: “Biết huyễn liền lìa, lìa huyễn tức là giác. Vì thế, đối với huyễn tướng chẳng chấp trước, chẳng đạt được”). Trong phần trước, chúng ta đã học qua, các đồng học tu Tịnh Độ chớ nên quên, phải học trí huệ của Văn Thù Bồ Tát, phải học hành môn của Phổ Hiền Bồ Tát; trong các phần trước, chúng tôi đã nói rất nhiều. Điều này là một chuyện rất khó, nhưng chẳng thể không học, pháp môn này thù thắng khôn sánh. Điều trọng yếu nhất là trước hết phải nhận biết nó, mục đích đầu tiên của kinh giáo là nhằm chỉ dạy, hướng dẫn chúng ta nhận biết và liễu giải pháp môn này. Nhận thức càng sâu, liễu giải càng thấu triệt, công phu tu hành tự nhiên đắc lực. Hễ công phu chẳng đắc lực, đều là do chẳng nhận thức rõ ràng chân tướng sự thật; trong kinh luận, Phật, Bồ Tát, tổ sư đại đức thường khuyên dạy chúng ta điều này. Trong phần trước, [sách Chú Giải] đã dẫn thí dụ trong kinh Bảo Tích, tiếp theo đó, cũng trích dẫn mấy câu trong kinh Viên Giác, trong ấy có hai câu: *“Tri huyễn tức ly, ly huyễn tức giác”*, hai câu này là kinh văn. Chúng ta nhất định phải biết khắp pháp giới hư không giới, trong phần trước, tôi đã thưa cùng chư vị, y báo và chánh báo trang nghiêm trong mười pháp giới chẳng phải là thật, kể cả cõi Thật Báo Trang Nghiêm của chư Phật Như Lai cũng chẳng thật. Đối với tiêu chuẩn “chân - vọng”, Phật pháp có một tiêu chuẩn tuyệt đối: Thật sự vĩnh hằng bất biến thì là Chân; nếu có biến hóa, đó là Giả. Vậy thì chúng hãy ta suy nghĩ, trong thế giới hiện thời, đối với các đối tượng tiếp xúc của sáu căn, có thứ nào mắt trông thấy mà chẳng biến hóa? Tai nghe âm thanh, mũi ngửi mùi vị, lưỡi nếm năm vị, cho đến ý căn tiếp xúc pháp trần, đều là các hiện tượng sanh diệt, đều có biến hóa. Nói chung, động vật có sanh, lão, bệnh, tử, sự biến hóa ấy được gọi là *“vô thường”.* Thực vật có sanh, trụ, dị, diệt, khoáng vật có thành, trụ, hoại, không; chỉ có một thứ chúng ta chẳng nhìn thấy sự biến hóa của nó, tức là hư không. Trong Bách Pháp [Minh Môn Luận], hư không được xếp vào loại vô vi pháp, tức là Hư Không Vô Vi. Hư không có phải là chân thật hay không? Hư không cũng chẳng phải là thật, pháp vô vi thật sự chỉ có một, tức là Chân Như Vô Vi. Năm thứ kia là Tương Tự Vô Vi, [có nghĩa là] giống như pháp vô vi, nhưng trên thực tế, chúng vẫn có sanh diệt.

 Các nhà khoa học hiện thời nói thời gian và không gian chẳng thật. Giáo pháp Đại Thừa bảo chúng ta: Tu hành đến mức đại triệt đại ngộ, minh tâm kiến tánh, quý vị bèn đột phá các chiều không gian. “Đột phá các chiều không gian” là chuyện như thế nào? Thời gian chẳng còn nữa, thời gian là giả. Thời gian không có, bèn chẳng có trước và sau, chẳng có quá khứ, mà cũng chẳng có tương lai, mà là ngay lập tức, quý vị có thể thấy quá khứ, mà cũng có thể thấy tương lai. Chẳng có không gian thì sao? Chẳng có không gian bèn chẳng có khoảng cách, thế giới Cực Lạc ở nơi đâu? Ở ngay nơi đây! Thật đấy, chẳng giả đâu! Trong phần khai thị của [Tam Thời] Hệ Niệm Pháp Sự, thiền sư Trung Phong đã bảo chúng ta: *“Tâm ta tức là A Di Đà Phật, A Di Đà Phật tức là tâm ta; phương này chính là Tịnh Độ, Tịnh Độ chính là phương này”.* Cảnh giới ấy là cảnh giới đại triệt đại ngộ, chẳng giả! Nếu quý vị đại triệt đại ngộ, minh tâm kiến tánh, sẽ chứng đắc cảnh giới ấy. Tại Ấn Độ, các vị Bồ Tát và A La Hán đã chứng đắc; tại Trung Quốc, Huệ Năng đại sư đốn ngộ, đốn chứng. Lịch đại tổ sư khai ngộ trong Tông Môn, quý vị đọc Truyền Đăng Lục và Ngũ Đăng Hội Nguyên [sẽ thấy] ghi chép rất nhiều. Đại khai viên giải của Giáo Hạ và niệm đến mức Lý nhất tâm bất loạn [trong Tịnh Độ] đều là nhập cảnh giới này, cũng tức là quý vị đã hiểu rõ chuyện thời gian và không gian, chúng chẳng phải là thật, mà là giả. Giả thì phải buông xuống, giả thì không chỉ chẳng mang theo được, mà chúng còn gây ra phiền phức. Phiền phức là gì? Phiền phức là mang đến nghiệp báo cho quý vị. Quý vị thiện tâm, thiện hạnh, bèn sanh trong ba thiện đạo; ác niệm, ác hạnh sẽ sanh trong ba ác đạo, phiền phức ở chỗ này.

 Vì thế, người thật sự tu hành, người niệm Phật nhất tâm nhất ý cầu sanh Tịnh Độ. Cầu sanh Tịnh Độ vì lẽ gì? Để thân cận A Di Đà Phật, Ngài là bậc đại thiện tri thức đệ nhất trong thế gian lẫn xuất thế gian. Ở nơi đây, chúng ta tu hành chứng quả rất khó khăn, dễ gì nói đến chuyện thành Phật? Đến thế giới Cực Lạc bèn rất dễ dàng: Thầy tốt, A Di Đà Phật là thầy; hoàn cảnh tốt đẹp. Nhất là sanh về thế giới Cực Lạc, thọ mạng giống như A Di Đà Phật, ai nấy đều là vô lượng thọ. Bạn học tốt đẹp, tức là các vị thượng thiện nhân, những thiện nhân ấy thuộc địa vị nào? Đẳng Giác Bồ Tát, hoặc Thập Địa Bồ Tát, quý vị là bạn học của các Ngài. Do vậy, hễ sanh về ấy, có thể nói là đảm bảo quý vị thành Phật. Tìm đâu ra một nơi nào khác [giống như vậy]? Ngoại trừ pháp môn Tịnh Độ, chẳng tìm được [pháp môn nào khác]! Do vậy, pháp môn này được gọi là *“môn dư đại đạo”* (đại đạo nằm ngoài các pháp môn khác). Chữ *“môn”* ấy chỉ tám vạn bốn ngàn pháp môn, [*“môn dư đại đạo”* có nghĩa là] đạo thành Phật đặc biệt ở ngoài tám vạn bốn ngàn pháp môn. Chẳng có duyên phận, chẳng thể gặp gỡ thì thôi, chẳng còn nói gì nữa; nhưng nếu được gặp gỡ mà chẳng nắm vững, chẳng thể thành tựu trong một đời, quá đáng tiếc! Vậy thì quý vị mong nắm chắc trong một đời, thật sự thành tựu trong một đời, điều vô cùng cần thiết là phải thấy thấu suốt. Đoạn kinh văn này dạy chúng ta thấy thấu suốt, bảo cho chúng ta biết thế giới này chẳng thật, toàn là giả. Nếu quý vị chấp trước nó, sai mất rồi! Thí dụ như quý vị mong khống chế nó, muốn chiếm hữu nó, thôi rồi, trong tương lai quý vị tiếp tục luân hồi chẳng ngơi trong lục đạo, chẳng có phần thành tựu trong đời này. Do vậy, phải triệt để buông xuống.

 Buông xuống! Vì sao kẻ ấy chưa buông xuống được? Chưa thấy thấu suốt, tức là chẳng liễu giải chân tướng sự thật. Đối với các kinh luận, cụ Hoàng Niệm Tổ đã hết sức khó có, trích dẫn khá nhiều khai thị trong các kinh luận nhằm giúp chúng ta thấy thấu suốt. Kinh Bảo Tích giảng: *“Như huyễn sư tác huyễn, tự ư huyễn bất mê, dĩ tri huyễn hư cố, Phật quán thế diệc nhiên”* (như nhà ảo thuật làm ảo thuật, đối với những thứ huyễn bèn chẳng mê, vì biết những thứ huyễn ấy là giả. Đức Phật quán cõi đời cũng giống như thế). Trong buổi học trước, chúng tôi đã nói điều này. Một câu kinh rất nổi tiếng trong kinh Viên Giác là *“tri huyễn tức ly, ly huyễn tức giác”*, hai câu ấy nói hay quá! Vì sao người thế gian chẳng thể lìa? *“Lìa”* là buông xuống, vì sao chẳng thể buông xuống? Do không biết. Chẳng biết thế gian này là giả, chẳng thật. Trong Chứng Đạo Ca, Vĩnh Gia đại sư đã nói: *“Mộng lý minh minh hữu lục thú”* (trong mộng rành rành phô sáu nẻo), *“lục thú”* (六趣) là lục đạo luân hồi. Mộng là gì? Mộng là nói tới mê. Mê chứ chẳng giác, nên dường như thật sự có lục đạo luân hồi. Lục đạo luân hồi cũng chẳng phải là giả, nhưng phải hiểu nó là một thứ trong mộng! Nếu quý vị tỉnh giấc, lục đạo chẳng còn nữa, giống hệt như mộng vậy! Giấc mộng ấy khá lâu dài, thời gian rất dài. Đã giác ngộ, giác ngộ là tỉnh mộng, cũng chẳng còn lưu luyến lục đạo nữa, cũng chẳng còn lưu tâm nơi đó nữa, như vậy là đúng. Đó là thật sự khai ngộ trong Phật môn, sự khai ngộ này chưa phải là đại triệt đại ngộ, nhưng được kể như là đại ngộ. Nhà Phật bảo *“tích tiểu ngộ thành đại ngộ”.* Khi nào biết là đại ngộ? Thật sự buông xuống là đại ngộ, chưa buông xuống thì vẫn đang mê, mê chứ chẳng giác. Ly huyễn thì ly huyễn là đã giác ngộ. Trong tựa đề kinh có *“thanh tịnh, bình đẳng, giác”*, năm chữ ấy trong tựa đề kinh chính là ba giai đoạn tu hành.

 Hiện thời, chư vị đều biết, trên khắp thế giới, chẳng riêng một nơi nào, tai nạn quá nhiều, trong lịch sử Trung Quốc lẫn ngoại quốc đều chưa hề có, những tai nạn kỳ quái hiện thời đều bộc phát cả rồi. Hôm qua, có một đồng học hạ tải một bài báo từ Internet đưa cho tôi xem: Ở ngoại quốc, vừa phát hiện một loại virus mới đang truyền nhiễm, từ Nam Á truyền sang Ấn Độ rồi từ đó truyền đến Âu Châu. Rất có thể loại ôn dịch này sẽ lan truyền khắp thế giới. Rất đáng sợ! Virus ấy rất nghiêm trọng, đó là ôn dịch. Động đất, núi lửa, sóng thần, hạn hán, lụt lội, toàn thể thế giới đều có. Vì sao có các hiện tượng ấy? Chúng ta đã học giáo pháp Đại Thừa nhiều năm ngần ấy, bèn hiểu rõ. Trong các buổi giảng, chúng tôi thường bảo các đồng học, thế giới này và thế giới Cực Lạc có gì khác biệt? Nói theo Lý, chẳng có mảy may sai biệt. Không chỉ là hai thế giới, mà mười phương vô lượng vô biên các cõi Phật, cũng chính là vô số tinh cầu trong hư không mà chúng ta trông thấy vào ban đêm, các thế giới ấy đều là bình đẳng, chẳng có sai biệt. Thảy đều là *“duy tâm sở hiện, duy thức sở biến”*, làm sao có sai biệt cho được? Vì sao Thích Ca Mâu Ni Phật giới thiệu Hoa Tạng, giới thiệu Tịnh Độ của A Di Đà Phật tốt đẹp dường ấy? Nhìn thấy địa cầu của chúng ta lắm tai nạn ngần ấy, là nguyên do gì? Đức Phật đã dạy: *“Hết thảy các pháp sanh từ tâm tưởng”*, chớ nên quên câu này! Sanh từ tâm tưởng, chúng ta bèn biết, cư dân trong Tây Phương Cực Lạc thế giới, tức là những người sống trên quả địa cầu đó, nghĩ tưởng gì? Những người ấy luôn nghĩ đến Phật pháp Đại Thừa, ở đây nói là *“ư huyễn bất mê, tri huyễn tức ly, ly huyễn tức giác”* (đối với huyễn chẳng mê, biết là huyễn liền lìa, lìa huyễn chính là giác), họ là hạng người như thế đó. Các cõi Phật trong vũ trụ và thế gian của chúng ta khác nhau. Quý vị thấy trong thế giới Cực Lạc, hoặc trong thế giới Hoa Tạng, chẳng nghe nói có quốc gia, chẳng nghe nói có quốc vương, chẳng nghe nói có đại thần, chẳng có chuyện ấy! Chẳng nghe nói có sĩ, nông, công, thương.

 Tây Phương Cực Lạc thế giới có hai loại người, chư vị phải biết điều này, thế giới ấy đơn thuần lắm! Hai loại người, một là thầy, A Di Đà Phật là thầy, người vãng sanh Tây Phương Cực Lạc thế giới đều là học trò. Người trong Tây Phương Cực Lạc mỗi ngày làm chuyện gì? Đi học. A Di Đà Phật giảng kinh, thuyết pháp, các vị Bồ Tát vãng sanh hằng ngày nghe Phật giảng kinh, nghe Phật dạy bảo, bèn chẳng có vọng tưởng, chẳng có phân biệt, chẳng có chấp trước. Họ học tập ở bên ấy đúng là chẳng gián đoạn, ngày đêm đều chẳng gián đoạn. Thế giới Cực Lạc chẳng có ngày đêm, cao hơn chư thiên, Sắc Giới Thiên chẳng có ngày đêm. Do vậy, nói theo cách chúng ta [thường nói], nơi ấy là trường học, là Phật học viện. Trong vũ trụ, A Di Đà Phật lập một Phật học viện, mười phương chư Phật Như Lai, quý vị thấy chẳng có vị Phật nào không khuyên đệ tử của Ngài đến học trong thế giới Cực Lạc. Vãng sanh thế giới Cực Lạc là đến học trong thế giới Cực Lạc, nay chúng ta nói là “du học”, [vãng sanh là] đến du học trong thế giới Cực Lạc. Đến bên kia chắc chắn thành Phật, lại còn hết sức nhanh chóng. Hạ hạ phẩm vãng sanh trong cõi Phàm Thánh Đồng Cư, mười hai kiếp bèn thành Phật, Thích Ca Mâu Ni Phật nói lời này trong kinh Quán Vô Lượng Thọ Phật, quyết định chẳng phải là giả. Trong thế gian này, nếu muốn thành Phật, đức Phật nói phải trải qua vô lượng kiếp, đến thế giới Cực Lạc [chỉ mất] mười hai kiếp, quý vị thấy đỡ tốn bao nhiêu thời gian! Đây là nói về trường hợp chậm nhất. Nếu công phu tu hành của quý vị khá hơn, có thể vãng sanh trong trung phẩm hoặc thượng phẩm, đến Tây Phương Cực Lạc thế giới đại khái chỉ có hai kiếp hoặc ba kiếp bèn thành công. Nếu là người thật sự niệm đến mức Lý nhất tâm bất loạn, đại triệt đại ngộ, đến Tây Phương Cực Lạc thế giới bèn thành Phật, sanh trong cõi Thật Báo Trang Nghiêm, chẳng phải là cõi Đồng Cư, mà cũng chẳng phải là cõi Hữu Dư, trực tiếp sanh vào cõi Thật Báo. Những lý sự này đều được đức Phật giảng thấu triệt như vậy trong kinh, chúng ta phải cảm tạ, đó là đại ân đại đức của đức Phật dành cho chúng ta. Chúng ta thật sự hiểu rõ, minh bạch rồi, tâm niệm Phật mới thật sự phát khởi, thật sự tu hành, thật sự niệm Phật. Vì sao? Ta đã hiểu rõ, minh bạch chuyện này, mà cũng hiểu rõ ràng minh bạch thế giới này. Những sự tao ngộ trong mỗi đời của tất cả chúng sanh trong hết thảy các cõi nước, nói một câu chân thật thì đều là “tự làm, tự chịu”. Đó chính là *“hết thảy các pháp sanh từ tâm tưởng”*, trong tâm quý vị nghĩ như thế nào, hoàn cảnh bên ngoài biến hiện như thế ấy, ai là chủ tể? Chính mình là chủ tể! Trong ngàn kinh muôn luận, đức Phật đã dạy điều này chẳng biết bao nhiêu lần. *“Duy tâm sở hiện”*, tâm của ai? Tâm của chính mình; *“duy thức sở biến”*, thức của ai? Phân biệt và chấp trước của chính mình, chẳng liên can đến ai khác! Chớ nên chẳng biết chân tướng sự thật này!

 Nếu tâm người trên địa cầu chúng ta đều thiện, chẳng trái phạm Tam Học Giới - Định - Huệ như Phật đã dạy trong kinh giáo, còn người chẳng học Phật, như người Trung Quốc [chẳng hạn] mà có thể tin tưởng giáo huấn của tổ tiên, tuân thủ luân lý, Ngũ Luân, Ngũ Thường, Tứ Duy, Bát Đức, khởi tâm động niệm, ngôn ngữ, tạo tác, đều chẳng lìa các tiêu chuẩn ấy, thế giới này sẽ vô cùng tốt đẹp, thế giới này sẽ được gọi là cõi đời thịnh trị. Trước hết, thân tâm mỗi người khỏe mạnh, gia đình hạnh phúc, sự nghiệp thuận lợi, xã hội hòa hài, thiên hạ thái bình. Do lòng người chiêu cảm, do lòng người tốt lành, nên núi, sông, đại địa hoàn toàn chẳng có các tai nạn, kinh Phật đã dạy như vậy. Tướng do tâm sanh, cảnh chuyển theo tâm, tướng mạo và thân thể của chúng ta khỏe mạnh là do ý niệm chuyển biến. Ý niệm của ta tốt đẹp, con người bèn khỏe mạnh, sống lâu, chẳng ngã bệnh. Tâm ta lẫn hành vi đều tốt đẹp, ở nơi đâu, nơi ấy chẳng có tai nạn. Điều này chẳng có gì hiếm hoi, lạ lùng, tình hình vốn là như thế đó. Hoàn cảnh đều là do ý niệm [mà biến hóa]; vì thế, ý niệm rất bất phàm, sức mạnh của nó rất lớn. Ý niệm bất thiện là tai nạn, tâm hạnh của quý vị chẳng lành thì đối với chính mình mà nói, chính mình toàn thân đầy bệnh tật, gia đình bất hòa, công việc chẳng thuận lợi, chỗ ở thường xảy ra tai nạn như hạn hán, lụt lội, động đất, đều do ý niệm của chính mình phát khởi, biến hiện. Đức Phật đã nói [những điều này] từ mấy ngàn năm trước.

 Theo ghi chép của tổ tiên Trung Quốc và lịch đại tổ sư, khác với cách nói của người ngoại quốc, người ngoại quốc nói: Từ lúc Thích Ca Mâu Ni Phật diệt độ cho đến nay là hơn hai ngàn năm trăm năm mươi năm. Tổ tiên người Trung Quốc ghi chép khác với cách nói ấy, họ chép rất rõ ràng là Thích Ca Mâu Ni Phật sanh nhằm năm thứ hai mươi bốn đời Châu Chiêu Vương, tức là năm Giáp Dần, Dần là cọp, Thích Ca Mâu Ni Phật tuổi Cọp, năm Giáp Dần mà! Đức Phật diệt độ nhằm năm thứ năm mươi ba đời Châu Mục Vương. Nếu theo cách ghi chép này, từ khi đức Phật diệt độ đến nay phải là ba ngàn lẻ ba mươi bảy năm, đó là cách nói được chư tổ tương truyền tại Trung Quốc. Trong quá khứ, lão hòa thượng Hư Vân đã dùng cách nói này, vị thuộc thế hệ trước đó là Ấn Quang đại sư cũng tuân theo cách nói này. Đương nhiên người ngoại quốc cũng có căn cứ, nhưng người Trung Quốc cũng có căn cứ, chẳng cần phải tranh luận chuyện này. Đây chẳng phải là chuyện to tát gì mà là chuyện nhỏ nhoi, chuyện vặt vãnh như lông gà, vỏ tỏi! Đối với văn hóa của chính mình, đối với điều được chư tổ tương truyền, chúng ta phải có tín tâm. Lịch đại tổ sư trong quá khứ tại Trung Quốc là những bậc hữu tu, hữu học, hữu chứng, chẳng phải là kẻ tầm thường, người bình thường sẽ chẳng làm được, các Ngài thật sự là những vị tái lai. Nếu chúng ta chẳng thể tin tưởng các Ngài, chẳng có tín tâm, sẽ chẳng có cách nào học tập!

 Điều được kinh điển nói, được các tổ sư truyền, còn rất khó có là các nhà khoa học cận đại, tức là các nhà thuộc ngành khoa học tiên phong là Lượng Tử Lực Học đã phát hiện. Trong những báo cáo do họ đưa ra, rất nhiều điều giống như trong kinh Phật đã nói. Thí dụ như ở đây nói: *“Tri huyễn hư cố”* (do biết huyễn là hư vọng), họ đã phát hiện điều này. Phát hiện trong vũ trụ này, bất luận tinh thần hay vật chất đều là giả, đều chẳng phải là thật. Tinh thần và vật chất do đâu mà có? Họ nói là do ý niệm mà có, chúng ta nói là *“niệm đầu”*, cách nói này giống như trong kinh Phật đã nói. Kinh Nhân Vương dạy: Trong một cái khảy ngón tay có sáu mươi sát-na, một sát-na có chín trăm niệm. Chúng ta học tập kinh giáo biết Thích Ca Mâu Ni Phật nói theo kiểu ấy là nói phương tiện, chẳng phải là chân thật. Nói phương tiện thì được, vì người bình phàm chẳng có cách nào lý giải điều này. Cuộc đối thoại giữa Thích Ca Mâu Ni Phật và Di Lặc Bồ Tát trong kinh Bồ Tát Xử Thai là nói chân thật, chẳng phải là nói phương tiện. Đức Phật hỏi Di Lặc Bồ Tát, phàm phu khởi một niệm, *“tâm hữu sở niệm”* (trong tâm dấy lên một niệm) thì trong một niệm ấy có bao nhiêu tế niệm, tức là [có bao nhiêu] ý niệm vi tế? Có bao nhiêu tướng? Tướng là hiện tượng vật chất. Có bao nhiêu thức? Thức là Thọ, Tưởng, Hành, Thức; tướng là Sắc, có những hiện tượng như thế xuất hiện. Di Lặc Bồ Tát trả lời, cũng dùng một cái khảy ngón tay, bao nhiêu niệm? Ba mươi hai ức trăm ngàn niệm. Dùng “trăm ngàn” làm đơn vị, chúng ta tính toán hoán đổi, thì [trong thời gian] một cái khảy ngón tay bèn có ba trăm hai mươi triệu [tế niệm], nhiều hơn kinh Nhân Vương đã nói quá nhiều. Nếu chúng ta khảy nhanh, một giây khảy được năm lần, tôi tin là có thể. Tôi có thể khảy bốn lần, tôi tin có người khảy nhanh hơn tôi, thân thể khỏe mạnh hơn tôi, động tác nhanh hơn tôi. Nếu một giây khảy năm lần, bèn là bao nhiêu triệu? Một ngàn sáu trăm triệu, vậy là một giây có bao nhiêu tế niệm? Có một ngàn sáu trăm triệu niệm vi tế.

 Niệm nhiều dường ấy, liên tục tích lũy chẳng ngừng, bèn sanh ra huyễn tướng. Trong huyễn tướng ấy có tinh thần và có vật chất, nói theo danh từ Phật pháp là Ngũ Uẩn, tức Sắc, Thọ, Tưởng, Hành, Thức xuất hiện. Đó là ba tế tướng của A Lại Da, các nhà Lượng Tử Học hiện thời đã phát hiện, chúng ta chẳng thể không bội phục họ. Trong kinh đức Phật đã nói, thức thứ sáu là Ý Thức, có công năng phân biệt vô cùng to lớn, đối ngoại, nó có thể duyên khắp pháp giới hư không giới, đối nội, nó có thể duyên đến A Lại Da. Hiện thời, Lượng Tử Lực Học đã duyên đến A Lại Da, nhưng chẳng duyên đến tự tánh. Nếu lại hỏi, các hiện tượng ý niệm ấy do đâu mà có, Lượng Tử Lực Học chẳng có cách nào trả lời, nhưng kinh Phật thì có. Đức Phật dạy, trong vũ trụ có một Lý Thể thật sự, có thể sanh ra vạn sự, vạn vật, Lý Thể ấy được gọi là tự tánh, “minh tâm kiến tánh” là quý vị tìm được điều này. Trong triết học, nó được gọi là “bản thể của vũ trụ vạn hữu”. Nó có thể sanh, có thể hiện, có thể biến; muôn hình muôn vẻ trong toàn thể vũ trụ là cái được sanh, cái được hiện, cái được biến. Khoa học chẳng tìm được cái “có thể sanh, có thể hiện, có thể biến” này. Vì sao? Vì chẳng thể dùng phân biệt, càng chẳng thể dùng chấp trước. Quý vị có phân biệt, có chấp trước, bèn là vọng tâm, vọng tâm chỉ có thể duyên vọng. A Lại Da là vọng, nên có thể duyên đến những hiện tượng hư vọng trong khắp pháp giới hư không giới, nhưng chẳng thể duyên Chân. Phải như thế nào thì mới có thể duyên Chân? Buông vọng xuống sẽ duyên được, thấy được; vì thế nói *“tri huyễn tức ly”*, ly huyễn bèn giác. Giác ấy chính là đại triệt đại ngộ, minh tâm kiến tánh, người ấy (người ly huyễn) đã chứng đắc cảnh giới ấy. Trong Phật pháp, người ấy được gọi là Phật Đà, đã thành Phật. Nhà khoa học, nhà khoa học Lượng Tử hãy còn cách biệt Phật một khoảng, tùy thuộc người ấy có thể buông xuống hay không? Nếu thật sự có thể buông toàn bộ vọng tưởng, phân biệt, chấp trước xuống, người ấy bèn thành Phật.

 Khoa học tiến bộ, tôi tin là dăm ba năm nữa, Lượng Tử Lực Học có thể phổ biến, khiến cho người trong cõi đời đều biết, [chuyện ấy] sẽ có ích vô cùng to lớn cho Phật giáo, [vì] những điều đức Phật đã nói trong kinh đều được chứng tỏ. Nhân loại đã có năng lực xử lý hoàn cảnh, muốn hóa giải tai nạn bèn biết dùng phương pháp gì; để hóa giải các xung đột, đã có biện pháp. Chỉ cần chúng ta tin tưởng, *“tín vi đạo nguyên, công đức mẫu”* (tín là nguồn đạo, mẹ công đức), quý vị chẳng tin thì chẳng có cách nào cả! Vì sao chẳng thể tin? Quý vị chẳng nhận biết điều này, do chẳng nhận biết nên không tin. Khi tôi còn trẻ, đối với những điều này chẳng biết tí gì, học trong nhà trường nghe giáo viên bảo: “Tôn giáo là mê tín, Phật giáo là đa thần giáo, thứ gì cũng lạy, mê tín nhất, mê tín hàng đầu trong các thứ mê tín”. Vì thế, trước nay tôi chưa hề có ý nghĩ tiếp xúc Phật giáo, chẳng có! Chùa miếu đều chẳng đến, thuở trẻ ngoan cố dường ấy. Cũng may là chúng tôi có tâm mong cầu hiểu biết, lúc hai mươi mốt tuổi sanh lòng mê đắm triết học, trong tâm tôi hết sức ưa thích môn khoa học ấy. Lúc hai mươi sáu tuổi, gặp gỡ giáo sư Phương Đông Mỹ là một vị triết gia đương thời mà trong tâm tôi hết sức ngưỡng mộ, tôi theo học Triết với thầy. Trong phần cuối cùng, thầy giảng triết học trong kinh Phật, tôi cảm thấy hết sức kinh ngạc, thưa: “Phật giáo là tôn giáo, là đa thần giáo. Đa thần giáo là tôn giáo thấp kém, làm sao có triết học cho được?” Thầy bảo: “Anh còn trẻ, không biết!” Thầy giảng: *“Thích Ca Mâu Ni Phật là triết gia vĩ đại nhất trên thế giới, kinh Phật là đỉnh cao nhất trong nền triết học toàn thế giới. Học Phật là hưởng thụ cao nhất trong đời người”.* Tôi theo học môn ấy với thầy, mới sửa đổi quan niệm sai lầm, biết trong ấy có thứ thật tốt đẹp dường ấy, vô cùng khát vọng.

 Thầy bảo tôi: *“Hiện thời, trong các chùa miếu chẳng có triết học Phật giáo”*, tôi hỏi thầy phải tìm ở nơi đâu? *“Trong kinh điển”.* Vì sao? Hiện thời, trong chùa miếu chẳng có người học tập nữa. Thầy nói chẳng giống như trong quá khứ. Trong quá khứ, những người xuất gia trong các chùa miếu là bậc đại đức hạnh, đại học vấn! Vì thế, Phật môn thường nói: *“Người xuất gia là thầy của đế vương”*, chẳng sai tí nào! Thật sự có tư cách làm thầy của đế vương. Đế vương, tướng lãnh, đại thần hễ gặp những vấn đề chẳng thể giải quyết bèn thỉnh giáo người xuất gia, người xuất gia thật sự có năng lực chỉ dạy họ. Đáng tiếc là hiện thời họ chẳng học [kinh giáo] nữa. Do vậy, thầy bảo tôi: *“Nếu anh muốn học, [hãy học] từ kinh điển”*, chỉ cho tôi con đường ấy. Thầy chỉ cho tôi con đường ấy vô cùng chánh xác. Nếu thầy chẳng nói trước, tôi mò đến chùa miếu, gặp người xuất gia thỉnh giáo, một câu hỏi là ba điều không biết [[5]](#footnote-6)[1], chắc chắn tôi sẽ ngờ vực lời thầy, [cho là] lời thầy nói chẳng phải là sự thật. Thầy đã dặn dò trước: “Người xuất gia chẳng nghiêm túc học tập”. Sau khi đã học thì phải làm được, đó là Tập. Quý vị học rồi nhưng chẳng làm được, đó là giả, vô dụng! Há chẳng phải là trong Phật giáo có khoa học cao cấp? Chúng tôi đã học Phật nhiều năm ngần ấy, biết Phật giáo không chỉ có khoa học cao cấp, mà còn có triết học cao cấp. Khoa học và triết học đều đạt tới đỉnh cao tột bậc. Những phát hiện gần đây nhất trong Lượng Tử Lực Học giống hệt như trong kinh Đại Thừa đã nói.

 Học Phật có lợi ở chỗ nào? Đối với chính mình mà nói thì là thân tâm khỏe mạnh, thân tâm thanh tịnh; ban cho quý vị điều tốt đẹp ấy, chẳng có phiền não, chẳng có ưu lự, chẳng có vướng mắc, chẳng có áp lực, trí huệ tăng trưởng, đức hạnh tăng trưởng, vui sướng lắm! Vì vậy, người học Phật pháp hỷ sung mãn, trong Đại Kinh thường nói: *“Bồ Tát thường sanh tâm hoan hỷ”*, ở đây quý vị nói là “rất sung sướng”. Vì thế, thầy bảo tôi: *“Học Phật là hưởng thụ cao nhất trong đời người”*, tôi đã đạt được. Mỗi ngày đều cảm tạ thầy; nếu thầy chẳng chỉ ra con đường này, suốt cuộc đời này tôi sẽ khổ sở chẳng thể nói nổi, há có hạnh phúc, tự tại dường ấy? Thầy chỉ điểm đường lối chánh xác, bản thân chúng ta phải thật sự làm, biết đó là giả. Kinh Kim Cang dạy: *“Phàm những gì có tướng đều là hư vọng”*, đối với tất cả những tướng được hiện, chúng ta đều chẳng bận tâm, buông xuống hết! Thật sự chẳng có một niệm toan khống chế, chẳng có mảy may ý niệm chiếm hữu nào! Thuở tại thế, đức Thế Tôn đã nêu tấm gương tốt nhất. Ngài xuất thân là vương tử, quý tộc, xuất thân từ quý tộc. Mười chín tuổi bỏ ngôi vua, rời gia đình đi học đạo, học suốt mười hai năm. Sống cuộc đời của một vị Tăng khổ hạnh, ba y một bát, giữa trưa ăn một bữa, nghỉ dưới cội cây, sống suốt cả đời như vậy, vui sướng khôn sánh! Thành tựu Vô Thượng Chánh Đẳng Chánh Giác. Học Tiểu Thừa thành tựu, thành Chánh Giác, Đại Thừa Bồ Tát thành Chánh Đẳng Chánh Giác. Thuở ấy, Ngài biểu hiện cho chúng ta thấy, nêu gương cho hàng hậu học chúng ta.

 Trong Phật pháp, để tiến cao hơn thì phải buông xuống. Thuở ấy, Chương Gia đại sư dạy tôi: “Giống như tòa cao ốc một trăm tầng, quý vị có thể buông tầng thứ nhất xuống thì mới có thể tiến lên tầng thứ hai. Có thể buông tầng thứ hai xuống, mới có thể lên tầng thứ ba. Quý vị chẳng chịu buông xuống, chấp trước nơi đó, sẽ vĩnh viễn chẳng thể tiến bộ”. Năm mươi mốt tầng cấp Bồ Tát, [Thập Tín], Thập Trụ, Thập Hạnh, Thập Hồi Hướng, Thập Địa, Đẳng Giác, giống như một tòa cao ốc gồm năm mươi mốt tầng. Có thể buông Thập Tín xuống, quý vị đạt tới địa vị Thập Trụ. Có thể buông Thập Trụ xuống, quý vị mới có thể đạt đến địa vị Thập Hạnh, bí quyết là buông xuống. Vì sao chẳng buông xuống được? Do chẳng liễu giải chân tướng sự thật! Vì vậy, trước hết bảo quý vị hãy liễu giải chân tướng sự thật. Trí Văn Thù là thấy thấu suốt, hạnh Phổ Hiền là buông xuống. Thấy thấu suốt giúp buông xuống, buông xuống lại giúp thấy thấu suốt, hai điều này giúp nhau thành tựu từ Sơ Phát Tâm cho đến địa vị Như Lai, đem phương pháp thật sự bí mật này truyền cho quý vị! Tôi gặp gỡ Chương Gia đại sư là lần đầu tiên gặp mặt người xuất gia, tôi bèn hướng về lão nhân gia thỉnh giáo. Tôi thưa: “Tiên sinh Phương Đông Mỹ giới thiệu cho con biết Phật pháp, con biết Phật pháp thù thắng, biết Phật pháp là đại học vấn có thể giải quyết hết thảy vấn đề”. Tôi thỉnh giáo lão nhân gia: “Có phương pháp tốt đẹp nào khiến cho con có thể khế nhập rất nhanh chóng hay chăng?” Ngài dạy tôi *“thấy thấu suốt, buông xuống”*, truyền cho tôi ngay hôm đầu tiên. Tôi học suốt mười mấy năm mới thật sự hiểu rõ đạo lý ấy. Sau khi đã hiểu rõ, cảm kích thầy vô tận. Ngài chẳng giấu giếm mảy may nào, giống như đã đem bí mật thành Phật của hàng Bồ Tát truyền cho tôi. Tuy trong kinh Đại Thừa, đức Phật đã thường nói [tới bí quyết ấy], nhưng chúng tôi xem mà chẳng hiểu, đọc phớt qua, chẳng hề lưu ý. Thầy vừa chỉ điểm, cảnh tỉnh, chúng tôi bèn chú ý, phát hiện trong kinh điển Đại Thừa, đâu đâu Phật cũng đề ra, chỉ dạy [điều ấy]. Trong những bộ kinh Bảo Tích, Viên Giác, Lăng Nghiêm được nêu ra ở đây, thảy đều có. Đã thật sự liễu giải, nên đối với huyễn tướng chẳng chấp, chẳng đắc. *“Chấp”* là chấp tướng. Chẳng còn chấp tướng, bèn chẳng còn có ý niệm được - mất. Đối với hết thảy sự vật, chẳng có ý niệm khống chế hay chiếm hữu. Đó là *“vô đắc”*, thật sự thấy thấu suốt.

 *“Văn trung thịnh tán đại sĩ chi Quyền Thật nhị đức”* (lời văn nồng nhiệt ca ngợi hai đức Quyền và Thật của đại sĩ), Quyền Đức là buông xuống, Thật Đức là thấy thấu suốt. *“Đại sĩ”* được nói ở đây chính là các vị Bồ Tát tham dự pháp hội này. Ở đây nói tỳ-kheo có tới một vạn hai ngàn người, Bồ Tát vô lượng vô biên, có nhiều vị Bồ Tát từ thế giới phương khác đến. *“Giai năng thị hiện thị Quyền Đức, thật vô khả đắc thị Thật Đức”* (“Đều có thể thị hiện” là Quyền Đức, “thật sự chẳng thể được” là Thật Đức). *“Thật vô khả đắc”* là trí huệ, *“giai năng thị hiện”* là phương tiện thiện xảo, nên dùng thân gì để độ được, chư Phật Như Lai, Pháp Thân Bồ Tát đều có thể hiện thân, như trong kinh Lăng Nghiêm đã nói: *“Tùy chúng sanh tâm, ứng sở tri lượng”* (thuận theo tâm của chúng sanh mà ứng hiện xứng với khả năng hiểu biết của họ). Chư Phật, Bồ Tát hiện thân, xác thực là chẳng hề khởi tâm động niệm, hiện như thế nào? Tự nhiên hiện, thuật ngữ trong Phật pháp là *“pháp nhĩ như thị”*,tức là “vốn là như vậy”. Nếu hỏi, vì sao vốn là như vậy? Do cùng một tự tánh! Chỉ rõ vạn sự vạn vật trong toàn thể vũ trụ và chính mình là cùng một Thể. Trong giáo pháp Đại Thừa, đức Phật thường nói: *“Mười phương ba đời Phật, cùng chung một Pháp Thân”*, thật vậy, chẳng giả tí nào! Do đó nói: *“Vô duyên Đại Từ, đồng thể Đại Bi”.* Pháp Thân Bồ Tát biết, nhận thức, khẳng định hết thảy các pháp và ta là một Thể, phàm phu chẳng biết, phân chia Tự và Tha, nên tự tư tự lợi, tổn người lợi mình, gây tạo vô lượng vô biên tội nghiệp. Tuy tội nghiệp là giả, chẳng thật, nhưng nếu kẻ ấy không tỉnh ngộ thì phải hứng chịu! Hứng chịu rất khổ, giống như mơ thấy ác mộng. Khi kẻ ấy gặp ác mộng, chẳng biết chính mình đang nằm mộng, khổ chẳng thể nói nổi, hễ tỉnh giấc mới biết là một giấc mộng. Chúng sanh luân hồi trong lục đạo là như vậy, chịu khổ, hưởng vui trong lục đạo, ngày nào tỉnh giấc, giác ngộ, lục đạo bèn chẳng còn nữa, mới biết là một giấc mộng to lớn. Lời Vĩnh Gia đại sư đã nói là lời thật, chẳng phải là giả. *“Hội trung chư đại sĩ giai viên cụ Quyền Thật nhị đức”* (Các vị đại sĩ trong hội đều đầy đủ trọn vẹn hai đức Quyền và Thật), viên mãn trọn đủ hai đức ấy. *“Cố vân: Thử chư Bồ Tát, diệc phục như thị”* (Vì thế nói: “Các vị Bồ Tát ấy cũng giống như thế”). Đây là lời tổng kết một đoạn ngắn, [ý nói] các vị Bồ Tát ấy đều có trí huệ và đức hạnh ấy. Chư vị hãy ghi nhớ: Đức hạnh là buông xuống!

 Chúng ta học Phật phải ghi nhớ: Thật sự muốn cầu vãng sanh thì phải trì giới, phải khổ hạnh. Trước khi diệt độ, Thích Ca Mâu Ni Phật răn dạy đệ tử, đức Phật chẳng còn hiện diện trong thế giới này thì hãy *“lấy khổ làm thầy, lấy giới làm thầy”*. Bất luận quý vị học Thiền Tông, học Giáo Hạ, học Hiển, học Mật, học Đại Thừa, học Tiểu Thừa, chỉ cần là học Phật thì điều này là căn bản, [tức là] *“lấy giới làm thầy”* là căn bản, *“lấy khổ làm thầy”* là căn bản. Vì sao chẳng trì giới tốt đẹp? Sợ chịu khổ, như vậy là chẳng được rồi! Quý vị thật sự muốn thành tựu, phải nhẫn được điều này, chịu được nỗi khổ kẻ khác chẳng thể chịu, nhẫn được nỗi nhục chẳng thể nhẫn, nay chúng ta gọi [nỗi nhục ấy] là “nhục nhã”, có thể nhẫn được. Thực hiện giới luật từ chỗ nào? Phải bắt đầu bằng Đệ Tử Quy. Đối với Phật giáo hiện thời, chúng tôi đã đến nhiều nơi thuộc các quốc gia, tiếp xúc các vị đồng tu học Phật trong giới Hoa kiều đã nhiều năm, khiến cho chúng tôi nhận thấy hàng xuất gia học Phật chẳng thể hành Sa Di Luật Nghi, hàng tại gia chẳng thể hành Thập Thiện Nghiệp Đạo; do vậy, họ chẳng thể thành tựu. Chẳng phải là họ không nỗ lực, tôi gặp những người tham Thiền, có người học Giáo, có người học Mật, vì sao họ chẳng thể thành tựu? Đừng nói là so với cổ nhân, ngay cả so với người thuộc thế hệ trước mà đã thua kém rồi! Rốt cuộc, nguyên nhân ở chỗ nào? Vì sao người trước kia có thể làm được, nhưng người hiện thời chẳng làm được? Thâm nhập quan sát mới bèn phát hiện, người thuộc thế hệ chúng ta đã sơ sót trong giáo dục vun bồi căn bản! Chẳng thể nào chê trách người trong thế hệ này được! Trong kinh Vô Lượng Thọ, Thích Ca Mâu Ni Phật đã nói một lời công bằng: *“Tiên nhân bất thiện (vô tri), bất thức đạo đức, vô hữu ngữ giả, thù vô quái dã”* (người đời trước chẳng lành (không hiểu biết), chẳng biết đạo đức, chẳng có ai nói với họ, trọn chẳng đáng trách). Dường như là nói với người trong thế hệ này, vì cha mẹ họ chẳng biết, sanh trong thời hoạn nạn mà! Ông bà của kẻ ấy cũng chẳng biết, dẫu là ông bà cố của họ, gần như thuộc vào lớp tuổi tôi, vẫn chưa hoàn toàn biết. Vẫn phải là đời trước của tôi, tức là kể đến đời cha của tôi thì mới biết. Họ sống vào thời đầu Dân Quốc, tuy văn hóa truyền thống Trung Quốc đã bị coi nhẹ, nhưng vẫn còn ảnh hưởng. Đến thế hệ chúng tôi, hãy còn chịu ảnh hưởng đôi chút, chứ người trẻ hơn tôi đôi ba tuổi đã chẳng biết nữa! Tôi có một người em trai nhỏ hơn tôi sáu tuổi, căn bản là anh ta chẳng biết! Làm sao quý vị có thể trách móc người hiện thời? Cho nên chẳng thể trách móc họ, hãy khéo dạy bảo họ học tập bổ sung những môn học ấy, học bù! Lúc bé chẳng học, nay đã giác ngộ, nếu muốn thật sự thực hiện, nhất định phải học bổ sung các môn học ấy; vì nếu chẳng có những môn học ấy, quý vị chẳng có căn bản, siêng khổ nỗ lực cả đời, nhưng chẳng thể thành tựu! Giống như cây cối, hoa cỏ, chẳng có rễ, quý vị cắm hoa trong bình, vun quén thì nó cũng có thể nở hoa, nhìn cũng đẹp lắm, nhưng chẳng thể kết trái. Chớ nên không hiểu đạo lý này!

 Đối với chuyện giáo dục con cái, cổ nhân Trung Quốc hết sức nghiêm ngặt, hết sức coi trọng. Gia tộc quý vị trong tương lai có thể hưng vượng hay không, có thể phát đạt hay không, hoàn toàn cậy vào mai sau có nhân tài xuất hiện hay không? Vì thế, rất coi trọng chuyện dạy dỗ con cái. Bắt đầu dạy từ khi nào? Từ lúc có mang bèn bắt đầu dạy, gọi là *“thai giáo”.* Trẻ nhỏ vừa sanh ra, biết nhìn, biết nghe, quý vị ngàn muôn lần chớ nên nghĩ rằng nó chẳng hiểu chuyện, [nếu nghĩ như vậy], quý vị đã sai mất rồi! Nó rất thông minh, cái gì cũng đều biết, chỉ là chưa thể nói. Vì thế, Đệ Tử Quy chẳng phải là để dạy trẻ nhỏ học, hoặc dạy chúng nó đọc, mà là gì? Cha mẹ phải thật thà thực hiện Đệ Tử Quy, làm cho trẻ thơ xem. *“Dạy con từ thuở còn thơ”*, khiến cho đứa bé ấy, tức là trước khi nó tròn ba tuổi, từ mới sanh ra cho đến ba tuổi là một ngàn ngày, một ngàn ngày ấy gọi là “vun bồi căn bản giáo dục”. Trong một ngàn ngày ấy, người mẹ rất nhọc nhằn, thời thời khắc khắc chăm sóc nó. Nói đúng ra là nó xem thấy, nghe thấy, tiếp xúc toàn là những điều tốt đẹp, quyết định chớ để nó tiếp xúc, hoặc trông thấy những điều xấu xa. Vì vậy, cha mẹ đã thực hiện Đệ Tử Quy trước mặt con, trẻ thơ đã được học, mỗi ngày nó đều xem và nghe. Vì thế, ngạn ngữ cổ Trung Quốc có câu: *“Tam tuế khán bát thập”*, [nghĩa là] trẻ thơ cho đến ba tuổi đã được vun bồi cội rễ thì đến tám mươi tuổi cũng chẳng bị biến đổi, rễ sâu cội vững mà! Do đó, giáo dục luân lý và giáo dục đạo đức đều do cha mẹ thực hiện cho trẻ thấy, dụng tâm như thế đó! Trẻ cũng biết, cũng làm được, nhưng vì sao phải làm như vậy, nó chẳng biết. Đến sáu, bảy tuổi đi học, dần dần hiểu chuyện, thầy tiếp tục nêu gương cho nó thấy; vì thế, thầy là *“thân hành, ngôn giáo”.* Trẻ nhỏ dần dần hiểu chuyện, bèn giảng cho nó nghe vì sao phải hiếu thuận cha mẹ? Vì sao em phải tôn kính anh, anh phải bảo vệ em? Giảng những đạo lý gần gũi, dễ hiểu cho nó nghe, dần dần nó sẽ hiểu, sự giáo dục này rất trọng yếu. Bởi lẽ đó, trẻ nhỏ Trung Quốc [thuở ấy] năm, sáu tuổi cũng rất biết lễ phép, giống như một người lớn thu nhỏ.

 Hiện thời chẳng còn nữa, ngày nay giáo dục trong gia đình chẳng còn nữa. Sự giáo dục trong nhà trường chẳng có môn này, giáo dục xã hội càng chẳng cần nhắc đến nữa! Ngay cả giáo dục tôn giáo cũng chẳng nói đến. Hỏng rồi! Vì thế, toàn thể xã hội hiện thời động loạn là do nguyên nhân nào? *“Thất giáo”* (chẳng dạy), hai chữ mà thôi! Giáo dục truyền thống bị vứt bỏ, giáo dục tôn giáo bỏ luôn, xã hội biến thành nông nỗi này! Tháng Sáu năm nay, chúng tôi cùng đi với đoàn phỏng vấn tôn giáo Mã Lai đến thăm Phạm Đề Cương (Vatican), gặp gỡ Giáo Hoàng của Thiên Chúa Giáo, trao đổi với đại chủ giáo (tổng giám mục) của họ. Họ cũng ý thức điều này, cũng biết vấn đề này rất nghiêm trọng. Do vậy, trong bản báo cáo, tôi đặc biệt nêu lên sự giáo dục tôn giáo. Vì trên cả thế giới hiện thời, các nhân sĩ trong giới học thuật, các thanh thiếu niên học sinh đều nghĩ tôn giáo là mê tín. Người tin theo tôn giáo mỗi năm một ít hơn. Phật giáo chúng ta chẳng có thống kê, chứ Thiên Chúa Giáo có thống kê, hằng năm người chịu rửa tội ít hơn. Chúng tôi cũng đã từng gặp rất nhiều lần, có rất nhiều người chất vấn, nghi ngờ tôn giáo có cống hiến gì cho xã hội? “Chẳng có cống hiến, chẳng có lợi ích, đương nhiên sẽ bị đào thải”, họ suy nghĩ như vậy đó!

 Trong quá khứ, tôn giáo có cống hiến cho xã hội, vì sao? Tôn giáo dạy dỗ, đặc biệt là Phật giáo. Phật giáo vào thời cổ, tự viện am đường là trường học. Hòa Thượng Thủ Tọa phân tòa giảng kinh, đó là giáo học. Một ngôi chùa có vài vị Hòa Thượng Thủ Tọa, quý vị thích học bộ kinh điển nào, có thể vào phòng học của vị đó, thật sự có thể học được thứ này, thứ nọ, họ dạy học mà! Vì thế, chúng tôi cực lực đề xướng tôn giáo phải quay về giáo học. Hiện thời nhằm đúng lúc gia đình, nhà trường và xã hội đều chẳng dạy luân lý đạo đức nữa, chúng ta có thể trích lục những kinh luận liên quan tới luân lý, đạo đức, nhân quả trong các kinh điển tôn giáo, bản thân chúng ta nghiêm túc học tập, phổ biến nhằm dạy bảo đại chúng trong xã hội, bù đắp giáo dục xã hội trong hiện tại đã thiếu mất ba thứ ấy (luân lý, đạo đức, nhân quả) thì tôn giáo sẽ có cống hiến vô cùng to lớn đối với xã hội. Người ta chẳng còn có thể nói “tôn giáo chẳng có cống hiến gì đối với xã hội”, vì chúng ta có những thứ tốt đẹp này! Phải thật sự làm, phải hiểu, phải biết giá trị. Bản thân chúng ta tu học, chính mình đạt được lợi ích, tôi thường nói là lợi ích cá nhân là khỏe mạnh, sống lâu. Tôi chẳng có đạo tràng, nếu có đạo tràng, đạo tràng ấy hòa hài, sự nghiệp hoằng pháp lợi sanh thuận lợi, chắc chắn là như thế! Tại gia cư sĩ, gia đình hạnh phúc, sự nghiệp thuận lợi, đại chúng trong hoàn cảnh cư trụ đều có thể hòa hài, điều này tốt lắm! Thật sự có sự tốt đẹp này, thật sự có cống hiến. Vì thế, trong sự nhận thức của chúng tôi về tôn giáo, các tôn giáo đều tốt đẹp. [Tôn giáo có] những ảnh hưởng tiêu cực là do trong tôn giáo hiện thời, những người học tập tôn giáo chẳng nghiêm túc nỗ lực, cũng bị thế tục nhuốm dơ, tức là [bị cuốn hút] vào danh vọng, lợi dưỡng, tham, sân, si, mạn, hỏng rồi, toàn thể tôn giáo bị hủy hoại. Do vậy, chúng ta phải nhận thức rõ ràng: Bản thân tôn giáo chẳng có vấn đề, mà là tín đồ tôn giáo có vấn đề, họ chẳng nghiêm túc học tập. Nếu họ nghiêm túc học tập thì tín đồ tôn giáo ai nấy đều là người tốt, ai nấy đều có cống hiến rất lớn đối với xã hội. Chúng ta chớ nên không hiểu rõ ràng, rành rẽ điều này.

 Lại xem đoạn kinh văn tiếp theo. Đoạn kinh văn này từ *“thông chư Pháp Tánh, đạt chúng sanh tướng”* (thông hiểu các pháp tánh, thấu đạt tướng của chúng sanh) cho đến đoạn kết thúc *“thiện lập phương tiện, hiển thị Tam Thừa”* (khéo lập phương tiện, hiển thị Tam Thừa). Đoạn này nhằm dạy chúng ta siêu tình ly kiến, triệt để buông xuống. Do kinh Vô Lượng Thọ thông với kinh Hoa Nghiêm, mục tiêu chung trong sự học tập là dạy chúng ta minh tâm kiến tánh, kiến tánh thành Phật, nên mới có kinh văn như vậy. Trong kinh Tiểu Thừa, chẳng thấy kinh văn như thế. *“Thông chư pháp tánh”*, *“chư”* (諸) là chư pháp, tánh của chư pháp là một tánh, giống như Hiền Thủ quốc sư đã nói *“tự tánh thanh tịnh viên minh thể”*, trong triết học gọi điều này là *“bản thể”.* Hiện thời, triết học và khoa học trên cả thế giới đều chẳng nói đến mức độ này, mà nói “từ một Thể khởi lên hai tác dụng”. Vì vậy, khoa học cũng đúng là khó có, thật sự chẳng dễ dàng, chỉ là họ chưa tìm được căn nguyên. Căn nguyên là tự tánh, ý thức của chúng ta duyên không tới, dùng máy móc tinh vi cũng chẳng nhìn thấy, vì nó chẳng phải là hiện tượng vật chất, mà cũng chẳng phải là hiện tượng tinh thần, máy móc tinh vi cỡ nào cũng vô dụng đối với nó! Chỉ có chứng mới biết, thật sự triệt để buông vọng tưởng, phân biệt, chấp trước xuống, quý vị bèn chứng đắc; đó là căn nguyên của vạn sự vạn pháp trong vũ trụ, [đó là] Pháp Tánh. Thiền Tông gọi *“thông chư pháp tánh”* là minh tâm kiến tánh. *“Đạt chúng sanh tướng”*: Phần trên (tức *“thông chư pháp tánh”*) là Thật Trí, phần dưới (*“đạt chúng sanh tướng”*) là Quyền Trí. *“Đạt chúng sanh tướng”* là Nhất Thiết Chủng Trí. Vạn sự vạn pháp trong vũ trụ vì sao có thể phát sanh? Phát sanh như thế nào? Vì sao có thể biến hóa? Quý vị biết toàn bộ những chuyện ấy thì là *“đạt chúng sanh tướng”.*

 Chúng ta xem cụ Hoàng Niệm Tổ giải thích: *“Pháp Tánh, hựu danh Thật Tướng, hựu danh Chân Như”* (Pháp Tánh còn gọi là Thật Tướng, còn gọi là Chân Như), chữ *“hựu danh”* (又名: lại còn gọi) áp dụng cho tất cả [những danh từ] sau đó, tức là *“hựu danh Pháp Giới, hựu danh Niết Bàn, hựu danh Thật Tế đẳng”* (còn gọi là Pháp Giới, còn gọi là Niết Bàn, còn gọi là Thật Tế v.v…), phía sau hãy còn [nhiều danh từ] nữa. Trong kinh, đức Phật nói tới Pháp Tánh, bèn nói các danh tự của nó nhiều tới khoảng chừng mấy chục tên, tổng cộng chừng sáu mươi, bảy mươi danh từ. Vì sao đức Phật nói ra lắm từ ngữ như vậy? Đây là phương tiện thiện xảo trong giáo học, nhằm dạy chúng ta chớ nên chấp trước tướng danh tự. Tướng danh tự chẳng thật, hiểu ý nghĩa của chúng là được rồi, giúp chúng ta phá chấp trước. Hễ chấp trước thì sai mất rồi, chớ nên chấp trước! Trong Khởi Tín Luận, Mã Minh Bồ Tát đã dạy chúng ta thái độ học tập, Ngài nói rất hay: Nghe kinh cần phải có tâm thái gì để nghe? Đầu tiên là *“ly ngôn thuyết tướng”*, lời lẽ của người ấy (người giảng pháp) nhiều hơn hoặc ít hơn mấy câu, nói sâu hay nói cạn, chẳng quan trọng! Chớ nên chấp trước tướng ấy. Điều thứ hai đừng chấp trước danh tự tướng, tức là *“ly danh tự tướng”*, [“danh tự”] là danh từ, thuật ngữ, như [các từ ngữ] *“Pháp Tánh, Thật Tướng”* được nói đến ở đây. *“Chân Như, pháp giới, Niết Bàn”* đều là các danh từ thuật ngữ trong Phật học, chớ nên chấp trước, hãy hiểu ý nghĩa của chúng, đừng nên chấp trước. Điều thứ ba là *“ly tâm duyên tướng”*, quý vị đừng suy nghĩ những ý nghĩa trong kinh. Vì sao? Quý vị suy nghĩ tức là vọng tưởng, đó chẳng phải là ý nghĩa của Phật, mà là ý nghĩa của chính quý vị. Kinh Phật có ý nghĩa hay không? Thưa thật thà cùng quý vị, kinh Phật chẳng có ý nghĩa gì! Chẳng có ý nghĩa mới là lưu lộ từ tự tánh. Có ý nghĩa là phàm phu, lưu xuất từ trong A Lại Da của quý vị, đó là phàm phu. Bởi lẽ đó, kinh Phật chẳng có ý nghĩa, phải hiểu điều này!

 Quý vị suy nghĩ như thế nào thì đó là ý nghĩa của chính quý vị, chẳng phải là ý nghĩa của Phật. Kệ Khai Kinh có câu: *“Nguyện giải Như Lai chân thật nghĩa”*, Như Lai chẳng có nghĩa chân thật, chẳng có ý, quý vị giải thích bằng cách nào? Đến khi nào quý vị có thể thật sự hiểu nghĩa chân thật? Khi tâm thanh tịnh hiện tiền, chiếu kiến, chẳng phải là *“tưởng kiến”* (sự thấy biết do suy tưởng), tâm bình đẳng hiện tiền, tâm thanh tịnh hiện tiền, quý vị sẽ có thể đạt được vài phần nghĩa chân thật của Như Lai. A La Hán, Bích Chi Phật đã chứng đắc vì các Ngài chẳng chấp trước, đối với hết thảy các pháp thế gian và xuất thế gian chẳng chấp trước. Bồ Tát cao hơn một bậc, Bồ Tát là Chánh Đẳng Chánh Giác, Bồ Tát sử dụng tâm bình đẳng. Không chỉ chẳng có chấp trước, mà phân biệt cũng chẳng có. Phân biệt đoạn hết, tức là đã đoạn Trần Sa Hoặc, đoạn hết chấp trước là đoạn hết Kiến Tư Hoặc, nên Bồ Tát có thể hiểu được nghĩa chân thật nhiều phần, tức là Ngài thấu hiểu hơn một nửa, trọn chẳng phải là dùng tưởng, hễ tưởng tức là trật rồi! Tưởng là gì? Rơi vào thức thứ sáu, tức Ý Thức. Vì thế, hiện thời học kinh giáo gặp khó khăn ở chỗ nào? Khó khăn ở ngay chỗ này, suy tưởng nhiều quá! Vừa nhìn, bèn nghĩ cái này có ý nghĩa gì, cái kia có ý nghĩa gì, hoàn toàn là ý tứ của chính mình. Đây là chuyện rất khó khăn. Vì vậy, chúng ta học Giáo, nếu không gặp được một vị thầy thật sự tốt đẹp, lúc vỡ lòng bèn chỉ điểm chúng ta,chúng ta sẽ đi lầm chỗ, biến thành gì? Biến thành đạt được lắm tri thức, tức là thường thức trong kinh Phật, đều do chúng ta suy tưởng, biến thành tri thức, mà quý vị cứ ngỡ chúng là trí huệ; chúng ta đã biến trí huệ thành tri thức, hao hụt quá lớn! Trí huệ có thể giải quyết vấn đề, tri thức chẳng thể!

 Sau khi Đệ Nhị Thế Chiến kết thúc, thế giới này chưa hề thái bình. Kể từ thập niên 70, mỗi năm Liên Hiệp Quốc triệu tập hội nghị hòa bình quốc tế, mời mọc các chuyên gia, học giả thảo luận [cùng một] chủ đề suốt ba mươi năm chẳng thay đổi: *“Làm thế nào để tiêu diệt xung đột, xúc tiến xã hội an định, thế giới hòa bình?”* Đã mở hội nghị hơn ba mươi năm với chủ đề ấy. Trước sau, tôi tham gia mười lần, tôi mới liễu giải trạng huống sự thật. Có hiệu quả hay không? Chẳng có hiệu quả! Quý vị thấy tần số xung đột xã hội mỗi năm một cao hơn, vấn đề ngày càng nghiêm trọng hơn. Chẳng phải là họ không quan tâm chú ý, họ thật sự quan tâm chú ý, vì sao chẳng thể giải quyết vấn đề? Chúng tôi tham dự bèn liễu giải, tri thức đấy mà! Các học giả và chuyên gia đều có học thức vô cùng phong phú, nhưng chẳng phải là trí huệ! Tri thức giải quyết vấn đề là cục hạn, đau đầu bèn chữa đầu, đau chân bèn chữa chân, chẳng thể trị dứt tận gốc, để lại một đống lớn hậu quả! Trí huệ chẳng như vậy! Tại Liên Hiệp Quốc, chúng tôi cống hiến rất đơn giản, rất trực tiếp báo cáo cùng mọi người, vấn đề phát sanh ở chỗ nào? Phát sanh từ giáo dục, con người do dạy dỗ mà thành tốt đẹp, cũng do dạy dỗ mà trở thành xấu xa, tùy thuộc cách dạy của quý vị như thế nào? Trong cả thế giới hiện thời, ai dạy? Chánh phủ các nước thiếu sót, sơ sót trong giáo dục nhân văn, thiếu sót giáo dục cách làm người, chỉ biết đến khoa học kỹ thuật. Phương diện ấy đột nhiên phát triển mạnh mẽ, nhưng chẳng biết làm người! Thiếu sót trong giáo dục luân lý, đạo đức, nhân quả, cho nên mới dẫn đến xã hội động loạn, mới đem lại tai hại trên địa cầu, vấn đề ở chỗ này. Dùng phương pháp gì để đối trị? Hãy nhanh chóng tìm lại giáo dục luân lý, đạo đức, nhân quả, bèn có thể giải quyết vấn đề, đặc biệt là tôn giáo. Tôn giáo có thể cống hiến rất tốt trong vấn đề này, vì trong kinh điển của mỗi tôn giáo lớn trên thế giới đều có tài liệu giáo huấn rất phong phú về luân lý, đạo đức, nhân quả. Nếu có thể triệu tập những người ấy, [tức là] những nhà tôn giáo thật sự nhiệt tâm, có thể thật sự hy sinh dâng hiến, bỏ mình vì người, có được chừng năm sáu mươi người như vậy, Liên Hiệp Quốc sắp xếp để họ mỗi ngày lợi dụng [truyền hình] vệ tinh hoặc Internet, những công cụ ấy rất tốt, để giảng học cho mọi người trên toàn bộ thế giới. Tôi tin là trong một năm thiên hạ sẽ thái bình. Tôi báo cáo như vậy rất nhiều lượt, thính giả cũng rất vui vẻ, nhưng từ đầu tới cuối chẳng thực hiện, đó là “nghị nhưng chẳng quyết, quyết nhưng chẳng làm!” Hiện thời, tôi không tham gia hội nghị ấy nữa, tuổi đã cao rồi, để cho người trẻ tuổi tiếp tục làm. Như vậy là dẫu vấn đề khó khăn đến mấy, Phật pháp đều có phương pháp giải quyết.

 Trước tiên, nêu ra mấy danh từ Pháp Tánh, sau đấy lại giảng Tánh là gì? [Tánh là] Thể, bản thể, nó có thể sanh, có thể hiện. Tuy nó chẳng phải là tinh thần, mà cũng chẳng phải là vật chất, nó có thể hiện tinh thần và vật chất, nó là bản thể của tinh thần và vật chất. Triết học nói vạn hữu trong vũ trụ có bản thể, nhưng mãi cho đến hiện thời vẫn chẳng có kết luận nhất định. Nói rất nhiều thứ, vẫn chẳng thể khiến cho người ta tâm phục, khẩu phục. Trong Phật pháp dùng chữ Tánh này để nói, có rất nhiều tên gọi khác biệt, *“Thể dã”* (Tánh là Thể). *“Nhất thiết pháp chi tự thể, danh vi Pháp Tánh”* (tự thể của hết thảy các pháp gọi là Pháp Tánh). Tổ tiên xa xưa của người Trung Quốc cũng nói, tổ tiên gọi nó là *“bổn tánh”*, quý vị thấy sách vở xưa đã nói: *“Bổn tánh bổn thiện”* (bổn tánh vốn lành). Tam Tự Kinh là sách để dạy vỡ lòng cho trẻ nhỏ, quý vị nghĩ xem [tổ tiên] đã dạy trẻ nhỏ câu đầu tiên: *“Nhân chi sơ, tánh bổn thiện”* (con người thoạt đầu tánh vốn lành). Bổn tánh vốn thiện, thiện ở đây chẳng phải là thiện trong *“thiện - ác”.* Thiện trong *“thiện - ác”* có mức độ rất thấp, thiện ở đây là *“viên mãn cụ túc”* (trọn đủ viên mãn) như nhà Phật đã nói, có ý nghĩa này. Đây là một tán thán từ, là một hình dung từ, nhằm tán thán nó viên mãn, chẳng có mảy may khiếm khuyết nào, trọn đủ! Trong Phật pháp đã nói, tức là trong kinh Hoa Nghiêm, đức Phật đã nói rất hay: *“Hết thảy chúng sanh đều có trí huệ và đức tướng của Như Lai”*, Như Lai là tự tánh. Trong tự tánh của hết thảy chúng sanh có trí huệ và đức năng viên mãn (nay chúng ta nói là “năng lực”), có tướng hảo viên mãn. Trí huệ và đức năng giống hệt như A Di Đà Phật, còn tướng hảo giống như thế giới Cực Lạc được nói trong kinh này. Trong tự tánh của hết thảy chúng sanh thảy đều có, là bình đẳng. Vì vậy, sự bình đẳng được nói trong nhà Phật là bình đẳng thật sự, chúng sanh và Phật bình đẳng. Tự thể của hết thảy các pháp được gọi là Pháp Tánh.

 *“Như Khởi Tín Luận Nghĩa Ký viết”* (như Khởi Tín Luận Nghĩa Ký nói). Nghĩa Ký là sách chú giải Khởi Tín Luận, do pháp sư Pháp Tạng ghi chép, tôi chẳng nhớ rõ lắm, tôi đã đọc sách này. Trong ấy có nói: *“Pháp Tánh giả, minh thử chân thể phổ biến nghĩa, thông dữ nhất thiết pháp vi tánh”* (Pháp Tánh, hiểu rõ ý nghĩa phổ biến này của chân thể, là tánh của khắp hết thảy các pháp). Hai câu này viết rất hay, *“minh”* (明) là quý vị thấu hiểu, đã biết rõ. *“Chân thể phổ biến nghĩa”*: Toàn thể vũ trụ, kể cả hư không pháp giới, đều do nó (Pháp Tánh) biến hiện. Vì thế, hư không chẳng thật, “có thể biến, có thể hiện” mới là thật, còn “cái được biến, cái được hiện” là giả, chẳng thật. *“Thông ư nhất thiết pháp vi tánh”*: Thể của hết thảy vạn sự vạn vật trong pháp giới hư không giới là Pháp Tánh. Nói cách khác, lìa khỏi Pháp Tánh, sẽ chẳng có một pháp nào để có thể được, pháp là tướng. Cổ nhân có tỷ dụ rất hay, như vàng chế thành đồ vật, món nào cũng đều là vàng. Chúng ta dùng hoàng kim, hoàng kim là Thể, tỷ dụ Pháp Tánh, dùng nó làm thành các thứ vật dụng, quá nhiều vật dụng, chẳng có cùng tận! Năm xưa tôi ở Mỹ, có một đồng tu là tại gia cư sĩ làm đồ châu báu. Ông ta chẳng phải làm đồ thật, mà làm đồ giả, tức là đồ trang sức bằng vàng, là đồ mạ vàng. Chẳng phải là vàng ròng, mà là vàng mạ. Có một hôm, ông ta dẫn tôi đến thăm phòng triển lãm, chính ông ta có công xưởng, chẳng phải là buôn bán nhỏ, mà là sản xuất để phân phối. Vì thế, có rất nhiều người đến đánh giá hàng hóa, đều trước hết đến thăm các mặt hàng triển lãm, chọn lựa kiểu mẫu tại đó. Tôi đến xem, hơn hai vạn món, lóng lánh chói mắt, đẹp đẽ khôn xiết! Tôi nghĩ kinh đã dạy: *“Dùng vàng làm vật dụng, món nào cũng đều là vàng”*, hoàn toàn có thể thấy được tại nơi đó, toàn là vàng. Ông ta làm đồ trang sức giá rẻ, món đắt nhất không hơn hai mươi đồng Mỹ kim, món rẻ chỉ có mấy đồng, năm sáu đồng, nên người bình phàm rất ưa thích, bị mất chẳng tiếc! Các món trang sức giả ấy rất nổi tiếng ở ngoại quốc, được người ta hết sức hoan nghênh, đồ thật bị mất sẽ đau lòng, đồ giả bị mất chẳng xót ruột. Hơn nữa, nhìn bề ngoài còn đẹp mắt hơn đồ thật. Chúng ta dùng những thứ này để làm tỷ dụ cũng rất thích hợp. Vàng là tánh, hết thảy các pháp là các món vật. Rời khỏi vàng, chẳng có đồ vật, tất cả hết thảy các món kim khí đều làm bằng vàng. Điều này nêu rõ mối quan hệ giữa Tánh và Tướng. Tướng do Tánh biến hiện, [Tánh] có thể sanh, có thể hiện. Còn như nó biến hóa, đó là Thức. Do tự tánh hiện, nó hiện, nó sanh, nó hiện, đó là thế giới gì? Cõi Thật Báo Trang Nghiêm của chư Phật Như Lai. Do vậy, trong cõi Thật Báo Trang Nghiêm chẳng có biến, người trong cõi Thật Báo Trang Nghiêm là vô lượng thọ, chẳng bị già yếu, chẳng thay đổi! Trong cõi Thật Báo, cây cối, hoa quả xanh tươi mãi mãi, lá cây chẳng úa vàng, thật sự vĩnh viễn chẳng rụng. Vì sao? Nó chẳng biến, có thể sanh, có thể hiện, chẳng biến đổi. Vì sao? Nó chẳng có A Lại Da.

 Chư vị phải hiểu: Biến thì trong mười pháp giới, biến là do A Lại Da đang biến. Chẳng có A Lại Da, đương nhiên nó sẽ không thể biến. Do đó, chúng ta gọi thế giới ấy là Nhất Chân, con người vĩnh viễn thanh xuân, chẳng biến thành già yếu, mà cũng chẳng có sanh tử, đó là cảnh giới trong cõi Thật Báo. Những vị Bồ Tát trong cõi Thật Báo tiến lên dần dần, chắc chắn sẽ có ngày tiến tới viên mãn, viên mãn là chứng đắc quả vị Diệu Giác. Từ Đẳng Giác chứng đắc Diệu Giác. Khi chứng đắc Diệu Giác, sẽ chẳng thấy cõi Thật Báo Trang Nghiêm, [cõi ấy] vẫn là một giấc mộng, đã tỉnh giấc rồi! Đến nơi đâu? Đến Thường Tịch Quang, Thường Tịch Quang là Pháp Tánh, trở về tự tánh. Quý vị thấy chúng ta từ tự tánh biến hiện, đến cuối cùng mục tiêu chung cực là trở về tự tánh, trở về tự tánh mới gọi là “chứng đắc quả vị Diệu Giác”. Diệu Giác hiện hình tượng giống như một bầu tịch quang, một bầu quang minh, trong Phật pháp gọi điều ấy là Đại Quang Minh Tạng. Trong ấy chẳng có tinh thần, chẳng có vật chất, hiện tượng gì cũng chẳng có. Do chúng ta sử dụng cái tâm ý thức, tưởng tượng, tư duy, nên vĩnh viễn chẳng đạt được. Ắt phải triệt để buông vọng tưởng, phân biệt, chấp trước xuống, kể cả tập khí cũng chẳng có, quý vị mới thấy được. Đó là Diệu Giác, tức Phật quả viên mãn rốt ráo. Tuy vị ấy thứ gì cũng đều chẳng phải, nhưng thứ gì cũng đều hiện. Chúng sanh có cảm, Ngài bèn hiện. Pháp Thân Bồ Tát còn mang theo tập khí, nên trụ trong cõi Thật Báo Trang Nghiêm. Cõi Thật Báo Trang Nghiêm do tập khí vô thỉ vô minh biến hiện. Tập khí và vô minh khác nhau! Vô minh có thể biến, tập khí chẳng thể biến; do vậy, họ (người trong cõi Thật Báo Trang Nghiêm) đã đoạn vô minh, nhưng hãy còn tập khí vô minh. Cõi Thật Báo do đâu mà có, chúng ta cũng hiểu rõ ràng, minh bạch. Do vậy, chúng ta hãy khéo niệm Phật, thật sự có thể buông xuống, sẽ có thể sanh về cõi Thật Báo Trang Nghiêm. Nếu sanh về Thường Tịch Quang, sẽ rất khó khăn, thật sự khó khăn, hết sức khó khăn! Người niệm Phật chúng ta có thể đạt đến cõi Thật Báo.

 *“Hựu, Duy Thức Thuật Ký viết: Tánh giả, Thể dã. Nhất thiết pháp thể, cố danh Pháp Tánh”* (Lại nữa, sách Duy Thức Thuật Ký giảng: “Tánh là Thể. Do là Thể của hết thảy các pháp, nên gọi là Pháp Tánh”). Điều này có ý nghĩa giống như đã giảng trong phần trên, Duy Thức Thuật Ký là tác phẩm của Khuy Cơ đại sư, Ngài là tổ sư của Pháp Tướng Tông, Ngài cũng nói rõ mối quan hệ giữa Tánh và Tướng. Lại xem tiếp: *“Hựu Đại Thừa Nghĩa Chương nhất, viết”* (Lại nữa, sách Đại Thừa Nghĩa Chương quyển một viết), *“nhất”* là quyển thứ nhất. Trong ấy, nói: *“Pháp chi thể tánh, cố vân Pháp Tánh”* (là thể tánh của các pháp, nên gọi là Pháp Tánh). Đó là những điều được nói trong các kinh luận. Sau đó, cụ Niệm Tổ tổng hợp lại để giải thích: *“Cố tri Pháp Tánh nãi vạn pháp chi Thể”* (Do vậy biết, Pháp Tánh là Thể của vạn pháp), chúng ta phải nhận rõ điều này. *“Tại nhiễm, tại tịnh, tại hữu tình số, tại vô tình số, kỳ tánh vô hữu cải biến, cố danh Pháp Tánh”* (Trong nhiễm hay tịnh, trong các pháp hữu tình hay vô tình, tánh ấy chẳng thay đổi, nên gọi là Pháp Tánh). Đặc biệt là trong mười pháp giới, nó biến hóa rất nhiều, chẳng cùng tận. Trong Vọng Tận Hoàn Nguyên Quán, Hiền Thủ quốc sư gọi điều này là *“xuất sanh vô tận”*. Sách Hoàn Nguyên Quán giảng hiện tượng vật chất và hiện tượng tinh thần đều có ba thứ công năng, các công năng ấy thù thắng khôn sánh:

 Thứ nhất là *“trọn khắp pháp giới”.* Bất luận là tâm pháp hay sắc pháp, sắc pháp là vật chất, tâm pháp là tinh thần. Trong tự tánh, tinh thần còn được gọi là *“kiến, văn, giác, tri”* (thấy, nghe, hay, biết), vì nó chẳng có phân biệt. Trong cõi Thật Báo cũng gọi là *“kiến, văn, giác, tri”*, trong mười pháp giới, chúng được gọi là Thọ, Tưởng, Hành, Thức. Thọ là cảm nhận, Tưởng là ý niệm, Hành là chẳng trụ, niệm trước diệt, niệm sau sanh, niệm này tiếp nối niệm kia, Thức là Thể của nó. Nói thật ra, thức ấy là Pháp Tánh, trọn chẳng tách lìa Lý Thể. Vật chất và tinh thần đồng thời phát sanh, vĩnh viễn chẳng tách rời, một Thể mà!

 Nói theo lý luận, tinh thần có trước, vật chất có sau. Trong A Lại Da, quý vị thấy Nghiệp Tướng, Nghiệp Tướng là năng lượng, là hiện tượng dao động; Chuyển Tướng là Thọ, Tưởng, Hành, Thức, nếu nói theo A Lại Da Thức, nó là Thọ, Tưởng, Hành, Thức; Cảnh Giới Tướng là vật chất. Kinh Phật thường gộp chung [các tướng ấy] thành Ngũ Uẩn: Sắc, Thọ, Tưởng, Hành, Thức. Sắc là vật chất, Thọ, Tưởng, Hành, Thức là hiện tượng tâm lý, chúng vĩnh viễn ở cùng một chỗ, chẳng thể tách rời, chẳng tách rời được! Hiện tượng vật chất là hiện tượng có dao động. Mỗi loại trong bốn loại Thọ, Tưởng, Hành, Thức đều có hiện tượng dao động. Sự dao động ấy bất luận là hữu ý hay vô ý, hữu tâm hay vô tâm, hễ động bèn trọn khắp thế giới, đấy là đặc tánh thứ nhất. Nó nhanh chóng, tốc độ lẹ làng. Nếu chúng ta hiểu chân tướng sự thật này, quý vị bèn rõ ràng, minh bạch. Ý niệm của quý vị vừa động, bất luận là hữu ý hay vô ý, chẳng cần biết là hữu tâm hay vô tâm, một thiện niệm của quý vị vừa động bèn trọn khắp pháp giới. Người đạt được tâm thanh tịnh trong khắp pháp giới hư không giới đều có thể nhận được tin tức của quý vị. Quý vị động một ác niệm, có chỗ nào lừa người khác được chăng? Chẳng có! Chẳng thể nào! Quý vị gạt không được! Bởi lẽ, Ngũ Uẩn của chính quý vị là đài phát sóng, mà cũng là đài thu sóng, có thể tiếp nhận tin tức trong khắp pháp giới hư không giới, có thể tiếp nhận, có thể phát ra, chẳng có chuyện gì có thể gạt gẫm người khác được! Những người ấy là Pháp Thân Bồ Tát, hoặc chư Phật Như Lai, chẳng có cách nào giấu diếm các Ngài được, các Ngài hoàn toàn biết.

 Thấp hơn là Quyền Giáo Bồ Tát, Thanh Văn, Duyên Giác cũng đều biết, nhưng các Ngài biết những gì thô hơn một chút, chứ những thứ vi tế tột bậc các Ngài chẳng biết. Đức Phật nói Bát Địa Bồ Tát biết những ý niệm vi tế tột bậc. Chúng ta nghĩ đến Bát Địa, Cửu Địa, Thập Địa, Đẳng Giác, Diệu Giác, đối với những người thuộc năm địa vị ấy, dẫu vi tế đến mấy đều biết. Nếu chúng ta thật sự hiểu rõ, thật sự thông hiểu, chúng ta khởi tâm động niệm đều chẳng dám có ác niệm. Người đông ngần ấy đều thu được, [chúng ta] phát ra ác niệm lẽ đâu chẳng biết xấu hổ? Tự nhiên sanh ra một thứ sức mạnh ước thúc, đó là chân tướng, chân tướng sự thật đấy nhé. Đặc tánh thứ nhất là tốc độ của nó quá nhanh, nhanh hơn vô tuyến điện, nhanh hơn tốc độ ánh sáng! Ánh nắng chiếu đến địa cầu còn phải mất tám phút, niệm ấy vừa mới khởi lên đã trọn khắp pháp giới. Quý vị thấy tốc độ của Pháp Tánh nhanh quá! Mảy may chướng ngại đều chẳng có!

 Đặc tánh thứ hai là thiên biến vạn hóa, *“xuất sanh vô tận”.* Đối với cách nói trong đoạn trước, chúng ta học tập chẳng hoài nghi, nhưng đối với điều thứ hai là *“xuất sanh vô tận”,* ta bèn hoài nghi. Vì sao có thể xuất sanh vô tận? Sức mạnh nào khiến cho nó có năng lực to tát ngần ấy? Tôi cũng thường canh cánh [nỗi nghi này] bên lòng, rất lâu mà vẫn chưa thể giải quyết. Khi giảng kinh Hoa Nghiêm, có một hôm chợt nghĩ đến lúc bé chơi kính vạn hoa. Quý vị thấy có người tặng tôi kính vạn hoa. Vật này rất đơn giản, bên trong là ba miếng thủy tinh, bỏ vào giữa đó mấy mảnh vụn có màu sắc khác nhau. Quý vị xoay chuyển nó, xoay suốt một ngày, chẳng ngừng xoay, chẳng nhìn thấy hai mẫu hoa giống nhau. Quý vị thấy ngay cả vật như vậy mà còn biến hóa vô cùng, xuất sanh vô tận. Tôi nghĩ công năng của tự tánh còn lớn hơn rất nhiều. Được chứng minh từ chuyện này, chẳng còn hoài nghi nữa, kể cả kính vạn hoa cũng xuất sanh vô tận. Tiến sĩ Giang Bổn Thắng của Nhật Bản làm thí nghiệm với nước, rất có giá trị khoa học, tôi đã đến thăm phòng thí nghiệm của ông ta hai lần, nghe ông ta báo cáo, chúng tôi đã biến thành bạn bè thân thiết. Ông ta cho biết: Quan sát mô thức kết cấu của nước kết tinh bằng kính hiển vi, mười mấy năm qua, ông ta chẳng phát hiện có hai mô thức tương đồng, chưa hề thấy [hai mô thức] hoàn toàn giống nhau! Ông ta nêu ra vấn đề này hỏi tôi: “Do nguyên nhân gì?” Tôi nói: Chẳng thể có hai mô thức giống nhau là do nguyên nhân nào? Ý niệm của chúng ta biến hóa trong từng sát-na. Dẫu chỉ có một mình ta xem, ta đối với nước ấy tâm yêu thích tràn trề, nó sẽ có mô thức [kết tinh] rất đẹp. Ái tâm trong niệm trước của ta khác ái tâm trong niệm thứ hai, chắc chắn có sai biệt; do vậy, nó chẳng thể nào là một tướng. Có [trường hợp các mô thức] tương tự, nhưng chẳng thể nào hoàn toàn giống nhau. Ông ta nghiền ngẫm đạo lý ấy. Vì sao? Nó sanh từ tâm tưởng. Chứng tỏ nước có thể thấy, nghe, hiểu ý nghĩ của con người. Tôi bảo ông ta: - Không chỉ là nước, nước là vật chất, tất cả hiện tượng vật chất thảy đều có thể thấy, nghe, hiểu ý nghĩ của con người. Chúng ta ngồi trong căn phòng này, bàn, ghế có thể thấy, nghe, hiểu ý nghĩ của ta. Trên là trần nhà, dưới là sàn nhà, đều hiểu ý nghĩ của ta, chúng cũng có thể thấy, có thể nghe. Đó là gì? Đấy là bản năng (năng lực sẵn có) của vật chất. Đã là vật chất thì nó bèn có hiện tượng tinh thần, tức là có Thọ, Tưởng, Hành, Thức; nói cách khác, Sắc, Thọ, Tưởng, Hành, Thức vĩnh viễn chẳng tách rời.

 Nếu chúng ta thật sự nhận biết điều này, sau đấy, quý vị lại nghĩ: Trong kinh giáo, đức Phật đã dạy chúng ta: *“Tướng do tâm sanh, cảnh chuyển theo tâm”.* Chúng ta nghe hai câu ấy, trong tâm cảm thấy dễ chịu. Thân thể của chúng ta là tướng, tướng mạo bên ngoài là tướng, ngũ tạng lục phủ bên trong cũng là tướng. Nếu tâm ta là chánh, nếu tâm là thanh tịnh, bình đẳng, giác, thân thể sẽ vĩnh viễn chẳng ngã bệnh. Tuổi tác mỗi năm một lớn hơn, nhưng chẳng già yếu! Tướng do tâm sanh, tâm ta chẳng già, ý niệm chẳng già, người làm sao có thể già cho được? Già bằng cách nào? Hằng ngày nghĩ tới già: “Ta đã già rồi, già khằng rồi!” Người ấy sẽ thật sự già. Người già nghĩ tới bệnh tật, cho nên bệnh gì cũng có. Hễ bệnh bèn nghĩ đến cái chết, làm sao bất tử cho được? Sanh từ tâm tưởng mà! Quý vị có thể thật sự hoàn toàn gạt sạch những tư tưởng tiêu cực sẽ tương ứng với tự tánh. Cảnh chuyển theo tâm, *“cảnh”* là hoàn cảnh cư trụ của chúng ta. Chúng ta ở trong cõi này, mỗi ngày học tập đạo thánh hiền, hằng ngày học Phật pháp, đó là “vô thượng thậm thâm vi diệu pháp”, nơi ấy sẽ chẳng có tai nạn, mà cũng chẳng có hạn hán, lũ lụt, động đất, bão lốc, cảnh chuyển theo tâm mà! Nếu một phần trăm dân cư Cát Long Ba (Kuala Lumpur), tức là trong một trăm người mà có một người ý niệm thuần chánh, bảo đảm nơi ấy chẳng có tai nạn, chừng một phần trăm người [như vậy] là được rồi! Đạo lý gì thế? Cổ nhân Trung Quốc nói: *“Tà chẳng thắng chánh”.* Chín mươi chín người tạo tội nghiệt, một người là chánh tri, chánh kiến, chánh tâm, chánh hạnh, bèn có thể gia hộ họ. Trong kinh, đức Phật đã nói như thế, hiện thời các nhà Lượng Tử Lực Học cũng đã chứng tỏ. Vì thế, hiện thời, đối với giáo pháp Đại Thừa, đối với kinh Vô Lượng Thọ, đối với các bộ đại kinh như Hoa Nghiêm, tín tâm của chúng ta trọn đủ mười phần, chẳng có chút hoài nghi nào. Chúng ta y giáo phụng hành, lẽ nào chẳng thành tựu? Hôm nay thời gian đã hết rồi, chúng ta học tập tới chỗ này.

# Tập 114

Chuyển ngữ: Bửu Quang Tự đệ tử Như Hòa

Giảo duyệt: Huệ Trang và Đức Phong

 Chư vị pháp sư, chư vị đồng học, xin mời ngồi xuống. Xin xem Đại Thừa Vô Lượng Thọ Kinh Giải, trang một trăm ba mươi bốn, hàng thứ tư từ dưới đếm lên, đọc từ câu *“Gia Tường Pháp Hoa Sớ”*:

 *“Gia Tường Pháp Hoa Sớ ngũ viết: ‘Pháp Tánh tức thị Thật Tướng, Tam Thừa đắc đạo, mạc bất do chi’. Hựu Chỉ Quán nhất viết: Pháp Tánh danh vi Thật Tướng, thượng phi Nhị Thừa cảnh giới, hà huống phàm phu”* (Bộ Pháp Hoa Sớ của ngài Gia Tường đã viết: “Pháp Tánh chính là Thật Tướng, Tam Thừa đắc đạo không ai chẳng do nó”. Lại nữa, sách Chỉ Quán giảng: “Pháp Tánh có tên là Thật Tướng, còn chẳng phải là cảnh giới của Nhị Thừa, huống gì phàm phu”). Đoạn này vẫn nhằm giải thích *“thông chư pháp tánh, đạt chúng sanh tướng”*, hai câu này là “thông đạt tánh - tướng”. Trong phần trước, chúng ta thấy lão cư sĩ Niệm Tổ trích dẫn sách Duy Thức Thuật Ký của Khuy Cơ đại sư và sách Đại Thừa Nghĩa Chương nói về Pháp Tánh và Pháp Tướng. Hôm nay, chúng ta xem tiếp, thấy trong Pháp Hoa Kinh Sớ cũng là ý nghĩa này. Pháp Tánh là Thật Tướng, chúng ta đã học trong phần trước. *“Tam Thừa đắc đạo, mạc bất do chi”* (Tam Thừa đắc đạo, không ai chẳng do nó). Tam Thừa là Thanh Văn, Duyên Giác, và Bồ Tát, thông thường còn gọi là Đại Thừa, Trung Thừa, và Tiểu Thừa. Tu hành chứng quả đều là minh tâm kiến tánh; trên thực tế, chỉ có Bồ Tát tu hành mới là kiến tánh, kiến tánh bèn thành Phật. Trong Hoa Nghiêm, họ còn được gọi là Pháp Thân Bồ Tát. Kiến tánh là chứng đắc Pháp Thân; trong phần trước, các đồng học chúng ta đều học tập cả rồi. Bởi lẽ, chứng đắc Pháp Thân sẽ thật sự hiểu được, khẳng định “hết thảy vạn vật trong khắp pháp giới hư không giới và chính mình là một Thể”. Đó là kiến tánh, là chứng đắc Pháp Thân. Chuyện này quả thật chẳng dễ dàng, từ vô thỉ kiếp tới nay, chúng ta đã dưỡng thành một thói quen, “ta là ta, quý vị là quý vị, người khác là người khác”, làm sao là một Thể cho được? Há có lẽ ấy? Dẫu thế nào cũng chẳng thể thừa nhận, chúng ta ngỡ đó là chân tướng sự thật, nhưng Phật, Bồ Tát bảo chúng ta đã hoàn toàn sai lầm mất rồi! Đúng là một Thể. Phải như thế nào thì mới có thể chứng đắc? Đức Phật dạy: Quý vị chẳng còn chấp trước nữa. Chẳng còn chấp trước thân này là ta, thân kia là quý vị, thân nọ là của người khác. Chẳng có sự chấp trước ấy, thật sự đoạn chấp trước sẽ là gì? Đó là phá Thân Kiến.

 Chúng ta minh tâm kiến tánh, đạt tới giai đoạn thứ nhất, đã có thành quả, chẳng còn nhận biết cái thân này là chính mình, thân là gì? Thân là cái của ta có (ngã sở hữu), quyết định chẳng phải là chính mình. Giống như quần áo, quần áo là cái ta có, chẳng phải là chính mình, chúng ta khẳng định điều này. Tiến hơn bước nữa, Phật mong chúng ta hãy khẳng định, thân chẳng phải là chính mình, thân là cái ta có. Thân này là cái ta có, còn thân của người khác thì sao? Cũng là cái ta có. Cây cối, hoa, cỏ là cái ta có; núi, sông, đại địa cũng là cái ta có. Đó là cái ta có, chẳng phải là ta. Có thể khẳng định và nhận thức như vậy thì mới có thể chứng quả A La Hán, Phật pháp nói người ấy đã chứng đắc Chánh Giác. Tiểu Thừa trong Tam Thừa đắc đạo có cách nhìn đối với vũ trụ và nhân sinh khác chúng ta, Bồ Tát càng cao hơn họ. Bồ Tát không chỉ chẳng chấp trước, mà phân biệt cũng chẳng có. Do vậy, Tiểu Thừa A La Hán đắc tâm thanh tịnh. Chỉ cần chấp trước thân này là ta, thân kia là của quý vị, thân nọ là của người khác, tâm thanh tịnh của chúng ta chẳng thể khôi phục! Trong kinh đã dạy chúng ta tiêu chuẩn tu hành là *“thanh tịnh, bình đẳng, giác”*, chúng ta chẳng đạt được tâm thanh tịnh tức là tu hành chẳng có công phu, chẳng được thọ dụng. Tu hành chẳng có công phu, chẳng được thọ dụng, phiền phức ở chỗ nào? Phiền phức là đời đời kiếp kiếp vẫn phải tiếp tục luân hồi. Thật sự đạt đến cảnh giới A La Hán, biết thân chẳng phải là ta, đoạn hết Kiến Tư phiền não, vượt thoát lục đạo luân hồi. Lục đạo luân hồi chẳng thấy nữa, giống như nằm mộng. Tỉnh mộng, chẳng thấy lục đạo luân hồi nữa! Sau khi chẳng thấy, cảnh giới đó là cảnh giới A La Hán, bốn thánh pháp giới xuất hiện. Bốn thánh pháp giới vẫn chưa phải là thật, vẫn là cảnh mộng, vì họ có Trần Sa phiền não, có Vô Minh phiền não, ắt phải đoạn Trần Sa phiền não. Trần Sa phiền não là gì? Phân biệt. Vô lượng vô biên phân biệt ví như bụi cát, vọng niệm phân biệt nhiều như bụi cát, [nên gọi là Trần Sa phiền não]. Buông phân biệt xuống, chẳng còn phân biệt nữa, phân biệt chẳng có gì tốt đẹp! Vì sao? Nó là hư vọng, chẳng thật! Kinh dạy: *“Phàm những gì có tướng đều là hư vọng”*, *“hết thảy các pháp vô sở hữu, rốt ráo không, chẳng thể được”,* kinh Đại Bát Nhã dạy như thế. Như vậy thì mới có thể chứng đắc cảnh giới Chánh Đẳng Chánh Giác của Bồ Tát, tức là *“bình đẳng”* trong tựa đề kinh*,* tâm bình đẳng hiện tiền, trong hết thảy cảnh giới, quý vị chẳng còn phân biệt nữa! Phật và chúng sanh bình đẳng, kinh Đại Thừa thường nói *“sanh, Phật bình đẳng”*, [nghĩa là] chúng sanh và Phật bình đẳng. Tánh - tướng như nhau, Pháp Tánh và Pháp Tướng là một, chẳng hai. Pháp Tánh có thể sanh, có thể hiện, Pháp Tướng là cái được sanh, cái được hiện, chúng là một, chẳng hai! Lại cao hơn một bậc, không chỉ phân biệt, chấp trước chẳng còn, mà khởi tâm động niệm cũng chẳng có. Chẳng động tâm, không động niệm, trở về tự tánh, đó gọi là thành Phật, là giác, đại triệt đại ngộ, minh tâm kiến tánh, đấy là Phật. Thanh Văn, Duyên Giác, và Phật được gọi chung là Tam Thừa. Tam Thừa đắc đạo có quan hệ mật thiết với Pháp Tánh, với Thật Tướng. A La Hán chứng đắc ít phần, Bồ Tát chứng đắc nhiều phần, Phật chứng đắc viên mãn.

 Kế đó, *“Chỉ Quán nhất viết”* (sách Chỉ Quán cuốn một nói), đây là bộ Ma Ha Chỉ Quán của ngài Thiên Thai, trong quyển thứ nhất có nói: *“Pháp Tánh danh vi Thật Tướng, thượng phi Nhị Thừa cảnh giới, hà huống phàm phu”* (Pháp Tánh có tên là Thật Tướng, còn chẳng phải là cảnh giới của Nhị Thừa, huống hồ phàm phu), nói nghiêm ngặt hơn bộ Pháp Hoa Sớ của ngài Gia Tường. Pháp Hoa Sớ nói theo nghĩa rộng, sách Chỉ Quán giảng theo nghĩa hẹp, chỉ chấp nhận sự chứng đắc của Như Lai mới là Pháp Tánh, [sự chứng đắc của] A La Hán và Bồ Tát đều chẳng kể tới, nhất định là đại triệt đại ngộ, minh tâm kiến tánh. Do trong Tam Thừa nói A La Hán là tiểu ngộ, nên gọi Tiểu Thừa; Bồ Tát là đại ngộ, xưng là Đại Thừa, nhưng chưa triệt ngộ. Triệt ngộ mới thành Phật, mới minh tâm kiến tánh. Nói thông thường, các vị A La Hán, Bích Chi Phật, Quyền Giáo Bồ Tát đều chưa kiến tánh, các Ngài chỉ là tiếp cận, từng bước tiến gần bờ mé. Hai cách nói này đều hợp lý, chúng ta hiểu rõ là được rồi. Minh tâm kiến tánh, kiến tánh thành Phật, Tiểu Thừa và Đại Thừa còn chưa làm được, huống gì phàm phu?

 *“Hoa Nghiêm Tông vị Chân Như hữu bất biến dữ tùy duyên nhị nghĩa”* (Tông Hoa Nghiêm bảo Chân Như có hai nghĩa là bất biến và tùy duyên), Chân Như là Pháp Tánh, Chân Như là Thật Tướng, quả thật là có hai ý nghĩa bất biến và tùy duyên. *“Dĩ tùy duyên nghĩa, biến tạo nhất thiết chư pháp”* (do nghĩa tùy duyên, tạo khắp hết thảy các pháp), tùy duyên mới có thể tạo khắp hết thảy các pháp. *“Cố xưng Chân Như vi Pháp Tánh”* (vì thế, gọi Chân Như là Pháp Tánh), đó là tùy duyên. Giống như hoàng kim có thể thuận theo ý nghĩ của chúng ta, chúng ta chế nó thành đủ mọi món trang sức, thuận theo ý nghĩ của con người, nó tùy duyên, nó có biến đổi hay không? Nó bất biến! Bất luận quý vị tạo thành món gì, bản chất của nó vẫn là vàng, bất biến mà tùy duyên, tùy duyên nhưng vẫn bất biến; do vậy, nó là thật. Tướng thì sao? Tướng là giả, vì tướng có thể biến đổi bất cứ lúc nào. Chúng ta thích hình dạng nào, bèn có thể chế lại [món đồ theo hình dạng mới ấy]. Vì vậy, gọi Chân Như là Pháp Tánh. *“Hựu dĩ bất biến cố, tuy tùy duyên biến tạo nhiễm tịnh, hữu tình dữ vô tình chủng chủng vạn pháp, nhi Chân Như bất cải, bất biến”* (Lại do bất biến nên tùy duyên tạo khắp nhiễm và tịnh, hữu tình và vô tình, muôn loại pháp, nhưng Chân Như chẳng đổi, chẳng biến). Giống như chúng tôi vừa dùng vàng làm tỷ dụ, vàng là Pháp Tánh, là Chân Như, chế nó thành nhẫn, hay thành vòng đeo cổ, thành vòng đeo tay, cho đến làm thành cái đĩa, hay chế thành chén trà, bất luận làm thành vật gì, vàng vẫn chẳng thay đổi, cho nên nó có thể tùy duyên. Tùy duyên, nói thật ra là tùy cái duyên nào? Tùy thuận ý niệm của chúng sanh, mà cũng là tùy thuận vọng tưởng của chúng sanh, khởi vô lượng vô biên biến hóa. Tuy khởi biến hóa, nhưng bản chất của nó bất biến, phải hiểu đạo lý này! Quý vị thấy trên thế giới này có bao nhiêu động vật, con người là một loại động vật, thực vật lại có bao nhiêu loài, khoáng vật lại có bao nhiêu thứ? Chẳng thể kể xiết! Đấy là Chân Như tùy duyên, nhưng Thể của Chân Như bất biến. Thể của Chân Như là gì? Trong phần trước đã nói rất nhiều! Thật Tướng, pháp giới, Niết Bàn, Thật Tế, chỉ nêu ra mấy danh từ ấy. Trong kinh Phật có hơn mấy chục loại danh từ, đều nhằm nói về cùng một chuyện. Trong phần trước, tôi đã thưa bày cùng quý vị vì sao Thích Ca Mâu Ni Phật đối với chuyện này bèn nói ra lắm danh tướng như thế? Nói nhiều danh từ thuật ngữ như vậy nhằm dụng ý dạy chúng ta chớ nên chấp trước tướng danh tự. Danh là giả danh, quý vị hiểu ý nghĩa của nó là được rồi, nói như thế nào đều được! Chúng là giả danh, nhằm giúp chúng ta lìa tướng danh tự, chẳng chấp trước tướng danh tự, như vậy là đúng. Pháp Tánh chẳng có lúc nào không tồn tại, không chỗ nào chẳng tồn tại. Nó là bản thể của hết thảy vạn pháp, chẳng phải là hiện tượng tinh thần, mà cũng chẳng phải hiện tượng vật chất. Tuy tồn tại, ở ngay trước mặt chúng ta, nhưng mắt chúng ta chẳng nhìn thấy, tai cũng chẳng nghe thấy, sáu căn chẳng tiếp xúc tới. Nó thật sự có, nhưng sáu căn đều chẳng tiếp xúc đến, nên gọi là Không.

 Rất nhiều đồng học niệm Bát Nhã Tâm Kinh thuộc làu, kinh đã dạy rõ ràng: *“Sắc tức là Không, Không tức là Sắc. Sắc chẳng khác Không, Không chẳng khác Sắc”.* Sắc và Không là một, chẳng hai. Sắc - Không bất nhị. Chúng ta thấy rất khó hiểu, [đức Phật] nói những câu chân thật, đây là nói về mối quan hệ giữa Pháp Tánh và vật chất. Pháp Tánh và tinh thần có quan hệ ra sao? Phần sau Tâm Kinh lại nói: *“Thọ, Tưởng, Hành, Thức, cũng giống như thế”*. Thọ, Tưởng, Hành, Thức là tinh thần. Mối quan hệ giữa tinh thần và tự tánh giống hệt như mối quan hệ giữa vật chất và tự tánh, cho thấy vật chất và tinh thần đều do Pháp Tánh biến hiện. Pháp Tánh biến hiện thành vật chất, biến hiện thành tinh thần, sáu căn của chúng ta có thể tiếp xúc. Tiếp xúc được thì quý vị phải biết: [Cái mà ta] tiếp xúc được chính là Pháp Tướng, còn Pháp Tánh thì sao? Pháp Tánh chẳng lìa khỏi Pháp Tướng. Giống như vàng làm thành đồ trang sức, ta đem vàng làm thành một cái xuyến, vàng ở chỗ nào? Quý vị cầm lấy cái xuyến là [cầm được] vàng. Quý vị chấp trước cái xuyến, cái xuyến là Pháp Tướng, Thể của nó, tức bản chất của nó là Pháp Tánh. Vì lẽ đó, thấy tướng là thấy tánh. Vì sao chúng ta thấy tướng mà chẳng thấy tánh? Chúng ta thấy tướng bèn chấp tướng, chấp vào tướng mất rồi. Tánh ở ngay trước mặt mà mê, chẳng thấy tánh. Tướng có, tánh không, *“Sắc tức là Không, Không tức là Sắc, Thọ, Tưởng, Hành, Thức cũng lại như vậy”.* Chúng ta làm thế nào để thấy cái vòng bằng vàng là Không thì quý vị kiến tánh, phải có công phu ấy. Kẻ bình phàm chẳng thấy điều này, kẻ bình phàm chấp trước điều ấy là thật. [Chấp trước] “nó đúng là một cái xuyến”, chúng ta chẳng thấy nó là Không. Ai có thể thấy? Pháp Thân Bồ Tát thấy. Thưa cùng chư vị, A La Hán vẫn chưa thấy, A La Hán biết, nhưng chẳng thấy; Bồ Tát cũng biết, nhưng vẫn chưa thấy; Pháp Thân Bồ Tát thấy được, *“bản thể của nó chính là Không, trọn chẳng thể được”*, đúng như kinh Bát Nhã đã nói: *“Phàm những gì có tướng, đều là hư vọng”*, Pháp Thân Bồ Tát thật sự thấy!

 Các nhà Lượng Tử Lực Học hiện thời đã thấy, họ thấy hiện tượng vật chất và hiện tượng tinh thần là gì? Là huyễn tướng do vô lượng vô số ý niệm tích lũy liên tục sanh ra! Tất cả hiện tượng vật chất và hiện tượng tinh thần đều là như vậy, chẳng thật! Vì thế, kinh Bát Nhã đã dạy: *“Nhược kiến chư tướng phi tướng, tức kiến Như Lai”* (nếu thấy các tướng chẳng phải là tướng, liền thấy Như Lai), thấy Như Lai là kiến tánh. Quý vị thấy Pháp Tánh; từ Pháp Tướng, quý vị thấy được Pháp Tánh. Câu này rất khó hiểu, chẳng phải là kiến thức thông thường, chẳng thuộc vào kinh nghiệm của chúng ta. Chẳng hạn như thứ chúng tôi đang cầm trên tay là gì? Đây là một quyển sách, chẳng sai, chúng ta đã thấy tướng. Người kiến tánh sẽ nói gì? Đó chẳng phải một quyển sách, chẳng có sách, mà là mấy chục trang giấy xếp lại. Họ thấy gì? Mấy chục trang giấy, chẳng phải một quyển sách, mấy chục trang giấy đó thôi! Thấy thứ này là mấy chục trang giấy xếp cùng một chỗ, cao minh hơn cách nhìn “đây là một quyển sách” nhiều lắm. Quý vị hiểu rõ đạo lý này, chúng ta thấy một người là một thân thể; nhưng người khác sẽ thấy người ấy chẳng phải là thân thể, mà là một đống lớn gồm mấy trăm triệu, mấy ngàn triệu, mấy vạn triệu tế bào nguyên tử tụ tập cùng một chỗ! Người ấy nói chẳng sai! Chúng ta thấy đây là căn nhà, nhưng người xây dựng nhà nhìn nó sẽ chẳng thấy căn nhà, mà thấy trong ấy có bao nhiêu xi-măng, có bao nhiêu cốt thép, có bao nhiêu viên gạch, bao nhiêu miếng ngói, sắp xếp như thế nào, há có căn nhà? Đức Phật thấy khác với chúng ta. Các nhà khoa học nhìn một căn nhà, sẽ thấy căn nhà do cả đống hạt cơ bản hợp thành, họ chỉ thấy hạt cơ bản. Các nhà Lượng Tử Lực Học càng sắc sảo hơn, hạt cơ bản vẫn còn quá to, vẫn còn có thể chia tách, chia đến mức nhỏ nhất chẳng còn chia được nữa, bèn gọi là “lượng tử”. Căn nhà này là gì? Là lượng tử chất chứa, chẳng thấy cái nhà, đó gọi là “từ tướng mà thấy tánh”.

 Quý vị chấp tướng, tướng bất bình đẳng. Quý vị thấy tánh, tánh là bình đẳng. Nói theo cách hiện thời, bất luận động vật, thực vật, khoáng vật, núi, sông, đại địa, toàn là do lượng tử hợp thành. Vì sao có những thứ kết hợp thành chất rắn? Trong hiện tượng vật chất; cũng có những thứ kết hợp thành chất lỏng lan chảy giống như nước tuôn chảy. Có những thứ biến thành chất hơi, không khí cũng do lượng tử kết hợp thành. Lượng tử xuất hiện như thế nào? Do dao động sanh ra, vô cùng yếu ớt, lại còn hết sức nhanh chóng, nên kết hợp thành những thứ ấy. Tần suất dao động khác nhau, tần suất chậm sẽ biến thành chất rắn, tần suất nhanh hơn một chút sẽ biến thành chất lỏng, mau hơn nữa sẽ biến thành chất hơi, không khí. Do tần suất khác nhau, y báo và chánh báo trang nghiêm trong mười pháp giới đủ mọi thứ sai biệt. Trên thực tế, tất cả hết thảy hiện tượng đều có thể quy về lượng tử, thứ cơ bản là lượng tử, có thể quy vào đó. Lượng tử có thể quy vào năng lượng, vì lượng tử vẫn là vật chất, nên có thể quy vào năng lượng. Điều này có thể giải thích lời đức Phật đã dạy trong kinh: *“Bất biến tùy duyên, tùy duyên bất biến”*, vì tùy duyên thì mới có thể biến hiện y báo và chánh báo trang nghiêm trong mười pháp giới.

 Vì bất biến, nhưng tùy duyên, nên biến thành nhiễm hay tịnh, hữu tình hay vô tình đủ mọi muôn pháp, nhưng tánh chất của nó là vĩnh hằng bất biến. Tánh là Pháp Tánh, pháp là đủ mọi muôn pháp. Tánh của đủ mọi muôn pháp là một tánh, cho nên đồng thể, chẳng sai biệt, có cùng một tự tánh. Vạn sự vạn vật đều do một tự tánh biến ra. Thế giới Cực Lạc là do tự tánh biến. Thế giới Hoa Tạng do tự tánh biến. Hai mươi tám tầng trời do tự tánh biến. Ngạ quỷ, địa ngục A Tỳ cũng do tự tánh biến. Quốc độ thanh tịnh trang nghiêm do tự tánh biến. Xã hội động loạn, khắp nơi có những vùng đất nẩy sanh tai nạn, cũng là do tự tánh biến. Rời khỏi tự tánh thì thứ gì cũng chẳng có, đó gọi là *“biết tổng tướng của các pháp”*, A La Hán hiểu được. Vì sao nó có thể thiên biến vạn hóa nhiều dường ấy? Đó gọi là *“biết biệt tướng của pháp”*. A La Hán chẳng biết biệt tướng của các pháp, nhưng Bồ Tát biết, danh từ Phật học gọi [sự thấy biết đó] là Đạo Chủng Trí, vạn sự vạn vật được hình thành do đạo lý nào. Chủng (種) là chủng loại, ngàn muôn phần sai khác. Vì đạo lý nào mà có thể biến thành tình trạng như vậy? Đối với loại trí huệ ấy A La Hán chẳng biết, nhưng Bồ Tát biết, nên Bồ Tát cao hơn A La Hán một bậc. A La Hán chỉ biết tổng tướng, chẳng biết biệt tướng. Bồ Tát biết tổng tướng, mà cũng biết biệt tướng, nhưng chưa đạt đến rốt ráo, chẳng triệt để. Đến lúc thành Phật Như Lai mới là rốt ráo viên mãn, gọi là chứng đắc Nhất Thiết Chủng Trí.

 Tiếp đó, sách nêu một tỷ dụ, tỷ dụ này cũng thường được nhắc tới trong kinh. Chúng ta vừa mới dùng vàng và các món vật bằng vàng để làm tỷ dụ, đó là tỷ dụ thường được kinh Phật và cổ đại đức nói tới. Ở đây, dùng nước để tỷ dụ, sánh ví nước như Pháp Tánh, sóng được ví như Pháp Tướng. Nước chuyển động bèn dậy sóng. Nước là tĩnh, sóng là động. Nước có thể chiếu, giống như một tấm gương có thể soi cảnh giới bên ngoài. Sóng chẳng thể chiếu, sóng đã đánh mất tác dụng soi chiếu ấy. Vì thế, sánh ví Pháp Tánh như nước, sánh ví Pháp Tướng như sóng, *“nhi bất biến thất thủy chi tánh”* (mà tánh của nước chẳng biến đổi, bị mất đi), tánh của nước chính là tánh ướt. *“Pháp Tánh Chân Như, thuần thiện vô nhiễm”*. Thiện ở đây chẳng phải là thiện trong thiện - ác, tịnh trong chữ *“thuần tịnh”* chẳng là tịnh trong tịnh - nhiễm, thuần thiện vô nhiễm là tịnh*. “Duy dĩ duyên hữu nhiễm tịnh, nhi sở biến chi pháp hữu nhiễm tịnh chi biệt”* (chỉ vì duyên có nhiễm hay tịnh, mà pháp được biến bèn có nhiễm hay tịnh sai khác). Duyên có nhiễm hay tịnh, nhưng tánh chẳng có nhiễm hay tịnh. Trong lục đạo, duyên có thiện hay ác, tánh chẳng có thiện hay ác, chớ nên không biết điều này. Trong tự tánh, hễ chư vị nắm vững một nguyên tắc bèn dễ dàng hiểu rõ. Trong tự tánh chẳng có đối lập, vì nó là một Thể, nó là viên dung, chẳng có đối lập. Quý vị thấy chân và vọng, chẳng phải là đã đối lập rồi ư? Trong tự tánh chẳng có chân hay vọng, trong tự tánh chẳng có nhiễm hay tịnh, trong tự tánh chẳng có thiện hay ác, trong tự tánh chẳng có sanh hay diệt. Sanh diệt là tương đối, trong tự tánh chẳng tìm được tương đối. Trong tự tánh chẳng có xa hay gần, xa hay gần là một cặp [đối lập]. Chẳng có xa hay gần, bèn chẳng có không gian. Trong tự tánh chẳng có trước, sau. Chẳng có trước sau, bèn chẳng có thời gian. Do vậy, trong tự tánh chẳng tìm được tương đối. Hễ có tương đối, sẽ chẳng phải là tự tánh, mà là Pháp Tướng. Trong Pháp Tướng có tương đối, trong Pháp Tánh chẳng có. Chúng ta làm như thế nào để chẳng tìm được tương đối trong Pháp Tướng thì quý vị kiến tánh. Phải làm như thế nào mới có thể thoát lìa tương đối? Tương đối là đối lập. [Để đạt đến] chẳng có đối lập thì đức Phật đã dạy chúng ta: Hãy buông khởi tâm động niệm, phân biệt, chấp trước xuống, bèn chẳng có đối lập nữa. “Chẳng có” tức là đã kiến tánh. Tánh ở chỗ nào? Tất cả Pháp Tướng chẳng có một pháp nào chẳng phải là [Pháp Tánh], pháp nào cũng đều là, pháp nào cũng đều bình đẳng, pháp nào cũng đều viên dung.

 Phàm phu thành Phật, nói theo lý luận là ngay trong một sát-na, chúng ta thật sự có năng lực ấy, buông hết khởi tâm động niệm, phân biệt, chấp trước xuống, phàm phu bèn thành Phật. Có người như vậy hay không? Có! Thuở Thích Ca Mâu Ni Phật tại thế, lúc Ngài ba mươi tuổi, Ngài ở dưới cội Bồ Đề buông hết những gì đã học trong mười hai năm xuống, cũng có nghĩa là khởi tâm động niệm, phân biệt, chấp trước đều cùng buông xuống, bèn thành Phật. Ngài biểu diễn cho chúng ta thấy thành Phật đơn giản như thế đó! Hễ buông xuống bèn kiến tánh, hễ kiến tánh bèn “không gì chẳng biết, không gì chẳng thể”. Vì sao? Vì quý vị đã trọn đủ “có thể sanh, có thể hiện, có thể biến”, vạn sự vạn vật là sở sanh, sở hiện, sở biến (cái được sanh, cái được hiện, cái được biến). Đã nắm bắt được cội nguồn, vạn sự vạn vật trong khắp pháp giới hư không giới quý vị đều hiểu rõ toàn bộ, chúng do tự tánh biến, chẳng đến từ bên ngoài. Ở Trung Quốc cũng có một tấm gương rõ rệt. Đời Đường, Thiền Tông Lục Tổ Huệ Năng đại sư giống như Thích Ca Mâu Ni Phật, đã biểu diễn cho chúng ta, tức là Ngài ngay lập tức buông khởi tâm động niệm, phân biệt, chấp trước xuống, đó gọi là “đốn xả”, chẳng phải là xả dần dần từng thứ một, mà là buông xuống ngay một lúc, nên gọi là “đốn xả”. Đốn xả nên đốn ngộ và đốn chứng, lập tức chứng đắc. Vì thế, hòa thượng Ngũ Tổ Nhẫn lập tức truyền y bát cho Ngài. Khi đó, Huệ Năng đại sư hai mươi bốn tuổi, thành Phật! Người nào chứng minh cho Ngài? Hòa Thượng Ngũ Tổ Nhẫn đã chứng minh Lục Tổ đã thành Phật. Thành Phật là buông xuống, triệt để buông xuống, hiểu rõ triệt để vũ trụ, nhân sinh, vạn sự, vạn vật. Trong lịch sử Trung Quốc, có không ít những nhân vật như vậy. Từ hai ngàn năm qua, tối thiểu có hơn hai ngàn người đạt tới cảnh giới này. Trong tu học, buông xuống nhanh chóng nhất thì có thể nói Huệ Năng đại sư là bậc nhất, người khác buông xuống cũng phải mất một khoảng thời gian, một hai năm, hoặc đôi ba năm, hoặc dăm sáu năm, mười mấy năm, những trường hợp như thế rất nhiều. Nhanh chóng như Huệ Năng đại sư có lẽ chỉ có mình Ngài, chẳng tìm được người thứ hai. Có thể so sánh với Ngài, theo kinh điển ghi chép, Thích Ca Mâu Ni Phật buông xuống rất nhanh chóng.

 Vì sao chúng ta không buông xuống được? Chúng ta coi những huyễn tướng và giả tướng đều là thật, chẳng biết chúng là giả. Vì thế, dấy lên tham luyến đối với chúng, sanh khởi tâm tình yêu mến, đó là chuyện phiền phức! Dẫu đọc kinh giáo đã nhiều, đức Phật đã vô số lần nhắc nhở chúng ta, chúng ta biết những thứ ấy (huyễn tướng, giả tướng) là giả, nhưng vẫn y như cũ chẳng thể buông xuống được! Tình chấp quá sâu, tập khí phiền não quá nặng, nhưng cần phải biết: Không buông xuống, quyết định sẽ chẳng thể thành công. Không buông xuống, nhất định phải luân hồi trong lục đạo. Nghĩ đến chuyện này, chúng ta bèn chẳng dám không buông xuống. Vì sao? Không buông xuống sẽ rất khổ, quý vị nói xem: Làm người khổ quá đi thôi! Đời này làm người, đời sau có thể làm thân người nữa hay không? Chẳng dám chắc! Vì sao? Đức Phật đã nói rõ ràng, nếu muốn đời sau được làm thân người, chúng ta tu Thập Thiện Nghiệp Đạo tối thiểu phải đạt đến trung phẩm. Cũng tức là chúng ta tu Thập Thiện Nghiệp Đạo giống như được thầy chấm điểm trong nhà trường, tối thiểu chúng ta phải đạt được bảy mươi, tám mươi điểm, đời sau mới hòng được mang thân người! Nếu quý vị có thể đạt được từ chín mươi điểm trở lên, hoặc đạt được một trăm điểm, quý vị đạt tiêu chuẩn sanh vào cõi trời hoặc cõi người trong đời sau. Năm mươi điểm khó đảm bảo, chẳng nhất định có thể được làm thân người. Nói chung, được bảy tám mươi điểm mới kể là chắc chắn đời sau được làm thân người. Chính chúng ta phải suy nghĩ, quý vị đọc kinh Thập Thiện Nghiệp Đạo mấy lượt, đối chiếu, tự mình chấm điểm bản thân, xem có thể đạt đến bảy, tám mươi điểm hay không? Nếu cảm thấy chẳng được thì sẽ bị phiền phức to lớn. Chớ nên chẳng biết đạo lý và chân tướng sự thật này.

 Chúng ta lại xem tiếp: *“Hựu Hội Sớ viết: Bồ Tát hữu nhị chủng trí, năng vi nhất thiết tu hành bổn”* (Lại nữa, sách Hội Sớ giảng: “Bồ Tát có hai thứ trí có thể làm căn bản cho hết thảy các sự tu hành”). Tu hành chẳng thể không có trí huệ. Không có trí huệ là *“tu mù, luyện đui”.* Rất nhiều kẻ ngỡ mình đang tu hành, trên thực tế là đang gây tạo oan nghiệt, đang tạo tác bất thiện, kẻ ấy thiếu trí huệ, tự cho là đang tu hành, chuyện như vậy rất nhiều. Vì vậy, thiếu trí huệ là không được. Hai thứ trí huệ ấy làm căn bản cho hết thảy các sự tu hành. *“Hà giả vi nhị? Nhất vị Như Lý Trí, năng chiếu chư pháp bổn tánh, bất nhất, bất dị, bất sanh, bất diệt, thị danh thông chư pháp tánh”* (Những gì là hai? Một là Như Lý Trí, có thể chiếu bổn tánh của các pháp, chẳng một, chẳng khác, chẳng sanh, chẳng diệt, nên gọi là “thông đạt tánh của các pháp”). Kinh nói đến điều này: Quý vị có Như Lý Trí, có trí huệ như thế, trí huệ ấy là gì? Có thể chiếu bổn tánh của các pháp. Ngài dùng chữ *“chiếu kiến”*, chẳng nói “thấy (kiến) bổn tánh của các pháp”. Ngài nói “có thể chiếu”, vì sao không dùng Kiến, mà dùng Chiếu? Trong Kiến có phân biệt, có chấp trước, có tình thức trong ấy. Chiếu kiến: Chúng ta cầm một tấm gương, dùng gương để soi một người, gương sẽ chiếu rõ ràng, rành rẽ, nó chẳng có phân biệt, chẳng có chấp trước, chẳng có thích hay không thích, đó là Chiếu Kiến. Trong kinh dùng chữ này, quý vị nên hiểu: Mắt chúng ta thấy sắc bên ngoài, mắt phải giống như một tấm gương, chớ nên có phân biệt, chấp trước, ưa thích, hay chẳng ưa thích. Quý vị vừa dấy niệm bèn là tình chấp, sai mất rồi, mê mất rồi! Dùng Chiếu Kiến, giống như một tấm gương; mắt ta giống như gương, [nhìn sự vật] rõ ràng, rành rẽ, nhưng trong [cái thấy ấy] chẳng có yêu ghét, chẳng có chán nhàm, mà cũng chẳng có ưa thích, hoàn toàn là tâm bình đẳng. Đó là Chiếu Kiến. Chiếu Kiến là trí huệ. Có phân biệt, có chấp trước, có yêu ghét, bèn là Tình Kiến, chẳng phải là Chiếu Kiến. Hễ trong ấy có tình thức thì tình thức là mê!

 Chư vị hãy nhớ, Tình chẳng phải một chữ tốt đẹp! Trong Phật pháp, nó được gọi là “mê tình”, quý vị chẳng có trí huệ! Tình và trí là đối lập; Chiếu là trí, Tình là mê. Chiếu Kiến thì quý vị bèn thấy bổn tánh của pháp, tánh lẫn tướng đều cùng thấy, thấy tướng bèn đồng thời thấy tánh. Thấy tánh là gì? Tánh - tướng chẳng một, chẳng khác, bất sanh, bất diệt; tánh bất sanh, bất diệt; tướng thì sao? Tướng cũng bất sanh, bất diệt. Tướng là có sanh, có diệt; vì sao nói nó chẳng sanh, chẳng diệt? Tốc độ [sanh diệt] quá nhanh, niệm trước vừa diệt, niệm sau bèn sanh. Tốc độ nhanh đến mức độ nào? Dựa trên cuộc đối thoại giữa Thích Ca Mâu Ni Phật và Di Lặc Bồ Tát, Di Lặc Bồ Tát bảo chúng ta: Một cái khảy ngón tay có ba trăm hai mươi triệu niệm, cũng có nghĩa là trong một cái khảy ngón tay có ba trăm hai mươi triệu lần sanh diệt, quý vị có thể tách ra từng lượt sanh diệt hay chăng? Vì thế nói sanh diệt giống như chẳng sanh diệt. Đó là nói theo tướng. Tánh thì sao? Trong tánh chẳng có niệm, tánh có thể sanh ra niệm ấy. Chẳng phải là Đại Bồ Tát sẽ không làm được! Cảnh giới ấy mới gọi là *“thông chư pháp tánh”*, quý vị thông đạt, hiểu rõ tánh và tướng của hết thảy các pháp.

 Câu kế tiếp là *“đạt chúng sanh tướng”*, đó là Như Lượng Trí. *“Nhị vị Như Lượng Trí, năng chiếu chúng sanh thù tướng”* (hai là Như Lượng Trí, có thể chiếu tướng khác biệt của chúng sanh), *“thù”* (殊) là bất đồng, [*“thù tướng”*] là các hiện tượng thiên sai vạn biệt. *“Mê, ngộ, phàm, thánh các dị”* (mê, ngộ, phàm, thánh, mỗi mỗi khác biệt), quý vị đều hiểu rõ ràng, minh bạch. *“Thị danh đạt chúng sanh tướng”* (đó gọi là “đạt chúng sanh tướng”). Câu kế tiếp nói rất hay: *“Cố ‘thông chư pháp tánh’ thị Căn Bản Trí, ‘đạt chúng sanh tướng’ thị Sai Biệt Trí”* (vì thế, “thông hiểu tánh của các Pháp” là Căn Bản Trí, “thấu đạt chúng sanh tướng” là Sai Biệt Trí). Căn Bản Trí còn gọi là Thật Trí, thực tại; Sai Biệt Trí cũng gọi là Quyền Trí, tức phương tiện quyền xảo. Khi hóa độ chúng sanh, ở chung với chúng sanh, phải dùng Quyền Trí. Quyền Trí thiên biến vạn hóa; Căn Bản Trí là như như bất động, ở trong động mà chẳng động, nhưng trong không động lại có động. Do vậy, để biểu thị pháp, Phật pháp thường dùng pháp luân để biểu thị pháp, dùng luân, luân là gì? Viên, tức là hình tròn được nói trong Hình Học hiện thời. Đức Phật dùng điều này để biểu thị pháp. Chỉ có Viên thì mới có thể biểu thị trong động mà chẳng động. Viên là nói tới chu vi của nó, chúng ta thấy tấm gương này, cũng là một hình tròn, chu vi hình tròn là động. Vành bánh xe là động, nhưng tâm hình tròn ấy (trục bánh xe) chẳng động, quý vị thấy “trong động lại chẳng động”. Hình tròn có tâm hay không? Đương nhiên là có tâm. Tâm hình tròn ở đâu? Tìm chẳng được! Nó thật sự có tâm, nhưng chắc chắn quý vị chẳng tìm được. Quý vị chấm một điểm ở chỗ đó, cái chấm nhìn dưới kính lúp, do nó có diện tích, nên chẳng phải là điểm, [như vậy là] tìm điểm không được. Trong Hình Học nói “một điểm di động tạo thành đường, đường di động tạo thành mặt”, chúng ta có thể thấy được mặt, chứ đường cũng chẳng nhìn thấy, như vậy thì điểm càng chẳng nhìn thấy [[6]](#footnote-7)[2]. Dấu vết của điểm trọn chẳng tìm được. Nói theo lý luận, nó nhất định có. Chẳng có nó thì làm sao hình thành vòng tròn cho được? Do vậy, nhất định phải có tâm vòng tròn. Đức Phật dùng điều này để biểu thị Phật pháp, tâm đường tròn tượng trưng Pháp Tánh.

 Vì thế, Pháp Tánh chẳng phải là vật chất, mà cũng chẳng phải là tinh thần, chẳng tìm Pháp Tánh được, nhưng Pháp Tánh trọn khắp hết thảy các chỗ, hết thảy các hiện tượng đều sanh từ Pháp Tánh. Quý vị thấy hình tròn, hình tròn bé, hình tròn lớn, dẫu lớn cách mấy đều chẳng rời khỏi tâm hình tròn. Chẳng có cái tâm ấy, hình tròn sẽ chẳng thể thành lập, khẳng định là có cái tâm ấy. Quý vị thấy cái tâm ấy có thể sanh, có thể hiện, có thể sanh ra đường tròn ấy, có thể hiện hình tròn. Nó có thể hiện, cho nên bất đắc dĩ dùng chữ Không để tượng trưng cho nó. Kinh Bát Nhã thường nói: *“Sắc tức là Không”*, Sắc là gì? Đường tròn, Sắc là đường tròn. Không là gì? Không là tâm hình tròn. Chúng là một Thể, chẳng thể tách rời. Rời khỏi tâm đường tròn, lấy đâu ra tướng bánh xe? Tướng ấy chẳng còn nữa! Vì thế, nhà Phật dùng điều này để biểu thị pháp, gọi hết thảy các pháp là “pháp luân”, pháp luân biểu thị ý nghĩa này. Chúng ta nhìn thấy hình tròn, bèn lập tức biết vũ trụ này chẳng phải Không, chẳng phải Có, mà cũng Không, cũng Có. Biết chân tướng sự thật, trí huệ đã mở mang, biết bản thể của hết thảy các pháp chính là Không, trọn chẳng thể được. Do lẽ đó, hết thảy các pháp có thể thọ dụng, có thể thưởng thức, nhưng chẳng thể chiếm hữu, vì sao? Bản thể của nó chính là Không, quý vị chẳng chiếm hữu được! Không riêng gì bản thể của hết thảy vạn pháp chính là Không, mà bản thể của cái thân chúng ta cũng chính là Không, nên chúng ta mong chiếm hữu, khống chế thân thể, sẽ chẳng làm được. Nếu có thể khống chế và chiếm hữu thân thể này, ta sẽ khiến cho nó năm nào cũng là mười tám tuổi thì tốt quá, sống đến một ngàn năm vẫn là dáng vẻ mười tám, quý vị mới có năng lực chiếm hữu, khống chế nó, nhưng quý vị làm không được. Vì thế, đức Phật dạy chúng ta có thể thọ dụng, có thể thưởng thức, nhưng quyết định chớ nên có ý niệm khống chế hoặc chiếm hữu. [Nếu có ý niệm ấy], quý vị đã tạo nghiệp, hễ tạo nghiệp bèn chắc chắn có khổ báo về sau. Người và người, người và Phật, Bồ Tát, mỗi người và hết thảy chúng sanh đều có duyên phận; người hiểu rõ thì phải nắm vững những duyên phận ấy, biến các duyên phận ấy thành pháp duyên, đừng nên biến thành tình duyên, càng chớ nên biến thành ác duyên, đó là đúng. Biến thành tình duyên sẽ phải trả nợ, biến thành ác duyên sẽ oan oan tương báo, vô cùng đau khổ! Biến thành pháp duyên sẽ tốt đẹp, tất cả mọi người giác ngộ, có thể cùng nhau tu hành, cùng nhau chứng quả, đồng tâm hiệp lực độ chúng sanh mê hoặc, điên đảo, đó là đúng, đấy là đi theo cùng một con đường với Phật, Bồ Tát.

 Nếu thật sự mong cho thế giới này an định, hòa bình, phương pháp rất đơn giản, con người sanh vào thế gian này, đầu tiên là phải hiểu lý, phải khai trí huệ, quý vị bèn có thể thấy thấu suốt, có thể buông xuống. Sau đấy, chúng ta sống vài chục năm trong thế gian này, sống suốt mấy chục năm, theo đuổi một nghề nghiệp, khéo lo toan, thực hiện sự nghiệp ấy tốt đẹp, làm công việc ấy tốt đẹp, hỗ trợ, giúp đỡ những người làm nghề khác, xã hội này sẽ an tường, hòa thuận. Mọi người vâng giữ nghề nghiệp và chức trách của chính mình, đừng nên can thiệp nghề nghiệp của kẻ khác, mỗi cá nhân đều thực hiện tốt nghề nghiệp của chính mình. Giống như một bộ máy, bộ máy do rất nhiều linh kiện hợp thành, mỗi linh kiện đều tốt đẹp thì cỗ máy ấy sẽ vận hành suông sẻ. Nghề nghiệp của người xuất gia là gì? Dạy học, dạy học Phật. Thích Ca Mâu Ni Phật suốt đời dạy học, chúng ta kế thừa Thích Ca Mâu Ni Phật, Thích Ca Mâu Ni Phật lưu lại sách giáo khóa, hãy nghiêm túc học tập, giảng giải cho những đồng học hữu duyên đến học tập, mọi người cùng nhau học tập, thực hiện tốt đẹp nghề nghiệp này. Nghề nghiệp này chủ yếu là giảng luân lý, đạo đức, nhân quả, mỗi ngành nghề trong xã hội đều phối hợp sẽ tốt đẹp lắm, đó là chuyện tốt. Đó là tiến hành giáo dục, giáo dục tôn giáo, đối với nhà Phật mà nói, hai chữ “giáo dục” vô cùng thiết thực. Giáo dục của Phật Đà xác thực là sự giáo dục chủ yếu, giáo học trọng yếu, giáo hóa đáng tôn sùng. Không chỉ có cống hiến đối với nhân loại, mà đối với chúng sanh trong mười pháp giới đều có cống hiến rất lớn, dạy chúng ta chứng đắc Căn Bản Trí và Hậu Đắc Trí. Sai Biệt Trí là Hậu Đắc Trí. Căn Bản Trí là liễu giải chân tướng sự thật, đấy là Căn Bản Trí. Hậu Đắc Trí là phương tiện thiện xảo, ứng dụng Căn Bản Trí vào cuộc sống hằng ngày, đó là Sai Biệt Trí. Chúng ta học *“thông đạt tánh tướng”* tới đây!

 Bây giờ chúng ta lại xem tiếp, đoạn thứ hai là *“cúng Phật độ sanh”*, [tức là] cúng dường Phật, phổ độ chúng sanh. Câu này cũng hết sức quan trọng. Kinh văn:

 ***(Kinh) Cúng dường chư Phật. Khai đạo quần sanh.***

**(經) 供 養 諸 佛。開 導 群 生。**

 *(****Chánh kinh****: Cúng dường chư Phật, khai thị, giáo hóa chúng sanh).*

 Đối với hai câu này, chúng ta thấy [cụ Niệm Tổ giảng]: *“Cúng dường hữu nhị”* (cúng dường có hai loại), thứ nhất là tài cúng dường, thứ hai là pháp cúng dường. Chúng ta xem trước: *“Tài cúng dường, cúng dường hương, hoa, ẩm thực đẳng tài vật”* (Tài cúng dường: Cúng dường hương, hoa, thức ăn v.v… các món tài vật). [Chỉ nêu lên] ba thứ này, chứ phạm vi của tài vật rất rộng. Nói đến ba thứ ấy vì ba thứ ấy bao hàm ý nghĩa rất sâu. Hương biểu thị thông tin. Thông tin hiện thời đã phát triển đến truyền hình vệ tinh và mạng Internet. Vào thời cổ, truyền tin phải cậy vào hương. Nếu quý vị có dịp đến Trung Quốc vãn cảnh, thăm Vạn Lý Trường Thành, quý vị sẽ hiểu đốt hương nhằm ý nghĩa gì. Vạn Lý Trường Thành là tuyến đường dài mấy ngàn dặm, phía ngoài trường thành là Hung Nô. Thời cổ, người Mông Cổ là dân tộc du mục, Trung Quốc là xứ nông nghiệp, lấy nông nghiệp lập quốc, tức là lấy trồng trọt làm chủ yếu. Những dân tộc du mục thường xâm lược, cướp đoạt, nên chánh quyền mới đắp trường thành để làm công sự phòng ngự. Khi họ tấn công thì làm thế nào? Làm cách nào để báo tin cho hoàng thượng để nhà vua nhanh chóng phái binh đến cứu? Do vậy, quý vị thấy trường thành, cứ cách mỗi khoảng lại có phong hỏa đài (烽火台). Phong hỏa đài là lò hương, đó là phong hỏa đài. Đốt gì? Đốt *“lang yên”* (狼煙), [tức là] đem phân chó sói đốt cho bốc khói, khói ấy chẳng dễ bị gió thổi tan. Khói phân sói là như vậy đó, chẳng bị thổi tan mất. Thấy phong hỏa đài [bên kia] đốt khói phân sói, phong hỏa đài bên này cũng đốt. Phong hỏa đài từ Ngọc Môn Quan [[7]](#footnote-8)[3] truyền đến Trường An, thời ấy thủ đô ở Trường An. Chỉ cần khoảng mấy giờ, ba bốn giờ liền truyền đến [kinh đô], Hoàng Thượng lập tức biết biên thùy có địch nhân xâm lược. Do vậy, nó nhằm để truyền đạt tin tức.

 Trong Phật pháp thì sao? Quý vị thấy lư hương giống như phong hỏa đài, chúng ta thắp một nén nhang là gì? Báo tin cùng Phật, Bồ Tát, có ý nghĩa này. Do vậy, đừng nên đốt hương quá nhiều. Hương đốt quá nhiều sẽ là khói đen mù mịt, không khí cũng bị ô nhiễm. Thắp một nén hương thơm, đó là biểu thị pháp, biểu thị tâm ý của chúng ta giao tiếp với Phật, Bồ Tát, mang ý nghĩa này. Quý vị thấy đó, bảo quý vị cúng dường thứ ấy, chúng ta thiện tâm thiện ý cúng dường Phật, Bồ Tát, mang ý nghĩa này. Hiện thời người đốt hương đông đảo, mấy ai hiểu ý nghĩa này? Ý nghĩa ấy khiến Phật, Bồ Tát hoan hỷ. Hiện thời, đốt hương nhằm ý nghĩa gì? Bợ đỡ Phật, Bồ Tát, cầu Phật, Bồ Tát phù hộ cho tôi thăng quan phát tài. Nếu tôi phát tài to, tôi phát tài một trăm vạn, sẽ đến cúng dường Ngài một vạn! Đàm phán điều kiện, coi Phật, Bồ Tát như tham quan ô lại, thắp hương như vậy làm sao có phước cho được? Há có lẽ ấy? Quý vị đã tính toán quá kỹ! Nếu Ngài phù hộ tôi được một trăm vạn, tôi sẽ đến cúng dường Ngài một vạn, thành ra thể thống gì! Ý niệm ấy đã sai be bét, niệm niệm đều tạo tội nghiệp, mà vẫn mong cầu Phật, Bồ Tát giúp kẻ ấy tạo tội nghiệp, lẽ đâu có chuyện như vậy? Trong phần trước, chúng tôi đã nói rất rõ ràng, chức nghiệp của Phật, Bồ Tát là thầy giáo, chỉ quan tâm dạy dỗ tốt đẹp, chuyện gì khác đều chẳng màng tới! Thật vậy! Hành hạnh của chính mình cho tốt đẹp, chẳng quản gì khác, đó là đúng. Do vậy, quý vị hãy thật sự hiểu cúng dường Tam Bảo có ý nghĩa như thế đó, ngàn vạn lần đừng nên tạo tội nghiệp, tạo tội nghiệp là sai lầm quá đỗi. Hương cúng dường [là như vậy đó].

 Hoa cúng dường là gì? Hoa tượng trưng cho nhân. Quý vị thấy thực vật nở hoa trước, kết trái sau. Chúng ta thấy thực vật trổ hoa tốt đẹp, bèn biết quả nhất định tươi tốt. Nếu hoa nở chẳng tốt, sẽ biết thâu hoạch bị trục trặc, quả chẳng kết tốt đẹp. Hoa là như thế đó. Chúng ta tu cái nhân tốt đẹp, đó là hoa. Hoa tượng trưng cho tu nhân. Nếu cúng trái cây thì trái cây tượng trưng cho sự kết quả, chúng ta dùng thiện nhân thiện quả để cúng dường Phật, biểu thị ý nghĩa này. Chẳng phải là Phật muốn ngắm hoa ấy, muốn ăn những quả ấy, chẳng có lẽ đó! Bởi lẽ, trong Phật môn hết thảy đều là giáo học. Cúng trước Phật một chén nước thì nước ấy là gì? Nước là tâm chúng ta, tâm chúng ta phải trong sạch như nước, tâm chúng ta phải bình đẳng, đó là như kinh đã nói “thanh tịnh, bình đẳng”. Dùng nước để tượng trưng cho tâm thanh tịnh, bình đẳng. Chẳng phải là Phật, Bồ Tát muốn uống nước. [Nếu hiểu là cúng nước cho các Ngài uống] thì trật rồi, toàn là để biểu thị pháp. Chúng ta hiểu rõ ý nghĩa này, hễ nhìn thấy những vật cúng ấy, chúng ta bèn hiểu phải làm theo cách nào, khởi tâm động niệm, ngôn ngữ, tạo tác đều chớ nên có tà niệm, chớ nên có tà hạnh, [những vật cúng ấy] đều nhằm dạy chúng ta.

 [Dâng cúng] thức ăn là báo ân, các Ngài có ăn hay không? Các Ngài không ăn! Phật, Bồ Tát há ăn những thứ ấy? Vì sao dùng thức ăn để cúng dường? Thuở Phật, Bồ Tát tại thế, các Ngài khất thực. Chúng ta tài cúng dường Phật, Bồ Tát, tài cúng dường là một bát cơm. Có khi chẳng phải là một bát, mà là một muỗng cơm, một chút ít. Vì thế, đức Phật đi khất thực mỗi nhà, xin bảy nhà mới có một bát cơm. Chẳng phải là một nhà cho nhiều như thế, một nhà chẳng có nhiều như thế. Thuở ấy, con người sống rất kham khổ, chính mình bớt ăn một chút để cúng Phật, mang ý nghĩa này. Nay chúng ta chẳng quên gốc, chẳng quên tình trạng cuộc sống của thầy trong thuở ấy. Thầy khất thực, chúng ta cúng dường một chút cơm, chủ yếu là cơm. Nếu cúng dường thức ăn thì ba món thức ăn biểu thị điều gì? Tam đức lục vị, tối đa là sáu món. Sáu món tượng trưng cho sáu vị, chua, ngọt, đắng, cay, mặn, nhạt, bao gồm sáu vị ấy, đã viên mãn rồi. Vì thế, chớ nên cúng quá nhiều. Cúng quá nhiều là thất lễ, tỏ lộ sự bợ đỡ; cúng ít quá thì chẳng cung kính. Vì thế, tốt thiểu là ba món là đúng pháp, biểu thị tam đức, sáu món tượng trưng lục vị, đó là lễ tiết. Phật đối với chúng ta là pháp cúng dường, chúng ta đối với Phật là tài cúng dường. Phật lại chẳng cần tài, chỉ cần một bát cơm. Mỗi ngày đi khất thực là một bát cơm, cho nên cúng dường thức ăn. Những tài vật khác, nói thật ra tùy thuộc vào chỗ [những món ấy] hữu dụng cho sự hóa độ chúng sanh của Phật [thì dâng cúng], chứ chỗ nào chẳng hữu dụng bèn chẳng cần đến. Đức Phật ngũ nhãn viên minh, vào thời ấy, tức là từ ba ngàn năm trước mà có thể thấy xã hội hiện tiền, trong thời đại ấy Ngài có thể chẳng cần đến tiền. Trong thời đại hiện tại, chẳng có tiền sẽ không được. Quý vị ra khỏi cửa ngồi xe hoặc ngồi thuyền chẳng giống như thời cổ. Thời cổ, xe, thuyền hễ gặp người xuất gia bèn chẳng lấy tiền, họ biết cúng dường. Hiện thời chẳng được, bây giờ mà không mua vé, họ chẳng cho quý vị lên. Do vậy, hiện thời, nếu nhận lời thỉnh cầu, phải cần đến tiền đi đường và tiền tiêu dùng. Quý vị đến nơi nào đó, nếu là chỗ chùa, miếu, am, đường thì chẳng sao. Nếu chẳng có, các cư sĩ tạm thời thuê chỗ để thỉnh pháp sư giảng kinh, thường ngụ tại khách sạn, đều phải tốn tiền. Đức Phật nghĩ đủ mọi lẽ, nên sau đấy cho quý vị cúng thêm tài vật. Phải nên nhớ, kinh thường nói: *“Trong hết thảy các thứ cúng dường, pháp cúng dường bậc nhất”*. Nếu chẳng có pháp cúng dường, tài cúng dường chỉ tu được một chút phước, tức là phước báo nhân thiên, vẫn phải là [cúng dường những vị] có đức hạnh và tu trì thật sự, tốt nhất là những vị xuất gia chứng quả, quý vị mới thật sự gieo phước. Nếu chẳng phải là người thật sự tu hành, quý vị đến cúng dường kẻ ấy, tức là đã phạm lỗi, chớ nên không biết những hiện tượng ấy.

 Hiện thời, Phật pháp suy vi, suy đến mức nào? Suy đến mức người học Phật chúng ta chẳng đúng pháp. Cứu vớt Phật pháp bằng cách nào? Hiện thời Phật pháp có nguy cơ, phải dùng phương pháp gì để cứu vớt nguy cơ cho Phật pháp? Hãy nghiêm túc học Phật. Nghiêm túc học Phật thì nhất định phải trì giới, phải tu Định, phải khai trí huệ. Tu Định, có nhất định phải tu Thiền Định hay không? Chẳng nhất định! Quý vị phải biết tám vạn bốn ngàn pháp môn được nói trong Đại Thừa Phật pháp, môn nào cũng đều là Thiền Định. Nếu pháp môn nào rời khỏi Giới - Định - Huệ, đó chẳng phải là Phật pháp, phải biết điều này! Phật pháp chân chánh là gì? Phật pháp chân chánh quyết định nương theo Giới - Định - Huệ. Thứ nhất là phải trì giới, chẳng trì giới là giả, chẳng thật. Nếu không trì giới, ngay cả phước cũng chẳng tu được, Định - Huệ càng chẳng cần phải nói nữa! Đầu tiên là trì giới. Trì giới thực hiện từ chỗ nào? Hiện thời, tôi đặc biệt nhắc nhở các đồng học: Hãy thực hiện từ Đệ Tử Quy, Đệ Tử Quy là giới luật căn bản. Có thể làm được Đệ Tử Quy, sẽ tu Cảm Ứng Thiên tốt đẹp, quý vị có thể thực hiện Cảm Ứng Thiên. Hai thứ ấy là căn cơ của Phật pháp, các đồng học học Phật chớ nên không biết. Trong Phật Tạng Kinh, Thích Ca Mâu Ni Phật, [tôi nói] Phật Tạng Kinh, chẳng phải là Đại Tạng Kinh, trong các bộ kinh Phật có một quyển kinh chẳng lớn, phân lượng chẳng nhiều lắm, tựa đề của kinh là Phật Tạng Kinh. Trong kinh ấy, đức Phật dạy chúng ta, Ngài nói: *“Phật tử”*, tức là đệ tử của Phật, *“chẳng học Tiểu Thừa trước, sau đó học Đại Thừa, chẳng phải là đệ tử Phật”*. Đức Phật nói rất nghiêm túc, quý vị học Phật mà chẳng học Tiểu Thừa trước, sau đó học Đại Thừa, đức Phật chẳng thừa nhận quý vị là học trò của Ngài. Giống như đi học, trước hết, quý vị phải học Tiểu Học, rồi học Trung Học, rồi học Đại Học, đó là đúng. Nếu quý vị nhảy lớp, chẳng cần đến Tiểu Học mà học ngay vào Đại Học, đức Phật chẳng thừa nhận quý vị.

 Vì thế, Phật pháp truyền đến Trung Quốc, kinh điển Tiểu Thừa được phiên dịch hết sức hoàn bị, kinh điển Đại Thừa được tuyển chọn để phiên dịch. Vì sao? Quá nhiều! Thuở ấy giao thông hết sức bất tiện, chuyên chở [kinh điển] đến Trung Quốc rất khó khăn. Do vậy, trong các kinh điển Đại Thừa phải tuyển chọn, tuyển chọn những bộ hay nhất, thích hợp cho người Trung Quốc học tập, chọn lựa những bộ kinh ấy. Có thể là [những kinh Đại Thừa vốn có tại Ấn Độ] truyền đến Trung Quốc chưa được một nửa, chúng ta chớ nên không biết [điều này]. Tiểu Thừa là cơ sở, cơ sở rất trọng yếu, vì thế, kinh Tiểu Thừa được phiên dịch vô cùng hoàn bị. Hiện thời, Tứ A Hàm trong Đại Tạng Kinh [bằng tiếng Hán] là kinh Tiểu Thừa. Đối chiếu với Nam Truyền Đại Tạng Kinh bằng tiếng Ba Lợi (Pali) của các nước theo [Phật giáo] Nam Truyền như Thái Lan, Miến Điện, điển tịch bằng tiếng Pali so với [các kinh Tiểu Thừa] tiếng Hán đại khái chỉ nhiều hơn năm mươi bộ. Hơn ba ngàn bộ kinh mà chỉ nhiều hơn năm mươi bộ, chẳng đáng kể! Ta biết: Tại Trung Quốc, kinh Tiểu Thừa được dịch hoàn bị như thế. Do vậy, tại Trung Quốc có hai tông phái Tiểu Thừa là Câu Xá Tông và Thành Thật Tông. Đời Đường có [hai tông ấy], đều là trước hết đặt vững cơ sở Tiểu Thừa rồi mới có thể học Đại Thừa. Nhưng nói thật ra, người Trung Hoa đối với văn hóa truyền thống Trung Quốc lưu luyến rất sâu, từ giữa đời Đường trở đi, chẳng học Tiểu Thừa nữa. Có trái nghịch ý nghĩa của Thích Ca Mâu Ni Phật hay không? Chẳng có! Vì những vị cao tăng đại đức Trung Quốc nhận thấy Nho và Đạo của Trung Quốc chẳng thua kém Tiểu Thừa.

 Do vậy, ở Trung Quốc, bất luận tại gia hay xuất gia đều chẳng học Tiểu Thừa, mà học Nho, học Đạo. Nho và Đạo là văn hóa bổn địa của Trung Quốc, [dùng Nho và Đạo] thay thế Tiểu Thừa bèn thành công. Vì thế, cho tới hiện tại, suốt một ngàn bảy trăm năm qua đều làm như vậy. Trong một ngàn bảy trăm năm ấy, trong mỗi tông phái xuất hiện rất nhiều vị cao tăng, tổ sư, đại đức, chứng tỏ [cách làm ấy] hữu hiệu, dùng Nho và Đạo thay thế Tiểu Thừa hữu hiệu. Vì vậy, tại Trung Quốc, Nho, Thích, Đạo biến thành một nhà, trên hình thức bèn có Nho, Thích, Đạo, nhưng xét theo thực chất, chẳng có gì không học. Người học Phật đọc Tứ Thư, Ngũ Kinh, cũng học Lão Trang. Đạo trưởng Đạo Giáo cũng học kinh Phật, cũng học sách Nho. Người học Nho gia cũng học Đạo và Phật. Vì vậy, trên thực tế thì đã dung thông từ mấy ngàn năm trước. Tại Thiếu Lâm Tự, chúng tôi phát hiện một tấm bia, theo truyền thuyết, tấm bia ấy được lập vào thời Đường Túc Tông. Đường Túc Tông là con Đường Minh Hoàng, tối thiểu là hơn một ngàn bốn trăm năm. Bia ấy ghi điều gì? *“Tam giáo cửu lưu là một nhà”.* Nay chúng ta nói là “đa nguyên văn hóa”, nói tới tôn giáo đại đoàn kết. Thời đại Đường Túc Tông đã lập bia ở đó, cho thấy đúng là từ thuở ấy, người ta đã bắt đầu quan niệm *“tam giáo cửu lưu là một nhà”*, tư tưởng văn hóa đa nguyên phát triển khá sớm tại Trung Quốc, đã được đề ra từ đời Đường, chẳng phải là một học thuyết thời trang trong hiện tại. Do vậy, pháp cúng dường là trọng yếu.

 Ba căn bản Nho - Thích - Đạo rất trọng yếu, ba căn bản ấy là căn bản của giới luật. Học tập nhất định phải khởi sự từ Đệ Tử Quy, thứ hai là Cảm Ứng Thiên, thứ ba là Thập Thiện Nghiệp Đạo, có cơ sở ấy rồi mới học Phật sẽ chẳng có vấn đề gì. Hàng xuất gia còn phải học thêm một quyển nữa là Sa Di Luật Nghi, tức là bốn căn bản. Sau khi đã vun quén vững bền bốn căn bản ấy, bất luận học Nho, học Đạo, hay học Phật, quyết định có thành tựu. Học Nho thành thánh, thành hiền, học Đạo thành thần, thành tiên, học Phật thành Phật, thành Bồ Tát, thật sự có thể đạt được. Do vậy, quý vị chẳng có căn bản, sẽ không được. Chẳng có căn bản, học nhọc nhằn cả đời, đến cuối cùng vẫn chẳng có kết quả, quý vị hiểu vun bồi căn bản trọng yếu lắm! Có bốn căn bản ấy, Phật giáo sẽ hưng vượng. Chẳng có bốn căn bản ấy, chắc chắn Phật giáo sẽ diệt vong, chúng ta chớ nên không chú ý điều này. Nay chúng ta cúng dường Tam Bảo, hãy dùng giáo dục vun bồi căn bản, sau đó thâm nhập một môn, huân tu lâu dài, đó là cúng dường thật sự. Sự cúng dường này sẽ khiến cho Phật pháp tồn tại lâu dài trong thế gian, nối tiếp huệ mạng của Phật. Do sự cúng dường chân thật này, đời này sẽ chẳng uổng phí, đời này ta đã kiến công lập nghiệp trong cõi nhân gian này, thật sự có giá trị. Vì thế, hiện tại, chớ nên không biết điều này, hãy đúng pháp tu hành, lợi ích chúng sanh. Thuở đức Thế Tôn tại thế, Ngài đã suốt đời thị hiện, làm cho chúng ta thấy, thân hành, ngôn giáo, những giới luật trong kinh Phật Ngài đã thực hiện toàn bộ. Đối với những gì đã nói trong kinh điển, chẳng có câu nào Ngài chẳng làm được, đấy mới là một vị thầy tốt đẹp!

 Vì vậy, chúng ta phải tu cúng dường. Tiếp đó, [sách Chú Giải] lại nói: *“Hựu phân tam chủng”* (lại chia thành ba thứ [cúng dường]), nói đến ba loại cúng dường, cúng dường lại chia ra ba loại. Loại thứ nhất là *“lợi cúng dường”*, trong phần trên, lợi cúng dường được gọi là tài cúng dường, *“phụng hương, hoa, ẩm thực đẳng dã”* (dâng cúng hương, hoa, thức ăn v.v…). Thứ hai là *“kính cúng dường, tán thán cung kính dã”* (kính cúng dường tức là tán thán, cung kính), loại cúng dường này nhằm giới thiệu Phật, Bồ Tát với học trò. Chư vị phải biết Phật pháp là sư đạo, thầy luôn vô cùng khiêm hư, người càng có đức hạnh càng khiêm hư. Quý vị thỉnh giáo họ, họ nói chuyện gì ta cũng đều không biết, quý vị hãy nên tìm người cao minh để thỉnh giáo. Tuyệt đối chẳng có một vị thầy nào nói: “Ta ngon lành lắm nghe! Quý vị đều đến tìm ta, quý vị hễ không hiểu điều gì đều nên tìm đến ta”, vị thầy ấy chẳng như vậy! Hiện thời thì có, có rất nhiều [vị thầy tự tâng bốc mình như vậy], chứ thời cổ chẳng tìm thấy, thời cổ luôn là khiêm hư. Do đó, trường học hiện thời chiêu sinh; trước kia, chẳng có vị thầy nào dám chiêu sinh, [bởi chiêu sinh tức là] quý vị quá cuồng vọng, quá tự đại! Chiêu sinh tỏ lộ điều gì? Ta là một vị thầy giỏi, ta có năng lực dạy quý vị, các vị đều theo ta, [biểu lộ tâm thái kiêu căng] như vậy đó! Trước kia, thầy chẳng vậy, trước kia thầy khiêm hư. Học trò làm cách nào? Đồng học giới thiệu, tôi học ở đây khá lắm, tôi giới thiệu một vị, vị thầy ấy khá lắm, quý vị có thể cùng với tôi học theo thầy. Giới thiệu thầy, chẳng phải là chiêu sinh. Chúng ta phải tiếp dẫn đại chúng như thế nào? Đại chúng chẳng nhận biết thầy. Vì thế, học trò phải nêu bày tấm gương rất tốt đẹp, cung kính, tán thán thầy, người khác nhìn vào, đó là gì? Cung kính nhằm thay thầy giới thiệu với học trò, có ý nghĩa như thế.

 Chẳng phải là thầy nhất định cần chúng ta cung kính, chẳng phải vậy, thầy chẳng nói lời ấy. Trong tâm chúng ta cung kính thầy, tốt lắm, trên hình thức có cần thiết hay không? Trên hình thức thì không cần, hình thức là diễn tuồng cho người chẳng biết, chẳng nhận biết nhìn vào. Càng là người có địa vị, tín đồ tại gia có địa vị, có học vấn, cung kính người xuất gia dường ấy, người khác trông thấy, [sẽ nghĩ] nhất định [vị xuất gia ấy] có đạo đức, nhất định là bậc lỗi lạc, ai nấy đều kéo đến. Đây là nghĩa vụ phải nên trọn hết của hàng học trò. Một vị thầy tốt đẹp dường ấy, nhưng người ta chẳng nhận biết, ở ngay trước mặt mà bỏ lỡ rất đáng tiếc. Chúng ta biết kẻ hữu duyên mà chẳng giới thiệu cho họ, đó là tội lỗi, chúng ta có nghĩa vụ giới thiệu. Lúc thầy còn sống, phải thường đến thăm thầy, đó là gì? Làm cho đại chúng trong xã hội thấy, biết: Bậc cao nhân ấy tuy im lặng, chẳng nghe tới tiếng tăm, nhưng thật sự có tu trì, thật sự có đạo đức, thật sự có học vấn, hãy giới thiệu rộng rãi. Thầy mất, tạo dựng từ đường kỷ niệm thầy. Thầy để lại trước tác, phải giới thiệu cho người đời sau biết, chịu học theo thầy. Trong giảng đường, phòng học, chúng ta thờ ảnh thầy. Đó là gì? Giới thiệu thầy cùng quảng đại quần chúng, khiến cho mọi người nhận biết thầy. Thầy đã khuất, quả thật vẫn còn trước tác lưu truyền hậu thế, trong tương lai, người ta trông thấy những thứ ấy, biết là của báu, là trước tác của người thật sự có đức hạnh, có học vấn, có tu hành, sẽ hết sức coi trọng, nhất tâm nhất ý học tập vị ấy, mục đích ở chỗ này.

 Thuở đức Phật tại thế, mọi người biết Ngài suốt đời chẳng có trụ xứ, Thích Ca Mâu Ni Phật chẳng dựng một đạo tràng hay một ngôi chùa miếu nào, chẳng có! Cả đời chẳng làm! Khi viên tịch là ở vùng quê, trong rừng. Sau khi đức Phật khuất bóng, quý vị thấy người đời dựng đại hùng bảo điện giống như hoàng cung, tạc tượng Ngài thờ phụng trong ấy, đó là gì? Đều là khiến cho nhân dân sanh lòng kính ngưỡng đối với thầy. Có thể kính ngưỡng vị thầy ấy, cũng sẽ kính ngưỡng học trò, nẩy sanh tín tâm và hứng thú đối với kinh điển di giáo của thầy, các đệ tử đức Phật đến dạy bảo, họ sẽ hoan hỷ tiếp nhận, dụng ý ở chỗ này. Thoạt đầu, tạo lập tự viện am đường thật sự là trường học. Tự viện am đường lên lớp mỗi ngày, chúng ta giảng kinh là lên lớp. Chẳng phải chỉ là một vị thầy, mà những vị thầy thật sự thân hành ngôn giáo, trong đại tự viện có mấy chục vị, tiểu tự viện đại khái cũng có chừng mười vị, cho nên các vị ấy dạy học chẳng gián đoạn. Có lắm lúc, thuận theo yêu cầu của học trò, đặc biệt mở khóa học cho họ. Điện đường là phòng học, mỗi điện đường đều mở lớp, giống như trường học. Nhưng học trò chẳng thể môn nào cũng học, không thể được! Cổ nhân Trung Quốc dạy học, nhấn mạnh *“giáo chi đạo, quý dĩ chuyên”* (đạo giáo dục là cốt yếu tinh chuyên), tuy câu này do tổ tiên đề ra, nhưng Phật giáo tuân thủ, nên quý vị học kinh giáo chỉ có thể học một môn, chẳng thể học rất nhiều môn [cùng một lúc].

 Giống như hiện thời chúng ta buổi sáng trong hai tiếng đồng hồ học kinh Vô Lượng Thọ ở đây, phòng học sát vách giảng kinh Kim Cang, quý vị nghe tôi giảng ở đây xong, lại sang bên kia nghe kinh Kim Cang, có được hay không? Không được! Quý vị chỉ có thể học một thứ, chẳng thể đồng thời học rất nhiều thứ. Học một thứ xong, học xong một khoa mục, học hoàn tất một khoa mục này rồi, quý vị có thể chọn một khoa mục khác, lại có thể chọn một bộ kinh khác để tu. Khoa mục này học chưa xong, chẳng thể học khoa thứ hai! Thâm nhập một môn sẽ đắc Định. Do Giới đắc Định, Giới là quy củ, nghiêm ngặt tuân thủ quy củ, tâm người ấy thanh tịnh bèn có thể đắc Định. Thời gian Định đã lâu, lại nghe kinh hằng ngày, bất ngờ một lúc nào đó, hoát nhiên đại ngộ, tức là khai ngộ, đấy mới là mục tiêu học tập. Do vậy, mục tiêu học tập của chúng ta, thứ nhất là đắc tâm thanh tịnh, thứ hai là đắc định, thứ ba là khai ngộ, đạt đến khai ngộ sẽ là viên mãn. Sau khi khai ngộ, bất luận là kinh giáo nào hoặc giảng đường của người nào đều hoan nghênh quý vị đến nghe. Trước khi khai ngộ, không được! Quý vị chỉ có thể học một môn, chẳng thể học hai môn. Đấy là Kính Cúng Dường, hãy hiểu ý nghĩa chân thật của sự cung kính.

 Thứ ba là *“hành cúng dường, thọ trì tu hành diệu pháp”*. Thầy khảo hạch học trò, tức là đối với thành tích của học trò, muốn khảo sát trên phương diện này. Nói cách khác, quý vị có làm được những gì quý vị đã học hay chăng? Nếu chẳng thể áp dụng những thứ đã học vào cuộc sống, công việc, xử sự, đãi người, tiếp vật, tức là quý vị chưa học được! Nói cách khác là thất bại, chẳng thể thọ dụng. Vì thế, Phật pháp thật sự là một học vấn, chẳng giả, học đến mức dùng được, điều này được coi trọng hơn bất cứ chuyện gì khác. Quý vị học xong, chẳng đạt được lợi ích chân thật thì học để làm gì? Lợi ích chân thật đầu tiên là thân tâm thanh tịnh, phiền não nhẹ nhàng, trí huệ tăng trưởng, chắc chắn! Đấy là lợi ích mà bản thân quý vị đạt được. Quả nhiên, tâm thanh tịnh, trí huệ tăng trưởng, quý vị hãy nên suy nghĩ: Quý vị tại gia học Phật, gia đình quý vị có hạnh phúc hay không? Quý vị có thể mang lại hạnh phúc cho gia đình, có trí huệ, có đức hạnh, sự nghiệp kinh doanh của quý vị là sự nghiệp Bồ Tát. Hiện thời, tại Trung Quốc có mấy chỗ làm mẫu, [chẳng hạn như] công ty xí nghiệp của ông Hồ Tiểu Lâm là Bồ Tát xí nghiệp. Bà tổng giám đốc Lưu Khắc Thành ở Thanh Đảo cũng áp dụng Đệ Tử Quy vào toàn thể công ty, công nhân hơn một ngàn người biến thành người một nhà, bà ta thật sự làm được, thật sự vận dụng, Bồ Tát xí nghiệp đấy. Hành cúng dường quan trọng hơn bất cứ thứ gì khác, thật sự hành, thật sự làm, đó là thật. Làm không được thì hằng ngày niệm kinh, hằng ngày nghe kinh giáo, nhưng làm không được thì vô dụng, chẳng phải là lợi ích chân thật. Thọ (受) là tiếp nhận, Trì (持) là gìn giữ chẳng để mất, Tu (修) là sửa chữa, Hành (行) là hành vi. Trước đây, trong cách nghĩ và cách làm để lo toan nhà cửa, kinh doanh sự nghiệp của quý vị đã sai trật, nay đã giác ngộ, hiểu rõ, bèn nương theo phương pháp của Phật, nương theo phương pháp trong Đệ Tử Quy và Cảm Ứng Thiên để uốn nắn, vun bồi bền vững ba căn bản ấy trong gia đình, trong sự nghiệp, vận dụng Phật pháp đã học tập, khiến cho tất cả nhân công và mọi người đều đạt được lợi ích nơi pháp, đó là tu hành.

 *“Chân Giải viết: Năng du vô lượng Phật độ, hưng cúng dường vân, cố vân cúng dường chư Phật”* (Sách Chân Giải nói: “Có thể dạo trong vô lượng cõi Phật, nổi mây cúng dường, nên nói là cúng dường chư Phật”). Sau chữ Cúng Dường dùng chữ Vân (雲), trong kinh Phật dùng chữ này rất nhiều, chữ này tượng trưng điều gì? Tượng trưng “chẳng chấp tướng”, là Căn Bản Trí. Mây chẳng phải Không, chẳng phải Có. Chúng ta ở trên mặt đất thấy mây là có, nhưng quý vị ngồi máy bay đến đó, thấy nó chẳng có. Vì vậy, nó tượng trưng điều gì? Hình tướng dường như có, nhưng trên thực tế chẳng có, biểu thị ý nghĩa này. [Điều ấy] dạy quý vị trong cuộc sống hằng ngày, dẫu làm nhiều chuyện tốt đẹp đến mấy, tâm địa quý vị phải thanh tịnh, chớ nên chấp tướng, hễ chấp tướng là trật rồi. Mây tượng trưng “không chấp trước, chẳng phân biệt”, ý nghĩa càng sâu hơn là “chẳng khởi tâm, không động niệm”, biểu thị điều này. Vì vậy, *“hưng cúng dường vân”* (nổi mây

# Tập 115

Chuyển ngữ: Bửu Quang Tự đệ tử Như Hòa
Giảo duyệt: Huệ Trang và Đức Phong

 Chư vị pháp sư, chư vị đồng học, xin mời ngồi xuống. Xin xem Đại Thừa Vô Lượng Thọ Kinh Giải, trang một trăm ba mươi lăm, dòng thứ năm từ dưới đếm lên, xem từ câu *“hóa hiện kỳ thân”.*

 *“Hóa hiện kỳ thân, do như điện quang. Duy Thức Luận thập vân: Thần lực nan tư, cố năng hóa hiện. Chư đại sĩ vị độ chúng sanh, hóa tác chủng chủng thân hình, hành động chi tốc, tự thiểm điện quang. Bồ Tát năng ư nhất niệm chi khoảnh, phổ chí thập phương quốc độ, thượng cúng hạ độ, bình đẳng phổ chiếu, diệc vô ưu, liệt, thân, sơ, vật, ngã, bỉ, thử chi phân”* (hóa hiện thân mình giống như tia chớp. Duy Thức Luận quyển mười nói: “Thần lực khó nghĩ bàn, nên có thể hóa hiện. Các đại sĩ vì độ chúng sanh, hóa ra đủ mọi thứ thân hình, hành động nhanh lẹ giống như tia chớp. Bồ Tát có thể trong một niệm, đến khắp mười phương quốc độ, trên cúng, dưới độ. Bình đẳng chiếu khắp, cũng chẳng phân chia hơn, kém, thân, sơ, vật, người, kia, đây”), đến đây là một đoạn. Hai câu kinh văn này thể hiện chuyện *“vô trụ sanh tâm”* như kinh Bát Nhã đã nói. Lão cư sĩ Niệm Tổ đã trích dẫn hai câu trong quyển thứ mười của Thành Duy Thức Luận: *“Thần lực nan tư, cố năng hóa hiện”* (thần lực khó nghĩ bàn, nên có thể hóa hiện),*“thần lực”* là thần thông lực. Pháp Thân Bồ Tát đã chứng đắc Tam Minh, Lục Thông, hoàn toàn khôi phục năng lực của sáu căn, mắt có thể thấy khắp pháp giới hư không giới, có thể thấy thấu triệt nguồn đáy các pháp, tức là thấy cội nguồn của hết thảy các pháp. Từ Pháp Tướng, các Ngài có thể thấy Pháp Tánh. Trong phần trước đã nói *“thông chư pháp tánh”*, Ngài chẳng có mảy may chướng ngại nào! Nói theo danh từ khoa học hiện đại, từ thế giới vĩ mô, Ngài có thể thấy khắp pháp giới hư không giới, các nhà khoa học chẳng làm được, còn Pháp Thân Bồ Tát thấy toàn bộ, chẳng dùng máy móc. Đối với thế giới vi mô, hiện thời, Lượng Tử Lực Học đã thấy bản chất của vật chất. Bản chất của tất cả hết thảy vật chất là huyễn tướng do ý niệm tích lũy liên tục. Các vị Phật, Bồ Tát, vị nào cũng thấy rõ ràng, cũng chẳng dùng tới máy móc. Lại còn có thể thấy ý niệm phát sanh như thế nào. Trong hiện thời, các nhà Lượng Tử Lực Học đối với những câu hỏi như “ý niệm do đâu mà có? Phát sanh như thế nào? Vì sao nó có năng lượng to tát dường ấy?” vẫn chưa thể nói rõ ràng. Trong kinh giáo Đại Thừa, đức Phật đã giảng những điều này rất rõ ràng, quý vị thấy tầm nhìn sắc sảo hơn rất nhiều.

 Chư vị phải biết Phật, Bồ Tát vì chúng ta thị hiện, những thứ giống như thế đều là bản năng (năng lực sẵn có) của chính chúng ta, chúng ta vốn có. Do vậy, trong kinh Hoa Nghiêm, đức Phật đã đôi ba lượt bảo: *“Hết thảy chúng sanh vốn là Phật”*, *“hết thảy chúng sanh vốn đã thành Phật”.* Trong kinh, đức Phật luôn nói những lời này, thật vậy, chẳng giả! Vì sao biến thành nông nỗi này? Trong kinh Hoa Nghiêm có một câu [giải thích]: *“Chỉ vì vọng tưởng và chấp trước mà không thể chứng đắc”*, phiền phức của chúng ta ở ngay chỗ này. Nếu chúng ta có thể buông vọng tưởng, phân biệt, chấp trước xuống, trừ bỏ chúng, trí huệ và đức tướng của chúng ta sẽ hoàn toàn giống như Phật. *“Thần lực”* chính là năng lực, tức là năng lực của sáu căn, mắt có thể thấy, tai có thể nghe, mũi có thể ngửi, lưỡi có thể nếm, thân có thể đụng chạm, cảnh giới [tiếp xúc bởi sáu căn] đều là khắp pháp giới hư không giới. Năng lượng to lớn ngần ấy, chẳng thể nghĩ bàn! Các nhà khoa học hiện thời cho biết: Niệm lực của con người, tức là tâm thái, có năng lượng vô cùng to lớn, chẳng thể nghĩ bàn. Con người dẫu mắc bệnh rất nghiêm trọng, vẫn có thể dùng niệm lực để khôi phục bình thường, có năng lượng to tát dường ấy! Các nhà khoa học cũng nói: Năng lượng của niệm lực, nhất là ý thức tập trung, ý thức tập thể, chẳng phải là một người, mà là cả một nhóm người, có tới mấy chục người, hoặc mấy trăm người, mọi người cùng nhau tập trung ý niệm, các nhà khoa học nói sức mạnh ấy vô cùng to lớn, có thể biến đổi hoàn cảnh.

 Tiến sĩ Giang Bổn Thắng (Emoto Masuru) của Nhật Bản đã làm thí nghiệm nơi hồ Tỳ Bà (Biwako) ở Nhật Bản. Ai đến Nhật Bản chơi, tôi tin tưởng người ấy nhất định sẽ đến thăm cái hồ lớn này. Hồ này rất lớn, giống như biển cả, trong hồ có một eo biển, eo biển ấy biến thành chỗ nước tù đọng, hình như nước chẳng lưu thông đã hơn hai mươi năm. Nước ấy rất bẩn thỉu, tức là nước trong cái eo biển nhỏ ấy rất dơ bẩn, mùi rất khó ngửi. Tiến sĩ Giang Bổn Thắng dẫn hơn một trăm người, thỉnh một vị lão pháp sư. Ông ta bảo tôi, [vị pháp sư ấy] là một vị lão hòa thượng hơn chín mươi tuổi, suất lãnh hơn một trăm người, đại khái có chừng một trăm năm mươi hay sáu mươi người cầu nguyện tại eo biển ấy. Cầu nguyện rất đơn giản, yêu cầu mọi người trong thời gian cầu nguyện, họ cầu nguyện suốt một giờ, trong một giờ ấy, hãy buông xuống tất cả hết thảy ý niệm, tức là chuyện gì cũng đều chớ nên nghĩ tới, dùng tâm thanh tịnh, chỉ nghĩ đến một chuyện, nghĩ nước trong hồ ấy đã sạch, miệng cũng nói “nước hồ đã sạch rồi”. Mọi người cùng nhau nói, cùng nghĩ như vậy. Quý vị thấy [cầu nguyện] đơn giản như thế này: “Nước trong hồ sạch sẽ, nước trong hồ sạch sẽ. Ta yêu mến ngươi, nước trong hồ đã sạch làu rồi”, nói một câu như vậy. Đối trước nước trong hồ nói một suốt một giờ như thế rồi rời đi. Ba ngày sau, nước hồ thật sự trong sạch, chẳng còn ngửi thấy mùi nữa! Tin tức này được giới thông tin và TV Nhật Bản loan tin, rất chẳng thể nghĩ bàn, thật sự sạch sẽ! Giữ được bao lâu? Giữ được nửa năm. Ông Giảng Bổn Thắng kể cho tôi nghe câu chuyện ấy, tôi bảo ông ta: “Tốt nhất là quý vị cứ hai tháng cầu đảo một lần, nước trong hồ sẽ vĩnh viễn trong sạch. Quý vị thấy kỳ đảo một lần bèn giữ được nửa năm. Nếu hai tháng cầu nguyện một lần, chẳng phải là nước hồ sạch suốt năm hay sao?” Cuộc thí nghiệm ấy đã ban cho chúng ta một khải thị rất lớn, mà cũng là dùng sự thật để chứng tỏ những lý luận của các nhà Lượng Tử Lực Học, tức là “sức mạnh của ý thức tập thể rất lớn, có thể biến đổi hoàn cảnh!”

 Hiện thời, địa cầu xuất hiện bất ổn, quý vị thấy khắp nơi núi lửa bùng nổ, lụt lội, hạn hán, nhiệt độ địa cầu tăng lên, có cách nào để thay đổi hay không? Có chứ! Có thể khiến cho địa cầu khôi phục bình thường, các nhà Lượng Tử Lực Học bảo chúng ta điều này. Họ có số liệu vô cùng khoa học, họ dùng căn bậc hai của một phần trăm dân số trên địa cầu để tính toán. Căn bậc hai của một phần trăm toàn bộ dân cư trên thế giới dân cư nói chung vẫn chưa tới tám ngàn người, căn bậc hai của một phần trăm mà! Nói cách khác, nếu trên thế giới có tám ngàn người, thật sự đoạn ác, tu thiện, buông tham, sân, si, mạn xuống, học tập luân lý, đạo đức, khởi tâm động niệm tương ứng với hết thảy thiện pháp, những pháp ác thảy đều buông xuống, những tai nạn trên địa cầu đều chẳng còn nữa! Lẽ ra tìm được tám ngàn người như vậy chẳng khó. Không nhất định phải ở cùng một chỗ, hoặc tập trung một chỗ, chẳng cần thiết! Quý vị ở ngay chỗ cư trụ của mình mà thực hiện là được rồi. Thông qua hệ thống truyền thông, Internet, vệ tinh, tìm tám ngàn người như vậy, lẽ ra tìm người ghi danh tình nguyện chẳng khó khăn gì! Coi xem ai sẽ là người xướng suất, tình nguyện ghi danh, tên họ, giới tính, tuổi tác, nghề nghiệp, yêu cầu người ấy thật sự *“quay đầu là bờ”.* Nhà Phật nói buông tham, sân, si, mạn, nghi xuống. Lại còn có truyền thống Trung Quốc làm duyên, buông oán, hận, não, nộ, phiền não xuống, khiến cho tâm địa trở về thuần tịnh, thuần thiện. Tốt nhất là có thể thực hiện Đệ Tử Quy, Cảm Ứng Thiên, Thập Thiện Nghiệp Đạo một trăm phần trăm, trên cả thế giới có tám ngàn người như vậy, thế giới bèn được cứu vãn.

 Do vậy, ở đây chúng tôi hiệu triệu các đồng học Tịnh Tông chúng ta, chúng ta tới thế gian này để làm gì? Đến hành Bồ Tát đạo, tới cứu khổ, cứu nạn. Quý vị thấy trên thế giới tai nạn nhiều ngần ấy, chúng ta có chịu phát tâm hay không? Các nhà Lượng Tử Lực Học đã nêu ra đề nghị như thế, chúng tôi cảm thấy rất có thể thực hiện được! Các đồng học Tịnh Tông đã quy y Tam Bảo, hãy nên buông xuống cái Tôi, buông tự tư tự lợi xuống. Chúng tôi giảng kinh đã nhiều năm ngần ấy, khuyên mọi người buông xuống mười sáu chữ, *“tiếng tăm, lợi dưỡng, tự tư tự lợi, ngũ dục, lục trần, tham, sân, si, mạn”.* Tôi nói mười sáu chữ ấy. Thật sự buông xuống, chúng ta nhất tâm niệm Phật cầu sanh Tịnh Độ, cũng đem công đức ấy hồi hướng cho quả địa cầu này, hy vọng hóa giải tất cả tai nạn trên địa cầu. Lần này, tôi từ Hương Cảng đến đây, trước khi tôi đến, tại Hương Cảng cũng triệu tập hơn một trăm đồng học Tịnh Tông cùng nhau phát nguyện tu Lục Hòa Kính, cũng là do ý nghĩa này. Trên quả địa cầu này có tám ngàn người có thể thật sự tu Lục Hòa Kính, thật sự buông tự tư tự lợi, tiếng tăm, lợi dưỡng, ngũ dục, lục trần, tham, sân, si, mạn xuống, sẽ có thể hóa giải tai nạn, địa cầu được cứu! Đó chính là nói “thật sự có hơn tám ngàn vị Bồ Tát giáng hạ!” Bồ Tát đại từ đại bi cứu khổ cứu nạn.

 Hiện thời, trên địa cầu có khoảng sáu mươi lăm ức người, tám ngàn người như vậy có thể [chuyển biến tai nạn trên địa cầu] hay không? Người đông ngần ấy đều đang tạo nghiệp, đều đang làm ác, [chỉ vỏn vẹn] tám ngàn người tu thiện có hữu hiệu hay không? Có đồng học hỏi tôi, tôi trả lời: “Có thể hữu hiệu”. Vì sao tôi nói “có thể hữu hiệu?” Chúng tôi nhớ cổ nhân Trung Quốc có một câu thành ngữ, có thể giải thích vấn đề, tháo gỡ nghi hoặc này. Câu thành ngữ ấy là *“tà chẳng thắng chánh”*. Hơn sáu mươi ức người có tư tưởng tà, ngôn hạnh tà, tà tri, tà kiến, tà hạnh, tám ngàn người ấy là chánh tri chánh kiến, tuy là thiểu số, nhưng tà chẳng thể thắng chánh! Ý thức của tám ngàn người ấy có thể chuyển biến tai nạn trên cả thế giới, chúng ta có bằng lòng làm hay không? Bằng lòng làm thì phải thật sự phát tâm, phải thật sự trừ bỏ tự tư tự lợi. Đừng hằng ngày cắm cúi nghĩ tới chuyện kiếm tiền; nghĩ chuyện kiếm tiền, tai nạn bèn đưa tới. Tiền đưa tới, thì tai nạn cũng theo tiền mà cùng xộc tới. Chúng ta chẳng cần! Tiếng tăm, lợi dưỡng thảy đều buông xuống, mỗi ngày ba bữa cơm ăn được no, quần áo đủ mặc, có gian nhà nhỏ để che mưa đụt gió là đủ rồi, *“tri túc, thường lạc”* (biết đủ, thường vui), thứ gì cũng chẳng mong cầu! Cầu thế giới hòa bình, cầu xã hội hòa hài. Chúng ta thấy đề nghị của các nhà Lượng Tử Lực Học bèn thí nghiệm xem có thực hiện được hay không, xem có hiệu quả hay không? Chuyện này nếu có người liên lạc, thống kê, ghi danh đầu tiên, xem thử cả thế giới có được tám ngàn người ghi danh hay không? Xem thử có ai thuộc Tịnh Tông Học Hội có hứng thú làm chuyện này, đứng ra dẫn đầu hay không. Vì tôi thấy thí nghiệm của tiến sĩ Giang Bổn Thắng tại hồ Tỳ Bà, tôi cảm thấy [chuyện này] rất có thể [thực hiện]. Quý vị thấy phạm vi của Đông Kinh (Tokyo) to cỡ nào, bao nhiêu kẻ tạo nghiệp, [vậy mà] một trăm mấy chục người, đại khái là hơn một trăm năm mươi người, cầu nguyện một giờ bèn có thể sanh ra hiệu quả to dường ấy. Thật sự có tám ngàn người hồi đầu hướng thiện, sức mạnh ấy quá lớn. Tôi tin tưởng ý thức tập thể rất có khả năng, lời các nhà khoa học Lượng Tử nói chẳng thể là giả, đáng để thí nghiệm một phen.

 Đây là nói về *“thần lực nan tư”*. Thần lực của mỗi người chính là năng lực của sáu căn, mắt, tai, mũi, lưỡi, thân và ý, gọi là Lục Thông, [tức là] Thiên Nhãn Thông, Thiên Nhĩ Thông, Tha Tâm Thông, Túc Mạng Thông, Thần Túc Thông, Lậu Tận Thông, họ đã khôi phục các năng lực ấy. Vì thế, có thể hóa hiện, họ có năng lực ấy, có thể đối với khắp pháp giới hư không giới, chúng sanh có cảm, họ có thể ứng, nên dùng thân gì để độ, bèn hiện thân ấy, hoàn toàn là *“thuận theo tâm của chúng sanh, ứng với khả năng nhận lãnh của họ”.* Khi các vị Bồ Tát ấy hóa hiện các thứ, có khởi tâm động niệm hay không? Chẳng có! Quyết định chẳng khởi tâm động niệm. Khởi tâm động niệm còn không có, đương nhiên lại càng chẳng thể có phân biệt, chấp trước. Hóa hiện trong nhân gian như Thích Ca Mâu Ni Phật thuở Ngài tại thế ứng hiện trong thế gian này, Thích Ca Mâu Ni Phật suốt đời có động một niệm hay không? Không có! Chẳng khởi tâm, chẳng động niệm. Chẳng khởi tâm động niệm, vì sao có thể thị hiện? Vì sao có thể giảng kinh, có thể thuyết pháp? Vì chúng ta, Ngài biểu diễn trong thế gian này suốt tám mươi năm, từ thuở lão nhân gia giáng sanh cho đến khi viên tịch là tám mươi năm, đó là chuyện chẳng thể nghĩ bàn. Trong kinh Phật có một thuật ngữ là *“pháp nhĩ như thị”*, [nghĩa là] Ngài vốn là như vậy, xác thực chẳng khởi tâm động niệm. Nếu khởi tâm động niệm, bèn là phàm phu, chẳng phải là Phật, Bồ Tát. Đó mới gọi là *“nan tư”* (khó thể suy nghĩ).

 Quý vị đọc tiếp lời giải thích của lão cư sĩ Hoàng Niệm Tổ: *“Chư đại sĩ vị độ chúng sanh”* (các đại sĩ vì độ chúng sanh). Câu này nói về sự cảm ứng của chúng sanh. Chúng sanh có cảm thì các Ngài có ứng. Đối với cái thân này và ý niệm, chúng ta coi như bên trong cái thân này bèn có tinh thần, [tức là] có Thọ, Tưởng, Hành, Thức. Thân thể chúng ta là đài phát sóng, mà cũng là đài thâu sóng. Chư Phật Như Lai dẫu ở trong Thường Tịch Quang, [trong cõi] Thường Tịch Quang chẳng có thân thể, mà cũng chẳng có hiện tượng tinh thần, các Ngài là Lý Thể của vạn sự vạn pháp, các Ngài có thể tiếp thu hay không? Có thể! Có thể phát sóng hay không? Có thể. Các Ngài thị hiện chính là phát sóng. Trong ý niệm của chúng ta, chúng ta gặp khó khăn, cầu Phật, cầu Bồ Tát, ý niệm ấy bất luận là hữu ý hay vô ý, hữu tâm hay vô tâm, các Ngài đều thu được toàn bộ. Ý niệm cực kỳ vi tế, bản thân chúng ta chẳng thể cảm nhận được, nhưng các Ngài đều thu được. Các Ngài cũng là một trạm, giống như là một tổng trạm, còn chúng ta là các phân trạm ở các nơi. Toàn thể vũ trụ giống như một mạng lưới liên lạc, giống như mạng Internet hiện thời, nhưng tốc độ nhanh hơn Internet rất nhiều, chẳng có cách gì so sánh được, sóng điện từ và sóng ánh sáng đều chẳng có cách nào sánh bằng! Quý vị thấy trong Hoàn Nguyên Quán, Hiền Thủ đại sư đã căn cứ trên giáo nghĩa Hoa Nghiêm mà bảo: Bất luận vật chất hay tinh thần đều có hiện tượng dao động. Bản thân đã có thể tiếp thu, lại có thể phát ra. Tốc độ cực nhanh. Trong phần Thị Tam Biến (giảng về ba thứ trọn khắp), Ngài đã bảo: *“Trọn khắp pháp giới”.* Niệm vừa mới động bèn trọn khắp pháp giới, tốc độ ấy nhanh lắm! Vì sao? Nó xứng tánh. Tánh không có thời gian, chẳng có không gian. Chẳng có thời gian, bèn không có trước - sau. Chẳng có không gian, bèn không có xa - gần. Vì vậy, niệm vừa động, toàn bộ đều biết, khắp pháp giới hư không giới đều biết.

 Phật và các đại sĩ, [“đại sĩ”] tức là Pháp Thân Bồ Tát thuộc bốn mươi mốt địa vị, các Ngài ở trong cõi Thật Báo Trang Nghiêm, chư Phật Như Lai trụ trong Thường Tịch Quang Tịnh Độ, đều có thần thông và đạo lực viên mãn. Chúng ta học Phật không có gì khác, mục tiêu chung cực của học Phật chính là mong thành Phật. Thành Phật có gì tốt đẹp? Trí huệ, đức năng và tướng hảo của chúng ta đều khôi phục toàn bộ, minh tâm kiến tánh. Chúng ta cũng có năng lực giống như các Ngài, có thể hóa hiện, biến hóa đủ mọi thân hình trong ở khắp pháp giới hư không giới! Chư vị phải hiểu: Pháp Thân Bồ Tát không có tướng, không có thân tướng mà có thể hiện hết thảy thân tướng. Đối với một thân tướng, chúng ta chấp trước thân tướng ấy, sẽ chẳng thể biến ra thân tướng thứ hai. Chúng ta có thể biến, vì sao chẳng thể biến được? Do chấp trước tướng này là ta, trừ tướng này ra, bèn chẳng phải là ta, lầm lỗi ở chỗ này! Vì thế, tu hành trong nhà Phật, điều đầu tiên là phá cái ải này. Đó là gì? Thân Kiến. Chẳng còn chấp trước thân này là chính mình, đó là cái ải đầu tiên. Phá được cái ải này, quý vị mới thật sự tiến nhập Phật môn. Trong Tiểu Thừa, [người như vậy] gọi là Tu Đà Hoàn; trong Đại Thừa, theo kinh Hoa Nghiêm, đó là Bồ Tát thuộc địa vị Sơ Tín trong Thập Tín vị. Ta chấp trước cái thân này là ta, sẽ chẳng vào được lớp Một, cửa nẻo này rất khó bước vào! Không còn chấp trước thân này là ta, sẽ bước qua cửa ngõ ấy, Thân Kiến đã phá rồi! Phá Biên Kiến, Biên Kiến là gì? Đối lập. Các nhà khoa học nói “tương đối luận” thì tương đối chính là Biên Kiến. Cũng tức là như trong Phật pháp đã nói: Trong tự tánh, tuyệt đối chẳng có đối lập. Bước vào cửa phải trọn đủ điều kiện này. Quý vị thấy chúng sanh và Phật là đối lập, mê và ngộ là đối lập, xa và gần là đối lập, trước và sau là đối lập. Trước - sau đối lập, thời gian đã xuất hiện. Xa - gần đối lập, không gian đã xuất hiện, toàn là giả. Do đâu mà có? Phát sanh từ Biên Kiến! Chỉ cần quý vị có Biên Kiến, sẽ có những thứ ấy. Đã phá trừ Biên Kiến, chúng chẳng còn nữa! Đối với năm cách nhìn sai lầm ấy, hàng Tiểu Thừa Sơ Quả đều buông xuống; tuy buông xuống, vẫn chưa triệt để. Đến khi nào sẽ triệt để buông xuống? Đạt đến Sơ Trụ Bồ Tát. Cũng có nghĩa là Sơ Quả và địa vị Sơ Tín trong Đại Thừa bắt đầu buông xuống. Buông xuống một phần, được lợi ích một phần; buông xuống hai phần, được lợi ích hai phần; buông xuống mười phần, được lợi ích mười phần. Ấn Quang đại sư nói như vậy đó.

 Học Phật, trong quá khứ, Chương Gia đại sư bảo tôi, phương pháp tuyệt diệu để phàm phu thành Phật là gì? Chính là *“buông xuống, thấy thấu suốt”*, [đã thấu thấu suốt rồi lại] buông xuống. Thấy thấu suốt là liễu giải chân tướng sự thật, buông xuống bèn tiến cao hơn, cảnh giới được nâng cao hơn. Phương pháp tiến từ Sơ Phát Tâm đến địa vị Như Lai là như thế. Trước hết, bắt đầu bằng buông xuống. Buông xuống một chút, quý vị thấy thấu suốt càng sâu hơn. Sau đó, thấy thấu suốt lại giúp quý vị buông xuống. Buông xuống lại giúp quý vị thấy thấu suốt, chúng giúp nhau thành tựu từ Sơ Phát Tâm cho đến địa vị Như Lai. Đó là *“tiệm tu”*, trừ bỏ dần dần, giống như lên lầu cao. Năm mươi mốt tầng cấp Bồ Tát, cấp cao nhất là cấp thứ năm mươi hai, [địa vị] năm mươi hai chính là địa vị Diệu Giác, đó là địa vị Phật viên mãn, là Thường Tịch Quang. Năm mươi mốt cấp ấy, trước hết là Thập Tín thuộc trong mười pháp giới, chưa ra khỏi mười pháp giới. Sơ Trụ thoát khỏi mười pháp giới. Từ Sơ Trụ trở lên là bốn mươi mốt địa vị Pháp Thân đại sĩ, gồm Thập Trụ, Thập Hạnh, Thập Hồi Hướng, Thập Địa, và Đẳng Giác. Bốn mươi mốt địa vị ấy trụ ở đâu? Trụ trong cõi Thật Báo Trang Nghiêm. Các vị Pháp Thân đại sĩ ấy, ở đây nói là *“chư đại sĩ”*, các Ngài là Pháp Thân đại sĩ. Trí huệ, thần thông, đạo lực, và tướng hảo của các Ngài đều viên mãn, chỉ cần chúng sanh trong khắp pháp giới hư không giới có cảm, các Ngài bèn ứng. Chúng ta tưởng Phật, niệm Phật, các Ngài bèn ứng.

 Chúng ta mỗi ngày niệm Phật, hằng ngày tưởng Phật, hình như chẳng có cảm ứng, đây là do nguyên nhân nào? Chương Gia đại sư chẳng đợi tôi hỏi chuyện ấy, Ngài biết tôi hoài nghi, nên chủ động giảng cho tôi biết. Ngài nói: “Khi anh cầu mà không có cảm ứng, chẳng phải là không có cảm ứng, mà là vì bản thân anh có nghiệp chướng. Nghiệp chướng của anh quá nặng nề, nên sự cảm Phật, Bồ Tát bị nghiệp chướng của anh chướng ngại”. Vậy thì phải làm sao? Sám trừ nghiệp chướng, chướng ngại chẳng còn nữa. Khi ấy, Ngài dạy tôi một câu: *“Trong cửa nhà Phật, có cầu ắt ứng”*. Nay chúng ta cầu cho quả địa cầu này chẳng nẩy sanh tai nạn, có thể ứng hay không? Có thể ứng! Chúng ta còn mong cầu những tinh cầu vận hành trong không gian chẳng lệch khỏi quỹ đạo, có thể làm được hay không? Có thể làm được, sức mạnh ấy to lắm! Có cầu ắt ứng! Chúng ta phải có tín tâm, lão nhân chẳng lừa gạt người khác. Tôi học Phật lúc hai mươi sáu tuổi, Chương Gia đại sư sáu mươi lăm tuổi, vị lão nhân thuộc lứa tuổi ông nội lẽ nào gạt tôi? Chẳng có lý do gì để lừa tôi, cho nên phải tin tưởng. Phật lại càng chẳng thể gạt người. Về căn bản, đức Phật chưa hề khởi tâm động niệm, lẽ đâu Ngài lừa người? Chúng ta phải thật sự tin tưởng. Quý vị thấy, Ngài vì [độ chúng sanh], *“độ”* (度) là giúp đỡ, vì giúp đỡ những chúng sanh khổ nạn mà hóa ra các thứ thân hình, đó là *“thuận theo tâm chúng sanh, ứng với khả năng lãnh hội của họ”.*

 *“Hành động chi tốc, tự thiểm điện quang”* (hành động nhanh chóng, giống như ánh chớp), dùng tia chớp làm tỷ dụ. Chỉ có thể tỷ dụ phảng phất; trên thực tế, dùng bất cứ thứ gì vẫn đều chẳng thể sánh bằng tốc độ ấy! Vì sao? Tất cả hiện tượng vật chất trong thế gian này chẳng có cách nào sánh bằng sự dao động trong tự tánh. Vì dao động trong tự tánh cực kỳ vi tế, sự dao động của nó lập tức truyền khắp pháp giới hư không giới. Hiện thời, chúng ta biết, trong các hiện tượng vật chất, tốc độ lớn nhất chính là tốc độ ánh sáng, trong một giây, [ánh sáng] đi được ba mươi vạn cây số. Các nhà Thiên Văn Học dùng tốc độ ấy làm đơn vị đo lường trong Thiên Văn. Tinh cầu này cách địa cầu chúng ta bao xa, dùng tốc độ ánh sáng để đo lường. Tốc độ ấy được dùng làm đơn vị, gọi là quang niên, tức là tốc độ của ánh sáng. Trong một giây, [ánh sáng] đi được ba mươi vạn cây số, [khoảng cách] ánh sáng ấy đi trong một năm thì gọi là một quang niên (light-year). Những ngôi sao gần chúng ta nhất đại khái là đều phải là ba bốn quang niên. Những ngôi sao xa có đến mấy trăm quang niên, đó là những ngôi sao chúng ta có thể dùng viễn vọng kính thông thường để nhìn thấy trong hiện thời. Còn có những ngôi sao xa hơn, cần phải dùng đến viễn vọng kính thiên văn, quý vị có thể thấy càng nhiều hơn. Những ngôi sao ấy cách địa cầu của chúng ta rất xa, ánh sáng của chúng rất mạnh, khoảng cách quá xa. Nhưng ý niệm của chúng ta vừa động, khắp pháp giới hư không giới đều biết. Chẳng phải là tốc độ ánh sáng hay tốc độ điện từ có thể sánh bằng, nó quá nhanh chóng.

 Hơn nữa, tốc độ sanh diệt của những ý niệm ấy lại còn vô cùng nhanh lẹ. Trong kinh Bồ Tát Xử Thai, Thích Ca Mâu Ni Phật hỏi Di Lặc Bồ Tát: *“Tâm hữu sở niệm?”* Đó là nói về phàm phu trong lục đạo, trong tâm họ dấy lên một niệm, đức Phật hỏi Di Lặc Bồ Tát, trong một niệm ấy có bao nhiêu tế niệm? Đức Phật hỏi có mấy niệm, có mấy tướng, có mấy thức? Quý vị thấy hỏi rất tuyệt diệu! Tướng là gì? Tướng chính là hiện tượng vật chất, thức là hiện tượng tinh thần, hỏi rất hay. *“Tâm hữu sở niệm”* là trong niệm ấy có mấy niệm, tức là mấy tế niệm, mấy tướng, mấy thức. Di Lặc Bồ Tát trả lời: Trong một cái khảy ngón tay có “ba mươi hai ức trăm ngàn niệm”. Ba mươi hai ức, đơn vị là một trăm ngàn, một trăm ngàn là mười vạn, nhân với ba mươi hai ức thành ba trăm hai mươi triệu, tức là một cái khảy ngón tay có ba trăm hai mươi triệu niệm. *“Niệm niệm thành hình”*, đó là trả lời câu hỏi của đức Thế Tôn về tướng, *“hình”* (形) là hình trạng, là hiện tượng vật chất, quý vị có thể thấy được, *“niệm niệm thành hình”. “Hình đều có thức”*, trả lời câu hỏi *“có mấy thức”* của đức Phật, thức là gì? Thọ, Tưởng, Hành, Thức. Bát Nhã Tâm Kinh nói Ngũ Uẩn là Sắc, Thọ, Tưởng, Hành, Thức. Sắc chính là *“hình”*, Thọ, Tưởng, Hành, Thức chính là *“thức”.*

 Sanh khởi như thế nào? Dao động, tức là một niệm. Niệm ấy chẳng phải là *“tâm hữu sở niệm”*, tâm hữu sở niệm đã tích lũy bao nhiêu? Quý vị thấy đó, trong một cái khảy ngón tay, có lẽ là các nhà khoa học cũng có thể phát hiện, trong một tốc độ nhanh chóng như thế, hiện tượng vật chất nẩy sanh, nhưng là vừa sanh ra bèn diệt, quá nhanh chóng, nhanh hơn tia chớp. Tia chớp chúng ta có thể nhìn thấy, nhưng chúng ta chẳng thấy điều này, nó quá nhanh chóng! Quý vị thấy: Nếu để cho chúng ta trông thấy, đại khái thời gian khảy ngón tay một cái là thời gian tia chớp lóe tắt, đã là bao nhiêu tế niệm? Ba trăm hai mươi triệu. Các nhà Lượng Tử Lực Học nói điều ấy, chúng tôi nghe rồi rởn da gà, quả thật đã bị họ phát hiện. Họ nói vật chất là gì? Là ý niệm tích lũy, rất nhiều ý niệm tích lũy, nhưng họ chẳng nói là bao nhiêu. Di Lặc Bồ Tát đã nói ra con số. Trong khoảng thời gian dài bằng một cái khảy ngón tay, có ba trăm hai mươi triệu. Nhiều ý niệm như thế tích lũy liên tục sanh ra một hiện tượng, tức là hiện tượng vật chất, quý vị thấy được. Nếu là một, hai niệm, quý vị tuyệt đối chẳng nhìn thấy. Tích lũy đến ba trăm hai mươi triệu, quý vị mới thấy. Trong hiện tượng vật chất ấy lại còn có Thọ, Tưởng, Hành, Thức. Sắc, Thọ, Tưởng, Hành, Thức vĩnh viễn chẳng tách rời, vĩnh viễn là một Thể.

 Vì thế, tiến sĩ Giang Bổn Thắng dùng nước làm thí nghiệm, phát hiện nước có thể thấy, nghe, hiểu được ý nghĩ của con người. Nước là hiện tượng vật chất, nó có thấy, nghe, hay, biết, có Thọ, Tưởng, Hành, Thức. Thấy, nghe, hay, biết vốn sẵn có trong tự tánh, tức là có trong Thường Tịch Quang. Thường Tịch Quang không có hiện tượng tinh thần, mà cũng chẳng có hiện tượng vật chất, nhưng nó có thể hiện ra vật chất, mà cũng có thể hiện ra tinh thần. Khi kiến tánh, Huệ Năng đại sư đã thưa trình cùng Ngũ Tổ, Ngài nói câu thứ ba là: *“Hà kỳ tự tánh, bổn tự cụ túc”.* Ngài nói câu ấy, [có nghĩa là] chẳng ngờ trong tự tánh hiện tượng gì cũng không có, nhưng nó trọn đủ, chẳng thiếu thứ gì. Nói cách khác, trong tự tánh có hiện tượng vật chất và hiện tượng tinh thần, bất quá nó chẳng hiển lộ. Gặp duyên bèn hiển lộ, duyên là gì? Chuyển động. Sự chấn động ấy tột bậc vi tế, trong kinh giáo Đại Thừa, đức Phật bảo: Hễ vừa động, A Lại Da bèn xuất hiện. A Lại Da từ đâu mà xuất hiện? Từ trong tự tánh biến hiện, đó là vọng tâm. Khi chẳng động, nó là chân tâm; khi động, nó là vọng tâm, A Lại Da đã xuất hiện. A Lại Da hiện y báo và chánh báo trang nghiêm trong mười pháp giới, A Lại Da biến hiện. Vì thế, vạn sự vạn vật trong vũ trụ này do đâu mà có? Tâm hiện, thức biến, giáo pháp Đại Thừa đã nêu rõ nguyên khởi của vạn sự, vạn vật, nhân sinh và vũ trụ. Bởi lẽ đó, chúng sanh có cảm, Phật, Bồ Tát bèn ứng, hóa hiện đủ mọi thân hình. Các Ngài ứng với tốc độ nhanh tột bậc, chẳng có nào tưởng tượng được!

 *“Bồ Tát năng ư nhất niệm chi khoảnh, phổ chí thập phương quốc độ”* (Bồ Tát có thể trong khoảng một niệm đến khắp các cõi nước trong mười phương), đây chính là ba thứ trọn khắp được nói trong Hoàn Nguyên Quán, trong khoảng một niệm, trọn khắp pháp giới. Trong khoảng một niệm, xuất sanh vô tận, tới khắp mười phương quốc độ, xuất sanh vô tận. Chư Phật, Bồ Tát ở chỗ nào? Thưa cùng quý vị, ở ngay nơi đây. Vì sao? Các Ngài chẳng có khoảng cách, chẳng có không gian, chẳng có thời gian, ngay trong lúc này, ở ngay nơi đây, nên hiện nhanh như vậy. *“Thượng cúng, hạ độ”*, Ngài đến làm gì? Trên là cúng chư Phật, đó là gì? Thân hành, Ngài đến biểu diễn, [đó là] thân giáo; *“hạ độ”* là ngôn giáo, trước hết nêu gương cho quý vị thấy, làm điều gì? Hiếu thuận cha mẹ, tôn sư, trọng đạo, Ngài đều làm cho quý vị thấy, chẳng cần nói năng. *“Bình đẳng phổ chiếu”*, *“bình đẳng”* là nói Ngài chẳng khởi tâm động niệm, chẳng có phân biệt, chấp trước, đó là bình đẳng. *“Phổ chiếu”*: Phổ (普) là phổ biến, chẳng có giai cấp, [*“phổ chiếu”* là] chiếu trọn khắp pháp giới. Đây chính là câu cuối trong *“ba thứ trọn khắp”* [được giảng trong Hoàn Nguyên Quán], [tức là] *“hàm dung Không Hữu”* (hàm chứa, dung thông Có và Không). Sau đó, trong Phật môn, quý vị đã thấy và học hai câu : *“Tâm bao thái hư, lượng châu sa giới”* là nói về ý nghĩa ấy. Bình đẳng phổ chiếu chính là *“tâm bao thái hư, lượng châu sa giới”*. Khắp pháp giới hư không giới và chính mình là một Thể, bình đẳng. Cũng có thể nói Chiếu là *“chiếu cố”* (照顧: chăm sóc). Trí huệ, đức năng, tướng hảo, bình đẳng chiếu cố hết thảy chúng sanh, trên là Phật, Bồ Tát trong mười pháp giới, dưới đến địa ngục A Tỳ, toàn bộ đều chiếu cố. Chúng sanh có thể tiếp thu bao nhiêu? Đó là duyên phận của chính họ. Kẻ nghiệp chướng sâu chẳng tiếp nhận được, người thiện căn sâu dầy bèn tiếp nhận. Vì thế, phải biết: Chư Phật, Bồ Tát bình đẳng phổ chiếu, mỗi cá nhân chúng ta nhận được lợi ích [tùy thuộc khả năng] tiếp nhận của chúng ta. Bộ máy tiếp nhận của chúng ta có vấn đề. Có lúc bộ máy tiếp nhận rất tốt, có khi bộ máy tiếp nhận bị hỏng hóc, do bị hỏng hóc nên chẳng nhận được. Do vậy, chúng ta biết: Đoạn ác tu thiện, tích tập thiện căn trọng yếu dường ấy! Quý vị dốc công sức nơi đây, tin tức của hết thảy chư Phật quý vị đều dễ dàng nhận được, giúp cho quý vị tăng trưởng trí huệ và đức hạnh.

 *“Diệc vô ưu, liệt, thân, sơ, vật, ngã, bỉ, thử chi phân”* (cũng chẳng phân biệt hơn, kém, thân, sơ, vật, ta, kia, đây), nói theo cách hiện thời, pháp giới vốn là ái (yêu thương), ái là cốt lõi của Tánh Đức. Do vậy, tôi học Phật, thỉnh giáo thầy Lý, tôi thưa: “Cổ thánh tiên hiền của Trung Quốc như Nghiêu, Thuấn, Văn Vương, Võ Vương, Châu Công, Khổng, Mạnh, có thể là chư Phật, Bồ Tát thị hiện tại Trung Quốc hay không? Người Trung Quốc có cảm, Phật, Bồ Tát đến thị hiện, ứng đến”. Tôi nêu lên câu hỏi như vậy, thầy Lý trả lời: “Nói theo Lý thì suông, nhưng xét theo Sự thì chưa có chứng cớ”. Câu đáp này cũng rất tuyệt, nói theo Lý thì thông suốt. Những vị đại thánh đại hiền ấy ở Trung Quốc, rất nhiều câu nói của các vị đại thánh đại hiền tại Trung Quốc có ý nghĩa tương thông với kinh Phật. Quý vị thấy tổ tiên nói về Ngũ Luân, điều đầu tiên là *“phụ tử hữu thân”* (cha con có tình thân ái), đó là thân ái, là cốt lõi của Tánh Đức. Người Trung Quốc ở khắp thế giới, tôi đã gặp rất nhiều người ngoại quốc thật sự có đức hạnh, có học vấn, họ nghiên cứu lịch sử và văn hóa Trung Quốc, đều bội phục năm vóc sát đất, tôn kính, bội phục! Nhất là tiến sĩ Thang Ân Tỷ (Arnold J. Toynbee) của Anh Quốc, hết sức tôn sùng văn hóa truyền thống của Trung Quốc, thậm chí còn nói*: “Để giải quyết vấn đề xã hội trong thế kỷ hai mươi mốt, chỉ có học thuyết Khổng Mạnh của Trung Quốc và học thuyết Đại Thừa Phật pháp”*. Ông ta nói như vậy, đấy là một sử gia kiêm triết gia của nước Anh. Người Trung Quốc có trí huệ, thông hiểu giáo dục, có trí huệ trong giáo dục, có phương pháp giáo dục, có kinh nghiệm giáo dục, có thành tích và hiệu quả trong giáo dục, ông ta đã nói đúng, chẳng sai! Cốt lõi trong nền giáo dục của Trung Quốc là gì? Chính là *“phụ tử hữu thân”*, đó là thân ái. Mục đích giáo dục, mục đích bậc nhất trong giáo dục là [khiến cho] tình thân ái như thế trong cả một đời chẳng bị biến chất thì giáo dục bèn thành công. Mục đích thứ hai là phát huy rộng rãi tình thân ái ấy. Lòng yêu thương cha mẹ và anh em của quý vị, nếu mở rộng ra sẽ thành yêu thương gia tộc, yêu thương chòm xóm, láng giềng, yêu xã hội, yêu quốc gia, yêu dân tộc, đến cuối cùng bèn *“hễ là người, đều phải yêu thương”*, mở rộng lòng yêu thương ấy. Tổ tiên dạy bảo hậu duệ ngàn năm, vạn đời, các đức mục quy nạp lại, chẳng ngoài mười hai chữ, *“hiếu, đễ, trung, tín, lễ, nghĩa, liêm, sỉ, nhân ái, hòa bình”*, toàn bộ được bao gồm trong ấy. Quý vị thấy cốt lõi của mười hai chữ ấy là Ái. Mười hai chữ ấy, mỗi chữ đều lưu xuất từ tâm yêu thương, bản thể của chúng chính là ái. Vì thế, giáo dục của Trung Quốc là giáo dục yêu thương, chúng ta phải hiểu điều này. Quý vị yêu mến con người sẽ chẳng thể hại người.

 Nói về quan hệ, Nho gia Trung Quốc cũng có ý nghĩa ấy, nhưng dường như Đạo gia nói càng rõ ràng, minh bạch hơn. Lão Tử bảo: *“Thiên địa dữ ngã đồng căn, vạn vật dữ ngã nhất Thể”* (trời đất và ta cùng một cội, vạn vật và ta cùng một Thể), chẳng phải là có cùng một ý nghĩa với những điều được nói trong Hoàn Nguyên Quán hay sao? Khắp pháp giới hư không giới và ta có quan hệ gì? Một Thể. Quan hệ vừa nói ấy chính là luân lý. Nhà Phật giảng luân lý đến mức rốt ráo viên mãn, khắp pháp giới hư không giới và chính mình là một Thể. Do vậy, đối với lòng yêu thương này, phải yêu thương tất cả động vật, phải yêu thương tất cả thực vật (cây cối, hoa, cỏ), phải yêu thương núi, sông, đại địa, phải yêu thương hư không pháp giới, vì sao? Một Thể mà! Quý vị thấy lòng yêu thương ấy to lớn lắm, phạm vi chẳng biết lớn hơn [quan niệm]*“hễ là người đều nên yêu thương”* bao nhiêu lần. Khắp pháp giới hư không giới, kể cả các chiều không gian khác nhau, hoàn toàn là một Thể với chúng ta. Xác thực là “tâm yêu thương trọn khắp pháp giới, thiện ý đầy ắp nhân gian”, xã hội này còn có vấn đề gì nữa? Xã hội an định, hòa hài, hạnh phúc mỹ mãn. Chắc chắn là chúng ta sống trên tinh cầu này giống như Tây Phương Cực Lạc thế giới do đức Phật đã giới thiệu, tận thiện, tận mỹ, chẳng có mảy may tai nạn nào. Tây Phương Cực Lạc thế giới, trong kinh này đã nói rõ ràng là do “thanh tịnh, bình đẳng, giác” biến hiện. Thế giới hiện thời phiền toái rất lớn, những thứ gì biến hiện? Tham, sân, si, mạn, nghi, giết, trộm, dâm, dối, rượu chè, đó là thế giới hiện thời của chúng ta. Vì thế, xã hội động loạn, tai họa gì cũng đều xuất hiện trên địa cầu. Chúng ta hãy lắng lòng suy xét, toàn là tự làm, tự chịu! Thật sự hiểu rõ ràng, minh bạch rồi, sẽ chẳng còn oán trời, trách người, hiểu gì? Tự làm, tự chịu. Muốn thay đổi, nhất định phải thay đổi từ tâm thái, phải buông tâm thái bất thiện xuống. Thánh hiền xưa nay trong ngoài nước, chư Phật, Bồ Tát dạy chúng ta Thập Thiện Nghiệp Đạo, chuyển ác thành thiện, chuyển mười ác thành mười thiện, vấn đề bèn được hóa giải. Chuyển mê thành ngộ, chuyển phàm thành thánh, quý vị bèn vượt thoát. Chuyển phàm thành thánh, vượt thoát mười pháp giới; chuyển mê thành ngộ, vượt thoát lục đạo luân hồi. Chuyển ác thành thiện, tất cả tai nạn và vấn đề trên thế gian này đều được hóa giải.

 Thật sự tin tưởng, chớ nên có mảy may hoài nghi nào. Hoài nghi là căn bản phiền não. Căn bản phiền não gồm sáu món là tham, sân, si, mạn, nghi, cuối cùng là ác kiến, toàn là cách nhìn sai lầm, nhìn trật rồi! Đối với Nghi trong sáu căn bản phiền não ấy, chớ nên hoài nghi thánh nhân, chớ nên hoài nghi Phật, Bồ Tát, vì sao? Các Ngài là bậc minh tâm kiến tánh, làm sao có sai lầm cho được? Chúng ta chỉ có một tí thông minh mà thôi, chẳng có trí huệ. Chúng ta dùng trí huệ [kém cỏi, vặt vãnh] của chính mình để phê bình những bậc thánh nhân ấy, tội lỗi quá lớn! Giống như gã trẻ tuổi vô tri, hoặc một đứa học trò bé mọn phê bình Khổng Tử, tội lỗi nặng lắm! Vì vậy, Nghi trong căn bản phiền não chẳng phải là nghi hoặc bình thường. Nghi hoặc bình thường làm sao có thể xếp vào đây cho được? Nghi hoặc giáo huấn của thánh hiền, nghi hoặc sự thành tựu trong tu hành của bậc thánh nhân, vấn đề này nghiêm trọng lắm. Bản thân quý vị nghi hoặc chẳng sao! Bất quá quý vị bị mắc hại là đọa trong tam đồ mà thôi. Nếu ảnh hưởng đến đại chúng trong xã hội, tội ấy rất sâu, quý vị phải gánh lấy trách nhiệm nhân quả ấy. Vì lẽ đó, Bồ Tát nêu gương tốt nhất trong thế gian này. Quý vị thấy *“thượng cúng”* chính là dạy chúng ta phải biết tôn trọng thánh hiền và giáo huấn của thánh hiền. Đừng nên khinh dễ tổ tông, trí huệ và đức hạnh của tổ tông quả thật cao hơn chúng ta. Tổ tông thấy những khoa học kỹ thuật của chúng ta trong hiện thời là tài nghệ vặt vãnh [[8]](#footnote-9)[1], chẳng ra gì! Có đem lại lợi ích cho thế giới hay không? Chưa chắc!

 Quý vị thấy trên thế giới hiện thời có lắm tai nạn dường ấy là do khoa học kỹ thuật đem lại. Chẳng biết toàn thể vũ trụ là một thể hữu cơ, may mắn là hiện thời các nhà Lượng Tử Lực Học đã phát hiện. Nếu chẳng phát hiện, Phật giáo vĩnh viễn bị người ta coi là mê tín. Hiện nay ta đã biết cây cối, hoa, cỏ là một thể hữu cơ, chúng có thể thấy, nghe, hiểu được ý nghĩ con người. Quý vị tùy tiện chặt đốn chúng, chúng chẳng hận quý vị ư? Quý vị yêu thương chúng, chúng bèn ưa thích quý vị. Quý vị tùy tiện giày xéo, chúng sẽ oán hận quý vị. Oán hận bèn báo thù, sanh ra những thứ đều có độc, quý vị ăn vào bèn bị ngã bệnh, đó là chúng nó báo thù quý vị. Núi, sông, đại địa cũng có linh tánh, chúng là hữu cơ. Quý vị nói đến chuyện đào quặng thì đào cạn một chút, chẳng sao, quý vị được thụ dụng đôi chút; nhưng nếu đào quá sâu mà chẳng thương lượng với nó, tôi tin là nó rất bực bội, hễ bực bội bèn lắc thân thể một cái, một trận động đất lớn bèn xảy ra. Quý vị nghĩ tới chỗ này, tổ tông có trí huệ. Khi tổ tông muốn khai thác núi non, trước hết phải tế Sơn Thần, chẳng phải là mê tín! Trong nhà Phật, muốn chặt mấy cội cây để dựng một túp lều tranh nhỏ, đức Phật dạy chúng ta: Ba ngày trước đó, quý vị xem trúng mấy cây nào thì phải tế lễ, cúng dường, tụng kinh, niệm chú hồi hướng cho các thần cây ấy, mời họ dọn nhà, ba ngày sau mới chặt những cây ấy. Đức Phật nói rất rõ ràng, chỉ cần cây cao quá đầu người sẽ có thần cây. Nay chúng ta biết là chuyện như thế nào: Phải lễ phép, tôn trọng nó, chúng ta yêu thương nó, nó cũng yêu thương chúng ta, sẽ không sanh loạn. Người hiện thời tin tưởng khoa học, hoàn toàn chẳng tin những chuyện này. Chúng tôi hy vọng Lượng Tử Lực Học phát triển nhanh chóng, dăm ba năm nữa sẽ phổ biến trên toàn thể thế giới, mọi người đều hiểu, đều biết nói “tất cả hiện tượng vật chất thảy đều có tác dụng tinh thần”, tức là đều có Thọ, Tưởng, Hành, Thức.

 Người học Phật chúng ta hiểu rõ, chúng tôi cũng đã làm thí nghiệm suốt mười năm, mười năm ấy rất có thành tựu và hiệu quả, chẳng thể nghĩ bàn! Chúng tôi đến Úc đã mười năm rồi, sang năm sẽ là kỷ niệm mười năm. Ở Úc, chúng tôi có một vườn rau rất to, trồng rất nhiều loại cây, trồng đến hơn ba mươi loại. Cây ăn trái hằng năm đều thâu hoạch dồi dào. Chúng tôi cung kính, cúng dường những loại rau dưa, hoa cỏ, cây cối ấy, rất dụng tâm chăm sóc. Lại còn cứ cách một khoảng ngắn bèn đặt một máy niệm Phật, cây cối trong cả vườn rau đều nghe Phật hiệu. Chúng tôi chẳng dùng phân bón hóa học, chẳng dùng thuốc trừ sâu. Dùng phân bón hóa học và thuốc trừ sâu là có lỗi với thực vật. Vì sao? Quý vị hại nó, đem chất độc hại nó, trong thời gian dài, trong rau trái cũng có chất độc, cho nên quý vị ăn vào sẽ bị bệnh. Chúng ta chớ nên hại nó, nó cũng sẽ chẳng hại chúng ta. So với các nông phu trồng rau lân cận, vườn rau của chúng tôi tươi tốt hơn. Họ đến chỗ chúng tôi thăm viếng, hỏi chúng tôi trồng như thế nào? Vì sao có thể trồng trọt tươi tốt như thế? Chúng tôi bảo họ: “Chẳng dùng thuốc trừ sâu, chẳng dùng phân bón hóa học, mà dùng máy niệm Phật để niệm A Di Đà Phật cúng dường chúng nó”. Chúng tôi không có thuốc sát trùng thì [trong vườn rau] có những loài tiểu trùng hay không? Có. Chúng tôi dành ra một khu nhỏ cho loài tiểu trùng, chúng tôi cũng hết sức dụng tâm chiếu cố khu ấy, trồng những rau trái ấy để chuyên cúng dường loài tiểu trùng. Chúng nó đều đến ăn trong khoảnh vườn đấy, khoảnh vườn sát bên cạnh không dành cho chúng ăn, chúng bèn chẳng mò đến. Vì thế, đối xử với tiểu trùng dễ hơn con người, chúng biết nghe lời, rất giữ chữ Tín, chú trọng chữ Tín, coi trọng sự hòa thuận. Đối với các loài chim nhỏ cũng giống như thế, quý vị thấy chúng tôi chẳng cần phải bọc những cây ăn trái lại. Chẳng cần! Đối với những loài chim nhỏ cũng có giao ước, chúng tôi dành ra cho chúng mấy cây. Đối với mỗi loại, bèn để ra một, hai cây cho loài chim nhỏ, các ngươi ăn thì đến chỗ dành riêng mà ăn. Cây nào chẳng chỉ định dành cho chúng nó ăn, chúng nó cũng rất tuân thủ ước định, chẳng đến ăn [sai chỗ]. Vì thế, mỗi năm chúng tôi thu hoạch dồi dào, mà những loài trùng nhỏ, chim nhỏ ấy cũng rất vui sướng, chúng ta cùng nhau sinh tồn, tăng trưởng, đối xử hòa thuận. Chúng tôi bảo vệ chúng, chúng cũng rất tôn trọng chúng tôi, quý vị nói xem: Tốt đẹp lắm hay không? Chớ nên tổn thương chúng. Đặc biệt là chẳng dùng phân bón hóa học, chẳng dùng thuốc trừ sâu, chúng ta tôn kính đại địa, đại địa sẽ gia hộ chúng ta. Khi chúng ta dùng thuốc trừ sâu và phân bón hóa học sẽ khiến đất bị nhiễm độc, những thứ trồng trọt năm nay khá lắm, nhưng sau hai ba năm sẽ chẳng trồng được nữa! Vì sao? Trong đất có chất độc, chẳng thể trồng được nữa! Đó là ai đã tạo nghiệp? Phải thừa nhận “tự làm, tự chịu”.

 Do con người hiện thời rất tệ, bất hiếu với cha mẹ, bất kính sư trưởng, chẳng tin tưởng thánh hiền, không tôn trọng. Không chỉ là chẳng tôn trọng con người, mà còn chẳng tôn trọng động vật, mặc tình sát hại. Chẳng tôn trọng hoa, cỏ, cây cối, chẳng tôn trọng núi, sông, đại địa, nên xuất hiện rối loạn nhiều ngần ấy. Hãy xem thử trên thế giới này có thật sự tìm được tám ngàn vị Bồ Tát, Bồ Tát sống, đến cứu địa cầu này. Nếu chẳng tìm được, tai nạn trên địa cầu này sẽ thật sự xuất hiện. Nếu thật sự có thể tìm được đúng số người như các nhà khoa học đã nói, từ tám ngàn người trở lên, thử thí nghiệm xem, chúng ta đến cầu nguyện, thật sự sửa lỗi đổi mới, đoạn ác tu thiện, hồi hướng công đức ấy cho địa cầu, hồi hướng cho hết thảy chúng sanh, có lẽ sẽ cứu được. Quan điểm ấy là quan điểm của Phật, Bồ Tát. Đó là chánh xác, *“chánh niệm”* là bình đẳng phổ chiếu, chẳng có hơn, kém, thân, sơ, chẳng [phân chia] vật, ta, đây, kia. Thật sự thấy khắp pháp giới hư không giới và chính mình là một Thể, đó là thật sự học Phật. Người thật sự học Phật, chuyện đầu tiên là trừ khử tham, sân, si. Thuở Thích Ca Mâu Ni Phật tại thế, suốt đời vì chúng ta thị hiện, quý vị thấy Ngài sống đơn giản lắm, giữa trưa ăn một bữa, nghỉ dưới cội cây, ba y, một bát, sung sướng vô cùng. Quý vị cần gì phải mong mỏi có lắm tiền của dường ấy, đúng là hồ đồ! Của cải có phải là của quý vị hay không? Trong các buổi giảng, chúng tôi cũng nói quá nhiều lần. Bao nhiêu tiền quý vị bỏ trong túi trên thân bèn là của quý vị. Tiền chẳng ở trên người bèn chẳng phải là của quý vị. Quý vị có biết hay chăng? Quần áo ta mặc trên người là của ta, khi chẳng mặc trên người bèn chẳng phải là của ta. Quý vị ở trong căn nhà này, cái nhà này là của quý vị. Rời khỏi căn nhà ấy, căn nhà chẳng còn thuộc về quý vị nữa! Nếu quý vị thường có thể quán như thế, quý vị đã “biết đủ, thường vui” rồi! Dẫu nhiều đến mấy, chẳng phải là của quý vị. [Tiền] bỏ trong ngân hàng, chẳng dùng được thì chẳng phải là của quý vị. Ngân hàng có thể bị đóng cửa. Hiện thời đang bị khủng hoảng tài chánh, các ngân hàng ngoại quốc bị đóng cửa rất nhiều. Thứ gì là thật? Tích lũy công đức là thật, [công đức] là của chính mình. Quý vị có thể hiếu thuận cha mẹ, tôn trọng trưởng bối, yêu thương, che chở hết thảy chúng sanh, công đức ấy sẽ mang theo được, nó thật sự là của chính quý vị. Vật ngoài thân toàn là giả, chẳng thể mang theo thứ gì! Trong Phật pháp thường nói: Người thông minh, người có trí huệ phải làm chuyện có thể mang theo được. Ngàn muôn lần chớ nên làm chuyện chẳng mang theo được!

 Tiếp theo đó, *“Hội Sớ viết: Điện quang hữu tứ nghĩa”* (Sách Hội Sớ giảng: “Ánh chớp có bốn nghĩa”), thứ nhất là *“tốc tật nghĩa”* (nghĩa là nhanh chóng), nó quá nhanh. Chúng tôi vừa trình bày cùng quý vị, Di Lặc Bồ Tát bảo chúng ta: Trong một cái khảy ngón tay có ba trăm hai mươi triệu lần sanh diệt, tốc độ này quá nhanh. Thứ hai là *“phá ám nghĩa”*, [tức là] soi tan tăm tối, mở rộng thành ý nghĩa “trí huệ phá mê”. Lũ phàm nhân chúng ta mê hoặc, điên đảo, cội gốc mê hoặc ở chỗ nào? Chớ nên không biết điều này, căn cội của mê hoặc là tham. Quý vị thấy Phật pháp xếp tham vào vị trí đầu tiên trong Tam Độc. Vì sao quý vị bị mê? Chính là vì quý vị có tham tâm, tham tâm càng nặng, mê càng sâu, nên tạo nghiệp cũng nặng nề! Thứ hai là sân khuể, tham mà không đạt được bèn nổi giận, chứ tham mà đạt được sẽ chẳng nổi nóng. Vì thế, căn bản là một chữ Tham! Tất cả hết thảy ác nghiệp, hành vi bất thiện đều do chữ Tham này dẫn khởi. Tất cả hết thảy hành vi thiện đều do ái dẫn khởi. Sự thân ái trong *“phụ tử hữu thân”* là căn cội của hết thảy thiện pháp, đó là thiện căn! Tham là căn cội của tất cả hết thảy ác pháp và bất thiện nghiệp. Chúng ta tu hành, trước hết phải phá trừ căn cội này, phải nhổ căn cội ấy. Trước hết, quý vị phải biết tri túc, tri túc thường lạc. Con người đạt đến mức vô cầu, phẩm hạnh tự cao. Quý vị có ức vạn tài vật, mà vẫn mong tưởng, tham lam, sẽ chẳng có nhân phẩm, quý vị vẫn chưa biết đủ!

 Chẳng phải là đức Thế Tôn vì chúng ta thị hiện tri túc ư? Bổ Xứ Bồ Tát muốn đến thị hiện thành Phật trong thế gian này, trước đó Ngài trụ tại đâu? Ở trong Đâu Suất Thiên, Đâu Suất nghĩa là gì? Chính là Tri Túc. Quý vị thấy ý nghĩa biểu thị pháp, trước hết phải dừng chân trong Đâu Suất Thiên. Đâu Suất Thiên thọ mạng bốn ngàn năm, trú chân nơi đó rồi xuống nhân gian thị hiện thành Phật, vẫn là đến thị hiện Tri Túc. Chúng ta phải chú tâm thấu hiểu, dụng ý này rất sâu. Chính mình dư dả thì phải ban cho người thiếu thốn, phải giúp đỡ họ. Bố thí chẳng bị thiệt thòi, càng thí càng nhiều. Thí tài được của cải, thí pháp được thông minh, trí huệ, thí vô úy được khỏe mạnh, sống lâu. Của cải, thông minh, trí huệ, khỏe mạnh, sống lâu là những điều quý vị thường mơ tưởng, mong cầu, vì sao chẳng tu ba cái nhân ấy? Tu ba cái nhân ấy sẽ đắc chánh tài (tiền của chánh đáng), tức là những của cải quý vị ắt có. Nếu không phải là tu nhân thì của cải đạt được sẽ chẳng phải là của quý vị, phải biết điều này. Nhất là dùng thủ đoạn chẳng chánh đáng để mong đạt được của cải, đó là tạo tội nghiệp. Tạo tội nghiệp thì có thể đạt được hay không? Chẳng đạt được! Nếu thật sự có thể đạt được thì tạo tội nghiệp cũng có thể được, thật sự phát tài mà! Chẳng đạt được! Vì thế, dùng thủ đoạn chẳng chánh đáng mà đoạt được của cải thì vẫn là do trong mạng quý vị vốn có, quý vị nói xem có oan uổng hay không? Khi chẳng dùng tới thủ đoạn ấy, của cải vẫn đưa đến, có thể là đưa đến càng nhiều hơn, vì sao? Đúng mực, bình thường. Dùng thủ đoạn bất bình thường để đạt được thì đã bị chiết giảm, hao bớt rồi. Trong mạng quý vị có một trăm ức, quý vị dùng thủ đoạn bất chánh đáng [để đoạt lấy] thì chỉ có được năm mươi ức bèn đã cảm thấy tuyệt diệu lắm rồi; thật ra, quý vị đã bị thiếu mất một nửa, nhưng quý vị chẳng biết. Phật, Bồ Tát có thể thỏa mãn dục vọng của hết thảy chúng sanh, hằng thuận chúng sanh, tùy hỷ công đức. Quý vị mong cầu phát tài, Phật, Bồ Tát cũng chỉ dạy, giúp đỡ quý vị, bởi lẽ, có đại đạo để sanh sôi tiền của. Bồ Tát dạy quý vị điều gì? Dạy quý vị tu tài bố thí. Vì sao trong mạng quý vị có tiền của? Trong đời quá khứ ưa thích tu tài bố thí, trong đời này, trong mạng quý vị có cái kho tiền tài, bất luận theo đuổi nghề nghiệp nào, quý vị cũng kiếm tiền được vì trong mạng vốn có. Trong mạng không có, bất luận kinh doanh thứ gì cũng đều bị cụt vốn, chẳng kiếm được tiền. Chúng ta phải hiểu rõ ràng, rành rẽ đạo lý này. Vì thế, *“điện quang”* có ý nghĩa phá mê, soi tan tối tăm, có ý nghĩa phá mê, khai ngộ.

 Thứ ba là *“bất trụ”* (chẳng trụ), *“bất trụ”* là chẳng ngừng, chẳng trụ, giống như tia chớp vừa lóe sáng bèn chẳng còn nữa. Ý niệm còn nhanh hơn tia chớp. Các nhà khoa học cho biết: Hiện tượng vật chất chẳng thật, đúng là giống như tia chớp, tốc độ của nó quá nhanh chóng. Vì thế, chúng ta thấy hiện tượng vật chất là do rất nhiều ý niệm tích lũy mới thấy được. Di Lặc Bồ Tát đã cho chúng ta biết con số: Ba trăm hai mươi triệu ý niệm tích lũy lại mới giống như tia chớp, tia chớp chẳng nhanh bằng một cái khảy ngón tay. Bởi lẽ, tia chớp ít nhất lâu một giây hoặc nửa giây; trong một giây ấy, người khảy nhanh, tôi có thể khảy bốn lần, trong một giây, tôi tin là có người còn khảy nhanh hơn tôi. Nếu nói là có thể khảy đến năm lần, tức là một giây có thể khảy năm lần, một lần là ba trăm hai mươi triệu, nên nhân với năm thành một ngàn sáu trăm triệu. Quý vị thấy trong một giây sanh diệt một ngàn sáu trăm triệu lần, tốc độ nhanh ngần ấy, nhiều niệm như thế tích lũy lại trong một giây bèn có thể thấy. Nay chúng ta đã thấy hiện tượng vật chất này, quý vị biết đó là bao nhiêu ý niệm, quyết định chẳng phải chỉ có vậy! Một ngàn sáu trăm triệu ý niệm tích lũy liên tục sẽ hiện ra giống như tia chớp, vậy thì những hiện tượng vật chất mà chúng ta thấy được sẽ là bao nhiêu [ý niệm tích lũy]? Hiện thời, điều này đã được các nhà Lượng Tử Học chứng minh.

 Kinh Phật dạy chẳng sai, vì nó (các hiện tượng vật chất) niệm niệm chẳng trụ. Do chân tướng sự thật này, đức Phật mới bảo: *“Phàm những gì có hình tướng, đều là hư vọng”*, *“hết thảy pháp hữu vi, như mộng, huyễn, bọt, bóng”*, đức Phật mới nói những lời ấy. Tổng kết sáu trăm quyển kinh Đại Bát Nhã, tôi tổng kết thành mười hai chữ: *“Nhất thiết pháp vô sở hữu, tất cánh không, bất khả đắc”* (hết thảy các pháp vô sở hữu, rốt ráo không, chẳng thể được). Đây là nói với quý vị chân tướng, do *“bất khả đắc”* nên quý vị phải buông xuống, buông xuống thì quý vị minh tâm kiến tánh, mới giống như Phật, Bồ Tát. Nếu thật sự có thể đạt được mà Phật, Bồ Tát khuyên chúng ta buông xuống thì chẳng hợp lý! Phật, Bồ Tát thấy chân tướng sự thật, xác thực là *“bất khả đắc”*, ngay cả thân thể này cũng là chẳng thể được, một hơi thở ra chẳng hít vào được nữa, bèn là đời sau, há lẽ nào thân thể này là của chính mình? Hơi thở chưa dứt, thân thể này là của quý vị. Hơi thở vừa bặt, thân thể chẳng còn là của quý vị nữa. Do vậy, nhà Phật nói: *“Sanh mạng trong hơi thở”.* Sau đấy, chúng ta mới biết, đời đời kiếp kiếp chúng ta đã sống tại đâu? Sống trong cảnh giới huyễn tướng, hoàn toàn chẳng phải là thực tại. Chân tướng là gì? Chân tướng là Không, vạn pháp đều là Không, chân tướng là như vậy đó! Đừng hiểu chữ Không này là Vô! Trong cái Không ấy có huyễn tướng sanh diệt trong từng sát-na. Vì nó niệm niệm bất khả đắc nên gọi là Không.

 Thứ tư là *“vô phân biệt nghĩa. Bồ Tát nhất niệm nhất thời, phổ chí thập phương thế giới, thượng cúng dường chư Phật, hạ lợi ích chúng sanh, vô hữu xuất nhập tiền hậu tướng, như điện tốc tật. Bồ Tát năng chiếu chư Phật hội, năng phá chúng sanh ám, như điện phá ám. Bồ Tát năng hóa vô lượng thân ứng hiện vi trần sát, vô hữu trụ xứ, vô hữu trẫm tích, như điện kích không trung, vô sở tùng lai, khứ vô định tích. Bồ Tát bình đẳng, vô hữu tiên thử hậu bỉ đẳng phân biệt tâm, như điện quang chiếu vật, vô bỉ thử tiên hậu phân biệt”* (Ý nghĩa vô phân biệt. Bồ Tát trong một niệm, một thời, tới khắp mười phương thế giới, trên cúng dường chư Phật, dưới lợi ích chúng sanh, chẳng có tướng xuất, nhập, trước, sau, nhanh chóng như chớp. Bồ Tát có thể chiếu chư Phật hội, có thể phá tối tăm cho chúng sanh như tia chớp xua tan tối tăm. Bồ Tát có thể hóa vô lượng thân, ứng hiện trong các cõi nước nhiều như vi trần, chẳng có trụ xứ, chẳng có dấu vết, giống như chớp lóe giữa không trung, chẳng từ đâu đến, chẳng có dấu vết nhất định sẽ đi về đâu. Bồ Tát bình đẳng, chẳng có tâm phân biệt “cái này trước, cái kia sau” v.v…, giống như ánh chớp soi các vật, chẳng phân biệt cái này trước, cái kia sau). Đoạn giải thích này hay quá. Sách Hội Sớ đã giải thích rõ bốn ý nghĩa của ánh chớp. *“Bồ Tát nhất niệm nhất thời”*, bốn chữ này chẳng dễ hiểu, bốn chữ này là lời thật. Niệm chỉ có một niệm, thời chỉ có một thời. Nhất niệm nhất thời chính là như Di Lặc Bồ Tát đã nói *“nhất niệm nhất thời”.* Do vậy, trong kinh Phật, vừa mở đầu, nhất định sẽ là *“như thị ngã văn, nhất thời”*. Ngài chẳng nói năm, tháng, ngày, [vì] năm, tháng, ngày là giả, chẳng thật. Nói *“nhất thời”* là thật. Nhất thời là khi niệm khởi, niệm diệt, vô cùng ngắn ngủi, tạm bợ. Nhất niệm nhất thời mà tới khắp mười phương thế giới chính là *“trọn khắp pháp giới”* như Hoàn Nguyên Quán đã nói, nhất niệm nhất thời trọn khắp pháp giới. Đấy là mười phương thế giới chúng sanh có cảm, chư Phật Như Lai, Pháp Thân Bồ Tát bèn có ứng, các Ngài ứng hóa trong thế gian này, giúp hết thảy chúng sanh giác ngộ, có ý nghĩa như thế. Chúng sanh đang mê, mười pháp giới đều là mê, chỉ có mê nhẹ hay nặng khác nhau. Đối với người trong mười pháp giới thì bốn thánh pháp giới mê nhẹ, lục đạo mê nặng nề. Có thể nói mười pháp giới chính là do mê ngộ nặng hay nhẹ khác nhau mà hình thành. Hễ mê nhẹ nhất thì là Phật pháp giới trong mười pháp giới, mê nặng nhất là địa ngục A Tỳ, là địa ngục A Tỳ trong các địa ngục. Mê hay ngộ khác nhau mà thôi, trừ điều này ra, chẳng có gì khác nhau, mê hay ngộ bất đồng.

 Phật muốn giúp cho hết thảy chúng sanh lìa khổ được vui, giúp như thế nào? Giúp quý vị phá mê khai ngộ. Bồ Tát biết tất cả hết thảy khổ nạn của quý vị do vì mê nên mới tạo thành, tất cả hết thảy sự vui của quý vị do giác ngộ tạo thành, chỉ cần quý vị từ mê hoặc mà giác ngộ, vấn đề đã được giải quyết. Chư Phật, Bồ Tát dùng phương pháp gì để giúp đỡ hết thảy chúng sanh? Dùng giáo học. Thích Ca Mâu Ni Phật nêu gương cho chúng ta thấy, từ ngày thị hiện khai ngộ, Ngài ba mươi tuổi khai ngộ, khai ngộ rồi bèn dạy học. Giúp đỡ đầu tiên là [những người theo Ngài] khi Ngài đi tham học, cha Ngài rất yêu thương, sai mấy người theo Ngài, tổng cộng là năm người, ba người bên nội, hai người kia là họ hàng bên mẹ, năm người ấy đi cùng Ngài, chăm sóc Ngài. Năm vị ấy tu hành tại Lộc Dã Uyển. Ngài khai ngộ bèn độ năm vị ấy đầu tiên, giúp họ phá mê khai ngộ. Rất khó có! Ngài Kiều Trần Như nghe đức Phật thuyết pháp, giác ngộ đầu tiên, chứng quả A La Hán, cũng có thể nói là Ngài thật sự buông hết thảy chấp trước đối với thế gian và xuất thế gian xuống, chẳng còn chấp trước nữa. Buông chấp trước xuống bèn chứng quả A La Hán, thành Chánh Giác, đối với Vô Thượng Chánh Đẳng Chánh Giác, Ngài bèn thành Chánh Giác. Đó là thị hiện cho chúng ta thấy. Ân huệ ấy quá lớn, nặng hơn ơn cha mẹ. Cha mẹ sanh ra thân thể này của chúng ta, chẳng có cách nào dạy chúng ta vượt thoát lục đạo luân hồi, Phật, Bồ Tát có thể giúp chúng ta vượt thoát lục đạo, vĩnh viễn chẳng còn luân hồi nữa! Chỉ cần quý vị có thể buông chấp trước xuống, chẳng còn chấp trước hết thảy các pháp thế gian và xuất thế gian. Thật sự tùy duyên, thứ gì cũng tốt. Trong cuộc sống hằng ngày, ăn thứ gì cũng ngon, chẳng có chấp trước; mặc thì thứ gì cũng đều được, chẳng cần phải kén chọn, tùy duyên sống qua ngày, vĩnh viễn gìn giữ cái tâm thanh tịnh của chính mình. Buông chấp trước xuống, tâm bèn thanh tịnh, chẳng còn bị pháp thế gian nhuốm bẩn. Tự tư tự lợi, tiếng tăm, lợi dưỡng, ngũ dục, lục trần, tham, sân, si, mạn đều là nhiễm ô, những thứ ấy chẳng còn nhuốm bẩn quý vị, tâm đã thanh tịnh rồi.

 *“Thượng cúng chư Phật”* là nêu gương cho chúng sanh: Trước tiên dạy đại chúng tu hiếu kính, học từ chỗ nào? Hiếu thuận cha mẹ, tôn sư trọng đạo, dạy từ chỗ này. Đấy là đại căn đại bản của giáo dục thế gian và xuất thế gian. Người dẫu làm nhiều chuyện tốt đến mấy, có cống hiến to lớn đối với xã hội, nhưng nếu bất hiếu cha mẹ, chẳng kính trọng thầy, sự tốt lành của kẻ ấy chẳng có cội rễ, bất luận làm thiện sự to tát đến mấy, chẳng có cội rễ thì chẳng phải là chân thiện. Kẻ ấy giáo học, dạy người khác bất hiếu cha mẹ, bất kính sư trưởng, trong tương lai họ sẽ giống như kẻ ấy, dẫu học tốt đẹp cách mấy, hễ gặp danh cao lợi dầy, tâm liền biến đổi. Vì sao biến đổi? Vì chẳng có căn cội. Nếu kẻ ấy có căn cội, sẽ vĩnh viễn chẳng biến. Vì sao? Kẻ ấy biết nghĩ tới cha mẹ, biết nghĩ đến thầy, nếu đổi dạ làm chuyện xấu, lẽ nào chẳng có lỗi với cha mẹ? Lẽ nào chẳng có lỗi với thầy? Nghĩ tới điều đó, dục vọng sẽ bị giảm thấp, từ mê hoặc bèn giác ngộ. Do vậy, đức Phật dạy chúng sanh đầu tiên là tu cúng Phật, đó là dạy tu hiếu kính. Tiếp đó là lợi ích chúng sanh. Thân ngữ ý nghiệp, tức tam nghiệp của Phật, khởi tâm động niệm, ngôn ngữ, tạo tác tuyệt đối nghĩ đến lợi ích chúng sanh. Nghĩ cách lợi ích chúng sanh, nói lời lợi ích chúng sanh, làm chuyện nhằm lợi ích chúng sanh, chuyện chẳng có lợi ích cho chúng sanh tuyệt đối chẳng làm, mà cũng tuyệt đối chẳng nghĩ tới. Cả một đời dạy học độ chúng sanh đã được nói trọn trong ấy. Đây là biểu hiện nơi mặt Sự.

 Tiếp theo đó, nói về Lý. Dù có những sự tướng ấy, vẫn chẳng có tướng ra, vào, trước, sau. Tâm Bồ Tát bình đẳng, tức là nói Ngài chẳng có phân biệt, chẳng có chấp trước, tâm Ngài vĩnh viễn thanh tịnh, bình đẳng. Tốc độ lại vô cùng nhanh chóng, lẹ làng như chớp. Đó là nói về sự cảm ứng. Chỉ cần chúng sanh có cảm, Bồ Tát lập tức có ứng. Trong Phật pháp cũng có một câu nói, chúng ta phải hiểu rõ, tức là *“Phật độ kẻ hữu duyên”.* Kẻ chẳng có duyên với Phật, Phật có ứng hay không? Phật có ứng. Tuy có ứng, kẻ vô duyên chẳng thể nhận biết, chẳng đạt được lợi ích. Đây chính là như trước kia Chương Gia đại sư đã nói: Kẻ ấy nghiệp chướng quá nặng, chẳng phải là không có cảm ứng, mà do nghiệp chướng quá nặng, chướng ngại kẻ ấy, khiến kẻ ấy chẳng nhận được sự cảm ứng của Phật, Bồ Tát. Kẻ nghiệp chướng sâu nặng rất phiền phức, cầu Phật, Bồ Tát, nhưng chẳng nhận được sự cảm ứng của Phật, Bồ Tát; nhưng ma thấy được, khi ma trông thấy bèn ứng, phù hợp khít khao, ma đến ứng để làm gì? Giúp đỡ kẻ ấy làm chuyện xấu. Vì thế, có kẻ làm chuyện xấu, nhưng dường như duyên của kẻ ấy rất thù thắng, đó là gì? Yêu ma quỷ quái [giở trò]. Thiện có thiện cảm ứng, ác có ác cảm ứng. Có thiện tâm nơi ác thì Phật, Bồ Tát chẳng giúp được, nhưng yêu ma quỷ quái được dịp thuận tiện, chúng ta chớ nên không biết điều này.

 Do Bồ Tát có thể chiếu pháp hội của chư Phật, đó chính là *“phổ chí thập phương, năng phá chúng sanh ám”* (tới khắp mười phương, có thể phá sự tối tăm của chúng sanh). Nói chung, Bồ Tát chẳng rời *“thân hành, ngôn giáo”*, *“học vi nhân sư, hành vi thế phạm”* (học làm thầy người, hạnh làm khuôn mẫu cho đời), vĩnh viễn nêu gương tốt đẹp cho đại chúng trong xã hội, đấy là Phật đạo chân chánh. *“Như điện phá ám”* [nghĩa là] giống như ánh chớp soi tan tối tăm. Tối tăm là mê, Phật quang chiếu gội, thân hành và ngôn giáo của Phật là quang, đó là Phật quang. Nếu quý vị có thể thấu hiểu, minh bạch, giác ngộ, tự nhiên chẳng còn mê hoặc nữa. Mê đã phá, ác chẳng còn nữa. Cái nhân ác chẳng còn, quả báo ác cũng không còn. Bồ Tát có thể hóa vô lượng thân ứng hiện trong các cõi nước nhiều như vi trần, đó là nói thần thông và đạo lực của Ngài chẳng thể nghĩ bàn. Trong vi trần có thế giới, đối với chuyện này, Lượng Tử Lực Học chỉ thấy vi trần, vẫn chưa phát hiện trong vi trần có thế giới. Đức Phật nói trong vi trần có thế giới, ai có thể tiến nhập thế giới trong vi trần? Kinh nói rất rõ ràng: Phổ Hiền Bồ Tát. Quý vị thấy phẩm này là Đức Tuân Phổ Hiền, thần thông của Phổ Hiền Bồ Tát có thể vào trong thế giới chư Phật bên trong một vi trần. *“Vô hữu trụ xứ”*, câu này hàm nghĩa vô cùng sâu. Đối với những chúng sanh mê hoặc, điên đảo trong thế gian hiện thời, chúng ta hiểu điều này rất dễ dàng, trước hết là phải kiếm một chỗ để ở (trụ xứ), mong mỏi trụ xứ càng to càng hay, tốt nhất là sống trong hoàng cung. Quý vị phải biết chư Phật, Bồ Tát chẳng có trụ xứ, đấy mới là thông minh! Vô trụ xứ là gì? Chẳng có gánh nặng. Quý vị biết quý vị có một trụ xứ, quý vị ở trong cái nhà càng to, khổ sở càng nhiều!

 Năm xưa, tôi ở Mỹ, đi khắp nơi giảng kinh, thường ở trong nhà các đồng học. Nhà cửa rất to, người lại rất ít, hai vợ chồng cùng một, hai đứa con, chẳng có người làm. [Tiền công trả cho] người làm đắt quá, chẳng thuê nổi người làm. Ngày Chủ Nhật kiếm người làm tạm thời, tại Mỹ bèn kiếm người làm tạm thời, trả tiền công theo giờ, mỗi giờ phải tốn bao nhiêu tiền, để họ đến làm giúp cho quý vị mấy giờ, đáng thương lắm! Vì vậy, thuở ấy, tôi giảng kinh ở đó, tôi hỏi họ: “Rốt cuộc là quý vị làm chủ cái nhà, hay cái nhà làm chủ quý vị?” Bao nhiêu người đã biến thành nô lệ của nhà cửa, mỗi ngày phải chăm sóc, dọn dẹp nó, thời gian đều bị lãng phí hết vào đó. Người Trung Quốc chẳng phải vậy, người Trung Quốc không làm chuyện ngu ngốc ấy. Cổ nhân Trung Quốc thích sống ở đâu? Ở trong lều tranh! Lều tranh đơn giản, Đông ấm, Hạ mát. Thuở nhỏ, tôi rời khỏi quê nhà khi gần mười tuổi; nói cách khác, trước khi lên mười, tôi sống trong lều tranh. Lều tranh do chính mình dựng, chẳng cần phải tìm kiếm thứ gì, mấy người trong làng quê là đã cất được. Tường đất, dùng hai tấm vách dựng, lèn đầy đất vào giữa. Tường đất rất dầy, Đông ấm, Hạ mát. Phía trên lợp cỏ tranh, rất đơn giản, rất thoải mái, nhà nhỏ thôi! Trong nhà có thêm người thì dựng thêm một gian bên cạnh, bớt rất nhiều việc! Khoa học kỹ thuật đem lại nhiều phiền phức, rườm rà, khổ sở cho con người, thân tâm bất an! Quý vị thấy sống trong lều tranh thoải mái lắm, ngủ rất ấm cúng. Nhà lớn, ngủ chẳng thoải mái, mỗi ngày phải bận tâm, vọng niệm rất nhiều, tâm chẳng định được!

 Thức ăn càng đơn giản càng hay, càng khỏe mạnh. Mỗi ngày ăn lắm món như thế, ăn đến nỗi khắp thân toàn bệnh, nhất là đồ ăn hiện thời rất đáng sợ! Tôi thấy một đồng học Tịnh Tông ở vùng Đông Bắc là cư sĩ Lưu Tố Vân đã kể với chúng tôi: Bà ta mời bạn ăn cơm, bạn thân, mời về nhà ăn cơm, chỉ có một món ăn. Người bạn ấy nói: “Một món này có đủ ăn hay không?” [Bà ta đáp]: “Chẳng đủ thì xào thêm một chút nữa!” “Vẫn là món này hả?” Đúng vậy! Một món thôi! Bà ta nói rất rõ ràng, hôm đó, bà ta đãi khách, một món là gì? Giá xào đậu hũ sợi, đúng một món, thật sự bớt việc! Tôi ở Úc Châu, có một hôm, hiệu trưởng trường đại học mời tôi dùng cơm. [Đó là] hiệu trưởng trường Cách Lý Phỉ Tư (Griffith), rất khó có là ông ta mời tôi đến nhà dùng cơm. Hai vợ chồng [đích thân] xuống bếp [làm cơm], chúng tôi là hai người khách, hai vị chủ nhân, bao nhiêu món ăn? Hai món! Quý vị nói xem: Đơn giản! Ăn rất thoải mái. Ông hiệu trưởng đích thân nấu một món, vợ ông ta nấu một món, thành hai món. Đó là sống qua ngày. Trong cuộc sống phải đại tự tại thì mới tốt, mới thoải mái. Do vậy, chẳng có trụ xứ.

 *“Vô hữu trẫm tích”*, nay chúng ta gọi *“trẫm tích”* (朕跡) là điềm dự báo. Cảm ứng không có điềm dự báo. Vì sao không có trụ xứ? Khắp pháp giới hư không giới chính là trụ xứ của Ngài, Ngài chẳng trụ một chỗ nào, mà là trụ khắp pháp giới hư không giới. Nơi nào có cảm, bèn ứng nơi đó. Quý vị thấy Ngài tự tại lắm! Ngài có trụ xứ, sẽ chẳng đại tự tại như thế. Không có điềm báo là ý nói “đến rất nhanh”. Vì thế, tiếp đó là nói tỷ dụ, như chớp xẹt giữa không trung, chẳng từ đâu đến, mà cũng chẳng đi về đâu! Hôm nay đã hết thời gian, chúng ta học tới đây, ngày mai vẫn giảng kể từ câu này.

# Tập 116

 Chuyển ngữ: Bửu Quang Tự đệ tử Như Hòa

Giảo duyệt: Huệ Trang và Đức Phong

 Chư vị pháp sư, chư vị đồng học, xin mời ngồi xuống. Xin xem Đại Thừa Vô Lượng Thọ Kinh Giải, trang một trăm ba mươi sáu, dòng thứ nhất, xem từ câu thứ hai: *“Bồ Tát năng hóa”*, xem từ chỗ này!

 *“Bồ Tát năng hóa vô lượng thân ứng hiện vi trần sát, vô hữu trụ xứ, vô hữu trẫm tích, như điện kích không trung, vô sở tùng lai, khứ vô định tích. Bồ Tát bình đẳng, vô hữu tiên thử, hậu bỉ đẳng phân biệt tâm, như điện quang chiếu vật, vô bỉ, thử, tiên, hậu phân biệt”* (Bồ Tát có thể hóa vô lượng thân, ứng hiện trong các cõi nước nhiều như vi trần, chẳng có trụ xứ, chẳng có dấu vết, giống như chớp lóe giữa không trung, chẳng từ đâu đến, chẳng có dấu vết nhất định sẽ đi về đâu. Bồ Tát bình đẳng, chẳng có tâm phân biệt “cái này trước, cái kia sau” v.v…, giống như ánh chớp soi các vật, chẳng phân biệt cái này trước, cái kia sau). Đây là ý nghĩa trong Hội Sớ, ý nói các vị Bồ Tát tham dự pháp hội Vô Lượng Thọ lần này của đức Thế Tôn, số lượng vô lượng vô biên, đều là Pháp Thân đại sĩ. Trí huệ, thần thông, và đạo lực của những vị ấy bình đẳng với chư Phật Như Lai, trong hội Hoa Nghiêm, chúng ta đã thấy [điều ấy]. Chỉ là tập khí vô thỉ vô minh còn chưa đoạn sạch, nhưng trí huệ, thần thông, và đạo lực giống như chư Phật Như Lai. Vì thế, các Ngài có năng lực hóa thân, hóa bao nhiêu thân? Vô lượng vô số vô tận thân tướng, ứng hiện trong vi trần sát độ. Câu nói này khiến cho chúng ta thật sự thấu hiểu những người ấy, tức là những người trong cõi Thường Tịch Quang và cõi Thật Báo, năng lực cảm ứng quả thật chẳng thể nghĩ bàn, thật đấy, chẳng giả đâu! Chúng sanh trong các cõi nhiều như vi trần có cảm, các Ngài đều có thể ứng. Cũng rất có thể là thế giới của chúng ta trong hiện thời chính là một cõi nước nằm trong một hạt vi trần, bọn phàm phu chúng ta chẳng biết chân tướng rốt ráo. Hơn nữa, cõi nước đúng như cổ đại đức Trung Quốc đã nói: *“Lớn chẳng ra ngoài”,* nhìn từ chỗ lớn, hiện thời gọi là “thế giới vĩ mô”, [sẽ thấy] thế giới chẳng có ngằn mé, chẳng có ranh giới, vô cùng lớn. Nhìn từ chỗ nhỏ, nhìn vào vi trần, trong một mảy vi trần có cõi nước, trong cõi nước ấy lại có vi trần, trong vi trần lại có cõi nước. *“Cái nhỏ chẳng ở trong”*,chẳng tìm được [cái nào rốt cuộc ở] bên trong.Lớn là vô lượng vô biên, nhỏ là vô cùng vô tận, đó là gì? Đấy là tự tánh, tự tánh chẳng thể nghĩ bàn!

 Như Lai và các vị đại sĩ đã chứng đắc tâm tánh viên mãn, đã minh tâm kiến tánh. Sau khi đã kiến tánh, chúng ta hỏi các Ngài có trụ xứ hay không? Chẳng có! Nếu nói thật với quý vị về trụ xứ thì chỗ nào cũng đều là Thường Tịch Quang, cho nên chẳng có trụ xứ! Nơi nơi đều là cõi Thật Báo, cõi Thật Báo chẳng có nơi chốn nhất định. Chúng sanh trong mười pháp giới có trụ xứ, các trụ xứ ấy do đâu mà có? Chúng ta hiểu: Từ trong ý niệm sanh ra huyễn tướng và cảm nhận sai lầm, đấy mới là chân tướng sự thật. Không có trụ xứ, nhưng chính mình chấp trước có trụ xứ, không có nơi chốn mà chấp trước có nơi chốn. Các đại sĩ thảy đều buông vọng tưởng, phân biệt, chấp trước xuống, nên trong kinh Bát Nhã, đức Phật đã nói: *“Ưng vô sở trụ, nhi sanh kỳ tâm”* (hãy nên chẳng trụ vào đâu để sanh tâm). *“Vô hữu trụ xứ”* chính là *“vô sở trụ xứ”*. Thích Ca Mâu Ni Phật đã kiến tánh rồi, trụ *“vô sở trụ”. “Vô hữu trẫm tích”*, *“trẫm tích”* (朕跡) chính là điềm báo trước. Ngài đến chẳng có dấu hiệu báo trước, Ngài rời khỏi cũng chẳng có dấu hiệu báo trước. Không từ đâu đến, mà cũng chẳng đi về đâu, chẳng có dấu vết gì! Ở đây, nêu lên một thí dụ: *“Như điện kích không trung”* (như chớp lóe trong không trung). Tia chớp: Trời đổ mưa, chúng ta thấy tia chớp, tia chớp do đâu mà có? Trong một sát-na, ánh sáng ấy chẳng còn nữa, nó đến nơi đâu? Chẳng từ chỗ nào đến, mà đi cũng chẳng có tung tích. Bồ Tát ứng hóa trong đại thiên thế giới, ứng hóa trong mười pháp giới, giống như chớp lóe trong không trung, hiện tượng này xuất hiện trong sát-na. Nói thật ra, ứng thân của Phật, Bồ Tát là như thế. Thân của chúng ta trong mười pháp giới hoặc trong lục đạo chúng sanh được là “nghiệp báo thân”, các Ngài chẳng có, các Ngài là “hễ chúng sanh có cảm, bèn tự nhiên ứng hiện”, cảm ứng đạo giao trọn chẳng sái thời. Cảm lúc nào bèn ứng lúc đó, chẳng bỏ lỡ lần nào! Chẳng có mảy may bỏ lỡ.

 Chúng sanh trong lục đạo hay trong mười pháp giới bị nghiệp lực lôi dắt. Tâm quý vị ô nhiễm, chẳng thanh tịnh, quyết định sanh trong lục đạo luân hồi. Tâm địa thanh tịnh, tịnh mà chẳng nhiễm, chắc chắn là quý vị sanh trong bốn thánh pháp giới. Bốn thánh pháp giới là Tịnh Độ của Thích Ca Mâu Ni Phật, lục đạo là uế độ Thích Ca Mâu Ni Phật; đó là nói về thế giới Sa Bà. Trong uế độ là lục đạo, có thiện, có ác. Thiện tâm, thiện hạnh sanh trong tam thiện đạo. Nói thông thường, thiên đạo, A Tu La đạo và nhân đạo được gọi là *“tam thiện đạo”*. Trên thực tế, đức Phật đã nói về A Tu La rất rõ ràng. Ngoại trừ địa ngục không có A Tu La, bốn đường khác đều có A Tu La. Thiên có A Tu La, ba đường kia: Nhân đạo có A Tu La, súc sanh có A Tu La, quỷ có A Tu La. Trong lục đạo, bốn đạo ấy đều có A Tu La, chỉ có địa ngục là không có. Thiên A Tu La được coi như thiện đạo, ngoài ra, nhân gian A Tu La, súc sanh A Tu La, ngạ quỷ A Tu La đều chẳng thể xem là thiện đạo, chỉ có Thiên A Tu La được kể là thiện đạo. Đối với tam thiện đạo và tam ác đạo, tâm hạnh bất thiện cảm ứng tam ác đạo, tâm hạnh thiện cảm ứng tam thiện đạo. Tiêu chuẩn thiện - ác là kinh Thập Thiện Nghiệp Đạo do đức Phật đã giảng, đó là tiêu chuẩn. Vì thế, đức Phật khuyên chúng sanh “chẳng thể không tu thiện”, không tu thiện thì đời sau sẽ vào tam đồ, tam đồ quá khổ!

 Tuy Bồ Tát ứng hóa trong mười pháp giới, đặc biệt là trong lục đạo, chúng ta đang ở trong lục đạo, tâm Bồ Tát bình đẳng, thanh tịnh. Tuy Bồ Tát có ứng, nhưng Ngài trước nay chẳng khởi tâm động niệm. Vì thế nói: *“Vô hữu tiên thử hậu bỉ đẳng phân biệt tâm”* (cho nên chẳng có tâm phân biệt như cái này trước, cái kia sau v.v…). Ngài giống như mặt trời chiếu khắp đại địa, chẳng có phân biệt, thứ gì cũng chiếu tới. Chúng ta có nghiệp chướng, tuy mặt trời rạng rỡ cũng chiếu chẳng thấu, nghiệp chướng gì vậy? Quý vị trốn trong phòng, mặt trời chẳng soi thấu. Quý vị ra cửa che dù, mặt trời cũng chẳng chiếu tới quý vị. Đó là chính quý vị có nghiệp chướng, bị chướng ngại, chẳng phải là mặt trời không chiếu quý vị, mà là quý vị chẳng muốn nó chiếu thấu. Phật, Bồ Tát thị hiện trong mười pháp giới giống như thế đó, chiếu khắp hết thảy chúng sanh, *“như điện quang chiếu vật, vô bỉ thử tiên hậu phân biệt”* (giống như ánh chớp soi vật, chẳng có kia, đây, trước, sau phân biệt). Vì sao? Ngài đã chứng đắc “vạn sự vạn vật trong khắp pháp giới hư không giới và chính mình là một Thể”. Một Thể đương nhiên chẳng có phân biệt “đây - kia, trước - sau”, một Thể mà! Đối với cảnh giới này, người học Phật chúng ta phải phát tâm, các Ngài đã chứng đắc, chúng ta cũng phải nên chứng đắc, đó mới là đúng!

 Tiếp theo đó có chú giải. Hoàng lão cư sĩ chú giải: *“Thượng vân Bồ Tát nhất niệm”* (nhất niệm của Bồ Tát như vừa nói trên đây), điều được nói trong phần trước. *“Thượng vân”* (上云) là trong phần trước đã nói, một niệm của Bồ Tát *“phổ chí thập phương”*, tức là khắp pháp giới hư không giới, một niệm trọn khắp pháp giới. *“Cố kỳ thần tốc, siêu quá quang tốc vô lượng ức bội”* (cho nên nó thần tốc, vượt trỗi tốc độ của ánh sáng vô lượng ức lần), chắc chắn không phải là tốc độ ánh sáng hoặc tốc độ của tia chớp có thể sánh bằng. Điều này giống như điều thứ nhất trong phần *“thị tam biến”* (chỉ bày ba thứ trọn khắp) trong Vọng Tận Hoàn Nguyên Quán, một niệm vừa mới động bèn trọn khắp pháp giới. Ý nghĩa *“trọn khắp pháp giới”* tương ứng với những điều kinh điển đã nói, vô lượng vô biên thế giới, cho đến vi trần sát độ, nhà Phật thường nói là *“mười phương sát độ, vi trần pháp giới”.* Mười phương cõi nước là thế giới vĩ mô, vi trần pháp giới là thế giới vi mô. Một niệm tới khắp, thảy đều đạt đến. Đó là nói về chuyện *“hóa hiện thân mình giống như ánh chớp”*. Kinh Kim Cang nói *“vô trụ sanh tâm”.* Do câu này, Lục Tổ Huệ Năng đại sư đại triệt đại ngộ, *“hãy nên không trụ vào đâu mà sanh tâm”.*

 Hai câu kế tiếp [trong chánh kinh] là lìa khỏi sự trói buộc của kiến giải: *“Liệt ma kiến võng, giải chư triền phược”* (xé rách lưới ma kiến, tháo gỡ các trói buộc), *“triền”* là chữ triền trong triền nhiễu (纏繞: quấn trói). *“Liệt giả, phá dã”* (Liệt là phá). Lời Chú Giải cho biết Liệt (裂) là phá. *“Ma giả, Trí Độ Luận viết: Đoạt huệ mạng, hoại đạo pháp công đức thiện bổn, thị cố danh vi Ma”* (Trí Độ Luận giảng Ma là “đoạt huệ mạng, phá hoại cội gốc lành của đạo pháp và công đức, nên gọi là Ma”). Trên thực tế, Ma có nghĩa là *“chiết ma”* (折磨: vùi dập). Con người bị vùi dập, đau đớn chẳng thể chịu nổi. Lương Vũ Đế cảm thấy vùi dập còn đáng sợ hơn quỷ, nên đối với chữ Ma (磨), phía dưới chữ Ma vốn là chữ Thạch (石), bỏ chữ Thạch, đổi thành chữ Quỷ (鬼), [ngụ ý sự vùi dập] giống như ma quỷ. Chữ này do Lương Võ Đế sáng chế. Trong cổ tự Trung Quốc chẳng có, [trước thời Lương Võ Đế] không có chữ này. Vì thế, quý vị đọc những sách vở xưa, trong ấy vẫn dùng chữ Ma (磨) trong Chiết Ma (折磨), hãy nên biết hai chữ [磨 và 魔] có ý nghĩa giống nhau. Nó chướng ngại Pháp Thân huệ mạng, phá hoại đạo pháp của chúng ta, phá hoại đạo đã học, pháp đã tu, công đức thiện bổn mà chúng ta đã tu. Thiện bổn là gì? Thiện bổn là Thập Thiện. Tất cả hết thảy thiện pháp đều xuất sanh từ Thập Thiện. Thập Thiện giống như cội rễ, nên gọi là *“thiện căn”*, *“thiện bổn”* và *“thiện căn”* có cùng một ý nghĩa. Nó phá hoại thiện căn và công đức của quý vị, công đức là Định Huệ. Những thứ ấy gọi là Ma, phạm vi ý nghĩa của chữ Ma vô cùng rộng rãi.

 *“Kiến”* (見) chỉ điều gì? Tiếp theo đó, sách viết: *“Chỉ tư lự”* (chỉ các thứ suy nghĩ). Vì vậy, chữ Kiến này hiểu theo nghĩa rộng, chẳng phải là nghĩa hẹp. Hiểu theo nghĩa hẹp thì [Kiến] là chúng ta mắt thấy, tai nghe. Dùng một chữ Kiến theo nghĩa rộng để đại diện toàn bộ, sáu căn khởi tác dụng đều dùng một chữ Kiến. Người Trung Quốc chuộng đơn giản, chẳng ưa phiền phức, nên trong chữ Kiến bao gồm cả tư lự, [tức là] tư tưởng, sự tìm tòi nghĩa lý, nghiên cứu, và sự quyết định của chúng ta. Những điều này đều có thể dùng chữ Kiến để tượng trưng. *“Kiến”* có ý nghĩa rất rộng, bao gồm tà, chánh, có chánh kiến, tà kiến. Chánh kiến bèn gọi là Phật, Bồ Tát; tà kiến là ma kiến. Dùng cách nói [trong sách Chú Giải] ở đây, chánh kiến là thành tựu huệ mạng, đạo pháp, công đức, thiện bổn của chúng ta. Đó là chánh tri chánh kiến. Nếu nói tới ma kiến thì ma kiến là tà kiến, nó phá hoại huệ mạng, đạo pháp, công đức, thiện bổn của chúng ta, đó chính là ma. Chỉ Quán: Quyển thứ năm trong bộ Ma Ha Chỉ Quán của tông Thiên Thai có một đoạn văn như sau: *“Nhất thiết phàm phu, vị giai thánh đạo, giới nhĩ khởi kế, tất giai thị Kiến”* (hết thảy phàm phu chưa đạt đến địa vị thánh đạo, một niệm nhỏ nhoi vừa dấy lên bèn đều là Kiến). Chúng ta đọc câu tiếp đó: *“Hựu Đại Thừa Nghĩa Chương đệ ngũ quyển thuyết: Thôi cầu thuyết chi vi Kiến”* (lại nữa, Đại Thừa Nghĩa Chương, quyển thứ năm nói: “Tìm tòi nghĩa lý bèn gọi là Kiến”). Do vậy, nó bao gồm tư lự, quyết định, bao gồm những ý nghĩa ấy. *“Thử thượng thị quảng nghĩa, phàm hữu tư lự, kế giảo, phân biệt, thôi cầu”* (trên đây là nghĩa rộng, hễ có suy tính, so đo, phân biệt, tìm tòi nghĩa lý), *“kế giảo”* (計較) là chấp trước, *“tư lự”* (思慮) là vọng tưởng, nay chúng ta gọi *“thôi cầu”* (推求) là nghiên cứu, thuộc loại ấy. *“Đẳng đẳng”* (vân vân) đều gọi là Kiến, *“tất danh vi Kiến”* (đều gọi là Kiến).

 *“Hựu Chỉ Quán thập viết: Tác quyết định giải, danh chi vi Kiến”* (Lại nữa, sách Chỉ Quán quyển mười nói: “Tạo sự hiểu biết quyết định thì gọi là Kiến”), ý nghĩa này khá hẹp. Trong phần trên là nghĩa rộng, ở đây là nghĩa hẹp. *“Duy chỉ cụ quyết định tánh chi tri giải”* (chỉ là nói về sự hiểu biết có tánh chất quyết định). Cũng có thể nói theo kiểu người Trung Quốc là *“thành kiến”.* Người nào đó có thành kiến rất sâu, chấp trước kiến giải của chính mình là chánh xác. Như phàm nhân hiện thời chấp trước “tôn giáo là mê tín”, tôn giáo có phải là mê tín hay không? Kẻ ấy nói chính hắn có nghiên cứu, tôn giáo xác thực là mê tín; nhưng cũng có những người bảo “tôn giáo tuyệt đối không phải mê tín, tôn giáo là trí huệ”. Quý vị thấy đó, chấp trước của hai loại người ấy chắc chắn khác nhau, vì sao? Trong ấy có tà và chánh. Có người quyết định là chánh xác, có người quyết định là chẳng chánh xác. Chẳng chánh xác mà ngỡ là chánh xác, đó gọi là “thành kiến”. Đức Phật dạy chúng ta phải nên buông xuống. Quý vị thấy ở đây nói: *“Kiến hữu tà chánh”*, có tà kiến, có chánh kiến, có hữu kiến, có vô kiến, có đoạn kiến, có thường kiến, những thứ này đều gọi là tà kiến. Ý nghĩa này sâu lắm, chỉ cần quý vị có kiến giải thì đều gọi là tà kiến, vì sao? Trong tâm tự tánh thanh tịnh chẳng có kiến, chẳng có tà, chánh, mà cũng chẳng có hữu, vô, mà cũng chẳng có đoạn, thường. Trong tự tánh thanh tịnh tâm, Kiến gì cũng không có, đấy mới là chánh tri chánh kiến. Tâm chư Phật Như Lai vĩnh viễn *“thanh tịnh, bình đẳng, giác”*, chỉ cần có niệm khởi lên sẽ chẳng giác, chẳng thanh tịnh, chẳng bình đẳng. Ý nghĩa này rất sâu, nhưng là thật, chẳng giả! *“Ma kiến võng giả, tà kiến sâm si giao lạc, linh nhân nan ư thoát ly, thí như la võng”* (“Lưới ma kiến”: Tà kiến rối bời giao xen, khiến cho con người khó thoát lìa, ví như lưới rập); do vậy, kinh Phật thường dùng chữ *“tà kiến võng”*. *“Ma kiến võng”* chính là lưới tà kiến. Kinh Hoa Nghiêm giảng: *“Ngã mạn khái quán, kiến võng tăng trưởng”* (ngã mạn tưới tắm, lưới kiến giải tăng trưởng), thành kiến từ đâu sanh ra? Trong năm thứ Kiến Hoặc, Kiến Thủ Kiến và Giới Thủ Kiến đều là Thành Kiến như người Trung Quốc đã nói. Giới Thủ Kiến là nói theo nhân, Kiến Thủ Kiến là nói theo quả, đều là chấp trước, chấp trước kiên cố, cho chính mình là đúng, người khác là trật. Cội nguồn ở chỗ nào? Cội nguồn ở chỗ ngạo mạn. Tâm sân khuể được bao gồm trong ấy. Kiêu căng, ngã mạn, cuồng vọng tự đại. Ngược lại là cung kính, hư tâm (tâm rỗng rang) thì sẽ chẳng có những khuyết điểm ấy. Hễ tự cho mình là đúng, chắc chắn đọa trong lưới tà kiến, chẳng sanh trí huệ, sẽ sanh phiền não. Như trong phần kế tiếp, Trí Độ Luận quyển thứ mười một có nói: *“Thị nhân tà kiến võng, phiền não phá chánh trí”* (người ấy vướng trong lưới tà kiến, phiền não phá chánh trí). Lưới ma kiến là lưới tà kiến, trí huệ chẳng còn nữa, trí huệ biến chất, biến thành phiền não. Thật ra, chánh trí là Bát Nhã, đức năng và tướng hảo trọn chẳng bị mất đi, chỉ là biến chất, vì trong tâm quý vị có Tam Độc. Tham, sân, si là Tam Độc, có lúc đức Phật giảng năm điều, gọi là Ngũ Độc, tức là tham, sân, si, kể thêm ngạo mạn và nghi hoặc, nên gọi là tham, sân, si, mạn, nghi, Ngũ Độc. Ngũ Độc tấn công cái tâm, quý vị có thể nào chẳng mê hoặc ư? Chánh trí của quý vị chẳng thấy đâu nữa, phiền não dấy lên. Đức Phật dạy con người tu hành là tu gì vậy? Tu từ nơi đâu? Hãy bắt tay tu từ chỗ này, buông Tam Độc, Ngũ Độc xuống. Có thể buông xuống hay không? Có thể chứ! Vì sao? Chúng chẳng phải là thật. Trong chân tánh không có những thứ ấy; trong chân tánh có Giới, Định, trí huệ.

 Cổ thánh tiên hiền Trung Quốc bảo: Trong chân tánh có Ngũ Luân, Ngũ Thường, Tứ Duy, Bát Đức, tự tánh vốn sẵn có [những thứ ấy]. Dùng một chữ để đại diện những thứ ấy, tức là dùng một chữ để đại diện Ngũ Luân, Ngũ Thường, Tứ Duy, Bát Đức, chữ đó là “Thiện”, bổn tánh vốn thiện. Thiện là gì? Ngũ Luân là thiện, Ngũ Thường là thiện, Tứ Duy là thiện, Bát Đức là thiện. *“Nhân chi sơ, tánh bổn thiện”* (con người thoạt đầu, tánh vốn lành), trong chữ Thiện ấy là bốn khoa mục lớn (Ngũ Luân, Ngũ Thường, Tứ Duy, Bát Đức). Ngũ Luân là nói tới quan hệ, quan hệ giữa người và người, quan hệ giữa con người và hoàn cảnh tự nhiên, quan hệ giữa con người và núi, sông, đại địa, hiện thời nói đến quan hệ giữa con người và địa cầu, quan hệ giữa con người và vũ trụ. Nói tới các mối quan hệ bèn gọi là luân lý. Phật pháp giảng [luân lý] hoàn bị nhất, thánh nhân Trung Quốc cũng rất lỗi lạc, nghiễm nhiên cũng nói: *“Thiên địa dữ ngã đồng căn, vạn vật dữ ngã nhất Thể”* (trời đất và ta cùng một căn cội, vạn vật và ta cùng một Thể). Điều ấy chẳng khác những gì được nói trong sách Vọng Tận Hoàn Nguyên Quán. Phật pháp giảng rõ ràng, minh bạch, còn trong sách vở của cổ Trung Quốc chỉ có mấy câu, lược tả phớt qua mà thôi, chúng ta chớ nên không biết. Kinh thường nói chuyện này *“chỉ có Phật và Phật mới có thể thông hiểu rốt ráo”*. Khi nào quý vị buông vọng tưởng, phân biệt, chấp trước xuống, đã thành Phật, bèn thấu hiểu triệt để chân tướng sự thật này, thấu hiểu triệt để rốt ráo, đúng là do một tự tánh biến hiện. Trong kinh Đại Thừa thường nói: *“Ngoài pháp chẳng có tâm”*, *“pháp”* là Pháp Tướng, Pháp Tướng toàn là do tâm hiện, nên ngoài pháp chẳng có tâm. *“Ngoài tâm chẳng có pháp”*, tất cả hết thảy các pháp đều sanh từ tâm tưởng, rời khỏi tâm tưởng sẽ chẳng có một pháp nào để đạt được. Pháp Tánh và Pháp Tướng là một, không hai, có quan hệ là cùng một loại. Sau khi đã hiểu rõ mối quan hệ ấy, trong cuộc sống hằng ngày, chúng ta xử lý mối quan hệ ấy sao cho tốt đẹp. Đó là Đức.

 Người Hoa nói tới Ngũ Thường, *“phụ tử hữu thân, phu phụ hữu biệt, quân thần hữu nghĩa, trưởng ấu hữu tự, bằng hữu hữu tín”* (cha con có tình thân ái, vợ chồng có trách nhiệm khác biệt, vua tôi có nghĩa, già trẻ có tôn ty trật tự, bạn bè giữ chữ tín), đấy là nói tới luân lý, phát triển đến cuối cùng, trong bốn biển đều là anh em. Sự phát triển này nói rõ điều gì? Nói rõ toàn thể nhân loại là người một nhà. Trong tôn giáo của ngoại quốc có nói con người do đâu mà có? Thủy tổ nguyên thủy của nhân loại là do Chúa tạo ra, Á Đương (Adam) và Hạ Oa (Eve) [[9]](#footnote-10)[2] là tổ tiên của nhân loại. [Theo họ], toàn bộ nhân loại trên thế giới đều là hậu duệ của Á Đương và Hạ Oa, đều là con cháu của họ, là người một nhà, nói rất hay. Á Đương và Hạ Oa do đâu mà có? Do Chúa tạo. Vì vậy, Chúa mới là cội nguồn thật sự của nhân loại, do Ngài tạo ra. Đây là cách nói trong tôn giáo. Nói theo Phật pháp, tự tánh là vốn có, chẳng phải do bất cứ kẻ nào sáng tạo, mà là vốn sẵn có. Bổn tánh vốn sẵn có, bổn tánh vốn lành, vốn là sẵn có. Vũ trụ, sanh mạng, vạn vật hình thành như thế nào? Kinh Phật dạy: *“Một niệm bất giác bèn có vô minh”*, vô minh là ba tế tướng của A Lại Da, A Lại Da sanh ra hết thảy vạn vật. A Lại Da là gì? A Lại Da là vọng tâm. Trong kinh luận của Pháp Tướng Duy Thức, đức Phật bảo A Lại Da nửa chân, nửa vọng. Thể của nó là Chân, là chân tánh, nửa kia là vọng. Vọng tức là nó vọng động, nhất niệm bất giác nó bèn động, động rồi bèn dấy lên một niệm. Niệm ấy do lý do gì mà khởi? Chẳng có lý do, khi nào khởi? Chẳng có khi nào. Khởi ở đâu? Chẳng có nơi chốn. Nó vừa động, vọng tâm bèn hiện tiền. Chân tâm có thể hiện, có thể sanh, vọng tâm có thể biến, biến thành y báo và chánh báo trang nghiêm trong mười pháp giới là do vọng tâm. Hiện thời các nhà khoa học gọi vọng tâm là “ý niệm”. Trong tâm chúng ta khởi niệm, niệm ấy có thể biến, y báo và chánh báo trang nghiêm trong mười pháp giới là cái được biến, kinh Phật giảng nguyên khởi của vũ trụ là như thế. Chúng ta đọc nhiều, học tập nhiều, sau đấy sẽ thông suốt những điều được nói ở đây, cách nói này rất hợp lý. Họ nói là “Chúa tạo”, trong Phật pháp, Chúa là ai? Chúa chính là A Lại Da; vì thế, A Lại Da còn gọi là “thần thức”, đó là danh xưng trong kinh Phật, nó tạo ra vạn vật. Vì vậy, nói “vạn vật do Chúa tạo”, người học Phật chúng ta thừa nhận, [vì Chúa tạo tức là] thần thức tạo, năng lượng của thần thức chẳng thể nghĩ bàn.

 Chúng ta phải phản vọng quy chân (bỏ vọng về với chân), thánh nhân Trung Quốc nói hay lắm: *“Khắc niệm tác thánh”* (khắc chế ý niệm bèn trở thành thánh). *“Niệm”* là vọng niệm, [*“khắc niệm tác thánh”* nghĩa là] quý vị có thể khắc phục vọng niệm bèn là thánh nhân. Phàm phu bị vọng niệm chuyển, khổ chẳng thể nói nổi. Thánh nhân có thể khắc phục vọng niệm, vọng niệm chẳng còn nữa, chánh niệm hiện tiền, đó là thánh nhân. Vọng niệm là phiền não, chánh niệm là trí huệ, danh từ trong nhà Phật [gọi chánh niệm] là Bồ Đề. Chuyển vọng thành Chân chính là *“học Phật”.* Phương pháp cụ thể để khắc phục chính là buông dục vọng xuống, dục vọng chẳng thật. Trong Phật pháp thường nói tới Ngũ Dục, Lục Trần. Ngũ Dục là tài, sắc, danh vọng, ăn uống, ngủ nghê, người trong thế gian ưa thích năm thứ ấy, tài, sắc, danh vọng, ăn uống, ngủ nghê, nhưng trong kinh Phật nói năm thứ ấy là gì? Là năm cội rễ của địa ngục! Trong đời người, chẳng thể thiếu khuyết năm thứ ấy, quý vị chẳng có cách nào lìa khỏi chúng. Đức Phật dạy chúng ta, đối với năm chuyện ấy, vừa phải bèn thôi! “Vừa phải bèn thôi” là gì? Trong cuộc sống hằng ngày, sử dụng nó, đừng khởi tâm tham, đừng sanh sân khuể. Nếu ưa thích nó, hãy đừng tham luyến. Nếu chán ghét nó, đừng cáu kỉnh. Đó gọi là “vừa phải bèn thôi”. Hiểu rõ nó, chẳng mê hoặc tí nào, đó là chẳng si. Thái độ của chính mình là bất luận trong cuộc sống, đãi người, tiếp vật đều phải khiêm hư, phải cung kính con người lẫn sự vật, chẳng ngạo mạn, tin sâu xa, chẳng nghi ngờ giáo huấn của cổ thánh tiên hiền. Quý vị thấy tham, sân, si, mạn, nghi chẳng còn nữa, như vậy là quý vị sống cuộc đời bình thường, đúng mực, sống cuộc đời hạnh phúc mỹ mãn.

 Thuở trước, giáo sư Phương Đông Mỹ dạy tôi Phật giáo, bảo tôi: *“Học Phật là hưởng thụ cao nhất trong cuộc đời”.* Hưởng thụ cao nhất là trong cuộc sống hằng ngày chẳng có tham, sân, si, mạn, nghi, đó chính là hưởng thụ cao nhất. Nếu có thể khắc chế ngũ dục, lục trần, cũng là nói “vừa phải bèn thôi”, có một chút ít bèn thỏa mãn, đó là hưởng thụ cao nhất trong cuộc đời. Nếu tham lam chẳng chán, oán hận chẳng bỏ, cuộc sống của kẻ ấy rất bi ai, mà cũng rất đáng thương, khổ chẳng thể nói nổi! Sống đúng bổn phận, như Thích Ca Mâu Ni Phật đã biểu diễn cho chúng ta thấy, mỗi ngày chỉ cần có thể ăn no, mặc đủ ấm, có chỗ để che mưa tránh gió, đủ rồi! Biết đủ, thường vui! Chẳng cần phải tính toán, mong cầu. Tính toán, mong cầu sẽ khổ sở khôn kể xiết, nhất định phải sống trong thế gian này sao cho thân tâm của chính mình chẳng bị áp lực, người hiện thời nói là “không có stress”, thong dong, thoải mái, cuộc sống ấy tốt đẹp lắm, cuộc sống ấy mỹ mãn lắm! Chớ nên tự chuốc lấy khổ, mỗi ngày trong lòng lo âu, toan tính, bận tâm khôn xiết, đó là tự chuốc khổ! Đã giác ngộ, hãy buông triệt để những thứ vàn muôn đầu mối ấy xuống, chẳng phải là không có chuyện gì ư? Buông xuống bèn thành Phật, thành Phật bèn chẳng có chuyện gì nữa! Sau khi thành Phật, giáo hóa chúng sanh, tự tại lắm! Giáo hóa chúng sanh, quý vị thấy *“vô trụ sanh tâm”* có thể hiện vô lượng vô biên thân, chẳng chấp tướng, chẳng khởi tâm động niệm, phân biệt, chấp trước, có thể hiện hết thảy tướng. Hiện tướng giáo học, vì chúng sanh thị hiện các thứ mà vẫn chẳng có vọng tưởng, phân biệt, chấp trước, đấy mới là cao minh, cao minh đến tột bậc, đấy mới là pháp hỷ, đấy mới là Cực Lạc. Vì thế, đối với Cực Lạc, một niệm giác quý vị bèn chứng đắc Cực Lạc, một niệm mê sẽ khổ khôn kể xiết! Phật, Bồ Tát giáo hóa hết thảy chúng sanh chẳng có chi khác, không gì chẳng nhằm dạy họ phá mê khai ngộ, lìa khổ được vui. Lìa là buông xuống, bỏ đi, cội nguồn của khổ là tham, sân, si, mạn, nghi, quý vị dẹp trừ những thứ ấy, chúng nó chẳng phải là những thứ tốt đẹp.

 Tiếp đó, lão cư sĩ dùng một câu trong Trí Độ Luận để làm chứng: *“Hữu niệm đọa ma võng, vô niệm tắc đắc xuất”* (hữu niệm đọa lưới ma, vô niệm bèn ra khỏi). Ai không có ý niệm? Có tà niệm bèn đọa lưới ma, lục đạo luân hồi là tà niệm. Có chánh niệm, thiện niệm bèn sanh trong tam thiện đạo, ác niệm sanh trong tam ác đạo, đều chẳng thoát khỏi luân hồi. Vì thế nói thiện niệm hay ác niệm đều là tà niệm, quý vị chẳng thoát khỏi lục đạo luân hồi. Tốt đẹp hơn một bậc là quý vị có tịnh niệm, có chánh niệm, vượt thoát luân hồi, sanh trong bốn thánh pháp giới, Phật, Bồ Tát vẫn nói đó là tà niệm, hễ có niệm bèn đọa trong lưới ma. Vì sao? Quý vị có niệm! Quý vị có Phật niệm, có Bồ Tát niệm, vẫn đọa trong lưới ma. Lưới ma là gì? Bốn thánh pháp giới, Thanh Văn, Duyên Giác, Bồ Tát, Phật, tức là Phật trong mười pháp giới, chưa ra khỏi mười pháp giới. Lục đạo là lưới ma nhỏ, bốn thánh pháp giới là lưới ma to. Đã thoát khỏi lưới ma nhỏ, nhưng chưa thoát khỏi lưới ma to. Làm cách nào đây? Vô niệm. Vô niệm bèn thoát khỏi! Tôi lại thật thà thưa cùng quý vị, quý vị vô niệm cũng chẳng thoát được, vì sao? Vì quý vị có vô niệm, vẫn là có niệm, nên quý vị chẳng thoát ra được. Vô niệm là gì? Hữu niệm lẫn vô niệm thảy đều không có thì mới có thể thoát ra. Nếu có vô niệm là hỏng rồi. Bởi lẽ đó, Thích Ca Mâu Ni Phật giảng kinh thuyết pháp bốn mươi chín năm, nhưng Ngài thường phủ nhận: “Ta chẳng giảng kinh. Quý vị nói ta giảng kinh thì chính là báng Phật!” Vì sao? Chẳng chấp thuận quý vị có ý niệm “Phật”. Trong tâm tự tánh thanh tịnh, niệm gì cũng đều chẳng có. Cớ sao quý vị giữ chặt ý niệm “Phật” ấy? Chuyện này khó thể hiểu rõ, hữu niệm bèn đọa lạc, vô niệm vẫn đọa lạc, nhưng chúng ta tu Tịnh Độ lại chẳng sợ. Tịnh Độ Tông đã giải quyết vấn đề này. Tịnh Độ Tông chẳng cho phép quý vị có niệm nào khác, chỉ chấp nhận cho quý vị có ý niệm A Di Đà Phật, cách này tuyệt diệu! A Di Đà Phật thì ta vẫn là hữu niệm? Chẳng sai! Ý niệm A Di Đà Phật này vẫn đọa trong lưới, nhưng chẳng phải là lưới ma, mà là đọa trong lưới A Di Đà Phật, bị A Di Đà Phật chụp lấy đem đi; đến Tây Phương Cực Lạc thế giới sẽ diệt trừ ý niệm A Di Đà Phật này, quý vị bèn thành Phật. Cách này đúng là mầu nhiệm tột bậc, thật sự chẳng thể nghĩ bàn, quá hay!

 Hiện thời, chúng ta nói là “hữu niệm lẫn vô niệm chắc chắn đoạn chẳng được”, quý vị nói “ta đoạn hết hữu niệm” bèn biến thành vô niệm. Vô niệm chẳng có, bèn biến thành hữu niệm, luôn rơi vào nhị biên, chẳng có cách nào sanh tồn trong nhị biên, mà sanh tồn trong ấy thì cũng trật rồi! Quý vị thấy cổ nhân nói: *“Nhị biên chẳng lập”*, Trung Đạo cũng chẳng còn, trung gian cũng không có, *“Trung Đạo chẳng tồn tại”*. Đấy mới là thật sự vô niệm. Vô niệm bèn hồi quy tự tánh, trong tự tánh chẳng có niệm. Chân tâm ly niệm, niệm chẳng còn nữa, chân tâm bèn hiện tiền, đó cũng chính là như trong giáo pháp Đại Thừa thường nói *“minh tâm kiến tánh, kiến tánh thành Phật”,* làm sao quý vị có thể hữu niệm? Chúng ta không có bản lãnh ấy! Tu pháp môn ấy là người thượng thượng căn, chúng ta là kẻ nghiệp chướng sâu nặng, chẳng có cách nào học tập! Chỉ có tu pháp môn Niệm Phật là ổn thỏa, thích đáng, quyết định có thể xuất ly trong một đời này. Vì thế, pháp môn Niệm Phật được gọi là vô niệm vì chẳng có hết thảy niệm; [mà cũng] nói là hữu niệm vì có một niệm A Di Đà này. Quý vị thấy đối với A Di Đà Phật bèn bảo chấp trì danh hiệu, nhà Phật nói “phá chấp trước”. Ở chỗ này, dạy quý vị chấp trước, tức là quý vị phải chấp trước danh hiệu, phải gìn giữ, đừng để bỏ mất, niệm đâu nghĩ tại đó, trong tâm chỉ có một câu A Di Đà Phật, ngoài A Di Đà Phật ra, cái gì cũng chẳng có. Chúng ta có thể hành phương pháp này, mỗi người đều có thể làm được. Xác thực là Tịnh Tông đảm bảo hết thảy chúng sanh thoát khỏi lục đạo và mười pháp giới trong một đời, toàn bộ đều được vượt thoát.

 Sau đó, cụ Niệm Tổ tổng kết bằng một câu rất hay: *“Khả kiến khởi tâm động niệm giai đọa ma võng, duy hữu tịnh niệm tương kế, vô niệm nhi niệm, phương đắc xuất ly dã”* (có thể thấy khởi tâm động niệm đều đọa trong lưới ma, chỉ có tịnh niệm tiếp nối, vô niệm mà niệm mới được thoát lìa). Một câu A Di Đà Phật, ma giới không có, lục đạo không có, mười pháp giới cũng không có, chỉ có trong Tây Phương Cực Lạc thế giới là có. *“Tịnh niệm tương kế, vô niệm nhi niệm”* (tịnh niệm tiếp nối, không niệm mà niệm), chẳng có hết thảy vọng niệm. Hết thảy các niệm đều là vọng niệm, chỉ niệm A Di Đà Phật. Vô niệm là không có những niệm khác, toàn bộ những niệm khác đều buông xuống, nhưng niệm là hữu niệm, chuyên niệm A Di Đà Phật. Kinh Vô Lượng Thọ dạy chúng ta [bí quyết] gồm tám chữ, quý vị đọc phẩm Tam Bối Vãng Sanh (ba bậc vãng sanh) sẽ biết: Đức Phật dạy chúng ta *“phát Bồ Đề tâm, nhất hướng chuyên niệm”*, tám chữ ấy. Nhất định phải phát Bồ Đề tâm. Nếu không phải là Bồ Đề tâm, dẫu một bề chuyên niệm, vẫn chẳng thể vãng sanh. Bồ Đề tâm là tâm gì? Trong kinh luận đã giảng giải chẳng dễ hiểu, hơn hai mươi năm trước, tối thiểu là hai mươi lăm trước, khi giảng kinh Di Đà tại Mỹ, tôi đã dùng năm chữ (thanh tịnh, bình đẳng, giác) trong tựa đề kinh Vô Lượng Thọ để giảng Bồ Đề tâm, thêm vào trước đó hai chữ “chân thành”, thêm vào sau đó hai chữ “từ bi”, giảng như vậy dễ dàng, mọi người đều dễ hiểu.

 Bồ Đề tâm là gì? Tâm chân thành là bản thể của Bồ Đề tâm. Chân thành tâm, Chân là chẳng giả, Thành là chẳng dối, chẳng phải là hư ngụy. Trong cuộc sống hằng ngày, nếu sống bằng tâm chân thành, quý vị sẽ sống rất tự tại. Người khác dùng tâm hư ngụy để đối đãi ta, ta dùng tâm chân thành đối đãi hắn, dụng tâm khác nhau. Tâm hư ngụy đối xử kẻ khác, tạo thành nghiệp bất thiện, quả báo trong tương lai là trong tam ác đạo. Ta dùng tâm chân thành đối xử với người khác, trong tương lai, ta vãng sanh Tây Phương Cực Lạc thế giới, A Di Đà Phật hoan nghênh ta, khác hẳn! Tâm chân thành là tự thụ dụng. Tâm chân thành cũng là đối xử với chính mình như thế nào. Đấy là năm chữ trong tựa đề kinh: *“Thanh tịnh, bình đẳng, giác”*, tôi thêm một chữ [Chánh] vào thành *“Chánh Giác”*, đó là đối với chính mình. Tâm chân thành đối với chính mình là thanh tịnh, thanh tịnh là chẳng nhiễm ô. Thứ gì là nhiễm ô? Tự tư tự lợi là nhiễm ô; tiếng tăm, lợi dưỡng là nhiễm ô, ngũ dục, lục trần là nhiễm ô, tham, sân, si, mạn là nhiễm ô. Nhiễm ô thảy đều phải bỏ đi, chớ nên tiếp cận nó, tâm quý vị bèn thanh tịnh, tâm thanh tịnh sanh trí huệ. Từ tâm thanh tịnh tiến cao hơn thành tâm bình đẳng, bình đẳng cao hơn thanh tịnh. Trong tâm bình đẳng, chẳng phân biệt, chẳng có ngạo mạn, chẳng có ganh ghét. Ngạo mạn và ganh ghét đều là tâm bất bình, chẳng còn [ngạo mạn và ganh ghét] nữa, tâm đã bình đẳng. Tâm bình đẳng là mấu chốt để đại triệt đại ngộ. Đại triệt đại ngộ, minh tâm kiến tánh là Chánh Giác. Một đệ tử Phật môn, làm học trò đức Phật, thường dùng điều này để đối đãi với chính mình, quý vị thấy bản thân quý vị vui sướng lắm, pháp hỷ sung mãn, thường sanh tâm hoan hỷ. Dùng tâm gì để đối đãi kẻ khác? Đối với chính mình là *“thanh tịnh, bình đẳng, giác”,* đối với kẻ khác là đại từ đại bi. Nói cách khác, dùng tâm yêu thương chân thành, tâm yêu thương thanh tịnh, bình đẳng, tâm yêu thương giác chứ không mê để đãi người, đó là *“phát Bồ Đề tâm”.*

 Nếu quý vị hỏi tôi phải làm sao mới có thể thực hiện được? Tôi bảo quý vị, hãy học tập Đệ Tử Quy, học tập Cảm Ứng Thiên, học tập Thập Thiện Nghiệp Đạo, thực hiện ba thứ ấy một trăm phần trăm, quý vị bèn làm được, tâm Bồ Đề của quý vị thật sự phát ra. Sau đó, một mực chuyên niệm, một phương hướng, nhất tâm nhất ý chuyên niệm A Di Đà Phật, chuyên cầu Tây Phương Tịnh Độ. Trong cửa nhà Phật, có cầu ắt ứng. Trong đời này, quý vị quyết định sanh về thế giới Cực Lạc, quyết định thân cận A Di Đà Phật, công đức của quý vị viên mãn. Tham, sân, si là Tam Độc; kể thêm ngạo mạn và hoài nghi, sẽ là Ngũ Độc, phải buông xuống. Nếu không buông xuống được, phiền phức của quý vị sẽ to lớn. Trong có Ngũ Độc, là mầm bệnh, năm thứ mầm bệnh nghiêm trọng, bên ngoài có cảm nhiễm, lẽ đâu quý vị chẳng bị bệnh? Bên trong trừ khử Tam Độc hoặc Ngũ Độc, quý vị gặp phải những bệnh tật bên ngoài bèn chẳng bị cảm nhiễm, nói theo y học hiện thời là quý vị có sức miễn dịch rất cao, rất mạnh. Bệnh truyền nhiễm gì quý vị cũng chẳng bị lây. Tánh của Bồ Đề tâm là tốt lành mà!

 Chúng ta lại xem đoạn kế tiếp: *“Giải chư triền phược”*, Triền (纏) là quấn quanh, Phược (縛) là gì? Phược là trói chặt, giống như đem dây thừng buộc quanh, trói chặt quý vị, quý vị chẳng thể cựa quậy được! Đây là hình dung từ. *“Y Cảnh Hưng sư ý”* (theo ý của ngài Cảnh Hưng), Cảnh Hưng là một vị pháp sư Nhật Bản, Ngài nói *“triền phược”* chính là *“bát triền, tam phược”* như trong kinh Phật đã dạy. Chúng ta coi xem chính mình có tám thứ ấy hay không? Tám sợi dây thừng trói chặt quý vị, quý vị chẳng cựa quậy được! Ở đây, cụ Niệm Tổ có ghi một chú thích nhỏ: *“Dư chư gia đa vị thập triền tứ phược”* (các nhà chú giải khác phần nhiều nói là mười triền, bốn phược), cụ dùng thuyết “tám triền, ba phược” của pháp sư Cảnh Hưng. *“Mười triền, bốn phược”* có thể tra trong Phật Học Từ Điển. Điều thứ nhất trong tám triền là Vô Tàm. Chúng ta có Tàm (thẹn) hay không? Hai chữ Tàm và Quý là Thiện Tâm Sở, Vô Tàm và Vô Quý là phiền não. Tàm (慚) là gì? Người Hoa thường nói người ấy có lương tâm, làm chuyện sai quấy, lương tâm cắn rứt, trong tâm cảm thấy rất khó chịu, đó là có Tàm. Kẻ vô tàm thì sao? Làm đủ mọi chuyện xấu, chẳng cảm thấy đã làm chuyện sai quấy. Người bình thường chúng ta thường nói [kẻ ấy] vô lương tâm, kẻ ấy thiếu lương tri nên gọi là Vô Tàm. Quý (愧) là gì? Quý là sợ người khác chỉ trích. Chúng ta làm chuyện ác, người khác phê bình, chúng ta cảm thấy rất kinh sợ. Vì sợ đại chúng trong xã hội phê bình, nên chẳng dám làm chuyện xấu, đó là Quý Tâm Sở, tức là sợ bị dư luận chê trách. Nếu chúng ta làm chuyện xấu, chẳng sợ người khác dị nghị, chẳng màng kẻ khác phê bình, đó là Vô Quý. Quý vị thấy kẻ làm chuyện ác, chẳng bị lương tâm cắn rứt, mà cũng chẳng sợ kẻ khác phê bình thì kẻ ấy chuyện xấu gì cũng dám làm. Đặt hai điều này vào vị trí thứ nhất và thứ hai, có Tàm và Quý sẽ chẳng dám làm chuyện xấu. Nếu hiểu nhân quả, ta vừa dấy ác niệm, thiên địa, quỷ thần sẽ phê phán ta, ngay cả ý niệm bất thiện kẻ ấy cũng chẳng dám dấy lên. Quý vị thấy hai Tâm Sở này đã sanh ra sức mạnh lớn lắm.

 Thứ ba là Tật Đố (ganh ghét). Chúng ta phải lắng lòng suy nghĩ, chúng ta có tâm ganh ghét hay không? Thấy kẻ khác tốt đẹp, chúng ta có cảm xúc gì? Nếu cảm thấy người ấy vượt trội ta, tâm ta bực bội, ta cũng muốn trội hơn kẻ ấy, hoặc là càng làm quá lố hơn một chút là bôi lọ những ưu điểm của kẻ ấy, phá hoại chuyện tốt của kẻ đó, những điều này đều phát xuất từ thói ganh ghét. Chướng ngại chuyện tốt của người khác, chúng ta có ý niệm ấy hay không? Dẫu phiền não của chúng ta nhẹ hơn một chút, nhưng trong tâm chẳng thoải mái, chẳng làm chuyện phá hoại người khác, nhưng vẫn là có tâm ganh ghét. Bồ Tát chẳng có, Bồ Tát thấy điều tốt đẹp của người khác, tâm sanh hoan hỷ. Tu gì? Tu tùy hỷ công đức, người khác làm chuyện tốt, ta bèn tận tâm tận lực giúp kẻ ấy, khiến cho chuyện tốt của người ấy càng được làm tốt đẹp hơn, đó là Bồ Tát. Tuyệt đối chẳng chướng ngại kẻ khác, chướng ngại kẻ khác là ác nghiệp, đều là đọa tam đồ. Quý vị tùy hỷ công đức, người ấy có công đức to nhiều, người tùy hỷ đạt được công đức to như người ấy. Chẳng có năng lực tùy hỷ [bằng cách đóng góp công sức], bèn hoan hỷ tán thán, đến khắp nơi tuyên dương kẻ ấy thì cũng là tùy hỷ, công đức cũng giống hệt. Khi không có sức giúp đỡ quý vị, tôi dùng ngôn ngữ, dùng văn tự để tuyên dương công đức của quý vị, đó cũng là tùy hỷ. Quý vị thấy đó, là phước hay là họa đều thuộc trong một niệm. Chỉ có kẻ mê hoặc mới ganh ghét, chướng ngại; người thông minh có trí huệ chẳng làm chuyện ngu xuẩn ấy. Gặp người khác làm chuyện tốt, đó là cơ hội của chính mình đã đến, chúng ta có cơ hội để chính mình tích lũy công đức. Người ấy cầm đầu, đứng đầu, chúng ta theo sau giúp đỡ người ấy, thành tựu như nhau, chẳng tăng, chẳng giảm. Trong mười đại nguyện vương của Phổ Hiền Bồ Tát có nguyện *“tùy hỷ công đức”* là nguyện thứ năm, tiếp ngay theo nguyện *“sám trừ nghiệp chướng”* là *“tùy hỷ công đức”*, phải học hiểu điều này.

 Thứ tư là Xan (慳: keo kiệt). Xan và Tham thường gộp chung, Tham là tham cầu, Xan là gì? Chính mình có, nhưng chẳng bỏ ra được để giúp đỡ người khác, tâm lượng rất nhỏ, chỉ cầu tự lợi, chẳng biết lợi tha. Như vậy thì có thể giữ gìn sự phú quý của chính mình hay không? Thưa cùng chư vị, chẳng thể! Quyết định chẳng giữ được, mà còn khiến cho sự phú quý của chính mình bị hao tổn trên một mức độ to lớn! Phú quý do đâu mà có? Phú quý do tâm lượng rộng rãi mà có! Cổ ngạn ngữ Trung Quốc đã nói rất hay: *“Lượng to, phước lớn”.* Lượng nhỏ nhen, phước chẳng lớn, chẳng thể nào có đại phước báo. Lượng to lớn, chịu thí xả, thấy người khác gặp khó khăn, tự mình toàn tâm toàn lực giúp đỡ, đó là đại phước báo. Giúp người khác nhưng chính mình còn giấu nghề, đó chính là xan tham, bị tổn phước, chẳng phải là tu phước. Nhất định phải giống như Bồ Tát toàn tâm toàn lực thực hiện, phước báo lớn lao. Đức Phật dạy tài phú do đâu mà có? Từ tài bố thí mà có; thông minh và trí huệ do đâu mà có? Từ pháp bố thí mà có, khỏe mạnh, sống lâu do đâu mà có? Do vô úy bố thí mà có. Thật sự làm, dốc hết tánh mạng thực hiện, càng làm càng thù thắng. Có người nói tôi tuổi tác đã cao ngần ấy vẫn còn giảng kinh! Làm chuyện giảng kinh này, ba thứ bố thí trọn đủ. Thân thể, tinh thần, thể lực là nội tài bố thí, được của cải. Tu hành, giáo học là pháp bố thí, tăng trưởng thông minh, trí huệ. Người nghe kinh hiểu rõ, thông suốt, y giáo phụng hành, bèn lìa khổ được vui, đó là ta đã vô úy bố thí, quả báo là khỏe mạnh, sống lâu. Chẳng giảng kinh thì thọ mạng bèn hết, chẳng khởi tác dụng. Càng giảng càng có tinh thần, càng giảng tuổi thọ càng dài, đạo lý là như vậy đó. Quý vị đồng ý xả, thọ mạng bèn dài. Chẳng chịu xả, thọ mạng ngắn ngủi, chuyện là như vậy đó. Hiểu rõ ràng, hiểu minh bạch rồi thì tu học và giảng kinh sung sướng hơn bất cứ gì khác. Khỏe mạnh, trường thọ, vĩnh viễn chẳng bị già suy, luôn vừa phải. Thật sự suy lão là chẳng thể cử động. Nếu quý vị nghĩ “hãy keo kiệt một chút, ta đã lớn tuổi, hãy giảng ít đi một chút để thân thể nghỉ ngơi nhiều hơn”, càng nghỉ ngơi càng già khọm, càng nghỉ ngơi càng đổ bệnh ra, đạo lý là như vậy đó! Ngày nào chẳng giảng nữa, chẳng giảng bèn vãng sanh, đến thế giới Cực Lạc, cũng chẳng thể chịu khổ sở vì tuổi già ở đây một ngày nào. Già rất khổ, chẳng phải chịu cái tội ấy! Hễ không giảng bèn đi ngay sang thế giới Cực Lạc. Chư Phật, Bồ Tát ứng hóa trong thế gian này, nêu gương cho chúng ta.

 Thứ năm là Ác Tác, phạm vi ở đây vô cùng rộng rãi, tất cả hết thảy hành vi bất thiện đều được bao gồm trong điều này. Trong cuộc sống, công việc, đãi người, tiếp vật, hễ trái phạm những gì đã nói trong Đệ Tử Quy, trái nghịch những gì Cảm Ứng Thiên và Thập Thiện Nghiệp Đạo đã nói thì đều gọi là Ác Tác, do trái nghịch tánh đức.

 Thứ sáu là Thụy Miên. Chẳng thể nào không ngủ, nhưng chớ nên tham ngủ. Thông thường ngủ nghỉ, ngủ rất ngon thì chừng sáu giờ là đủ rồi, khi tỉnh giấc phải làm việc. Công việc của người học Phật là khi tỉnh giấc bèn rửa ráy, thay quần áo sạch sẽ, tụng kinh, niệm Phật, lạy Phật, hoặc là đọc kinh. Từ tuổi trung niên trở lên, lạy Phật rất trọng yếu. Lạy Phật là vận động, làm chuyện vận động này chẳng lãng phí thời gian, tương ứng với niệm Phật. Kinh hành cũng là một loại vận động tốt, thích hợp cho người lớn tuổi. Kinh hành, niệm Phật, *“ức Phật, niệm Phật, hiện tiền đương lai, tất định kiến Phật”* (nhớ Phật, niệm Phật, hiện tại, tương lai, nhất định thấy Phật). Chớ nên ngủ quá nhiều. Ngủ quá nhiều là lãng phí thời gian quý báu của chính mình, nhất định phải phấn chấn tinh thần.

 Thứ bảy là Điệu Cử (Trạo Cử). Nay chúng ta gọi Điệu Cử (掉舉) là tánh khí bộp chộp, tâm chẳng định được, vọng niệm quá nhiều. Đặc biệt là muốn tĩnh lặng, ta tĩnh tọa mấy phút, vừa tĩnh tọa, vọng tưởng quá nhiều, trạng huống ấy được gọi là Điệu Cử, trở ngại rất lớn cho sự tu học. Tâm chẳng đặt tại đó, học gì cũng đều khó khăn.

 Điều thứ tám, trái ngược với Điệu Cử. Điệu Cử là tâm tình bộp chộp, xáo động. Hôn Trầm là ngủ gà ngủ gật, tinh thần uể oải. Quý vị bảo người ấy niệm Phật, niệm được mấy phút đã ngủ mất. Trong Phật Thất chúng ta thường thấy, người hôn trầm có khi nhiễu Phật, chân vẫn bước nhiễu Phật mà đã ngủ gục, ngáy o o luôn, chẳng phải là niệm Phật mà là ngáy khò khò!

 Tám thứ này là phiền não, quấn trói quý vị, khiến cho công phu của quý vị chẳng đắc lực, khiến quý vị tu học chẳng thể thành tựu. Đó là Bát Triền. Tam Phược là gì? Chính là Tam Độc phiền não, tham, sân, si. Trong có tham, sân, si, ngoài có tám hiện tượng ấy, người như vậy làm ác rất dễ dàng, hành thiện hết sức khó khăn. Chúng ta biết kẻ có Bát Triền Tam Phược trong tương lai sẽ đến nơi đâu? Chắc chắn là tam đồ, đời sau chẳng có phần trong cõi trời người, đừng mong về thế giới Cực Lạc. Vì thế, các đồng học niệm Phật chúng ta, có lòng tin chân thật, nguyện thiết tha, phải thường xét coi chính mình có tám hiện tượng ấy hay không? Nếu có, phải thống thiết sửa lỗi trước, phải nghiêm túc nỗ lực tinh tấn, đặc biệt là phải hóa giải Tam Độc và Ngũ Độc như chúng tôi đã nói.

 *“Tịnh Ảnh Sớ viết: Diệc khả nhất thiết chư phiền não kết, thông danh Triền Phược, Bồ Tát giáo nhân đoạn ly, danh Giải”* (Tịnh Ảnh Sớ giảng: “Cũng có thể nói là hết thảy các phiền não kết đều gọi là Triền Phược, Bồ Tát dạy người ta đoạn lìa chúng, đó là Giải”), tức là hóa giải triền phược. Tịnh Ảnh Sớ là chú giải kinh Vô Lượng Thọ, trong ấy cũng nói rất hay, phạm vi to lớn. *“Giải chư triền phược”*, phạm vi của triền phược hết sức rộng lớn. *“Nhất thiết chư phiền não kết”*,Kết (結) cũng là tên gọi khác của phiền não. Trong kinh Đại Thừa, đức Phật dạy có tám vạn bốn ngàn phiền não, quy nạp thành một trăm lẻ tám phiền não. Kinh Phật thường nói điều này, phiền não gồm một trăm lẻ tám thứ. Nói thật ra, trong mỗi thứ đều là vô lượng vô biên, không chỉ là tám vạn bốn ngàn. Trong Tứ Hoằng Thệ Nguyện có nói: *“Phiền não vô tận thệ nguyện đoạn”*. Đức Phật dạy đại chúng, một trăm lẻ tám vẫn là quá nhiều, khi giáo học vẫn chẳng thuận tiện, nên lại quy nạp một trăm lẻ tám thành hai mươi sáu cho dễ nói. Thông thường, đối với những người sơ học đều nói là hai mươi sáu. Hai mươi sáu phiền não gồm sáu căn bản phiền não và hai mươi tùy phiền não. Trong tùy phiền não lại có Trung Tùy, Đại Tùy, và Tiểu Tùy. Hai điều Vô Tàm và Vô Quý là Trung Tùy, Đại Tùy tám điều, Tiểu Tùy mười điều, dễ giảng giải! Sáu căn bản phiền não là năm điều tham, sân, si, mạn, nghi, thêm vào sau đó là ác kiến. Ác kiến là năm thứ Kiến Hoặc, quy nạp chúng lại bèn gọi là ác kiến. Nói cách khác, sáu căn bản phiền não thường được gọi là Kiến Tư phiền não. Kiến phiền não là ác kiến, Tư phiền não là tham, sân, si, mạn, nghi. Tư (思) là tư tưởng, quý vị nghĩ sai. Kiến là quý vị thấy sai, cách nhìn và cách nghĩ của quý vị đối với hết thảy các pháp trong vũ trụ đã sai, cho nên rắc rối mới nẩy sanh.

 Đức Phật đã nêu ra những sai lầm ấy, khiến cho chúng ta giác ngộ, hiểu rõ, bèn buông những sai lầm ấy xuống, chánh tri chánh kiến hiện tiền, chánh tri chánh kiến là “tri kiến của Phật”. Chúng ta là phàm phu, chính mình nhất định phải tự biết rõ mình thì mới có thể học thứ này, thứ nọ. Phải khiêm hư, chớ nên có mảy may cuồng vọng, phải thật thà, phải nghe lời. Trong hoàn cảnh hiện tiền, chúng ta mong thành tựu trong một đời, đầu tiên là phải vun bồi vững vàng ba căn cội, nhất định phải biết [điều này]. Trong quá khứ, người thuộc một thế kỷ trước, bất luận là tại gia học Phật hay xuất gia học Phật, mỗi cá nhân đều vun bồi tốt đẹp ba căn cội ấy, nên họ có thành tựu. Người tu hành hiện thời vì sao chẳng thành tựu? Chư vị chỉ cần lắng lòng tỉnh táo quan sát, trong tâm sẽ hiểu rõ. Chúng ta nói xem: Người tu Tịnh Độ tại gia hay xuất gia, khi lâm chung, chúng ta tiễn họ đi vãng sanh, có mấy người đầu óc tỉnh táo, tinh thần rất sáng suốt? Lúc ra đi, bảo mọi người: “Tôi thấy Phật đến tiếp dẫn tôi, tôi theo Phật ra đi”, đó là thật sự vãng sanh, chẳng giả chút nào! Nếu khi mất mà hôn mê, như vậy là chẳng nhất định [vãng sanh]. Nhưng người đưa đi vãng sanh trợ niệm đông đảo, có thể giúp người ấy chẳng đọa ác đạo, chúng ta có thể tin điều này, có thể khẳng định, người ấy có thật sự sanh vào thế giới Cực Lạc hay không? Chẳng chắc ăn! Nếu mắc phải chứng lú lẫn của người già (Alzheimer's disease) thì chẳng có cách nào, trợ niệm vô hiệu! Mắc chứng si ngốc của người già, mơ hồ, điên đảo ra đi, nghiệp chướng sâu nặng, lúc lâm chung nghiệp chướng hiện tiền, chẳng thể vãng sanh. Người ra đi như vậy sẽ vẫn luân hồi trong lục đạo y như cũ, quý vị nói xem: Chuyện này có phiền phức hay không? Chúng ta là người thật tu, thật hành, phải chú trọng đề phòng chuyện này!

 Chúng ta làm thế nào để tỉnh táo, sáng suốt trong lúc lâm chung? Dùng phương pháp gì? Đoạn ác, tu thiện, tích lũy công đức. Phải thực hiện năm chữ “nhân, nghĩa, lễ, trí, tín” do cổ nhân Trung Quốc đã nói. Chẳng làm được năm chữ ấy, lúc quý vị ra đi sẽ bị chướng ngại. Người thiếu nhân ái, thiếu từ bi, chẳng có lòng nhân ái sẽ mắc bệnh gan, bệnh ở gan. Nếu là kẻ bất nghĩa, thiếu đạo nghĩa, sẽ bị bệnh phổi. Kẻ thiếu lễ bị bệnh tim. Kẻ thiếu trí bị bệnh thận. Kẻ thiếu chữ tín, bệnh tại tỳ vị. Các chứng bệnh đều có nguyên nhân đối ứng. Có thể hành trọn nhân, nghĩa, lễ, trí, tín [sẽ chẳng có bệnh]. Nhân, nghĩa, lễ, trí, tín và Ngũ Giới trong Phật pháp hoàn toàn giống nhau. Nhân là chẳng sát sanh, Nghĩa là chẳng trộm cắp, Lễ là chẳng tà hạnh, Trí là chẳng uống rượu, Tín là chẳng nói dối, hoàn toàn tương ứng với năm giới, quý vị đều có thể làm được, quyết định chẳng vi phạm, trong đời này, quý vị chẳng mắc bệnh. *“Siêng tu Giới, Định, Huệ, dứt diệt tham, sân, si”*, bản thân chúng ta mới có thể bảo đảm chính mình khi lâm chung chẳng hồ đồ, như vậy thì chắc chắn sẽ vãng sanh. Vãng sanh là trong một niệm cuối cùng. Một niệm cuối cùng là A Di Đà Phật, chẳng phải là điều gì khác. Do vậy, lúc bình thời phải buông xuống, khi lâm chung, quý vị mới chẳng có tạp niệm, mới chẳng nghĩ cái này, tưởng cái kia, đặc biệt là danh, sắc, tài, ăn uống, ngủ nghỉ cũng đều bỏ, khi lâm chung sạch làu, chẳng có ô nhiễm. Đã biết hết thảy phiền não thì phải xa lìa, phải tận hết sức xa lìa, càng xa càng hay, vì sao? Đó là triền phược, trói buộc chúng ta ở nơi đây, khiến cho chúng ta chẳng lìa khỏi lục đạo luân hồi, quý vị nói có phiền phức lắm hay không? Bồ Tát dạy chúng ta đoạn sạch, dạy chúng ta rời khỏi, đó là Giải, [tức là] cởi gỡ những trói buộc!

 *“Thượng nhị cú, biểu hội trung chư Bồ Tát dĩ thông chư pháp tánh, đạt chúng sanh tướng, cụ Căn Bản Trí cập Sai Biệt Trí”* (hai câu trên biểu thị các vị Bồ Tát trong hội do thông suốt tánh của các pháp, thấu đạt tướng chúng sanh, trọn đủ Căn Bản Trí và Sai Biệt Trí). *“Thông chư pháp tánh”* là Căn Bản Trí, *“đạt chúng sanh tướng”* là Sai Biệt Trí, tức là không gì chẳng biết. Vì thế, Ngài *“năng vị chúng sanh phá ma kiến võng, linh ly tà nghiệp”* (có thể vì chúng sanh phá lưới ma, khiến cho họ lìa tà nghiệp), *“nghiệp”* là sự nghiệp, là tạo tác. Sự nghiệp bất thiện quyết định chẳng làm. Ở trong thế giới này, khởi tâm động niệm, ngôn ngữ, tạo tác, hết thảy sự nghiệp đều tạo lợi ích cho người khác, đều có chỗ tốt đẹp, quý vị thực hiện bèn chẳng thiệt thòi, chớ nên không biết [điều này]. Con người sống trên thế gian rất ngắn ngủi, một trăm năm, đối với người trẻ tuổi mà nói thì dường như rất dài, nhưng với lứa tuổi tôi, sẽ thấy một trăm năm như một cái khảy ngón tay, trôi qua rất nhanh, có ý nghĩa gì đâu? Đến tuổi già mới thật sự hiểu mạng người khổ sở, ngắn ngủi. Chẳng sợ khổ là vì nguyên nhân nào? Thời gian khổ sở ngắn ngủi, chẳng dài, ta phải cắn chặt răng vượt qua thời gian ít ỏi này, quyết định chẳng tạo ác nghiệp, đáng giá lắm! Đời sau sanh về Tây Phương Cực Lạc thế giới, thời gian lâu dài. Sanh sang Tây Phương Cực Lạc thế giới, dẫu là hạ hạ phẩm vãng sanh trong cõi Phàm Thánh Đồng Cư, thậm chí vãng sanh trong biên địa của Tây Phương Cực Lạc thế giới, vẫn chúc mừng quý vị, quý vị được vô lượng thọ, đã lìa hết thảy khổ. Tây Phương Cực Lạc thế giới chẳng có khổ, nên gọi là Cực Lạc. Quý vị thành Phật ở bên ấy, rất nhanh chóng chứng đắc Phật quả rốt ráo. Sau khi thành Phật, quý vị giống như các vị đại Bồ Tát: *“Có thể vì các hữu tình, tháo gỡ các trói buộc, khiến họ lìa phiền não”.* Giúp đỡ chúng sanh hóa giải triền phược. Đó chính là giáo học, quý vị giảng thấu triệt, minh bạch tánh - tướng, lý - sự, nhân - quả của vạn pháp trong vũ trụ. Chúng sanh sau khi nghe xong, giác ngộ, hễ giác ngộ bèn quay đầu, xa lìa triền phược, và cũng vĩnh viễn lìa phiền não. Lìa khỏi phiền não, trí huệ hiện tiền, phiền não nhẹ nhàng, trí huệ tăng trưởng, trí huệ hướng dẫn người ấy, kẻ ấy chẳng làm ác, chẳng đi vào ngõ rẽ, đảm bảo chính mình dũng mãnh, tinh tấn trên con đường thành Phật, vãng sanh bất thoái thành Phật ngay trong một đời. Hiện tại thời gian đã hết rồi, buổi học này chúng ta học tập tới đây!

**Tịnh Độ Đại Kinh Giải Diễn Nghĩa**

**Phần 58 hết**

#

# Tập 117

Chuyển ngữ: Bửu Quang Tự đệ tử Như Hòa

Giảo duyệt: Huệ Trang và Đức Phong

 Chư vị pháp sư, chư vị đồng học, xin hãy ngồi xuống. Xin xem Đại Thừa Vô Lượng Thọ Kinh Giải trang một trăm ba mươi bảy, dòng thứ năm.

 *“Viễn siêu Thanh Văn, Bích Chi Phật địa, nhập Không, Vô Tướng, Vô Nguyện pháp môn (kiến Đường dịch). Thử nhị cú trùng thán hội trung đại sĩ chi Thật Đức, sở giác thù thắng, viễn siêu Thanh Văn dữ Bích Chi Phật chi địa”* (“Vượt xa địa vị Thanh Văn và Bích Chi Phật, nhập pháp môn Không, Vô Tướng, Vô Nguyện (xem bản dịch đời Đường)”: Hai câu này một lần nữa tán thán Thật Đức của các vị đại sĩ trong hội, sự giác ngộ của các Ngài thù thắng, vượt xa các địa vị Thanh Văn và Bích Chi Phật). Mấy câu này dễ hiểu; đoạn kinh văn *“siêu tình ly kiến”* này là đoạn thứ năm, mà cũng là chuyện thứ năm. *“Viễn siêu Nhị Thừa”*, Thanh Văn là Tiểu Thừa, Bích Chi Phật là Trung Thừa. Câu kế tiếp là khế nhập tam-muội, *“nhập Không, Vô Tướng, Vô Nguyện pháp môn”*, những tam-muội này còn gọi là Đại Tam Không Tam-muội. Hai câu này cũng là tán thán đức năng chân thật của các vị Pháp Thân Bồ Tát dự hội. *“Sở giác thù thắng”*: *“Sở giác”* cũng là điều các Ngài chứng đắc, thù thắng ở chỗ nào? Thù thắng ở chỗ vượt trỗi Nhị Thừa, *“thù thắng”* là nói đến ý nghĩa này!

 Tiếp đó, giải thích cho chúng ta biết Thanh Văn là gì? *“Thanh Văn giả, Phật Tiểu Thừa pháp trung chi đệ tử, văn Phật chi giáo, ngộ Tứ Đế pháp chi lý, đoạn Kiến Tư nhị hoặc, xuất Phần Đoạn Sanh Tử, nhi nhập ư Niết Bàn giả”* (Thanh Văn là đệ tử trong pháp Tiểu Thừa của đức Phật, nghe giáo pháp của Phật, ngộ lý của pháp Tứ Đế, đoạn Kiến Hoặc và Tư Hoặc, thoát khỏi Phần Đoạn Sanh Tử, bèn nhập Niết Bàn). Đối với những điều này, phải nói đại lược một phen. Vì sao gọi là Thanh Văn? Nghe đức Phật giảng kinh, giáo học, bèn khai ngộ, ngộ nhập lý của pháp Tứ Đế. Tứ Đế là nói đến Khổ, Tập, Diệt, Đạo. Khổ là quả thế gian, Tập là nhân thế gian. Cách nói của đức Phật và cách nghĩ của cổ thánh tiên hiền Trung Quốc giống nhau, đều là nói quả trước rồi mới nói đến nhân. Quả là gì? Quý vị đã từng nếm trải, nên khi nhắc tới, quý vị sẽ có cảm xúc vô cùng nhạy bén. Sau đấy, lại nói cho quý vị biết cái nhân phát sanh cái quả ấy, chẳng phải là nói nhân trước rồi mới nói đến quả. Vào thời ấy, hễ nói *“Đông Phương và Tây Phương”* thì Đông Phương là Trung Quốc, Tây Phương là Ấn Độ, cách nhìn của cổ nhân tương thông. Đây là hai tầng nhân quả, Diệt và Đạo là nhân quả xuất thế gian; Diệt là quả, Đạo là nhân. Đó là pháp Tứ Đế. Đế (諦) là chuyện chân thật, người hiện thời gọi nó là *“chân lý”.*

 Đức Phật dạy con người: Thế gian này chỉ có khổ, chẳng có vui! Cái gọi là “vui” chính là gì vậy? Khổ tạm thời ngừng trong chốc lát, tạm ngừng, chẳng phải là vĩnh viễn ngưng dứt, quý vị bèn cảm thấy rất vui. Thí dụ như ăn uống, quý vị ăn no nê, ăn rất ngon, rất vui sướng. Nếu quý vị chẳng được ăn một bữa, liền cảm thấy khổ, đói bụng mà! Hai bữa chẳng được ăn càng khổ hơn. Đói tới bảy ngày sẽ chết đói! Lẽ nào chẳng khổ? Khổ chẳng thể biến thành lạc, cho nên khổ là thật, lạc là giả. Thí dụ như ăn thứ gì đó [cảm thấy] rất sung sướng. Ăn thứ quý vị ưa thích, ăn một chén rất vui sướng, ăn hai chén vẫn còn được, nhưng bắt quý vị ăn liên tục tới hai mươi chén, khổ ngay! Đó gọi là gì? Lạc có thể biến thành khổ, nên lạc chẳng phải là thật, nhưng khổ chẳng thể biến thành lạc. Trong kinh, đức Phật đã giảng những chuyện này rất nhiều, rất rõ ràng. Ngài dạy chúng ta, người sống trong thế gian này có tám nỗi khổ. Ngoài tám nỗi khổ (được gọi chung là Khổ Khổ), còn có Hoại Khổ, còn có Hành Khổ. Chúng sanh trong Dục Giới phải chịu đủ ba loại khổ lớn này, ai nấy đều chẳng có cách nào tránh né bốn loại đầu trong Khổ Khổ là sanh, lão, bệnh, tử.

 *“Thần thức”*: Nhà Phật gọi là “thần thức”, người thế gian gọi là “linh hồn”. Linh hồn đi đầu thai. Đến đầu thai thì nhất định là có duyên với cha mẹ. Chẳng có duyên, kẻ ấy chẳng đến! Có người mong có con cái, mong ngóng cả đời vẫn chẳng có! Người ấy chẳng có duyên, chẳng có duyên gặp gỡ. Duyên gì vậy? Trong kinh, đức Phật đã dạy, duyên rất nhiều, rất phức tạp, nhưng chẳng ngoài bốn loại lớn, bốn loại lớn ấy gọi là *“tứ duyên sanh pháp”.* Trong bốn loại lớn ấy, thứ nhất là báo ân. Đứa trẻ ấy sanh vào nhà quý vị hết sức ngoan ngoãn, khéo léo, thông minh, đáng yêu, nó đến báo ân. Người Hoa gọi [đứa con như vậy] là *“hiếu tử, hiền tôn”* (con hiếu, cháu hiền). Vì thế, người ta phải bố thí ân đức, vì sao? Trong tương lai, con cháu đến báo ân đông đảo. Nếu kết oán cừu cùng kẻ khác, chuyện này sẽ phiền toái lắm! Trong tương lai, đứa trẻ sanh vào nhà quý vị để báo cừu, chẳng phải là phiền phức hay sao?

 Thuở trước, hơn bốn mươi năm trước, tôi giảng kinh Lăng Nghiêm tại Đài Bắc. Trong thính chúng có một vị, nay đã mất, cụ đã vãng sanh. Vị lão cư sĩ ấy lớn tuổi hơn chúng tôi rất nhiều, đại khái lớn hơn tôi hai mươi tuổi. Lão cư sĩ đến nghe kinh mỗi ngày. Chúng tôi nói đến những chuyện trong kinh, cụ bảo tôi: “Những chuyện ấy là thật, chẳng giả!” Trước thời Kháng Chiến, [tức là] trước khi cuộc kháng chiến [chống Nhật] bùng nổ, cụ sống tại Thượng Hải. Khi ấy, cụ đã buôn bán, chính mắt trông thấy. Không phải là chuyện của chính cụ, mà là chuyện của một người bạn cụ, tuổi cũng xấp xỉ tuổi cụ, hết sức thân thiết, cũng là đồng hương, họ là người tỉnh Chiết Giang. Người bạn ấy giúp việc cho một doanh nhân người Đức. Người Đức ấy kinh doanh một công ty cỡ nhỏ về tàu bè, hình như chỉ có một chiếc tàu. Người bạn ấy hết sức thật thà, làm việc hết sức có trách nhiệm, nên rất được ông chủ tín nhiệm. Sau khi cuộc Kháng Chiến bùng nổ, vị chủ nhân là người Đức, trở về nước, ủy thác công ty cho ông ta, dặn ông ta hãy cố gắng kinh doanh. Sau khi [ông chủ] trở về nước, ngay cả tin tức cũng chẳng có, cũng chẳng biết là còn sống hay không. Ông ta kinh doanh công ty ấy rất thuận lợi, tiền kiếm được lại dùng mua thêm mấy chiếc tàu nữa, biến thành một công ty tàu bè [cỡ lớn]. Khi đó, đang trong thời Kháng Chiến, người Nhật chiếm đóng Thượng Hải; ông ta kinh doanh khá lắm, cũng kết hôn, sanh được một đứa con quả thật cũng rất đáng yêu, cũng rất ngoan ngoãn, khéo léo, đó là một bé trai. Sau khi Kháng Chiến thắng lợi, vị bằng hữu ấy tuổi cũng đã rất cao, dường như là nhằm sinh nhật thứ năm mươi, đứa con lên mười. Đứa nhỏ ấy hết sức thích dùng tiền, học Tiểu Học mà luôn đem theo mười mấy đồng. Thuở ấy, mười mấy đồng rất lớn. Trong thời gian Kháng Chiến, có thể nói là mười đồng gần như có thể dùng làm tiền chi dụng cả một tháng cho một gia đình bốn người. Đồng tiền rất có giá! Có một hôm, đứa bé ấy đi đường, làm rớt tiền, một cụ già nhặt được. Cụ già ấy là bạn của cha nó, do quen biết, nên cụ gọi tên đứa bé, cầm tiền trên tay, bảo: “Ngươi gọi ta một tiếng bác, ta sẽ trả món tiền này cho ngươi”. Đứa bé ấy nói như thế nào? “Ông gọi tôi một tiếng bác, tôi cho lại ông mười đồng”. Đứa bé ấy láu lỉnh đến mức độ ấy. Đến hôm sinh nhật, ông ta đột nhiên thấy con mình biến đổi, [có hình dạng giống như] ông chủ khi trước, nên mới hoảng nhiên đại ngộ: Ông chủ của ông ta đã chết, đầu thai đến nơi đây, tài sản này là của ông ấy. Do ông ta rất thông minh, ngay lúc ấy bèn tuyên bố toàn bộ tài sản của công ty này giao cho con ông ta, còn ông ta làm thuê cho con. Vị lão cư sĩ kể cho chúng tôi nghe câu chuyện này, đứa bé ấy đến đòi nợ. [Đời trước], nó ủy thác quý vị kinh doanh, chẳng tặng cho quý vị, nên lại [đầu thai] đến [đòi nợ]. Người ấy thật thà, lão thành, sau khi tuyên bố, bèn giữ thân phận làm công, về sau vẫn sống bình yên.

 Cuối cùng, vị cư sĩ họ Ổ ấy đến Đài Loan, cũng chẳng có liên lạc, nhưng tôi tin tưởng kết quả cuối cùng của [Ổ cư sĩ] sẽ tốt đẹp, vì ông ta hiểu nhân quả, chẳng có tâm tham, vẫn chăm sóc đứa con rất chu đáo; bởi lẽ, ông ta hiểu rõ đứa con đến đòi nợ. Quý vị đối xử tốt với nó, nó cũng đối xử với quý vị tốt đẹp, cũng giống như trong quá khứ ông chủ đã tin tưởng, tín nhiệm quý vị. Đức Phật giảng chẳng sai, con cái bất hiếu, khinh lờn cha mẹ, thậm chí giết hại cha mẹ, đó là đến báo oán. Còn có trường hợp đến đòi nợ, hoặc đến trả nợ. Đức Phật chia [mối quan hệ giữa cha mẹ và con cái] thành bốn loại lớn ấy. Sau khi đã giác ngộ, bất luận là quan hệ gì, mọi người cùng nhau học Phật, biến thành đồng tham đạo hữu. Chính mình đã khai ngộ, cũng giúp người nhà quyến thuộc ai nấy đều giác ngộ, đó là tốt đẹp! Đây cũng là như trong kinh thường nói: *“Phật chẳng độ kẻ vô duyên”.* Bất luận đối với quý vị là oán hay thân, là tranh chấp hay nợ nần, nói chung đều là kẻ có duyên, hễ gặp gỡ, đều phải dùng Phật pháp để giải quyết, đó là đúng!

 Trong tám khổ, chẳng ai trốn khỏi sanh, lão, bệnh, tử. Sống một trăm tuổi, vẫn phải chết. Sanh Khổ, chúng ta không biết, ai nấy đều quên sạch. Trong kinh, đức Phật dạy rõ những nỗi đau khổ khi trẻ thơ sanh ra. Ở trong thai mẹ mười tháng, kinh Phật hình dung nỗi khổ ấy bằng từ ngữ *“thai ngục”*, chẳng khác địa ngục cho mấy! Mẹ uống một chén nước nóng, con như ở trong tám địa ngục nóng. Mẹ uống một chén nước đá, con như ở trong tám địa ngục lạnh. Tâm tình, nhất cử, nhất động của mẹ đều gây ảnh hưởng rất lớn cho con. Con phải ở trong bào thai mười tháng, ngạn ngữ nói là *“sống một ngày giống như cả năm”*; đau khổ như thế đó. Lão Khổ thì chúng ta trông thấy. Quý vị thấy nhiều cụ già, đặc biệt là đến thăm viện dưỡng lão, quý vị sẽ thấy vận mạng bi thảm của người già trong tuổi xế chiều, nhất định quý vị sẽ nghĩ ngợi: “Ta về già có gặp tình cảnh này hay không?” Nếu con cái bất hiếu, chẳng phải là sẽ đưa quý vị vào viện dưỡng lão ư? Rất có thể! Không có con cái, tuổi đã cao, chánh phủ cũng đưa quý vị vào viện dưỡng lão. Bên ngoại quốc, theo quy chế của ngoại quốc, như ở Mỹ, Úc Đại Lợi, những quốc gia ấy còn đỡ, quý vị đã già, sau khi về hưu, quốc gia cấp tiền dưỡng lão, tiền chi dụng mỗi tháng cứ đúng kỳ bèn gởi tới, về phương diện đời sống vật chất chẳng có vấn đề gì! Quá nửa là [con cái gởi cha mẹ] vào viện dưỡng lão, vì quý vị tuổi đã cao, cần có người chăm sóc, chẳng có cách nào sống trong gia đình của chính mình. Vì thế, tự mình bán nhà, đến sống trong viện dưỡng lão. Cuộc sống vật chất có thể sống được, nhưng chẳng có cuộc sống tinh thần. Nếu quý vị hỏi những người già: “Tình trạng cuộc sống của quý vị là như thế nào?” Họ sẽ trả lời bằng một câu: “Ngồi ăn chờ chết”. Viện dưỡng lão đông người, nói chung, mỗi tuần có một, hai trường hợp tử vong, được khiêng đi. Hằng ngày trông thấy tình hình ấy, “ngày nào sẽ đến lượt ta?” Quý vị nói xem, bi thảm dường nào? Lão Khổ đấy!

 Cổ nhân Trung Quốc, lúc tuổi cao bèn dưỡng lão trong gia đình, đông con, lắm cháu, con cháu đầy nhà, hưởng niềm vui thiên luân. Vì thế, xã hội cổ Trung Quốc đã giải quyết vấn đề này. *“Dục ấu”* (育幼) là giáo dục trẻ nhỏ, do gia tộc chịu trách nhiệm. Trường học do gia tộc thành lập gọi là Tư Thục. Tư Thục là trường học của con em trong gia tộc. Trước kia là đại gia đình, đông người, nên học trò đi học cũng tới mấy chục đứa. Gia tộc thông thường, một nhà đại khái có khoảng ba trăm người. Đại gia tộc, nhân đinh hưng vượng, năm, sáu trăm người; nhân đinh ít ỏi thì cũng có chừng hai trăm người. Cho nên [việc giáo dục trẻ thơ] do gia tộc chịu trách nhiệm, chế độ ấy hay lắm! Đệ Tử Quy là quy củ trong gia đình. Quý vị nói xem, gia đình đông người như thế, thiếu quy củ thì làm sao đuợc! Chẳng phải là gia đình ấy sẽ rối beng ư? Vì thế, gia tộc đều có gia đạo, có gia quy; Đệ Tử Quy là gia quy chung. Còn có chỗ khác nhau là do mỗi gia tộc còn có [những quy chế] đặc biệt, vì sở học khác nhau, sự nghiệp kinh doanh khác nhau, nên còn có những quy củ đặc biệt. Những gia quy ấy do tổ tiên chế định, đều chép trong gia phả!

 Gia phả là lịch sử của gia đình, đời đời truyền thừa, [ghi chép rành rẽ] dòng họ của quý vị do từ chỗ nào mà có, khi nào bắt đầu có dòng họ này. lịch sử gia đình được ghi chép rất rõ ràng. Theo cách nhìn của tôi, tuy không có căn cứ để chứng minh, nhưng tôi tin tưởng, đại khái Hán tộc tại Trung Quốc đều là *“Viêm Hoàng thế trụ”* (con cháu Viêm Hoàng), [Viêm là] Viêm Đế (炎帝) thuộc họ Thần Nông, [còn Hoàng] là Hoàng Đế (黃帝) [thuộc họ Hiên Viên]. Người Hán đều là con cháu của Viêm Đế và Hoàng Đế, một mạch truyền thừa! Trước đó là Phục Hy Thị. Nhân dân trong thời Phục Hy Thị sống cuộc đời nguyên thủy, săn bắn để sinh nhai, ở trong hang núi, chưa có nhà cửa. Đến thời Thần Nông Thị mới bắt đầu biết trồng trọt, chẳng lấy săn bắn làm chủ yếu nữa, mà sống chủ yếu bằng cày cấy. Từ Thần Nông đến Hoàng Đế là năm trăm năm. Theo lịch sử ghi chép, Hoàng Đế mới kiến tạo nhà cửa. Cung điện là do Hoàng Đế phát minh. Năm ngàn năm lịch sử của Trung Quốc, lịch sử lâu dài! Trong hai mươi lăm người con của Hoàng Đế, mười bốn người có *“tánh thị”*. Tánh thị [[10]](#footnote-11)[1] thuở ấy là gì? Họ được phong tước vị. Do vậy, chúng tôi tin tưởng, trước kia đọc sách Bách Gia Tánh [[11]](#footnote-12)[2] của Trung Quốc, hơn bốn trăm dòng họ đều là người một nhà. Trung Quốc hiện nay có năm mươi sáu dân tộc, bao nhiêu dòng họ? Hơn hai vạn bốn ngàn dòng họ; do đó, hiện thời không phải là Bách Gia Tánh mà là Vạn Gia Tánh.

 Quý vị thấy đó, người đông như thế, nhiều sắc dân như thế, cương vực to lớn như thế, mấy ngàn năm chung sống hòa thuận, bền vững lâu dài, dựa vào gì? Dựa vào giáo dục. Bởi lẽ, người Trung Quốc biết gia giáo, có đại gia đình, [xã hội Trung Hoa thời cổ] là xã hội nông nghiệp, đông người dễ làm việc, theo đuổi canh tác hay theo đuổi việc khai khẩn đều cần nhân lực. Thuở đó, chẳng có máy móc, đời đời truyền thừa cho đến đầu thời Dân Quốc. Tại Trung Quốc, nông thôn khá nhiều; thật vậy, hiện thời nói tới xã hội cũ thì là đại gia tộc. Quý vị thấy đó, một thôn nọ gọi là Vương thôn (thôn họ Vương), người cùng một gia tộc. Thôn kia gọi là Trương thôn, cũng là người một nhà. Vì vậy, một nhà dạy dỗ tốt đẹp, gia trưởng có trách nhiệm, dạy dỗ người trong một gia tộc tốt đẹp. Hễ nhà đã tề, nước bèn trị! Biết dạy dỗ, dạy cho ai nấy đều là người tốt, đều biết hiếu, đễ, trung, tín, đều biết lễ, nghĩa, liêm, sỉ, đều hướng tới nhân ái, hòa bình, xã hội làm sao bất hảo cho được? Vì lẽ đó, xã hội an định, chánh trị trong sáng, thiên hạ thái bình. Chúng ta thấy xã hội hiện thời, nhìn ra toàn thể thế giới, vấn đề quá ư là nhiều! Vì sao có lắm vấn đề ngần ấy? Thiếu sót trong giáo dục! Hiện thời trường học rất nhiều, nhưng chẳng phải là giáo dục, mà là thứ gì vậy? [Trường học] là cơ sở để truyền thừa, huấn luyện khoa học và công nghệ, tôi cảm thấy danh xưng ấy rất thích hợp, chẳng thể gọi là “nhà trường”. Trường học phải tiến hành giáo dục, giáo dục nhằm dạy con người điều gì? Dạy con người làm người, dạy luân lý, [khiến cho] quý vị biết quan hệ giữa con người với nhau. Dạy đạo đức, quý vị biết con người cư xử với nhau như thế nào. Dạy nhân quả, thật sự hiểu “thiện nhân, thiện quả; ác nhân, ác báo”, tự quý vị biết ước thúc khởi tâm động niệm, chẳng dám làm chuyện xấu. Quý vị làm chuyện xấu, sẽ có báo ứng.

 Nhân quả là nói đến ba đời. Con người không phải chỉ có một đời này. Chúng ta có đời quá khứ, có đời vị lai. Đời này khổ sở một chút, đời sau tốt đẹp. Nếu đời này hưởng hết phước, đời sau chịu khổ. Người tin theo nhân quả sẽ nói là *“phong thủy luân lưu xoay chuyển”.* Vì lẽ đó, chúng ta chẳng hâm mộ kẻ phú quý, vì sao? Trong quá khứ, người đó tu nhân lành, nay người ấy phải được phú quý. Đời quá khứ, chúng ta chẳng tu nhân lành, đời này phải sống khổ sở một chút. Hiểu rõ đạo lý này, tuy cuộc sống của chúng ta thanh bần, ta tu nhiều thiện nhân, tu thiện nhân rất siêng năng, vận mạng của ta bèn chuyển biến ngay trong đời này! Tuổi trẻ chịu khổ một chút, tuổi già hưởng phước, đời sau tốt đẹp hơn. Người hiểu rõ đạo lý này, trong xã hội sẽ chẳng cạnh tranh cùng kẻ khác. Cạnh tranh là phiền não, là tạo nghiệp. Vì thế, cổ nhân biết: *“Cả đời đều là mạng, chẳng do người nửa phần”*,quý vị tranh chẳng được! Nếu thật sự có thể tranh được, Khổng Tử cũng tham gia cạnh tranh! Vì sao Khổng Tử chẳng tranh giành? Khổng Tử biết là tranh chẳng được. *“Trong mạng đã có thì rốt cuộc sẽ có, trong mạng chẳng có, chớ cưỡng cầu”*, cầu chẳng được! Đối với chuyện tu nhân, đức Phật đã giảng đạo lý này, chúng ta phải hiểu rõ. Nhà Phật dùng phương pháp gì để tu nhân? Dùng bố thí. Chúng ta hy vọng phát tài, hãy tu tài bố thí. Hy vọng được thông minh, trí huệ, hãy tu pháp bố thí. Hy vọng khỏe mạnh, sống lâu, hãy tu vô úy bố thí; đức Phật dạy chúng ta những điều ấy. Vì thế, *“trong cửa nhà Phật, có cầu ắt ứng”*. Đức Phật dạy quý vị phương pháp và đạo lý, bản thân quý vị nương theo đạo lý ấy để tu học, quả báo bèn hiện tiền. Phát tài, thông minh, trí huệ, khỏe mạnh, sống lâu, có phải là do Phật, Bồ Tát ban cho quý vị hay không? Chẳng phải! Phật, Bồ Tát ban cho quý vị lý luận, phương pháp, quý vị tự cầu nhiều phước. Chớ nên không biết điều này!

 Đối với Khổ, trừ sanh, lão, bệnh, tử ra, còn có Ái Biệt Ly Khổ. Người quý vị ưa thích, chuyện quý vị ưa chuộng, hoàn cảnh cuộc sống ưa thích đều cứ phải chia lìa. Quý vị chẳng có cách nào hưởng thụ trong một thời gian dài. Đó là Ái Biệt Ly Khổ. Kế đó, đức Phật nói tới Oán Tắng Hội Khổ, oan gia đối đầu chẳng muốn gặp gỡ, mà cứ thường chạm mặt! Loại thứ ba là Cầu Bất Đắc Khổ. Loại cuối cùng trong tám khổ là Ngũ Ấm Xí Thịnh Khổ. Ngũ Ấm Xí Thịnh là gì? Là áp lực (stress) như người hiện thời đã nói; lo lắng, vướng mắc, bận lòng, mệt trí đều thuộc về loại này. Cuộc sống tinh thần và thân thể của quý vị rất khổ cực. Ai có thể lìa khỏi tám thứ ấy? Đức Phật nói chư thiên Dục Giới có đủ tám nỗi khổ ấy. Chư thiên Sắc Giới đã lìa dục, nhưng trọn chẳng đoạn. Họ buông xuống, tạm thời buông xuống, tám nỗi khổ ấy bèn chẳng còn nữa. Con người sanh lên trời chẳng phải là thai sanh, nên họ chẳng có Sanh Khổ. Từ trời Đao Lợi trở lên đều là hóa sanh. Nếu quý vị tu định, đắc Thiền Định, tu đã thành công, bèn sanh trong Sắc Giới Thiên. Sắc Giới Thiên chẳng có những nỗi khổ ấy, nhưng còn có thọ mạng. Khi thọ mạng đã hết, sự khổ ấy bèn hiện tiền, năm tướng suy hiện tiền. Khi đó, thời gian năm tướng suy hiện tiền chẳng dài, trong kinh thường nói là bảy ngày, nhưng trong bảy ngày ấy, khổ chẳng thể nói nổi. Hoại Khổ đấy! Thân sắp hư hoại, chết rồi thì thân phải hư hoại. Cung điện vị ấy cư trụ cũng bị hư hoại, vị ấy chính mắt thấy. Vô Sắc Giới Thiên là phàm phu cao cấp trong lục đạo, họ chẳng cần thân thể, giống như Lão Tử của Trung Quốc đã nói: *“Ngô hữu đại hoạn, vị ngô hữu thân”*, [tức là] Ngài nói Ta có mối lo nghĩ rất lớn, lo gì vậy? Ta có thân thể. Người thông minh chẳng cần đến thân thể; chẳng có thân thể thì đương nhiên cũng không cần chỗ cư trụ. Vì thế, chúng ta có thể nói Vô Sắc Giới Thiên là *“linh giới”* (cõi của linh hồn), vì họ có tinh thần, nhưng chẳng có vật chất. Họ có khổ hay không? Có, khổ gì vậy? Hành Khổ. Cảnh giới của họ tốt đẹp, nhưng chẳng thể giữ được vĩnh viễn, hoàn toàn cậy vào Định lực của họ. Định lực của họ mất đi thì cảnh giới ấy chẳng còn nữa. Đó là Hành Khổ. Mỗi sát-na [trôi qua] là họ càng gần với điểm kết thúc, nhưng họ chẳng thể ngăn chặn, đó là Hành, tức là họ chẳng thể giữ vĩnh viễn cảnh giới thù thắng như vậy. Do đó, đức Phật nói *“ba cõi đều khổ”.* Quý vị thấy Dục Giới có tám khổ, Sắc Giới có Hoại Khổ, Vô Sắc Giới có Hành Khổ; đức Phật thường nói là *“ba cõi đều khổ”.*

 Qua Tứ Đế, đức Phật đã nêu bày chân tướng sự thật ấy, mọi người hiểu rõ, suy nghĩ sẽ thấy đúng là khổ! Nỗi khổ ấy do đâu mà có? Khổ do Tập mà có. Tập là gì? Gom góp hết thảy các nhân thiện và bất thiện. Gom góp thiện nhân, sanh trong ba đường lành. Nói Tam Khổ và Bát Khổ đều là nói về tam thiện đạo. Nếu gom góp những cái nhân bất thiện, thì vì tự tư tự lợi, làm những chuyện hòng đạt được tiếng tăm, lợi dưỡng, tham, sân, si, mạn, làm những thứ ấy, đời sau quý vị sẽ vào trong ba ác đạo, biến thành súc sanh, biến thành ngạ quỷ, biến thành địa ngục, càng là khổ chẳng thể nói nổi! Giảng rõ ràng nhân và quả của lục đạo, chúng ta liền biết. Người thật sự thông minh, giác ngộ, sẽ nghĩ: “Ta chẳng muốn trụ trong lục đạo, có cách nào vượt thoát lục đạo hay không?” Đức Phật bảo người ấy: “Có”. Vượt thoát lục đạo thì dùng phương pháp gì? Quả là gì? Quả là Diệt, Diệt chính là Niết Bàn. Niết Bàn (Nirvāṇa) là tiếng Phạn, dịch sang tiếng Hán là Diệt, diệt gì? Diệt khổ, diệt phiền não tức là diệt khổ. Phiền não là nhân, Tam Khổ và Bát Khổ là quả; nhân đã diệt, quả đương nhiên chẳng còn. Phải dùng phương pháp gì để diệt những cái nhân ấy? Tu Đạo. Vì thế, Diệt là quả thuộc về pháp xuất thế. Đạo là cái nhân của pháp xuất thế. Quý vị thấy đó: [Tứ Đế là] nhân và quả của pháp thế gian và xuất thế gian. Đức Phật giảng những đạo lý và phương pháp này cho người sơ học. Đó là Tứ Đế.

 Thuở ấy, sau khi Thích Ca Mâu Ni Phật thành Phật, thuyết pháp cho mọi người, chủ yếu giảng pháp này, giảng bao nhiêu năm? Mười hai năm, dạy người ta phải đoạn Kiến Hoặc và Tư Hoặc. Hoặc (惑) là ngu si, do ngu si mới làm chuyện sai trái. Kiến (見) là sai lầm về mặt kiến giải, Tư (思) là sai lầm về tư tưởng. Nói cách khác, quý vị suốt ngày từ sáng đến tối, từ đầu năm đến cuối năm, những gì quý vị thấy đều là sai lầm, những gì quý vị nghĩ đều là sai lầm. Kiến giải và tư tưởng sai lầm nên tạo tội nghiệp, quả báo là trong tam đồ. Do vậy, đức Phật dạy chúng ta, Kiến Hoặc là cách nhìn của quý vị sai lầm. Đức Phật quy nạp vô lượng vô biên sai lầm [thành hai loại lớn] là kiến giải sai lầm và tư tưởng sai lầm, quy nạp [Kiến Hoặc] thành năm loại lớn cho dễ dạy. Sai lầm thứ nhất, chúng ta nói đến kiến giải, quý vị đã thấy sai. Sai lầm thứ nhất là quý vị lầm tưởng cái thân là chính mình. Điều này gọi là Thân Kiến, coi cái thân là chính mình, sai mất rồi! Thân chẳng phải là chính mình. Thân này chẳng phải là ta, ta chẳng phải là thân. Thân là gì? Trước chữ Thân, bèn thêm vào một thứ nữa, “thân của ta”, [hiểu như vậy] là đúng. Nó chẳng phải là ta. Giống như chúng ta mặc quần áo, quần áo của ta, đó là đúng, quần áo chẳng phải là ta. Quý vị thấy lục đạo chúng sanh mê muội sâu đậm, có ai chẳng coi thân là chính mình? Đều vì thân này mà tạo nghiệp, sau này chịu khổ báo vô cùng, sai mất rồi! Nếu quý vị biết thân chẳng phải là ta, quý vị thấy đó, đầu tiên là buông tự tư tự lợi xuống, buông tiếng tăm, lợi dưỡng xuống, buông tham, sân, si, mạn xuống, phiền não của quý vị bèn ít đi quá nửa! Con người đều vì cái thân này mà tạo vô lượng vô biên tội nghiệp, tạo giết, trộm, dâm, dối, chẳng phải đều là vì thân này ư? Thân chẳng phải là chính mình, quý vị thấy có oan uổng hay không? Đạo lý này rất sâu, chẳng phải là mấy câu đơn giản bèn có thể nói rõ ràng. Thích Ca Mâu Ni Phật giảng cho mọi người suốt mười hai năm, có thể thấy những thứ này sâu xa, phải nghiêm túc khéo học. Đó là kiến giải sai lầm đầu tiên.

 Thứ hai là Biên Kiến, Biên (邊) là nhị biên (hai bên). Các nhà khoa học hiện thời nói đến “tương đối”, tương đối là Biên Kiến. Tất cả hết thảy các pháp đều là đối lập. Đối lập với lớn là nhỏ, đối lập với dài là ngắn, đối lập với chánh là tà. Quý vị thấy đều là tương đối. Đối lập với ta là người khác, toàn là tương đối. Quan niệm ấy là sai lầm, vì sao? Chẳng biết khắp pháp giới hư không giới và chính mình là một Thể, nên tự nhiên nẩy sanh đối lập. Chúng ta nói đơn giản là “đối lập với người, đối lập với sự, đối lập với hết thảy vạn vật”. Đối lập chẳng phải là chuyện nhỏ, mà là chuyện to tát, tất cả hết thảy các hành vi sai lầm đều phát sanh từ chỗ này. Thế giới hiện thời có quá nhiều xung đột, xung đột do đâu mà có? Do mâu thuẫn mà có, do lợi hại mà có. Mâu thuẫn và lợi hại do đâu mà có? Do đối lập mà có. Quý vị đi tìm cội nguồn, sẽ thấy là đối lập. Nếu chẳng có đối lập, sẽ chẳng có mâu thuẫn, chẳng có lợi hại, nên chẳng có xung đột. Xung đột ở một mức độ cao hơn sẽ là đấu tranh, mức cao hơn nữa của đấu tranh là chiến tranh. Vì thế, đối lập là cội nguồn của hết thảy nhân họa (tai họa do con người gây ra), đức Phật dạy phải lìa khỏi nó. Đức Phật lại nói: Thành kiến là sai lầm. Thành kiến là gì? Tự cho mình là đúng, ta đúng, kẻ khác sai quấy, đó là thành kiến. Thành kiến được chia ra: Thành kiến đối với nhân và thành kiến đối với quả, chia thành hai loại. Thành kiến đối với nhân gọi là Giới Thủ Kiến, thành kiến đối với quả là Kiến Thủ Kiến; những điều này biến thành hành vi, tạo tác hết thảy thiện và bất thiện. Loại cuối cùng là Tà Kiến, tức là tất cả những cách nhìn sai lầm ở ngoài bốn loại trên đây đều gộp vào trong Tà Kiến.

 Nếu quý vị buông xuống, đoạn trừ năm thứ kiến giải sai lầm này, bèn chứng quả Tu Đà Hoàn trong Tiểu Thừa. Tiểu Thừa có bốn quả, quý vị đã đạt được quả thứ nhất. Quý vị đạt tới Tu Đà Hoàn, trí huệ và năng lực của quý vị được khôi phục đôi chút. Trong Phật pháp nói là chút ít, nhưng khi người thế gian chúng ta thấy [sự khôi phục ấy, bèn ca ngợi] quý vị rất phi phàm! Trong sáu thứ thần thông, quý vị đắc Thiên Nhãn và Thiên Nhĩ, thì cũng là nói: Người khác nhìn không thấy những gì quý vị có thể thấy. Quý vị có thể thấy quỷ thần, có thể thấy thiên thần. Đó là tiểu thông, năng lực hoàn toàn chẳng to, nhưng mạnh mẽ hơn người bình thường rất nhiều, tường vách chẳng thể chướng ngại. Những người ở phòng sát vách đang làm gì, quý vị bèn thấy thấu suốt, đều trông thấy. Chúng ta nhìn xuống mỗi tầng dưới trong tòa cao ốc này, họ đang làm gì, quý vị cũng thấy rất rõ ràng. Quý vị chỉ cần buông xuống năm thứ Kiến Hoặc, năng lực ấy bèn khôi phục.

 Tư Hoặc là cách nghĩ sai lầm, những thứ gì bị nghĩ lầm? Tham là suy nghĩ sai lầm, sân khuể cũng sai lầm, ngu si cũng sai lầm, ngạo mạn cũng sai lầm, hoài nghi cũng sai lầm. Vì sao? Trong tâm thanh tịnh không có những thứ ấy. Những thứ ấy là bệnh căn của hết thảy các điều bất thiện. Do vậy, trong Phật pháp, chúng còn được gọi là Tam Độc. Tham, sân, si là Tam Độc. Kể thêm Mạn và Nghi, bèn thành Ngũ Độc. Những thứ độc ấy là bệnh độc (virus), đúng là virus, con người ngã bệnh, vì sao ngã bệnh? Vì trong tâm quý vị có năm thứ bệnh độc ấy, bên ngoài còn phải có cái nhân gây ra bệnh. Đó là cảm ứng, quý vị bèn ngã bệnh. Nếu bên trong đã dứt trừ năm thứ bệnh độc ấy, hết thảy các thứ cảm nhiễm bên ngoài sẽ chẳng thể cảm nhiễm! Y học bảo là “quý vị có năng lực miễn dịch cao, nên chẳng bị lây bệnh”. Năm thứ ấy được gọi là Tư Phiền Não, tức là quý vị đã nghĩ sai rồi. Chớ nên có ý niệm tham, chớ nên có niệm sân khuể, chớ nên ngu si, chớ nên ngạo mạn, chớ nên hoài nghi, tâm của quý vị bèn khôi phục rất bình thường. Tâm bình thường là gì? Tâm thanh tịnh. Chúng ta thấy tựa đề kinh này có chữ Thanh Tịnh Bình Đẳng Giác, quý vị đã đạt được điều thứ nhất. Tâm thanh tịnh hiện tiền là quả báo Tiểu Thừa. Quý vị đã thành tựu Tiểu Thừa, còn bình đẳng là [điều chứng đắc] của Bồ Tát học Đại Thừa. Vì thế, quý vị thấy: Kiến Tư phiền não đã đoạn thì tham, sân, si, mạn, nghi chẳng còn nữa. Thân Kiến, Biên Kiến, Kiến Thủ Kiến, Giới Thủ Kiến, Tà Kiến chẳng còn, quý vị bèn vượt thoát lục đạo luân hồi, đắc thanh tịnh tâm. Thanh tịnh tâm là chân tâm.

 *“Xuất Phần Đoạn Sanh Tử”*: Phần Đoạn là lục đạo. Lục đạo là từng giai đoạn một. Lần này chúng ta được làm thân người, trụ trong thân người chừng ấy năm, từ sống đến chết là một giai đoạn, đó là Phần Đoạn Sanh Tử. Thật ra, nói lời thật với quý vị: Chẳng có sanh tử! Sanh tử là gì? Thân thể sanh tử. Vì sao bảo quý vị “chẳng có sanh tử?” Linh hồn của quý vị bất tử! Hiện thời, trong những năm gần đây, tức là trong ba mươi năm gần đây nhất, thôi miên hết sức phổ biến trong thế giới phương Tây. Các bác sĩ tâm lý đã tiến hành thôi miên, chứng minh linh hồn con người bất tử. Họ cũng chứng tỏ người sau khi chết sẽ đầu thai. Từ thôi miên, có thể liễu giải con người đã qua lại thế gian này rất nhiều đời, xác thực là có lúc trong đời quá khứ làm người, lần này lại đến nhân gian. Còn có trường hợp đời quá khứ làm súc sanh, đời này sanh vào nhân gian. Họ còn phát hiện đời trước sống trên một tinh cầu khác, đời này đến địa cầu. Chúng ta xem những báo cáo nghiên cứu của các nhà thôi miên, từ các báo cáo của họ, quý vị bèn khẳng định luân hồi là thật, chẳng giả. Do vậy, chứng minh con người chẳng chết.

 Kẻ bình phàm nói đến “linh hồn”, nhưng Phật giáo chẳng gọi nó *“linh hồn”*, mà gọi nó là “thần thức”. Vì nó có thể biến, những tướng được hiện là cái được biến (sở biến), nó chẳng chết. Gọi là “linh hồn”, nhưng thật ra nó chẳng linh, nó bị mê, phải gọi là *“mê hồn”* thì mới đúng, chẳng thể gọi nó là linh hồn, nó chẳng linh! Nếu nó linh, nó có thể chọn lựa nơi rất tốt đẹp để đi đầu thai. Vì sao đến đầu thai trong nhà người bần cùng, nghèo khổ? Nó chẳng linh! Vì sao đến đầu thai trong loài súc sanh, lại còn đến đầu thai trong loài ngạ quỷ hay trong địa ngục? Có thể thấy nó chẳng linh, mà đúng là mê hoặc, điên đảo. Đã giác ngộ, bèn gọi là “linh tánh”; khi nào người ấy giác ngộ? Khi người ấy thành Thanh Văn hay Bích Chi Phật bèn giác ngộ. Thanh Văn là A La Hán, người ấy chứng đắc A La Hán quả, vượt thoát lục đạo, vĩnh viễn chẳng còn trở vào lục đạo. Nếu người ấy vào trong lục đạo, người ấy rất sáng suốt, chẳng mê. Người ấy đến làm gì? Đến độ chúng sanh, chẳng phải là đến để chịu báo, vì cái nhân của lục đạo đã đoạn mất, cái nhân ấy là Kiến Tư phiền não; người ấy đã đoạn hết Kiến Tư phiền não, nên chẳng có cái nhân của lục đạo. [Hàng Bồ Tát] vào trong lục đạo để độ chúng sanh. Do lẽ đó, *“xuất Phần Đoạn Sanh Tử”* là [thoát khỏi] sự sanh tử trong lục đạo.

 *“Nhi nhập ư Niết Bàn giả”* (mà nhập Niết Bàn), Niết Bàn là dịch âm một danh từ trong tiếng Phạn của Ấn Độ, có nghĩa là *“bất sanh, bất diệt”.* Sanh tử trong lục đạo chẳng còn nữa, bất sanh, bất diệt. Người ấy đã chứng đắc bất sanh, bất diệt, nhưng chẳng rốt ráo, chưa viên mãn, [đó là] Tiểu Thừa Niết Bàn. Đức Phật chứng đắc Đại Bát Niết Bàn (Mahāparinirvāṇa), đấy mới là rốt ráo. Niết Bàn là lìa khổ, được vui thật sự. Tịnh Ảnh Sớ chép: *“Như Lai sở thuyết ngôn giáo danh Thanh. Xan thanh ngộ giải, cố viết Thanh Văn”* (ngôn giáo do đức Như Lai đã nói được gọi là Thanh. Do nếm pháp vị của Thanh mà ngộ giải, nên gọi là Thanh Văn). Đây là trích dẫn cách giảng trong Tịnh Ảnh Sớ, ý nghĩa đại khái giống nhau, đều là nghe đức Phật giảng kinh, thuyết pháp, bèn khai ngộ. *“Xan thanh ngộ giải”*: Xan (餐) là ăn cơm, tức là nói đến pháp vị. [Xan Thanh] là nếm trải pháp vị. Đây là tỷ dụ, nghe Thanh, tức là nghe thanh giáo (giáo huấn bằng âm thanh) và ngôn luận của Thích Ca Mâu Ni Phật bèn khai ngộ. Khai ngộ là buông Kiến Tư phiền não xuống. Nếu khai ngộ mà chẳng buông xuống, vô dụng, đó là giải ngộ, không thoát khỏi lục đạo luân hồi. Khi khai ngộ, thật sự buông Kiến Tư phiền não xuống, chẳng thấy lục đạo nữa. Lục đạo là giả, chẳng thật, giống như giấc mộng, đã tỉnh giấc bèn gọi là Thanh Văn.

 Bích Chi Phật là gì? Bích Chi (Pratyeka) là tiếng Phạn, dịch sang tiếng Hán, có nghĩa là Nhân Duyên. Nhân duyên ấy gồm mười hai mối nhân duyên, *“Phật”* dịch là Giác. *“Cố cựu dịch Bích Chi Phật vi Duyên Giác”* (nên dịch theo lối cổ thì là Duyên Giác). Ngài giác ngộ nhờ nhân duyên, chứ không nhất định cậy vào Thích Ca Mâu Ni Phật giảng kinh, thuyết pháp. Nói thông thường, ngộ tánh của Ngài rất cao, chúng ta thường nói là những “đứa bé thiên tài”. Chẳng nhất định gặp nhân duyên nào, Ngài khai ngộ, hiểu minh bạch ngay lập tức, hoặc là Ngài thấy, nghe, tiếp xúc [các nhân duyên bèn khai ngộ]. Những vị ấy suốt một đời này, tuy chẳng nghe đức Phật giảng kinh, thuyết pháp, nhưng khẳng định là trong đời quá khứ đã từng nghe, có thiện căn, nên gặp duyên bèn có thể khai ngộ. Nếu vị ấy không có thiện căn, duyên dẫu nhiều đến mấy, vẫn chẳng thể khai ngộ! *“Tân dịch vi Độc Giác”* (dịch theo lối mới là Độc Giác), Độc Giác càng thông minh hơn nữa. Theo sách Đại Thừa Nghĩa Chương đã giảng, Duyên Giác có hai cách giải thích. Loại thứ nhất là *“quán Thập Nhị Nhân Duyên, đoạn Hoặc, chứng Chân, tùng duyên đắc giác, cố danh Duyên Giác”* (quán mười hai nhân duyên, đoạn Hoặc, chứng Chân, do duyên mà giác ngộ, nên gọi là Duyên Giác). Mười hai nhân duyên, đầu tiên là Vô Minh (Avidyā). Vô Minh duyên Hành, Hành duyên Thức. Vô Minh ở đây chẳng phải là Căn Bản Vô Minh, mà là Chi Mạt Vô Minh, cũng có nghĩa là những vô minh đã được nói trong lục đạo đều rất thô, hoàn toàn chẳng giống Căn Bản Vô Minh, phá được Căn Bản Vô Minh bèn thành Phật. Trong lục đạo, loại vô minh này (Chi Mạt Vô Minh) biến hiện lục đạo. Khi phá được loại vô minh này, lục đạo chẳng còn nữa. Do vô minh, quý vị mới tạo nghiệp. *“Hành”* (Saṅkhāra) là tạo nghiệp trong đời quá khứ. Mười hai nhân duyên nói về nhân quả ba đời, Vô Minh và Hành là nhân quả đời quá khứ. Có nhân trong đời quá khứ, nên quý vị mới đến đầu thai. *“Thức”* (Vijñāna) là thần thức, chúng ta thường gọi nó là “linh hồn”. Linh hồn đến đầu thai, tìm cha mẹ, cha mẹ và kẻ ấy có duyên. Trong phần trước đã nói, có ân, có oán, có nợ nần, có những mối quan hệ ấy, nên kẻ đó bèn đến. Chẳng có những mối quan hệ ấy, kẻ đó sẽ chẳng tìm quý vị. Vì thế, con cái là duyên. Tôi nhớ năm 1977, lần đầu tiên tôi đến Hương Cảng giảng kinh tại giảng đường của lão hòa thượng Thọ Dã tại đường Lam Đường (Blue Pool Road) ở Hương Cảng, tức là Quang Minh Giảng Đường. Lão hòa thượng Thọ Dã học Hoa Nghiêm, tôi giảng tại chỗ Ngài hai tháng, giảng Lăng Nghiêm. Trong giảng đường, có một cặp câu đối do chính lão pháp sư viết. Vế trên là *“phu thê thị duyên, hữu thiện duyên, hữu ác duyên, oan oan tương báo”* (vợ chồng là duyên, có thiện duyên, có ác duyên, oan oan tương báo), nói về [mối quan hệ] vợ chồng. Vế dưới là *“nhi nữ thị trái, hữu thảo trái, hữu hoàn trái, vô trái bất lai”* (con cái là nợ, có đòi nợ, có trả nợ, không nợ chẳng đến). Câu đối ấy rất đáng cảnh tỉnh. Tôi ở nơi ấy hai tháng, mỗi ngày đều thấy, nên có thể nhớ kỹ đôi câu đối ấy. Lúc đó, lão pháp sư đã di đân sang Mỹ; khoảng mấy năm sau, tôi cũng di dân đến Mỹ, gặp Ngài tại Nữu Ước, lão pháp sư và tôi rất có duyên phận. Do vậy, trong thế gian này, phải thấy thấu suốt sự việc, phải tham thấu thì quý vị mới có thể thật sự hạ quyết tâm chẳng muốn luân hồi nữa, chẳng làm chuyện ngốc nghếch ấy!

 Quý vị thấy Thức, Thức (Vijñāna) là thần thức, [gọi thông tục là] linh hồn đi đầu thai. Đầu thai trong thai mẹ bèn gọi là Danh Sắc, có hình dạng một người chưa phát triển đầy đủ, thường nói là [thai mới tượng hình] hai ba tuần, tức là cấn thai hai ba tuần, chưa có hình dạng con người, nên gọi là Danh Sắc (Nāmarūpa). Danh là gì? Danh là tinh thần, nó có Thọ, Tưởng, Hành, Thức. Sắc là nó có nhục thể, nhưng chưa có hình dạng con người hoàn bị. Dần dà, khoảng chừng năm sáu tháng, bèn có hình dạng con người, có đầu, có mắt, quý vị có thể nhìn thấy; khi ấy, chẳng gọi là Danh Sắc nữa, mà gọi là Lục Nhập (Ṣaḍāyatana). Nó giống như con người, nhưng vẫn ở trong tử cung của mẹ, chúng ta thường nói là *“trụ thai”.* Mười tháng, thời gian trụ thai đã mãn, bèn ra khỏi thai, được sanh ra. Sanh ra là gì? Sanh ra chẳng gọi là *“xuất sanh”,* mà gọi là Xúc (Sparśa), vì thân thể của nó tiếp xúc với ngoại giới, có cảm nhận, [đó là] Thọ (Vedanā), nó có Ái (Tṛṣṇā), có Thủ (Upādāna), có Hữu (Bhava). Nói cách khác, những tập khí phiền não của nó khởi lên hiện hành. Ái, Thủ, Hữu là suốt cả một đời, từ lúc quý vị lọt lòng cho đến khi già chết, suốt một đời [luôn là Ái, Thủ, Hữu]. Sáu căn của quý vị tiếp xúc cảnh giới bên ngoài, điều gì hợp với ý mình, quý vị bèn tham ái. Từ tham ái, quý vị mong đạt được; đạt được là Thủ. Ta muốn khống chế nó, muốn chiếm hữu nó, đó là hành vi. Có hành vi ấy thì là Hữu. Hữu là gì? Có nghiệp, trong A Lại Da Thức bèn kết nghiệp. Nghiệp có thiện nghiệp và ác nghiệp, nghiệp lực dẫn dắt quý vị thọ báo trong đời sau. Vì thế, đời sau lại có sanh, lại có lão tử, vĩnh viễn tuần hoàn.

 Mười hai điều này trong luân hồi, được gọi là Thập Nhị Luân (Dvādaśanidāna), đó là nhân duyên. Chỉ cần phá vỡ được một thứ trong mười hai món, toàn thể sẽ bị phá, đoạn hết; nhưng phải phá nơi nhân, chứ không thể phá nơi quả. Đối với nhân, quý vị biết là hai điều trước, tức là Vô Minh và Hành thuộc về đời quá khứ, chúng ta chẳng có cách nào trở lại đời quá khứ để giải quyết vấn đề. Sanh, lão, tử là vị lai, nói đến ba đời, cũng chẳng có cách nào! Vị lai vẫn chưa xảy tới, chúng ta cũng chẳng thể giải quyết vấn đề trong vị lai, phải [giải quyết] ngay trong hiện tại. Giải quyết vấn đề ngay trong hiện tại thì nơi nhân chỉ có ba chữ. Do Xúc là quả báo, chẳng thể giải quyết nơi quả. Người giải quyết nơi quả là gì? Tự sát là giải quyết nơi quả; tự sát chẳng thể giải quyết vấn đề. Giải quyết nơi nhân bèn có ba thứ là Ái, Thủ, Hữu. Có thể đoạn được một trong ba điều ấy, bèn chứng quả Bích Chi Phật, chư vị phải biết điều này. Ái là mê hoặc, quý vị chẳng liễu giải chân tướng sự thật. Thủ là quý vị tạo tác, nói theo hiện thời là quý vị muốn khống chế, muốn chiếm hữu, quý vị đã tạo nghiệp! Khống chế tạo nghiệp nhẹ, chiếm hữu tạo nghiệp nặng. Trong tạo nghiệp, lại có thiện, ác, có thiện nghiệp, có ác nghiệp, những điều này đều gọi là Hữu. Trong đời này, quý vị lại tạo nhân, đời sau phải chịu quả báo. Do đó, đời sau lại có sanh, lại có lão tử. Người thông minh tâm địa thanh tịnh, bình đẳng, đổ công dốc sức đoạn trừ Ái. Trong một chữ Ái, bao gồm Tam Độc, tham, sân, si, vì sao? Ưa thích bèn yêu mến, chẳng ưa thích bèn hận, hận là sân. Cội rễ của tham dục và sân khuể là ngu si. Do đó, một chữ Ái bao gồm tham, sân, si. Thủ là hành động, Ái là ý niệm, còn chưa có hành động, bao gồm oán hận, sân khuể, nhưng chưa phát tác. Trong tâm có ý niệm ấy, nhưng chưa phát tác. Thủ là đã phát tác; hễ phát tác, nghiệp bèn thành tựu. Cổ nhân nói: *“Muôn thứ chẳng mang được, chỉ có nghiệp theo thân”*, *“có”* là nghiệp, quý vị có nghiệp. Quý vị đã tạo nghiệp, đời sau có quả báo, đời sau lại có sanh, đã sanh bèn có lão tử. Đó là mười hai chữ!

 Đức Phật giảng mười hai nhân duyên, những người ấy thông minh hơn Thanh Văn, Thanh Văn phải giảng Tứ Đế thì mới có thể khai ngộ. Đức Phật giảng những điều này đơn giản hơn Tứ Đế, vừa nói, người ấy bèn hiểu rõ. Nếu đoạn từ Ái, sẽ là người thông minh nhất, thật sự dốc sức từ Kiến Tư phiền não, sẽ đoạn sạch làu làu. Tập khí phiền não, nghiệp chướng sâu nặng, đoạn từ Thủ. Tuy có ý niệm, nhưng chẳng tạo các nghiệp ấy; biết tạo nghiệp thì về sau phải chịu báo, nên chẳng Thủ, chẳng có hành động. Có ý niệm, nhưng không có hành động thì cũng được, cũng có thể vượt thoát. Loại thứ ba rất cao, quý vị thấy nhé, người ấy có Ái, có Thủ, nhưng sau đó là gì? Người ấy chẳng có Hữu, lợi hại lắm! Đó là gì? Tâm địa người ấy thanh tịnh, chẳng lưu lại dấu vết, kẻ bình phàm chẳng thể làm được chuyện này; do đó, đây là một người tu hành chân chánh. Người tu hành chân chánh vì sao còn có Ái và Thủ? Ái và Thủ là phương tiện thiện xảo. Đại đa số chẳng có Hữu, đó là gì? Là Bồ Tát đến thế gian này, nên dùng thân Thanh Văn để đắc độ, liền hiện thân Thanh Văn để độ thoát. Nên dùng thân Duyên Giác để độ người khác, liền hiện thân Duyên Giác để độ. Đó là bậc Bồ Tát tái lai, kẻ bình phàm chẳng thể nào làm được! Trong tiểu thuyết, chư vị thấy Tế Công có Ái, có Thủ, nhưng chẳng có Hữu. Lợi hại lắm, chẳng phải là chuyện kẻ bình phàm hòng làm được. Ngài cười hì hì, hà hà với mọi người, cũng ăn, uống, vui chơi, nhưng người khác tạo tội nghiệp, Ngài chẳng tạo tội nghiệp, lợi hại lắm! Vì sao? Tâm địa Ngài thanh tịnh, chẳng nhiễm mảy trần. Ngài cùng mọi người chơi đùa, nhưng Ngài chẳng động niệm. Trong ý Ngài, chẳng có phân biệt, chấp trước, người như vậy thì mới được!

 Tế Công là nhân vật có thật, thật sự có chuyện ấy, chẳng giả. Ngài sống vào thời Tống, sanh nhằm đời Nam Tống, cùng thời với Nhạc Phi, họ đều là người thời ấy. Bố Đại hòa thượng cũng là người thời ấy. Nhưng vào thời đầu Dân Quốc, lại xuất hiện một vị dường như chẳng khác gì Tế Công, được gọi là Kim Sơn Hoạt Phật (Phật sống chùa Kim Sơn). Vị này có thật, chẳng giả. Ngài cũng là người xuất gia, lôi thôi, lếch thếch, ở lẫn lộn với người tại gia, cũng là có ăn, có uống, có cười cợt, có nói năng ồn ào, nhưng chẳng nhiễm mảy trần. Thuở trẻ, tôi giảng kinh tại Đài Bắc. Lão pháp sư Lạc Quan là người thuộc thế hệ trưởng bối của chúng tôi, nay Ngài đã mất, bảo tôi Sư đã từng gặp gỡ Kim Sơn Hoạt Phật. Kim Sơn Hoạt Phật có pháp danh là Diệu Thiện. Pháp sư Diệu Thiện ở cùng một chỗ với Sư suốt bốn tháng, nên Sư biết Ngài rất rõ. Sư nói [pháp sư Diệu Thiện] quả thật giống như Tế Công, lôi thôi, ăn vận kỳ quặc, thật sự đi một đôi hài cỏ đã rách, khoác một cái áo dài, bên trong mặc một cái quần ngắn, quanh năm suốt tháng mặc bộ quần áo ấy, tới tiết Đông cũng chẳng lạnh, trời Hè cũng chẳng nóng, rất lợi hại! Suốt đời Ngài chẳng tắm rửa, nhưng trên người có hương thơm hoa sen. Cả đời không tắm rửa, cũng chẳng giặt quần áo, nên cổ áo đóng đầy những thứ đen xì, dơ bẩn, nhưng quý vị ngửi thì vẫn có mùi thơm. Lại còn khi ngửi, có rất nhiều người bị bệnh vừa ngửi liền lành bệnh, [ngửi mùi] có thể trị bệnh!

 Đúng là Ngài có thần thông. Lão hòa thượng Lạc Quan bảo tôi: *“Nếu ngài Diệu Thiện chẳng phải là A La Hán thì tối thiểu cũng là A Na Hàm”.* Vì Lậu Tận Thông [phàm nhân sẽ] chẳng nhìn ra. Ngài có thể phân thân, cùng một lúc thấy Ngài đến chỗ này, mà ở chỗ khác, Ngài cũng tụ hội với những người ở đó, Ngài có thể phân thân! Về sau, người ta thấy: “Ngày nọ, thầy ở chỗ tôi”. “Đâu có! Thầy ở chỗ tôi mà!”, cho nên biết Ngài có thể phân thân. Quý vị hỏi Ngài có phân thân hay không? Ngài cười khúc khích, chẳng trả lời. Vì thế, những sự tích thần kỳ về Ngài rất nhiều. Pháp sư Lạc Quan đã viết một quyển sách về Ngài, có tựa đề là Kim Sơn Hoạt Phật Thần Dị Lục. Tại Đài Loan, còn có một vị pháp sư là pháp sư Chử Vân cũng viết một quyển sách ghi các chuyện kỳ lạ của Ngài, nhưng pháp sư Chử Vân chưa hề gặp Ngài! Sư đến khắp nơi hỏi dò, thỉnh giáo những vị lão hòa thượng biết những chuyện ấy, kể lại chuyện xưa, Sư ghi chép lại thành cuốn Kim Sơn Hoạt Phật Truyền Kỳ. Như vậy thì quán mười hai nhân duyên, đoạn Hoặc, chứng Chân, từ duyên mà khai ngộ, nên gọi là Duyên Giác.

 Loại thứ hai, *“nhân kiến phong động thụ đẳng đẳng ngoại giới sự tướng chi duyên, nhi đắc giác ngộ, viết Duyên Giác”* (do thấy những sự tướng bên ngoài như gió lay động cây v.v… làm duyên mà giác ngộ, nên gọi là Duyên Giác). Đó là gì? Ra đời nhằm lúc chẳng có Phật pháp tồn tại trong thế gian. Do vị ấy thiện căn sâu dầy, chẳng nhất định do nhân duyên nào, thấy gió thổi lá rụng, mưa rơi trên tàu chuối, bèn khai ngộ. Chẳng nhất định là lúc nào, chẳng nhất định là nơi chốn nào, duyên của vị ấy đã đến. Vì thế, chúng tôi tin tưởng, vị ấy gặp những sự biến hóa trong đại tự nhiên giới đều là do Phật, Bồ Tát gia trì, duyên của vị ấy đã chín muồi. Phật, Bồ Tát biết nên dùng phương pháp gì để giúp vị ấy giác ngộ. Vì vậy, Phật, Bồ Tát không nhất định hiện thân người, mà có thể hiện thân mưa, gió, có thể hiện ra những hiện tượng tự nhiên, khiến cho vị ấy vừa nhìn bèn hoát nhiên khai ngộ. Đó là Duyên Giác.

 Tiếp đó, [sách Chú Giải] nói: *“Thiên Thai nhất gia cánh khu phân thử nhị danh viết”* (tông Thiên Thai lại còn phân biệt địa vị ấy thành hai danh xưng). Đây là do Thiên Thai đại sư nói. Thông thường, trong Phật pháp, quá nửa là sử dụng [các giáo thuyết] của tông Thiên Thai. Tông Thiên Thai nói [Bích Chi Phật] là Duyên Giác và Độc Giác. *“Xuất hữu Phật thế, quán thập nhị nhân duyên nhi đắc ngộ giả, vị Duyên Giác”* (người xuất sanh nhằm lúc cõi đời có Phật, quán mười hai nhân duyên, đắc ngộ, thì là Duyên Giác). Nghe đức Phật giảng mười hai nhân duyên, khai ngộ. [Tông Thiên Thai] chẳng nói là *“nghe”*, mà nói là Quán. Quán là gì? Sử dụng trí huệ, còn Nghe là dùng Nhĩ Thức. Kẻ bình phàm dùng Nghe, những gì quý vị nghe được là tri thức. Dùng Quán thì những gì quý vị ngộ là trí huệ, khác hẳn. Vì thế, Quán có tác dụng mạnh mẽ hơn Nghe. Nghe là dùng Nhĩ Thức, Quán là dùng tánh Nghe, giống như Quán Thế Âm Bồ Tát *“phản văn, văn tự tánh, tánh thành vô thượng đạo”* (xoay trở lại nghe nơi tự tánh, tánh trở thành đạo vô thượng). Ngài chẳng sử dụng Nhĩ Thức, mà dùng tánh Nghe. Tánh Nghe nghe Thanh Tánh bèn khai ngộ, có ý nghĩa khác hẳn! Nay chúng tôi nói là tri thức và trí huệ thì mọi người sẽ dễ hiểu. Dùng Nhĩ Thức thì những gì quý vị nghe được là tri thức (kiến thức); nếu dùng tánh Nghe, quý vị nghe được trí huệ, hoàn toàn là chuyện khác nhau! Ở đây, dùng tánh Nghe để nghe mười hai nhân duyên, vị ấy khai ngộ, được gọi là Duyên Giác, [xuất thế] nhằm lúc cõi đời có Phật. *“Xuất vô Phật thế”* (ra đời nhằm lúc chẳng có Phật), lúc vị ấy xuất sanh, trong thế gian này chẳng có Phật pháp, chẳng có Tam Bảo. Trong hoàn cảnh ấy, vị ấy *“quán phong xuy thụ động, diệp lạc, hoa phi chi ngoại duyên”* (quán duyên bên ngoài như gió thổi cây rung động, lá rụng, hoa bay), trông thấy những hiện tượng tự nhiên ấy, vị ấy khai ngộ. Hoặc thấy tia chớp, hoặc nghe tiếng sấm cũng khai ngộ, loại người ấy được gọi là Độc Giác. Vì thế, có thể biết Độc Giác là người vô cùng thông minh, thiện căn sâu dầy. Chúng ta cũng có thể hiểu và tin tưởng người ấy trong đời quá khứ đều là đời đời kiếp kiếp tu hành trong Phật môn, do thiện căn sâu dầy, nên gặp những duyên ấy mới có thể xúc động.

 Chúng ta lại xem phần kinh văn tiếp theo: *“Thượng chi Thanh Văn, Bích Chi Phật, Nhị Thừa, quân vi Phật đệ tử trung chi hạ căn”* (Hàng Nhị Thừa Thanh Văn và Bích Chi Phật trên đây đều là kẻ hạ căn trong các đệ tử của đức Phật), thượng căn là Bồ Tát, hạ căn là Thanh Văn và Duyên Giác. *“Kim chư đại sĩ”*, [nghĩa là] nay kinh này toàn nói đến các vị đại sĩ, những vị Bồ Tát ấy *“viễn siêu ư thử”*, [nghĩa là] vượt trỗi bọn họ (hàng Nhị Thừa) quá nhiều. *“Như Chân Giải viết: Nhị Thừa tuy đắc tam Không môn”* (Như sách Chân Giải nói: “Nhị Thừa tuy đắc ba Không môn”), trong phần sau sẽ nói về ba Không môn là Không, Vô Tướng, Vô Nguyện, họ cũng đạt được [ba môn ấy]. Tuy đạt được, *“duy trầm Thiên Không”* (chỉ chìm đắm nơi Thiên Không), đọa trong Thiên Chân Niết Bàn, đã lệch về Không. Do đó, chẳng thể thọ dụng, chẳng thể đắc đại tự tại, chỉ có thể chứng tiểu quả. Trong ba học vị, họ chỉ đạt được học vị thứ nhất. A La Hán và Bích Chi Phật là học vị thứ nhất, đều gọi là Tiểu Thừa. Bồ Tát là học vị thứ hai, Phật Đà là học vị thứ ba, là học vị cao nhất. Thanh Văn và Duyên Giác giống như học vị Học Sĩ (Cử Nhân) trong nhà trường hiện thời; Bồ Tát là Thạc Sĩ (Cao Học), Phật Đà là Tiến Sĩ. Tỷ dụ như vậy thì mọi người rất dễ hiểu!

 *“Bồ Tát bất nhiên, năng đạt huyễn võng”* (Bồ Tát chẳng vậy, có thể thấu đạt lưới huyễn). Bồ Tát chẳng giống họ, cao minh hơn họ rất nhiều. Bồ Tát thông đạt y báo và chánh báo trang nghiêm trong mười pháp giới đều chẳng thật. *“Huyễn võng”* (幻網) là tỷ dụ, huyễn là giả, mộng, huyễn, bọt, bóng, chẳng thật. Nhưng người Tiểu Thừa coi chúng là thật, thật sự tách rời chúng, chẳng dám tiến lên nữa, tiến lên thì sợ đọa lạc. Do vậy, họ trụ trong Chân Không, ngỡ Không là thật. Bồ Tát thông đạt “tướng là giả tướng, tướng chẳng có chướng ngại”. *“Đắc bình đẳng pháp, cố tuy trụ tam Không môn, nhi bất trụ vô vi, bất trụ hữu vi”* (đắc pháp bình đẳng, nên tuy trụ trong ba Không môn, mà chẳng trụ vô vi, chẳng trụ hữu vi), điều này cho thấy các Ngài cao minh hơn Nhị Thừa quá nhiều. Nhị Thừa thì như thế nào? Đã vượt trỗi pháp hữu vi, nhưng trụ trong pháp vô vi. Nhị Thừa trụ Không, vô vi là Không, hữu vi là Có. Có là Huyễn Hữu, Không là Chân Không. Chân Không và Huyễn Hữu là một, chẳng hai. Người Nhị Thừa chẳng biết điều này, chẳng đạt tới cảnh giới này. Bởi lẽ đó, như ngài Tế Công tuy hiện thân La Hán, nhưng trên thực tế, Ngài vượt xa hàng A La Hán, vì sao? Không lẫn Có đều chẳng trụ, đắc đại tự tại. A La Hán trụ Không, chẳng trụ Có, chẳng đến nhân gian. Những vị đến nhân gian đều do duyên phận đặc thù, đến giúp đỡ người khác.

 Như trong Từ Bi Tam Muội Thủy Sám có nói quốc sư Ngộ Đạt có duyên phận đặc biệt với một vị A La Hán là tôn giả Ca Nặc Ca. Vị A La Hán ấy biết trong tương lai Sư sẽ gặp chuyện không may, sẽ gặp tai nạn lớn, Ngài sẽ giúp Sư hóa giải tai nạn ấy. Vì thế, Ngài biến hóa thành một gã ăn mày, lại còn là một gã ăn mày bệnh tật rất nặng, thân thể tươm mủ, hôi thối khôn sánh, người bình phàm đều chẳng muốn đến gần! Vị A La Hán ấy cố ý khiến cho quốc sư Ngộ Đạt trông thấy. Lúc đó, ngài Ngộ Đạt còn chưa là quốc sư, còn chưa nổi tiếng. Quốc sư Ngộ Đạt là cao tăng mười đời. Sư xuất gia tu hành lần này là đời thứ mười, mỗi lần mất đi lại trở vào nhân gian, lại xuất gia, mười đời đều là xuất gia cao tăng, làm thầy của đế vương. Vì thế, người xuất gia lỗi lạc hơn mọi người đều chẳng phải do một đời tu thành, mà là mười đời! Khi Sư chưa nổi danh, gặp người ăn mày ấy, thấy người ấy rất đáng thương. Sư thật sự giúp đỡ, dùng đầu lưỡi liếm vết thương ứa mủ, hút chất độc ra, người bình thường chẳng thể làm được! Vị A La Hán ấy khảo nghiệm Sư, thấy Sư từ bi chân thật, chẳng giả, từ bi đến mức độ nào? Khá lắm! Ngài thấy rất vừa lòng, bèn bảo quốc sư Ngộ Đạt: “Trong tương lai, nếu thầy gặp tai nạn to lớn, hãy đến tìm tôi”. Ngài nói: “Tôi ở Tứ Xuyên”, cho Sư biết địa phương đó. “Thầy lên trên núi, thấy trên núi có hai cây tùng mọc cùng một chỗ, đến chỗ cây ấy gọi tên tôi, tôi sẽ xuất hiện”.

 Chẳng biết trải qua bao nhiêu năm, Hoàng Thượng thật sự bái Sư làm thầy, phong làm Quốc Sư. Có một ngày, Hoàng Thượng tặng Sư một bảo tọa bằng trầm hương. Quý vị thấy đồng tu tặng tôi chuỗi hạt bằng trầm hương này, nghe nói mấy hạt này rất quý, tôi chẳng biết, trước nay tôi chưa hề dùng thứ trân quý này. Người ở Đài Loan tặng cho tôi, phải đến mười mấy vạn đồng Đài Loan mới có được một chuỗi hạt như vậy! Trầm Hương làm thành ghế Thái Sư [[12]](#footnote-13)[3], rất nổi tiếng quý báu. Bảo tọa trầm hương ấy, hai người chẳng khiêng được! Hoàng Thượng tặng Sư bảo tọa ấy. Sư ngồi trên đó cảm thấy rất đắc ý, cảm thấy dường như chính mình tuyệt diệu lắm, người xuất gia nào trong thiên hạ cũng chẳng thể sánh bằng ta! Tâm niệm ngạo mạn vừa sanh khởi, thần hộ pháp lìa bỏ. Thần hộ pháp vừa rời khỏi, oán thân trái chủ tìm đến bên thân. Oán thân trái chủ rất lợi hại, [đời trước], Sư và kẻ ấy cùng làm quan đời Hán, là đồng sự của nhau. Quốc sư Ngộ Đạt thuở ấy hại chết, hãm hại kẻ ấy, khiến cho Hoàng Thượng xử tử kẻ ấy. Kẻ ấy niệm niệm chẳng bỏ lòng oán hận, muốn báo cừu; nhưng Sư đã xuất gia, tu hành rất nghiêm túc, có thần hộ pháp bảo vệ, quỷ hồn chẳng thể kề cận. Lần này, làm quốc sư, thần hộ pháp càng nhiều hơn. Vì nhận lãnh bảo tọa trầm hương ấy, dấy lên một niệm tâm ngạo mạn, thần hộ pháp bỏ đi, oan gia bèn tới dựa vào thân Sư, khiến cho trên đầu gối Sư mọc lên một mụn ghẻ hình mặt người, gần như sắp mất mạng. Vị này là thầy của Hoàng Thượng, những thầy thuốc giỏi nhất nước và ngự y đều trị liệu, nhưng chẳng có cách nào [chữa lành]. Sư đột nhiên nhớ tới thuở trước từng gặp một gã ăn mày. Nghĩ tới người ấy, Sư nói: “Nay ta gặp phải đại nạn này, hãy đi tìm thử xem!” Tới nơi đã được chỉ ở Tứ Xuyên, quả nhiên thấy hai cây tùng. Sư bèn gọi to ở đó. Vừa gọi, bèn thấy sau cây có chùa miếu, A La Hán Ca Nặc Ca tôn giả bèn xuất hiện. Vừa thấy Ngài xuất hiện, xa lìa đã lâu nay mới gặp gỡ: “Ta bảo ông tới, quả nhiên ông thật sự tới”. Ngài bèn giảng cho Sư biết nhân duyên nhiễm bệnh: “Mười đời trước, các ông là đồng sự [[13]](#footnote-14)[4], các ông là bạn bè. Do ông ghen ghét, chướng ngại bèn hại ông ta. Người ta niệm niệm chẳng quên”. Do vậy, dùng nước Từ Bi Tam Muội rửa ghẻ mặt người để hóa giải, điều đình, hóa giải. Đối phương đã nhận lời, mối oán kết ấy được hóa giải, ghẻ mặt người bèn khỏi hẳn! Quý vị ngẫm xem, cao tăng mười đời, lỡ hại chết một người, mà kẻ đó chẳng bỏ mối oán cừu ấy, đợi cơ hội để báo thù, đáng sợ quá!

 Pháp sám hối Từ Bi Thủy Sám vẫn còn lưu truyền. Hiện thời, trong Phật môn, lạy Thủy Sám rất nhiều. Lạy Thủy Sám thì nhất định phải nói rõ ràng, minh bạch chuyện này. Con người phải dùng cái tâm từ bi thật sự để đối đãi người khác, tiếp độ vật, chớ nên hại người. Sát sanh hại mạng, quý vị hại người ta, người ta hận quý vị. Quý vị hại súc sanh, quý vị giết nó, ăn nó, nó có cam tâm tình nguyện hay chăng? Do vậy, nghĩ đến chỗ này, [sẽ cảm thấy] hết sức đáng sợ; quý vị còn dám ăn thịt chúng sanh hay không? Trong kinh, đức Phật có nói: “Quý vị ăn kẻ khác tám lạng, đời sau phải trả kẻ ấy nửa cân [[14]](#footnote-15)[5]”. Nợ mạng phải trả bằng mạng, thiếu nợ phải đền tiền. Nhân quả ba đời chẳng trốn được! Chúng ta hiểu rõ đạo lý này, liễu giải chân tướng sự thật, trong cuộc đời này, đãi người tiếp vật, tâm bèn bình lặng. Nếu chúng ta bị thua thiệt, người ta dùng thủ đoạn chẳng chánh đáng để tước đoạt tài vật của chúng ta, chúng ta cười, chắc là đời trước ta thiếu nợ hắn, hãy trả lại cho hắn, chẳng có tâm oán hận! Nếu ta chẳng nợ hắn, hắn đoạt đi cũng chẳng sao! Đời sau hắn còn phải trả kèm thêm tiền lời cho ta. Tâm bình khí hòa để xử lý chuyện này, đó là chánh xác. Hắn cướp đoạt những thứ của ta, đó là trộm lấy, là “đạo tâm” (盜心: cái tâm trộm cắp). Nếu ta dùng thủ đoạn để lấy lại thì cũng là “đạo tâm”, cũng phạm vào sai lầm. Kẻ ấy phạm lỗi lầm, ta chẳng phạm lỗi lầm, chẳng cần phải so đo, hãy thành tựu đức hạnh của chính mình. Không chỉ chẳng oán hận, mà còn phải cảm tạ. Giống như khảo thí, công phu của ta rốt cuộc như thế nào? Bố thí, trì giới, nhẫn nhục, trải qua sự việc để luyện tâm, trải qua những chuyện ấy để khảo nghiệm chính mình có thành tựu hay không. Vì thế, luôn dùng cái tâm cảm ơn để xử lý.

 Phàm là kẻ hủy báng, ganh ghét, lăng nhục, tổn thương ta, ta đều cảm ơn. Vì sao? Toàn là đến khảo nghiệm ta để xem rốt cuộc ta là học Phật thật sự hay giả vờ học. Nếu đối với những nghịch cảnh và các kẻ ác ấy mà còn có tâm oán hận, chứng tỏ chúng ta đã học Phật uổng công rồi! Đức Phật dạy như thế nào, đều quên sạch cả rồi! Quý vị thấy Thích Ca Mâu Ni Phật trong lúc tu nhân, tu Nhẫn Nhục Ba La Mật, gặp phải vua Ca Lợi, bị lăng trì xử tử, Bồ Tát chẳng có chút tâm oán hận nào, Nhẫn Nhục Ba La Mật bèn viên mãn. Nếu không gặp tình cảnh ấy, Ngài vẫn chưa tu viên mãn Nhẫn Nhục Ba La Mật. Trong lần khảo đảo to lớn cuối cùng ấy, Ngài trúng cách, vượt qua, chẳng oán hận vua Ca Lợi, mà còn cảm tạ nhà vua. Lúc sắp chết, bảo vua Ca Lợi: *“Trong tương lai, ta thành Phật, sẽ độ nhà vua đầu tiên”.* Đó là báo ân, như vậy mới là đệ tử đức Phật, chúng ta hãy nên học tập điều này. Đúng là thật sự học hiểu, chẳng trụ vô vi, chẳng trụ hữu vi. Bất luận trong thuận cảnh hay nghịch cảnh, thiện duyên hay ác duyên, đều chẳng động tâm, giữ gìn sự “thanh tịnh, bình đẳng, giác” của chính mình, vĩnh viễn giữ tâm cảm ân, tâm báo ân, đó là đúng. Đừng sợ bị thua thiệt. Bị thua thiệt là có phước, đừng chiếm tiện nghi của kẻ khác. Chiếm tiện nghi là họa hại, là tai họa, biết bị thua thiệt là phước, cổ thánh tiên hiền nói chẳng sai! Hôm nay đã hết thời gian rồi, chúng ta học tập tới chỗ này!

# Tập 118

 Chuyển ngữ: Bửu Quang Tự đệ tử Như Hòa

Giảo duyệt: Huệ Trang và Đức Phong

 Chư vị pháp sư, chư vị đồng học, xin hãy ngồi xuống. Xin xem Đại Thừa Vô Lượng Thọ Kinh Giải, trang một trăm ba mươi bảy, dòng thứ hai từ dưới đếm lên, xem từ câu cuối cùng, xem từ *“như Chân Giải viết”* (như sách Chân Giải nói), xem từ đoạn này.

 *“Như Chân Giải viết: Nhị Thừa tuy đắc tam Không môn, duy trầm Thiên Không. Bồ Tát bất nhiên, năng đạt huyễn võng, đắc bình đẳng pháp. Cố tuy trụ tam Không môn, nhi bất trụ vô vi, bất trụ hữu vi*. *Cố năng hành Thanh Văn, năng hành Duyên Giác, nhi siêu việt Thanh Văn, Duyên Giác chi địa”* (như sách Chân Giải nói: “Nhị Thừa tuy đắc ba Không môn, nhưng chỉ chìm đắm trong Thiên Không. Bồ Tát chẳng vậy, có thể thấu đạt lưới huyễn, đắc pháp bình đẳng. Vì thế, tuy trụ trong ba Không môn, nhưng chẳng trụ vô vi, chẳng trụ hữu vi. Vì thế, có thể hành Thanh Văn, có thể hành Duyên Giác, vượt trỗi địa vị Thanh Văn và Duyên Giác”). Trong buổi học trước, chúng ta học đến chỗ này, hôm nay, tôi sẽ nói từ đoạn này. Đây là nói những vị Bồ Tát tham dự pháp hội này đều đắc ba Không môn, kinh nói Tam Không là *“nhập Không, Vô Tướng, Vô Nguyện pháp môn”*, ba môn này Tiểu Thừa và Đại Thừa đều nói tới. Tuy người Nhị Thừa là Thanh Văn và Duyên Giác chấp trước Không, họ chấp trước Không Môn, nhập Không Môn, bèn chấp trước Không Môn; do đó, họ chẳng có cách nào tiến cao hơn. Bồ Tát thông minh hơn họ, Bồ Tát có thể thấu đạt lưới huyễn, biết Hữu Môn là huyễn. Hữu chẳng phải là Chân Hữu, Không cũng chẳng phải là Chân Không. Không và Hữu bất nhị. Đại Thừa Bồ Tát liễu giải chân tướng sự thật này, nhưng Tiểu Thừa chẳng liễu giải, nên nhập Không bèn trụ Không, nghe đức Phật nói hết thảy Hữu là giả: *“Phàm những gì có hình tướng đều là hư vọng”*, họ bèn buông tướng hư vọng xuống, trụ vào Không. Thật ra, đó vẫn là sai lầm, chẳng phải là thật sự giác ngộ. Bồ Tát biết chân tướng của Không và Hữu, nên đắc pháp bình đẳng, Không và Hữu bất nhị, Không và Hữu như một; đó là pháp bình đẳng. Tuy trụ ba Không môn, Ngài chẳng chấp trước hai bên Không và Hữu, mà cũng có thể nói là đối với hai bên Không và Hữu, tức là hai bên Tánh và Tướng, Tánh là Không, Tướng là Hữu; đối với hai bên đều chẳng khởi tâm, không động niệm, chẳng phân biệt, không chấp trước. Vì thế, Ngài có thể hành Thanh Văn, mà cũng có thể hành Duyên Giác. Thanh Văn, nếu nói theo hiện thời, là từ giáo học mà khai ngộ, Ngài có thể dùng phương pháp này, mà cũng có thể dùng hiện tượng đại tự nhiên như một thứ chỉ dạy, khơi gợi người tu hành, đó là Duyên Giác. Ngài đã đạt đến cảnh giới vô chướng ngại, Lý Sự vô ngại, Sự Sự vô ngại; vì thế, có thể vượt trỗi các địa vị Thanh Văn và Bích Chi Phật.

 *“Hựu Đại Bảo Tích Kinh, Thiện Đức Thiên Tử Hội thuyết”* (lại nữa, trong hội Thiện Đức Thiên Tử của kinh Đại Bảo Tích), hội này cũng do Thích Ca Mâu Ni Phật giảng; trong ấy, đức Phật có nói mấy câu như thế này: *“Dĩ Thanh Văn pháp giáo hóa chúng sanh, cố ngã thị Thanh Văn. Dĩ Bích Chi Phật pháp hóa ích chúng sanh, cố ngã thị Bích Chi Phật. Dĩ đại bi pháp giáo hóa chúng sanh, cố ngã thị Bồ Tát. Ư nhất thiết pháp đắc giải thoát, nhất thiết vô ngại cố. Tùng sở hóa chúng sanh, hoặc dĩ Thanh Văn pháp hóa ích, hoặc dĩ Bích Chi Phật pháp hóa ích, hoặc dĩ Bồ Tát pháp hóa ích. Cố ngã thị Thanh Văn, ngã thị Duyên Giác, ngã thị Bồ Tát”* (Dùng pháp Thanh Văn giáo hóa chúng sanh, nên ta là Thanh Văn. Dùng pháp Bích Chi Phật giáo hóa, lợi ích chúng sanh, nên ta là Bích Chi Phật. Dùng pháp đại bi giáo hóa chúng sanh, nên ta là Bồ Tát. Trong hết thảy các pháp đắc giải thoát, nên hết thảy vô ngại. Do giáo hóa chúng sanh, hoặc dùng pháp Thanh Văn để giáo hóa, lợi ích, hoặc dùng pháp Bích Chi Phật để giáo hóa, lợi ích, hoặc dùng pháp Bồ Tát để giáo hóa, lợi ích, nên ta là Thanh Văn, ta là Duyên Giác, ta là Bồ Tát). Đoạn kinh này nói rõ, các vị Pháp Thân Bồ Tát và Như Lai chẳng sai biệt, nên dùng thân gì để giáo hóa, các Ngài bèn hiện thân ấy. Ở chỗ này, đối tượng toàn là đệ tử trong Phật môn, có duyên với Phật. Phật, Bồ Tát có thể hiện thân A La Hán, tức là Thanh Văn, dùng thân phận A La Hán để giáo hóa chúng sanh. Vì sao? Chúng sanh là căn tánh Tiểu Thừa, quý vị phải dùng thân phận căn tánh Tiểu Thừa để dạy họ. Họ là căn tánh Duyên Giác Thừa, quý vị bèn thị hiện Duyên Giác. Họ là căn tánh Bồ Tát, quý vị bèn hiện làm Bồ Tát. Chúng tôi dùng tỷ dụ để nói, chư vị sẽ hiểu rõ hơn. Phật, Bồ Tát là nhà đại giáo dục, là một vị thầy tốt thật sự, đối với học trò Tiểu Học, dạy học tại trường Tiểu Học, các Ngài là giáo viên Tiểu Học. Dạy học tại trường Trung Học, các Ngài là giáo viên Trung Học. Dạy học tại Đại Học, các Ngài là giáo sư Đại Học, hoàn toàn tùy thuộc đối tượng. Đối tượng như thế nào, các Ngài bèn chuyển biến thân phận [như thế ấy]. Đoạn này nhằm nói lên ý nghĩa sau đây: Tùy loại hóa thân. Nếu nói theo tôn giáo, đối tượng là tín đồ Phật giáo bèn dùng thân phận trong Phật giáo để giáo hóa, nay chúng ta gọi [những vị ấy] là A Xà Lê trong Phật môn. Nếu đối tượng là thân phận Cơ Đốc Giáo, là căn tánh Cơ Đốc Giáo, các Ngài bèn hiện thân phận Gia Tô (Jesus) để dạy họ, khác nhau! Căn tánh gì bèn hiện thân tướng đó. Chúng ta hiểu rõ đạo lý này, tức là thật sự thấu hiểu: Các tôn giáo trên thế giới là một nhà. Tôi qua lại với rất nhiều tôn giáo, [nhận thấy] tất cả những vị thánh nhân sáng lập tôn giáo đều là hóa thân của một Chân Thần. Tôi nói như vậy, quý vị có tin hay không? Nhiều năm qua, chẳng có ai phản đối, mọi người đều cảm thấy có lý, xác thực là một chân thần thị hiện nơi đó. Trong đoạn kinh văn này, những vị Pháp Thân đại sĩ tượng trưng cho chân thần. Quý vị thấy: Do căn tánh của chúng sanh bất đồng, các Ngài bèn hiện các thân bất đồng, thuyết pháp bất đồng, khiến cho hết thảy chúng sanh ai nấy đạt được lợi ích hiện tiền. Mọi người hiểu rất rõ lợi ích hiện tiền cần thiết của chính mình, các Ngài cũng đem lại cho họ lợi ích vĩnh viễn, đó mới là viên mãn.

 Cuối cùng, cụ Hoàng Niệm Tổ tổng kết: *“Thử minh chư đại sĩ thiện xảo phương tiện”* (đây là nói rõ phương tiện thiện xảo của các vị đại sĩ). Nói rõ trong đại hội Vô Lượng Thọ, trong hội ấy, đức Phật giảng kinh Vô Lượng Thọ, những vị đại Bồ Tát, các vị đại sĩ đến tham gia pháp hội, các vị đại sĩ là đại Bồ Tát. Quý vị thấy người Hoa thường nói Quán Âm Đại Sĩ, gọi theo tiếng Phạn sẽ là Quán Thế Âm Bồ Tát Ma Ha Tát, Ma Ha Tát (Mahasattva) là Đại Bồ Tát, tức Pháp Thân Bồ Tát. Những vị Bồ Tát này trụ trong cõi Thật Báo Trang Nghiêm. Chư Phật Như Lai, chỉ có chư Phật Như Lai trụ trong Thường Tịch Quang Tịnh Độ, kinh Hoa Nghiêm nói là Diệu Giác, Diệu Giác trụ trong Thường Tịch Quang. Bốn mươi mốt địa vị từ Sơ Trụ cho đến Đẳng Giác trụ trong cõi Thật Báo đều được gọi là Đại Sĩ. Quý vị thấy các Ngài phương tiện thiện xảo. *“Tùy cơ độ sanh”:* Nên dùng thân gì để đắc độ, bèn hiện thân ấy. Các Ngài chẳng có thân, chẳng có thân bèn gọi là Pháp Thân; do chẳng có thân, nên có thể hiện hết thảy các thân. Trong loài người chúng ta, quý vị thấy loài người vẽ Tây Phương Cực Lạc Thế Giới Biến Tướng Đồ [[15]](#footnote-16)[6] thì trong Tây Phương Cực Lạc thế giới đều là người; Phật, Bồ Tát cũng là thân người. Nếu là chư thiên, đức Phật giảng kinh Vô Lượng Thọ trên cõi trời, giảng về thế giới Cực Lạc thì trong Tây Phương Cực Lạc Thế Giới Đồ toàn là thân tướng chư thiên. Phải hiểu điều này! Chẳng phải là cố định, chẳng nhất định, Phật không có pháp cố định để có thể nói. Đức Phật chẳng có pháp để có thể nói, đức Phật thuyết pháp luôn *“thuận theo tâm chúng sanh, ứng với khả năng hiểu biết của họ”*. Do vậy, chúng tôi bèn liên tưởng, nếu những vị đại Bồ Tát thấy duyên của chúng sanh trong súc sanh đạo đã chín muồi, sẽ thật sự hiện thân súc sanh để giảng về thế giới Cực Lạc, khuyên dạy các súc sanh ấy niệm Phật cầu sanh Tịnh Độ, chuyện này chẳng giả! [Khi đó], các Ngài vẽ Tây Phương Cực Lạc Thế Giới Đồ toàn là súc sanh. Trong ngạ quỷ đạo, Cực Lạc Thế Giới Biến Tướng Đồ toàn là ngạ quỷ, nhất định phải hiểu đạo lý này. Đó gọi là *“phương tiện thiện xảo, tùy cơ độ chúng”.*

 Vì thế, ở đây, các Ngài *“thị hiện Nhị Thừa”.* Tuy thị hiện Nhị Thừa *“nhi ly Thanh Văn, Bích Chi Phật chi tướng”* (nhưng lìa tướng Thanh Văn, Bích Chi Phật), đó là siêu việt, là nguyên lý. Trong loài người, Bồ Tát thị hiện thân người, hóa độ mọi người thì cũng chẳng lìa tướng người, nhưng Ngài chẳng chấp tướng. Bất luận thị hiện ở chỗ nào, thị hiện trong đường nào, chúng ta hãy nhớ một nguyên tắc, các Ngài chắc chắn chẳng khởi tâm động niệm. Khởi tâm động niệm còn không có, lấy đâu ra phân biệt, chấp trước? Nguyên tắc này vĩnh hằng bất biến, nên gọi là chân lý. Trong kiến trúc của Phật giáo Trung Quốc, chúng ta đến viếng một ngôi chùa, quý vị thấy đầu tiên là sơn môn, Thiên Vương Điện và thần Hộ Pháp. Hai bên sơn môn thờ Tứ Đại Thiên Vương, chính giữa thờ Di Lặc Bồ Tát. Tượng Di Lặc Bồ Tát luôn tạc hình Bố Đại hòa thượng đời Tống. Lúc lâm chung, Bố Đại hòa thượng bảo mọi người Ngài là Di Lặc Bồ Tát hóa thân. Nói xong, ngồi xếp bằng mà tịch, đó là thật, chẳng giả. Nói là Phật, Bồ Tát chi đó tái lai, nói xong chẳng đi, tức là giả, chẳng thật! Thân phận vừa bộc lộ, bèn ngay lập tức ra đi, bất luận do chính mình nói hay do người khác nói; nếu thân phận bị bộc lộ bèn ra đi. Do vậy, tại Trung Quốc, từ đó trở đi, hễ tạo tượng Di Lặc Bồ Tát, bèn tạc tượng Bố Đại hòa thượng. Tại Trung Quốc, Bố Đại hòa thượng biểu thị pháp gì? Biểu thị đại từ đại bi, phô ra khuôn mặt tươi cười đón tiếp người khác, biểu thị sự đối đãi bình đẳng, đối xử hòa hài với nhau, biểu thị điều này. Người biết nhìn, sẽ có thể thấy sâu hơn nữa, Ngài biểu thị buông xuống, buông xuống vạn duyên. Ngài hằng ngày khất thực trên đường, người khác cúng dường Ngài thứ gì, Ngài đều bỏ vào trong túi vải; mỗi ngày Ngài xách một cái túi vải to. Đã có người hỏi Ngài: “Phật pháp là gì?” Lão nhân gia buông túi vải xuống đất, hai tay buông thõng. Người khác thấy dáng vẻ ấy liền biết là buông xuống. Buông xuống là Phật pháp, người ta nhìn bèn hiểu là “buông xuống”. Lại hỏi lão nhân gia, sau khi đã buông xuống thì nên làm như thế nào? Ngài cầm lấy túi vải, đặt trên lưng bước đi, chẳng ngoảnh đầu lại. Ý nghĩa gì vậy? Sau khi đã buông xuống, bèn nâng lên; nâng lên là hóa độ chúng sanh. Buông xuống là chính mình, giống như Ly (rời lìa) đang được nói ở đây; Ly là buông xuống. Quý vị thấy *“thị hiện Thanh Văn, Bích Chi Phật”* là nâng lên, [tức là] nên dùng thân gì để đắc độ, bèn hiện thân ấy. Tuy hiện thân độ chúng sanh, chính mình chẳng chấp trước dấu vết, đó là buông xuống. Buông xuống và nâng lên là cùng một chuyện, chẳng phải là hai chuyện. Thấy thấu suốt vốn là buông xuống, buông xuống là thấy thấu suốt. Hoặc chúng ta nói cách khác, nâng lên là buông xuống, buông xuống là nâng lên, là một, không hai. Đó là diệu pháp. Buông xuống nhưng chẳng nâng lên, nâng lên mà chẳng buông xuống thì pháp ấy chẳng diệu! Quý vị thấy diệu ở chỗ *“hành thế gian pháp, nhưng chẳng chấp thế gian pháp”,* đó là Diệu. Cùng hết thảy chúng sanh hòa quang đồng trần, nhưng trên thực tế, chẳng nhiễm mảy trần, cùng đại chúng hòa quang đồng trần, nhưng chẳng nhiễm mảy trần. Đó là Bồ Tát đại triệt đại ngộ chẳng trụ vô vi, chẳng trụ hữu vi, có thể hành thế gian pháp, nhưng y báo và chánh báo trang nghiêm trong mười pháp giới chẳng mảy may trở ngại Ngài, Lý Sự vô ngại, Sự Sự vô ngại.

 Câu kế tiếp là *“khế nhập tam-muội”.* Ba chuyện này còn gọi là Tam Giải Thoát Môn. Chữ Giải (解) đọc giọng Khứ Thanh, đọc giống như Tạ (謝) [[16]](#footnote-17)[7], dùng làm động từ, chẳng phải là danh từ, mà dùng như động từ. Quý vị thật sự đắc đại tự tại, thật sự đắc giải thoát. *“Giải”* là giải trừ phiền não, tập khí chẳng còn nữa. *“Thoát”* là thoát ly lục đạo luân hồi, thoát ly mười pháp giới, thoát ly sanh tử khổ não, [gồm có] ba môn! Trước hết, chúng tôi giới thiệu ba môn ấy đôi chút, sau đó mới đọc những dẫn chứng trong sách Chú Giải. [Định nghĩa giản lược của] ba môn giải thoát [như tôi sẽ trình bày dưới đây] được trích lục từ Tam Tạng Pháp Số [[17]](#footnote-18)[8], có xuất xứ là trích dẫn từ sách Pháp Giới Thứ Đệ [[18]](#footnote-19)[9] của tông Hoa Nghiêm. Trước hết là phần giới thiệu sơ lược, *“giải thoát, tức tự tại chi nghĩa dã”* (giải thoát nghĩa là tự tại). Thành Phật là chứng đắc Tam Đức Bí Tạng. Tam Đức Bí Tạng là Pháp Thân, Bát Nhã, và Giải Thoát, ba điều này vốn có trong tự tánh. Như chúng tôi vừa mới nói, Bồ Tát có thể hiện thân khắp pháp giới, hiện vô lượng vô biên thân, tự tại. Hiện thời, chúng ta chẳng có bản lãnh ấy, còn Ngài đắc đại tự tại. Trọn đủ trí huệ viên mãn, tướng hảo viên mãn. Tướng hảo viên mãn là thứ gì cũng chẳng khiếm khuyết, có thể hiện y báo và chánh báo trang nghiêm của Phật, Bồ Tát, mà cũng có thể hiện ngạ quỷ, địa ngục, không có điều gì chẳng thể hiện, đấy mới là tướng hảo trang nghiêm. Quý vị có thể hiện Phật, Bồ Tát, chẳng thể hiện thân địa ngục, thì tướng hảo của quý vị chẳng thể coi là viên mãn. Thứ gì cũng đều có thể hiện, như tỷ dụ của cổ đại đức: *“Dùng vàng làm đồ vật, món gì cũng đều là vàng”*. Chúng ta dùng một khối vàng tạc tượng Phật, mọi người trông thấy ưa thích, thờ tại đó, hằng ngày lễ bái. Chúng ta vẫn dùng bức tượng Phật ấy, đúc lại thành hình tướng ngạ quỷ hay đúc thành hình tướng địa ngục, vẫn là cùng một bức tượng, chẳng thay đổi, chỉ là hình dạng bị biến đổi. Quý vị bèn khởi lên phân biệt, chấp trước, đây là tướng ngạ quỷ, đây là tướng địa ngục, sanh tâm khinh mạn đối với nó, chẳng cung kính ngần ấy nữa! Sai mất rồi! Nó vốn là tượng Phật, là tượng Phật được đúc lại [thành hình dạng khác], nó vốn là tượng Phật mà! Do vậy, đức Phật nói *“hết thảy chúng sanh vốn là Phật”.* Tổ tiên chúng ta thường nói *“bổn tánh vốn lành”*, lành chính là Phật. Vốn là Phật, cớ sao tướng ấy mới biến đổi đôi chút, quý vị bèn dấy lên phân biệt, chấp trước? Sai mất rồi. Trong chân tâm, không có phân biệt, không có chấp trước, không có nhiễm bẩn, không có dao động, như như bất động, chẳng có khởi tâm động niệm. Nay chúng ta đã mê, mê mất chân tâm, trong hết thảy hiện tượng bèn sanh khởi vọng tưởng, phân biệt, chấp trước, mê nơi tướng, chẳng thấy tánh. Xin hỏi quý vị, đó là ai? [Quý bèn trả lời] là Bồ Tát, là chư thiên, là ngạ quỷ, là súc sanh, quý vị mê nơi tướng! Hỏi quý vị vàng ở chỗ nào? [Quý vị khăng khăng]: “Chẳng có vàng! Nơi đây không có vàng, chỉ có tượng Bồ Tát, chỉ có hình tướng súc sanh, chỉ có tướng ngạ quỷ, chẳng có vàng!” Kẻ ấy chẳng biết các tướng đó là vàng, phàm phu thuộc vào trạng thái như thế, đã mê mất rồi! Nếu giác ngộ, vàng ở chỗ nào? Tùy tiện cầm lấy thứ nào, cũng đều là vàng, chẳng sai, toàn thể đều là vàng! Nói theo Tánh thì hoàn toàn bình đẳng. Nói theo Tướng bèn khác nhau. Bồ Tát thông đạt Tánh - Tướng bất nhị; phàm phu mê mất tự tánh, chấp trước huyễn tướng, trong bất nhị lại phân biệt thành hai, chấp trước thành hai, phiền phức nẩy sanh từ đó. Vì thế, Giải Thoát có nghĩa là “tự tại”. *“Môn”* có nghĩa là thông đạt, chẳng phải là thật sự có Môn ấy!

 *“Vị do thử tam giải thoát môn, tắc năng thông chí Niết Bàn, cố danh tam giải thoát môn”* (Nghĩa là do giữ lấy ba môn giải thoát, nên có thể thông đạt Niết Bàn; vì thế, gọi là Tam Giải Thoát Môn). Quý vị thấy ba thứ giải thoát môn này có thể kiến tánh, có thể thấy chân tánh. Bất cứ một môn nào trong ba môn đều được. Môn thứ nhất là Không, có thể từ Không Môn trực tiếp minh tâm kiến tánh. Môn thứ hai là từ Vô Tướng, biết tất cả hết thảy các tướng chẳng thật, tướng đều là huyễn tướng. Kinh thường nói là *“lìa hết thảy tướng, tức là hết thảy các pháp”*, hễ lìa tướng bèn là tánh. Loại thứ ba là Vô Tác. Vô Tác còn gọi là Vô Nguyện, chẳng có bất cứ điều gì mong cầu, vì sao? Mong cầu là vọng tưởng, trong tự tánh chẳng có vọng tưởng, buông hết thảy mong cầu xuống bèn kiến tánh. Vô nguyện, vô cầu, tự tánh hiện tiền. Do ba môn này, có thể trực tiếp minh tâm kiến tánh, kiến tánh thành Phật. Trước hết, chúng tôi giới thiệu những môn này đôi chút. Thứ nhất là *“Không giải thoát môn, vị quán nhất thiết pháp, giai tùng nhân duyên hòa hợp nhi sanh, tự tánh bổn Không”* (Không giải thoát môn, nghĩa là quán hết thảy các pháp đều do nhân duyên hòa hợp mà sanh, tự tánh vốn là Không). Hết thảy các pháp chẳng có tự thể; tự tánh, tánh là thể chất. [Các pháp] chẳng có tự thể, nên Thể đúng là Không. Hiện thời, các nhà Lượng Tử Lực Học bảo chúng ta, vật chất rốt cuộc là gì? Hiện tại, đây là ngành khoa học kỹ thuật tiên phong, họ đã phát hiện: Chẳng có vật chất. Vật chất là một huyễn tướng do ý niệm tích lũy liên tục. Nói theo cách này thì tự tánh vốn Không, nên nếu chúng ta chấp trước [vật chất] là có thì sai mất rồi, đã mê rồi! Quý vị phải biết: Có là Không, Không là Có. Tâm Kinh dùng Sắc để làm đại biểu, Sắc đại biểu vật chất. *“Sắc tức là Không, Không tức là Sắc, Sắc chẳng khác Không, Không chẳng khác Sắc”*, cùng một thứ! Không và Sắc là cùng một thứ. Sắc là gì? Là Không, Không là vọng niệm. Vọng niệm tích lũy thành hiện tượng. Bốn câu trong Tâm Kinh đã giảng thấu suốt: *“Sắc tức là Không, Không tức là Sắc. Sắc chẳng khác Không, Không chẳng khác Sắc”.* Giảng thấu suốt, hiện thời điều này đã được các nhà khoa học Lượng Tử chứng minh.

 Quý vị hiểu rõ đạo lý này, liễu giải chân tướng sự thật *“vạn pháp đều là Không”*. Có Tướng hay không? Tướng là có. Tướng có trở ngại Không hay chăng? Chẳng trở ngại Không! Không cũng chẳng trở ngại Có, Không và Có vô ngại. Đó là quý vị thật sự thông đạt, hiểu rõ! Vì thế, nói hết thảy các pháp là do các duyên hòa hợp sanh ra; ý niệm là nhân, tích lũy là duyên, vọng niệm tích lũy liên tục thành hiện tượng. Chúng ta coi chúng là vật chất, thấy chúng là Sắc pháp. Hiện tượng vật chất vô lượng vô biên, thiên sai vạn biệt. Có những thứ vật chất hết sức kiên cố, [thí dụ như] những thứ kim loại nặng hết sức kiên cố, đó là gì? Các nhà khoa học cho biết, hiện tượng sanh khởi chẳng ngoài chấn động. Chấn động thuộc về năng lượng. Chấn động đương nhiên có tần số. Tần số khác nhau. Tần số chậm bèn biến thành kim loại nặng. Tần số chấn động nhanh hơn một chút, bèn biến thành bùn cát. Cây cối, hoa, cỏ, da dẻ trên thân thể chúng ta đều là những chấn động tương đối nhanh một chút. Nhanh hơn chút nữa bèn biến thành sóng điện từ trong hiện thời. Hiện thời, nhân loại ứng dụng sóng điện từ để chế tạo nhiều thứ máy móc chạy bằng điện, như hiện nay chúng ta coi TV, truyền tin bằng vô tuyến điện, hay mạng Internet, đó là những thứ có tần số chấn động cao. Hiện tượng vật chất dẫu nhiều, nhưng toàn là tần số chấn động khác nhau, nên những hiện tượng được hiện ra cũng chẳng thật. Vì lẽ đó, bất cứ hiện tượng vật chất hay tinh thần nào đều có thể trở về năng lượng, tức là các thứ chấn động đều có thể quy hồi [năng lượng], chẳng khác nhau, là pháp bình đẳng. Do vậy, trong ấy là Vô Ngã. Chữ Vô này thông với những chữ sau, tức là Vô Ngã, Vô Ngã Sở. Ngã còn không có, đương nhiên chẳng có Ngã Sở. Nói đến những thứ được sở hữu bởi Ngã thì là chuyện chẳng có, Ngã và Ngã Sở đều bất khả đắc.

 *“Nhược năng như thị thông đạt, tắc ư chư pháp nhi đắc tự tại, cố danh Không giải thoát môn”* (nếu có thể thông đạt như thế, bèn được tự tại nơi các pháp; vì thế, gọi là Không Giải Thoát môn). Nếu quý vị hoàn toàn hiểu rõ, minh bạch, thông đạt đạo lý này, quý vị được đại tự tại trong hết thảy các pháp, vì sao? Chẳng còn chấp trước nữa, mà cũng chẳng còn phân biệt nữa. Nay chúng ta chẳng tự tại trong hết thảy các pháp, nguyên nhân ở chỗ nào? Ta muốn chiếm hữu, muốn khống chế chúng, há có thể tự tại ư? Thân còn chẳng chiếm hữu được, chẳng khống chế được, lại toan chiếm hữu vật ngoài thân, há chẳng phải là dấy vọng tưởng ư? Đó là tự chuốc khổ! Nếu có thể khống chế cái thân, sẽ là [thân] Kim Cang bất hoại thì tốt hơn nhiều! Chẳng cần nói tới các vị Pháp Thân Bồ Tát, chúng ta nói tới phàm phu cao cấp; trong bốn thánh pháp giới, họ có thể khống chế thân thể chẳng ngã bệnh, có thể khống chế thân thể không ngã bệnh, tức là có thể khống chế thân thể trường sanh bất lão. A La Hán có bản lãnh ấy. Bản lãnh của các Ngài do đâu mà có? Trong phần trước đã nói, họ đạt được ba môn giải thoát này. Các Ngài đạt được ở mức độ nông cạn, vì còn có chướng ngại, do trụ vào Không, chẳng trụ Có. Vì thế, các Ngài chẳng có hết thảy phiền não chướng ngại về Có, các Ngài đã buông xuống. A La Hán trụ nơi Không; thật ra, trụ nơi Không là sai lầm. Trụ Không thì chính mình đắc tự tại, nhưng chẳng thể giúp đỡ người khác! Bồ Tát biết Không và Có bất nhị, Không là Có, Có là Không, nên Bồ Tát có thể giúp đỡ hết thảy chúng sanh, có thể cảm ứng thuận theo ý niệm của chúng sanh. Chúng sanh muốn thấy thân nào, Ngài bèn hiện thân như thế ấy, quý vị thấy tự tại lắm chứ! Đây là giảng cho chúng ta biết chân tướng sự thật.

 Loại thứ hai là *“Vô Tướng giải thoát môn, vị ký tri nhất thiết pháp Không, cố quán nam nữ, nhất dị đẳng tướng, thật bất khả đắc”* (Vô Tướng giải thoát môn, nghĩa là đã biết hết thảy các pháp là Không, nên quán các tướng như nam, nữ, một, khác v.v… thật sự chẳng thể được). Tướng là huyễn tướng, cảnh giới ấy chẳng dễ hiểu. Hiện thời có những thứ khoa học kỹ thuật rất hữu ích cho sự học Phật của chúng ta, Phật pháp là khoa học. Xưa kia, tôi theo thầy Phương học Triết, thầy bảo tôi: *“Phật pháp là triết học”.* Khi thầy giới thiệu Phật pháp cho tôi, [đã bảo]: *“Thích Ca Mâu Ni Phật là vị triết gia vĩ đại nhất thế giới, kinh Phật là đỉnh cao nhất trong triết học, là đỉnh cao nhất trong triết học của toàn thể thế giới. Học Phật là sự hưởng thụ cao nhất trong đời người”*. Tôi được dẫn dắt vào Phật môn như thế, học gần sáu mươi năm, nay đã biết: Không chỉ là đỉnh cao nhất trong triết học, mà còn là đỉnh cao nhất trong khoa học. Thích Ca Mâu Ni Phật không chỉ là một triết gia vĩ đại, mà còn là một khoa học gia vĩ đại, thật đấy, chẳng giả đâu! Ba ngàn năm sau khi đức Phật diệt độ, hiện thời các nhà Lượng Tử Lực Học mới phát hiện *“vật chất là hiện tượng do ý niệm tích lũy liên tục”*, nhưng từ ba ngàn năm trước, trong kinh Đại Thừa, đức Phật đã nói tới rồi. Do vậy, kinh Phật vượt trỗi khoa học hiện đại. Lượng Tử Học là ngành khoa học mới nhất, mà đã lạc hậu ba ngàn năm so với Thích Ca Mâu Ni Phật. Đức Phật giảng rõ ràng, minh bạch. Các hiện tượng ấy, giống như nay ta xem TV, hoặc xem phim ảnh, thấy [hình ảnh] trên màn bạc. Chúng ta biết [những hình tướng] trên màn bạc chẳng thật, ta có thể nhìn, nhưng chẳng thể khống chế nó, chẳng thể chiếm hữu nó, ta có thể thưởng thức nó. Nếu có một người, vào một ngày nào đó, giống như những nhà khoa học Lượng Tử thật sự hiểu rõ, thật sự thông đạt, có phải là sẽ thấy hết thảy các hiện tượng trong hiện thời, thấy hết thảy nam nữ, thấy hết thảy các thứ một và khác; “một” là giống nhau, “khác” là chẳng giống nhau, tức là nói đối với hết thảy vạn vật, [họ] có thấy là “thật sự chẳng thể được” hay không? Có! Họ đã thấy được! Chúng tôi đọc báo cáo của họ, thấy đã nói tới chuyện ấy, nhưng họ như thế nào? Họ vẫn có ý niệm chiếm hữu, vẫn có ý niệm khống chế, họ vẫn đang thật sự làm, đó là gì? Nói theo Phật pháp, nhà khoa học giải ngộ, đã hiểu rõ, nhưng chưa đoạn tập khí phiền não. Họ khác với người tu hành trong Phật môn! Người tu hành trong Phật môn là chứng ngộ. Quý vị thấy một đằng là giải ngộ, một đằng là chứng ngộ. Nay chúng ta gọi giải ngộ là tri thức (kiến thức), chứng ngộ là trí huệ. Trí huệ có thể giải quyết vấn đề, chẳng để lại hậu quả. Tri thức có thể giải quyết vấn đề, nhưng sau đó có hậu quả! Quý vị thấy họ nói giống như Phật pháp, nhưng họ vẫn một mực tranh danh đoạt lợi, vẫn có tự tư tự lợi. Đó là hậu quả, thuộc về giải ngộ, chẳng phải là chứng ngộ. Chứng ngộ hữu dụng, chính mình được thọ dụng, chính mình thật sự vượt thoát. Trong phần trước đã nói là *“vượt thoát Nhị Thừa”.* Chứng ngộ thì mới có thể vượt thoát, giải ngộ sẽ chẳng thể vượt thoát. Giải ngộ thì quý vị biết nhiều hơn Nhị Thừa, nhưng quý vị thọ dụng chẳng bằng Nhị Thừa, vẫn là phàm phu! Nói cách khác, trước kia, thầy Lý thường nói: *“Đáng luân hồi như thế nào thì vẫn luân hồi như thế ấy, chẳng thoát khỏi lục đạo luân hồi”.* Hàng Nhị Thừa vĩnh viễn thoát luân hồi, tuy chưa thoát ly mười pháp giới, nhưng đã thoát ly luân hồi. Các nhà khoa học chẳng có cách nào thoát ly luân hồi. Nếu họ thật sự giác ngộ, chẳng bận lòng vì thế giới hư huyễn này, chẳng khởi tâm, không động niệm nơi cảnh giới, bèn vượt thoát, nhập vào [các địa vị] Thanh Văn, Duyên Giác, Bồ Tát, đã chứng đắc.

 Phật pháp chú trọng hành - chứng, tín - giải, đó là phương tiện. Công phu đắc lực do hành. Có hành và có chứng thì mới thật sự thọ dụng. Chẳng có hành, chẳng có chứng, chỉ dốc công đổ sức nơi tín giải, chưa đủ! Đó là gieo thiện căn trong Phật môn mà thôi! Thiện căn cũng cần thiết, vì người hành chứng trọn chẳng phải là thành tựu ngay trong một đời! Đời đời kiếp kiếp, vô lượng kiếp tu hành thì mới có thể chứng đắc. Chúng ta thấy Thích Ca Mâu Ni Phật đã vì chúng ta thị hiện, biểu diễn: Mười chín tuổi, rời khỏi gia đình đi ra ngoài tham học, ba mươi tuổi buông xuống vạn duyên, nhập Định dưới cội Bồ Đề, đêm nhìn sao Mai, giống như Duyên Giác, cũng chẳng có thầy, nhìn ngôi sao ấy mỗi ngày nhưng chẳng khai ngộ. Ngày hôm ấy bèn khai ngộ, có nhiệm mầu hay chăng? Hằng ngày nhìn thấy mà chẳng khai ngộ, ngày hôm ấy trông thấy bèn khai ngộ là vì ngày ấy khác hẳn, tình tự khác nhau, cảnh quan bên ngoài của ngày hôm ấy được Phật lực gia trì, linh tánh dẫn dắt, hoát nhiên đại ngộ, minh tâm kiến tánh, kiến tánh thành Phật, có phải là ngẫu nhiên hay chăng? Là biểu diễn. Trên thực tế thì sao? Trong kinh Phạm Võng, đức Phật đã nói thật: Ngài giáng thế lần này là thị hiện thành Phật lần thứ tám ngàn. Ngài đã sớm thành Phật, quý vị nói xem công phu hành chứng của Ngài sâu cỡ nào? Chúng ta là kẻ sơ học, làm sao có thể đạt đến cảnh giới ấy? Lục Tổ Huệ Năng đại sư đã thị hiện: Hai mươi bốn tuổi đại triệt đại ngộ, minh tâm kiến tánh, cảnh giới của Ngài hoàn toàn bình đẳng với Thích Ca Mâu Ni Phật, chẳng hai, chẳng khác. Thuở ấy, Thích Ca Mâu Ni Phật [quán sát căn cơ của chúng sanh, thấy] nên dùng thân Phật để độ, Ngài bèn hiện thân Phật. Huệ Năng đại sư ở Trung Quốc, hoàn cảnh của Trung Quốc thuở đó đã chẳng thích hợp thị hiện thân Phật, nên Ngài thị hiện thân tỳ-kheo, dùng thân tỳ-kheo để xuất hiện, nhưng cảnh giới bình đẳng, chẳng khác nhau. Điều này nói rõ: Dẫu trong một đời này, chúng ta chẳng thể khế nhập cảnh giới này, chúng ta ngừng ở nơi tín giải, cũng có thể nói là tích lũy tín giải trong một thời gian rất lâu rồi mới có chân hành. Hiện thời, chúng ta đều chẳng phải là chân hành. Vì sao? Xen tạp vọng tưởng, tạp niệm, tự tư tự lợi, tiếng tăm, lợi dưỡng, ít nhiều gì thì trong ấy cũng xen tạp, chẳng thuần! Muốn đạt tới không xen tạp, trong kinh Đại Thừa, Phật, Bồ Tát thường dạy chúng ta, mà [pháp môn] Niệm Phật cũng dạy chúng ta. Ngài Đại Thế Chí dạy chúng ta *“tịnh niệm tiếp nối”.* Tịnh niệm là gì? Chúng ta niệm Phật mà hoài nghi thế giới Cực Lạc thì ý niệm chẳng thanh tịnh. Chúng ta niệm Phật còn xen tạp, vẫn thường nghĩ đến chính mình, niệm ấy chẳng thanh tịnh. Niệm thanh tịnh, chẳng có hoài nghi, chẳng xen tạp, trong tâm đúng là một câu Phật hiệu bèn hữu dụng!

 Cư sĩ Lưu Tố Vân mắc chứng hồng ban lang sang (Systemic Lupus Erythematosus) gần mất mạng, còn nghiêm trọng hơn ung thư, đối với chứng bệnh này, Trung Y lẫn Tây Y đều chẳng có cách nào. Bà ta niệm Phật được lành, hiệu quả khiến cho kẻ khác kinh ngạc. Khi lành bệnh, trên mặt ngay cả một vết sẹo cũng không có! Điều này khiến vị bác sĩ điều trị chánh yếu của bà ta cũng chẳng có cách nào tưởng tượng được! Bà ta lành bệnh như thế nào? Thưa cùng quý vị, tịnh niệm tiếp nối! Bà ta thật sự làm được câu ấy, bà ta niệm A Di Đà Phật, chẳng hoài nghi tí nào, chẳng xen tạp chút nào! Từ tấm gương của bà ta, chúng ta có thể hiểu: Thân thể chúng ta bất luận bệnh tật gì, khi quý vị thật sự là *“tịnh niệm tiếp nối”,* sẽ niệm lành bệnh, có đạo lý hay không? Có! Đạo lý gì vậy? Hết thảy các pháp sanh từ tâm tưởng. Thân và tâm của quý vị do tâm tưởng của chính quý vị sanh ra, nên tâm tưởng của chính quý vị có thể biến đổi nó. Tâm tưởng của chúng ta bất thiện, nó bèn phát triển theo hướng trái nghịch, bèn ốm đau, tử vong, đi theo phương hướng ấy. Nếu chúng ta là tịnh niệm tiếp nối, nó bèn phát triển theo phương hướng tốt đẹp. Tốt đẹp là gì? Khỏe mạnh, sống lâu, đạo lý là như vậy đó! Có cần đến thuốc men hay không? Chẳng cần! Cư sĩ Lưu Tố Vân đã nêu gương khó có. Con người hiện thời chẳng có một mẫu gốc [[19]](#footnote-20)[10] ở chỗ nào thì mọi người chẳng tin. Hễ có tấm gương thì quý vị bèn tin tưởng. Chúng ta nói *“con người tánh vốn lành”*, Tam Tự Kinh đã nói [như thế], [điều ấy] đã được học mấy ngàn năm: *“Nhân chi sơ, tánh bổn thiện”*. Con người do giáo dục mà tốt đẹp, nhưng chẳng có ai tin tưởng. Mọi người nghe xong đều rất hoan hỷ, đều rất tán thán, nhưng làm chẳng được! Đó là lý tưởng, há có thể làm được? Chúng tôi làm thí nghiệm tại Thang Trì, chính chúng tôi cũng chẳng ngờ làm ba bốn tháng liền thành công, hiệu quả rõ rệt. Chúng tôi cảm tạ, bội phục tổ tiên, sao mà con người dễ dạy dường ấy? Chỉ cần có người cầm đầu, có giáo viên tốt nêu gương cho họ thấy, xướng suất, họ tin tưởng, thật sự học theo. Quý vị thấy sau ba, bốn tháng, [người dân Thang Trì] bèn quay đầu. Quay đầu là bờ, phàm phu vừa quay đầu bèn là Phật, Bồ Tát.

 Trong thế giới hiện tiền, bất luận làm gì đều phải có gương tốt, có điển hình tốt; nếu chẳng có, người ta chẳng tin! Phật pháp tốt đẹp như thế, thật sự có mấy người làm gương rõ rệt, xác thực là thân tâm của chính mình khỏe mạnh, gia đình hòa thuận, sự nghiệp rất thuận lợi, đối xử hòa hài với xóm giềng làng nước nơi ta cư trụ, xã hội an định, thế giới hòa bình, [những điều này] có thể làm được, chẳng phải là không làm được! Do vậy, quý vị nhất định phải hiểu: Đây là trí huệ chân thật, hoàn toàn giống như kinh Đại Bát Nhã đã nói. Kinh Đại Bát Nhã đã dạy: *“Hết thảy các pháp vô sở hữu, rốt ráo không, bất khả đắc”*. Có rất nhiều người thấy điều này, [tưởng là Bát Nhã] dường như quá tiêu cực! Bất khả đắc thì ta học nó để làm gì? Bất khả đắc mà hết thảy quý vị đều đạt được, quý vị đạt được gì? Quý vị đạt được tận hư không, khắp pháp giới. Quý vị có sở đắc, dốc hết tánh mạng mong cầu, nhưng đạt được hết sức hữu hạn, đạt một chút ít như thế! Lại nữa, một tí tẹo ấy, đến cuối cùng, quý vị vẫn chẳng mang theo được. Thứ gì quý vị cũng đều chẳng đạt được. Khi quý vị bất khả đắc, thứ gì cũng đều đạt được, quý vị đạt được toàn thể pháp giới. Quý vị thấy chẳng phải là các vị Bồ Tát ấy đã đạt được hay sao? Khắp pháp giới hư không giới, chúng sanh có cảm, các Ngài bèn có thể hiện thân thuyết pháp, chẳng phải là các Ngài đã đạt được ư? Tự tại lắm! Tuy hiện hết thảy các thân, tuy nói hết thảy các pháp, nhưng tâm địa của chính mình là tâm thanh tịnh, bình đẳng, chẳng nhiễm trước mảy may, chẳng kể công, chẳng nói “hôm nay ta làm chuyện tốt”. Chẳng có ý niệm ấy, làm mà chẳng làm! Tiếp đó, nói tới Vô Tác thì Vô Tác mang ý nghĩa này.

 Bồ Tát, như Thích Ca Mâu Ni Phật đã biểu diễn trong thuở trước: Mỗi ngày đều vì mọi người giảng kinh, thuyết pháp, giáo học chẳng ngưng nghỉ. Một người tìm đến bèn dạy một người, hai người tìm đến bèn dạy hai người. Mấy trăm, mấy ngàn người tìm đến, bèn dạy mấy trăm, mấy ngàn người. Hằng ngày, người từ bốn phương tám hướng tìm đến rất náo nhiệt. Chúng ta thấy Phật giáo học khá vất vả, nhưng thật ra, đức Phật có mệt hay không? Đức Phật chẳng mệt! Vì sao? Ngài chẳng chấp tướng, Ngài chẳng làm, làm mà không làm. “Không làm” là về mặt tướng thì có làm, về mặt Sự thì có làm; nhưng theo Lý, chẳng làm; trong tâm chẳng làm! Ngài chẳng có phân biệt, chẳng có chấp trước, Ngài làm gì? Do vậy, có người hỏi Ngài: “Vô Tác thì làm sao làm được?” Đức Phật dùng chuông, trống làm tỷ dụ. Ngài nói: “Quý vị thấy cái chuông đó, trong chuông có gì hay không?” “Trống không!” “Trong bụng cái trống có gì hay không?” “Trống không!” Gõ to bèn kêu to, gõ nhỏ bèn kêu nhỏ. Chẳng gõ, chẳng kêu! Khi quý vị gõ, trống có chẳng kêu hay không? Chẳng có! Chuông có chẳng kêu hay không? Không có. Chuông chẳng nói: “Quý vị gõ ta một tiếng, ngay lập tức ta dùng âm thanh đáp ứng”. Chẳng có! [Chuông, trống] chẳng khởi tâm, chẳng động niệm, chẳng phân biệt, chẳng chấp trước. Gõ là gì? Đức Phật bảo *“pháp nhĩ như thị”*, [nghĩa là] tự nhiên là như vậy. Chúng ta phàm phu thì không được! Người ta nêu câu hỏi, chúng ta suy nghĩ phải trả lời người ấy như thế nào; đó là hữu tác, hữu vi. [Đối với Phật, Bồ Tát], căn bản là chẳng nghĩ ngợi gì cả, thuận theo tự nhiên mà trả lời, vô tác, vô vi! Vô tác, vô vi là Tánh Đức khởi dụng; hữu tác, hữu vi là ý thức khởi dụng, khác hẳn! Ý thức khởi dụng là tạo nghiệp, tự tánh khởi dụng chẳng tạo nghiệp. Phật, Bồ Tát chẳng làm, không làm mà làm, làm mà không làm. Chư Phật, Bồ Tát hiện thân, hiện mà vô hiện, vô hiện mà hiện. Thích Ca Mâu Ni Phật thuyết pháp, vô thuyết mà thuyết, thuyết nhưng vô thuyết, mầu nhiệm ở chỗ này! Từ chỗ này, chúng ta có thể biết: Tam Không của Tiểu Thừa đúng là khác hẳn Tam Không của Đại Thừa. Tam Không của Tiểu Thừa có Tự Thọ Dụng, chẳng có Tha Thọ Dụng, cho nên chẳng viên mãn! Tam Không của Đại Thừa thì Tự Tha Thọ Dụng bình đẳng, chẳng có chướng ngại. Đó gọi là viên mãn, là Đại Tam Không tam-muội.

 Tiếp đó, sách viết: *“Nhược năng như thị thông đạt chư pháp vô tướng, tức đắc tự tại, cố danh Vô Tướng giải thoát môn”* (Nếu có thể thông đạt các pháp vô tướng như thế, liền đắc đại tự tại, nên gọi là Vô Tướng Giải Thoát Môn). Tu môn giải thoát ấy, tôi tin tưởng người biết tu sẽ chẳng cần một thời gian rất dài, chắc chắn ba năm sẽ nhập tam-muội. Cách tu như thế nào? Xem TV phải biết xem. Khi xem TV mà chẳng biết xem, hoàn toàn bị ô nhiễm bởi TV. Khi biết xem, bản thể chính là Không, trọn chẳng thể được! Hằng ngày, quý vị thấy những gì diễn ra trên TV hoàn toàn giống như thế gian này. Những thứ ấy là giả, thế gian cũng là giả. Xem bằng cách như vậy suốt ba năm, quý vị bèn khai ngộ, xem TV bèn có thể thành Phật! Chẳng biết xem, sẽ đọa địa ngục, quý vị bị nó làm hư, trong tương lai, quý vị khởi tâm động niệm đều là tự tư tự lợi, tổn người, lợi mình, nên đọa địa ngục A Tỳ. Biết xem sẽ khai ngộ, biết xem là gì? Nguyên lai toàn là giả, chẳng có gì là thật, quý vị đắc tự tại! Vô tướng giải thoát, từ trong tướng mà thấy vô tướng. Do vậy, trong cảnh giới chẳng có thiện hay ác thật sự. Nói cách khác, hết thảy các pháp chẳng có đối lập. Thiện và ác là đối lập, chân và vọng là đối lập, tốt và xấu là đối lập, không có những thứ ấy. Chúng ta thấy Thiện Tài đồng tử tham học năm mươi ba lần, nêu ra năm mươi ba pháp môn đều có thể chứng Vô Thượng Bồ Đề, đều có thể thành Vô Thượng Chánh Đẳng Chánh Giác, há có chướng ngại! Nơi pháp chẳng có chướng ngại, nơi Lý và Sự chẳng có chướng ngại, chư pháp chẳng có chướng ngại. Chướng ngại là do vọng niệm của chính mình, đức Phật quy nạp các vọng niệm ấy thành ba món chướng ngại: Khởi tâm động niệm là món thứ nhất, phân biệt là món thứ hai, chấp trước là món thứ ba, những thứ ấy gây chướng ngại. Buông phân biệt, chấp trước xuống, chướng ngại bèn giảm một nửa. Đã đắc ba môn giải thoát của Tiểu Thừa, buông khởi tâm động niệm xuống bèn đắc ba môn giải thoát của Đại Thừa. Người Tiểu Thừa nhập cảnh giới, đắc Thiên Chân Niết Bàn, buông phân biệt, chấp trước xuống, vượt thoát lục đạo luân hồi. Đại Thừa buông khởi tâm động niệm xuống, vượt thoát mười pháp giới, đắc đại tự tại.

 Thứ ba, *“Vô Tác giải thoát môn. Vô Tác, hựu vân Vô Nguyện, vị nhược tri nhất thiết pháp vô tướng, tắc ư tam giới vô sở nguyện cầu”* (Vô Tác giải thoát môn. Vô Tác còn gọi là Vô Nguyện, ý nói: Nếu biết hết thảy các pháp vô tướng, sẽ đối với tam giới chẳng có mong mỏi gì). Quý vị biết *“phàm những gì có tướng đều là hư vọng”*,sẽ trừ bỏ ý niệm mong cầu. Khế nhập cảnh giới gì? Khế nhập “khắp pháp giới hư không giới và ta là một Thể”. Thân của chúng ta là vật chất, bên trong là tinh thần, tinh thần của chúng ta tương ứng với tự tánh. Kinh Hoa Nghiêm nói Pháp Tánh, quý vị thấy đã mở rộng cỡ nào? Khôi phục đến mức viên mãn, thân thể chúng ta và tất cả vật chất trong pháp giới hư không giới trở thành một Thể. Tâm là Pháp Tánh, thân là Pháp Tướng, đó là Pháp Thân Bồ Tát, là minh tâm kiến tánh. Minh tâm kiến tánh bèn chẳng còn chấp trước thân này là ta, [mà sẽ nhận biết] Pháp Tướng là thân ta, Pháp Tánh là tâm ta. Thân tâm ta còn lớn hơn cả vũ trụ, toàn thể vũ trụ là một hiện tượng do thân tâm của ta biến hiện, đó là Diệu Giác, viên mãn thành Phật. Trong khắp pháp giới hư không giới, quý vị khởi tác dụng là Đại Phương Quảng Phật Hoa Nghiêm, Đại Phương Quảng Phật Hoa Nghiêm nhằm giảng chuyện như thế. Tâm và Pháp Tánh kết hợp thành một Thể, thân và Pháp Tướng dung hợp thành một khối. Chuyện là như vậy đó, nói về chuyện này, đó gọi là *“nhập Đại Bát Niết Bàn”*, vĩnh viễn chẳng có sanh tử. Trong ấy tràn ngập trí huệ, tràn đầy đức năng, tràn đầy tướng hảo. Cổ nhân có hai câu nói: *“Chẳng đọc Hoa Nghiêm, chẳng biết sự phú quý do thành Phật”*. Quý vị đọc Hoa Nghiêm rồi mới biết, thật sự đạt được phú quý viên mãn! Vua chúa trong nhân gian quá nhỏ. Đại Phạm Vương vẫn thua kém quá nhiều, Ma Hê Thủ La Thiên Vương vẫn chẳng sánh bằng! Cảnh giới ấy lại là bình đẳng, ai nấy đều có thể chứng đắc.

 Bởi lẽ, hễ có nguyện cầu thì trật mất rồi! Chúng ta học Phật, Phật còn bảo chúng ta phát nguyện, cầu sanh Tịnh Độ, vì sao? Cảnh giới [Cực Lạc] tốt đẹp như thế! Trong hoàn cảnh lục đạo của cõi này, chúng ta học chẳng thành công. Hoàn cảnh hiện thời bất lợi cho tu hành, quá nhiều chướng duyên; trong hoàn cảnh này, nếu chẳng có thiện tri thức chân chánh, thiện tri thức chân chánh là Phật, nhưng Phật chẳng tại thế, chẳng có đồng tham đạo hữu chân chánh, nên tu học vô cùng khó khăn. Đức Phật bảo chúng ta phát nguyện cầu sanh Tịnh Độ, nhằm thay đổi hoàn cảnh học tập. Hoàn cảnh trong cõi kia tốt đẹp, chẳng có chướng ngại, thầy ở bên kia là A Di Đà Phật. Ngoài A Di Đà Phật, còn có mười phương chư Phật Như Lai đều giúp A Di Đà Phật giáo hóa. Các Ngài thường đến thế giới Cực Lạc chẳng gián đoạn, thường xuyên lui tới. Nếu chúng ta sanh về thế giới Cực Lạc, sẽ có cơ hội thường xuyên gặp gỡ chư Phật, nghe các Ngài dạy bảo, thỉnh giáo các Ngài, hoàn cảnh ấy quá tốt đẹp. Trong hoàn cảnh ấy, muốn gì bèn có nấy, khi chẳng dùng, nó sẽ không còn nữa. Ở nơi đây, chúng ta cần tài liệu thì vẫn phải dùng kệ sách chất một đống lớn. Ở bên đó, họ muốn có tài liệu gì, nó liền bày ra trước mặt. Chẳng cần thì chẳng còn nữa. Không cần tồn trữ, quý vị nói xem có tự tại lắm hay không? Do vậy, giảng đường trong Tây Phương Cực Lạc thế giới sạch làu, chẳng nhiễm mảy trần, một chút thừa thãi cũng chẳng có. Khi cần bèn biến hiện ở ngay trước mặt. Khi chẳng cần, bèn không còn nữa. Quý vị nói xem: Tự tại lắm, đúng là thuận theo lòng muốn!

 Hoàn cảnh tốt đẹp dường ấy, quý vị muốn ăn, thích ăn, đến thế giới Cực Lạc muốn ăn thứ gì, thứ ấy bèn bày ngay trước mặt, chẳng cần phải nấu nướng, mùi vị đều là ngon lành nhất. Ăn xong, chẳng cần nữa, chẳng phải rửa chén, đĩa, chúng chẳng còn nữa, chẳng thấy nữa, giống như ảo thuật biến hiện. Chúng ta phải tin tưởng lời đức Phật nói là chân thật, chẳng phải là lời lẽ giả dối. Cách nói ấy chẳng phải là ảo tưởng, các nhà khoa học đã chứng thực. Nói theo Lý thì thông suốt, nhưng trên mặt Sự vẫn chưa làm được, vì sao không làm được? Khoa học kỹ thuật chưa đủ sức, vẫn chưa đạt tới cảnh giới ấy. Nói theo Lý thì năng lượng và vật chất có thể chuyển biến [thành lẫn nhau]. Họ có năng lượng ấy, trí huệ viên mãn, đức năng viên mãn. Điều ấy thuộc về đức năng, họ có năng lực dùng niệm lực biến đổi năng lượng thành vật chất. Khi chẳng cần, bèn biến những vật chất ấy trở về năng lượng, chẳng còn nữa! Các nhà Vật Lý Học cận đại đã biết chuyện này, nghe nói bom nguyên tử được phát minh theo đạo lý này, từ vật chất giải phóng năng lượng. Hiện thời, chẳng có cách nào biến năng lượng thành vật chất, [phương pháp] khoa học kỹ thuật ấy vẫn chưa có. Nếu có, mọi người chẳng cần tranh đoạt tài nguyên như trong hiện tại, tự mình có thể biến ra! Tất cả vật chất đều do năng lượng biến hiện; hiện thời, mọi người đều hiểu đạo lý này. Chúng ta cần có vàng, bèn biến năng lượng thành vàng, vàng dùng chẳng hết. Hiện thời đã hiểu đạo lý sau đây: Hiện tượng vật chất khác nhau, có nhiều thứ vật chất là do tần số dao động khác nhau. Khi nào có thể khống chế tần số dao động, há chẳng phải là *“thuận theo lòng muốn”* ư? Người kiến tánh có bản lãnh, kẻ đã mê mất tự tánh bèn đánh mất bản năng (năng lực sẵn có). Đức Phật dạy chúng ta: Chẳng phải là thật sự đánh mất, mà là tạm thời mất đi; khi nào quý vị giác ngộ, nó bèn trở lại nguồn. Ngày nào giác ngộ, ngày ấy trở lại nguồn! Khi mê bèn mất đi, khi ngộ bèn trở lại nguồn, nó là Tánh Đức, Tánh Đức vĩnh viễn chẳng mất đi. Vì thế, có thể thật sự lý giải điều này, sau đấy khắc chế chính mình, nghiêm túc tu hành, tu hành như thế nào? Chẳng tạo tác nghiệp sanh tử.

 *“Nhược vô sanh tử chi nghiệp, tức vô quả báo chi khổ nhi đắc tự tại”* (nếu không có nghiệp sanh tử, sẽ được tự tại vì chẳng có nỗi khổ do quả báo). Nghiệp sanh tử là gì? Trong giáo pháp Đại Thừa thường nói, kinh này cũng có nói, Kiến Tư phiền não là nghiệp sanh tử, đừng nên tạo tác những nghiệp ấy nữa. Kiến Tư phiền não quy nạp thành sáu điều là tham, sân, si, mạn, nghi, ác kiến. Chẳng còn tạo sáu chuyện ấy, sẽ chẳng có sanh tử. Sanh tử là nghiệp luân hồi, [chẳng còn tạo Kiến Tư phiền não, sẽ] chẳng còn luân hồi trong lục đạo nữa. Do vậy, chớ nên tham. Đức Phật bảo chúng ta đoạn tâm tham, chẳng bảo chúng ta thay đổi đối tượng, nhất định phải hiểu rõ điều này. Vì sao? Rất nhiều người học Phật, sanh khởi tâm tham đối với Phật pháp, sai mất rồi! Đó là thay đổi đối tượng, chứ quý vị chẳng đoạn tâm tham. Như Lương Vũ Đế xưa kia, Lương Vũ Đế tham công đức, tham Phật pháp. Nhà vua chẳng làm chuyện ác, đã đoạn hết thảy ác, nhưng tham tu hết thảy thiện, đó là sai lầm! Đoạn ác tu thiện là đúng, chẳng sai, nhưng trong ấy chẳng có tham, sân, si, mạn, nghi, thì là đúng, đó là Phật pháp. Đoạn ác tu thiện, nhưng trong ấy còn có tham, sân, si, mạn, nghi, thì chỉ có thể nói là thiện pháp thế gian! Tu những thiện pháp ấy, đắc phước báo nhân thiên, chẳng đọa lạc tam đồ, nhưng không thoát khỏi luân hồi, chớ nên không biết điều này! Trong đoạn ác tu thiện, chẳng vì tự tư tự lợi, chẳng có đúng, sai, ta, người, chẳng có tham, sân, si, mạn, bèn thoát khỏi lục đạo. Nếu niệm Phật, đem công đức ấy hồi hướng cầu sanh Tịnh Độ, quyết định được sanh, không chỉ vượt thoát lục đạo, mà còn vượt thoát mười pháp giới, công đức ấy thù thắng khôn sánh. Đây là cách giải thích thông thường đối với ba môn giải thoát.

 Nay chúng ta quay lại đọc lời chú giải, tức chú giải kinh Vô Lượng Thọ: *“Không, Vô Tướng, Vô Nguyện giả, Tịnh Ảnh Sớ viết: Chúng sanh cập pháp, tất vô tự tánh, cố danh vi Không”* (Không, Vô Tướng, Vô Nguyện: Tịnh Ảnh Sớ giảng: “Chúng sanh và pháp đều chẳng có tự tánh, nên gọi là Không”). *“Chúng sanh và pháp”*: Nói thật ra, chúng sanh và pháp là một chuyện. Trong vũ trụ, Phật pháp gọi [vũ trụ] là “pháp giới”, chẳng gọi là vũ trụ mà gọi là pháp giới, pháp giới to hơn vũ trụ. Vạn sự vạn vật trong khắp pháp giới hư không giới phẩm loại vô lượng, vô biên, vô số, vô tận; trong giáo học, nhằm thuận tiện, đức Phật dùng một danh từ để gọi chung [vạn sự vạn vật] là Pháp. Vì thế, Pháp là danh từ chung thay cho hết thảy sự vật trong khắp pháp giới hư không giới. Chúng sanh và pháp do đâu mà có? Do các duyên hòa hợp sanh khởi, nên gọi là *“chúng sanh”.* Vì thế, *“chúng sanh”* có ý nghĩa vô cùng rộng rãi, chẳng có pháp nào sanh khởi độc lập, mà đều là các duyên hòa hợp. Thí dụ như hiện thời nói đến vật chất, các nhà khoa học thoạt đầu nói tới nguyên tử, nghĩ nguyên tử là nhỏ nhất. Về sau, khoa học tiến bộ hơn, biết nguyên tử chẳng phải là nhỏ nhất, còn có thể phân chia, chia thành điện tử, lại chia thành các hạt, lại chia thành những hạt cơ bản, gọi là Khoa-khắc (Quark). Nay lại biết thứ này vẫn có thể chia nhỏ, chia thành lượng tử (Quantum). Lượng tử còn gọi là tiểu quang tử, đại khái chẳng thể chia nhỏ hơn nữa. Phật pháp gọi những hiện tượng ấy là “vi trần”, hạt bụi rất nhỏ là “vi trần”. Vi trần vô cùng vi tế, trong kinh Phật cũng dùng tỷ dụ. Thô nhất, nhục nhãn vẫn có thể thấy được thì gọi là Ngưu Mao Trần (Go-raja). Lông bò rất thô, trên đầu sợi lông bò có một mảnh bụi dính ở đó, nay chúng ta biết nó có sức hút, vật chất có sức hút khiến mảnh trần ấy chẳng rơi xuống. Hạt trần ấy chia thành bảy phần, một phần bảy bèn gọi là Dương Mao Trần (Avi-raja). Lông dê mịn hơn lông bò, hạt trần dính trên đầu một sợi lông dê [thì gọi là Dương Mao Trần]. Dương Mao Trần lại chia thành bảy phần, một phần ấy gọi là Thố Mao Trần (Śaśa-raja). Lông thỏ càng mịn hơn nữa. Người Trung Quốc dùng bút lông, rất nhiều loại bút chế bằng lông thỏ. Thố Mao Trần rất nhỏ, dính trên đầu sợi lông [con thỏ] chẳng rớt. Thố Mao Trần lại chia thành bảy phần, một phần ấy gọi là Thủy Trần (Ap-raja). Thủy là hiện tượng vật chất, nó có những kẽ hở, nhìn dưới kính hiển vi, những kẽ hở ấy rất lớn. Hạt bụi ấy có thể bơi qua bơi lại không chướng ngại giữa các khe hở của [những phân tử nước], nên gọi là Thủy Trần. Thủy Trần lại chia thành bảy phần thì một phần ấy gọi là Kim Trần (Loha-raja). Kim loại có mật độ cao, nhưng vẫn có các kẽ hở [giữa các phân tử]. Các hạt ấy có thể di chuyển tự do giữa các kẽ hở [của các phân tử] trong kim loại, chẳng bị chướng ngại. Hạt này quá nhỏ, nhục nhãn của chúng ta chẳng thấy được. Kim Trần lại chia thành bảy phần, một phần ấy gọi là Vi Trần (Aṇu), kinh dạy: Thiên Nhãn của A La Hán có thể thấy vi trần, chẳng cần dùng máy móc mà có thể thấy. Vi Trần còn có thể chia nhỏ, lại chia thành bảy phần thì một phần ấy gọi là Sắc Tụ Cực Vi (Paramāṇu), A La Hán chẳng nhìn thấy, nhưng Bồ Tát có thể nhìn thấy. Sắc Tụ Cực Vi vẫn còn có thể chia nhỏ, lại chia thành bảy phần thì một phần gọi là Cực Vi Chi Vi, các vị Bồ Tát bình phàm chẳng nhìn thấy, đại khái là từ Thất Địa Bồ Tát trở lên mới có thể thấy. Vì thế, đức Phật dùng Trần làm đại biểu. Di Lặc Bồ Tát nói *“một hạt vi trần”* thì đại khái là nói tới Cực Vi Chi Vi, nhục nhãn của chúng ta tuyệt đối chẳng thấy được, trong một hạt vi trần ấy có thế giới. Có lẽ các nhà khoa học đã nhìn thấy Cực Vi Chi Vi như đức Phật đã nói, đó là gì vậy? Nhà khoa học nói tiểu quang tử, còn gọi là lượng tử, rất có thể là Cực Vi Chi Vi như Phật đã nói. Đức Phật nói trong ấy có thế giới, khoa học chưa nói đến. Người nào có thể tiến vào thế giới ấy? Kinh Hoa Nghiêm nói Phổ Hiền Bồ Tát có thể vào thế giới trong một vi trần. Thế giới trong vi trần và thế giới của chúng ta to như nhau, cũng có mười phương các cõi Phật, cũng náo nhiệt. Phổ Hiền Bồ Tát có thể tiến nhập thế giới trong vi trần để tham học. Trong mỗi vi trần đều có thế giới, trong thế giới ấy còn có vi trần, trong vi trần còn có thế giới, trùng trùng vô tận, chẳng thể nghĩ bàn! Do nguyên nhân gì? Công đức của tự tánh vốn là như thế. Tuyệt đối chẳng một ai có thể suy lường hay tưởng tượng được. Tự tánh vốn trọn đủ đức tướng, [tức là] đức năng và tướng hảo, trùng trùng vô tận. Đúng như hai câu nói của cổ nhân: *“Không gì lớn ra ngoài, không gì nhỏ chẳng ở trong”*. Dùng Phật pháp để giải thích hai câu ấy sẽ giảng thấu triệt, chẳng sai tí nào! Cổ nhân Trung Quốc chẳng giảng rõ hai câu ấy. Vì thế, Phật giáo truyền đến Trung Quốc, đúng như ông Thang Ân Tỷ (Arnold J. Toynbee) đã nói: *“Phong phú hóa văn hóa bản địa của Trung Quốc”.* Tổ tiên đã nêu ra quan niệm này, đức Phật đã giải thích nó, chẳng khác nhau! Do vậy, trong Phật pháp có khoa học cao cấp, chẳng giả! Tin tưởng khoa học thì phải học ở nơi đâu? Phải học Phật. A Di Đà Phật là đại triết gia, đại khoa học gia. Các nhà khoa học phải đến du học trong thế giới Cực Lạc thì mới có thể đạt tới mức đăng phong tạo cực. Nếu không, học những thứ khoa học [trong hiện thời], đều là những thứ khoa học trong vườn trẻ, chẳng mang lại hạnh phúc cho chúng sanh, mà đem lại tai nạn, nay chúng ta đã nếm mùi đau khổ rồi! Khi khoa học vừa mới khởi đầu hình thành, tuy rất ấu trĩ, nhưng rất khá, đem lại rất nhiều thuận tiện cho chúng ta, vì sao? Chẳng phá hoại thiên nhiên nghiêm trọng! Hiện thời, khoa học phát triển, nhưng chẳng liễu giải chân lý khoa học, mà cũng chẳng liễu giải triết học, thuận theo tham, sân, si mạn của chính mình mà phá hoại sự cân bằng sinh thái trong thiên nhiên, nay thiên nhiên trả thù, đó là dẫn đến hậu quả. Đấy chẳng phải là trí huệ, mà là tri thức. Trong tri thức vẫn có ngu mê y như cũ! Các nhà khoa học chẳng sánh bằng Thanh Văn, Duyên Giác. Thanh Văn, Duyên Giác đã đạt được vô ngã, vô tư, còn các nhà khoa học Ngã Chấp hết sức kiên cố, vì tự tư tự lợi, khởi tâm động niệm tổn người, lợi mình. Khoa học dùng các thứ kỹ thuật để làm gì? Mở rộng tham, sân, si, mạn của họ, sai mất rồi! Vì thế, mang lại tai nạn cho cả địa cầu, chúng ta chớ nên không biết điều này. Chúng ta phải lý giải ý nghĩa của chúng sanh và pháp.

 Sau đó, bảo quý vị, *“tất vô tự tánh”* (đều chẳng có tự tánh). Tự tánh là thể tánh của chính mình. Chẳng có tự tánh. Chúng do các duyên hòa hợp, duyên tụ thì có, duyên tán bèn chẳng còn nữa. Giống như căn nhà này, căn nhà chẳng có tự thể. Tự tánh là tự thể, thực thể; chẳng có [tự thể], nó do các duyên hòa hợp. Quý vị thấy cốt sắt, xi-măng, gạch, ngói, những thứ vật liệu xây dựng, do sức người kết hợp lại. Đó là các duyên hòa hợp, dựng lên căn nhà. Phá hủy đi, chất đống tại đó, bèn là vật liệu xây dựng, chẳng thấy nhà nữa! Đức Phật bảo chúng ta, tất cả hết thảy các pháp tướng đều là các duyên hòa hợp mà hiện. Duyên tụ bèn có, duyên tán bèn diệt; vì thế, chúng chẳng phải là thật, mà là giả. Quý vị phải biết: Chúng chẳng có tự thể, chẳng có tự tánh, nên gọi là Không. Không là gì? Bản thể của nó chính là Không, căn nhà có tồn tại hay không? Người hiểu rõ ràng điều ấy, nó chẳng có bản thể, chỉ là [các duyên] kết hợp mà thôi, hễ tách rời [các duyên] bèn chẳng còn nữa! Vì thế, phải biết: Không là thật, Có là giả, chớ nên chấp trước giả hữu! *“Nãi chí nhân duyên, tướng diệc bất hữu”* (cho đến nhân duyên cũng chẳng có tướng); nhân duyên cũng chẳng thể đạt được. *“Thuyết vi Vô Tướng”* (nên nói là Vô Tướng). Chúng sanh và pháp đều vô tự tánh, nên gọi là Không. Vô Tướng do đâu mà có? Tướng nhân duyên cũng chẳng thật, nên gọi là Vô Tướng.

 *“Thử ly sở thủ”* (do vượt khỏi những cái bị giữ lấy), thật sự hiểu rõ ràng, minh bạch. Thủ (取) là chiếm hữu, khống chế. Đối với hết thảy các pháp, chẳng có ý niệm khống chế, chẳng chiếm hữu, kể cả thân thể của chính mình. Điều này rất trọng yếu. Vì nếu ta chiếm hữu thân thể này, ta muốn có thân thể này, thân thể sẽ sanh bệnh, vì sao? Tâm quý vị chẳng bình thường, tâm ấy là vọng tâm. Phật, Bồ Tát chẳng có tâm ấy, vô ngã, không có ta, nên thân thể các Ngài là tự nhiên. Thân thể của các Ngài tương ứng với Pháp Tánh, tương ứng với Pháp Tướng. Vì thế, các Ngài vĩnh viễn chẳng suy, vĩnh viễn chẳng già, đạo lý là ở chỗ này. *“Viễn ly vọng tưởng năng thủ chi tâm”* (Xa lìa cái tâm vọng tưởng chấp lấy), Ngài chẳng có vọng tưởng, chẳng có phân biệt, chẳng có chấp trước. *“Cố viết Vô Nguyện”* (nên nói là Vô Nguyện). Vô Nguyện chẳng phải là không làm chuyện gì, [mà là] chuyện gì cũng đều làm. Quý vị thấy Thích Ca Mâu Ni Phật, lấy Ngài làm thí dụ. Ngài xuất sanh trong thế gian này, vì chúng ta giảng kinh, giáo học suốt bốn mươi chín năm, vui sướng, chẳng mệt nhọc; nhưng suốt một đời Ngài, Ngài chẳng có vọng tưởng, phân biệt, chấp trước, nên gọi là Vô Nguyện. Vô Nguyện chẳng phải là không làm lụng, mà là làm lụng hết sức siêng năng. Do đó, nói: *“Làm nhưng chẳng làm thì gọi là Vô Nguyện, còn gọi là Vô Tác”*. Tướng mà vô tướng, chẳng chấp tướng, biết tướng ấy là huyễn tướng. Đối với hết thảy cảnh giới, đối với người, đối với sự, đối vật, đều phải làm như thế nào? Phải thực hiện hiếu đễ, trung tín, lễ nghĩa, liêm sỉ, nhân ái, hòa bình. Tuy đã làm được, nhưng tâm địa thanh tịnh, chẳng nhiễm mảy trần, đó gọi là Vô Tướng. Tiểu Thừa gặp rắc rối ở chỗ nào? Tiểu Thừa thật sự rớt vào Không, họ chẳng làm, chẳng có nguyện, thật sự không làm, thật sự chẳng nghĩ tới, nên thật sự không làm. Vì thế, họ rơi vào bên Không, được gọi là Thiên Chân Niết Bàn. Trong Thiên Chân Niết Bàn, có sự vui sướng gì? Thanh tịnh! Thanh tịnh vô vi, họ hưởng thụ điều ấy. Bất quá, trong kinh, đức Phật đã nói: Họ hưởng thụ đã lâu, bèn từ từ giác ngộ, phải mất bao lâu? Hai vạn đại kiếp! Bích Chi Phật thông minh hơn họ, Bích Chi Phật một vạn đại kiếp bèn quay đầu. A La Hán phải mất hai vạn đại kiếp mới hồi Tiểu hướng Đại, hành theo Bồ Tát, cũng có thể ở trong tướng mà chẳng chấp tướng, tuy làm mà chẳng chấp tướng, mang ý nghĩa này.

 Chúng ta xem đoạn tiếp theo*: “Hựu vân: ‘Quán chư pháp Không, thị danh Không”* (Lại nói: “Quán hết thảy các pháp là Không, nên gọi là Không”), biết hết thảy các pháp vô tự tánh. *“Ư Không trung, bất khả thủ tướng”* (Trong cái Không, chẳng thể giữ lấy tướng). *“Thủ tướng”* là quý vị chấp trước. Trong Không, chẳng thể chấp trước Không. Chấp trước Không thì sai mất rồi! Vì vậy, trong Không chẳng thể giữ lấy tướng. *“Thị thời, Không chuyển danh Vô Tướng”* (khi ấy, Không đổi tên thành Vô Tướng). Vô Tướng là Không, Không là Vô Tướng, thay đổi danh từ, chúng ta gọi nó là Vô Tướng. *“Vô Tướng trung, bất ưng hữu sở tác”*, [nghĩa là] nếu là vô tướng, [tuy vẫn làm] nhưng chớ nên thấy có làm chuyện gì. *“Vi tam giới sanh, thị thời, Vô Tướng chuyển danh Vô Tác (tức Vô Nguyện)”* (để sanh trong tam giới, khi ấy, Vô Tướng đổi tên thành Vô Tác, tức là Vô Nguyện) Đây là giải thích ý nghĩa của ba danh từ, tương đồng với những ý nghĩa đã nói trong phần trước. Tiếp theo là một tỷ dụ: *“Thí như thành hữu tam môn, nhất nhân thân bất đắc nhất thời tùng tam môn nhập”* (Ví như cái thành có ba cửa, một thân người chẳng thể cùng một lúc vào được ba cửa). Mỗi người chúng ta có một thân thể, quý vị chẳng có cách nào vào ba cửa cùng một lúc. Quý vị chỉ có thể vào một cửa, một cửa thì quý vị có thể tiến vào được. *“Nhược nhập, tắc tùng nhất môn”* (nếu vào thì theo một cửa). *“Chư pháp Thật Tướng thị Niết Bàn thành”* (Thật Tướng của các pháp là thành Niết Bàn). Thật Tướng của chư pháp là Pháp Tánh, là tự tánh. Nếu quý vị muốn kiến tánh, tức là *“nhập Niết Bàn thành”.* Vào như thế nào? Thành có ba cửa, có Không, có Vô Tướng, có Vô Tác, có ba môn ấy. *“Nhược nhân nhập Không môn, bất đắc thị Không, diệc bất thủ tướng, thị nhân trực hạ sự biện”* (Nếu người theo cửa Không mà vào, chẳng thấy là Không, cũng chẳng chấp tướng, thì người ấy ngay khi đó đã xong việc), [tức là] người ấy đã viên mãn. *“Cố bất tu nhị môn”* (nên chẳng cần đến hai cửa kia nữa), không cần theo hai cửa khác [để vào thành nữa], hễ vào được [một cửa] thì hết thảy đều đạt được! *“Bất đắc thị Không”* là chẳng chấp Không, *“diệc bất thủ tướng”* là chẳng chấp Có, tức là như trong phần trước đã nói: *“Chẳng trụ vô vi, chẳng trụ hữu vi”*. Quý vị thật sự kiến tánh! Nếu quý vị chấp Không, chấp Có, trọn chẳng vào được, chẳng tiến nhập được! Do hàng Tiểu Thừa chấp Không, chẳng chấp Có, tự nghĩ chính mình đã tiến nhập, nhưng [sự nhập ấy] chẳng thật, nên gọi là Thiên Chân Niết Bàn (Niết Bàn chấp chặt nơi Chân Đế). Nói cách khác, đó là tương tự Niết Bàn, chẳng phải là thật sự. [Niết Bàn] thật sự là nhị biên đều chẳng thể chấp, đó là Bồ Tát nhập. Bồ Tát nhập Bát Niết Bàn bèn thành Phật. Kinh Hoa Nghiêm nói người nào nhập đại tam không tam-muội? Đại Thừa, tức là Sơ Trụ Bồ Tát bèn nhập Không, Vô Tướng, Vô Nguyện. Sơ Trụ Bồ Tát dựa vào đâu để nhập? Ngài chẳng chấp trước. Ý niệm chấp trước đã đoạn, tâm phân biệt đã đoạn, khởi tâm động niệm cũng đã đoạn. Khởi tâm động niệm là Vô Minh, phân biệt là Trần Sa phiền não, chấp trước là Kiến Tư phiền não. Quý vị thấy đã đoạn Kiến Tư, đã đoạn Trần Sa, đã đoạn Vô Minh, vị ấy bèn minh tâm kiến tánh, kiến tánh thành Phật, bèn chứng đắc Sơ Trụ trong Viên Giáo, vừa mới chứng đắc [ba môn giải thoát ấy]. Ngài trụ nơi đâu? Thật sự trụ trong thành Đại Niết Bàn. Thành Đại Niết Bàn là chỗ nào? Cõi Thật Báo Trang Nghiêm của chư Phật Như Lai.

 Chúng ta bèn hiểu đoạn văn này giảng về cảnh giới của cõi Thật Báo Trang Nghiêm. Chúng ta chưa đạt tới cảnh giới này, quý vị chẳng tương ứng với nó. Cõi Thật Báo chẳng có cửa, đi vào bằng cách nào? Khí phận phù hợp bèn tiến nhập! Người ta tâm rất thanh tịnh, vọng tưởng, phân biệt, chấp trước đều chẳng có. Nếu chúng ta nói chính mình đã đoạn hết phân biệt, chấp trước, nhưng còn khởi tâm động niệm, [như vậy thì] sẽ chẳng vào được! Còn khởi tâm động niệm sẽ đến nơi đâu? Đến bốn thánh pháp giới, là “Niết Bàn thành” của Tiểu Thừa. Cõi Thật Báo là “Niết Bàn thành” của Đại Thừa Bồ Tát, khác hẳn. Chúng ta phải hiểu những điều này, phải liễu giải rất sâu, phải nhận thức rất rõ rệt, giúp chúng ta nâng cao cảnh giới, giúp chúng ta thật sự chịu buông xuống. Chẳng liễu giải sẽ chẳng chịu buông xuống; chẳng biết buông xuống tốt đẹp dường ấy! Buông xuống là trở về quê nhà, phải biết Thường Tịch Quang Tịnh Độ là quê hương của chúng ta. Chúng ta đến thế giới Cực Lạc, đến cõi Thật Báo Trang Nghiêm của A Di Đà Phật, là đến cửa ngõ của quê hương. Phải biết điều này! [Đã đến cửa ngõ, nhưng] chưa vào cửa, vì sao? Tập khí vô thỉ vô minh chưa đoạn sạch. Trong kinh Phật có nói: Đoạn sạch tập khí của bốn mươi mốt phẩm vô minh, quý vị bèn bỏ địa vị Đẳng Giác, chứng đắc Diệu Giác, nhập Thường Tịch Quang Tịnh Độ. Chúng ta từ Thường Tịch Quang mà ra, chư vị phải biết điều này. Thường Tịch Quang là quê nhà, từ Thường Tịch Quang đi ra. Thường Tịch Quang được sách Hoàn Nguyên Quán gọi là *“tự tánh thanh tịnh viên minh thể”*, đó là bản thân chân thật của chúng ta, là quê nhà của chúng ta. Do một niệm bất giác, bèn ra khỏi, từ Thường Tịch Quang biến hiện cõi Thật Báo, nhưng chúng ta vẫn chưa hưởng thụ cõi Thật Báo, đọa quá nhanh, đọa xuống dưới. Một niệm bất giác, xuất hiện ba tế tướng, tức là ba tế tướng của A Lại Da; khi ấy, có thể biến hiện y báo và chánh báo trang nghiêm của mười pháp giới. Khởi tâm động niệm, vô minh dấy lên, kế đó là phân biệt, từ phân biệt, ngay lập tức dấy lên chấp trước. Phân biệt là bốn thánh pháp giới xuất hiện, chấp trước là lục đạo luân hồi xuất hiện. Đến như thế nào, trở về ra sao, phải hiểu rõ ràng, phải minh bạch điều này!

 Chúng ta cũng chẳng bỏ nơi đây được! Vẫn lưu luyến như thế đó, rất phiền! Quý vị có phải quay về hay không? Phải quay về, dù sớm hay trễ! Quý vị đã lưu luyến, bỏ chẳng được, thôi rồi! Quý vị lại luân hồi trong lục đạo! Phật, Bồ Tát thừa kiên nhẫn, Phật, Bồ Tát thật sự từ bi, các Ngài chờ quý vị bên đó, ngày nào quý vị thật sự [cảm nhận] chịu tội trong lục đạo đủ rồi, chẳng muốn chịu nữa, Phật, Bồ Tát bèn đưa tay giúp đỡ, đến dạy quý vị. *“Thượng căn lợi trí, thiện căn sâu dầy”* là gì? Đó là gì? Trong lục đạo chịu hết mọi nỗi khổ, đã giác ngộ, chẳng muốn luân hồi nữa. Oan oan tương báo với các chúng sanh, đòi nợ, trả nợ chẳng xong, chẳng hết! Hằng ngày diễn những trò đó, chẳng biết những thứ ấy toàn là rỗng tuếch, là một giấc mộng. Thật sự hiểu rõ thì như kinh Kim Cang đã nói rất hay: *“Hết thảy pháp hữu vi, như mộng, huyễn, bọt, bóng”*, đời người như giấc mộng, thật đấy, chẳng giả đâu! Tạo thiện bèn hưởng vui trong mộng; tạo ác bèn chịu khổ trong mộng. Tỉnh giấc, hoàn toàn rỗng tuếch, thứ gì cũng chẳng có, đạo lý này rất sâu, rất khó hiểu. Do vậy, thuở tại thế, đức Phật giảng chuyện này, giảng đạo lý này, giảng Bát Nhã suốt hai mươi hai năm. Hai mươi hai năm chẳng kể là dài, đã thật sự giác ngộ, quý vị sẽ vĩnh viễn thoát ly lục đạo luân hồi, chẳng làm chuyện ngốc nghếch nữa. Duyên đặc biệt thù thắng, chúng ta rất may mắn, chúng tôi đang nói điều gì vậy? Nói quý vị gặp gỡ pháp môn Tịnh Độ, quý vị thật may mắn, Bồ Tát đều hâm mộ quý vị, gặp gỡ Tịnh Độ là thành Phật trong một đời! Chẳng phải là thành A La Hán, chẳng phải chỉ thoát ly lục đạo luân hồi, thoát ly mười pháp giới, mà còn thoát ly cõi Thật Báo, trực tiếp trở về tự tánh, trở về tự tánh viên minh thể, tuyệt diệu quá! Hôm nay đã hết thời gian rồi, chúng ta học tập tới chỗ này.

**Tịnh Độ Đại Kinh Giải Diễn Nghĩa**

**Phần 59 hết**

# Tập 119

Chuyển ngữ: Bửu Quang Tự đệ tử Như Hòa

Giảo duyệt: Huệ Trang và Đức Phong

 Chư vị pháp sư, chư vị đồng học, xin hãy ngồi xuống. Xin xem Đại Thừa Vô Lượng Thọ Kinh Giải, trang một trăm ba mươi tám, hàng thứ sáu từ dưới đếm lên, xem từ đoạn này.

 *“Hựu vân: Quán chư pháp Không, thị danh Không. Ư Không trung, bất khả thủ tướng, thị thời, Không chuyển danh Vô Tướng. Vô Tướng trung, bất ưng hữu sở tác vi tam giới sanh, thị thời, Vô Tướng chuyển danh Vô Tác (tức Vô Nguyện)”* (Lại nói: “Quán các pháp là Không, nên gọi là Không. Trong cái Không đó, chẳng thể giữ lấy tướng, ngay khi ấy, cái Không đổi tên là Vô Tướng. Trong Vô Tướng, chớ nên có thứ gì được làm để sanh trong tam giới, nên ngay khi ấy, Vô Tướng đổi tên là Vô Tác, tức là Vô Nguyện). Chúng ta xem từ chỗ này, vẫn là những điều được nói trong Trí Độ Luận, dạy chúng ta trong cuộc sống hằng ngày thấy thấu suốt và buông xuống như thế nào. *“Quán chư pháp Không”* được kinh Bát Nhã giảng nhiều nhất. Trong các đồng học, rất nhiều vị đã đọc kinh Kim Cang Bát Nhã. Kinh Kim Cang chẳng dài, Thiền Tông Lục Tổ Huệ Năng đại sư khai ngộ do kinh ấy. Do vậy, bộ kinh ấy trở thành kinh bậc nhất và cơ bản trong Thiền Tông, biến thành một khóa trình phải tu học. Kinh văn chẳng dài lắm, đại khái chỉ có hơn năm ngàn chữ, do ngài Cưu Ma La Thập phiên dịch, vô cùng thích hợp khẩu vị của người Trung Quốc, nên người niệm [kinh Kim Cang] đặc biệt nhiều. Câu quan trọng nhất trong kinh, cũng là câu khiến cho ngài Huệ Năng khai ngộ là *“ưng vô sở trụ, nhi sanh kỳ tâm”* (đừng nên trụ vào đâu để sanh tâm)*.* Câu ấy dạy chúng ta cách nhìn vạn sự vạn vật trong toàn thể vũ trụ, nói rất đơn giản, rất rõ ràng, dạy chúng ta thấy hết thảy sự vật: *“Phàm những gì có tướng đều là hư vọng”.* Đó là quán các pháp Không, tức là Không Giải Thoát môn trong ba môn giải thoát.

 Không ở chỗ nào? Không ở trong Sắc, Sắc tức là Không. Không chẳng ở bên ngoài, mà từ ngay trong vạn sự, vạn pháp, quý vị thấy Không. Vì sao có thể thấy Không? Quý vị thấy tất cả hết thảy các pháp đều do nhân duyên sanh, như Trung Quán Luận đã nói: *“Nhân duyên sở sanh pháp, ngã thuyết tức thị Không”* (pháp do nhân duyên sanh, ta nói chính là Không), *“ta”* ở đây là đức Phật nói. Các pháp do nhân duyên sanh, chẳng có tự thể. Chúng ta thường cầm tràng hạt (xâu chuỗi), chúng ta thấy nó là một chuỗi, hãy thấy bản thể của nó là Không. Tràng hạt là từng hạt một, do một sợi dây xâu lại, nó là duyên sanh (do các duyên hội tụ mà sanh ra). Chúng ta tháo sợi dây ấy ra, từng hạt từng hạt một [tách rời], tướng tràng hạt chẳng còn nữa. Đối với từng hạt, chúng ta thấy nó là hạt cây, do cây sanh ra, nên [mỗi hạt] cũng là pháp sanh bởi nhân duyên. Duyên tụ, bèn có một hạt xâu chuỗi; khi duyên tán, hạt xâu chuỗi chẳng còn nữa, biến thành bột! Bỏ đó đã lâu, quý vị chẳng dùng đến nó, bỏ mặc đó, nó sẽ biến thành bột, gió vừa thổi bèn tan mất. Tụ thì nó có tướng; tán thì tướng chẳng còn nữa! Chẳng cần chờ nó tán, quý vị mới biết là Không, mà hiện thời đã biết nó là Không. Tướng của nó chẳng thể duy trì vĩnh cửu! Nói chung, sẽ có ngày nó hư hoại, tan mất, bản thể chính là Không, đó là trí huệ. Chúng ta thấy hết thảy các pháp đều như thế, kể cả các tinh cầu cũng chẳng ra ngoài lệ ấy. Nếu chúng ta có dịp đến thăm đài Thiên Văn, gần như sẽ thường thấy các tinh cầu bùng nổ trong không gian, những tinh cầu ấy chẳng còn nữa. Vì thế, đối với với sự tồn tại của tinh cầu, kinh Phật nói là *“thành, trụ, hoại, không”*, tinh cầu chẳng có! Cũng rất có thể là chúng ta thường phát hiện: Ở nơi đây vốn chẳng có tinh cầu, đột nhiên xuất hiện một ngôi sao sáng lấp lánh, chúng ta biết là một ngôi sao mới hình thành. Đấy cũng là nói các ngôi sao già đã tử vong, hủy diệt; trong vũ trụ có thành, trụ, hoại, không. Quý vị biết thứ gì cũng đều là vô thường, không chỉ là *“biển xanh, nương dâu”.* Nếu chúng ta rất lắng lòng quan sát, sẽ biết hết thảy các pháp *“hễ duyên tụ bèn có, duyên tán bèn không”*, nên biết là Không! Đã biết là Không, nên đối với Không, chớ nên chấp tướng!

 Gì là Không? Tướng là Không, tất cả các tướng là Không. Tất cả các tướng, động vật có sanh, lão, bệnh, tử, thời gian tồn tại chẳng dài. Con người sống trong thế gian này, chúng ta nghĩ tới các thế hệ trước, thế hệ cha mẹ đã khuất, thế hệ ông bà đã khuất. Trong dòng thời gian dài vô hạn, họ chỉ tồn tại một thời gian ngắn, trước giai đoạn ngắn ngủi đó, chẳng có họ, sau giai đoạn ngắn ngủi đó, cũng chẳng có họ, đều chẳng còn! Sau đấy, lập tức nghĩ đến chính mình, bản thân chúng ta cũng chiếm một khoảng ngắn trong dòng thời gian dài dằng dặc. Có người thời gian ngắn một chút, ba bốn mươi tuổi đã mất, thời gian ngắn chủn! Có người thời gian dài hơn một chút, nhưng bảy tám mươi tuổi cũng đi. Cổ nhân Trung Quốc nói người ngoài bảy mươi tuổi là: *“Nhân sanh thất thập cổ lai hy”* (người bảy mươi tuổi xưa nay hiếm), người trên bảy mươi chẳng nhiều lắm, người chưa đến bảy mươi đã mất rất nhiều. Do vậy, chúng ta phải hiểu toàn là rỗng tuếch. Nếu toàn là rỗng tuếch, ở đây, *“bất khả thủ”* (chẳng thể chấp lấy) là “đừng chấp tướng”. Chấp tướng là sai mất rồi! Đối với những tướng ấy, chớ nên chấp trước, chớ nên phân biệt. Đại Thừa Bồ Tát không chỉ chẳng phân biệt, chẳng chấp trước, mà đối với hết thảy các tướng đều chẳng khởi tâm, không động niệm, hạng người nào vậy? Kinh nói những vị đại sĩ, các vị Bồ Tát, được gọi là cao nhân, các Ngài chẳng khởi tâm, không động niệm, chẳng có phiền não, chẳng tạo nghiệp, vô cùng cao minh. Các Ngài trọn chẳng bỏ tướng, vì sao? Chẳng cần thiết! Tướng là huyễn tướng, đều là chẳng thật. Đã hiểu rõ, đối với những tướng ấy, chẳng khởi tâm, chẳng động niệm, chẳng phân biệt, chẳng chấp trước, những vị ấy là Phật, là Pháp Thân Bồ Tát. Khi đó, chẳng gọi là Không, mà gọi là Vô Tướng. Thấy những tướng ấy, chẳng dùng danh từ Không, mà dùng chữ Vô Tướng.

 Tiếp đó, chúng ta biết tướng là giả. Do tướng là giả, chớ nên có những *“tác vi”* (tạo nghiệp) khiến phải sanh trong tam giới. Tam giới là Dục Giới, Sắc Giới, Vô Sắc Giới, đó là nói tới lục đạo luân hồi, chớ nên có những tác vi trong lục đạo. *“Tác vi”* là gì? Làm thiện, làm ác, làm vô ký (chẳng thiện, chẳng ác). Khoan nói đến vô ký, chúng ta chỉ bàn về thiện và ác, chớ nên tạo tác. Nếu quý vị làm lành, sẽ là ba thiện đạo, quả báo ở trong ba đường lành. Nếu quý vị tạo nghiệp bất thiện, quả báo ở trong ba đường ác, [nhưng làm lành hay làm ác] đều là tạo nghiệp luân hồi. *“Bất ưng hữu sở tác”* (chớ nên có tác vi) là gì? Học theo Phật, Bồ Tát. Thích Ca Mâu Ni Phật cũng thị hiện trụ trong thế gian này tám mươi năm, người ngoại quốc nói là bảy mươi chín tuổi, nói theo tuổi thật, người Trung Quốc nói theo *“hư tuế”* (tuổi ta) là tám mươi tuổi, cũng là sống một khoảng thời gian dài ngần ấy. Quý vị thấy Ngài có thể “làm mà chẳng làm, chẳng làm mà làm”, đó là đúng. Suốt cả một đời là như thế nào? Chẳng tạo nghiệp, chẳng tạo ác nghiệp, thiện nghiệp cũng không tạo, cao lắm! Ngài chẳng luân hồi. Trong phần trước, chúng tôi đã nói với quý vị về mười hai nhân duyên. Trong mười hai nhân duyên, Ái, Thủ, Hữu là tạo nhân trong một đời này, các Ngài có bản lãnh. Quý vị thấy: Biểu hiện Ái, biểu hiện Thủ, nhưng sau đó chẳng có Hữu. Đó là chuyện như thế nào? Vị ấy chẳng phân biệt, chẳng chấp trước, đó là Tiểu Thừa. Nếu vị ấy chẳng khởi tâm, không động niệm thì là Đại Thừa. Chúng ta có thể lý giải vì sao các Pháp Thân Bồ Tát chẳng tạo nghiệp. Pháp Thân Bồ Tát ai nấy đều là bậc minh tâm kiến tánh, đại triệt đại ngộ, các Ngài có thể hằng thuận chúng sanh, hòa quang đồng trần cùng chúng sanh, chẳng khởi tâm động niệm, chẳng phân biệt, chấp trước. Biểu hiện giúp đỡ chúng sanh bằng vô tận phương tiện thiện xảo. Giúp đỡ chúng sanh, thành tựu chúng sanh; trong ấy, quan trọng nhất là khơi gợi, dẫn dắt chúng sanh, giúp họ khai trí huệ, khiến cho họ dần dần giác ngộ. Chưa thể giác ngộ thì kéo họ tới gần giác ngộ; rất gần với giác ngộ, giúp cho họ hoát nhiên đại ngộ. Các vị Phật, Bồ Tát có năng lực như thế, xác thực là trong tự tánh tỏ lộ trí huệ và đức năng. Nếu nghiệp chướng của chúng ta không quá nặng, sau khi gặp gỡ, chắc chắn sẽ thành tựu trong một đời. Kẻ nghiệp chướng sâu nặng gặp gỡ, phải tiêu trừ nghiệp chướng trên một mức độ lớn. Chúng ta dùng mười hai nhân duyên để nói thì: Về biểu hiện, bèn có Ái và Thủ, nhưng chẳng phân biệt, chấp trước; khi ấy, gọi là Vô Tác. Trong Phật pháp thường nói: *“Làm mà chẳng làm, chẳng làm mà làm”* chính là ý nghĩa này. Chẳng làm, nhưng có làm thì vẫn là không làm, vô nguyện mà! Nguyện và Tác có cùng một ý nghĩa.

 *“Thí như thành hữu tam môn”* (Ví như cái thành có ba cửa). Một người là một thân thể, chẳng có cách nào cùng một lúc vào cả ba cửa, muốn vào chỉ có thể theo một cửa. *“Chư pháp Thật Tướng”* (Thật Tướng của các pháp) được tỷ dụ là *“Niết Bàn thành”*. “*Thành hữu tam môn: Không, Vô Tướng, Vô Tác. Nhược nhân nhập Không môn, bất đắc thị Không, diệc bất thủ tướng”* (thành có ba cửa: Không, Vô Tướng, Vô Tác. Nếu người theo cửa Không mà vào, chẳng thấy là Không, cũng chẳng chấp tướng). Tốt lắm, theo cửa Không để vào. *“Bất đắc thị Không”* là chẳng chấp trước Không, *“diệc bất thủ tướng”* là chẳng chấp Có, trong phần trước nói là *“chẳng trụ vô vi, chẳng trụ hữu vi”*. *“Vi”* (為) là làm. *“Chẳng chấp trước vô vi”* là chẳng chấp trước Không; *“chẳng chấp trước hữu vi”* là chẳng chấp trước Có. Hai bên Không và Có đều chẳng chấp trước, người ấy đã tiến nhập. Nhập là gì? Đã khai ngộ, minh tâm kiến tánh, đại triệt đại ngộ. Do vậy, đối với hai môn sau là Vô Tướng và Vô Nguyện, chẳng cần phải quan tâm tới, vì đã vào được cửa rồi! Chỉ cần nhập một môn, môn nào công đức cũng viên mãn, thành tựu viên mãn.

 *“Nhược nhân nhập Không môn thủ tướng đắc thị Không”*, [nghĩa là] [người ấy] theo cửa Không để vào bèn chấp Không, chấp lấy tướng “đã đắc Không”, người ấy là ai? Tiểu Thừa A La Hán, hoặc Tiểu Thừa Bích Chi Phật, họ đích xác là như thế, cho nên [cảnh giới họ chứng đắc] gọi là Thiên Chân Niết Bàn, chấp trước Không! Niết Bàn ấy chẳng phải là Niết Bàn thật sự, chấp trước Không mà! Hàng Nhị Thừa chấp Không, Quyền Giáo Bồ Tát chấp Có. Quyền Giáo Bồ Tát tức là Bồ Tát trong mười pháp giới. Chấp Có, bèn chẳng có cách nào chứng Đại Bát Niết Bàn. Thanh Văn và Duyên Giác chứng Tương Tự Tiểu Niết Bàn, tự cho là đã tiến nhập ba giải thoát môn, nhưng do chấp vào tướng “tiến nhập”, nên chẳng có tác dụng! Trong giáo pháp Đại Thừa, đức Phật gọi chấp tướng là *“hầm vô vi”*. Hàng Tiểu Thừa rớt vào hầm vô vi, nhưng họ có thể thoát ra. A La Hán chậm lụt hơn, phải hai vạn kiếp mới hồi Tiểu hướng Đại, thoát ra. Chỉ cần chẳng chấp trước bèn thoát ra. Duyên Giác thông minh hơn, một vạn đại kiếp bèn giác ngộ, cũng thoát ra. Vừa thoát ra, Ngài bèn thành Bồ Tát, thuộc tầng thứ ba trong bốn thánh pháp giới. Tầng cao nhất là Phật. Thiên Thai đại sư gọi vị Phật ấy là Tương Tự Tức Phật, chẳng phải là Chân Phật, mà là tương tự. Vì sao chẳng phải là chân Phật? Phật và phàm phu khác biệt [ở chỗ]: Phật dùng chân tâm, phàm phu dùng vọng tâm, tức là dùng A Lại Da, ngỡ A Lại Da là chân tâm. Phật và Bồ Tát trong bốn thánh pháp vẫn dùng A Lại Da, cũng có thể nói là chưa thể *“chuyển tám thức thành bốn trí”.* Nếu thật sự chuyển được, chuyển biến A Lại Da thành Đại Viên Kính Trí, sẽ là chân Phật, chẳng phải là giả Phật! Hễ chuyển, mười pháp giới chẳng còn nữa! Chư vị phải biết vì sao? Mười pháp giới do A Lại Da biến, A Lại Da vừa chuyển thành Đại Viên Kính Trí, cái nhân chẳng còn, nhân của mười pháp giới bèn đoạn. Do vậy, họ từ mười pháp giới tỉnh ngộ, giống như nằm mộng, đã tỉnh mộng rồi! Tỉnh ngộ là cảnh giới gì? Là cõi Thật Báo Trang Nghiêm của chư Phật Như Lai, thật sự đã thành Phật; lúc ấy, Thiên Thai đại sư gọi người đó là Phần Chứng Tức Phật.

 Sau đó còn có [những quả vị] viên mãn hơn, người ấy chưa chứng đắc viên mãn, viên mãn là Thường Tịch Quang. Người ấy phải đợi một thời gian trong cõi Thật Báo, ở trong ấy để làm gì? Chờ cho tập khí vô thỉ vô minh tự nhiên tiêu trừ. Ở đây, chẳng có phương pháp! Nếu nói ta dùng phương pháp gì để diệt trừ tập khí vô minh, thì vừa động niệm bèn hỏng mất rồi, lại mê rồi! Vì thế, trong cảnh giới ấy, cứ để mặc nó. Sau một thời gian dài, sẽ tự nhiên chẳng còn nữa! Phải mất thời gian bao lâu? Kinh Đại Thừa nói là ba đại A-tăng-kỳ kiếp. Vì thế, ba đại A-tăng-kỳ kiếp chẳng phải là nói gì khác, mà là nói về chuyện này, tính từ ngày đại triệt đại ngộ, minh tâm kiến tánh! Tức là nói: Tính từ lúc quý vị chứng đắc địa vị Sơ Trụ trong Viên Giáo, tính từ lúc quý vị sanh vào cõi Thật Báo Trang Nghiêm, trải qua ba đại A-tăng-kỳ kiếp, tập khí tự nhiên chẳng còn nữa. Bồ Tát khi đó, trong kinh này cũng có một thuật ngữ là *“vô công dụng đạo”*, trong Tông môn gọi là *“thử xứ dụng bất đắc lực”* (ở nơi đây, sử dụng chẳng đắc lực), chẳng có cách nào ra sức, có muốn cũng chẳng thể được, nó tự nhiên sẽ chẳng còn. Thật sự đoạn vô minh phiền não, thật sự chẳng khởi tâm, không động niệm. Vì thế, bốn mươi mốt địa vị Pháp Thân đại sĩ, nói theo thực tế là pháp giới bình đẳng, thật sự bình đẳng, trí huệ, thần thông, đạo lực đều bình đẳng, một chút tập khí vô thỉ vô minh chẳng trở ngại sự. Trong cảnh giới ấy, Bồ Tát còn có sự hay không? Có chứ! Quý vị thấy Thích Ca Mâu Ni Phật giảng kinh, vị ấy có đến nghe hay không? Đến làm Ảnh Hưởng Chúng, đó là Sự. Ngài đến thế giới này để nghe kinh, đến đi tự tại. Đồng thời, nếu Ngài và chúng sanh có duyên, Ngài bèn có thể ứng theo khả năng hiểu biết của chúng sanh; đó là “Sự” của Ngài. Tuy có vô lượng vô biên sự, Ngài chẳng hề khởi tâm động niệm; đó là Vô Tác. Chẳng làm mà làm, làm mà chẳng làm!

 Tuy cảnh giới ấy cách biệt chúng ta rất xa, nhưng chúng ta biết. Trong kinh, chúng ta đã nghe đức Phật dạy như thế, chúng ta đã hiểu rõ, đã nghe hiểu. Đã nghe hiểu, sẽ có ích rất lớn cho sự tu hành của chúng ta. Trong cuộc sống hằng ngày, chúng ta phải học tập, bất luận làm chuyện gì, chúng ta đều có tập khí, phải học như thế nào? Tập khí của chúng ta nhạt bớt một chút thì tốt! Mỗi năm một nhạt bớt hơn, điều này cũng rất đắc lực. Nếu có thể là mỗi tháng một nhạt bớt hơn, quý vị sẽ nhanh chóng đạt đến cảnh giới thành công. Đặc biệt là phải cảnh tỉnh chính mình, chính mình phải có tánh cảnh giác; trong hết thảy các cảnh giới, chớ nên có tình chấp quá nồng đậm, đó chẳng phải là chuyện tốt đẹp, mà là nghiệp chướng. Phải dần dần nhạt bớt tình chấp, phải dùng Phật pháp để cảm hóa người nhà, quyến thuộc. Chúng ta tu rất khá, một nhà hòa thuận, một nhà hoan hỷ. Người khác thấy quý vị rất vui vẻ, tự nhiên hướng về quý vị học tập. Đối với những chuyện chẳng đúng pháp của họ, quý vị phải có phương tiện thiện xảo, chớ nên nói “chẳng quen nhìn”, quý vị đang tạo tội nghiệp đấy! Nhất là quý vị học Phật, ăn chay, họ vẫn còn ăn thịt, chớ nên chướng ngại họ, hãy tùy thuận, họ sẽ vui vẻ. Nếu quý vị phê bình họ, trong tâm họ rất khó chịu, họ và quý vị trở thành hai phía đối lập, sai mất rồi! Hãy làm cho họ dần dần tự giác ngộ, quay đầu.

 Sau khi Đệ Nhị Thế Chiến kết thúc, tôi đến Đài Loan, đến một mình. Tại Đài Loan, gặp gỡ Phật pháp, cũng xuất gia tại Đài Loan, thuở ấy cũng giảng kinh khắp nơi trên đảo Đài Loan. Năm 1977, tôi đến Hương Cảng giảng kinh lần đầu, kết pháp duyên với đồng tu Hương Cảng. Hình như là vào năm Dân Quốc 82 (1993) hay năm 83 (1994), tôi bắt được liên lạc với người nhà. Gián đoạn suốt ba mươi sáu năm, ba mươi sáu năm chẳng có tin tức, nay biết mẹ và em trai vẫn còn. Một năm sau đó, tôi đến Hương Cảng giảng kinh [lần nữa], bảo họ đến Hương Cảng, mẹ và tôi gặp mặt, gián đoạn suốt ba mươi sáu năm, lần đầu tiên gặp lại tại Hương Cảng. Bà thấy tôi đã xuất gia, thấy tôi giảng kinh thính chúng đông đảo, cũng rất hoan hỷ. Tại Hương Cảng, chúng tôi ở tại Trung Hoa Phật Giáo Đồ Thư Quán do lão pháp sư Đàm Hư sáng lập, buổi tối tôi giảng kinh ở đó. Bữa trưa cũng dùng cơm tại đó. Tôi hỏi mẹ tôi muốn ăn gì? Bà muốn ăn cá. Tôi dặn nhà bếp mỗi ngày chưng cho bà hai con cá nhỏ. Bà ở đó suốt một tuần, thấy tình hình của chúng tôi như vậy, tôi chẳng khuyên bà ăn chay, mà kể với bà những điều tốt đẹp trong Phật pháp, khuyên bà niệm A Di Đà Phật, đương nhiên có thể ăn chay là tốt nhất. Tôi nói với mẹ: “Con đã ăn chay vài chục năm rồi, thân thể rất khỏe”. Sau khi bà trở về Thượng Hải, bà ở nhà em trai tôi, họ sống tại Thượng Hải, sau khi quay về, bà đã ăn chay trường. Tốt lắm! Chớ nên khuyên, khuyên sẽ gây ác cảm. Vì thế, nhất định phải dùng lòng quan tâm, yêu thương để giúp đỡ họ, dần dần chuyển biến họ. Người bình thường chẳng biết lợi ích do ăn chay, nghĩ ăn chay bị thiếu dinh dưỡng, đó là quan niệm sai lầm. Chúng ta biết lợi ích của sự ăn chay, ăn chay khỏe mạnh. Đã nhiều năm qua, nhất là trong mười mấy năm gần đây, chúng tôi mở rộng phạm vi hoạt động, tham dự hội nghị hòa bình quốc tế của Liên Hiệp Quốc, đi khắp nơi, quen biết rất nhiều bằng hữu mới. Trong nhiều năm qua, vấn đề nóng bỏng nhất mỗi khi bạn bè tụ hội là họ hay hỏi tôi cách bảo dưỡng thân thể như thế nào? Mọi người đều hỏi chuyện này, có thể thấy họ rất quan tâm thân thể. Tôi bảo họ, có hai phương pháp bảo dưỡng thân thể: Một là tâm thanh tịnh, hai là ăn chay. Tôi nói: “Quý vị hỏi tôi, thì tôi bảo dưỡng như vậy đó, chẳng dùng bất cứ loại thuốc bổ nào, mà cũng chẳng có thuốc men gì! Cuộc sống của tôi rất đơn giản, lại còn ăn rất ít, không ăn vặt, không có thói quen ăn vặt!”

 Năm xưa, tôi học Giáo với thầy Lý tại Đài Trung, đã từng giữa trưa ăn một bữa suốt năm năm, chỉ ăn một bữa. Thầy Lý mỗi ngày ăn một bữa, thầy ăn suốt mấy chục năm, thân thể khỏe mạnh! Lúc thầy tám mươi tuổi, quý vị thấy thầy giống như người năm sáu mươi tuổi, chẳng nhìn ra tuổi thầy. Bọn học sinh chúng tôi ước đoán thầy có thể sống đến một trăm hai mươi hay một trăm ba mươi tuổi, mọi người cùng có cách nhìn ấy. Thầy mất lúc chín mươi bảy tuổi, vì sao mất? Trúng độc vì đồ ăn, điều này rất oan uổng! Thầy do bị trúng độc đồ ăn mà ra đi. Vì thế, khi thầy ngã bệnh, tôi đến thăm thầy, thầy dặn dò, nhắc nhở tôi rất nhiều lượt: “Đừng ăn thứ gì ngoài tiệm, những thứ trong tiệm chẳng sạch”. Bản thân thầy là một vị thầy thuốc giỏi; chính vì là một thầy thuốc giỏi nên thầy bị hại. Vì người ta tặng thầy thức ăn gì, thầy có thói quen ăn hết trước mặt người ấy khiến cho người ta hoan hỷ. Thầy là người Sơn Đông, thích ăn những thứ làm bằng bột mì. Trúng độc lần thứ nhất, thầy biết, trong từng vắt mì sợi đều có bỏ thuốc chống hư, đã khô rồi, đại khái là đã để quá lâu, quá hạn rồi! Các đồng học thiếu kiến thức thông thường, đem nấu mời thầy ăn. Thầy ngửi mùi, biết ngay là có vấn đề, nhưng vẫn ăn. Sau khi ăn xong, quay về bèn uống thuốc giải, thật sự giải được chất độc ấy. Còn như chúng ta không hiểu, chẳng dám ăn. Thầy ăn xong có thể uống thuốc giải. Sau nửa năm, lại bị một lần nữa, cũng gặp tình hình ấy, thầy cũng ăn như vậy. Khi trở về uống thuốc giải thì chẳng kịp nữa, chất độc đã khuếch tán, khuếch tán rất nhanh; rốt cuộc là do tuổi đã cao, chín mươi bảy tuổi rồi, thầy sơ sót điểm này!

 Vì thế, đối với phương diện ẩm thực, thầy đặc biệt nhắc nhở những kẻ trẻ tuổi chúng ta phải chú ý: Hễ mùi vị biến đổi đôi chút, đừng nên ăn! Đặc biệt là những thứ như đậu hủ, đã có mùi chua, mùi vị đã biến đổi, chớ nên ăn! Trọn chẳng phải hoang phí thực phẩm. Nếu lúc quý vị phát tâm, thứ đã có mùi chua, đã hư rồi, nhưng vẫn ăn, chẳng dám không ăn, sợ không ăn là lãng phí, có lẽ sẽ phạm lỗi phung phí lương thực, sai rồi! Sợ phung phí lương thực, nếu quý vị ăn vào sanh bệnh, thậm chí tử vong, vẫn chấp nhận thì sai mất rồi. Đức Phật chẳng dạy người ta như vậy. Thuở đức Phật tại thế, khi khất thực được thứ gì, phải ăn hết ngay trong hôm ấy. Nếu ăn không hết, bèn cho chim, thú ăn, bố thí cho súc sanh, không thể ăn những thứ để qua đêm. Đó là giới luật nhà Phật. Vì trong quá khứ chẳng có tủ lạnh, không thể ăn những thứ để qua đêm. Vì thế, chúng tôi nghĩ lời răn dạy của đức Phật hợp tình, hợp lý, hợp pháp, đối với cuộc sống khỏe mạnh của bọn phàm phu chúng ta, đức Phật hết sức quan tâm. Chúng ta phải nghĩ một tăng đoàn đông như thế, hơn một ngàn người thường theo Ngài, đó là Thường Tùy Chúng; [ngoài ra] còn có những vị tạm thời tham gia, chúng tôi phỏng đoán, tuyệt đối chẳng thể ít hơn ba ngàn người, thường theo hầu bên cạnh lão nhân gia.

 Điều được giảng ở đây cũng là một pháp môn hết sức trọng yếu, chúng ta hãy vận dụng linh hoạt trong cuộc sống. Quán Không hết sức trọng yếu, hãy thường nghĩ kinh Kim Cang đã dạy: *“Phàm những gì có tướng đều là hư vọng”*, hoặc nghĩ kinh Đại Bát Nhã đã nói: *“Hết thảy các pháp vô sở hữu, rốt ráo không, bất khả đắc”*. Trong lúc lợi danh bày ra trước mặt mà chúng ta động tâm, hãy niệm những câu ấy nhiều lượt thì ý niệm vừa nghĩ ấy, tức là ý niệm vọng tưởng sẽ ngưng dứt. Có những kẻ nghiệp chướng nặng nề, khi danh lợi hiện tiền, bèn quên bẵng Phật, chẳng nghĩ tới nữa. Vì thế, phải có lòng cảnh giác cao độ, hễ cảnh giới hiện tiền, cổ nhân nói: *“Chẳng sợ niệm khởi, chỉ sợ giác chậm”*, phải giác ngộ nhanh chóng, ta có thể ngưng dứt, chẳng tạo nghiệp nữa!

 Từ Không môn, người ấy chấp trước Không, *“ư thị nhân bất vi môn, thông đồ cánh tắc”* (do vậy, môn ấy chẳng thích hợp cho người đó, đường thông hóa nghẽn), tức là đọa trong “hầm vô vi”. Đối với người ấy mà nói thì Không chẳng phải là môn để kẻ ấy ngộ nhập, vì kẻ ấy chấp trước Không. Chấp trước Không, bèn gặp ngay chướng ngại, *“tắc”* (塞) là chướng ngại. *“Nhược trừ Không tướng”* (nếu trừ tướng Không), người ấy có thể buông tướng Không xuống, biết tướng Không cũng là bất khả đắc, tướng Không cũng là duyên sanh. *“Thị thời tùng Vô Tướng môn nhập”* (khi ấy bèn theo cửa Vô Tướng để vào), có thể được! Chỉ cần chẳng chấp trước Không là được, có thể chứng quả A La Hán, hoặc có thể chứng quả Bích Chi Phật. *“Nhược ư Vô Tướng tướng”* (nếu đối với tướng Vô Tướng), người ấy biết tướng Vô Tướng, nhưng chấp trước, chấp gì vậy? Chấp vào tướng Vô Tướng thì cũng không được; chỉ cần có chấp trước tức là sai lầm mất rồi. *“Tâm trước sanh hý luận”* (tâm chấp trước, sanh ra hý luận), chấp vào tướng Vô Tướng có thể sanh ra hý luận. Hý luận là nói giỡn chơi, chẳng phải là sự thật. *“Thị thời trừ Vô Tướng tướng”* (khi ấy, trừ bỏ tướng Vô Tướng), cũng có thể buông tướng Vô Tướng xuống, tâm thanh tịnh hiện tiền, đó gọi là *“Vô Tác môn”*. Đấy là nói ba loại người có căn tánh khác nhau, đều có thể nhập ba môn giải thoát trong Tiểu Thừa.

 Tiếp đó, cụ Hoàng Niệm Tổ giải thích: *“Cái vị Không, Vô Tướng, Vô Nguyện”* (ấy là nói Không, Vô Tướng, Vô Nguyện), sánh ví những môn ấy như cửa nẻo. *“Do thử pháp môn, khế nhập chư pháp Thật Tướng chi Niết Bàn thành”* (do pháp môn này mà khế nhập thành Niết Bàn Thật Tướng của các pháp), Thật Tướng của các pháp là Pháp Tánh, *“khế nhập”* là minh tâm kiến tánh, tỷ dụ minh tâm kiến tánh giống như thành Niết Bàn. *“Nhược nhân tùng Không môn nhập, diệc bất kiến Không tướng”* (nếu người theo cửa Không để vào, cũng chẳng thấy tướng Không), trực nhập như vậy, từ Không môn nhập mà chẳng chấp trước Không, đó mới là thật sự chứng nhập. Nếu có Không để đắc, thì cái “đắc Không” ấy là chấp tướng! *“Nhược đắc Không tướng”* (nếu đắc tướng Không), tức là quý vị chẳng thể nhập! Cái Không ấy là chấp trước; do đã chấp vào Không, quý vị chẳng thể chứng nhập. *“Nhược trừ Không tướng”* (nếu trừ tướng Không), đó là *“tùng Vô Tướng môn nhập”* (từ Vô Tướng môn để vào), Vô Tướng vẫn là Không môn. Thay đổi danh từ, vì trước đó, quý vị đã chấp vào tướng Không, nay đã giác ngộ, tướng Không cũng buông xuống, nên gọi là *“tùng Vô Tướng môn nhập”.* *“Thảng trước ư Vô Tướng chi tướng, tức Vô Tướng tướng”* (nếu chấp vào tướng của Vô Tướng thì đó chính là tướng Vô Tướng), quý vị chấp vào Vô Tướng, chấp vào tướng Vô Tướng, điều này rất vi tế, như vậy là quý vị đã vướng vào tướng của Vô Tướng, cũng chẳng thể nhập, cũng nẩy sanh chướng ngại. Ắt cũng phải diệt trừ tướng Vô Tướng, đấy chính là *“tùng Vô Tác môn trực nhập thử thành”* (từ cửa Vô Tác, vào thẳng thành này). Vô Tác cũng là Vô Nguyện thì mới có thể trực nhập Thật Tướng của các pháp. *“Cố viết: Nhập Không, Vô Tướng, Vô Nguyện pháp môn”* (nên nói là “nhập Không, Vô Tướng, Vô Nguyện pháp môn”). Đại Thừa lẫn Tiểu Thừa đều có ba môn giải thoát ấy, tức là ba thứ đường lối để giải thoát, chỉ là nghĩa lý cạn hay sâu khác nhau! Hoặc là từ Không để nhập, hoặc từ Vô Tướng để nhập, hoặc từ Vô Nguyện để nhập, đều có thể thành tựu.

 Thông thường, trong học tập kinh giáo, chúng tôi nói đơn giản hơn mà cũng rất rõ ràng, chẳng đi vòng vèo như vậy. Đức Phật dạy chúng ta, người thượng thượng căn thiện căn sâu dầy, có thể đồng thời buông khởi tâm động niệm, phân biệt, chấp trước xuống, trong Phật pháp gọi điều này là *“đốn xả”.* Xả là buông xuống, đốn tu, đốn ngộ, đốn chứng. Ý niệm vừa chuyển, phàm phu bèn thành Phật. Thuở ấy, Thích Ca Mâu Ni Phật đã vì chúng ta biểu diễn cảnh giới này. Vào đời Đường, Lục Tổ Huệ Năng đại sư của Thiền Tông đã vì chúng ta biểu diễn, cũng là chuyện này, tuyệt đối chẳng phải là kẻ bình phàm có thể làm được! Bản thân kẻ bình phàm hiểu rất rõ, phiền não, tập khí nặng nề dường ấy, muốn đoạn mà chẳng đoạn được, vì sao người ta ngay lập tức đoạn được? Hễ đoạn, bèn vĩnh viễn đoạn trừ. Do làm không được, bèn biết chúng ta chẳng phải là bậc thượng thượng căn. Không chỉ là chúng ta chẳng có phần nơi thượng thượng căn, mà đối với thượng căn, chúng ta cũng chẳng sánh bằng. Nói thực tại, chúng ta là kẻ trung hạ căn, phải hiểu rõ điều này. Kẻ trung hạ căn thì phải buông xuống từng chút một. Quý vị không buông xuống, sẽ chẳng vào được cửa, mà cũng chẳng thể quay đầu, nhất định phải buông xuống!

 Buông xuống, phải từ ngoài vào trong; trước hết, hãy buông xuống từ bên ngoài. Khi mê là từ trong ra ngoài, khi buông xuống thì phải từ ngoài vào trong. Tầng ngoài cùng nhất là lục đạo. Lục đạo hình thành như thế nào? Vọng tưởng, phân biệt, chấp trước, những thứ ấy hình thành lục đạo luân hồi. Lục đạo do chính mình tạo, vốn chẳng có lục đạo. Lục đạo chẳng do Phật tạo, mà cũng chẳng do Thượng Đế tạo, cũng chẳng do vua Diêm La tạo, mà do tự tánh biến hiện, do khởi tâm động niệm, phân biệt, chấp trước, kinh Hoa Nghiêm dạy như vậy. Như thế nào thì mới có thể thoát ly lục đạo? Buông chấp trước xuống bèn thoát ly, cũng có nghĩa là trong cuộc sống hằng ngày, đối với hết thảy các pháp thế gian và xuất thế gian, chúng ta chớ nên chấp trước. Chúng ta rốt cuộc là căn tánh gì? Căn tánh trung hạ chúng ta vẫn chẳng làm được! Nói thật thà, chúng ta là căn tánh hạ hạ, nghiệp chướng quá nặng. Phải học buông xuống từng chút một, phải buông xuống mỗi ngày, phải buông xuống mỗi tháng, phải buông xuống mỗi năm. Quý vị buông xuống càng nhiều, tín tâm sẽ dần dần sanh khởi, vì sao? Tâm thanh tịnh, phiền não ít đi, trí huệ hiện tiền. Phiền não ít, trí huệ sanh, khá lắm! Quý vị sẽ có tín tâm đối với sự buông xuống, cuộc sống ngày càng tự tại hơn.

 Nói cụ thể, buông xuống là gì? Buông xuống là bố thí, bố thí là buông xuống. Chúng ta tham luyến tài sản, bỏ chẳng được để buông xuống, phải học! Học buông xuống! Đối với vật ngoài thân, phàm những gì có tướng đều là hư vọng. Buông ra, [bèn lo lắng, bản thân ta] chẳng có gì nữa thì sẽ ra sao? Đừng lo lắng! Bởi lẽ, ở đây, nhân quả sẽ giúp đỡ chúng ta. Trong mạng ta đã có, càng buông ra, sẽ càng có nhiều. Chớ nên nói “càng buông ra, sẽ không có nữa”, chẳng thể nào! Đó là vi phạm nguyên tắc nhân quả. Khẳng định là càng buông ra, sẽ càng nhiều, càng nhiều, càng buông ra, quyết định chớ nên tích lũy. Trong kinh Đại Thừa lẫn Tiểu Thừa, đức Phật đã dạy: *“Tích tài táng đạo”* (tích lũy tiền của, đạo bị chôn vùi). Vì sao người tu hành không thể thành tựu? Lúc chẳng có tiền tài, buông xuống còn khá dễ dàng, dù sao cũng đâu có gì! Khi càng có tiền, càng chẳng nỡ bố thí; vì thế, kẻ ấy thoái chuyển! Tài sản thật sự hại người, hại quý vị chẳng thể khai ngộ, hại quý vị chẳng thể chứng quả, thậm chí hại quý vị chẳng thể vãng sanh, quý vị nói xem: Có phiền phức hay không?

 Phải buông tài xuống, pháp cũng phải buông xuống. Quý vị thấy ở đây nói đến tướng Không, đều là pháp. Tướng Vô Tướng cũng là pháp. Nếu quý vị chẳng buông xuống, sẽ nẩy sanh chướng ngại, chẳng có cách nào đắc quả Nhị Thừa. Nó là pháp, pháp cũng phải buông xuống. Buông pháp xuống, đắc thông minh, trí huệ. Vì thế, Phật, Tổ dạy chúng ta: *“Thâm nhập một môn, huân tu lâu dài”.* Ta chỉ nắm lấy một môn, toàn bộ những môn khác đều buông xuống. Buông xuống là gì? Ta đi đến cùng một môn này thì toàn bộ đều đạt được, nguyên lai là chuyện như thế đó. Nếu không buông xuống thì sao? Khi không buông xuống, từ đầu đến cuối, quý vị chẳng đạt đến đích, thứ gì quý vị cũng chẳng đạt được. Quý vị thấy đó, buông của cải xuống bèn được của cải, buông hết thảy các pháp xuống bèn được thông minh, trí huệ. Còn phải có tâm từ bi giống như Phật, Bồ Tát, tâm từ bi sẵn có trong tự tánh, thấy người khác gặp khổ nạn, nhất định phải giúp đỡ. Đó là gì? Đó là tu vô úy bố thí, khiến cho hết thảy khổ nạn chúng sanh lìa khỏi sợ hãi. Vì vậy, các đồng học phát tâm, muốn lập cô nhi viện hay mở viện dưỡng lão, đó là chuyện tốt, đó là gì? Đó là vô úy bố thí, quả báo là khỏe mạnh, sống lâu. Quý vị có thể chăm sóc kẻ khác đang bệnh khổ, có thể giúp đỡ người khác giác ngộ. Chẳng giác ngộ là chuyện khổ sở, là cội nguồn của hết thảy các nỗi khổ. Giúp đỡ người khác giác ngộ là trừ dẹp cội nguồn khổ, trừ dẹp cội rễ của khổ và lạc, chuyện này thuộc về đại vô úy bố thí, quả báo thù thắng chẳng thể nghĩ bàn!

 Những Lý mà đức Phật đã nói trong kinh giáo là chân lý, Sự là thật sự, thực tại, chẳng hư giả mảy may! Chúng ta học tập, tôi đã trải qua năm mươi chín năm, chứng thực chẳng giả tí nào! Xã hội hiện thời động loạn, tai nạn trên địa cầu nhiều ngần ấy, chúng ta thấy rõ ràng. Thấy gì? Biết do nhân gì, do nguyên nhân gì tạo thành nông nỗi ấy, cũng hiểu rõ nên dùng phương pháp gì để đối đãi. Giải quyết những tai nạn trên địa cầu chẳng khó, ngay cả các tinh cầu vận hành trong vũ trụ, quỹ đạo bị sai lệch, chúng ta cũng đều có cách khiến cho chúng khôi phục bình thường, những tai nạn nhỏ nhặt trên địa cầu thấm vào đâu! Quý vị nhất định phải biết: Tất cả hết thảy tai nạn đều do tâm hạnh chẳng lành cảm vời! Nếu chuyển biến tâm thái, tai nạn sẽ lập tức tiêu trừ. Ở chỗ này, nhất định phải trước hết là hiểu rõ ràng, minh bạch lý luận và chân tướng sự thật. Vì quý vị chẳng hiểu rõ, tín tâm chẳng thể sanh khởi! Tín tâm chẳng sanh khởi, ý niệm của quý vị chuyển biến, dẫu có chuyển, nhưng chẳng kiên cố, vẫn còn có hoài nghi. Nỗi hoài nghi ấy phá hoại thiện niệm của quý vị, dẫu chẳng thể phá hoại hoàn toàn, nhưng đã giảm bớt năng lượng ấy trên một mức độ lớn. Chỉ có tín tâm kiên định, chẳng có mảy may hoài nghi thì sức mạnh ấy sẽ khiến cho con người hết sức kinh ngạc!

 Do vậy, những báo cáo nghiên cứu của các nhà khoa học cận đại có ích rất lớn đối với sự tu học của chúng ta. Những Lý và Sự giống như thế này được họ nói rất rõ ràng, chúng ta vừa nhìn vào liền hiểu rõ, kinh Phật vốn đã nói tới [những chuyện ấy] từ ba ngàn năm trước, nhưng chúng ta do dự, chẳng quyết đoán, chẳng dám sử dụng. Khoa học hiện thời vừa chứng minh, chẳng còn bàn cãi chi nữa, giúp chúng ta đoạn nghi, sanh tín. Đối với sự thành tựu trong một đời này của chúng ta, đặc biệt là thành tựu trong niệm Phật vãng sanh, tín tâm vẹn mười. Niệm niệm chẳng có ý niệm nào khác, chỉ có thế giới Cực Lạc là nhà của chúng ta, A Di Đà Phật là vị thầy, là gia trưởng của chúng ta. Vãng sanh thế giới Cực Lạc là trở lại quê nhà, đúng vậy, chẳng giả! Há lẽ nào chẳng có phần? Nói chung, quê nhà luôn có phần của chúng ta, vấn đề là quý vị có nhận biết hay không? Người Hoa nói: *“Lang thang rất lâu ở bên ngoài, nay đã nhận biết tổ tiên, trở về nguồn cội”.* Vãng sanh thế giới Cực Lạc là *“nhận biết tổ tiên, trở về với cội nguồn”,* đúng thế, chẳng giả! Trước kia, đúng là đã mê mất, nay quý vị đã có tín tâm kiên định, lẽ nào chẳng thành tựu? Chúng ta học đoạn Tam Không tam-muội này tới đây.

 Chúng ta lại xem đoạn tiếp theo: *“Thiện lập phương tiện, hiển thị tam thừa”* (khéo lập phương tiện, bày rõ tam thừa). Đây là lợi tha, phần trước là tự lợi, [trong phần này], chính mình đã thành tựu, bèn muốn giúp đỡ người khác. Giúp đỡ người khác thì phải khéo lập phương tiện. *“Hiển thị tam thừa”* thì mới có thể khế cơ; căn tánh như thế nào thì chúng ta và Bồ Tát giống hệt, phải dùng phương pháp gì để đối trị. *“Phương giả, phương pháp”* [nghĩa là] *“phương”* là phương pháp. *“Tiện giả, tiện dụng”*,[nghĩa là] Tiện là thuận tiện, mang ý nghĩa ấy. Chúng ta nói phương pháp tiện lợi là phương pháp thích hợp nhất, là phương pháp hay khéo nhất, là phương pháp tốt nhất, có ý nghĩa ấy. Phương pháp tốt nhất, hay khéo nhất chẳng có nhất định, do mỗi người mà khác nhau, do mỗi thời mà khác biệt, do mỗi sự mà không giống nhau. Đó là trí huệ, trong Phật pháp dùng một danh từ khác là *“phương tiện thiện xảo”*, phải thêm vào chữ *“thiện xảo”.* Bởi lẽ, có trí huệ thì mới biết dùng.

 *“Pháp Hoa Văn Cú viết: Phương giả, pháp dã. Tiện giả, dụng dã”* (Sách Pháp Hoa Văn Cú nói: “Phương là cách thức, Tiện là sử dụng”). Đây là cách giải thích của cổ đức. Trong sách Pháp Hoa Huyền Tán có nói: *“Thi vi khả tắc viết Phương, thiện đậu cơ nghi viết Tiện”* (Thực hiện đáng làm khuôn mẫu thì gọi là Phương. Khéo phù hợp cơ nghi là Tiện). *“Thi vi”* (施為) là *“thiết thi, tác vi”* (設施作為: lập bày ra cách thức để thực hiện), có thể nêu gương tốt cho đại chúng noi theo thì gọi là Phương. Chỗ này nói nghiêm ngặt hơn trong phần trước đôi chút; phần trước là nghĩa rộng, ở đây nói theo nghĩa hẹp. Hết thảy các hành vi, hoạt động của chư Phật, Bồ Tát đều có thể nêu gương tốt cho chúng sanh, điều đó gọi là Phương trong Phật môn. *“Thiện đậu cơ nghi”* (善逗機宜: Khéo phù hợp cơ nghi), Cơ (機) là [căn cơ của] hết thảy chúng sanh. Quý vị rất xảo diệu, khiến cho hết thảy chúng sanh dùng phương pháp ấy đều hết sức hoan hỷ, đều nghiêm túc học tập, chẳng cảm thấy khó khăn, đó gọi là *“tiện lợi”*. Trong Pháp Hoa Nghĩa Sớ có nói: *“Phương tiện thị thiện xảo chi danh”* (Phương tiện là tên gọi khác của thiện xảo). Do vậy, kinh Phật thường gộp chung thiện xảo và phương tiện, gọi là *“thiện xảo phương tiện”.* *“Thiện xảo giả, trí chi dụng dã”* (thiện xảo là tác dụng của trí). Đây là trí huệ, trí ấy là Hậu Đắc Trí, Quyền Trí, quyền nghi, quyền xảo!

 Kinh Đại Tập nói: *“Năng điều chúng sanh, tất linh thú hướng A Nậu Đa La Tam Miệu Tam Bồ Đề, thị danh Phương Tiện”* (có thể điều phục chúng sanh, khiến cho họ đều hướng đến Vô Thượng Chánh Đẳng Chánh Giác, thì gọi là Phương Tiện). Kinh Đại Tập nói đến phương tiện thiện xảo của Bồ Tát. Bồ Tát có thể giúp đỡ hết thảy chúng sanh. *“Thú hướng”* (趣向) là theo một phương hướng, theo một con đường, tức là con đường thành Phật. A Nậu Đa La Tam Miệu Tam Bồ Đề là con đường thành Phật, hoàn toàn là dịch âm tiếng Phạn, dịch sang tiếng Hán, dịch sang văn tự Trung Quốc, thì A dịch là Vô, Nậu Đa La dịch là Thượng, [A Nậu Đa La là] Vô Thượng, Tam dịch là Chánh, Miệu dịch là Đẳng, sau đó lại có chữ Tam cũng là Chánh, Bồ Đề là Giác, cho nên cả câu này nói gộp lại sẽ là Vô Thượng Chánh Đẳng Chánh Giác. Đây là ba giai đoạn trên con đường Bồ Đề của người học Phật. Giai đoạn thứ nhất là Tam Bồ Đề, tức Chánh Giác, A La Hán chứng đắc. A La Hán thành Chánh Giác là thành Tam Bồ Đề. Bồ Tát là Chánh Đẳng Chánh Giác, Bồ Tát chứng đắc Tam Miệu Tam Bồ Đề. Đối với Phật, lại thêm chữ Vô Thượng, A Nậu Đa La là Vô Thượng. Do vậy, đây là con đường thành Phật.

 Theo kinh Hoa Nghiêm, Tam Bồ Đề là địa vị Thất Tín. Trong mười địa vị Tín của Bồ Tát, Thất Tín là Tam Bồ Đề. Nói theo đẳng cấp đoạn phiền não và chứng Bồ Đề thì Thất Tín Bồ Tát và Tiểu Thừa A La Hán bình đẳng, nhưng trí huệ [của Thất Tín Bồ Tát] vượt trỗi Tiểu Thừa, trí huệ Tiểu Thừa chẳng sánh bằng các Ngài. Chánh Đẳng Chánh Giác là Phật hoặc Bồ Tát trong mười pháp giới, sở chứng của các Ngài là Chánh Đẳng Chánh Giác. Nếu thêm Vô Thượng vào, bèn vượt trỗi mười pháp giới. Trong mười pháp giới có Chánh Đẳng Chánh Giác, nhưng không có Vô Thượng. Vô Thượng thì phải đoạn hết vô minh, kinh Hoa Nghiêm nói đến vọng tưởng thì [vọng tưởng] cũng là *“khởi tâm động niệm”* như chúng ta thường nói. Sáu căn đối trước cảnh giới lục trần mà chẳng khởi tâm, không động niệm, bèn gọi là Vô Thượng Chánh Đẳng Chánh Giác. Phật đã chứng đắc [cảnh giới ấy], Ngài vượt thoát mười pháp giới, sanh vào cõi Thật Báo Trang Nghiêm. Người tu hành thông thường, được gọi là *“thông đồ”* (đi theo đường lối chung), quá nửa sanh vào thế giới Hoa Tạng, còn người niệm Phật sanh về thế giới Cực Lạc. Cực Lạc và Hoa Tạng, nói thật ra là cùng một chuyện. Hoa Tạng giống như một tòa thành lớn, thế giới Cực Lạc như một con phố trong tòa thành lớn ấy, nói như vậy cho mọi người dễ hiểu, [thế giới Cực Lạc] là một con phố thù thắng nhất. Khi tôi giảng ở Tân Gia Ba, thường dùng Tân Gia Ba làm tỷ dụ. Thế giới Hoa Tạng giống như Tân Gia Ba, thế giới Cực Lạc giống như con đường Ô Tiết (Orchard Road), mọi người rất dễ hiểu. Vì vậy, sanh vào Tịnh Độ là đã sanh trong Hoa Tạng, nhưng sanh trong Hoa Tạng, chưa chắc sanh về Tịnh Độ! Phải hiểu điều này, quý vị mới biết Tịnh Độ thù thắng.

 *“Hựu Hội Sớ viết: Duy Ma Cật kinh vân: ‘Trí Độ Bồ Tát mẫu, phương tiện dĩ vi phụ’, đạt Không, Vô Tướng thị đại trí, tùy nghi thiết thi danh Phương Tiện”* (Lại nữa, sách Hội Sớ nói: “Kinh Duy Ma Cật bảo ‘Trí Độ là mẹ của Bồ Tát, phương tiện là cha’, thấu đạt Không, Vô Tướng là đại trí, tùy nghi lập bày, vận dụng, bèn gọi là Phương Tiện”). Trong kinh Duy Ma có hai câu như vậy. Trí Độ (Bát Nhã Ba La Mật) là mẹ của Bồ Tát vì có thể sanh ra chư Phật, Phật chẳng lìa khỏi trí huệ. Vì sao? Trí huệ thì mới có thể đoạn phiền não. Không có trí huệ, làm sao quý vị có thể buông vọng tưởng, phân biệt, chấp trước xuống? Buông vọng tưởng, phân biệt, chấp trước xuống là đại trí huệ. Do thật sự thấu suốt, nên mới có thể triệt để buông xuống; chẳng có trí huệ, sẽ không thể bỏ xuống. Không có trí huệ là quý vị còn có phiền não, còn có tình chấp, chẳng buông xuống được! Quý vị còn có sợ hãi, còn có hoài nghi, những thứ ấy đều là tập khí phiền não. Trí huệ chân chánh hiện tiền, [những phiền não, tập khí] bị quét sạch sành sanh, chẳng có chướng ngại nữa. *“Phương tiện dĩ vi phụ”* là phương tiện thiện xảo trong tu hành pháp môn. Tiếp đó, giải thích cho chúng ta biết*: “Đạt Không, Vô Tướng thị đại trí”*, *“đạt”* (達) là thông đạt, [nghĩa là] quý vị thông đạt, hiểu rõ, vạn pháp đều là Không, tướng tức là phi tướng, đó là *“đạt vô tướng”*. Tướng tức là vô tướng, bản thể của nó chính là Không, trọn chẳng thể được, đó là trí huệ Bát Nhã trong tự tánh, nên gọi là *“đại trí”*, trí huệ ấy sẵn có trong tự tánh.

 Vì thế, Phật pháp được truyền đến Trung Quốc từ thời Hán Minh Đế, ảnh hưởng rất lớn đến văn hóa bản địa của Trung Quốc. Tiến sĩ Thang Ân Tỷ (Arnold J. Toynbee) nói chẳng sai, ông ta nói người Trung Quốc tâm lượng to lớn, có thể dung nạp văn hóa của dị tộc. Ấn Độ là ngoại quốc, chẳng phải là Trung Quốc, là dị tộc, văn hóa dị tộc truyền đến Trung Quốc. Ông ta hết sức tán thán, có thể dung nạp văn hóa của dị tộc! Văn hóa Phật giáo đã nâng cao văn hóa truyền thống của Trung Hoa trên một mức độ lớn, đúng vậy, chẳng giả tí nào! Nho và Đạo vận dụng những nguyên tắc và nguyên lý trong Phật pháp rất nhiều. Ba thứ văn hóa Nho, Thích, Đạo dung hợp thành một Thể, đó là văn hóa truyền thống của Trung Hoa, một Thể! Do vậy, người Hoa cầu điều gì? Cầu trí huệ. Nho cũng là cầu trí huệ, Đạo cũng là cầu trí huệ. Ý niệm “cầu trí huệ” học từ Phật giáo. Chẳng hề cầu tri thức, mà cầu trí huệ. Cầu như thế nào? Từ Giới, Định, Huệ. Do vậy, phương pháp Giới, Định, Huệ được Nho học theo, mà Đạo cũng học theo. *“Nhân Giới đắc Định, nhân Định khai Huệ”*, *“thâm nhập một môn, huân tu lâu dài”* là phương pháp để cầu trí huệ, chẳng phải là cầu tri thức. Tri thức là học rộng, nghe nhiều. Trí huệ là thâm nhập một môn, huân tu lâu dài, khác nhau! Tri thức có phải cầu hay không? Tri thức phải cầu, nhưng đặt nó vào cuối cùng; sau khi khai ngộ mới cầu tri thức. Quý vị thấy thứ tự trong Phật pháp [được diễn tả bằng] Tứ Hoằng Thệ Nguyện. Đầu tiên bảo quý vị phát nguyện, *“chúng sanh vô biên thệ nguyện độ”*, điều này là nguyện. Ba điều sau thì sao? Nhằm thành tựu điều thứ nhất. Điều thứ hai là *“phiền não vô tận thệ nguyện đoạn”*. Đoạn phiền não như thế nào? Trì giới, tu định, khai trí huệ, phiền não chẳng còn nữa. Do đó, *“phiền não vô tận thệ nguyện đoạn”* phải dùng Giới, Định, Huệ. Trí huệ đã khai, chiếu kiến Ngũ Uẩn đều không, thấu đạt chúng sanh tướng. Sau khi trí huệ đã khai, lại học pháp môn, *“pháp môn vô lượng thệ nguyện học, Phật đạo vô thượng thệ nguyện thành”*, đó là chuyện sau khi trí huệ đã khai. Trí huệ chưa khai, đối với hai chuyện sau, dẫu quý vị nghĩ cách nào cũng chẳng đạt được! Do vậy, hiện thời, rất nhiều người học Phật chẳng thể thành tựu là do nguyên nhân nào? Quên bẵng hai chuyện trước, bắt đầu từ chỗ nào? Bắt đầu từ *“pháp môn vô lượng thệ nguyện học”*, học rộng, nghe nhiều. Chẳng có cơ sở phía trước, giống như xây một tòa cao ốc bốn tầng, nhưng chẳng có tầng thứ nhất và tầng thứ hai, mong xây tầng thứ ba, rốt cuộc xây cả đời cũng xôi hỏng bỏng không, chẳng thể thành tựu, đạo lý ở chỗ này! Đây là chỗ Nho và Đạo đều phải học theo nhà Phật.

 Vâng giữ quy củ là trì giới, quyết định chẳng thể vượt cấp được! Quý vị thấy giáo học của Trung Quốc xưa kia, học từ chỗ nào? Học từ Đệ Tử Quy. Đệ Tử Quy chẳng phải là bảo trẻ nhỏ đọc, mà cũng chẳng bảo nó nói, cũng chẳng phải là giảng cho nó nghe. Đệ Tử Quy là căn bản làm người, cha mẹ thực hiện cho trẻ nhỏ thấy. Trẻ thơ vừa sanh ra, mở mắt ra, nó có thể thấy, đôi tai bé bỏng của nó có thể nghe, nó đã học tập, bắt chước. Quý vị chớ nên xem thường nó, [tưởng lầm] nó vô tri, điều gì cũng đều không hiểu! Thật ra, nó hiểu nhiều hơn quý vị [nghĩ], là linh quang thật sự, tai nghe, mắt thấy, nó học toàn bộ. Tuy nó chẳng thể nói, nhưng thứ gì cũng đều hiểu. Do vậy, cha mẹ, người lớn ở trước mặt trẻ thơ phải rất chú tâm cẩn thận, khiến cho nó thấy, nghe, tiếp xúc, toàn là những điều chánh đáng. Cũng là như chúng tôi thường nói: Phải khiến cho nó thấy hiếu, đễ, trung, tín, thấy lễ, nghĩa, liêm, sỉ, thấy nhân ái, hòa bình, nghe cũng nghe những chuyện ấy, tiếp xúc cũng là tiếp xúc những chuyện ấy, đó là *“dưỡng chánh”*, tức là *“đồng mông dưỡng chánh”* (bồi dưỡng những điều chánh đáng cho lứa tuổi vỡ lòng), là căn cội của sự dưỡng chánh, [thời gian vun bồi là] ba năm. Ba năm là một ngàn ngày, trẻ thơ chẳng có vọng niệm, chẳng có tạp niệm, căn cơ được vun bồi rất sâu, nên ngạn ngữ mới có câu: *“Tam tuế khán bát thập”.* Một ngàn ngày vun bồi căn cội, trong tương lai, bất luận tiếp xúc nghịch cảnh nào, kẻ ấy cũng chẳng thể biến thành xấu, mà có năng lực phân biệt đúng, sai, tà, chánh, thiện, ác. Nền giáo dục như thế, thưa cùng quý vị, chỉ riêng Trung Quốc là có, nên Trung Quốc đời đời xuất hiện hiền nhân, xuất hiện thánh nhân, đạo lý ở chỗ này!

 Trong thời cổ, lịch sử đã ghi chép *“Châu gia tam thái”* (ba bà Thái của nhà Châu) đã làm rất thành công. Bà nội của Châu Văn Vương là Thái Khương, là mẹ của Vương Quý, Vương Quý là cha của Văn Vương. Mẹ của nhà vua là Thái Nhậm, phi tử của vua là Thái Tự, sanh ra Vũ Vương và Châu Công, đều là những bậc thánh nhân mà Khổng Tử bội phục nhất. Chẳng phải là từ lúc trẻ nhỏ sanh ra, mà ngay trong khi mang thai, chính mình đã bắt đầu dùng những điều chánh đáng để ảnh hưởng thai nhi. Bắt đầu [giáo dưỡng] từ lúc có mang gọi là *“thai giáo”*, thật sự vun bồi cội rễ sâu chắc. Phương pháp giáo học như thế chính là gia giáo, mãi cho đến những năm cuối đời Mãn Thanh, các gia tộc đông đảo vẫn dùng phương pháp này. Xưa kia, trường học ít ỏi, con gái ít có cơ hội học hành, nhưng [nữ nhân] đều có thể dạy dỗ con thơ, đều biết Ngũ Luân, Ngũ Thường, Tứ Duy, Bát Đức, đều hiểu, chẳng có một ai không biết. Lại còn có thể biểu hiện [những giềng mối ấy] trong cuộc sống hằng ngày, do các bà đã làm được, nên rất biết cách dạy dỗ!

 Trẻ nhỏ sáu bảy tuổi, đi học, thầy dạy dỗ. Thầy thật sự gánh trách nhiệm, những gì thầy đã dạy, thầy đều làm được; không làm được sẽ chẳng thể dạy trẻ nhỏ, thầy nêu gương cho trẻ thơ. Thầy có đức hạnh, có tâm yêu thương, có phương pháp vận dụng phương tiện thiện xảo để khuyên nhủ, hướng dẫn bọn trẻ. Gia trưởng mời thầy, bèn đi các nơi nghe ngóng. Thật sự là một vị thầy tốt, bèn lễ thỉnh. Thỉnh đến, trước hết làm lễ bái sư, gia trưởng phải lạy thầy, phải hành đại lễ với thầy, tức là ba lần quỳ, chín lần khấu đầu. Thầy tiếp nhận gia trưởng đối đãi bằng đại lễ như vậy, nếu không nghiêm túc dạy trẻ cho tốt đẹp, há chẳng có lỗi đối với gia trưởng? Tận tâm tận lực dạy dỗ, khác với trường học hiện thời. Học trò thấy gia trưởng, cha mẹ, ông bà của chính mình cũng ba lần quỳ, chín lần khấu đầu đối với thầy, há học trò còn có thể chẳng nghe lời thầy ư? Còn có thể không tôn trọng thầy ư? Chẳng thể nào! Người trên làm, kẻ dưới bắt chước theo! Quý vị thấy cha mẹ rất tôn trọng thầy, trong tâm mục của trò, thầy chẳng khác cha mẹ, bình đẳng! Hiếu thuận cha mẹ thì cũng phải hiếu thuận thầy. Do vậy, nếu quý vị nhìn vào cổ lễ Trung Quốc, sẽ hiểu con người xưa kia khác hẳn. Mấy ngàn năm qua, là nước lễ nghĩa, là sự thật, chẳng giả! Người ngoại quốc nghiên cứu lịch sử Trung Quốc, không ai chẳng bội phục Trung Quốc. Mấy ngàn năm qua, vĩnh viễn duy trì sự thống nhất to lớn, điều này được người ta tôn kính nhất. Quý vị thấy ở Âu Châu, sau khi đế quốc La Mã tiêu vong, từ đầu đến cuối chẳng thể thống nhất, mà đã chia vụn ra. Chỉ có người Trung Quốc thống nhất, mãi đến hiện thời vẫn thống nhất. Sự thống nhất ấy vô cùng đáng quý, nói lên điều gì? Nói rõ xã hội hòa hài, nhân dân đoàn kết, đó là văn hóa ở một mức độ cao.

 Có đại trí thì mới có phương tiện, tùy nghi thiết lập, thi hành. *“Nghi”* (宜) là cần thiết, định ra một loạt phương pháp nhằm thích hợp với nhu cầu trước mắt. Ngày nay, cả thế giới động loạn, nguyên nhân là gì? Chúng ta thường quên bẵng sự giáo dục làm người, chẳng dạy con người làm người, chỉ chú trọng giáo dục kỹ năng, chỉ coi trọng sự mưu sinh trong tương lai. Tại Trung Quốc, kiểu cách ấy chẳng được gọi là giáo dục! Vì thế, thoạt đầu, tôi xuất gia tại chùa Lâm Tế ở Viên Sơn, Đài Bắc. Mới xuất gia làm tiểu hòa thượng, trong tự viện cũng giao phó việc cho chúng tôi làm. Công việc của tôi là quét sân, quét dọn cửa chính. Sư huynh, sư đệ ba người, sáng sớm mỗi ngày quét dọn cửa chính. Cửa chính có rất nhiều cây, lá rụng mỗi ngày nên phải quét dọn. Có một hôm vào lúc quét dọn, tôi thấy bốn đứa sinh viên. Phía sau chùa chúng tôi có một con đường dẫn đến công viên Viên Sơn, có thể theo con đường ấy để vào [công viên], không có ai canh cửa, chẳng phải mua vé vào cửa, chứ đi cửa chính thì phải có vé vào cửa. Do biết có con đường tắt ấy, chúng nó đi ngã sau. Tôi thấy bốn đứa sinh viên ấy, vừa nói chuyện phiếm vừa tản bộ, trèo lên núi. Tôi rất cảm thán, thốt lên: “Đáng tiếc! Những kẻ trẻ tuổi này chẳng được giáo dục”. Họ nghe thấy lời ấy, ngay lập tức quay lại tìm tôi, chất vấn: “Ông vừa mới nói gì đó?” “Tôi đã nói rồi đó, tôi nói: Rất đáng tiếc, các vị chẳng có giáo dục”. Họ rất tức giận: “Bọn tôi là sinh viên năm thứ tư ngành Pháp Luật của Đại Học Đài Loan, cớ sao ông nói chúng tôi chưa được giáo dục?” Tôi nghe lời ấy, đáp: “Hóa ra là sinh viên đại học. Tôi đã coi thường quý vị mất rồi. Thôi được, tôi xin thỉnh giáo quý vị”. Tôi nói: “Giáo là gì? Dục là gì? Giáo dục là gì? Xin quý vị hãy giảng cho tôi nghe ba vấn đề ấy”. Tôi vừa hỏi như thế đã khiến bọn họ ú ớ, đúng là chẳng đáp được. Các sinh viên thuở ấy còn khá lắm, vẫn rất khiêm hư, họ thỉnh giáo ngược lại tôi, thái độ rất khiêm tốn và cũng rất cung kính. Tôi đem những gì Lễ Ký đã giải thích, giảng cho họ nghe, họ chưa hề học đến.

 Sau đó họ hỏi tôi, họ nói: “Vậy thì trường đại học của chúng tôi nay nên coi là gì?” Tôi đáp: “Tốt nhất là đại học nên đổi danh xưng thành viện nghiên cứu kỹ thuật cao cấp. Danh xưng ấy rất thích hợp với quý vị. Quý vị không chỉ chưa học giáo dục cao đẳng, mà giáo dục tiểu học cũng chưa học!” Họ cảm thấy rất lạ lùng, giáo dục tiểu học ư? Tôi nói: “Quý vị có biết ăn cơm hay không?” “Ai mà chẳng biết ăn cơm?” “Đâu có đơn giản như vậy! Tôi bày bốn món ăn cho quý vị, phương hướng của bốn món ấy đuợc sắp đặt theo phương vị của Ngũ Hành, quý vị có xếp được hay không?” [Không xếp được tức là] chưa biết ăn cơm, quý vị chưa học qua! Tôi nói: “Quý vị đã học quét đất hay chưa? Ứng đối, quét tước chính là giáo dục tiểu học, quý vị chưa hề học, mặc quần áo lẫn ăn cơm đều chẳng biết!” Tôi nói: “Đó gọi là trường học, đó là giáo dục”. Như vậy là những sinh viên ấy cũng còn rất khá, thuở ấy, gần như là sáu mươi năm trước đây, các sinh viên còn khá lắm, đều rất có thể chịu học hỏi. Nay thì chúng ta có gặp cũng chẳng dám nói; nếu chọc giận họ, họ sẽ động võ với quý vị, chúng ta đâu có chịu nổi. Đấy là giáo dục nẩy sanh vấn đề, chẳng biết làm người! Vì thế, hiện thời có rất nhiều người đi học có bằng Tiến Sĩ, nhưng chẳng tìm được việc. Khá nhiều công ty, hãng xưởng hết sức cần nhân tài, biết họ có khả năng, nhưng chẳng biết làm người, nên chẳng dám dùng họ! Đây là hiện tượng phổ biến trong xã hội hiện thời. Vì thế, sự giáo dục trong Đệ Tử Quy và Cảm Ứng Thiên là giáo dục làm người. Quý vị biết làm người, lại còn biết làm việc, ai cũng thích, chủ nhân nào cũng đều thích dùng quý vị!

 Nay chúng ta nói *“tùy nghi thiết thi”* thì giáo dục luân lý, đạo đức, nhân quả, tôn giáo trọng yếu hơn bất cứ gì khác. Chúng tôi nói với người khác, người ta nghe xong cũng gật đầu, nhưng chẳng có ai tin tưởng, chẳng có ai dám thực nghiệm. Trong xã hội hiện thời, muốn làm chuyện tốt thì phải có địa điểm làm mẫu, đó là chuyện tốt. Địa điểm làm mẫu được thực hiện từ chỗ nào? Thực hiện từ chính mình. Chính cá nhân ta là người nêu gương. Làm được điều này, quý vị lại thực hiện trong gia đình, biến gia đình của chính mình thành một nơi gương mẫu. Hiện thời là tiểu gia đình, trong xã hội có nhiều tiểu gia đình nêu gương để cho người khác đến thăm, quan sát sinh hoạt thường nhật của gia đình quý vị, một nhà hòa thuận, thân ái, một nhà hỗ trợ hợp tác, thực hiện được điều ấy. Quý vị có công ty, bất luận công ty lớn hay nhỏ, quý vị biến công ty thành một tấm gương, làm gương cho tất cả các công ty khác. Đó là gì? Đó là Bồ Tát. Cá nhân quý vị làm được, quý vị thành Bồ Tát. Quý vị chăm nom gia đình tốt đẹp, đó là gia đình Bồ Tát, người nhà của quý vị đều là Bồ Tát. Quý vị hướng dẫn một công ty hay hãng xưởng tốt đẹp, công ty hay hãng xưởng ấy sẽ là công ty Bồ Tát, chẳng bị lỗ vốn, sẽ sanh lợi. Một người điều hành xí nghiệp ở Bắc Kinh là cư sĩ Hồ Tiểu Lâm, sau khi quen biết tôi, tôi đã dạy ông ta phương pháp này, thực hiện ba cội rễ, chính mình thực hiện trước, sau đó ảnh hưởng tới gia đình, cuối cùng áp dụng vào công ty, làm rất tự tại, làm rất thành công, đó là một tấm gương tốt. Ở Thanh Đảo, cũng có một xí nghiệp gia là bà Lưu Khắc Thành, cũng làm hết sức thành công. Những gương như vậy đều là điển hình. Quý vị đã nghe nền văn hóa giáo dục truyền thống này, hãy tự đến xem, xem người ta làm như thế nào!

 Ba nhà Nho, Thích, Đạo của Trung Quốc đều coi trọng hành chứng, không thể chỉ có tín, giải, mà sau đó chẳng có hành, chứng. Nếu như vậy thì sẽ biến thành học thuật, biến thành huyền học, biến thành tri thức, chẳng phải là trí huệ. Quý vị có thể thực hiện những điều đã học, vận dụng trong cuộc sống, đạt được lợi ích trong cuộc sống, thân tâm khỏe mạnh, phiền não nhẹ bớt, trí huệ tăng trưởng. Áp dụng vào gia đình, gia đình hạnh phúc; vận dụng trong sự nghiệp, sự nghiệp thuận lợi. Quý vị ảnh hưởng xóm giềng, làng nước, khu vực nhỏ nơi quý vị cư trụ nhất định sẽ hòa hài, một chốn lễ nghĩa nho nhỏ đã xuất hiện, sẽ thấy xã hội hài hòa. Mấy năm sau, ảnh hưởng ngày càng lớn hơn, có thể ảnh hưởng cả một thành thị hay một khu vực. Đã nêu gương, đã nêu khuôn mẫu, lại mở rộng, sẽ ảnh hưởng toàn thể thế giới. Vì sao? Toàn thể thế giới đều cần thiết, nhưng họ chẳng tìm được một nơi nào, họ đến [chỗ quý vị] để xem xét, thật sự mong học theo. Người trên cả thế giới đều đến chỗ quý vị học tập, công đức to lớn! Chớ nên coi thường, sự nghiệp Bồ Tát đấy nhé! Đó gọi là *“tùy nghi thiết thi”* (thuận theo cơ nghi mà thiết lập, thực hiện).

 *“Phương tiện hữu nhị chủng”* (phương tiện có hai thứ), thứ nhất là *“thâm giải Không nhi bất thủ tướng, thọ chứng”* (hiểu Không sâu xa, nhưng chẳng giữ lấy tướng, hoặc thấy có chứng). Đối với những nghĩa lý như *“vạn pháp đều là không”*, *“phàm những gì có tướng đều là hư vọng”*, *“hết thảy các pháp vô sở hữu, rốt ráo không, bất khả đắc”* đều phải thấu hiểu sâu xa. Do chúng ta lý giải chưa đủ sâu, nên quý vị chưa thể thực hiện. Sau khi thấu hiểu sâu xa, quý vị tự nhiên thực hiện được. Thực hiện là gì? Quý vị làm được. Chẳng phải là quý vị đọc kinh hay nghiên cứu kinh, mà là thực hành kinh! Biến lý luận trong kinh giáo thành tư tưởng, biến giáo huấn trong kinh điển thành hành vi của mình, đấy mới là *“khế nhập”.* Hiểu Không, chẳng chấp tướng, quý vị mới chứng đắc, cái đã chứng đắc chính là ý nghĩa chân thật do Như Lai đã nói trong kinh, quý vị đã thấu hiểu. Hễ quý vị chấp tướng, sẽ chẳng hiểu, chẳng biết nghĩa chân thật của Như Lai. Nghĩa chân thật của Như Lai là chân lý uẩn tàng trong tự tánh.

 Thứ hai, *“dĩ Thật Tướng lý thâm mạc năng tín thọ, yếu tu phương tiện dụ dẫn quần sanh, linh kỳ tiệm ngộ”* (Do lý Thật Tướng sâu xa, chưa thể tin nhận, nên phải dùng phương tiện để dẫn dụ quần sanh khiến cho họ dần dần ngộ). Điều thứ hai là giúp đỡ, độ người khác. Điều thứ nhất là tự lợi, điều thứ hai là lợi tha. *“Lợi Tha”*: Lý Thật Tướng quá sâu, trong phần trước đã nói: *“Thâm giải Không, nhi bất thủ tướng”* (thấu hiểu Không sâu xa, nhưng chẳng chấp lấy tướng), người bình phàm chẳng thể lý giải điều này; chính mình đã đạt được, phải giúp đỡ người khác. Giúp đỡ người khác thì phải có phương tiện, phải có lòng kiên nhẫn, có tâm nhẫn nại và có phương tiện. Phương tiện là gì? Phương tiện là chính mình đã làm được thì phải thường nói với người nhà. Đối với công việc thì người nhà có công việc, trẻ nhỏ phải đi học, khi tan sở hoặc tan học, sáng tối dùng bữa với nhau, hoặc lúc rảnh rỗi, giảng những đạo lý trong kinh giáo cho mọi người nghe. Đức Phật dạy chúng ta sống như thế nào, làm lụng ra sao, khiến cho mọi người đều hiểu rõ những giáo huấn ấy. Họ thấy quý vị thực hiện, thực hiện tự tại dường ấy, thật sự hữu dụng! Hữu dụng là cuộc sống và công việc dẫu bận bịu đến mấy, người ấy vẫn rất thong dong, chẳng có phiền não, vui sướng, chẳng có ưu lự, tăng trưởng trí huệ, có ai chẳng vui vẻ? Học từ đâu? Học từ trong giáo dục truyền thống! Mọi người mới biết các thứ truyền thống là tốt đẹp. Quý vị chẳng nêu gương, quý vị giảng cho họ nghe, họ chẳng tin! Phương pháp hữu hiệu nhất là trong cuộc sống hằng ngày, hãy sống đơn giản, chẳng lãng phí mảy may! Hoàn cảnh cư trụ tuy nhỏ bé, nhưng ngăn nắp, sạch sẽ, chớ nên quá lớn, quá lớn thì sao? Dọn dẹp các phòng lãng phí rất nhiều thời gian, phải lãng phí rất nhiều tinh lực, càng đơn giản càng hay, càng đơn giản càng vui sướng. Người khác sống trong một căn nhà lớn, chớ nên hâm mộ, vì sao? Rất khổ! Sống trong một căn nhà to là chịu tội, phải mất bao nhiêu thời gian và tinh lực để chăm sóc căn nhà ấy, chẳng đáng! Trong nhà người khác có hoa viên, nhà ta có vườn rau. Rau có thể ăn, luôn luôn là hữu dụng, có liên quan đến cuộc sống của ta. Thực hiện được thì thân thể khỏe mạnh, vui sướng, suốt ngày từ sáng đến tối hoan hỷ, điều này rất khó có!

 Quý vị thấy người hiện thời, có mấy ai suốt ngày luôn lộ vẻ tươi cười? Toàn là mặt ủ mày chau! Quý vị biết tâm tình của họ có rất nhiều điều trái ý. Họ thấy chúng ta suốt ngày từ sáng đến tối hoan hỷ. Khi tôi sống ở Mỹ, có một hôm, hàng xóm đến hỏi tôi: “Các vị làm gì? Đang làm nghề gì? Vì sao mỗi ngày quý vị vui sướng dường ấy?” Họ hỏi tôi chuyện ấy. Chúng tôi bảo họ: “Chúng tôi học Phật”. Họ không hiểu, học Phật ư? Phật là tôn giáo, [họ nghĩ] chúng tôi học Phật giáo. Họ hỏi: “Phật giáo là gì? Các vị học gì?” “Chúng tôi học Tịnh Độ”. “Tịnh Độ là gì?” Thế giới Cực Lạc! Chúng tôi học vui sướng, học thanh tịnh, học khỏe mạnh, sống lâu. Họ nói: “Chúng tôi cũng muốn học những thứ ấy”. Được! Hoan nghênh quý vị đến học. Chúng tôi có một tiểu đạo tràng, họ đều là giáo đồ Cơ Đốc. Tôi nói: Quý vị Chủ Nhật đi nhà thờ, Thứ Bảy đến Phật đường, chẳng có xung đột. Quý vị và Thượng Đế có quan hệ cha con. Quý vị đến Phật đường là quan hệ thầy trò, đến học, nghe giảng. Họ thật sự rất vui, chẳng có xung đột! Quý vị tín ngưỡng tôn giáo, nhưng con cái của quý vị chẳng đều đi học hay sao? Phật giáo là trường học, dạy quý vị vui sướng như thế nào? Tu tâm thanh tịnh ra sao? Đạt được vui sướng như thế nào? Thân tâm khỏe mạnh như thế nào? Dạy những chuyện ấy. Thân tâm khỏe mạnh, bèn sống lâu! Vô Lượng Thọ. Ai nấy đều mong sống lâu, đều muốn khỏe mạnh, vậy thì hãy đến chỗ của tôi. Quý vị thấy chúng tôi học ở đây, hằng ngày luôn hoan hỷ, bất luận khi nào quý vị đến xem, đều thấy vẻ mặt luôn tươi cười. Đó là phương tiện dẫn dụ quần sanh, khiến cho họ dần dần giác ngộ.

 *“Kỳ đức quảng đại, bất Nhị Thừa (tức phi Nhị Thừa) sở năng vi, cố ngôn thiện lập”* (đức ấy họ rộng lớn, chẳng phải là hàng Nhị Thừa có thể làm được, nên nói là “khéo lập”). Người Nhị Thừa chẳng làm được, người Nhị Thừa trí huệ chưa khai, họ có Giới và Định, nhưng trí huệ chưa khai. Bồ Tát có Giới, có Định, trí huệ cũng đã khai, nên có phương tiện thiện xảo, cho nên có thể dẫn dụ chúng sanh, đều có thể đối xử hòa thuận với hết thảy chúng sanh, quyết định chẳng phát sanh xung đột với hết thảy chúng sanh. Lúc tôi vừa mới đến Úc, khi ấy, thường trở về Tân Gia Ba, giảng kinh tại Tân Gia Ba mỗi năm vài lần. Ở Úc cũng có hội nghị tôn giáo nhằm đoàn kết tôn giáo do chánh phủ tổ chức. Có một viên chức địa vị không cao, giống như khoa trưởng [[20]](#footnote-21)[1] của khoa tôn giáo, địa vị chẳng cao lắm! Mỗi tháng, họ triệu tập đại biểu của các tôn giáo khác nhau đến họp, cùng họp lại nghiên cứu, thảo luận: “Tôn giáo hỗ trợ hợp tác như thế nào?” Tôi di dân đến Úc, tham gia hội nghị này, mỗi tháng họp hành, tôi nhất định đến tham dự. Đối với các tôn giáo khác nhau, chúng tôi đối đãi với nhau rất khá. Họ thường tranh luận một vấn đề: “Rốt cuộc Phật giáo là gì?” Chúng tôi bảo họ: “Phật giáo là giáo dục”. Thích Ca Mâu Ni Phật suốt đời giáo học. Giống như trong một quốc gia, Phật giáo chuyên lo giáo dục, làm công tác giáo dục. Tôi nói: [Phật giáo] chẳng xung đột với quý vị, Thượng Đế của quý vị trông nom việc hành chánh, giống như người đứng đầu một đất nước. Chúng tôi cũng chẳng phải là bộ trưởng giáo dục, chúng tôi là dân thường, giống như Khổng lão phu tử, là giáo học dân gian. Giúp đỡ, thành tựu quý vị, Phật giáo chẳng phản đối bất cứ tôn giáo nào. Phật giáo thừa nhận thần của quý vị, giống như thừa nhận người lãnh đạo quốc gia; nhưng Phật giáo chẳng tham gia chánh trị, mà là một loại giáo học dân gian. Họ nói: “Người sau khi chết đi thì sao?” “Chúng tôi lên thế giới Cực Lạc”. Họ nói: “Người sau khi đã chết thì ai là người phán quyết cuối cùng?” Tôi nói quyền phán quyết là Thượng Đế, họ rất hoan hỷ. Tôi nói Phật giáo chẳng phán quyết người khác, Phật giáo chỉ dạy bảo con người, chỉ dạy người ta đoạn ác, tu thiện, chứ Phật giáo chẳng xét đoán con người. Trong Phật giáo chẳng tìm được chuyện phán quyết. Vì thế, chúng tôi đối xử với nhau rất vui vẻ, tôn trọng họ, quý vị là người lãnh đạo quốc gia, quý vị là bộ trưởng Tư Pháp. Tôi nói Phật giáo chẳng vậy, Phật giáo là giáo học dân gian. Dạy những gì? Dạy người ta đoạn ác, tu thiện. Trong kinh điển của họ đều có những chuyện này. Từ từ, những sự đối lập giữa các tôn giáo dần dần được hóa giải.

 Khi chúng tôi tiến hành hoạt động tôn giáo trên quốc tế, nhất là những hoạt động hòa bình của Liên Hiệp Quốc, tôi luôn mời các tôn giáo cùng đi, cùng nhau tham gia. Tại đại hội Liên Hiệp Quốc, chúng tôi biểu diễn một chút, các tôn giáo nắm tay nhau, cầu nguyện cho thế giới hòa bình. Chính họ vui vẻ, mà đơn vị đứng ra tổ chức cũng vui vẻ. Điều khó có là có nhiều tôn giáo bất đồng như vậy đến cầu nguyện cho hòa bình, chuyện này hay lắm! Đặc biệt là Phật giáo, có thể nói Phật giáo là giáo dục dân gian. Hành trạng suốt một đời đức Thích Ca Mâu Ni Phật và Khổng Tử hết sức giống nhau, chúng ta phải nhận biết rõ ràng điều này. Dùng phương thức giáo dục để giúp đỡ quốc gia, giúp xã hội an định, giúp xã hội hòa hài, giúp đỡ chúng sanh giác ngộ. Đối với người căn tánh nhạy bén, bèn giúp đỡ họ trở về tự tánh. Do vậy, chúng ta phải nhận thức rõ rệt, Phật giáo chẳng phải là mê tín, phải uốn nắn cho đúng quan niệm sai lầm của người đời đối với Phật giáo. Uốn nắn chẳng phải là nói suông, mà phải nêu gương cho người khác nhìn vào. Các đồng tu của Tịnh Tông Học Hội có sứ mạng này. Hôm nay đã hết thời gian rồi, chúng ta học tập tới chỗ này!

# Tập 120

Chuyển ngữ: Bửu Quang Tự đệ tử Như Hòa

Giảo duyệt: Huệ Trang và Đức Phong

Chư vị pháp sư, chư vị đồng học, xin hãy ngồi xuống. Xin xem Đại Thừa Vô Lượng Thọ Kinh Giải, trang một trăm ba mươi chín, dòng thứ tư từ dưới đếm lên, xem từ chính giữa, xem từ chữ *“tam thừa”*:

 *“Tam thừa giả, thừa giả, xa dã. Tứ Giáo Nghi Tập Chú viết: Thừa dĩ vận tải vi nghĩa, vận xuất tam giới, quy ư Niết Bàn”* (Tam thừa: Thừa là cỗ xe. Sách Tứ Giáo Tập Nghi Chú [[21]](#footnote-22)[2] giảng: “Thừa có nghĩa là chuyên chở, chuyên chở thoát khỏi tam giới, trở về Niết Bàn”). Chúng tôi giải thích đoạn này. Câu này [nhằm giải thích một câu] trong kinh văn là *“thiện lập phương tiện, hiển thị tam thừa”.* Chúng ta đã học về *“thiện lập phương tiện”*, nay xem đến Tam Thừa. Chữ Thừa (乘) đọc theo cổ âm là Thặng, hiện thời đọc là Thừa; đọc Thặng mọi người đều chẳng biết nghĩa là gì, có lẽ có người nói chúng ta đọc sai, nên thuận theo tập tục [mà đọc là Thừa]! Thừa là cỗ xe. Trong Tứ Giáo Nghi Tập Chú có một câu giải thích như thế này: Thừa là cỗ xe, xe có ý nghĩa chuyên chở, ở đây dùng ý nghĩa ấy. *“Vận xuất tam giới, quy ư Niết Bàn”* (chở ra khỏi tam giới, trở về Niết Bàn). Phật pháp dùng Thừa làm tỷ dụ, giống như cỗ xe, Phật pháp có thể giúp chúng ta vượt khỏi tam giới, giống như chúng ta ngồi xe có thể đi xa, mang ý nghĩa này. Tam giới là lục đạo luân hồi, nói “tam giới” hay nói “lục đạo”, ý nghĩa hoàn toàn giống nhau. Tam giới là Dục Giới, Sắc Giới, Vô Sắc Giới. Dục Giới có sáu tầng trời, dưới Tha Hóa Tự Tại Thiên có sáu tầng trời, kể cả A Tu La đạo, nhân đạo, súc sanh đạo, ngạ quỷ, địa ngục đều thuộc về Dục Giới. Vì họ chẳng lìa khỏi năm thứ ham muốn là “tài, sắc, danh vọng, ăn uống, ngủ nghỉ”, nên gọi là Dục Giới. Dục Giới càng lên cao, ngũ dục càng nhạt ít, càng đi xuống, càng nghiêm trọng. Chúng ta chớ nên không biết điều này!

 Hễ liễu giải chúng ta bèn hiểu rõ: Mong vượt thoát, nhất định phải buông ngũ dục lục trần xuống. Tài, sắc, danh vọng, ăn uống, ngủ nghỉ là ngũ dục. Lục trần là đối tượng tiếp xúc của sáu căn; mắt, tai, mũi, lưỡi, thân và ý là sáu căn, đối tượng tiếp xúc là sắc, thanh, hương, vị, xúc, pháp. Ý là ý niệm, ý đối ứng với Pháp Trần. Những thứ này đều phải nhạt bớt, càng nhạt bớt càng hay! Thật sự có thể buông xuống, sẽ vượt thoát Dục Giới, đến nơi đâu? Đến Sắc Giới. Chư vị phải hiểu Sắc Giới có mười tám tầng trời, đó là chư thiên. Chư thiên Sắc Giới trọn chẳng đoạn dục, chư vị phải biết điều này. Vì sao họ chẳng có dục? Họ có công phu Thiền Định. Khi họ nhập Định, Định có công năng chế ngự ngũ dục, lục trần, nên họ là Phục Đoạn (đoạn trừ bằng cách chế phục), chẳng phải là Diệt Đoạn (đoạn trừ sạch sành sanh), nhưng họ có Sắc. Lên cao hơn là Vô Sắc Giới Thiên, đây là tầng cao nhất trong lục đạo. Vô Sắc Giới thì ngay cả nhục thân cũng chẳng có, chữ Sắc chỉ thân thể vật chất và hiện tượng vật chất. Do vậy có thể biết, trong bốn tầng trời của Vô Sắc Giới, chỉ có hiện tượng tinh thần tồn tại, chẳng có vật chất, chẳng có nhục thân vật chất, mà cũng chẳng có những kiến trúc vật chất, quý vị đều chẳng nhìn thấy. Chúng ta thường gọi những cõi trời ấy là *“linh giới”*, linh hồn của họ tồn tại. Đó là phàm phu cao cấp.

 Vô Sắc Giới Thiên tuy khá lắm, nhưng chẳng vượt thoát tam giới, tức là chẳng vượt thoát lục đạo luân hồi. Vô Sắc Giới Thiên tốt đẹp, trong ấy gần như là Niết Bàn. Niết Bàn là bất sanh, bất diệt, cõi trời ấy giống như Niết Bàn, nhưng chẳng phải là Niết Bàn thật sự. Chư thiên Sắc Giới đạt tới cảnh giới cao nhất trong Tứ Thiền Bát Định, tưởng lầm Vô Sắc Giới Thiên là Niết Bàn. Vô Sắc Giới Thiên vẫn có thọ mạng, thọ mạng dài nhất là tám vạn đại kiếp, thời gian ấy thật dài. *“Đại kiếp”*: Một đại kiếp là một lần “thành, trụ, hoại, không” của thế giới này, đủ thấy thế giới này vô thường. Một lần thành - trụ - hoại - không gọi là một đại kiếp. Thành - trụ - hoại - không tám vạn lần, quý vị nghĩ xem, thời gian ấy dài lắm! Tuy dài, rốt cuộc vẫn có ngày chấm dứt, đến ngày ấy, họ đánh mất công năng Thiền Định. Công năng Thiền Định vừa mất đi, phiền não bèn hiện tiền. Ý niệm sai lầm đầu tiên là kẻ ấy tưởng lầm [Vô Sắc Giới Thiên] là bất sanh, bất diệt; cớ sao lại có sanh diệt? [Do hiểu lầm], bèn hủy báng thánh hiền. Thánh hiền đã nói *“Niết Bàn bất sanh, bất diệt”*, nay kẻ ấy đã mất công năng Thiền Định, phiền não hiện hành, bèn nghĩ các vị thánh hiền lừa gạt họ, ý niệm ấy chính là đại bất kính đối với các vị thánh hiền. Đại bất kính đối với thầy, đối với thánh hiền thì tội nghiệt ấy có cùng mức độ với tội bất hiếu với cha mẹ. Nếu kẻ nào bất hiếu với cha mẹ, không tôn trọng thánh hiền, quả báo là trong địa ngục A Tỳ. Do đó, quý vị thấy trèo lên cao nhất, trèo đến tầng trời Phi Tưởng Phi Phi Tưởng, té lộn nhào xuống cũng nặng nhất, rơi xuống địa ngục A Tỳ, cầu làm thân người chẳng được! Trong kinh điển, đức Phật giảng chuyện này rất nhiều, và cũng giảng rất rõ ràng. Dụng ý nhằm đặc biệt nhắc nhở chúng ta, chúng ta mong thành Phật, chúng ta phải sanh về Tây Phương Tịnh Độ, đừng cầu thiên đạo! Đạt đến chỗ cao nhất trong thiên đạo, vẫn chẳng thể giải quyết vấn đề! Hai mươi tám tầng trời chẳng thể giải quyết vấn đề, huống hồ Dục Giới! Người bình phàm sanh lên trời, tuyệt đại đa số đều là sanh trong Tứ Vương Thiên hoặc Đao Lợi Thiên, vì sao? Tình chấp và dục vọng chưa đoạn, khá hơn người bình phàm chúng ta một chút, nhạt bớt một chút, nhưng chưa đoạn, nên họ tiến cao hơn vô cùng khó khăn! Đó là ý nghĩa của tam giới. *“Vận xuất tam giới”* (chở thoát ra tam giới), nương theo Phật pháp tu hành, có thể vượt thoát tam giới, *“quy ư Niết Bàn”* (trở về Niết Bàn). Tiểu Niết Bàn, chẳng phải là Niết Bàn thật sự, mà là Tương Tự Niết Bàn, là sở chứng của A La Hán, vượt thoát tam giới là chứng đắc [của hàng A La Hán], điều này trong phần sau chúng tôi sẽ còn nhắc tới.

 Chúng ta lại xem phần tiếp theo: *“Hựu dụ như vận tải công cụ, sử nhân thừa chi các đáo kỳ quả địa, Pháp Hoa dĩ dương, lộc, ngưu chi tam xa, dụ Tiểu, Trung, Đại tam thừa. Tiểu giả, Thanh Văn Thừa. Trung giả, Duyên Giác Thừa. Đại giả, Bồ Tát Thừa”* (lại ví như công cụ vận tải, khiến cho người ngồi trên đó ai nấy đều đạt đến quả địa. Kinh Pháp Hoa lấy ba loại xe dê, nai, trâu để sánh ví ba thừa Tiểu, Trung, Đại. Tiểu là Thanh Văn Thừa. Trung là Duyên Giác Thừa. Đại là Bồ Tát Thừa). Đoạn này giảng rõ hơn sách Tứ Giáo Nghi, đây chính là những điều được nói trong kinh Pháp Hoa. Kinh Pháp Hoa nói *“tam thừa”* là ba cỗ xe. Xe chính là ý nghĩa của Thừa. Nói đến ba loại xe, xe dê, xe nai và xe trâu. Xe dê thời cổ rất nhỏ, chỉ có thể chở được một người. Xe nai lớn hơn một chút, có thể ngồi hai người. Xe trâu rất lớn, đại khái có thể ngồi năm, sáu người. Trên thực tế, kinh Pháp Hoa nói *“đại bạch ngưu xa”* thì Đại Bạch Ngưu Xa chính là xe ngựa trong hiện tại [[22]](#footnote-23)[3]. Hiện thời, công cụ giao thông này chẳng còn nữa, được thay thế bằng xe hơi. Thời xưa, đừng nói là rất xưa, ngay trong lứa tuổi của tôi, nhằm lúc tôi học Tiểu Học và Trung Học, chúng tôi cũng ngồi xe ngựa. Tôi còn nhớ, lúc học Tiểu Học, ngồi xe ngựa; lũ học trò bé, một xe ngựa có thể ngồi được mười bốn, mười lăm đứa. Dùng chuyện này để tỷ dụ nó có thể chuyên chở bao nhiêu người, mà nói là Đại, Trung, Tiểu. Xe nhỏ ví như Thanh Văn, Thanh Văn là A La Hán, A La Hán gọi Tiểu Thừa. Người Tiểu Thừa chỉ cầu tự độ, chẳng phát tâm giúp đỡ người khác. Trung Thừa là Duyên Giác, tức Bích Chi Phật, thông minh hơn A La Hán, nhưng tâm lượng cũng chẳng lớn lắm. Chẳng phải là thiếu tâm từ bi, mà là tâm từ bi chẳng to lớn. Quý vị đến tìm họ, nếu họ thích quý vị thì sẽ có thể dạy quý vị, do có duyên với quý vị. Họ chẳng thích thì sẽ không ngó ngàng tới quý vị. Đó là Thanh Văn và Duyên Giác. Bồ Tát khác hẳn, quý vị không đi tìm các Ngài, mà các Ngài chủ động đến dạy quý vị. Các Ngài chẳng có tâm phân biệt, chẳng có tâm ưa ghét, nên Bồ Tát được gọi là Đại Thừa.

 Trong phẩm Thí Dụ của kinh Pháp Hoa có một đoạn như thế này: *“Như Lai hữu vô lượng trí huệ, lực, vô sở úy, chư pháp chi tạng, năng dữ nhất thiết chúng sanh Đại Thừa chi pháp”* (Như Lai có vô lượng trí huệ, lực, vô sở úy, các pháp tạng, có thể ban cho hết thảy chúng sanh pháp Ðại Thừa), chữ Đại Thừa chỉ Nhất Phật Thừa, *“đản bất năng tận thọ”* (nhưng [chúng sanh] chẳng thể nhận lãnh hết được). Tuy đức Phật rất từ bi, nhưng pháp Nhất Thừa là phương pháp thành Phật, người bình phàm chẳng thể tiếp nhận. *“Xá Lợi Phất”*,câu này nói với ngài Xá Lợi Phất, *“dĩ thị nhân duyên, đương tri chư Phật phương tiện lực cố, ư nhất Phật Thừa, phân biệt thuyết tam”* (do nhân duyên ấy, hãy nên biết chư Phật do sức phương tiện, đối với Nhất Phật Thừa mà phân biệt nói thành ba), tam thừa do vậy mà có. Phật tâm bình đẳng, Phật nguyện rộng sâu, Phật mong mỏi hết thảy chúng sanh đều có thể thành Phật. Vì thế, trong giáo pháp Đại Thừa, đức Phật thường nói: *“Hết thảy chúng sanh vốn là Phật”*. Phật giúp đỡ chúng sanh, nhất định dạy họ trở về tự tánh. Trở về tự tánh bèn thành Phật, [bởi lẽ], họ vốn là Phật. Mê mất tự tánh, chẳng quay về được! Muốn trở về cũng chẳng phải là chuyện đơn giản như thế, vẫn chẳng thể trở về, đó là phàm phu trong lục đạo. Lục đạo phàm phu, nhân gian, Dục Giới Thiên chẳng mong trở về, nhưng Sắc Giới Thiên và Vô Sắc Giới Thiên thật sự muốn quay về! Họ muốn quay về mà cũng chẳng về được, huống gì các phàm phu trong Dục Giới! Đức Phật bất đắc dĩ, phân biệt Nhất Phật Thừa thành ba giai đoạn, mỗi giai đoạn sau nâng cao hơn giai đoạn trước. Điều này giống như mở trường học, thầy và cha mẹ đều hy vọng học trò đứa nào cũng đạt được học vị Tiến Sĩ, đấy là Phật tâm. Nhưng có phải là ai nấy đều đạt được hay không? Chẳng phải! Chẳng phải là người nào cũng đều có thể đạt được; do vậy, nhà trường mới lập ra ba học vị, có Học Sĩ, Thạc Sĩ, và Tiến Sĩ, khá giống với tam thừa!

 Mấy câu trong phần trước nói về Như Lai, nhưng trên thực tế là nói về chính mình. *“Như Lai có vô lượng trí huệ”*, Ngài chẳng nói “Phật”, chẳng nói “chư Phật có vô lượng trí huệ”, mà nói “Như Lai”. Kinh Đại Thừa nói “chư Phật” thì quá nửa là nói theo tướng; nói “Như Lai” đều là nói theo tánh. Trong kinh Hoa Nghiêm, đức Phật dạy: *“Hết thảy chúng sanh đều có trí huệ và đức tướng của Như Lai”*, nói Như Lai, chẳng nói Phật! Nói Như Lai là nói theo tự tánh. Hết thảy chúng sanh đều có Phật tánh; đã có Phật tánh, đương nhiên có thể thành Phật. Trong Phật tánh có vô lượng trí huệ, có vô lượng lực. Lực là gì? Năng lực, nay chúng ta gọi [năng lực] là “tài nghệ”. Có vô lượng tài nghệ, quý vị có năng lực. Trong kinh Phật có nói: Chư Phật Như Lai có mười thứ năng lực, *“mười”* tượng trưng cho sự viên mãn, không phải là con số, đúng là *“không gì chẳng biết”* là trí huệ, *“không gì chẳng thể”* là mười lực. Mười lực tượng trưng cho *“không gì chẳng thể”*, chẳng có gì không làm được! *“Vô sở úy”* là bốn thứ không sợ hãi. *“Chư pháp chi tạng, năng dữ nhất thiết chúng sanh Đại Thừa chi pháp”* (tạng các pháp có thể ban cho hết thảy chúng sanh pháp Đại Thừa), đức Phật có năng lực ấy, có năng lực giúp đỡ hết thảy chúng sanh chứng đắc Phật quả rốt ráo trong một đời. Nói theo lý luận, phàm phu thành Phật mất thời gian bao lâu? Trong một niệm! Một niệm giác, phàm phu bèn thành Phật. Một niệm mê, quý vị là phàm phu. Câu này hoàn toàn là lời thật. Một niệm ấy là niệm gì? Theo cuộc đối thoại giữa Thích Ca Mâu Ni Phật và Di Lặc Bồ Tát, trong một cái khảy ngón tay có ba mươi hai ức trăm ngàn niệm, [“một niệm bất giác” vừa nói trên đây] chính là một niệm trong [một cái khảy ngón tay]. Chỉ cần một niệm giác, phàm phu bèn thành Phật, bất giác thì chẳng có cách nào. Trong tựa đề kinh này cũng chỉ rõ tam thừa, quý vị thấy tựa đề kinh, về phần tu nhân là *“thanh tịnh, bình đẳng, giác”*. Thanh tịnh là Tiểu Thừa, Tiểu Thừa bao gồm cả Duyên Giác; bình đẳng là Đại Thừa, là Bồ Tát, chữ Giác sau cùng là Nhất Thừa, đó là thành Phật. Vì vậy, kinh này cũng là đức Thế Tôn vì hết thảy chúng sanh mà hiển thị tam thừa.

 Chúng ta tu học, nếu đại triệt đại ngộ, minh tâm kiến tánh trong một đời này, vấn đề ấy đã được giải quyết, bèn thành Phật. Nếu chẳng đạt được cảnh giới này, hãy tùy phần tu học, cầu sanh Tây Phương Cực Lạc thế giới. Tây Phương Cực Lạc thế giới có bốn cõi, ba bậc, chín phẩm. Tây Phương Cực Lạc thế giới là nơi A Di Đà Phật lập trường học. Trường gì vậy? Trường dạy phàm phu thành Phật, bảo đảm quý vị thành Phật. Điều này rất khó có, một phẩm phiền não chưa đoạn mà vẫn có thể vãng sanh, sanh vào cõi Phàm Thánh Đồng Cư trong thế giới Cực Lạc, một phẩm phiền não cũng chẳng đoạn đấy nhé! Thật sự đoạn mấy phẩm phiền não, chẳng hạn như các loại phiền não nặng nhất và thô nhất trong Kiến Tư phiền não là Thân Kiến, Biên Kiến, Kiến Thủ Kiến, Giới Thủ Kiến, và Tà Kiến, trong phần trước đã giảng rất nhiều. Năm loại Kiến Hoặc ấy có tất cả là tám mươi tám phẩm. Đoạn hết tám mươi tám phẩm Kiến Hoặc ấy chính là Tiểu Thừa Tu Đà Hoàn, tức là Tiểu Thừa Sơ Quả, người như vậy vãng sanh Tây Phương Cực Lạc thế giới chẳng ở trong cõi Phàm Thánh Đồng Cư. Vì sao? Người ấy chẳng phải là phàm phu. Nói theo thế gian này, người ấy là thánh nhân, là bậc thánh nhân nhỏ nhoi, chẳng phải là phàm phu. Bậc thánh nhân nhỏ nhoi tuy vị trí rất thấp, nhưng cao minh hơn bọn lục đạo phàm phu chúng ta quá nhiều. Sau khi vị ấy chứng đắc Sơ Quả, Ngài có năng lực, ở trong lục đạo luân hồi, qua lại bảy lần trên cõi trời hoặc trong nhân gian, chắc chắn chẳng đọa trong tam ác đạo, bảo đảm chuyện này! Và cũng chỉ có bảy lần, chẳng có lần thứ tám, [chỉ là] bảy lần, chắc chắn vượt thoát tam giới lục đạo, chứng quả A La Hán. Người như vậy vãng sanh Tây Phương Cực Lạc thế giới, sanh về cõi Phương Tiện Hữu Dư, chẳng ở trong cõi Phàm Thánh Đồng Cư, đó là Tiểu Thừa. Ở nơi đây tu đến cảnh giới Tiểu Thừa, vãng sanh Tây Phương Cực Lạc thế giới, bèn sanh trong cõi Phương Tiện. Nếu ở nơi đây, chúng ta tu hành đạt tới cảnh giới Bồ Tát, vãng sanh Tây Phương Cực Lạc thế giới, sẽ chẳng sanh vào cõi Phương Tiện Hữu Dư, mà sanh trong cõi Thật Báo Trang Nghiêm, có địa vị bình đẳng với các vị Pháp Thân Bồ Tát trong cõi Thật Báo thuộc Tịnh Độ của chư Phật Như Lai. Trong Phật giáo Trung Quốc, những người ấy là những vị được Thiền Tông gọi là “đại triệt đại ngộ, minh tâm kiến tánh”, Giáo Hạ gọi họ là “đại khai viên giải”, trong Tịnh Độ Tông gọi là “Lý nhất tâm bất loạn”. Chứng đắc Lý nhất tâm bất loạn, sanh vào cõi Thật Báo. Đến thế giới Cực Lạc, chứng Thường Tịch Quang, Thường Tịch Quang là trở về tự tánh viên mãn.

 Bổn nguyện của đức Phật đích xác là hy vọng mỗi cá nhân chúng ta đều có thể viên thành Phật đạo ngay trong một đời. Phàm phu viên thành Phật đạo trong một đời thì chỉ có pháp môn này. Phật pháp nói tám vạn bốn ngàn pháp môn, bất cứ pháp môn nào quý vị cũng đều chẳng thể thành tựu trong một đời! Chỉ có pháp môn Niệm Phật Vãng Sanh này là thật sự thành tựu ngay trong một đời! Trong đời này, chúng ta có thể gặp gỡ pháp môn này, [quả thật] chẳng dễ dàng. Đã gặp gỡ thì nhất định phải quý trọng, phải nắm chặt pháp này, ngàn vạn phần chớ nên khinh dễ bỏ qua; [nếu bỏ lỡ] thì chính là lầm lẫn quá đỗi! Gặp được pháp môn này, đúng như cổ đại đức đã nói: *“Trăm ngàn vạn kiếp khó gặp gỡ”.* Vào đời Thanh trước kia, ông Bành Tế Thanh đã nói: *“Hy hữu khó gặp từ vô lượng kiếp đến nay”,* ông ta nói pháp môn này hiếm có, khó gặp trong vô lượng kiếp! Đời này, quý vị gặp gỡ, hãy nắm vững nó, pháp môn này *“vạn người tu, vạn người đến”*, câu này do Thiện Đạo đại sư nói, chẳng phải là lời giả! Nhưng học Phật, bất luận học pháp môn nào, nói chung, nhất định phải biết buông xuống. Buông những gì xuống? Buông phiền não xuống, buông tập khí xuống. Cổ đại đức thường dạy chúng ta, hễ điều gì chẳng mang theo được, bèn buông xuống. Chúng ta suy ngẫm, người đã chết có thể mang theo gì vậy? Tài sản của quý vị chẳng mang theo được, thân tình chẳng mang theo được, tước vị chẳng mang theo được, kể cả thân thể của quý vị cũng chẳng mang theo được! Phải hiểu rõ chỗ này. Chẳng mang theo được thì hãy buông xuống, đó là giả, chẳng thật. Điều nào mang theo được thì quý vị bèn đổ công dốc sức nơi đó. Đức hạnh mang theo được, công đức có thể mang theo được. Trì giới hữu công, tam-muội là đức, tam-muội là Thiền Định. Thiền Định là Công, khai trí huệ là Đức, những điều này có thể mang theo được. Ngược lại, những tội nghiệp do quý vị đã tạo cũng có thể mang theo. Nếu mang theo một thân tội nghiệp, đời sau sẽ sanh trong tam ác đạo. Suốt đời này, quý vị làm rất nhiều chuyện tốt, những chuyện ấy cũng có thể mang theo được. Do những chuyện tốt ấy, đời sau sanh lên trời, nhưng đều chẳng bằng buông xuống vạn duyên, nhất tâm niệm Phật. Niệm Phật có thể mang theo được, niệm Phật có thể vãng sanh Tịnh Độ. Do vậy, phải thường nghĩ tới những gì có thể mang theo được, chúng ta nghiêm túc nỗ lực thực hiện. Học tập kinh giáo giúp chúng ta khai ngộ. Chúng ta đọc kinh Vô Lượng Thọ, học tập kinh Vô Lượng Thọ, tăng trưởng sự hiểu biết đối với Tây Phương Cực Lạc thế giới, thật sự nhận biết rõ ràng, minh bạch, tín tâm mới có thể kiên định, nguyện tâm chẳng lùi; đó là điều kiện ắt phải hội đủ hòng vãng sanh thế giới Cực Lạc.

 Tiếp đó, chúng ta lại xem [những lời giảng giải về] phương tiện, *“thiện lập phương tiện”*: *“Hựu, Pháp Hoa Văn Cú viết: ‘Phương tiện giả, môn dã’* (lại nữa, sách Pháp Hoa Văn Cú nói: “Phương tiện là cửa”). Đây là tỷ dụ. *“Vị chân thật tác môn, chân thật đắc hiển, công do phương tiện. Y thử thích, tắc Tiểu Thừa vi nhập Đại Thừa chi môn, cố vị chi phương tiện giáo. Hựu, tam thừa vi thông ư Nhất Thừa, cố diệc danh phương tiện giáo. Dĩ thượng kinh luận, chánh hiển ‘thiện lập phương tiện, hiển thị tam thừa’ chi chỉ”* (làm cửa để thâm nhập chân thật, hiển lộ được sự chân thật, toàn do công của phương tiện. Theo cách giải thích này, Tiểu Thừa là cái cửa để vào được Ðại Thừa, nên Tiểu Thừa được gọi là giáo pháp phương tiện. Hơn nữa, do tam thừa thông với Nhất Thừa, nên tam thừa cũng gọi là giáo pháp phương tiện. Những đoạn kinh, luận trên đây thật sự tỏ rõ yếu chỉ “thiện lập phương tiện, hiển thị tam thừa”). *“Phương”* là phương pháp, *“Tiện”* là thuận tiện. Nói cách khác, là phương pháp rất thích hợp, phương pháp tốt nhất, phương pháp mầu nhiệm nhất. Trong Phật pháp, thường dùng chữ *“thiện xảo”*, *“thiện xảo”* là phương tiện. Do vậy, phương tiện chẳng phải là phương pháp nhất định; do mỗi người mỗi khác, do mỗi chuyện mỗi khác, tùy thuộc vào đó mà biến hóa vô cùng. Khéo dùng phương tiện là trí huệ; thiếu trí huệ sẽ chẳng biết dùng. Trong những người có trí huệ, Phật là bậc trí huệ viên mãn. Như Lai có vô lượng trí huệ, nên phương tiện môn của Ngài cũng là vô lượng vô biên, vô lượng phương tiện! Sánh ví phương tiện như cửa, cửa có ý nghĩa “có thể tiến vào”. Vì sao? *“Vị chân thật tác môn”* (làm cửa để thâm nhập sự chân thật). Tông môn gọi “chân thật” là *“minh tâm kiến tánh”*, đó là chân thật. Chân là chẳng giả, Thật là chẳng hư dối. Trong kinh Đại Thừa, đức Phật dạy: *“Phàm những gì có hình tướng đều là hư vọng”*, hư vọng chẳng phải là chân thật, chân thật chẳng phải là hư vọng. Chân thật là gì? Chân thật là tự tánh, chỉ có điều này là chân thật. Vũ trụ do nó biến hiện, vạn pháp cũng do nó biến hiện. Do vì tự tánh có thể sanh, có thể hiện, nên nó là thật, còn những cái được sanh, được hiện chẳng thật. Thật ra, cái được sanh, cái được hiện sanh diệt trong từng sát-na, sát-na chẳng trụ. Trong kinh Phật, thường thấy có câu như vậy. *“Sát-na chẳng trụ”* là sanh diệt trong từng sát-na, chẳng thật, chỉ có tự tánh là bất sanh, bất diệt. Vì thế, ngôn ngữ cổ của Ấn Độ là tiếng Phạn, gọi [bất sanh bất diệt] là Niết Bàn. Niết Bàn có nghĩa là *“bất sanh, bất diệt, chân thật”.* *“Chân thật đắc hiển”*: Quý vị thấu hiểu, chứng đắc. *“Công”* là có phương tiện, công phu là phương tiện; phương tiện có công, chân thật bèn hiển hiện. Nếu quý vị chẳng từ phương tiện môn, quả thật chẳng có cách nào minh tâm kiến tánh!

 Theo cách giải thích này, tiếp đó bèn nói: *“Tắc Tiểu Thừa vi nhập Đại Thừa chi môn”* (Tiểu Thừa là cửa để nhập Đại Thừa), đó là pháp phương tiện. Thuở đức Phật tại thế, tiếp nhận lời thỉnh pháp của chư thiên trời Tịnh Cư, họ thỉnh đức Phật trụ thế, thỉnh Ngài chuyển pháp luân, tức là thỉnh Thích Ca Mâu Ni Phật hãy trụ trong thế gian giáo hóa chúng sanh. Thích Ca Mâu Ni Phật nhận lời. Sau khi đã nhận lời, bèn bắt đầu giáo học. Đầu tiên là những người hữu duyên. Ngài rời khỏi gia đình, đi tham học bên ngoài, cha mẹ Ngài rất quan tâm, sai năm người đi theo chăm sóc. Năm vị ấy ở Lộc Dã Uyển. Sau khi đức Phật khai ngộ, rời cội Bồ Đề, đến Lộc Dã Uyển tìm năm người ấy. Tìm được năm người ấy, bèn giảng cho họ nghe pháp Tứ Đế, giảng Khổ, Tập, Diệt, Đạo. Năm người nghe xong, tôn giả Kiều Trần Như giác ngộ, chứng Tứ Quả La Hán. Do căn tánh khác nhau, căn tánh của năm người không giống nhau, có người chứng Sơ Quả, có người chứng Nhị Quả, chỉ riêng ngài Kiều Trần Như chứng Tứ Quả. Chứng Tứ Quả cũng là Kiến Tư phiền não thảy đều buông xuống, kinh Hoa Nghiêm gọi [Kiến Tư phiền não] là chấp trước. Đối với pháp thế gian và xuất thế gian đều chẳng chấp trước, đắc thanh tịnh tâm. Đối với *“thanh tịnh”* như trong tựa đề kinh này, Ngài đắc thanh tịnh tâm, thành A La Hán, đó là pháp phương tiện. Lại giúp cho vị ấy đắc tâm bình đẳng, cuối cùng, giúp vị ấy đại triệt đại ngộ. Quý vị thấy đó, đều là nói rõ: Dùng phương tiện hướng dẫn vị ấy hiển lộ sự chân thật, nên là giáo pháp phương tiện. Tam Thừa, tức Tiểu Thừa, Trung Thừa, và Bồ Tát Thừa, cuối cùng đều đạt tới Nhất Thừa, nên giáo pháp Tam Thừa còn được gọi là Phương Tiện Giáo. Cụ Hoàng Niệm Tổ nêu ra những cách nói trong các kinh luận; sau đó, kết luận: *“Dĩ thượng kinh luận”* (các kinh luận trên đây), [tức là] các kinh luận được trích luận ở đây, *“chánh hiển thiện lập phương tiện, hiển thị Tam Thừa chi chỉ”* (thật sự tỏ rõ yếu chỉ “thiện lập phương tiện, hiển thị tam thừa”). *“Chỉ”* (旨) là tông chỉ (宗旨). Tông chỉ là mục tiêu chủ yếu, nhắm đến Nhất Thừa, chúng ta nhất định phải biết điều này. Đức Phật giáo hóa chúng sanh, sở hành trong cả đời Ngài toàn là giáo pháp phương tiện, mục tiêu chung cực là giúp quý vị thành Phật, lấy *“chứng đắc Phật quả rốt ráo viên mãn”* làm mục tiêu giáo học chung cực. Từ chỗ này, chúng ta mới thật sự thấu hiểu lòng từ bi vô tận của chư Phật Như Lai đối với hết thảy chúng sanh. Các Ngài giúp đỡ chúng ta chẳng phải là giúp chúng ta đến một giai đoạn rồi thôi, các Ngài một mực giúp cho chúng ta đạt đến rốt ráo viên mãn. Những điều trên đây là tướng thứ bảy, tức Chuyển Pháp Luân, giảng tới đây [là xong].

 Tiếp theo đó là tướng thị hiện cuối cùng trong tám tướng thành đạo, tức là *“nhập Niết Bàn”*. *“Ư thử trung hạ, nhi hiện diệt độ”* (trong hàng trung hạ căn, thị hiện diệt độ). Diệt Độ là Niết Bàn. Chúng ta đọc lời chú giải của cụ Niệm Tổ: *“Trung hạ, cứ Ngụy dịch Tích Sa Tạng bổn dữ Cao Ly Tạng bổn”* (Chữ “trung hạ” dựa theo bản Ngụy dịch trong các bản Tích Sa Tạng [[23]](#footnote-24)[4] và Cao Ly Tạng [[24]](#footnote-25)[5]). Hai chữ *“trung hạ”* vốn căn cứ trên bản dịch của ngài Khang Tăng Khải. Tích Sa Tạng là bản in [kinh Đại Tạng] đời Tống, và bản chép trong Cao Ly Tạng đều có hai chữ *“trung hạ”*, tức *“ư thử trung hạ”.* Tiếp đó, cụ có giải thích *“trung hạ”* là gì, *“nhi hiện Niết Bàn”* là thị hiện diệt độ. Nói cách khác, Ngài chẳng nói đến bậc thượng, chẳng nói tới thượng thượng. Vì sao? Người thượng thượng căn đã biết Thích Ca Mâu Ni Phật có hiện Bát Niết Bàn hay không? Chẳng có! Kẻ căn tánh trung hạ thấy Thích Ca Mâu Ni Phật nhập Bát Niết Bàn. *“Thử thị bát tướng thành đạo trung chi đệ bát, Bát Niết Bàn tướng”* (đây là tướng thứ tám trong tám tướng thành đạo, tức là tướng Bát Niết Bàn), đây là tướng nhập diệt của Thích Ca Mâu Ni Phật. Niết Bàn (Nirvāṇa), là tiếng Phạn, tức là ngôn ngữ của Ấn Độ [cổ đại], *“cựu dịch vi Diệt Độ, tân dịch vi Viên Tịch”* (dịch theo lối cổ là Diệt Độ, dịch theo lối mới là Viên Tịch). Chúng ta phải hiểu ý nghĩa hai chữ Tân và Cựu này. *“Cựu dịch”* là [cách dịch thuật] trước thời Huyền Trang đại sư, do các vị cổ đại đức phiên dịch. Các Ngài dịch Niết Bàn là Diệt Độ, ý nghĩa cũng rất hay. Diệt (滅) là gì? Diệt phiền não, Độ (度) là “độ sanh tử” (vượt thoát sanh tử), độ luân hồi. Diệt Kiến Tư phiền não, Độ là vượt thoát. Vượt thoát tam giới lục đạo, diệt Trần Sa phiền não, diệt Vô Minh phiền não, vượt thoát mười pháp giới, quý vị mới có thể đạt tới. Độ là đạt đến, đạt đến cõi Thật Báo Trang Nghiêm của chư Phật Như Lai. Diệt có ý nghĩa sau đây: Diệt phiền não, diệt ba thứ phiền não, tức Kiến Tư, Trần Sa, và Vô Minh. *“Tân dịch”* là [cách dịch tuân theo quy định của] Huyền Trang đại sư, những kinh được phiên dịch từ thời Huyền Trang đại sư trở đi gọi là Tân Dịch. Họ dịch hai chữ Niết Bàn thành Viên Tịch, cách dịch này rất hay. Viên (圓) là viên mãn, Tịch (寂) là thanh tịnh tịch diệt, mang ý nghĩa này. Kế đó là: *“Diệt độ giả, diệt sanh tử chi nhân quả, độ sanh tử chi bạo lưu”* (Diệt độ là diệt nhân quả sanh tử, vượt thoát dòng nước lũ sanh tử), *“bạo lưu”* (瀑流) là tỷ dụ, giống như sóng to, là cảnh giới sóng to gió lớn, tức là nói đến sự sanh tử trong lục đạo.

 *“Niết Bàn kinh viết: Diệt chư phiền não, danh vi Niết Bàn. Ly chư hữu giả, danh vi Niết Bàn”* (Kinh Niết Bàn nói: “Diệt các phiền não, gọi là Niết Bàn. Lìa các hữu gọi là Niết Bàn”). Điều này chẳng khác các ý nghĩa vừa nói cho lắm. *“Diệt chư phiền não”* là nói [diệt trừ] Kiến Tư phiền não, Trần Sa phiền não, và Vô Minh phiền não. Đó là ý nghĩa của Diệt, là ý nghĩa của Niết Bàn. *“Ly”* có nghĩa là Độ. *“Ly chư hữu”*: Chư Hữu là tam giới, tức Dục Giới Hữu, Sắc Giới Hữu, Vô Sắc Giới Hữu, có gì vậy? Có nhân, có quả. Quý vị có cái nhân Dục Giới thì mới có quả báo Dục Giới. Quý vị có cái nhân Sắc Giới, bèn có quả báo Sắc Giới. Có cái nhân Vô Sắc Giới, bèn có quả báo Vô Sắc Giới. Vì thế, nếu đổ công dốc sức nơi quả sẽ chẳng thể giải quyết vấn đề! Quả báo hiện tiền, nhất định phải giải quyết từ nhân. Do nhân tâm (cái tâm chứa đựng cái nhân) chẳng còn, quả báo chẳng hiện, quả bị tiêu diệt. Vì tam giới lục đạo là huyễn tướng, chẳng thật, cổ đại đức sánh ví nó như mộng, huyễn, bọt, bóng. Trong Chứng Đạo Ca, Vĩnh Gia đại sư đã nói rất hay: *“Trong mộng rành rành phô sáu nẻo”*, *“sáu nẻo”* là lục đạo luân hồi, *“giác rồi ba cõi rỗng toang hoang”.* Quý vị giác ngộ giống như đã tỉnh giấc. Sau khi tỉnh giấc, cảnh mộng chẳng còn nữa! Nếu thật sự giác ngộ, buông Kiến Tư phiền não xuống, thật sự giác ngộ, chẳng thấy lục đạo nữa. Chẳng thấy lục đạo, xuất hiện cảnh giới gì? Xuất hiện bốn thánh pháp giới, bốn thánh pháp giới là Tịnh Độ, là Tịnh Độ của Thích Ca Mâu Ni Phật. Cảnh giới ấy vẫn chưa đạt đến rốt ráo, vì sao? Quý vị vẫn chẳng có cách nào thoát ly mười pháp giới. Thoát ly lục đạo thì vẫn còn có bốn thứ pháp giới trong mười pháp giới là Thanh Văn, Duyên Giác, Bồ Tát, và Phật, quý vị chẳng có cách nào rời khỏi, nên vẫn phải buông xuống. Buông phân biệt xuống, quý vị mới có thể tiến lên. Từ Thanh Văn, Duyên Giác, tiến lên Bồ Tát, từ Bồ Tát lại tiến lên Phật. Đến địa vị Phật, nhất định phải buông vô minh xuống, buông Vô Minh phiền não xuống. Buông vô minh xuống thì mới có thể thoát ly mười pháp giới, mười pháp giới cũng đều chẳng còn. Vì vậy, mười pháp giới cũng chẳng thật. Lục đạo đúng là cảnh mộng trong mộng! Thoát ly mười pháp giới, Nhất Chân pháp giới hiện tiền, đó là thật, chẳng giả, trở về Nhất Chân.

 Nhưng đối với Nhất Chân ở đây, theo kinh Hoa Nghiêm còn có bốn mươi mốt địa vị, bốn mươi mốt địa vị ấy do đâu mà có? Đã đoạn vô minh phiền não, cũng có nghĩa là chúng ta đối với hết thảy các pháp thế gian và xuất thế gian chẳng còn khởi tâm động niệm nữa. Khởi tâm động niệm là vô minh phiền não. Chẳng khởi tâm, không động niệm, lấy đâu ra các đẳng cấp? Không khởi tâm, chẳng động niệm là cảnh giới bình đẳng thật sự hiện tiền; hễ khởi tâm động niệm, sẽ không bình đẳng. Bình đẳng thật sự hiện tiền, vì sao đức Phật còn nói bốn mươi mốt đẳng cấp? Trong Sớ Sao của Thanh Lương đại sư, tức là trong chú giải [kinh Hoa Nghiêm], Ngài đã nói: *“Những vị ấy gọi là Phật cũng được, mà gọi là Pháp Thân Bồ Tát cũng được”.* Tuy các Ngài đã đoạn vô thỉ vô minh, nhưng tập khí vẫn còn. Vì thế, chúng ta hiểu: Bốn mươi đẳng cấp ấy là do tập khí vô thỉ vô minh có dầy hay mỏng khác nhau. Người vừa mới phá vô minh phiền não, đương nhiên tập khí nặng hơn một chút; người đã buông xuống khởi tâm động niệm rất lâu, tập khí sẽ mỏng hơn một chút. [Bốn mươi mốt địa vị] là nói theo tập khí dầy hay mỏng. Tập khí dầy hay mỏng có liên quan đến sự tu hành và sự hóa độ người khác của chính mình hay không? Thưa quý vị, chẳng liên quan! Chẳng có mảy may chướng ngại. Vì thế, Sơ Trụ Bồ Tát trong kinh Hoa Nghiêm, trí huệ, đức tướng và quả vị rốt ráo chẳng khác chư Phật Như Lai, Sơ Trụ đã thành Phật. Giống như trong phẩm Phổ Môn miêu tả Quán Thế Âm Bồ Tát, nên dùng thân gì để đắc độ, Ngài có thể hiện thân ấy. Nên dùng thân Phật để độ, Ngài liền hiện thân Phật. Nên dùng thân Bồ Tát để độ, Ngài bèn hiện thân Bồ Tát, Ngài có thể tùy loại hiện thân. Kinh Lăng Nghiêm có nói: *“Thuận theo tâm chúng sanh, ứng với khả năng nhận lãnh của họ”*, trí huệ và đức tướng tỏ lộ viên mãn. Ngài Thanh Lương đã giúp chúng ta hóa giải nghi vấn này. Đối với sự tu học của chúng ta mà nói thì Ngài đã hóa giải, đột phá một tầng chướng ngại. Vì thế, *“ly chư Hữu”* cũng là ý nghĩa của Niết Bàn. Niết Bàn có hai nghĩa là Diệt và Độ.

 *“Hựu Hiền Thủ Tâm Kinh Lược Sớ”* (lại nữa, bộ Tâm Kinh Lược Sớ của ngài Hiền Thủ). Trong tông Hoa Nghiêm, Hiền Thủ đại sư là thầy của ngài Thanh Lương, là tổ sư đời thứ ba của tông Hoa Nghiêm, Ngài có tác phẩm chú giải Tâm Kinh gọi là Lược Sớ. Trong ấy cũng có nói: *“Niết Bàn, thử vân Viên Tịch”* (Niết Bàn được cõi này dịch là Viên Tịch). Đây là Tân Dịch, nên dịch [Niết Bàn] thành Viên Tịch. *“Vị đức vô bất bị xưng Viên, chướng vô bất tận viết Tịch”* (ý nói: Chẳng đức nào không trọn nên gọi là Viên, chẳng chướng ngại nào không hết nên gọi là Tịch), nêu ra một tiêu chuẩn để giải thích hai chữ này. Viên là gì? Trí huệ, đức tướng, cũng như đức Thế Tôn đã nói trong kinh Hoa Nghiêm: *“Hết thảy chúng sanh đều có trí huệ và đức tướng của Như Lai”*. Trí huệ, đức năng và tướng hảo của Như Lai thảy đều trọn đủ, chẳng bị khiếm khuyết mảy may, nên nói là *“đức vô bất bị”* (đức không gì chẳng trọn đủ). Đó là ý nghĩa của Viên, có ý nghĩa viên mãn, chẳng khiếm khuyết. *“Tịch”*: Tịch là nói đến chướng, chướng là gì? Phiền não, còn gọi là vọng tưởng, phân biệt, chấp trước, thảy đều đoạn sạch, hoặc như trong giáo pháp Đại Thừa thường nói là *“Kiến Tư phiền não, Trần Sa phiền não, và Vô Minh phiền não”* thảy đều đoạn hết. Đó là Tịch. Tịch là nói theo Đoạn Đức. Đó là ý nghĩa của hai chữ Viên Tịch.

 *“Hựu, Chân Giải viết”* (lại nữa, sách Chân Giải nói), Chân Giải là [tác phẩm chú giải kinh Vô Lượng Thọ] của người Nhật. Pháp sư Nhật Bản sang Trung Quốc du học, thân cận Trí Giả đại sư, thân cận Thiện Đạo đại sư, sau khi quay về Nhật Bản, họ chính là những người đã làm cho Đại Thừa Phật giáo [tại Nhật] hưng vượng. Trong tác phẩm chú giải kinh Vô Lượng Thọ ấy, có mấy câu: *“Nghĩa sung pháp giới, đức bị hằng sa, vi Viên”* (Nghĩa đầy ắp pháp giới, đức trọn vẹn như cát sông Hằng là Viên), đó là ý nghĩa của Viên, cách nói này cũng rất hay! *“Nghĩa”* là gì? Nghĩa là Lý, cũng là nói đến trí huệ và đức tướng, đầy ắp trọn khắp pháp giới. Khắp pháp giới hư không giới và chính mình là một Thể, chỉ có người chứng đắc rốt ráo mới biết, chỉ có người chứng đắc trong Phật pháp mới biết: Chư Phật Như Lai, vạn sự vạn vật trong vũ trụ và chính mình là một Thể. Nếu chúng ta hỏi, vạn sự vạn vật trong vũ trụ và ta có phải là một Thể hay không? Thưa chư vị, là [một Thể]! Ta và bất cứ người nào cũng đều là một Thể, ta và bất cứ vật gì cũng đều là một Thể. Tuy là một Thể, nhưng nay quý vị chẳng thừa nhận, tức là quý vị chẳng chứng thực nó. *“Chứng”* là chứng thực, chứng minh. Vì sao quý vị chẳng thể chứng thực? Vì quý vị có phiền não, có tập khí, có chướng ngại. Nhà Phật nói có hai thứ chướng ngại, tức là hai loại lớn: Một là Phiền Não Chướng, hai là Sở Tri Chướng, có những thứ ấy chướng ngại, khiến quý vị không thể chứng đắc. Hai thứ chướng ngại ấy nếu đều diệt trừ, quý vị bèn chứng đắc, hoảng nhiên đại ngộ, đúng là một, không hai. Hiền Thủ quốc sư có một bài luận văn hết sức nổi danh trong giới Phật giáo là Tu Hoa Nghiêm Áo Chỉ Vọng Tận Hoàn Nguyên Quán. Bài luận văn ấy chẳng dài, giảng về chuyện này, giảng khởi nguyên của vũ trụ và khởi nguyên của sanh mạng, hết thảy vạn pháp rốt ráo là chuyện như thế nào, đặc biệt là có quan hệ gì với chúng ta, giảng hết sức rõ ràng, hết sức minh bạch. *“Thể cùng chân tánh, diệu tuyệt tướng lụy, vi Tịch”* (thể cùng tột chân tánh, khéo léo dứt tuyệt hoàn toàn sự phiền lụy do vướng mắc vào hình tướng là Tịch). Thể là Lý Thể, triết học hiện tại gọi nó là “bản thể” của vạn vật trong vũ trụ, cũng có thể giải thích được, mà chúng ta cũng có thể hiểu được, thấu hiểu điều gì? Thấu hiểu chân tánh. Thể là chân tánh, chân tánh là Thể. Trong Tâm Kinh có mấy câu: *“Sắc bất dị Không, Không bất dị Sắc, Sắc tức thị Không, Không tức thị Sắc”.* Không là chân tánh, Sắc là tướng, chúng là một, chẳng hai! Tướng có, Thể không. Do Thể là Không, nên gọi là Chân Không. Không ở đây không phải là chẳng có gì. Hiện thời, kẻ bình phàm chúng ta ngỡ Không là “cái gì cũng không có”, chẳng phải vậy! Không là thứ gì cũng đều có, điều này khó hiểu. Tướng có, Có tức là Phi Hữu, Chân Không chẳng rỗng không. Diệu Hữu chẳng phải là Có, Chân Không chẳng rỗng không. Đó là ý nghĩa của Tịch, viên tịch mà! Khế nhập cảnh giới này, quý vị đắc đại tự tại. Hai chữ *“diệu tuyệt”* là [nói đến] phương tiện, phương tiện thiện xảo, quý vị đắc đại tự tại trong cuộc sống, được hưởng niềm vui chân chánh. Vì sao? Quý vị chẳng mệt mỏi. Nay chúng ta gọi mệt mỏi là áp lực, phiền não, lo âu, vướng mắc, những thứ này đều thuộc vào chữ Lụy. Quý vị hoàn toàn chẳng có [phiền lụy], bèn đắc đại tự tại trong hết thảy cảnh duyên. *“Cảnh”* là hoàn cảnh vật chất, *“duyên”* là hoàn cảnh nhân sự. Đắc đại tự tại trong hoàn cảnh nhân sự và trong hoàn cảnh vật chất, đó là ý nghĩa của chữ Tịch. Cách nói này hay lắm, được trích từ sách Chân Giải.

 *“Thượng chi kinh luận”*, đối với những điều trên đây, kinh do đức Phật nói, luận do tổ sư đại đức trước tác, *“biểu Pháp Thân đại sĩ chuyên chí Phật quả, bất trụ hôi diệt, đản vị nhiêu ích trung hạ Nhị Thừa, thiện xảo phương tiện, nhi thị hiện nhập diệt chi tướng”* (biểu thị Pháp Thân đại sĩ chuyên dốc chí nơi Phật quả, chẳng trụ trong “hôi thân diệt trí”, chỉ vì tạo lợi ích cho hàng Nhị Thừa căn tánh trung hạ, mà dùng phương tiện thiện xảo, thị hiện tướng nhập diệt). Đây là nói rõ hai chữ *“trung hạ”.* Hạ là gì? Tiểu Thừa, [“trung hạ” là] Trung Thừa và Tiểu Thừa, vì họ mà thị hiện. Bậc thượng thượng thừa, người Đại Thừa hiểu rõ ràng, minh bạch: Thích Ca Mâu Ni Phật đang diễn tuồng cho họ xem; nhưng kẻ trung hạ căn không biết, ngỡ Thích Ca Mâu Ni Phật thật sự diệt độ. Ở đây, chúng ta phải học, học theo Pháp Thân đại sĩ *“chuyên chí Phật quả, bất trụ hôi diệt”*. *“Hôi diệt”* có nghĩa là gì? Hôi thân diệt trí (灰身滅智) là hàng Tiểu Thừa. Trong Phật môn, thần thức rời khỏi thân thể, chúng ta nói người ấy đã chết. Đã chết bèn hỏa táng, mai táng bằng lửa là *“hôi diệt”[[25]](#footnote-26)****[6]****.* Trong kinh Tiểu Thừa thường nói đến *“hôi thân diệt trí”*: Thân thể đã đốt sạch, đó *“hôi thân”.* Đối với hết thảy vạn pháp, chẳng có tâm cầu lấy, đó là *“diệt trí”,* hôi thân diệt trí [là như vậy đó]! Pháp Thân Bồ Tát chẳng làm chuyện này, các Ngài chuyên dốc chí nơi Phật Thừa. Phật Thừa là Nhất Phật Thừa, trong Phật môn, [thừa ấy] gọi là Nhất Thừa giáo. Nhất Thừa giáo để nói với ai? Nói với bậc thượng thượng căn, chẳng phải để nói với Đại Thừa. Đại, Trung, Tiểu là Tam Thừa, đó là pháp phương tiện; Nhất Thừa là rốt ráo, quả rốt ráo gọi là Nhất Thừa. Xưa nay, tổ sư đại đức công nhận kinh Nhất Thừa có ba bộ, kinh điển để thành Phật gọi là *“Nhất Thừa kinh”*, tức Hoa Nghiêm, Pháp Hoa, và Phạm Võng. Hoa Nghiêm và Pháp Hoa được truyền sang Trung Quốc, kinh Phạm Võng chỉ có một phẩm, chẳng truyền toàn bộ sang Trung Quốc, chỉ có một phẩm là Bồ Tát Tâm Giới Phẩm. Nhưng một quyển kinh Đại Thừa Vô Lượng Thọ chúng ta đang học đây, cũng được cổ đại đức phán định thuộc về pháp Nhất Thừa. Vì sao? Hoa Nghiêm và Pháp Hoa đến cuối cùng mới viên mãn rốt ráo, mười đại nguyện vương của Phổ Hiền Bồ Tát dẫn về Cực Lạc thì kinh Hoa Nghiêm mới viên mãn. Bộ kinh này chuyên giảng về Tây Phương Cực Lạc thế giới, cũng có nghĩa là đến cuối cùng, chỗ quy túc của kinh Hoa Nghiêm và Pháp Hoa là Vô Lượng Thọ, cho nên bộ kinh này biến thành kinh Nhất Thừa bậc nhất trong các kinh Nhất Thừa. Cách nói này chánh xác!

 Do vậy, vào đời Thanh xưa kia, cư sĩ Ngụy Mặc Thâm đã lấy quyển cuối cùng trong Phổ Hiền Hạnh Nguyện Phẩm, tức là phần giảng về mười đại nguyện vương dẫn về Cực Lạc, đặc biệt rút ra từ trong kinh Hoa Nghiêm, in kèm thêm vào phía sau Tịnh Độ Tam Kinh, gọi là Tịnh Độ Tứ Kinh. Điều này đã ban cho chúng ta một khải thị rất lớn. Ông ta làm như vậy có đúng hay không? Đúng, có lý do! Quý vị thấy hiện thời chúng ta đọc bộ kinh do lão cư sĩ Hạ Liên Cư hội tập, chúng ta học phần này là phẩm thứ hai, [có nhan đề là] Đức Tuân Phổ Hiền. Chúng ta liền biết Tây Phương Cực Lạc thế giới là thế giới Phổ Hiền Bồ Tát, hễ là người vãng sanh thế giới Cực Lạc đều tu gì? Thảy đều tu pháp môn Phổ Hiền. Chúng ta cũng đọc từ kinh điển, thấy kinh điển đã dạy: Bồ Tát chẳng tu pháp Phổ Hiền, sẽ chẳng thể viên thành Phật đạo. Do vậy, bất cứ vị Bồ Tát nào cũng phải học tập pháp Phổ Hiền thì mới có thể thành Phật. Chẳng tu hạnh Phổ Hiền, chẳng thể thành Phật! Thế giới Cực Lạc hoàn toàn là tu Phổ Hiền hạnh. Vì thế, kinh Vô Lượng Thọ và kinh Hoa Nghiêm bình đẳng. Trong niên hiệu Càn Long, cư sĩ Bành Tế Thanh đã nói: *“Kinh Vô Lượng Thọ chính là Trung Bổn Hoa Nghiêm”.* Ông ta thốt ra lời ấy. Nói cách khác, kinh Hoa Nghiêm là Đại Bổn Vô Lượng Thọ Kinh; lại còn có Phật Thuyết A Di Đà Kinh, đó là Tiểu Bổn Hoa Nghiêm. Kinh Vô Lượng Thọ là Trung Bổn Hoa Nghiêm. Đánh giá ba bộ kinh ấy ngang nhau, hoàn toàn bình đẳng, từ chỗ này chúng ta biết giá trị của bộ kinh [Vô Lượng Thọ] này.

 Từ nay về sau, pháp vận của đức Phật hãy còn chín ngàn năm. Tổ tiên người Trung Quốc hết sức coi trọng lịch sử, khác với người Ấn Độ. Người Ấn Độ quả thật chẳng coi trọng lịch sử, mà coi trọng giáo huấn của cổ thánh tiên hiền, đời đời truyền thừa. Nhưng tại Trung Quốc, theo ghi chép của cổ thánh tiên hiền, Thích Ca Mâu Ni Phật sanh nhằm thời Chiêu Vương nhà Châu của Trung Quốc, tức là vào năm Giáp Dần, nhằm năm thứ hai mươi bốn đời Châu Chiêu Vương, Thích Ca Mâu Ni Phật giáng sanh. Thích Ca Mâu Ni Phật viên tịch nhằm năm thứ năm mươi ba đời Châu Mục Vương. Nếu theo cách tính này, từ lúc Thích Ca Mâu Ni Phật viên tịch cho tới hiện thời là ba ngàn lẻ ba mươi bảy năm. Đó là cách ghi chép của người Trung Quốc, khác với cách ghi chép của người ngoại quốc. Pháp vận của Thích Ca Mâu Ni Phật là một vạn hai ngàn năm, Chánh Pháp một ngàn năm, Tượng Pháp một ngàn năm, đã hai ngàn năm trôi qua. Phật pháp truyền đến Trung Quốc nhằm thời kỳ Tượng Pháp, cũng có nghĩa là Thích Ca Mâu Ni Phật diệt độ một ngàn năm, Phật pháp truyền đến Trung Quốc vào thời Tượng Pháp. Mạt Pháp là một vạn năm, một ngàn năm đầu tiên đã qua, hiện thời là một ngàn năm thứ hai, đã qua ba mươi bảy năm, thời gian vẫn còn rất dài. Vì thế, rất nhiều tôn giáo khác nói đến tận thế, Phật giáo chẳng có thuyết tận thế. Pháp vận của Thích Ca Mâu Ni Phật hãy còn chín ngàn năm nữa, một ngàn năm thứ hai mới được ba mươi bảy năm. Pháp vận của Phật giáo có hưng, có suy, đó là hiện tượng bình thường; có hưng, có suy, nhưng chẳng bị diệt. Đến lúc nào sẽ diệt? Sau chín ngàn năm nữa, Phật pháp mới bị diệt, bị tiêu diệt trong thế gian này. Bị diệt cuối cùng là bản kinh chúng ta đang học ở đây. Sau khi bản này diệt, còn sót lại sáu chữ *“Nam-mô A Di Đà Phật”* trong nhân gian, còn lưu lại một trăm năm. Chúng ta liễu giải sự thật này thì tín tâm đối với việc học Phật mới có thể tăng trưởng.

 Thế gian này có tai nạn hay không? Khẳng định là có. Tai nạn phát sanh như thế nào? Trong kinh, đức Phật đã dạy, do tâm hạnh bất thiện của cư dân ở nơi ấy chiêu cảm, như Thái Thượng Cảm Ứng Thiên đã nói: *“Họa, phước chẳng có cửa, chỉ do con người tự chuốc lấy”*. Chiêu phước như thế nào? Cư dân nơi ấy tâm địa thiện lương, hành vi thiện lương, phước bèn đưa đến, tai tiêu, phước đến. Nếu tâm hạnh của cư dân nơi ấy bất thiện, trái nghịch luân lý, đạo đức, nói theo văn hóa truyền thống Trung Quốc là tư tưởng và ngôn hạnh của chúng ta trái phạm Ngũ Luân, Ngũ Thường, Tứ Duy, Bát Đức, bèn chẳng có phước, phước tiêu tan, họa xảy đến, tai nạn đưa đến là do đạo lý như thế đó. Nếu ngược lại, chúng ta khởi tâm động niệm, ngôn ngữ tạo tác đều có thể tương ứng với bốn khoa mục ấy, cũng như chúng ta nghiêm túc học tập Ngũ Luân, Ngũ Thường, Tứ Duy, Bát Đức, tai họa bèn tiêu tan, phước đưa đến, đạo lý là như thế đó. Đạo lý ấy rất sâu! Vô cùng khó có, những nhà khoa học ngoại quốc gần đây, tức các nhà Lượng Tử Vật Lý Học đã chứng thực chuyện này. Họ nói tâm thái có thể biến đổi hết thảy, kể cả hoàn cảnh, giống như đức Phật dạy. Từ ba ngàn năm trước, đức Phật đã nói [như thế], hiện thời họ mới phát hiện, họ nói rất hay! Nếu có thể phổ biến chuyện này, trọn khắp mọi người đều biết, đối với những tai nạn trên địa cầu hiện thời, chúng ta có khả năng và năng lực hóa giải chúng, bất bình thường cũng có thể khôi phục bình thường. Vì thế, chúng tôi cũng khuyên lơn những nhà khoa học hãy nên nghiên cứu Phật học. Nếu họ nghiên cứu, chắc chắn sẽ khiến cho khoa học tăng cao trên một mức độ lớn, chúng ta phải có tín tâm!

 Tôi thường nói, trong kinh có ba câu chẳng thể không nhớ. Câu đầu tiên là đức Phật nói: *“Hết thảy các pháp sanh từ tâm tưởng”.* Các nhà Lượng Tử Lực Học cận đại nói điều này là *“ý niệm làm chúa tể hết thảy”*, còn Phật pháp nói *“hết thảy các pháp sanh từ tâm tưởng”.* Họa, phước chẳng có cửa, do chính quý vị nghĩ như thế nào. Hễ quý vị nghĩ tới thiện, thiện đưa đến. Nếu quý vị nghĩ tới bất thiện, tai họa xảy đến. Không phải là có một chúa tể nào khác, mà chính mình là chúa tể, chớ nên không biết điều này. Hai câu khác hết sức hiện thực: *“Tướng do tâm sanh”* và *“cảnh chuyển theo tâm”*. Thật sự triệt để liễu giải những đạo lý và chân tướng sự thật này, chúng ta yên tâm thoải mái, hiểu rõ đạo lý. Trong hoàn cảnh, tâm quý vị an định, chẳng bị lay động bởi cảnh giới bên ngoài. Biết *“tướng do tâm sanh”* thì đối với thân thể và tình trạng sức khỏe của chúng ta, chỉ cần tâm tánh thiện lương, chỉ cần ý niệm tốt đẹp, hành vi tốt đẹp, quý vị suốt đời chẳng ngã bệnh, tuổi cao đến mấy vẫn chẳng già yếu, tướng do tâm sanh mà! Nếu ý niệm bất thiện, trong tâm đầy ắp tham, sân, si, danh vọng, lợi dưỡng, ngũ dục, lục trần. Tham, sân, si, mạn là gốc bệnh, há lẽ nào chẳng ngã bệnh! Nhất định phải chuyển những ý niệm ấy. Ý niệm đã chuyển, thân tâm khỏe mạnh, gia đình hòa thuận, sự nghiệp thuận lợi, xã hội an tường, hòa bình, kể cả những tai nạn trên địa cầu cũng có thể hóa giải, có đạo lý to lớn trong ấy!

 Vì thế, các vị Pháp Thân đại sĩ chuyên chí nơi Phật quả. Chí hướng và tâm nguyện của chúng ta phải chuyên, suốt đời này chúng ta cầu điều gì? Cầu thành Phật; học Phật là muốn thành Phật. Thành Phật như thế nào? Thích Ca Mâu Ni Phật đã nêu gương, chúng ta có thể y giáo phụng hành, sẽ có thể đạt tới hiệu quả giống như Ngài. *“Bất trụ hôi diệt”* là chẳng giống Tiểu Thừa*, “hôi thân diệt trí”* là tiêu cực. Vì sao Thích Ca Mâu Ni Phật thị hiện tướng này? Nhằm lợi ích hàng Nhị Thừa trung hạ căn. Vì sao nói là lợi ích? Tiếp đó, có nói rõ, có giải thích, đó là do phương tiện thiện xảo, Ngài bèn thị hiện tướng nhập diệt, chẳng phải là thật sự. Tiếp đó, [sách Chú Giải] giải thích, *“như Pháp Hoa Thọ Lượng phẩm viết: Nhược Phật cửu trụ ư thế, bạc đức chi nhân, bất chủng thiện căn, bần cùng hạ tiện, tham trước ngũ dục, nhập ư ức tưởng vọng kiến võng trung”* (như phẩm Thọ Lượng trong kinh Pháp Hoa đã nói: “Nếu Phật trụ lâu dài trong cõi đời, kẻ đức mỏng, chẳng gieo thiện căn, nghèo túng, hèn kém, tham đắm ngũ dục, lọt vào lưới ức tưởng, kiến giải sai lầm”). Đó là gì? Nếu Phật trụ lâu dài trong thế gian, đúng là *“kẻ đức mỏng chẳng gieo thiện căn”*. Vì sao? Phật thường trụ, [những kẻ ấy sẽ nghĩ] chẳng có gì gấp gáp! Hôm nay đã qua thì hãy còn có ngày mai, năm nay đã qua thì còn có năm sau, chẳng học Phật không sao cả! Sang năm mới học, dẫu sao Phật vẫn còn đó mà! Nếu Phật chẳng còn nữa, họ bèn lo âu, chẳng thể không thật sự hành. Trong tâm người bình phàm đều có khuyết điểm này. Lấy thí dụ trước mặt để nói, năm xưa tôi theo học Giáo với thầy Lý tại Đài Trung, tôi nghiêm túc hơn kẻ khác. Vì sao? Tôi chẳng phải là người Đài Trung, tôi đến Đài Trung để học tập, thời gian có hạn. Các đồng học ở Đài Trung thấy thầy ở đó chẳng đi đâu, bèn giải đãi, họ chẳng dụng công siêng gắng như tôi. Vì tôi biết tôi có thể phải ra đi bất cứ lúc nào, có được thời gian một ngày thì phải nghiêm túc nỗ lực học chăm chỉ một ngày. Họ chẳng có ý nghĩ ấy, [cứ nghĩ] thầy thường ở chỗ này, hãy còn có ngày mai, còn có năm sau, ngày tháng mai sau hãy còn rất dài, đạo lý là như thế đó! Tôi học thành tựu ở nơi đó, nhưng họ học chẳng thành tựu, nguyên nhân là như trong kinh văn này đã nói. Vì thế, đối với những kẻ ấy, đức Phật chẳng thể không thị hiện diệt độ. Hễ thị hiện diệt độ, bèn độ rất nhiều người. Thầy đã mất, trò bèn nghĩ phải làm sao? Trước kia, thầy dạy gì? Suy nghĩ kỹ càng, bèn nghiêm túc học tập, [sự thị hiện diệt độ ấy] có thể kích thích, phát khởi một số người giác ngộ, thông hiểu. Vì thế, thị hiện diệt độ cũng là một phương pháp nhằm giúp đỡ chúng sanh giác ngộ. Kẻ sắp ngộ, nhưng vẫn chưa khai ngộ, [do thấy đức Phật] vừa thị hiện diệt độ bèn khai ngộ. Thuở trước, khi tôi mới học Phật, thân cận Chương Gia đại sư. Mỗi tuần, đại sư dành cho tôi hai giờ. Ngày Chủ Nhật, tôi được nghỉ, đến tìm Ngài, thỉnh giáo lão nhân gia. Ba năm sau, lão nhân gia vãng sanh. Để hỏa táng, [các môn đệ] đặc biệt tạo riêng một lò thiêu. Khi ấy, có Cam Châu Hoạt Phật dựng lều bên cạnh lò thiêu. Tôi cũng dựng lều ở cạnh đó ba ngày, trong ba ngày, nghiêm túc tư duy, trong ba năm thầy đã dạy tôi những gì, tôi học được điều gì? Nghiêm túc phản tỉnh. Nếu lão nhân gia thường hiện hữu, chúng tôi sẽ không thể nghiêm túc suy nghĩ vấn đề này. Vì vậy, Ngài vừa ra đi, đối với tôi chính là *“một gậy, một tiếng hét giáng vào đầu cảnh tỉnh”.* Cũng may là thời gian ba năm tuy không dài, nhưng căn cơ học Phật của tôi đã được đặt vững; về sau, thân cận thầy Lý mười năm, mới có một chút thành tựu. Nếu chẳng có ba năm đặt vững căn cơ ấy, dù ở trong hội của thầy Lý mười năm, tôi cũng chẳng thể có thành tựu. Vì vậy, các thứ thị hiện, đối với người học tập chúng ta mà nói, nói theo phía học trò, đều có lợi ích rất thù thắng!

 Mấy câu này nói rất hay. *“Kẻ đức mỏng”* chẳng phải là nói kẻ ấy thiếu đức hạnh, mà là không đủ dầy để chống lại tập khí phiền não! *“Không gieo thiện căn”*, thiện căn là gì? Thập Thiện Nghiệp Đạo. Thập Thiện Nghiệp Đạo có thể sanh ra hết thảy các thiện pháp thế gian và xuất thế gian, nên gọi là *“thiện căn”.* Hiện thời Phật pháp suy vi, suy ở chỗ nào? Mọi người chẳng gieo thiện căn. Bất luận tại gia hay xuất gia, chẳng học Thập Thiện Nghiệp Đạo đàng hoàng, chẳng thực hiện. Xuất gia không chỉ phải thực hành Thập Thiện Nghiệp, mà còn phải thực hành Sa Di Luật Nghi. Nếu chẳng thể thực hiện Sa Di Luật Nghi thì chẳng phải là kẻ xuất gia, là giả, chẳng thật. *“Bần cùng hạ tiện”* là từ ngữ hình dung, bần cùng gì vậy? Đạo nghiệp bần cùng, Tam Học Giới - Định - Huệ bần cùng, quý vị chẳng có. Không phải là nói về của cải thế gian, không phải nói về những thứ ấy, mà nói về Tam Học Giới - Định - Huệ, đối với điều này, quý vị thiếu khuyết quá nhiều! *“Tham trước ngũ dục”* (tham đắm ngũ dục), ngũ dục là tài, sắc, danh vọng, ăn uống, ngủ nghỉ. *“Nhập ư ức tưởng, vọng kiến võng trung”* (lọt vào lưới ức tưởng, kiến giải sai lầm). Suốt ngày ảo tưởng, chúng ta thường nói là tâm hạnh, tính tình bộp chộp. *“Nhược kiến Như Lai thường tại bất diệt, tiện khởi kiêu tứ, nhi hoài yếm đãi, bất năng sanh nan tao chi tưởng, cung kính chi tâm”* (nếu thấy Như Lai thường hiện hữu, chẳng diệt độ, liền sanh lòng kiêu căng, ôm lòng chán ngán, lười nhác, chẳng thể sanh ý tưởng khó gặp gỡ và tâm cung kính). Nếu Như Lai thường trụ, học trò sẽ nẩy sanh những quan niệm sai lầm, kiêu mạn, đối với việc học tập dần dần sẽ chán ngán, lười nhác, cảm thấy chán ghét, những điều này đều là do chẳng gieo thiện căn. Quý vị truy cứu nguyên nhân căn bản thì là vì kẻ ấy thiếu thiện căn. Vì thế, ba căn bản ấy vô cùng trọng yếu. Vì sao thời cổ, chẳng cần nói rất lâu, một trăm năm trước, một thế kỷ trước, người học Phật bất luận tại gia hay xuất gia đều có thể thành tựu, nguyên nhân ở chỗ nào? Thiện căn sâu dầy. Đối với thầy, thật sự có lòng cung kính, tôn sư trọng đạo, hiếu thuận cha mẹ, căn cội được vun bồi ổn thỏa. Trong xã hội hiện tại, chẳng thấy chuyện này nữa! Trẻ nhỏ chẳng hiếu thuận cha mẹ, không tôn trọng thầy, nên hiện thời tìm chẳng được một vị thầy tốt. Không có một vị thầy tốt, cũng tức là sư đạo chẳng còn nữa. Chư vị nhất định phải biết: Sư đạo được kiến lập trên cơ sở hiếu đạo. Chẳng có hiếu đạo, sẽ chẳng có sư đạo. Hiện thời, chúng ta mong có một chút thành tựu trong Phật môn, chẳng thể không học bổ sung các khóa trình ấy. Nay nói đến chuyện học bù thì phải học bổ sung các khóa trình ấy. Bổ sung Thập Thiện Nghiệp Đạo, nhưng vì sao hiện thời chẳng thể thực hiện Thập Thiện Nghiệp Đạo? Thập Thiện Nghiệp Đạo còn có cội rễ. Cội rễ của Thập Thiện Nghiệp Đạo là gì? Thái Thượng Cảm Ứng Thiên là cội rễ của Thập Thiện Nghiệp Đạo. Thái Thượng Cảm Ứng Thiên còn có cội rễ, là gì vậy? Đệ Tử Quy là cội rễ của Thái Thượng Cảm Ứng Thiên. Vì thế, hiện thời chúng ta phải học từ Đệ Tử Quy, Cảm Ứng Thiên, Thập Thiện Nghiệp, phải học từ chỗ này. Đệ Tử Quy giống như tầng thứ nhất trong xây nhà. Cảm Ứng Thiên là tầng thứ hai, Thập Thiện Nghiệp Đạo là tầng thứ ba. Không có tầng thứ nhất, lấy đâu ra tầng thứ hai? Quý vị phải biết cách học như thế nào! Sau khi đã có ba tầng ấy, người xuất gia lại còn thêm Sa Di Luật Nghi, là tầng thứ tư. Sau đấy, bất luận học Nho, học Đạo, học Phật, đều có thành tựu. Học Nho có thể thành thánh, thành hiền, học Đạo có thể thành thần, thành tiên, học Phật có thể thành Phật, có thể thành Bồ Tát. Chẳng có căn thì làm sao được nữa? Căn quá trọng yếu!

 Dẫu cho chúng ta hiện thời nói tới niệm Phật vãng sanh Tịnh Độ, nhưng nếu quý vị chẳng học Thập Thiện Nghiệp Đạo, sanh về Tây Phương Cực Lạc thế giới sẽ chẳng thành công! Vì sao? Thích Ca Mâu Ni Phật giới thiệu Tây Phương Cực Lạc thế giới cho chúng ta, có một câu rất trọng yếu, quyết định chớ nên coi thường. Ngài nói người trong thế giới Cực Lạc đều là *“chư thượng thiện nhân câu hội nhất xứ”.* Những ai tới đó? Thượng thiện. Thiện ở đây là Thập Thiện, [“thượng thiện” là] thượng phẩm Thập Thiện. Người bình phàm tu thượng phẩm Thập Thiện quá nửa sanh trong trời Đao Lợi, chẳng mong thoát khỏi lục đạo luân hồi bèn sanh trong Đao Lợi. Vì thế, đó là điều kiện tiêu chuẩn để sanh về Tây Phương Cực Lạc thế giới. Sau đó còn có những thứ mà người vãng sanh Tây Phương Cực Lạc thế giới nhất định phải tu, tức là thiện căn, phước đức, nhân duyên! [Kinh Di Đà dạy]*“chẳng thể do chút ít thiện căn, phước đức, nhân duyên, mà được sanh về cõi ấy”.* Câu này trọng yếu lắm! Quý vị phải có thiện căn, phải có phước đức. Nhân duyên, duyên phận là gặp gỡ. Quý vị gặp kinh điển này, gặp pháp môn này, tức là quý vị có nhân duyên. Thiện căn là gì? Có thể tin, có thể hiểu. Phước đức là gì? Thật sự làm. “Thật sự làm” bao gồm cả ba căn cội, tức Đệ Tử Quy, Cảm Ứng Thiên, và Thập Thiện Nghiệp. Nếu quý vị chẳng thật sự làm, thật sự học, vẫn chẳng thể đến Tây Phương Cực Lạc thế giới được! Chớ nên không biết điều này. Phật chẳng lừa chúng ta, kinh đã nói rõ ràng, rành rẽ; đến khi ấy chẳng thể vãng sanh, chính mình phải chịu trách nhiệm. Thật sự là người hiểu lý, hiểu rõ và minh bạch các đạo lý thế gian và xuất thế gian, mới biết: Bất cứ những gặp gỡ trong đời mỗi người đều do chính mình chịu trách nhiệm, đều là tự làm, tự chịu! Chẳng phải là do Thượng Đế đến làm chủ. Chẳng có lẽ ấy! Phật, Bồ Tát phù hộ, cũng chẳng có đạo lý ấy. Phật, Bồ Tát gia hộ là Phật, Bồ Tát dạy quý vị những thứ để quý vị tự gia hộ. Quý vị nghe xong, đã hiểu, học đã hiểu rồi, bèn chiếu theo đó để làm, đó chính là Phật, Bồ Tát gia hộ quý vị. Nếu không thật sự chịu làm, quý vị lại bỏ lỡ đời này mất rồi!

 Nhất là trong hiện tại, tai nạn rất nhiều. Đối với các chúng sanh tử vong vì tai nạn, đạo tràng chúng ta tu hành mỗi ngày, giảng kinh ở đây đều hồi hướng cho họ. Những người ấy qua đời, đi về đâu? Đều là theo nghiệp lưu chuyển, đó mới là đại sự thật sự. Điều khó bậc nhất trong đời người, đại sự bậc nhất là gặp gỡ Phật pháp. Sau khi đã gặp, có thể tin, có thể hiểu, có thể y giáo phụng hành, đời này có thể vĩnh viễn thoát luân hồi. Không chỉ thoát luân hồi, mà còn vĩnh viễn thoát khỏi mười pháp giới. Đến Tây Phương Cực Lạc thế giới, bất luận là vãng sanh trong phẩm vị nào, [đều được] bổn nguyện và oai thần của A Di Đà Phật gia trì, đều là A Duy Việt Trí Bồ Tát, tuyệt diệu thay! Quý vị thật sự muốn vãng sanh, hãy vun bồi vững chắc ba căn cội, tức là Đệ Tử Quy, Cảm Ứng Thiên, Thập Thiện Nghiệp, phải thật sự làm được; sau đấy, phát tâm, nhất tâm niệm Phật cầu sanh Tịnh Độ, không một ai chẳng vãng sanh. Những điều kiện như kinh đã dạy chúng ta đều hội đủ, điều này vô cùng trọng yếu.

 Vì vậy, đức Thế Tôn thị hiện tướng diệt độ thứ tám, không gì chẳng nhằm khiến cho chúng sanh khởi lên ý tưởng khó gặp gỡ, dấy lên tâm cung kính. *“Thị cố Như Lai tuy bất thật diệt, nhi ngôn diệt độ”* (do vậy, Như Lai tuy chẳng thật sự diệt, mà nói là diệt độ). Đó là nói thật với quý vị. Đức Phật có diệt độ hay không? Không có! Đó là làm ra dáng vẻ cho người căn tánh trung hạ thấy. *“Phi diệt hiện diệt, cố vân thị hiện”* (chẳng phải là diệt độ, mà hiện diệt độ, nên nói là Thị Hiện), chẳng phải là thật. *“Tác thử thị hiện, vị độ trung hạ chi cơ cố. Nhược thị thượng căn, tắc kiến Như Lai vô sở tùng lai, diệc vô sở khứ, bổn ly sanh diệt, hà hữu Niết Bàn”* (thị hiện điều này nhằm độ căn cơ trung hạ. Nếu là bậc thượng căn sẽ thấy Như Lai chẳng từ đâu đến, mà cũng chẳng đi về đâu, vốn lìa sanh diệt, há có Niết Bàn). Đúng vậy! Kinh Kim Cang đã giảng về Như Lai, *“vô sở tùng lai, diệc vô sở khứ”* bèn gọi là Như Lai, đó là thật, đạo lý này rất sâu. Kinh Hoa Nghiêm đã giảng thấu triệt; thật ra, mỗi người chúng ta đều như nhau, xác thực chẳng khác gì Phật. Chỉ vì chúng ta mê muội, bất giác, còn đang tạo tội nghiệp; chư Phật, Bồ Tát giác chứ không mê, đắc đại tự tại, xác thực cùng chúng ta hòa quang đồng trần. Trên thực tế, các Ngài chẳng nhiễm mảy tần. *“Thị cố, Tùy Trí Giả đại sư độc Pháp Hoa Dược Vương phẩm, thân kiến Linh Sơn nhất hội nghiễm nhiên vị tán”* (do vậy, đời Tùy, Trí Giả đại sư đọc phẩm Dược Vương kinh Pháp Hoa, đích thân thấy một hội Linh Sơn nghiễm nhiên chưa tan), thật đấy, chẳng giả đâu! Quý vị nói Thích Ca Mâu Ni Phật đã diệt độ, nay Thích Ca Mâu Ni Phật vẫn đang giảng kinh Pháp Hoa tại núi Linh Thứu. Trí Giả đại sư là người đời Đường [[26]](#footnote-27)[7], cách Thích Ca Mâu Ni Phật hơn một ngàn năm. Quý vị thấy Ngài đọc kinh Pháp Hoa, đọc đến phẩm Dược Vương bèn nhập Định. Trong Định, đột phá các chiều của thời gian và không gian, thấy Thích Ca Mâu Ni Phật đang giảng kinh Pháp Hoa tại núi Linh Thứu. Ngài còn nghe giảng hết một khóa, tức là nghe hết một buổi giảng, trở về xuất Định, kể với mọi người: Thích Ca Mâu Ni Phật ở tại Linh Sơn, một hội kinh Pháp Hoa cho tới nay vẫn chưa tan, còn đang tiếp tục giảng. Con người có thể trở về quá khứ, và cũng có thể tiến nhập tương lai. Có công phu Thiền Định là được!

 Do vậy, những điều được nói trong kinh điển của Thích Ca Mâu Ni Phật, nếu nói theo tiên sinh Phương Đông Mỹ, sẽ là triết học cao nhất, khoa học cao nhất. Những vấn đề mà triết học và khoa học hiện tại chẳng thể giải quyết, trong kinh Phật đã có toàn bộ [những giải pháp]. Do tôi học Phật, được thầy giới thiệu, kinh Phật là đỉnh cao nhất trong triết học của toàn thể thế giới. Thuở ấy, tôi học Triết với thầy, tôi chẳng theo thầy học Phật pháp. Thầy bảo tôi, Thích Ca Mâu Ni Phật là triết gia vĩ đại nhất trên thế giới. Tôi đã học năm mươi chín năm, nay đã phát hiện: Không chỉ là triết học cao nhất, mà cũng là khoa học cao nhất. Các nhà Vật Lý hiện đại phát hiện Lượng Tử, nhưng trong kinh Phật đều có, còn nói rõ ràng và viên mãn hơn họ. Đức Phật thấy bằng cách nào? Thấy trong Định. Trong Định, tất cả các chiều không gian [khác nhau] đều bị đột phá toàn bộ, chính mắt thấy, chẳng cần dùng máy móc. Hôm nay đã hết thời gian rồi, chúng ta học tập tới đây.

**Tịnh Độ Đại Kinh Giải Diễn Nghĩa**

**Phần 60 hết**

1. [1] Tám vị tổ này nói đúng ra là cách phán định theo Chân Ngôn Tông (Shingon shū) của Nhật Bản, thường gọi là Đường Truyền Mật Tông (hay gọi tắt là Đường Mật), nhằm phân biệt với Mật Tông Tây Tạng. Tám vị tổ là Đại Nhật Như Lai, Kim Cang Tát Đỏa Bồ Tát, Long Mãnh Bồ Tát, Long Trí Bồ Tát, Kim Cang Trí Tam Tạng (hoặc Thiện Vô Úy Tam Tạng, tùy thuộc phán định theo hệ thống Kim Cang Giới hay Thai Tạng Giới), Quảng Trí Bất Không Tam Tạng, Huệ Quả A Xà Lê (hoặc Nhất Hạnh A Xà Lê), Hoằng Pháp Không Hải đại sư (Kobo Kukai, người Nhật). [↑](#footnote-ref-2)
2. [2] Kinh Chư Phật Cảnh Giới Nhiếp Chân Thật Kinh trong Mật Tạng quyển thượng, phẩm Tựa đã chép như sau (dẫn theo bản dịch của cư sĩ Huyền Thanh): “Bấy giờ, đức Tỳ Lô Giá Na Như Lai nói về pháp tâm địa bí mật Du Già chân thật thuộc cảnh giới của chư Phật này thì vô lượng vô biên cõi Phật ở mười phương đều chấn động sáu cách. Lầu gác Đại Ma Ni Bảo Tối Thắng của cung Đế Thích trong cõi Tam Thập Tam Thiên trên đảnh núi Diệu Cao cũng bị chấn động. Trời mưa hoa Mạn Đà La, hoa Ma Ha Mạn Đà La, hoa Mạn Thù Sa, hoa Ma Ha Mạn Thù Sa rải lên trên đức Phật và các đại chúng. Lúc đó, các đại chúng thấy vô lượng vô số hằng hà sa cõi Phật ở mười phương bị chấn động sáu cách và lầu gác Đại Ma Ni Bảo của cung Đế Thích trên đảnh núi Diệu Cao bị chấn động sáu cách thì khởi niệm rằng: “Hiện nay Đức Như Lai hiện đại thần biến, do nhân duyên nào mà có điềm này?” Bấy giờ đức Như Lai biết tâm niệm của các đại chúng trong hội nên bảo rằng: “Các ngươi ở đây đừng sanh nghi hoặc. Nay ta đã nói về pháp thâm diệu là tâm trong tâm của chư Phật ba đời. Tất cả pháp Phật nhiếp vào kinh này, tất cả pháp Phật từ kinh này mà ra. Pháp đó gọi là Đối Pháp Vi Diệu Đại Thừa Du Già thuộc cảnh giới chân thật của tất cả Như Lai. Đây là tâm của tất cả Như Lai, bí mật tối thắng của Kim Cang Chân Ngôn”. Khi ấy, từ tâm của chư Phật xuất ra pháp đó rồi, liền lúc đó, Bạt Già Phạm Phổ Hiền Đà La Ni là pháp bí mật này biến thành vô lượng vô số vành trăng tròn đầy. Vành trăng tròn đầy nay hay khiến cho tâm Bồ Đề của chúng sanh được thanh tịnh. Vô lượng vô số vành trăng tròn đầy này ở hai bên phải trái của tất cả Như Lai. Từ vành trăng này hiện ra vô lượng vô số Đại Trí Kim Cang của Như Lai. Đại Trí Kim Cang từ mặt trăng đầy hiện ra lại nhập vào trong tâm của đức Tỳ Lô Giá Na Như Lai. Y theo sức diệu kiên cố của Kim Cang Tát Đỏa tam-muội cùng với sức đại oai đức của tất cả Như Lai, cho nên vô lượng vô số trí huệ Kim Cang hợp thành một tụ ngang bằng với hư không, hiện ra đại quang man. Quang man như vậy liền được biến thành Kim Cang Ngũ Cổ (chày kim Cang có năm chấu) là trí tánh bền chắc của diệu thân, ngữ, ý của tất cả Như Lai, từ tâm của chư Phật xuất ra trụ ở trong hai lòng bàn tay của đức Tỳ Lô Giá Na Như Lai. Từ Kim Cang này xuất ra mọi thứ sắc quang. Vô lượng vô số ánh sáng của tướng mạo Kim Cang tràn đầy tất cả thế giới, bình đẳng không ngại. Ánh sáng của Kim Cang này lại theo miệng tuôn ra hiện Pháp Thân vô ngại của Như Lai với số lượng ngang bằng số hạt bụi nhỏ của mười giới, tràn đầy biển pháp giới. Do nhân duyên gì mà tràn đầy pháp giới? Ấy là các Như Lai được huệ bình đẳng với đại thần thông, hiện ra “năng giác ngộ” tất cả chúng sanh khiến cho họ phát tâm Vô Thượng Bồ Đề khéo hay thành tựu mọi thứ diệu hạnh khó suy tư của Phổ Hiền, sức Nhân Chủng Tánh của tất cả Như Lai khéo hay gần gũi cung kính cúng dường cây đại Bồ Đề, hay diệt tất cả ác ma Ba Tuần chứng đại Bồ Đề. Tự “Năng Giác Ngộ” hay chuyển pháp luân tối diệu vô thượng cho đến hay giúp đỡ hết tất cả chúng sanh tận giới hư không, hay làm lợi ích an vui. Tất cả Như Lai khéo hay thành tựu Tất Địa tối thắng của đại trí thần biến. Tất cả Như Lai khéo hay thị hiện mọi loại thần biến y theo thể của Phổ Hiền tam-muội với lực hòa hợp bền chắc vi diệu của Kim Cang tam-muội, cho nên xuất hiện thân của Phổ Hiền Đại Bồ Tát. Bấy giờ Phổ Hiền Bồ Tát đứng ở trong tâm của đức Tỳ Lô Giá Na Như Lai, nói lời kệ rằng: “*Lành thay! Phổ Hiền, ngã hiếm có, Tánh chân thật bền của diệu thể, do sức bền chắc không hình tướng, vì lợi sanh nên hiện sanh thân”.* Khi ấy, Phổ Hiền Bồ Tát từ trong tâm của đức Tỳ Lô Giá Na Như Lai đi ra, đến trước mặt chư Phật ngồi trong vành trăng, tay phải cầm chày Kim Cang xoay chuyển trong lòng bàn tay. Lúc đó, đức Tỳ Lô Giá Na Như Lai nhập vào tam-muội Nhất Thiết Như Lai Kim Cang Bất Hoại Trí Đại Tam Ma Gia. Y theo sức tam-muội đó vì Phổ Hiền Bồ Tát khiến cho được đại pháp luân vi diệu của uẩn giới, định, huệ, giải thoát, giải thoát tri kiến của chư Phật, lợi ích chúng sanh, đại Tam Ma Gia của trí đại phương tiện cứu độ trọn hết tất cả giới chúng sanh, tất cả tự tại chủ, tất cả đại an lạc thâm tâm ái lạc cho đến trí bình đẳng tánh của tất cả Như Lai, thần thông tối thắng, đối pháp của Đại Thừa. Các quả như thế là Tất Địa của tất cả Như Lai, Kim Cang vì muốn trao vào tay của Phổ Hiền Đại Bồ Tát, vì muốn trao cho thể Chuyển Luân Vương của tất cả Như Lai, vì muốn trao cho sự nghiệp Phật chẳng thể tư nghị của tất cả Như Lai, vì muốn trao cho lụa trắng quán đỉnh của mão báu, cho nên đức Tỳ Lô Giá Na Như Lai dùng hai tay của Ngài trao cho ấn Kim Cang. Thời tất cả Như Lai cho [Phổ Hiền] danh tự quán đảnh, hiệu là Kim Cang Thủ”. [↑](#footnote-ref-3)
3. [3] Ty miên (絲棉) gọi cho đủ là *“tàm ty miên”*, tức là các sợi tơ tằm đánh xù như bông gòn. Loại này rất đắt. Trên thị trường hiện thời, các loại gọi là ty miên đều là sợi tổng hợp. [↑](#footnote-ref-4)
4. [4] Đoạn này trích từ hội Bồ Tát Kiến Thật trong kinh Đại Bảo Tích, phẩm thứ 20, tức phẩm Tịnh Cư Thiên Tử Kệ Tán, quyển 71. [↑](#footnote-ref-5)
5. [1] Đây là một thành ngữ *“nhất vấn, tam bất tri”* (一問,三不知),tức là hỏi đến sự việc gì đều chẳng biết nguyên nhân, diễn biến và kết quả của sự việc ấy. Về sau, thường dùng thành ngữ này với ý nghĩa “hỏi gì cũng chẳng biết, ù ù cạc cạc”. Thành ngữ này phát xuất từ một câu chuyện được chép trong bộ Tả Truyện, phần ghi chép sự kiện vào năm thứ hai mươi bảy đời Lỗ Ai Công. Theo đó, vào năm 468 trước Công Nguyên, đại phu Tuân Dao nước Tấn đem quân phạt Trịnh. Nước Trịnh chống không nổi nên sai quan đại phu là Công Tử Ban sang Tề cầu cứu. Tề Bình Công chẳng muốn Tấn do thôn tính Trịnh mà lớn mạnh thêm, sẽ uy hiếp nước Tề, bèn sai quan đại phu là Trần Thành Tử dẫn quân cứu viện. Khi Trần Thành Tử dẫn quân đến bờ sông Đạt Truy, trời mưa to, sĩ tốt chẳng muốn dầm mưa vượt sông. Viên hướng đạo nước Trịnh là Tử Tư nói: “Quân Tấn đã kéo sát đến chân thành nước Trịnh, vua quan nước Trịnh mong ngóng quân Tề sớm đến cứu nguy. Nếu chẳng tiến lên, e rằng chẳng cứu kịp”. Trần Thành Tử bèn khoác áo tơi, cầm mâu xông lên dẫn quân tiến gấp, sẵn sàng giao chiến cùng quân Tấn. Nguyên soái Tuân Dao của quân Tấn thấy quân Tề nghiêm chỉnh, oai vũ, kinh sợ, bảo các bộ tướng: “Ta bói thấy sẽ đánh nước Trịnh, chẳng bói thấy sẽ giao chiến cùng quân Tề. Quân họ sắp đặt tề chỉnh, ta sợ đánh không lại”. Các bộ tướng cũng tán thành, chủ trương lui binh. Tuân Dao vừa hạ lệnh lui quân, vừa sai sứ giả bái kiến Trần Thành Tử. Sứ giả nói: “Nước Tấn xuất quân lần này thật ra là vì báo thù cho Ngài. Dòng họ Ngài từ nước Trần lưu lạc sang Tề. Tuy Trần bị Sở diệt quốc, nhưng đó là tội của nước Trịnh. Do vậy, vua nước tôi sai người đến Trịnh để điều tra nguyên nhân khiến nước Trần diệt quốc và chia sẻ nỗi buồn với Ngài”. Trần Thành Tử biết là dối trá, đuổi sứ giả về. Khi ấy, một bộ tướng của Trần Thành Tử là Tuân Dần nói: “Tôi nghe nói nước Tấn toan đem một ngàn cỗ chiến xa tiêu diệt quân Tề”. Trần Thành Tử nói: “Dẫu cho một ngàn cỗ chiến xa xông tới, chúng ta chẳng thể không giao chiến. Lời ông vừa nói chính là làm nhụt ý chí quân ta, tăng khí thế cho quân địch, ta sẽ tâu lại với vua”. Tuân Dần biết mình lỡ lời, bèn than: *“Quân tử chi mưu dã, thỉ, trung, chung, giai cử chi, nhi hậu nhập yên. Kim ngã tam bất tri nhi nhập chi, bất diệc nạn hồ”* (kẻ quân tử mưu tính, ắt đều xét đến khởi đầu, diễn biến và kết thúc, rồi mới tính mưu kế. Nay ta cả ba điều đều chẳng biết mà đã chen vào tính toán, cũng chẳng gặp trắc trở ư?) [↑](#footnote-ref-6)
6. [2] Trong Hình Học, điểm và đường là các khái niệm trừu tượng. Điểm được định nghĩa là *“một phần không gian có mọi chiều kích thước bằng zero”.* Do vậy, khi ta vẽ hình tròn, chấm tâm hình tròn dễ dàng, nhưng do cái chấm ấy có kích thước nhất định (dù rất bé), nó chẳng phải là điểm, nên chẳng phải là tâm hình tròn. Đường được định nghĩa là “tập hợp của nhiều điểm” nhưng không có bề rộng. Khi ta vẽ một đường, do nó có bề rộng nhất định (dù rất bé hầu như không thấy được bằng mắt thường), nên nét vẽ ấy chẳng phải là đường. [↑](#footnote-ref-7)
7. [3] Ngọc Môn Quan còn gọi là Tiểu Phương Bàn Thành, là một cửa ải trọng yếu của Trung Quốc nằm trên tuyến đường Tơ Lụa, là đường giao thông trọng yếu sang Tây Vực. Ngọc Môn Quan ở về phía Tây Bắc thành phố Đôn Hoàng, tỉnh Cam Túc. Cửa ải này được thành lập từ đời Hán. Tuy gọi là Quan, nhưng đây không phải là đường đèo, mà là một cửa thành phân cách Trung Hoa với các nước Tây Vực. [↑](#footnote-ref-8)
8. [1] Nguyên văn “điêu trùng tiểu kỹ” (雕蟲小技), *“điêu”* là điêu khắc. Đây là một thành ngữ châm biếm những tài nghệ quá nhỏ nhặt kém cỏi, chẳng đáng nhắc tới. Câu này có nghĩa là tài nghệ vụn vặt giống như một đứa nhỏ tập tành điêu khắc, hoặc viết lách giống như chữ Điểu Trùng. Điểu Trùng Thư (鳥蟲書) là một loại văn tự cổ, sơ khai. Do nét chữ nguệch ngoạc như dấu chân chim hoặc ngoằn ngoèo như giun bò, nên gọi là Điểu Trùng Thư. [↑](#footnote-ref-9)
9. [2] Theo ngu ý, cách phiên âm tên bà Eve thành Hạ Oa là do dựa theo cổ ngữ Do Thái. Trong cổ ngữ Do Thái, tên bà này thường được ghi là Ḥawwāh, tiếng Do Thái hiện thời ghi là Khavah. Người Hy Lạp ghi tên bà này thành Heúā, và bị biến âm lần nữa thành Eva hoặc Eve sau này. Theo suy đoán của giới sử học, cái tên Ḥawwāh phát xuất từ tên nữ thần Kheba của dân Hurrian (cổ dân cư sống tại vùng Cận Đông và Lưỡng Hà), và Kheba lại là biến thể của Kubau, tức tên một nữ vương của vương triều Kish. Kish là thành phố Tell al-Uhaymir của vương triều Sumer tại Lưỡng Hà (Mesopotamia) sau này. [↑](#footnote-ref-10)
10. [1] Tánh thị (姓氏) hiểu theo nghĩa hiện thời là những tiêu chí (criteria) để phân biệt các gia tộc khác biệt. Tánh thị có tác dụng phân biệt những người cùng thị tộc (có quan hệ huyết thống trực tiếp) để tránh xảy ra hôn nhân giữa những người có cùng huyết thống. Thoạt đầu, Tánh và Thị là hai khái niệm khác nhau. Nghĩa gốc của Tánh là con cái do cùng một mẹ sinh ra, vì thời cổ chưa có chế độ phụ hệ. Do đó, các họ cổ như Cơ, Tự, Quy, Diêu, Khương, Doanh… đều viết với bộ Nữ. Sau này, khi chế độ phụ hệ thành lập, Tánh mới gọi theo tên cha, và mang ý nghĩa, những người cùng Tánh là những người có cùng một ông tổ. Do con cháu ngày càng nhiều, hình thành các chi họ khác nhau, sống rải rác khắp nơi, thường lấy tên đất, tên chức quan, tên tự của ông tổ, hoặc nghề nghiệp để gọi các chi họ, hình thành nên khái niệm Thị. Như vậy, Tánh là danh xưng chung của toàn thể gia tộc, còn Thị là danh xưng của một chi tộc. Thời Tam Đại (Hạ, Thương, Châu), quy tộc hôn nhân dựa trên tánh Thị: Cùng Tánh, chẳng cần biết là Thị giống nhau hay khác nhau đều chẳng được lấy nhau. Thị giống nhau, nhưng Tánh khác nhau thì có thể lấy nhau. Lại còn quy định nam dùng Thị, nữ dùng Tánh. Về sau, hầu như Thị đóng vai trò chủ yếu để phân định dòng họ và Tánh Thị được gộp chung lại để chỉ dòng họ. Rất nhiều Thị thoạt đầu tuy cùng một tổ tiên, nhưng do quá trình thiên di và sinh hoạt, được coi như là những dòng họ riêng biệt. Một thí dụ nổi tiếng là Chúc Dung Bát Tánh, tức là con cháu của vua Chúc Dung (cháu bốn đời của Viêm Đế, họ Khương) được chia thành tám họ là Kỷ, Đổng, Bành, Vân, Tào, Châm, Thốc, Tân. Trong khi đó, riêng chính họ Khương lại chia thành các họ Lã, Tề, Tạ, Cao, Lư, Thôi v.v… Câu *“Hoàng Đế có hai mươi lăm người con, mười bốn người có tánh thị”* xuất phát từ thiên Ngũ Đế Bản Kỷ trong Sử Ký của Tư Mã Thiên, theo đó, những Thị ban đầu là Cơ, Dậu, Kỳ, Kỷ, Đằng, Châm, Nhậm, Tuân, Hy, Cật, Hoàn, Y v.v… [↑](#footnote-ref-11)
11. [2] Sách Bách Gia Tánh là một cuốn sách ghi các họ phổ biến tại Trung Quốc, không rõ ai là tác giả. Sách được hình thành vào đầu thời Bắc Tống, thoạt đầu chỉ ghi 411 họ, về sau, tăng thêm thành 504 họ. Trong đó, có 444 họ đơn và 60 họ kép (như Tư Mã, Thượng Quan, Âu Dương, Lệnh Hồ, Hoàng Phủ, Tư Đồ, Vũ Văn, Hô Diên, Đoan Mộc, Uất Trì, Hạ Hầu, Hiên Viên, Tư Khấu, Tư Đồ, Công Dã, Thuần Vu, Độc Cô, Nam Cung…). Thứ tự các họ không được ghi theo số lượng người mang họ ấy mà ghi sao đọc lên cho thuận miệng. Họ Triệu được xếp đứng đầu vì là họ của các vua nhà Bắc Tống. Sách ghi theo kiểu bốn chữ một, xin trích đoạn mở đầu như sau: *“Triệu, Tiền, Tôn, Lý. Chu, Ngô, Trịnh, Vương. Phùng, Trần, Chử, Vệ. Tưởng, Trầm, Hàn, Dương. Châu, Tần, Vưu, Hứa. Hà, Lã (Lữ), Thí, Trương. Khổng, Tào, Nghiêm, Hoa. Kim, Ngụy, Đào, Khương…”* [↑](#footnote-ref-12)
12. [3] Ghế Thái Sư (Thái Sư Ỷ) là một loại ghế dựa xuất hiện từ thời Tống. Ghế Thái Sư hiện thời phổ biến nhất theo kiểu đời Thanh, lưng cao, thường chạm rỗng. Ghế làm bằng gỗ quý (như tử đàn, hồng mộc, lê hoa v.v…), lưng ghế thường chạm trổ thành hình hoa lá, có chỗ để dựa tay hai bên. Chỗ dựa tay cũng chạm rỗng thành hình mây cuộn, hoa, lá, hoặc chữ Triện, chữ Thọ, chữ Phước v.v... Thái Sư Ỷ kiểu đời Thanh đòi hỏi lưng dựa và hai chỗ dựa tay phải tạc liền một khối. Ghế thường to và rộng, không lót đệm. Thoạt đầu, loại ghế này chỉ dùng trong cung đình, hoặc nha môn. Về sau, chỉ có những người có địa vị, quan chức trong xã hội mới được dùng. Hiện thời, ghế Thái Sư thường được trưng bầy trong tư gia như một cách khoe giàu sang kín đáo (vì do làm bằng gỗ quý và tốn nhiều công chạm trổ nên khá đắt tiền). Chỉ từ đời Thanh trở đi, mới bắt đầu có khuynh hướng gắn một phiến đá quý (thường là đá Đại Lý chạm trổ thành hình sơn thủy gắn vào giữa lưng ghế), nhưng kiểu ghế Thái Sư có gắn đá vẫn không được ưa chuộng cho lắm. Thậm chí có người chê kiểu ghế Thái Sư có lưng gắn đá là thô tục. [↑](#footnote-ref-13)
13. [4] Đời trước, quốc sư Ngộ Đạt là Viên Áng (200-150 trước Công Nguyên), tự là Ty, là người nước Sở, rất tài giỏi, được người thời ấy xưng tụng là Vô Song Quốc Sĩ. Viên Áng làm quan dưới thời Hán Văn Đế, do can vua quá thẳng thừng, khiến vua nổi giận, đuổi ra làm Thứ Sử Lũng Châu. Sau đó, Viên Áng được phái làm Thừa Tướng cho Ngô Vương (Lưu Tỵ) rất được trọng đãi (thời ấy, tông thất nhà Hán được phong vương, đất phong được gọi là Quốc, nên mới có nước Ngô, nước Sở v.v… và mỗi nước chư hầu ấy cũng có triều đình riêng). Tiều Thố (200-154 trước Công Nguyên) được coi là *“trí nang”* (cái túi khôn) của Hán Văn Đế, quê ở Dĩnh Châu, thoạt đầu giữ chức quan Thái Thường đời Hán Văn Đế. Về sau, lần lượt giữ các chức Thái Tử Xá Nhân, Bác Sĩ, Thái Tử Gia Lệnh (thầy dạy Thái Tử). Thái Tử Lưu Khải (tức Hán Cảnh Đế sau này) hết sức tôn trọng ông, thường dùng mỹ hiệu “trí nang” để gọi ông thay vì gọi thẳng tên. Đầu thời Cảnh Đế, Tiều Thố giữ chức Ngự Sử Đại Phu. Ông từng dâng thư xin vua chú trọng nông nghiệp, tăng cường phòng vệ biên cương, tập trung quyền lực bằng cách tước đoạt binh quyền và đất phong của chư hầu. Thế là vua bảy nước chư hầu gồm Ngô Vương Lưu Tỵ, Sở Vương Lưu Mậu, Giao Tây Vương Lưu Ngang, Giao Đông Vương Lưu Hùng Cừ, Truy Xuyên Vương Lưu Hiền, Tế Nam Vương Lưu Tích Quang và Triệu Vương Lưu Toại phất cờ làm phản, cùng kéo binh về kinh đô, giương chiêu bài *“tru Tiều Thố, thanh quân xí”* (giết Tiều Thố, dọn sạch những kẻ kết bè kéo cánh bên cạnh nhà vua). Do sẵn ganh tỵ và đụng chạm từ trước, Viên Áng lén vào cung khuyên vua giết Tiều Thố để xoa dịu quân phản loạn. Vua nghe lời, sai người lôi Tiều Thố ra chợ chém ngang lưng. Tuy Tiều Thố đã chết, quân phản loạn không rút lui, Ngô Vương tự xưng là Hoàng Đế. Cuối cùng nhờ Thái Úy Châu Á Phu và Đại Tướng Quân Đậu Anh dốc sức mới dẹp tan quân phản loạn. Tuy vậy, do khéo ăn nói và khéo đón gió, Viên Áng rất được vua tin dùng. Về sau, do Viên Áng can ngăn vua đừng lập Lương Vương Lưu Vũ làm Thái Tử, nên kết oán với Lương Vương, bị Lương Vương thuê thích khách giết chết. [↑](#footnote-ref-14)
14. [5] Một cân là mười sáu lạng. Cân tại Hương Cảng, Macao và Đài Loan chừng 605g, cân tại Trung Hoa Đại Lục chỉ có 500g. [↑](#footnote-ref-15)
15. [6] Biến Tướng Đồ (變相圖, hay còn gọi tắt là Biến) là những tranh ảnh hoặc điêu khắc trong Phật giáo nhằm thể hiện những câu chuyện trong kinh. Biến Tướng Đồ phổ biến nhất là các loại miêu tả địa ngục hay Tịnh Độ của chư Phật như Tây Phương Cực Lạc Tịnh Độ hoặc cõi Lưu Ly của Dược Sư Phật. [↑](#footnote-ref-16)
16. [7] Đây là cách đọc theo âm Quan Thoại. Chữ Giải dùng như danh từ sẽ đọc là Jiě, còn dùng như động từ sẽ đọc là Xiè (giống như âm đọc của chữ Tạ trong Quan Thoại). Âm Hán Việt chỉ đọc là Giải (tuy có một số trường hợp, theo cụ Thiều Chửu, phải đọc là Giái (với ý nghĩa giải tù đi, hoặc đỗ đầu khoa thi Hương được gọi là Giái Nguyên), hoặc Giới như con Giới Trãi (解廌) là một loài thú giống như hươu, nhưng chỉ có một sừng; nhưng do thói quen, chẳng ai đọc chữ này là Giái hoặc Giới). [↑](#footnote-ref-17)
17. [8] Tam Tạng Pháp Số, tên gọi đầy đủ là Đại Minh Tam Tạng Pháp Số, là một từ điển về các danh từ thuật ngữ Phật Học do ngài Nhất Như chủ biên vào đời Minh, gồm năm mươi quyển, hoàn thành trong niên hiệu Vĩnh Lạc. Nội dung gồm 1.555 từ ngữ, khởi đầu bằng Nhất Tâm và kết thúc bằng Bát Vạn Tứ Thiên Pháp Môn. Mỗi từ ngữ đều được chú giải tỉ mỉ, ghi rõ những lời trích dẫn phát xuất từ kinh, luận nào. Ngài Nhất Như quê ở Cối Kê, là đệ tử của cao tăng Cụ Am, trụ tại chùa Thiên Trúc. Năm Vĩnh Lạc 17 (1419), Sư vâng chiếu giảo duyệt Đại Tạng Kinh và biên soạn tác phẩm này. [↑](#footnote-ref-18)
18. [9] Pháp Giới Thứ Đệ có tên gọi đầy đủ là Pháp Giới Thứ Đệ Sơ Môn do ngài Trí Khải (Trí Giả đại sư, Thiên Thai đại sư) soạn vào đời Tùy, nương theo thứ tự các nghĩa lý để giải thích các danh từ pháp số thường gặp. [↑](#footnote-ref-19)
19. [10] Nguyên văn là *“tiêu bản”* (標本), hiểu theo nghĩa hẹp là một thứ gì để làm mẫu, làm gốc trong sinh vật học. Chẳng hạn như người ta cắt một lát mô của một con vật ép lên một phiến thủy tinh mỏng để dễ quan sát hoặc dùng trong giảng dạy. Hiểu theo nghĩa rộng, tiêu bản là cái để nêu gương, làm mẫu. [↑](#footnote-ref-20)
20. [1] Theo hành chánh của Đài Loan, khoa trưởng là một viên chức quản trị hành chánh cấp thấp. Nếu dựa theo hệ thống cấp bậc trong chính phủ Trung Hoa Dân Quốc thì cao nhất là Thủ Tướng (Quốc Vụ Viện Tổng Lý), Khoa Trưởng được xếp vào cấp thứ chín đếm từ trên xuống, tương ứng với Nha Trưởng trong một cơ cấu chánh phủ. Chúng tôi đoán Khoa Trưởng được dùng ở đây có lẽ là người đứng đầu tiểu ban tôn giáo của chính phủ. [↑](#footnote-ref-21)
21. [2] Tứ Giáo Nghi Tập Chú do ngài Mông Nhuận soạn vào đời Nguyên. Sách này căn cứ theo giáo nghĩa của phái Sơn Gia trong tông Thiên Thai để chú giải bộ Tứ Giáo Nghi của Thiên Thai đại sư. Tác phẩm này tinh xác, rất thuận tiện cho kẻ sơ học, nên lại được ngài Tánh Quán đời Thanh chú sớ thêm, tạo thành bộ Tứ Giáo Nghi Chú Vựng Bổ Phụ Hoằng Ký. [↑](#footnote-ref-22)
22. [3] Trong các chú giải kinh Pháp Hoa, kể cả bộ Pháp Hoa Luân Quán của tổ Ngẫu Ích đều giảng rõ người Tây Trúc gọi ngựa là *“bạch ngưu”*. Ở đây, chúng tôi vẫn dùng ba chữ “dê, nai, ngựa” theo cách dịch phổ biến của người Việt khi dịch đoạn kinh văn này. [↑](#footnote-ref-23)
23. [4] Tích Sa Tạng là Đại Tạng Kinh được khắc vào thời Nam Tống; do nơi khắc kinh là Diên Thánh Viện tại Tích Sa Châu thuộc phủ Bình Giang (nay là Ngô Huyện, tỉnh Giang Tô), nên gọi là Tích Sa Tạng. Không rõ bản này được khắc bắt đầu từ khi nào. Do chùa bị cháy giữa chừng nên việc khắc ván bị gián đoạn, mãi cho đến năm 1322 mới khắc xong. Năm 1929, ông Châu Tử Kiều phát hiện các mộc bản gần hoàn chỉnh của tạng này tại chùa Ngọa Long và chùa Khai Nguyên, bèn đem về Thượng Hải, hợp lực cùng các ông Đinh Phước Bảo, Tưởng Duy Kiều, Lý Kinh Vĩ để hiệu chỉnh và ấn hành. Với sự giúp sức của tỳ-kheo Phạm Thành, họ tìm được phần thất lạc tại chùa Quảng Thắng ở huyện Triệu Thành. Bản in Đại Tạng Kinh này được Âu Dương Cánh Vô viết lời tựa giới thiệu duyên khởi. [↑](#footnote-ref-24)
24. [5] Cao Ly Tạng, gọi đầy đủ là Bát Vạn Cao Ly Đại Tạng Kinh (Palman Goryo Daejanggyeong) được khắc in vào thế kỷ 13, hiện thời mộc bản còn được tàng trữ tại chùa Hải Ấn (Haeinsa) thuộc tỉnh Quảng Thượng Nam Đạo (Gyeongsangnam-do), Hàn quốc. Tạng này được khắc dựa theo Đại Tạng Kinh đời Tống, khởi sự khắc vào năm 1087, nhưng bị thiêu hủy khi quân Mông Cổ tấn công Cao Ly. Vua Cao Tông (Gojong) của vương triều Cao Ly đã cho giảo chánh và khắc lại lần nữa vào năm 1235, và phải mất 16 năm mới hoàn thành. Mộc bản của Cao Ly Đại Tạng Kinh được coi là quốc bảo của Đại Hàn. Do tính chân xác của Đại Tạng Kinh này, các bản in hiện thời của Đài Loan và Hoa Lục phần lớn dựa theo bản này. [↑](#footnote-ref-25)
25. [6] *“Hôi”* (灰) có nghĩa là tro. Do hỏa táng chỉ còn lại tro, nên gọi là *“hôi diệt”* hoặc *“hôi thân”.* Hiểu theo nghĩa rộng là thân chẳng trụ trong thế gian, tâm trí nguội lạnh, đắm chìm trong niềm vui tịch diệt nơi Thiên Chân Niết Bàn nên gọi là *“hôi thân diệt trí”.*  [↑](#footnote-ref-26)
26. [7] Ở đây, hòa thượng có lẽ nói nhầm chữ Tùy thành Đường, vì tổ Trí Khải sanh năm 538 (tức năm Đại Đồng thứ tư đời Lương Vũ Đế), tịch năm 597. Năm 597 là năm thứ 17 trong niên hiệu Khai Hoàng của Tùy Văn Đế. Ngài sống qua các triều đại Lương, Trần và Tùy, nhưng viên tịch trước khi nhà Đường thành lập vào năm 618 (khi Lý Uyên xưng đế). [↑](#footnote-ref-27)